



ĐẶC SAN CHU VĂN AN

2004

Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California.

MỤC LỤC

Lá thư Ban Chấp Hành	Ban Chấp Hành	5
Chân dung Thầy CVA	Hoàng Cơ Định	6
Nhà thơ Chu Văn An	Hoàng Hà Thanh	12
Một thời chinh chiến	Đình Nhật Thịnh	14
Từ ngoại lai	Đặng Lương Mô	22
Tiền đồn (thơ)	Cung Trầm Tường	40
Cơn uất Hạ Lào	Bùi Đức Lạc	41
Vịnh Chu Văn An (thơ)	Đỗ Bưởi	67
Kỷ niệm xa xưa	Trương Đăng Đệ	68
Dạ âm (thơ)	Phạm Hữu Thuật	76
Tưởng niệm Đặng Chí Hiếu	Vũ Đức Nghiêm	77
Giới trẻ dần thân	Nguyễn Xuân Vinh	81
Gặp nhau chiến trận (thơ)	Phạm Quân Khanh	87
Người em gái miền Nam	Đặng Tường Ngữ	88
Tình yêu như lửa ấm (thơ)	Minh Viên	93
Đại bàng gãy cánh	Kim Vũ	94
Sống với cười	Đình Bá Hoàn	99
Thử tìm hiểu về tâm thức	Trần Ngọc	100
Độc tài	Mạc Trần	110
Ông bình vôi	Vị Chung	125
Bạn cũ (thơ)	Phan Chùng Thanh	130

Một đám cưới ngày ấy	Trần Trị Chi	131
Thêm lần nữa yêu em (thơ)	Trần Anh Linh	153
Chùm hoa Cosmos	Vũ Ngọc Ruăn	154
Quy Nhơn, một kỷ niệm	Phạm Văn Huệ	156
Thói quen	Nguyễn Thạch Lục	173
Bên đời hiu quạnh	Nguyễn Gia Bình	177
Về những đổi thay	Đặng Gia Thoại	184
Sau cuộc chiến (thơ)	Cao My Nhân	193
Đòi quân ngũ	Phạm Nguyên Khôi	194
Những bức hình cũ	Nguyễn Đức Nguyên	206
Nỗi buồn chiến tranh	Nguyễn Thượng Dục	216
Đêm Xuân nhớ mẹ (thơ)	Nguyễn Văn Tài	220
Nhân một chuyến đi	Nguyễn Thọ Chân	221
Bạn có biết?	Ý Nhi	234
Tiệc thay mùa hè (thơ)	Trần Khánh Hồng	238
Điểm sách “Dầu Hỏa...”	Lê Văn Ninh	239
Đường trường xa	Đoàn Văn Khanh	242
Ray rút	Nguyễn Đình Phương	250
Những ngày tháng ghi vội	Phan Phi Liêu	256
Bài thơ không tên (thơ)	Đàm Trung Phán	264
Chuột và người	Lê Hoàng Giang	265
Kỷ vật (thơ)	Chuẩn Nghị	274
Dịch thơ bài “Kỷ Vật”	Vũ Mạnh Phát	275
Giới thiệu sách “Việt Nam, ..”	Đoàn Phan Trí	276
Tâm sự một thằng hèn	Châu Giang	279
Đi thăm GS Kham	Nguyễn Như Hùng	284
Ký sự đồng bằng Cửu Long	Đặng Khắc Khánh	292
Mùa Xuân không về... (thơ)	Việt Bằng	298
Sex và cao huyết áp	Nguyễn Thanh Giản	299
Giận hờn	Lưu An	307
Lá thư Paris	Trương Bách	329
Canh Dưỡng Sinh	Phạm Nguyên Khôi	336
Dịch Cân Kinh	Huỳnh Bửu Khương	340
Tường trình Họp Mặt Tân Niên	Phạm Nguyên Khôi	346
Tường trình Picnic Liên Trường	Đ. P. Trí – P.N. Khôi	349
Tương phản (nhạc)	Lê Q. Tấn phổ nhạc	352
Người cha Việt (nhạc)	thơ Đào Tiến Luyện	354

Hình CVA 1956, lớp 1B2		356
Trong sương sớm (nhạc)	Nguyễn Đức Chung	358
Hình CVA 1970, lớp 2B3		359
Địa chỉ liên lạc	Ban Biên Tập	360
Danh sách Ban Chấp Hành	Ban Biên Tập	362

Lá thư Ban Chấp Hành

Ban Chấp Hành Hội Ai Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California nhiệm kỳ 2002-2004 xin kính chào toàn thể quý vị Giáo Sư và quý Đồng Môn.

Chúng tôi đón nhận tất cả mọi ý kiến xây dựng của quý vị và chúng tôi hoan nghênh mọi sự giúp đỡ của quý vị trong công việc điều hành Hội Chu Văn An Bắc California. Nếu có những lầm lỗi, ước mong sẽ nhận được sự chỉ giáo của quý vị.

Chủ đề của Đặc San 2004 là “Một thời chinh chiến”. Chúng tôi xin cảm ơn quý Đồng môn đã hưởng ứng viết bài.

Để biết tin tức của hội và các bạn Đồng Môn, chúng tôi kính mời quý vị ghi danh vào diễn đàn Tin Thư Chu Văn An (tceva@yahoogroups.com)

Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn quý vị Giáo Sư, quý Đồng môn và thân hữu đã ủng hộ tài chính và đã giúp đỡ chúng tôi trong việc điều hành hội Ai Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California.

Ban Chấp Hành Hội Ai Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California.

Chân Dung Thầy Chu Văn An

CVA Hoàng Cơ Định

Vào đầu tháng 10 năm 2001, tình cờ đọc trong tờ Tuần Báo AsianWeek, nơi mục quảng cáo của Phân Khoa Sư Phạm, Đại Học CalTech, tôi thấy hình của Thầy Chu Văn An bên cạnh một số nhà giáo dục nổi tiếng trên thế giới.

Là một cựu học sinh Chu Văn An, tôi không khỏi cảm thấy vinh dự và sung sướng. Nhưng sau vài giây phút hạnh phúc, tôi bỗng cảm thấy thất vọng vì tướng mạo vị Thầy của mình trong hình vẽ trông không được sắc sảo bề thế như tôi mong đợi. Dường như đó là hình chụp từ một bức tượng khắc trên gỗ, có tô màu, đường nét thô sơ. Trước đây, tôi đã được thấy hình này trên bìa của một cuốn đặc san

cựu học sinh CVA, hồi đó cứ tưởng là tác phẩm của một "tài tử" nào đó, vẫn còn giữ được nét vẽ của ... tuổi học trò.

Hai tuần sau, trong một dịp tình cờ, tôi được gặp Mai Lâm, một họa sĩ và điêu khắc gia nổi tiếng năm nay đã gần 80. Lúc chia tay Mai Lâm tâm sự với tôi:

Anh sắp trả xong một món nợ (?) với cụ Nguyễn Du ...

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Cứ nghĩ tới hai câu này mà anh phải cố vẽ cho xong 240 tấm tranh minh họa Truyện Kiều!

Biết Mai Lâm là một họa sĩ có tài, ông đã vẽ những nhân vật của Nguyễn Du qua những đặc tính mô tả trong cốt truyện, tôi hỏi đùa họa sĩ:

Anh có thể giúp em vẽ tấm tranh thứ 241 được không? Em muốn có hình một ông Thầy để thờ, nhưng sinh thời cụ không có tấm hình chụp nào...

Thì mình cứ căn cứ vào tính khí và đức độ của cụ mà vẽ ra thôi, anh có thể giúp được chú việc đó. Nhưng độ này anh bận lắm, hứa đấy nhưng không thể làm ngay được đâu.

Thế thì em sẽ nhờ anh vẽ giùm chân dung Thầy Chu Văn An!

Tôi đã chia tay với họa sĩ với lời ước hẹn đó và tự nhủ sẽ cố tìm một số tư liệu về Chu tiên sinh để trao lại cho Mai Lâm.

Ngày 22/10/2001, tôi gửi một Email cho danh sách cựu HS-CVA Bắc California để hỏi xem anh em có ai có tài liệu, hình ảnh, bài viết gì liên hệ tới Thầy Chu Văn An thì vui lòng cho xin.

Chỉ 40 phút sau, tôi nhận được hồi âm từ anh Dương Đình Tuấn (từ Miền Đông Hoa Kỳ thì phải), anh Tuấn đã cho tôi tài liệu từ "Trang Nhà" của anh Nguyễn Duy Chính. Bài viết của anh Chính là một tổng hợp từ nhiều tài liệu, có cả hình của Thầy lẫn hình chụp đền thờ Thầy tại làng Thanh Liệt. Tiếp theo hồi âm từ anh Tuấn tôi cũng nhận được tài liệu từ anh Nguyễn Như Hùng và ảnh chụp hình của Thầy tại Văn Miếu Hà Nội do anh Lê Thái gửi tặng. Anh Thái cho biết tấm hình rất cổ, có thể được vẽ lúc Thầy còn sống. Tôi có viết thư hỏi anh về chi tiết đó có căn cứ trên một sự kiện cụ thể nào không, không thấy anh trả lời, nên tôi nghĩ chắc anh cũng chỉ ... đoán vậy mà thôi.

Anh Lê Duy San cũng có liên lạc và hứa giúp, nhưng cuốn báo của anh, ngoài bìa có hình Thầy lại lỡ cho bạn mượn ... đòi chưa được. (Anh vốn là người có tâm tốt, nhưng cũng có khi ... lực bất tòng tâm).

Tôi cũng nhận được từ Mai Lâm tài liệu về Chu Văn An do Vũ Tuấn Sán biên soạn. Như vậy là trước khi giúp cho việc minh họa chân dung của Thầy, ông cũng đã bỏ công tìm kiếm tài liệu về Thầy, thật là tận tình và đáng quý.

Căn cứ trên các tài liệu tôi nhận được, về phương diện hình ảnh, Thầy Chu Văn An hiện có hai bức hình, tạm gọi là hình vẽ và tượng gỗ. Trong hình vẽ treo tại Văn Miếu, Thầy cầm bút ngòi xếp bằng trước án thư. Về bức tượng gỗ tại Đền Chu Văn An, Thầy có dáng ngồi bệ vệ trên ghế. Hai bức hình mới trông thấy khác biệt nhưng nhìn kỹ thì có một số điểm tương đồng về khuôn mặt, cách để râu và hình vẽ trên áo.

Như vậy là có hai giả thuyết:

Giả thuyết thứ nhất: Đây là hai sáng tác độc lập, cả hai đã được thực hiện khi Thầy còn sống và đường nét (dầu là tôi thấy không được mắt) có phảng phất giống Thầy.

Giả thuyết thứ hai: Hai tác phẩm đã không được thực hiện cùng thời và tác giả thứ hai đã phỏng theo đường nét trong tác phẩm của tác giả thứ nhất. Như vậy thì chưa chắc các tác phẩm đã được thực hiện vào sinh thời của Thầy. Cũng cần ghi nhớ là Thầy sống cách đây 7 thế kỷ và ngay cả một số sáng tác của Thầy cũng đã bị giặc Minh cướp mang về Tàu vào đầu Thế kỷ 15.

Ngày nay, bức hình Chu Văn An mà tôi được hân hạnh trình bày cùng quý bạn trong số đặc san này là bức Chân Dung thứ ba của Thầy, thực hiện vào đầu Thế kỷ 21 do Mai Lân minh họa, với sự hưởng ứng của các môn sinh: Dương Đình Tuấn, Hoàng Cơ Định, Lê Duy San, Lê Thái, Nguyễn Duy Chính và Nguyễn Như Hùng.

Ngoài ra, với các tài liệu nhận được về Thầy Chu Văn An, tôi cũng mong muốn viết được một bài về thân thế và công đức của Thầy, nhưng vì chủ ý muốn giới thiệu cùng quý bạn xa gần về bức Chân Dung mới của Thầy, tôi xin để dành bài viết về Thầy cho một dịp khác.

Chỉ xin được chép lại vài dòng của sử gia Ngô Thì Sĩ viết về Thầy cách đây 500 năm*:

"Chu Văn Trinh đạo học thuần túy, khí tiết cao thượng, ngay thẳng không nghĩ đến thân, lòng trung không quên vua, thông dong nơi triều hội, coi thường tước lộc, khi đi khi tới, khi tiến khi lui, từ hay nhận, lấy hay cho, rất chính đáng.

Nước Việt, người được tôn là bậc tống Nho, từ xưa đến nay mới chỉ có một. Tuy không được đem hết tài năng để giúp khi thời thế gian nan mà thông dong nơi đồng ruộng, khi làm khi nghỉ tự do, nhưng vua thì kính tin, quan thì tôn trọng. Bọn quyền gian dù giận cũng nín thở chẳng dám làm gì ..."

Mong rằng quý bạn sẽ tìm thấy hình ảnh của con người chính trực và uy dũng này qua bức chân dung của Thầy Chu Văn An do Mai Lân minh họa.

CVA Hoàng Cơ Định

* * * *

Nhà Thơ CHU VĂN AN

CVA Hoàng Hà Thanh

CHU VĂN AN là một người thầy mẫu mực, một nhà Nho liêm khiết, một nhà Đông Y uyên bác và tất nhiên là một nhà sự phạm lỗi lạc ở cuối đời nhà Trần. Theo thần tích làng Văn Thôn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội), nơi thờ Ông làm thần thành hoàng. Ông sinh năm 1292 (Nhâm Thìn) và mất năm 1370 (Canh Tuất), năm Thiệu Khánh thứ nhất đời vua Trần Nghệ Tông. Vua làm lễ tế và đặt tên thụy là Văn Trinh.

Trong văn học cổ Việt Nam, Ông để lại nhiều tác phẩm : *Thất Trảm Sớ* (thất lạc), *Tiểu An Thi Tập*, *Tiểu An Quốc Ngữ Thi Tập*, *Tứ Thư Thuyết Ước*. Nhưng chỉ còn sưu tra được 12 bài thơ của Ông, đăng trong Toàn Việt Thi Lục. Ngoài những tác phẩm văn học, Ông còn soạn bộ sách về Đông Y, *Y*

Học Yếu Giải Táp Chu Di Biên (hình như bộ y tế hay Viện Hán Nôm ở Hà Nội có nguyên bản, nhưng chưa được dịch ra chữ Nôm).

Trong số những học trò thành đạt ra làm quan có Phạm Sư Mạnh và Lê Quát. Hai ông Mạnh và Quát là 2 người bạn chí thân. Mặc dù 2 ông đã giữ những chức vụ cao trong triều đình, nhưng vẫn thường xuyên tới thăm Thầy cũ, Thầy Chu Văn An. Tuy công danh đã thành đạt, nhưng vẫn bị Thầy Chu Văn An quở mắng nếu sai phạm. Khi tới thăm Thầy, vẫn quì dưới chân giường. Có khi Thầy cấm không cho gặp mặt. Hai ông Mạnh và Quát là cái gương sáng của triết lý “Tôn Sư Trọng Đạo” trong xã hội Việt Nam. Chúng tôi xin trích đăng vài bài thơ của Thầy Chu Văn An:

Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kính

Hoàn hoàn bộ tùng đề

Cô thôn đạm ái mê

Triều hồi, gianh địch huýnh

Thiên khoát, thụ vân đề

Túc điều phiên thanh lộ

Hàn ngư được bích Khê

Xuy sinh hà xứ khứ

Tịch mịch số sơn tê (tây)

Có nghĩa là:

Đùng đỉnh đạo bờ thông

Làng quê bát ngát trông

Nước lui còi bên thoáng

Trời lộng khói cây lông

Chim đậu tan sương lạnh

Cá bơi vẫy nước trong

Tiếng sênh đâu vắng tá

Hiu quạnh một non không.

(bản dịch Hoàng Việt Thi Văn Tuyển)

* * *

MỘT THỜI CHINH CHIẾN

CVA NHẬT THỊNH

Hai mươi tám năm đất nước ngập chìm trong bi thảm, giờ đây nghĩ trở lui dĩ vãng tôi không khỏi thấy đầy động nơi tâm hồn nhiều hình ảnh hãi hùng của chiến tranh, máu xương chất ngát, không gia đình nào không tránh khỏi những đau thương, đổ vỡ. Nhiều bạn tôi ngày nào còn ngồi bên nhau dưới mái trường có lá me bay, có những cánh phượng rụng đỏ sân trường báo hiệu hè sang, những chiều thứ bảy sánh vai nhau bên bóng hồng nơi hè phố, cỏ cây dát nắng vàng, đời sống thiên đường, vậy mà bỗng dung một sáng nào đã nhận được lệnh xếp bút nghiên để lên đường theo sự vẫy gọi của non sông, làm trọn trách nhiệm của người thanh niên thời chiến, giã từ người mẹ hiền, người tình không tuổi, và khi mãn khóa ra trường đã cùng nhiều đồng ngũ khác xuôi ngược khắp bốn vùng chiến thuật, xông pha nơi trận tuyến để ngăn giữ bước chân địch.

Những tháng năm khói lửa đặt bước chân qua nhiều chiến dịch, nhiều trận đánh đẫm máu Đòng Xoài, U Minh, Bời Lời, Đầm Dơi, Bến Cát, Đức Cơ, Pleimé, Bình Định, Bồng Sơn – Tam Quan, Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế, Phù Lưu, Quảng Trị...ngoài những chiến tích lẫy lừng gặt hái được, tôi đã không khỏi đau buồn thấy trong số họ đã có những người bạn của tôi ngày nào còn ngồi

bên nhau nay đã ngã xuống nơi đây. Thời chinh chiến tạo dựng nhiều ấn tượng chia ly, thương đau, chết chóc, hình ảnh này đã một thời tôi thấy quanh quất đâu đây, mỗi khi nghe giọng hát truyền cảm, âm lượng vang vọng của Thái Thanh cất cao trong ca khúc “Kỷ vật cho em” thơ của Linh Phương, nhạc của Phạm Duy, tiết tấu âm giai mạnh mẽ khơi gợi nhiều hình ảnh kinh hoàng, đi thẳng vào xúc cảm tâm hồn, nên tại miền Nam khi đó có người cho rằng nó đượm màu sắc phản chiến, nhưng xưa kia hiện trạng đó không phải hiếm có:

“Em hỏi anh, em hỏi anh, bao giờ trở lại? – Xin trả lời, xin trả lời, mai một anh về – Anh trở lại, có thể bằng chiến thắng Pleimé – Hay Đức Cơ, Đồng Xoài, Bình Giả – Anh trở về, anh trở về, hàng cây nghiêng ngả – Anh trở về có khi là hòm gỗ cài hoa – Anh trở về trên chiếc băng ca – Trên trục thẳng sơn màu tang trắng – Anh trở về, chiều hoang trốn nắng – Poncho buồn liệm kín hồn anh”

Không phải bây giờ mà ngay từ những thời điểm chớm nở cuộc kháng chiến chống Pháp mùa Thu năm nào, trong khoảng khắc lịch sử đồng loạt tiếng kèn xung trận, hàng hàng lớp lớp thanh niên xông pha khói lửa, thôi thúc trai tráng cả nước cất bước lên đường trong bản “Xuất quân”, Phạm Duy đã nhìn thấy trước những xót đau không thể tránh khỏi của cuộc hành trình đi vào oan khuất, chia ly và tàn phá, phơi trải cốt khô nơi nhạc phẩm “Chiến sĩ vô danh”, hồn oan về hú với gió gào ngàn: “Gươm anh linh đã bao lần vấy máu – Còn xác xây thành, thời gian luống vô tình – Rừng tràm phai sắc – Trống điểm tàn canh – Hỡi người chiến sĩ vô danh.”

Một thời chinh chiến nhìn trở lui tôi không thể xua đuổi nhiều ấn tượng chôn chặt trong tâm hồn, bởi những bạn tôi và ngay bản thân tôi đã hơn một lần giã từ trường lớp, giã từ công việc theo đuôi để dân thân, nhập cuộc. Thành thử những trận chiến đi vào sử sách đã khó phai nhòa nơi tôi, nhưng nhiều khi nghĩ lại tôi thấy đau sót nhiều, bởi một số người tự coi mình như những chứng nhân của thời đại, làm công việc ghi chép những biến cố lịch sử đã bởi thành kiến, tư duy lệch lạc, lập trường một chiều, phản chiến, khuynh hướng thiên cộng sản, đem bóp méo sự kiện, để thiệt hại nhiều cho lớp người sau, khiến họ lâm vào thế mê hồn trận, bị rối mù trong đồng sử sách, lặn ngoi tìm lối thoát, kiếm tìm lối ra.

Trận chiến lớn nhỏ tràn ngập những thương đau, nỗi kinh hoàng ấy cho tới giờ đây không một ai có thể lãng quên, tôi nghĩ đó là trận chiến Tết Mậu Thân. Tất nhiên, trong chiến tranh những cảnh chết chóc không thể không xảy ra, thêm những cảnh tàn phá tan hoang. Tuy nhiên trong trận chiến này không nhắc lại những sự kiện thâm trầm, như hình ảnh tại Phú Cam, cộng quân Bắc Việt khi tiến vào xóm làng bằng lực lượng biển người, đã xông vào nhà thờ bắt 300 đàn ông, thanh niên đem đi, trong số đó có những người từ Nam Giao chạy về đây, hy vọng trốn trong nhà thờ để tránh bom đạn, và khỏi bị đem giết tập thể tại khe Đá Mài thuộc vùng núi Đỉnh Môn, Kim Ngọc, quận Nam Hòa, Thừa Thiên, tôi thấy một sự kiện diễn ra, vượt ngoài sức tưởng của con người về sự tàn bạo dã man.

Đó là vợ chồng Thạc sĩ Y khoa Đại học Greifswald và Freiburg, Horst Gunther Krainick, giáo sư Raymund Discher, bác sĩ Alterkoster, chấp nhận xa rời tất cả đến tận một xứ sở xa xôi, chiến tranh, truyền đạt kiến thức của họ cho lớp người địa phương, đã phải trả một giá quá đắt bằng chính bản thân mình, chỉ bởi tận tụy phục vụ cho khoa học và nhân loại. Họ bị cộng quân bắt trói thúc kè bằng dây điện thoại truyền tin, người nọ đánh người kia, ở tư thế quỳ thẳng đứng, bắn từ thái dương trái sang phải và vùi nông tại chùa Tường Vân nằm về hướng tây nam núi Ngự Bình.

Một chuyện vô cùng cảm động khó thể ai ngờ tới đã diễn ra ngay tại Tòa Viện Trường Huế, mà tôi được nghe kể lại là khi Đức Tổng Giám Mục Huế Nguyễn Kim Điền chủ tế, những chiếc quan tài của họ được quàng tại đây làm lễ, trước khi di chuyển máy bay vào Sài Gòn để đưa về quê hương Tây Đức. Trong sự tĩnh lặng trang nghiêm của buổi lễ bỗng vang lên từ cửa tiếng thỏn thức, mọi người vội quay trở lại nhìn theo phía ống kính của máy quay phim, chậm chậm thu từng thước hình sử

liệu, bỗng thấy xuất hiện một thiếu nữ thùy mị, đoan trang trong y phục dài đen, ngang đầu quấn vành tang trắng, nức nở tiến vào, tay ôm một vòng hoa, trên dải băng tím hiện lên hàng chữ trắng: “To you with all my sacred and humble love...” thật kín đáo và đầy nghĩa tình. Thiếu nữ nọ nhẹ đặt vòng hoa trước linh cữu của bác sĩ Altekoster, khóc sụt sùi trước quan tài. Những người biết chuyện cho hay cô phụ trách Thư viện Y khoa Huế đã thầm yêu người thầy thuốc nọ, bỏ quê hương ngàn đời yêu dấu của mình đặt chân tới xứ sở chiến tranh này, ôm ấp lý tưởng đào tạo một thế hệ trẻ dần thân phục vụ cho nhân sinh, không ngờ đã trả đền nợ máu. Họ yêu nhau kín đáo, thầm lặng dường tựa vẻ u tịch của những lăng tẩm uy nghi đất thần kinh, không mấy ai hay biết.

Lý tưởng cao cả xưa nay vẫn là những lý tưởng đốn đau, tương tự bác sĩ Carlo Urbani gốc người Ý đã sớm nhận ra chứng bệnh hô hấp cấp tính SARS tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội, phát sinh từ thứ vi khuẩn mới trong loài “coronavirus” bắt nguồn từ miền Nam Trung quốc. Ba năm qua bác sỹ Udali sống với vợ và ba con nhỏ tại Hà Nội, thực hiện chương trình nghiên cứu phương pháp điều trị các căn bệnh truyền nhiễm của Á Châu. Ngày 11.3.2003 bác sỹ Udali qua Bangkok chủ tọa một cuộc họp, bất thần bị sốt cao, đưa vào phòng cách ly và mất ngày 29.3.2003, hưởng dương 47 tuổi. Người ta nghi ngờ bác sỹ Udali đã chết bởi nhiễm căn bệnh bí mật do chính mình phát hiện, hy sinh thân mình để cứu chữa.

Một thời chinh chiến, quê hương luôn luôn u ám một màn tang đen, buồn ảm đạm. Bao nhiêu trận chiến đẫm máu tiếp diễn đêm ngày, thậm chí cộng quân Bắc Việt đã xông vào tận trường học bắt đi những thiếu niên tuổi đời chưa chớm nở gửi đi chiến trường miền Nam, tiêm thuốc kích thích trước khi cho xung trận, đẩy chiến tranh sang một giai đoạn mới, dùng chiến thuật biến người để càn quét theo kiểu Trung cộng áp dụng tại chiến trường Triều Tiên những năm 1951. Trận Đồng Xoài thuộc quận Đôn Luân tỉnh Phước Long, khởi đầu lúc 11 giờ 30 đêm ngày 9.6.1965, trong “Portrait of ennemy” D. Chanoff và T.V. Doan kể chuyện một cán bộ cộng sản phụ trách về Hoa vận, nghĩa là lo đi tuyên mộ các người gốc Hoa đưa vào bộ đội đi tham chiến cho cộng quân Bắc Việt, phác giác khi tới rừng tỉnh Tây Ninh, cộng quân được huấn luyện về quân sự và chính trị trong khoảng ba tháng trước khi gửi ra chiến trường, thành thử tuổi thọ của chúng rất phù du ngắn ngủi.

Chúng bị đánh đỏi xương máu một cách “phí phạm” trong thứ chiến thuật biến người. Nga đã thử nghiệm vào chiến tranh vệ quốc năm 1941, bị tổn thất nặng nề nhân mạng, khiến Thống chế G. Zhukov phải hủy bỏ sau đó. L. McAuley trong “The battle of coral” tiết lộ một binh sỹ Úc tham chiến tại đây đã tỏ ra đau sót khi thấy cộng quân bị lợi dụng làm vật “tế thần”, sự tổn thất nhân lực trẻ trung như thế thật ác độc, chứng tỏ tập đoàn lãnh đạo có nhiều khả năng mê hoặc họ.

Điều này người ta thấy sáng tỏ nhiều trong trận đánh Pleime diễn tiến ngày 19.10.1965, Việt cộng sau trận chiến đã tử thương 726 cán binh, không kể số bị thương trong khi quân đội miền Nam chỉ tổn thất 30 người và Hoa Kỳ 3 người. C.A. Beckwith và D. Knox trong “Delta Force” cho biết một sỹ quan Mỹ đã thấy hai xác địch quân bị xích vào khẩu súng đại liên, ý chừng sợ họ kinh hoàng bỏ chạy, buộc họ phải sống chết với trận địa, và đây chỉ là điển hình của nhiều vụ khác vậy.

Từ những trận chiến này Việt cộng đã thể hiện nhiều chứng tích tàn ác, thất thoát nhiều nhân mạng, phá hoại tài sản dân chúng. Trận Khe Sanh, không người dân miền Nam nào trước năm 1975 không nghe nhắc tới, chia trận chiến thành từng giai đoạn, hai bên tranh giành các ngọn đồi 881, 861, 558, 881, 950, 471, trải dài từ ngày 24.4.1967 đến ngày 12.4.1968, nhằm mục đích khám phá các hoạt động của Việt cộng trong vùng. Chiến trận này người Mỹ tử thương khá nặng nề, có tới 13 phi công, tổng cộng lên tới 205 người chết, 816 bị thương nặng phải di tản và 852 bị thương nhẹ, và lần đầu tiên Việt cộng dùng chiến xa trợ chiến. Việt cộng tử trận 2000 người và bỏ lại chiến trường sau khi rút quân 182 hỏa tiễn, đạn súng cối, 260.000 đạn các loại, 13.000 đạn súng cộng đồng, 8700 mìn bẫy, lựu đạn và hàng trăm khẩu AK 47.

Thoạt đầu vị trí này chỉ là một làng nhỏ được các nhà trồng tía người Pháp khai khẩn đồn điền cà phê, nằm ở phía đông bắc tỉnh Quảng Bình. Ông Eugène Poilane sinh năm 1888 tại Saint Sauveur de Landemont, trong một gia đình nông dân, đặt chân tới Khe Sanh năm 1918. Ngoài công việc khai khẩn đồn điền ông còn nghiên cứu các loài thảo mộc và tính đến năm 1947 ông đã gửi về viện bách thảo Sài Gòn được khoảng 5000 mẫu thực vật. Bà Bordeauducq sau khi ly dị ông Poilane đã xây dựng một đồn điền cà phê, kể từ đó nhiều người Pháp khác đã lần lượt lui tới đây. Năm 1954 đồn Pháp tại Khe Sanh bị Việt cộng tấn công, ông Poilane bị thương. Năm 1962 hai vợ chồng ông John và Carolyn Miller thuộc tổ chức Wycliffe Bible Translator tới đây nghiên cứu ngôn ngữ các sắc dân thiểu số Bru thuộc chủng tộc Mon Khmer có khoảng 50.000 người và dịch kinh thánh.

Tháng 3.1964 linh mục Poncet dòng “Father of Foreign Mission” từ Paris tới phụ trách giảng đạo cho giáo dân đã cùng bà Madelaine Poilane tức con dâu ông Poilane và các binh lính thuộc Lực lượng Đặc biệt Mỹ đảm nhiệm công tác dân sự vụ. Ngày 13.2.1968 linh mục Poicet bị Việt cộng thảm sát trong biến cố Tết Mậu Thân tại Huế. Ngày 30.4.1964 trong khi di chuyển lọt vào ổ phục kích của Việt cộng, ông Linarès thoát nạn, nhưng ông Poilane bị tử thương. Năm 1967 sau khi giải tỏa căn cứ Khe Sanh, Felix con của ông Poilane trở lại thăm đồn điền đã bị tử nạn, máy bay C.130 đáp lố phi đạo.

Nghĩ tới chiến tranh, mừng tưởng những tang thương đổ nát một thời chinh chiến, tôi không thể không quên những hậu quả di lụy của nó. Nhiều vành khăn tang trắng trùm vội lên đầu những thiếu phụ bên bầy con thơ dại núp bên mẹ khe khẽ hỏi: “Ba đi đâu chưa về hở mẹ”. Tôi không nhớ rõ tôi đã chứng kiến tới lần thứ mấy những hình tượng này trong thời gian động viên trong quân ngũ. Những lễ phủ cờ trang nghiêm và trầm buồn mỗi khi có những tử sĩ được phi cơ trực thăng đưa về từ chiến trường xa, những góa phụ tay run run đón nhận những lá cờ gấp chéo trao tay trước khi quan tài được hạ huyệt, những bông hoa, những vốc đất vội vàng ném theo xuống huyệt. Tôi đã chứng kiến cảnh tượng họ ngồi dài trên ghế chờ thành lập hồ sơ mười hai tháng tử tuất, tiền cấp dưỡng quả phụ, cô nhi, đón đầu nghĩ tới chồng mình gục ngã ngoài chiến trường, không kể những bà vợ mà chồng được báo cáo mất tích hay bị kẻ thù giam cầm, đây đọa.

Đã có những người vợ trẻ, nhìn vành khăn sô trắng toát họ chít vội lên đầu, không ai tránh khỏi ứa lệ, khi biết họ mới mất chồng không bao lâu sau ngày hợp hôn, lạc lõng trước Bộ Cựu Chiến Binh, chờ đợi làm thủ tục trợ cấp. Và không ai không khỏi trầm ngâm mỗi lần nhìn thấy trên quốc lộ một chiếc xe Lambretta ba bánh chở một quan tài phủ lá quốc kỳ, queo vào con đường thôn lồi lõm ổ gà, kể bên một phụ nữ tay ôm đứa trẻ dại, đi nhận xác chồng về. Mí mắt đỏ hoe đã khô cạn dòng lệ, sung húp đón đau. Tôi bỗng dưng nhớ tới một một mục nhỏ kiểu tâm tình độc giả do ký giả Abigail Van Buren phụ trách trên tờ nhật báo “San Francisco Chronicle” số phát hành ngày 29.5.2000, kể chuyện một phụ nữ Mỹ có chồng là một quân nhân Thủy quân Lục chiến đi dạo khu thương xá. Nhiều người nhìn chồng bà trong bộ quân phục. Một thiếu phụ bỗng tiến tới gần ngỏ lời cảm ơn chồng bà về những gì đã cống hiến cho xứ sở. Thiếu phụ cho biết trước đây chồng bà cũng phục vụ binh chủng này trong nhiều năm, nay đã yên nghỉ tại nghĩa trang Arlington.

Nghĩ tới những bà vợ chiến sĩ, ai đã trải qua đời quân ngũ mà không nghĩ tới những mất mát hy sinh của họ. Họ chung thủy chờ đợi ngày về của chồng mình trải qua những lần từ biệt đầy nước mắt mỗi khi hết phép 24 giờ, hay ngủ trên những chiếc giường trống trải, an ủi đàn con thơ dại và mỗi khi có việc đi đâu, không dám nán lại lâu, bởi chỉ lo những tiếng reo điện thoại từ xa vọng về. Người vợ chiến sĩ sau ngày lịch sử sang trang năm 1975 đã chịu nhiều nỗi cơ cực, mỗi mòn chờ chồng đi tù gọi là cải tạo trở về. Họ gặp nhiều nỗi khó khăn mỗi khi đi thăm nuôi, tiếp tế thuốc men cho chồng, lặn lội trên tuyến đường Nam Bắc vượt hàng ngàn cây số để nhìn thấy mặt chồng trong thoáng chốc, gày còm bởi nghịch cảnh kỳ thị lý lịch và trả thù, đây ải cho chết. Tôi chưa chứng kiến tận mắt nhưng đọc báo có thấy đề cập tới một số bà vợ trên đường vào Thanh Phong thăm chồng đã bị giết chết, có

người bị cưỡng hiếp và đâm chết bằng lưỡi lê ở nhà tiếp tân trại Phước Long. Còn việc cướp giạt là chuyện đời thường ở huyện.

Không kể một thiểu số đã không chịu đựng nổi những đắng cay của đời sống, tự vượt qua nổi, trong một xã hội ngập ngụa những hành động dã man của kẻ thù, lầm lỡ, hay bị cám dỗ đã nhắm mắt đưa chân kết hôn với các cán bộ cộng sản. Hoặc một số những bà vợ nào khác vội phụ bạc chồng bởi bản chất xấu, ôm cầm thuyền khác khi chồng còn mắc vòng lao lý. Nói lên sự kiện đờn đau này tôi không có ý phê bình một ai mà chỉ muốn dành cho những bà vợ thủy chung, giữ trọn bản sắc cao đẹp của người Đông phương, còn thắm đượm nền Nho học xưa cũ, những bông hồng thắm tươi. Những gia đình binh sĩ không bị tù cải tạo, thì bị phân biệt đối xử, đuổi đi vùng kinh tế mới nơi đồng không mông quạnh, lam sơn chướng khí, con cái không có trường học, bị bắt đi thanh niên xung phong tải đạn, hay ép buộc đi nghĩa vụ bỏ thân bên Kampuchia.

Chiến tranh triền miên trải từ thời Bắc thuộc, Pháp thuộc, Nhật “xâm chiếm” đất nước, cộng sản áp đặt, bao nhiêu chuyện thương tâm diễn biến theo khía cạnh này khía cạnh khác, không mấy ai thoát khỏi nạn nhân của thời cuộc. Thanh niên Mỹ đã bỏ quê hương sang tham chiến tại miền Nam, nhiều người bỏ mình nơi đây mà tới nay, sau hai mươi tám năm, tiếng súng đã lịm tắt, thân xác họ vẫn chưa tìm thấy, nhưng tên tuổi họ được ghi khắc chói lọi trên các tượng đài kỷ niệm. Người Việt tự do tự nạn cộng sản không chỉ tri ân họ trong tâm tưởng, tri ân đất nước của Nữ thần Tự Do đã phù trợ họ, và nay họ đã đáp đền xứng đáng. Con em họ đã đem chất xám tiếp nhận được nơi trường lớp, dựng tô xứ sở của ân nhân mình ngày nào về mọi lãnh vực, đóng góp tiền bạc thuế khóa cho quốc gia họ thêm giàu mạnh, giữ vững được thế đứng hàng đầu trên thế giới, và hơn thế nữa trong những trận chiến xảy ra mới đây như Chiến tranh vùng Vịnh, chiến tranh Afghanistan và tới nay tại Iraq máu xương của con em họ cũng đã đổ xuống. Họ không bởi giàu sang danh vọng, tự đắc với cấp bằng nọ kia, đề quên đi nhiệm vụ đền ơn trả nghĩa, sống trọn vẹn với niềm sắt son nhân bản.

Thủ phủ của California ngày 31.7.2003.

CVA ĐÌNH NHẬT THỊNH.

* *

Từ ngoại lai

CVA Đặng Lương Mô

Lời Toà Soạn:

Bài này đã được Giáo Sư Tiến Sĩ Đặng Lương Mô thuyết trình trước cuộc Hội Thảo Công nghệ Thông tin - Điện tử - Viễn thông (ICT) 2003, ngày 28-29 tháng 8 năm 2003 tại Trung tâm Triển lãm Quốc tế (International Exhibition and Convention Center HIECC), quận Tân bình, Thành phố Sài Gòn. Trước một cử tọa gồm những cột trụ khoa học và doanh nghiệp, các giáo sư đại học, các giám đốc xí nghiệp, các kỹ sư chuyên môn, bài trình bày đã được sự tán thưởng và tán đồng nhiệt liệt. Chủ tịch Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam, Giáo sư Tiến sĩ Phan Anh, trong lời tổng kết cuộc Hội thảo đã hứa phổ biến rộng rãi ý kiến của giáo sư Đặng Lương Mô và sẽ nỗ lực chuyển đạt nội dung của bài viết tới những hội đoàn khác.

Tóm lược:

Bài này mạn đàm về từ ngoại lai, chủ yếu là những từ mới du nhập vào tiếng Việt gần đây, nhất là những từ gốc Hoa ngữ. Từ ngoại lai gốc Hoa ngữ gần đây có xu hướng được du nhập một cách tùy tiện, thiếu một qui củ nhất định, khiến gây ra một số bất cập. Sau khi phân tích những bất cập hiện nay, bài viết đề nghị một phương pháp dịch nghĩa và dịch âm thống nhất cho từ ngoại lai: Khi dịch nghĩa thì dịch đúng ngữ nguyên, khi dịch âm thì đọc âm tiếng Việt theo cách viết bằng mẫu tự La-tinh của ngôn ngữ gốc. Bài viết cũng kiến nghị sự giảng dạy chữ nho trong chương trình học phổ thông để khôi phục khả năng tạo ngữ của tiếng Việt.

I. Từ ngoại lai và nguồn gốc

Từ ngoại lai là từ vụng từ bên ngoài du nhập vào tiếng Việt. Tiếng Việt vốn không có những từ đó, nhưng trong quá trình giao tiếp với người nước ngoài, hoặc tiếp thu những tri thức mới của Tây Âu, tiếng Việt đã mượn của tiếng ngoại quốc. Từ ngoại lai có thể phân biệt thành hai loại khác nhau, tạm gọi là từ ngoại lai Âu-Hán và từ ngoại lai Âu ngữ. Từ ngoại lai Âu-Hán là từ Âu ngữ dịch nghĩa ra chữ Hán rồi đọc theo âm Việt.

Từ ngoại lai Âu ngữ là phiên âm của từ Âu ngữ, trước kia phần lớn là tiếng Pháp, nhưng gần đây phần lớn là tiếng Anh-Mỹ. Trong bối cảnh xã hội tin học ngày nay, nhất là trước thềm hội nhập, từ ngoại lai đã, nói theo nghĩa đen, "xâm nhập" một cách tràn lan, bừa bãi, đáng ái ngại.

Từ ngoại lai Âu ngữ dịch âm, lại còn có thể phân chia thành hai loại. Loại thứ nhất là dịch theo âm vận tiếng Việt. Loại thứ hai là mượn từ dịch âm sẵn có của tiếng Hoa, rồi đọc theo âm Việt của chữ nho. Ở đây, để tiện việc, loại thứ nhất sẽ được gọi là từ ngoại lai Âu-Việt và loại thứ hai là từ ngoại lai Âu-Hán-Việt.

Từ ngoại lai Âu-Việt được phiên âm hoặc theo cách đọc của mẫu tự tiếng Việt, hoặc theo âm cảm lúc nghe từ gốc. Vài ví dụ cho loại thứ nhất là từ laser, dịch âm là laze (đọc là la-de), transistor dịch là tranzito^[1] (đọc tơ-răng-di-to). Ví dụ của loại thứ hai là champagne, dịch là săm-banh hay săm-pan hay săm-pa-nhơ^[2], savon, dịch là xà-phòng hay xà-bông^[3].

Từ ngoại lai dịch âm Âu-Hán-Việt sẽ được khảo sát kỹ càng ở một tiết riêng dưới đây.

Từ ngoại lai dịch nghĩa qua chữ Hán rồi đọc âm chữ nho của tiếng Việt, có hai nguồn gốc: tiếng Hoa và tiếng Nhật. Những từ này hoặc do người Hoa, hoặc do người Nhật, dịch một từ Tây Âu, rồi tiếng Việt mượn dùng. Để dễ phân biệt và tránh trùng hợp với từ Hán-Việt cổ truyền, ta hãy tạm gọi những từ này là từ Âu-Hán, dù cho chúng có gốc là Hoa ngữ hay Nhật ngữ. Những từ Âu-Hán mới này một phần khá lớn là do người Nhật dịch ra chữ Hán trước, nhất là những từ liên quan tới khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ và khoa học xã hội nhân văn. Người Hoa đồng thời cũng làm công tác dịch thuật như vậy. Trong quá trình dịch thuật đó, cả người Nhật lẫn người Hoa, đều đã học hỏi lẫn nhau. Cho nên ngay trong những từ như vậy của tiếng Hoa, có một phần đáng kể là những từ do người Nhật dịch sẵn, rồi người Hoa mượn dùng. Người Việt ta đã mượn lại, chủ yếu từ Hoa ngữ, để dùng. Rất nhiều từ như vậy, ngày nay chúng ta sử dụng thoải mái hàng ngày, mà không hề biết rằng đó vốn là Nhật ngữ, thậm chí còn cho là Hoa ngữ nữa, như trường hợp, thủ tục, dẫn độ, kinh tế^[4], vân vân. Từ ngoại lai Âu-Hán đã và hiện còn đang du nhập vào tiếng Việt rất nhiều.

Dưới đây, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu về cả hai loại từ ngoại lai: từ ngoại lai dịch nghĩa Âu-Hán, tức là từ có gốc là Âu ngữ dịch ra chữ Hán-Việt, và từ ngoại lai dịch âm, tức là từ ngoại lai Âu-Việt và nhất là từ ngoại lai Âu-Hán-Việt.

Đến đây, để định ý, chúng ta hãy tóm tắt cách phân loại trên thành bảng dưới đây.

Bảng phân loại Từ ngoại lai:

1. Từ dịch âm từ Âu ngữ:

1.1 Từ Âu-Việt:

1.1.1 Dịch theo âm vận tiếng Việt. Ví dụ: laze, tranzi(s)to.

1.1.2 Dịch theo âm cảm lúc nghe. Ví dụ: sãm-banh, sãm-pan, sãm-pa-nhơ.

1.2 Âu-Hán-Việt. Ví dụ: Nga, Pháp,...

2. Từ dịch nghĩa từ Âu ngữ

2.1 Từ Âu-Hán gốc Nhật. Ví dụ: trường hợp, thủ tục,...

2.2 Từ Âu-Hán gốc Hoa. Ví dụ: xuất khẩu, nhập khẩu,...

Dưới đây, chúng ta sẽ chỉ lưu ý tới những từ ngoại lai dịch âm Âu-Hán-Việt và những từ dịch nghĩa Âu-Hán. Chúng ta sẽ phân tích những bất cập của phương pháp dịch âm Âu-Hán-Việt đối với những danh từ riêng. Từ đó, chúng ta đề nghị một phương pháp dịch âm thống nhất: Dịch âm trên cơ sở cách viết ra mẫu tự La-tinh của ngôn ngữ gốc.

Về sự dịch nghĩa của những từ Âu-Hán, ta sẽ phân tích những sai sót của những từ gốc Hoa ngữ, kể cả những từ không nhất thiết có gốc Hoa ngữ, nhưng có thể coi như bị ảnh hưởng của ngữ pháp tiếng Hoa. Ta cũng sẽ bàn đến bất cập của phương pháp dịch thoát, để cuối cùng đề nghị áp dụng triệt để sự dịch nghĩa căn cứ vào ngữ nguyên.

II. Từ ngoại lai gốc Hoa ngữ trong Việt ngữ

Từ ngoại lai gốc Hoa ngữ, vốn sẵn viết bằng chữ Hán và được đọc ra âm Hán của tiếng Việt một cách dễ dàng, cho nên nhiều khi người dùng tưởng là tiếng Việt. Từ ngoại lai gốc Hoa ngữ du nhập liên tục vào tiếng Việt, từ đã lâu cho tới ngày nay, nhiều khi một cách bừa bãi, không những làm hại tới ngữ pháp tiếng Việt, mà đôi khi còn tỏ ra ngô nghê nữa.

Một thí dụ cho sự ngô nghê, sự phi Việt ngữ của danh từ riêng ngoại lai dịch âm kiểu Âu-Hoa-Việt là từ "(nước) Nga."

Thật ra "Nga" này là tên rút ngắn của ba chữ "Nga La Tư," cụm từ chữ Hán do người Hoa phiên âm từ Rossia, tức là РОССИЯ. Thật ra hầu hết tất cả những tên nước, như Pháp, Anh, Mỹ,...đều thuộc phạm trù này, nghĩa là đều là những từ do người Hoa dịch âm ra chữ Hán, rồi được đọc theo âm Việt. Ở đây chỉ lấy ví dụ từ "Nga" thôi vì từ này cho thấy rõ một đặc điểm phát âm của tiếng Hoa khác hẳn với tiếng Việt.

Nhiều người có lẽ thắc mắc: tại sao РОССИЯ lại có thể thành ra "Nga La Tư" được?

Vâng, đây là vì chữ R của người Rossia (Nga) được phát âm với đầu lưỡi uốn cong lên cho rung đập vào khẩu cái, và như vậy từ РОССИЯ người Rossia (Nga) sẽ đọc giống như "rrros-xi-ia" hay có thể na ná là "rrras-xi-a," bởi vì chữ "o" trong âm tiết đầu của một từ Rossia (Nga) thường phát âm thành chữ "a"^[5]. Khi người Hoa phiên âm ra thì nó trở thành "éluôsi = 俄羅斯." Người Hoa vì không

có âm R cổ họng nên đã phải dùng hai chữ Hán "é-luô" để phiên âm một âm tiết PO (ơ, ra) của tiếng Rossia (Nga). Sang tiếng Việt, thì như đã nói ở trên, người ta đã làm biếng, không phiên âm thẳng từ РОССИЯ hay Rossia ra, mà lại chỉ đọc âm Việt Nam của ba chữ Hán "俄羅斯" thành "Nga La Tu." Thế rồi, vì ba chữ vừa dài, vừa nghe "ngang tai," nên người ta đã chỉ giữ lại một chữ "Nga" mà thôi.

Ở chỗ này, chúng ta thấy người Nhật làm việc nghiêm túc hơn nhiều. Cũng là một dân tộc dùng chữ Hán để dịch âm những danh từ riêng ngoại lai Âu-Mỹ, nhưng họ đã dịch theo lối phát âm của họ, chứ không dễ dàng chấp nhận lối phiên âm của người Hoa. Chẳng hạn, từ РОССИЯ ở trên, người Nhật đã dùng chữ Hán phiên âm thành "露?西." Nếu đọc ba chữ Hán này theo âm Nhật, thì đó là "Rô-si-a," y hệt từ gốc РОССИЯ vậy. Nếu đọc ba chữ Hán của người Nhật theo âm tiếng Việt, ta sẽ được "Lộ Tây Á," nghe còn giống tên gốc hơn "Nga La Tu" nhiều. Thế nhưng, người Việt đã bằng lòng không thắc mắc gì cả với cái tên "Nga La Tu" do người Hoa dịch, không giống gì tên gốc РОССИЯ một chút nào cả

Còn nhiều, nhiều vô kể, những danh từ riêng ngoại lai Âu-Hán-Việt "hai tầng" như trên, nghĩa là những "từ Âu ngữ dịch âm qua Hoa ngữ rồi đọc chữ Hán theo âm Việt Nam." Nào Montesquieu (nhà văn người Pháp) đã trở thành Mạnh Độc Tư Cru, La Fontaine (nhà thơ ngụ ngôn người Pháp) đã thành Lã Phụng Tiên, vân vân. Cũng may hay ngao ngán thay, gần đây, người ta đã du nhập nguyên xi những tên riêng viết theo tiếng Anh-Mỹ, nên tình trạng tên ngoại quốc nghe ngô nghê vì đọc qua chữ Hán do người Hoa dịch âm đã bớt đi, song ngược lại, những từ Anh-Mỹ-hóa đã tràn lan trong tiếng Việt. Chúng ta may mắn không còn phải đọc những nhân danh kỳ khôi như "tổng thống Mỹ Bô Thập (Bush)," "tổng thống Nga Phô Kinh (Putin)," vân vân và vân vân nữa. Song ngược lại, những người không có một số vốn tiếng Anh-Mỹ kha khá thì sẽ không biết phải phát âm tên mấy vị tổng thống đọc như thế nào. Putin thì còn tương đối dễ phát âm bằng cách cứ đọc theo tiếng Việt, Pu-tin, chứ Bush thì khá khó đọc. Hãy nghe các phát thanh viên của các đài truyền hình, người ta sẽ thấy "Bút" có, "Bút-su" có, thậm chí "Bú-su" cũng có.

Ảnh hưởng của Hoa ngữ trong tiếng Việt, không chỉ dừng lại ở những từ Âu-Hán-Việt ngô nghê như trên, mà cò khi còn làm đảo lộn cả ngữ pháp của tiếng Việt.

Một thí dụ điển hình, là từ "vật lý trị liệu" mà chúng ta thấy nhan nhản trên báo chí. Thoạt mới đọc từ "vật lý trị liệu" này, người ta tưởng đây là một môn "vật lý," cũng như "vật lý hạt nhân (nuclear physics)" hay "vật lý lưỡng tử (quantum physics)." Thế nhưng thực ra đây chỉ là một phương pháp chữa trị trong y học, bởi ta sẽ chỉ thấy nó ở trong các bệnh viện đa khoa, chứ tuyệt nhiên không thấy nó ở trong các trường đời học khoa học tự nhiên. Từ "vật lý trị liệu" là dịch nghĩa tiếng Anh-Mỹ "physical therapy" hoặc "physiotherapy." Đó là sự chữa trị bằng những phương pháp vật lý, như bấm bóp, nhiệt, điện, vận động, đối lại với sự trị liệu bằng phương pháp hóa học, tức là chữa trị bằng thuốc. Ở đây, "therapy (phép chữa trị, liệu pháp)" là danh từ, còn "vật lý (physical)" chỉ là tính từ. Người Hoa có thể dịch thành "vật lý đích trị liệu pháp" hay "vật lý liệu pháp" hay "lý liệu" thì được. Song, tiếng Việt phải nói là "phép chữa vật lý," hoặc "liệu pháp vật lý" mới đúng ngữ pháp. Tiếng Việt nói "trời xanh," "mây trắng" chứ không nói "xanh trời" với nghĩa tiếng Anh-Mỹ là "blue sky," hay "trắng mây" với nghĩa tiếng Anh-Mỹ là "white cloud."

Ngay trong ngành giáo dục, tức là nơi đáng lẽ phải làm gương mẫu cho việc sử dụng tiếng Việt, người ta cũng thấy ảnh hưởng tai hại của ngữ pháp Hoa ngữ như chỉ trích ở trên, khiến đã có những từ lai căng tương tự, như "trường phổ thông trung học." Rõ ràng đây không phải là tiếng Việt, mà là tiếng lai căng Hoa ngữ. Bởi vì tiếng Việt phải nói "trường trung học phổ thông" mới đúng ngữ pháp. Rất may là gần đây, đi dọc đường Thành phố Hồ Chí Minh, người ta thấy có nhiều trường đã xóa bảng chữ "trường phổ thông trung học" đi và viết lại đề lên trên thành "trường trung học phổ thông." Tuy

nhiên vẫn còn có trường vẫn giữ nguyên bảng chữ "trường phổ thông trung học," đồng thời báo chí, đi truyền hình vẫn còn quen bút quen miệng viết hoặc đọc "trường phổ thông trung học" khá nhiều.

III. Sự dịch sai của từ ngoại lai gốc Hoa ngữ

Như trên đã nói, từ ngoại lai gốc Hoa ngữ viết bằng chữ Hán, nên tất cả đều có thể đọc thành tiếng Việt một cách dễ dàng. Sự việc này, một mặt, làm cho nhiều người lầm tưởng rằng chúng đã phát sinh ra ở Việt Nam và tiếp tục dùng một cách không suy nghĩ nữa, mặt khác, nó đã tạo ra tình trạng ngang trái của những từ vựng ngô nghê, không đúng ngữ pháp tiếng Việt, như đã nêu ra ở trên. Hơn nữa, chính vì sự dễ dãi của việc vay mượn Hoa ngữ như vậy mà chúng ta càng thấy cần phải dè dặt, cần phải thận trọng, cần phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi vay mượn, trước nhất để tránh những trường hợp bất cập như "Nga," như "vật lý trị liệu," như "phổ thông trung học" đã nêu ra ở trên, sau nữa để tránh những sai lầm mà người Hoa đã mắc phải trong khi phiên dịch những từ Âu Mỹ

Chúng tôi xin đơn cử dưới đây một vài trường hợp dịch sai của tiếng Hoa, để chứng tỏ chúng ta nên thận trọng trong khi du nhập nguyên xi từ Hoa ngữ

Người Hoa dịch từ Anh-ngữ IMPORT là "Nhập khẩu"^[6] và EXPORT là "Xuất khẩu"^[7]. Tiếng Việt vài chục năm gần đây cũng dùng hai chữ "nhập khẩu" và "xuất khẩu," mặc dù trước kia tiếng Việt đã quen dùng "nhập cảng"^[8] và "xuất cảng"^[9].

Trước hết, chúng ta cần tìm hiểu xem IMPORT và EXPORT nghĩa là gì?

Lời giải thích của Từ điển American Heritage Dictionary (AHD)^[10] có thể rút gọn như sau.

IMPORT: v.tr. 1. To bring or carry in from an outside source, especially to bring in (goods or materials) from a foreign country for trade or sale (Mang từ một nguồn bên ngoài vào, nhất là mang (phẩm vật hay vật liệu) từ một nước ngoài vào để mậu dịch hay bán).

2. To carry or hold the meaning of; signify (Có nghĩa là; hàm ý).

v.intr. To be significant (là đáng kể).

n. 1. Something imported (Vật được mang vào). 2. The act or occupation of importing goods or materials (Việc hoặc nghề mang phẩm vật hay vật liệu vào).

EXPORT: v.tr. 1. To send or transport (a commodity, for example) abroad, especially for trade or sale Gửi hay chuyên chở (một đồ vật, chẳng hạn) ra ngoài nước, nhất là để mậu dịch hay bán). 2. To cause the spread of (an idea, for example) in another part of the world; transmit (Truyền bá (một ý tưởng, chẳng hạn) ra một nơi khác trên thế giới).

v.intr. 1. To send or transport abroad merchandise, especially for sale or trade (Gửi hoặc chuyên chở ra ngoài nước hàng hóa nhất là để mậu dịch hay bán).

n. Exportation (Sự chuyên chở ra ngoài nước).

Xem như trên, ta thấy: Tiếp đầu ngữ IM dịch là "nhập," EX là "xuất" thì được. Nhưng PORT mà dịch là "khẩu" thì sai. PORT đây không phải là "cửa," không phải là "khẩu," không phải là "cảng." PORT được giải thích trong từ điển AHD kể trên, hoặc bất cứ một cuốn từ điển tiếng Anh-Mỹ có kích cỡ nào, như Concise Oxford Dictionary, Webster, v.v., là dịch âm của từ PORTERA của tiếng La-tinh, nghĩa là "khuân vác," là "chuyên chở."

Vậy, đây có hai lỗi lầm trong sự phiên dịch từ IMPORT, EXPORT của tiếng Anh-Mỹ ra thành "nhập khẩu," "xuất khẩu". Thứ nhất, chữ PORT ở đây vốn là Động từ, chứ không phải là Danh từ. Vậy dùng từ "khẩu" để dịch PORT là sai. Thứ hai, hai tiếp đầu ngữ IM và EX tuy có nghĩa là "vào (nhập)" và "ra (xuất)" thật, nhưng chúng không phải là Động từ, nên không thể dịch thành động từ "mang vào (nhập)" và "mang ra (xuất)" được, mà phải dịch thành "trạng từ, phó từ" tức là "vào, trong, (in=nhập)" và "ra, ngoài (out=xuất)."

Phân tích như trên, ta thấy phải dịch như sau mới đúng.

IMPORT: Tải nhập, vận nhập, mang vào, chở vào, v.v.

EXPORT: Tải xuất, vận xuất, mang ra, chở ra, v.v.

Xem như trên, tiếng Việt dịch IMPORT là "nhập cảng" và EXPORT là "xuất cảng" cũng không đúng ngữ nguyên.

Cũng là một dân tộc dùng chữ Hán như người Hoa và người Việt, nhưng người Nhật đã dịch đúng ngữ nguyên như đã phân tích ở trên. Họ dịch IMPORT là "Du nhập," và EXPORT là "Du xuất." Chữ Du 輸 nghĩa là khuân vác đi chỗ khác, tức là đồng nghĩa với chữ Vận 運, chữ Tải 載. Tiếng Việt cũng đã du nhập từ "du nhập" này từ lâu rồi.

Một trường hợp khác tuy không phải là dịch sai, nhưng với thời gian, nó có thể trở thành dịch sai, hay ít nhất cũng trở thành ngô ngữ: Đó là sự dịch thoát.

Một từ khoa học mà người Hoa dịch thoát nghe ngô ngữ là từ "tinh thể quản" ^[11] dùng để dịch từ transistor của tiếng Anh-Mỹ. TRANSISTOR, đã có nhắc đến ở trên, là từ mới xuất hiện khoảng nửa thế kỷ nay, do bộ ba phát minh ra TRANSISTOR, tức là Shockley, Bardeen và Brattain, bịa ra bằng cách ghép hai từ "TRANSfer" "resISTOR" thành một từ. Transfer nghĩa là "chuyển đổi," là "hoán chuyển," và resistor là "điện trở." Vậy nếu cố tình dịch nghĩa, ta có thể dịch TRANSISTOR thành "hoán trở" một cách hoàn toàn chính xác. Thế nhưng, thói quen trên thế giới là dùng ngay từ gốc, hoặc viết y nguyên như vậy, như tiếng Pháp, hoặc phiên âm như tiếng Nhật (tôranjisurta), tiếng Việt (tranzisto). Người Hoa dịch thành "tinh thể quản" là dịch thoát, là giải nghĩa. "Tinh thể" là bởi vì transistor được chế ra từ một tinh thể bán dẫn, và "quản" là tàn tích của từ "điện tử quản" dịch từ "electron tube" hoặc "electronic tube" của tiếng Anh-Mỹ. Nói cách khác, xưa những linh kiện điện tử có công dụng tương tự như transistor là "electron tube," làm bằng một "ống" thủy tinh rút chân không trong đó có đặt những điện cực cần thiết. Loại linh kiện điện tử này tiếng Việt gọi là "đèn điện tử." Vì vậy, người Hoa đã dùng chữ "quản (ống=tube)" cho cả trường hợp transistor. Tuy nhiên, trong suốt hơn nửa thế kỷ của lịch sử transistor, cũng như từ nay về sau, người ta có thể khẳng định là đã và sẽ không bao giờ có một transistor nào có hình ống ở trạng thái hoàn thành cả. Xưa, có một nhà khoa học người Pháp đề xướng ra một loại transistor đặt tên là TECNETRON ^[12], nhái theo hình thù của loại transistor UNIPOLAR của Shockley, quả thật có hình ống vi ti chìm trong một tinh thể, song không trở thành hình ống như "đèn điện tử" ở trạng thái hoàn thành.

Ở đây, chúng tôi đơn cử trường hợp từ "tinh thể quản" mà người Hoa dùng để dịch từ TRANSISTOR, trước nhất để cho thấy sự phiến phiến, sự ngô ngữ của phép dịch thoát, sau nữa muốn lôi cuốn sự chú ý của các nhà khoa học Việt Nam trong trường hợp dịch một từ khoa học từ tiếng nước ngoài, nhất là cần phải thận trọng trong sự vay mượn từ Hoa ngữ

Chúng tôi xin đan cử thêm một ví dụ cho thấy cái rắc rối, cái bất cập của sự dịch thoát. Đó là trường hợp từ "xe hơi" dùng để dịch từ "automobile." Từ "xe hơi" thật ra là từ dịch lại từ "khí xa 汽?"

車" của Hoa ngữ. Đây cũng là dịch thoát chứ không phải dịch thẳng.

Khi automobile mới ra đời khoảng một thế kỷ trước đây, thì nguồn động lực là máy hơi nước, về sau và hiện nay chủ yếu là máy nổ (máy đốt trong) dùng hơi xăng, cho nên gọi là "xe hơi" cũng được đi. Nhưng ngày nay, người ta đã thấy xuất hiện nhiều automobile chạy bằng điện, hoặc nửa điện nửa hơi xăng đốt, gọi là hybrid car, ta mới thấy kẹt. Chẳng lẽ gọi là "xe hơi nửa hơi nửa điện?"

Cũng may là sự bất cập vừa nói, đã được nhận thức, nên trong luật giao thông cũng như trong nhiều sách báo, từ "xe hơi" đã được lần lần thay thế bằng "xe ô-tô" hoặc "ô-tô."

Ở đây, ta cũng thấy người Nhật làm việc nghiêm túc hơn. Họ đã dịch đúng ngữ nguyên từ automobile, nghĩa là auto=tự, mobile=động, thành "tự động xa," tức là "xe tự động."

Tóm lại, khi dịch nghĩa một từ ngoại quốc, không nên dịch thoát, mà chỉ nên dịch đúng ngữ nguyên (hoặc từ nguyên=etymology).

IV. Quy luật dịch âm từ ngoại lai khoa học

Chúng ta hãy trở lại với từ la-de kể trên. Từ này vốn là dịch âm từ LASER, một từ chuyên ngành điện tử mới được bịa ra khoảng vài chục năm nay, bằng cách ghép những chữ đ?u của cụm từ Light Amplification by Stimulated Emission of Radiation, dịch từng chữ là sự "Khuếch đại Ánh sáng bởi sự Phát xạ Kích thích của Bức xạ," hay có thể rút ngắn đi một chút thành sự "Khuếch đại Ánh sáng bởi Bức xạ Kích thích." Đây là một hiện tượng tương tự với một hiện tượng khác cùng một nguyên lý được phát hiện trước, nhưng ở tần số thấp hơn tần số ánh sáng. Đó là hiện tượng gọi là MASER (Microwave Amplification by Stimulated Emission of Radiation, nghĩa là sự "Khuếch đại Vi ba bởi Bức xạ Kích thích"). Hai cụm từ gốc tiếng Anh-Mỹ này đều có tính cách giải thích một hiện tượng vật lý điện tử, và như vậy không tiện dùng làm thuật ngữ. Do đó, người Mỹ đã chỉ lấy những mẫu tự đầu

của mỗi từ ghép lại thành những từ mới^[13] là LASER và MASER. Nếu bắt chước tiếng Anh-Mỹ, ta có thể bịa ra từ KABUK để thay cho cụm từ "Khuếch đại Ánh sáng bởi Bức xạ Kích thích," tức là LASER và VIBUK cho "Khuếch đại VI ba bởi Bức xạ Kích thích," tức là MASER. Song tiếc rằng hình như chưa có ai nghĩ ra làm như vậy, mà chỉ đơn thuần tiếp nhận từ tiếng Anh-Mỹ LASER và MASER rồi đọc nó theo tiếng Việt. Theo phép phát âm của tiếng Mỹ, hai từ này đáng lẽ phải đọc là "lê-dor" và "mê-dơ-r," nhưng người ta đã quen chỉ đọc thành "la-de," và "ma-de" có lẽ là bắt chước lối phát âm sai của tiếng Pháp (?) và nay đã trở thành quen miệng mất rồi.

Từ ví dụ điển hình trên, cũng như từ thí dụ tranzito đã nêu trên, ta thấy phương pháp phiên âm danh từ Hóa học của Hoàng Xuân Hãn^[14] đã được áp dụng rộng rãi để dịch âm danh từ khoa học. Phương pháp này có thể tóm tắt như sau.

"Một từ khoa học ngoại lai Âu ngữ được dịch âm bằng cách đọc từ gốc theo âm vận của tiếng Việt."

Trong từ LASER kể trên thì âm A và âm E đã được đọc theo âm tiếng Việt. Chữ L của tiếng Anh-Mỹ cũng đọc tương tự như chữ L tiếng Việt nên không có vấn đề gì cả. Nhưng chữ S thì đọc theo quy luật tiếng Anh-Mỹ thành chữ Z (chữ D tiếng Việt) khi nó được kèm hai bên bởi hai mẫu âm. Còn chữ R cuối cùng thì bỏ luôn. Có thể kết luận tương tự với từ MASER.

V. Đề nghị một phương pháp dịch âm từ ngoại lai

Nếu áp dụng phương pháp dịch âm như trên cho các từ thường thức (không phải là từ khoa học), thì chúng ta sẽ dễ dàng dịch âm được tất cả những từ ngoại lai, dù cho là chúng từ nước nào tới đi chăng nữa. Chúng ta sẽ áp dụng phương pháp sau đây.

Những ngôn ngữ nào đã sẵn viết được ra mẫu tự La-tinh rồi thì ta cứ việc phiên âm theo cách đọc mẫu tự của tiếng Việt. Đây là trường hợp tiếng Anh-Mỹ, tiếng Pháp, tiếng Indônêsi-a, tiếng Italia, vãn vãn. Những ngôn ngữ nào viết bằng những mẫu tự khác, như chữ Hoa, chữ Nhật, chữ Ả Rập, chữ Hindi (Ấn Độ), chữ Thái, chữ Campuchia, chữ Rossia (Nga), vãn vãn, thì chúng ta áp dụng thể thức sau.

(1) Nếu ngôn ngữ gốc có cách viết ra mẫu tự La-tinh riêng của ngôn ngữ ấy, thì chúng ta lấy ngay cách viết để làm cơ sở để dịch âm. Thí dụ:

- a. (tiếng Nhật) bonsai, judo, karate, kimono, ninja, samurai, wasabi, thì ta cứ để y nguyên như vậy, rồi đọc theo âm tiếng Việt thành ra bon-xai, giu-đ, ka-ra-tê, ki-mô-nô, nin-gia, xa-mu-rai, oa-xa-bi.
- b. (tiếng Thái) Chulalongkorn, Chiangmai, Bangkok thì ta cũng cứ để y nguyên như vậy và đọc thành chu-la-lông-coọc, chiêng-mai, băng-cốc.
- c. (tiếng Hoa) Tiếng Hoa là trường hợp ngoại lệ, bởi vì tất cả các từ Hoa ngữ đều có thể đọc theo âm Việt ngữ cả. Tuy nhiên, ta vẫn có thể áp dụng quy luật trên, vì như vậy sẽ gần với âm gốc hơn. Nghĩa là chúng ta chấp nhận cả cách viết Mao Trạch Đông lẫn cách viết Mao Ze Dong (Mao Tse Tung). Cách viết Mao Trạch Đông là cách viết chữ Hán theo âm tiếng Việt, còn cách viết Mao Ze Dong (Mao Tse Tung) là cách phiên âm của chính người Hoa ra mẫu tự La-tinh.

(2) Trường hợp ngôn ngữ viết bằng mẫu tự Kyrillos ^[15], tức là tiếng Rossia (Nga), tiếng Bulgaria, thì chúng ta có thể lập ra một bảng đối chiếu giữa mẫu tự Kyrillos này với mẫu tự La-tinh, chẳng hạn: A→A, Б→B, В→V, Г→G, Д→D, vãn vãn. Bảng đối chiếu mẫu tự này sẽ được dùng để viết tất cả những từ Rossia (Nga) viết bằng mẫu tự Kyrillos ra mẫu tự La-tinh. Sau đó, từ Rossia (Nga) để viết ra mẫu tự La-tinh như vậy, sẽ được đọc theo âm của mẫu tự Việt ngữ

Như vậy, РОССИЯ sẽ trở thành Rossiya (hoặc Rossia), МОСКВА sẽ thành Moskva, và ta sẽ đọc là Rô-xi-a hoặc Rô-si-ia, Mô-scu-va hoặc Mô-scu-va.

VI. Thay lời kết

Tóm lại, khi dịch nghĩa, dịch đúng ngữ nguyên, chứ không nên dịch thoát. Khi dịch âm, căn cứ trên lối viết bằng mẫu tự La-tinh của ngôn ngữ gốc rồi đọc theo cách phát âm của Việt ngữ

Trên đây chỉ là một đề nghị, một góp ý làm cơ sở thảo luận. Một vấn đề ngôn ngữ trọng đại như vấn đề từ ngoại lai này, không thể có kết luận hấp tấp có tính cách làm cho xong chuyện được. Nhất là, trong khung cảnh cơ chế thị trường trước ngưỡng cửa hội nhập, trước sự tràn ngập của tiếng ngoại quốc, của thông tin ngoại quốc, của công nghệ ngoại quốc, của kỹ thuật ngoại quốc, tất cả đều phải phiên dịch ra tiếng Việt để phục vụ người Việt một cách đúng đắn, một cách chính xác, chúng ta không nên làm ngơ, để mặc cho mạnh ai nấy làm, gập đầu làm đầy như hiện nay được. Nên có ngay một nỗ lực đồng bộ và tập trung để giải quyết vấn đề từ ngoại lai, nói riêng, tiếng Việt tiêu chuẩn, nói chung, một cách toàn diện, một cách bao quát và hợp lý. Đồng bộ là mọi ngành mọi nghề đâu cần có nỗ lực tương tự, và tập trung là để tiến tới một giải pháp chung, nhất quán.

Người ta nói, ở Pháp, công tác chuẩn định ngôn ngữ là việc làm của Viện Hàn lâm Pháp từ thời Hoàng đế Napoléon. Chính vì sự quan tâm chăm sóc và gọt rũa ngôn ngữ như thế, người Pháp rất tự hào về ngôn ngữ của họ. Thế giới cũng thường coi tiếng Pháp là một ngôn ngữ chính xác, ít mơ hồ, cho nên qua nhiều thế kỷ, tiếng Pháp được công nhận là một ngôn ngữ ngoại giao, một ngôn ngữ của những hiệp ước quốc tế

Ở Nhật, công tác chuẩn định ngôn ngữ là của một cơ quan quốc gia gọi là Kokugo Shingi Kai (Ủy Ban Thẩm Nghị Quốc Ngữ). Nhật Bản thường được coi là quốc gia duy nhất ở châu Á vừa không bị thuộc địa hóa bởi các cường quốc Tây Âu trong quá trình công nghiệp hóa của những cường quốc này, đồng thời lại là nước Á châu duy nhất đã vượt lên ngang hàng với các cường quốc công nghiệp Âu Mỹ^[16]. Có nhiều yếu tố đã khiến Nhật Bản làm nên sự nghiệp như vậy, song yếu tố quan trọng nhất là họ đã bảo tồn được ngôn ngữ của họ không bị lai căng, để duy trì được chữ viết truyền thống không bị La-tinh hóa, và để làm phong phú được từ vựng, từ từ vựng truyền thống tới từ vựng ngoại lai, tất cả một cách có hệ thống, có quy củ, và nhất là đồng bộ với sự phát triển của khoa học công nghệ

Phần lớn những quốc gia hoặc khu vực Á châu đang mạnh tiến trên con đường công nghiệp hóa và phát triển kinh tế, như Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan đều dập theo khuôn mẫu Nhật Bản, tức là duy trì chữ viết riêng, trong quá trình hiện đại hóa xã hội, phát triển kinh tế và công nghiệp hóa.

Việt Nam ta, sau khi đã du nhập mẫu tự La-tinh vào để thay thế cho chữ viết truyền thống phức tạp, tức là chữ nho và chữ nôm, những tưởng là có chữ viết đơn giản nên có thể tăng gia tốc trong quá trình hiện đại hóa xã hội, công nghiệp hóa và phát triển kinh tế qua giáo dục. Nhưng, thực tế là thế nào? Nay, đã sang thế kỷ thứ 21, chúng ta vẫn còn lết đệt theo đuôi những nước xung quanh. Người ta sẽ có thể viện ra một trăm nguyên nhân để bào chữa cho sự ta tiến chậm như ngày nay: nào là thực dân nọ áp chế, nào là thực dân kia bòn vét, nào là chiến tranh nọ tàn phá, nào là chiến tranh kia hủy hoại, vân vân và vân vân. Nhưng suy đi nghĩ lại, người ta sẽ lại tìm ra được một trăm lẻ một lời phản bác để gạt bỏ sự bào chữa đó. Câu phản bác thứ một trăm lẻ một chính là "tiên trách kỷ, hậu trách nhân."

Ngày nay, không còn đế quốc nào bòn vét cả, không còn cuộc chiến tranh nào tàn phá cả. Có chăng, chỉ là sự bòn vét kiểu "gà què ăn quẩn," chỉ là chiến tranh giao thông, chiến tranh ngộ độc thực phẩm, chiến tranh môi trường,... tất cả đều xuất phát từ trình độ thấp kém của dân trí. Xem như vậy, vấn đề chữ viết đơn giản không hẳn đã là một lợi thế trong việc giáo dục đại chúng. Tiếng Việt chỉ cần học ba tháng là đọc và viết được thành thạo, trong khi đó tiếng Nhật cần chín năm, sáu năm tiểu học và ba năm trung học, mới cho một đứa trẻ Nhật có đủ chữ để đọc và viết một cách thỏa đáng. Thế nhưng trình độ hiểu biết của một người học ba tháng thì không thể nào so sánh với người học chín năm được, cho dù người Việt có thông minh vượt trội hơn người Nhật đi chăng nữa. Chính cái cơ sở vững chắc của người học chín năm so với cái nông cạn của người học ba tháng, thậm chí còn có người không học tháng nào cả, khiến khó có thể đem so sánh hai bên trên cùng bình diện được.

Hơn nữa, chính vì ý rằng chữ Việt La-tinh hóa dễ học, cho nên ta đã sao lãng không học chữ Hán nữa, đã mất cả cái khả năng tạo ngữ, tức là cái khả năng đặt thêm chữ mới dựa vào chữ Hán.

Âu ngữ, như tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Bồ, thậm chí tiếng Anh-Mỹ, đều có một phần từ vựng khá quan trọng vốn là tiếng La-tinh và tiếng Hi-lạp. Tiếng La-tinh ngày nay hầu như không còn thông dụng ngoài đời nữa, nhưng vẫn được giảng dạy một cách nghiêm túc ở bậc trung học tại các nước Âu châu.

Ngày nay, tất cả những từ Âu ngữ mới về khoa học tự nhiên, y học, sinh vật học, vân vân, đều được tạo ra dựa vào chữ La-tinh, và một phần chữ Hi-lạp. Chính nhờ vậy mà Âu ngữ mỗi ngày một

trở nên phong phú hơn về mặt từ vựng, mỗi ngày một trở nên hoàn chỉnh hơn để đáp ứng được mọi yêu cầu về từ vựng mới của sự phát triển khoa học.

Tiếng Anh-Mỹ, còn may mắn hơn nữa là có thêm nguồn tiếng Anglo-Saxon, nên đã trở nên rất phong phú về từ vựng. Có thể nói là để diễn tả một hiện tượng trừu tượng, tiếng Anh-Mỹ hay có một bộ đi từ vựng, một gốc La-tinh và một gốc Anglo-Saxon. Ví dụ: liberty và freedom, fraternity và friendship, equality và evenness, force và strength, vân vân. Một thống kê những từ vựng xuất hiện trên sách báo phổ thông cho thấy rằng người ta chỉ cần 5 ngàn từ vựng để đọc thông hiểu thạo tiếng Pháp, nhưng với tiếng Anh-Mỹ thì con số này phải là 7 ngàn từ vựng. Đây là một lợi thế của tiếng Anh-Mỹ trong khả năng diễn tả sự việc và diễn đạt tư tưởng.

Tiếng Nhật, nhờ duy trì được chữ Hán nên đã trở nên rất phong phú về mặt từ vựng. Cũng như những Âu ngữ, tiếng Nhật cũng có khả năng sáng tạo ra những từ vựng mới bằng cách vận dụng chữ Hán.

Hàn Quốc, với trào lưu dân tộc chủ nghĩa, đã chỉ dùng chữ viết riêng của họ, tức là chữ Han-gul, và gần như bỏ hẳn chữ Hán trong những thập niên 1970, 1980. Thế nhưng, vào khoảng những năm 1990, trước tình trạng suy thoái về khả năng diễn đạt tư tưởng cũng như khả năng tạo ngữ của sinh viên học sinh, giới giáo dục Hàn Quốc đã phản tỉnh. Họ bắt đầu dùng lại chữ Hán trong giáo dục và trong sách báo phổ thông.

Tiếng Việt tuy ngày nay không còn giữ được chữ viết truyền thống, tức là chữ nho và chữ nôm, và do đã bị mất phần lớn khả năng vận dụng chữ Hán để tạo ra những từ vựng mới. Thế nhưng, tiếng Việt ngày nay lại có lợi thế của lối chữ viết La-tinh hóa đơn giản và dễ cơ giới hóa. Nếu ta khéo léo kết hợp cái lợi thế của mẫu tự La-tinh hóa với sự vận dụng chữ Hán một cách sáng tạo, và tức thời chấn chỉnh cách viết từ ngoại lai chứ đừng du nhập nguyên xi tiếng Anh-Mỹ hoặc tiếng Hoa vào tiếng Việt một cách bừa bãi như ngày nay, thì mới mong phát triển tiếng Việt theo chiều hướng lành mạnh, làm cho tiếng Việt phong phú hơn về mặt từ vựng, từ từ vựng phổ thông tới từ vựng khoa học.

Chúng tôi thiết nghĩ:

1) Đã đến lúc nên tức khắc thiết lập một Ủy ban Quốc gia Nghiên cứu và Chuẩn định tiếng Việt. Trước mắt, các ngành nghề, các học hội, như Hội Kỹ Sư Vô tuyến Điện tử đây chẳng hạn, nên có ngay mỗi nơi một Tiểu ban làm công tác chuẩn định lại cách viết tiếng Việt chuẩn hóa cho ngành nghề của mình.

2) Hãy đem sự học chữ Hán trở lại học đường, ít nhất là từ bậc trung học. Trước mắt, các học hội, các hội ngành nghề nên có một Tiểu ban duyệt xét lại những thuật ngữ của ngành nghề mình, nhất là những thuật ngữ Âu-Hán và những từ mượn của Hoa ngữ xem có thích đáng hay không.

Phụ lục: Phần chữ Kyrillos (Cyrillic) và chữ Hán

=

* * *

TIỀN ĐÒN

CVA Cung Trầm Tưởng

(Trích trong thi phẩm “Những dấu chân ngang trên một triền phiếm định” vừa mới xuất bản)

Về nơi mù phủ mái đầu

Một vung trời nặng, lá nhàu nhọt mưa

Miếu thương tích mở đạn thừa

Xác tảng quỳ gi, thây dừngra hoang

Rét cưa xẻ xám đôi đàng

Nửa dàn sông quanh, nửa giếng bãi buồn

Chiều về lại lẻ lữ đôn

Mình tron đứng tuột, nóc hồn nằm uơn.

* * *

CƠN UẤT HẠ LÀO

CVA BùiĐứcLạc

Kính dâng linh hồn các bạn quý mến Hiền,Phan. Các em thương mến Thọ, Hạnh, Chương, Dương, Quân, Côn, Thu, Thúc, Quang, Đại, Bình, Bán, Lữ, Khê và các chiến hữu vô danh.

Nếu Sư Đoàn Nhảy Dù quân số tồn thất 99%.

Nếu Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến phải bỏ xung 90%.

Nếu Sư Đoàn 1Bộ Binh phải tái lập.

Nếu Liên Đoàn 1 Biệt Động Quân bị xóa tên.

Thì trận Lam Sơn 719 tức trận Hạ Lào chúng ta vẫn thắng chúng tôi khẳng định như vậy. Và thêm một lần nữa đon quyết rằng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã thắng trận Hạ Lào. Bài này tôi viết từ năm 1973, tôi có ý định tặng nhà văn Chu Tử, người mà tôi hằng quý mến, nhưng không may tôi phải nhập viện khẩn cấp do đó tài liệu bị thất lạc. Hôm nay, 11-11-1987 còn ít tháng nữa là tròn 17 năm kỷ niệm trận Hạ Lào, cũng là góp phần cho số phát hành đầu tiên của đặc san Quân Đội do anh Nguyễn Đạt Thịnh chủ trương tại San Jose, nên tôi viết lại một tài liệu gọi là góp phần chính xác cho Quân Sử của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Nói đến trận Hạ Lào cả trăm cả ngàn người đều nói chúng ta tức QLVNCH đã thua. Cái lý luận buông thả này 17 năm nay ai cũng chấp nhận là đúng. Rập theo khuôn mẫu các báo ngoại quốc, báo chí Sài Gòn từ phóng viên chiến trường, cho đến những cây viết phóng sự theo tưởng tượng và thêu dệt để đầu độc độc giả, cho đến cả những người tham dự trận Hạ Lào cũng cứ yên trí rằng mình thua trận thật vì bạn bè chết nhiều quá, trận chiến kinh hoàng quá, đó là một sự thật hiển nhiên, không ai có can đảm phủ nhận.

Đau đớn thay! Những người viết về trận Hạ Lào, ngoại trừ tác giả viết cuốn “Tử Thủ Đồi 30” là có tham dự trận Hạ Lào, hầu như không còn ai đã ở lại một vài ngày với anh em chiến sĩ, đếm PHÁO của địch quân để biết rõ cường độ của pháo địch xung mãnh đến mức nào, khi thấy chiến trận khốc liệt máy bay rớt liên hồi, mỗi ngày chết và bị thương hàng trăm người, họ liền đứng ở ngoài một bóng mát nào đó hay ở một phòng máy lạnh nào đó viết phóng sự chiến trường, như vậy sẽ thêm phần an toàn cho bản thân, có thời gian bình thần, bình tâm viết cho mạch lạc sâu sắc hơn, lý luận vững chắc hơn. Vì vậy những loạt bài viết về Hạ Lào toàn đua nhau thù dệt tưởng tượng miễn sao cho người đọc cảm thấy hợp lý là ăn tiền, chỉ có trời cao đất dày mới hiểu được vì đây là trận đánh kinh hoàng ngoài sức tưởng tượng của họ, cho nên làm sao họ có thể tưởng tượng đúng cho được. Không có một trận địa nào từ cổ chí kim, với khoảng hai ngàn mét vuông, vậy mà trong gần hai tháng trời, mỗi ngày phải đón nhận hai ngàn trái đạn pháo đủ loại. Có những ngày được ăn phụ trội lên tới ba hoặc bốn ngàn trái, đó là những ngày chúng quyết tâm tiêu diệt căn cứ 30 và căn cứ 31. Với một thời gian dài như vậy, với cường độ pháo mãnh liệt như vậy, chắc hẳn những người trong hai ngàn mét vuông này nếu không bầm dập thì cũng phải tê dại, điên loạn. Ấy vậy mà chúng tôi vẫn đứng vững, chúng tôi vẫn hiên ngang tiếp tục chiến đấu. Không vậy mà chỉ ít ngày sau khi rút quân ra khỏi vùng lửa đạn Hạ Lào, mồ hôi trận địa chưa kịp khô, chúng tôi một Lữ Đoàn Nhảy Dù Việt Nam đã từ phi trường Đông Hà thay vì về Sài Gòn nghỉ xả hơi vài ngày thôi, đoàn quân Mũ Đỏ lại hiên ngang đáp xuống phi trường Pleiku vào thẳng căn cứ hỏa lực số 6 thuộc Tân Cảnh - Kontum quần thảo với một Sư Đoàn chính qui Cộng Sản Bắc Việt Nam, trong vòng 13 ngày chúng tôi đã dứt điểm. Chúng tôi lại thêm một lần thắng vẻ vang. Nếu như chúng tôi thua tại Hạ Lào, làm sao chúng tôi còn khả năng chiến thắng như vậy? Không lẽ chúng tôi mang thương tích thảm bại, để chuốc lấy thêm một lần ê chề nữa hay sao? Chúng tôi có phải là những Thiên Thần thật sự hay không đây? Xin hãy đón đọc (Trận Chiến 13 Ngày) chiến tích của Lữ 2ND Việt Nam tại mặt trận này để chứng minh hùng hồn những điều khẳng định trên (tôi sẽ viết trận chiến CCHL số 6, tức trận chiến 13 ngày khi thuận tiện).

Đề tài Hạ Lào quá hấp dẫn với người đọc, nó quá nóng bỏng viết ra rất dễ câu khách, cho nên báo chí của ta đành tham chiếu tài liệu ngoại quốc để viết, trong khi chính những phóng viên ngoại quốc cũng chưa chắc đã biết Hạ Lào dài ngắn ra sao (*tại cánh quân của Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù lúc đầu vì là mũi tên xung kích cho nên nó ê chề quá, không một phóng viên nào dám đi chung lấy một giờ*) ai cũng đua nhau viết thêm thắt cho bài báo hấp dẫn, ai cũng muốn chứng tỏ cho đọc giả là mình am tường trận Hạ Lào. Hạ Lào trở thành cái mốt thời thượng, “*cũng như cái mốt Cộng Sản của các nhà trí thức trên thế giới thập niên 40-50 vậy, thời đó các vị có bằng cấp cao, không thích Cộng Sản, không tham gia vào đảng tồi bại này, thì cũng phải phản chiến, nếu không thì chưa phải là trí thức, cái mốt đề hèn này nó nhập nhằng tồn tại tại quê hương tôi cho đến thập niên 70*”, dễ dàng nhất là tô đậm thêm nét đau thương cho QLVNCH là chắc ăn nhất. Vì vậy, chúng tôi những người lính chiến thay vì được vỗ về thì lại bị trả đòn thù sau lưng. Cùng trong lúc đó địch quân đang ra sức ca tụng các đơn vị của họ, trong khi những đơn vị này đang bị tan nát, đang bị vùi dập tại Hạ Lào. Thật trớ trêu thay! Chúng tôi lại trở thành tứ bề thọ địch, đang thọ nạn ngay trên hậu phương “Thủ Đô” của mình. Trận Hạ Lào không đơn vị nào có Cố Vấn theo, kể cả những đơn vị còn nằm tại Khe Sanh hay Lao Bảo, ngoại trừ các bộ tư lệnh từ cấp Sư Đoàn trở lên nằm tại Khe Sanh là còn được giữ Cố Vấn lại mà thôi. Vì không có Cố Vấn, đương nhiên không có phóng viên ngoại quốc nào dám ở lại trận địa, ngoại trừ một số tháp tùng theo các máy bay trực thăng bay trên vùng trời Hạ Lào. Vậy mà các phóng viên của ta cứ tin vào các tài liệu ngoại quốc. Tài vọng ngoại như vậy hỏi sao mà Hạ Lào chẳng thua. Hãy hỏi thêm một tin nữa, là trận Tết Mậu Thân, đối với người ngoại quốc: “*chúng ta hãy hỏi bất cứ một công dân Hoa Kỳ nào, mà người đó có để ý đến tình hình chiến sự, chúng ta bình tâm thử hỏi họ về trận Mậu Thân tức tết 1968 tại quê hương của chúng ta, thì một trăm người được hỏi đến, đều nói chúng ta đã thảm bại trận Mậu Thân, bằng cứ là Cộng quân đã có đủ sức mạnh đánh bại quân phòng thủ chọc thủng phòng tuyến để đánh thẳng vào các thành phố, kể cả Thủ Đô của chúng ta*”.

Máu của chúng tôi đã đổ tại đất đai miền nam của vương quốc Lào. Thịt xương của bạn bè chúng tôi không vun trồng cho màu mỡ quê mẹ mà lại làm tươi tốt cho đồng cỏ xứ người. Đó chính là niềm đau xót xa, niềm đau day dứt, cho những người lính chiến như chúng tôi. Nhưng cái đau xót thấm thía, đau lâu dài hơn là khi Hạ Lào bị cơ quan truyền thông ngoại quốc che mờ bằng màn khói bại trận góm ghiec, khinh bỉ. Cái giá xương máu này lại được tô son chuốt lục bởi các phóng viên Việt Nam, bởi những người bạn của chúng ta. Họ tô đậm bằng màu tang trắng thê lương ngay trên quê hương của chúng ta. Những mảnh khăn tang trên đầu của hàng ngàn quả phụ, ở lứa tuổi đôi mươi xác nhận tài viết của họ. Ngẫm cho cùng cũng không trách họ được. Trong thời gian trận chiến đang tiếp diễn tại Hạ Lào, nếu cứ đứng tại phi trường Khe Sanh (tôi chắc có một số phóng viên chiến trường có mặt ở nơi tương đối an toàn này) sẽ thấy toàn là máy bay chờ xác, chờ thương binh của ta mặt mày biến sắc “*Xin thưa rằng đã là thương binh, trong lúc vết thương hành hạ, thì ai mặt cũng xanh mét, cũng biến sắc*”, máy bay chiếc lên chiếc xuống nhíp nhàng suốt ngày với nhiệm vụ tiếp tế, tải thương, tải xác. Không thấy có tù binh cũng như chiến lợi phẩm mang về tương xứng, thua là cái chắc! Thông thường thì như vậy nhưng đây không phải là trận chiến bình thường, nó vượt khỏi mọi sự suy nghĩ và suy luận theo tam đoạn luận của học sinh trung học. Trận Hạ Lào nó ở trên cao, cao lắm muốn với tới phải trả bằng máu bằng xương của chính mình, của bạn bè, của đồng đội, hoặc tối thiểu cũng phải bằng mồ hôi nước mắt, với sức chịu đựng dẻo dai và lòng cố gắng, quyết chiến, quyết thắng mới có thể nhìn thấy Hạ Lào tức Lam Sơn 719. Nó linh động thế nào? Nó tàn bạo làm sao?

BÁO CHÍ SÀI GÒN ĐÃ NÓI GÌ ?

Khi từ Hạ Lào vừa ra tới Đông Hà thay vì được về Sài Gòn nghỉ dưỡng quân ít ngày, ngược lại chúng tôi được không vận thẳng tới Pleiku, rồi từ đó vào thẳng Tân Cảnh, Kontum, trực thăng vận vào căn cứ Hỏa Lực số 6, để LĐ2ND dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Trần Quốc Lịch gồm TĐ5BBND, TĐ6BBND, TĐ11BBND, TĐ2PBND, ĐĐ2QYND, ĐĐ2CBND, ĐĐ2TSND quân thảo với một sư đoàn chánh qui của Cộng Sản Bắc Việt Nam. Chỉ trong vòng 13 ngày, Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù Việt Nam đã loại Sư Đoàn này, Sư Đoàn 986 ra khỏi trận chiến, vinh quang trở về Sài Gòn, sung sướng bên vợ hiền con thảo. Khi về tới Sài Gòn, tôi nôn nao lật chõng báo cũ ra coi, để xem báo Việt Nam nói gì về Hạ Lào, tôi không khỏi giật mình, chán nản, thất vọng khi đọc thấy các cơ quan ngôn luận của mình đăng những tin tức mơ hồ, nóng bỏng, nổ như bấp rang, với những tit lớn như thế này: **Địch quân không dùng quân số đông để áp đảo QLVNCH mà chúng đã dùng hỏa lực của Pháo Binh để áp đảo QLVNCH. Hạ Lào không có cơ sở tiếp liệu của địch vì Hạ Lào là vùng rừng thưa. Hạ Lào ở xa các chiến trường chính cho nên Hạ Lào không có các kho tàng của địch như tin tình báo. QLVNCH đã mất hết tinh thần khi gặp phải địch quân có hỏa lực mạnh hơn.** Tôi ngậm ngùi suy nghĩ cho thân phận của những người lính như chúng tôi, chắc chắn chúng tôi sẽ phải thua trận chiến này, vì chúng tôi đã thua ngay tại hậu phương của mình. Làm sao chúng tôi còn đủ sức để chiến thắng ngoài chiến trường, trận chiến thua trước mắt mà đành bó tay. Làm sao chúng tôi có thể tả xung, hữu đột để thoát vòng kiềm tỏa này? Tôi ngậm ngùi muốn quỳ xuống van vái những người mà tôi vẫn cho là bạn, xin đừng đâm sau lưng chúng tôi thêm nữa.

CHÚNG TÔI GẶP GÌ Ở HẠ LÀO?

Tôi muốn viết thật xác thực, những gì mắt thấy tai nghe, không màu mè để chúng ta dễ định giá trận đánh đẫm máu này. Những người tham dự trận đánh Hạ Lào từ đầu cho đến cuối có rất đông tại ngoại quốc. Có 4 sĩ quan sau này là cấp Tá dưới quyền chỉ huy trực tiếp của tôi tham dự trận Hạ Lào đang ở Hoa Kỳ, 2 trong 4 người đang có mặt ở thị trấn San Jose. Khu vực hành quân quả thật có

nhieu chỗ rừng thưa, không những vậy còn có nhiều chỗ đồi trọc, nhưng khu vực hành quân của Liên Đoàn Đặc Nhiệm gồm 3 Trung Đoàn Thiết Giáp và Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù lại là vùng rừng rậm, có đôi chỗ trống trải vì khai quang để làm rẫy, hoặc dấu vết làng mạc cũ xen lẫn một ít đồi trọc, nhưng chỉ trọc trên đỉnh đồi chu vi khoảng 500m trở lại mà thôi. Tôi muốn tả tình, tả cảnh như vậy, vì có một số tác giả nói rằng Hạ Lào chỉ là vùng rừng thưa, không khác gì sờ chân voi mà nói rằng con voi hình tròn như chiếc cột.

Ngày N. trừ 1 chúng tôi được sử dụng máy bay quan sát của Hoa Kỳ (*đối với Quân Lực Hoa Kỳ thì vị Tiểu Đoàn Trưởng Pháo Binh chính là Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Phối Hợp Hỏa Lực của Lữ Đoàn hay Trung Đoàn, ông ta quyết định tất cả hỏa lực của Hải, Lục, Không quân trong vùng hành quân. Bởi lý do này cho nên ông ta phải nắm vững địa hình trong vùng hành quân. Đó là lý do mà Hoa Kỳ cung cấp máy bay cho tôi bay thám sát vùng hành quân*). Suốt cuộc hành quân không có máy bay quan sát của Việt Nam, nhưng những quan sát viên phi cơ, hay các người điều không tiền tuyến đều là người Việt Nam, hoa tiêu chính vẫn là người Hoa Kỳ. Lúc này, đài BBC và đài VOA đã loan tin thật rõ ràng từ 2 ngày trước hoặc sớm hơn nữa: “*QLVNCH sẽ sử dụng các đơn vị Tổng Trừ Bị và SĐIBB tấn công sang miền nam của vương quốc Lào*”. Vậy mà trước khi thi hành nhiệm vụ quan sát, chúng tôi vẫn nhận được lệnh “*cố gắng tránh đừng để địch quân biết là chúng ta sắp sửa hành quân vào Hạ Lào*”. Vừa bay vào vùng trách nhiệm, tôi thật ngạc nhiên vì nó ngoài sự ước đoán của chính tôi. Đường đất mới màu ngà ngà chằng chịt, nhưng không có trên bản đồ địa hình, bản đồ mà tôi đang có, bản đồ mà tất cả mọi đơn vị hành quân đang dùng đều không có ấn dấu này. *Bên phía Khe Sanh, Lao Bảo của Việt Nam đường đất màu đỏ, bụi bay mù mịt chứng tỏ có đoàn xe đang sử dụng. Tôi đếm được 6 đám bụi lớn, không kể những đám bụi nhỏ (một hoặc hai xe) nhưng khi máy bay đến nơi, thì tất cả đã chui vào lùm cây mát hút không để lại dấu vết. Bay đến Tchépon tôi thấy một cây cầu bắc ngang sông Tchépon. Cây cầu này nối liền hai khúc đường mới, không có trên bản đồ. Tôi muốn xuống thấp quan sát cây cầu nhưng bị pilot từ chối, sợ nguy hiểm bởi ai cũng biết rằng dàn phòng không đâu đó đang rình rập chúng tôi. Nhưng vì cây cầu có nhiều điểm khả nghi, nên tôi nhấn mạnh lại một lần nữa là tôi muốn quan sát cây cầu này. Đại Uy pilot thở dài xong chiều ý tôi, nhưng nhắc tôi là chỉ một lần mà thôi. Khi máy bay xuống thấp khoảng 1000 bộ (*khoảng cao độ quen thuộc với chúng tôi, chiều cao của các anh em Mũ Đỏ: sẵn sàng - Go*), tôi thấy rõ không phải là cây cầu mà là đoàn xe đang băng qua sông. Khi thấy máy bay đoàn xe xích lại gần sát nhau và tất máy bắt động. Trên cao nhìn xuống nếu không tinh thì đúng là một cây cầu đúc. Sau này, chúng tôi mới được biết là chúng cho đắp đập đá ngầm cách mặt nước nửa thước để xe có thể băng qua sông. Chúng nghiên cứu những nơi nước chảy chậm mới làm đập này vì nếu làm nổi sẽ bị không thám chú ý, và sẽ bị máy bay oanh tạc ngay. Sau này tình báo của ta biết được chúng kiến trúc đập đá ngầm bằng cách lợi dụng khi có Bộ Đội di chuyển qua đó, chẳng hạn một Trung Đoàn chỉ cần mỗi người vác một cục đá nặng trên 5 kí lô, khi băng qua sông vát xuống đó thứ tự, từ bờ bên này sang bờ bên kia, đơn vị công binh sửa lại sơ sài, là chúng có một đập đá ngầm tương tự, mà không một tốn phí nào. Tại vùng này cũng như dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh, khi trời nắng khô, không có sông sâu, có rất nhiều đoạn chỉ sâu ngang đầu gối chân mà thôi. Đó chính là những nơi làm đập đá ngầm lý tưởng.*

Ngày N, ngày khởi đầu cuộc Hành Quân, tất cả các đơn vị tham chiến “*Không Quân và Lục Quân*”, đều theo lệnh miệng của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa để xuất quân, để vượt tuyến xuất phát “*xuất quân*”. Khoảng 8:00G tất cả mọi quân nhân đều nghe lệnh xuất quân từ đài phát thanh Quốc Gia/ Sài Gòn truyền đi, trên làn sóng thường lệ nguyên văn như sau: “*Giờ phút này tôi cho lệnh QLVNCH tấn công qua phần đất phía nam của vương quốc Lào*”. Vừa nghe xong câu này chúng tôi đoàn quân tấn công qua Hạ Lào bằng đường bộ, tắt máy radio, cùng với tất cả các đơn vị khác tùng thiết, hay không vận bằng các loại máy bay đồng loạt vượt qua tuyến xuất phát. Chúng tôi bắt đầu lợi bộ băng qua con suối nhỏ làm ranh giới Lào-Việt. Con suối này dù nhỏ có thể bước qua nhưng lại rất dễ nhận diện vì bên phần đất của Việt Nam thì đất đỏ nếu là mùa mưa thì đất dính giầy,

còn bên phần đất của Lào thì đất sỏi dù có mưa đất cũng không dính giầy. Không một dấu vết địch quân tại biên giới, nhưng vào sâu khoảng 2 cây số cánh quân đi đầu của TĐ8BBND, Đại Đội 84 của Đại Úy Văn (đen) chạm địch nặng. Dọc đường bị chặn đánh liên tục, nhưng 15:00G của ngày N cộng 1 chúng tôi cũng đã tới điểm đóng quân Ban Dong để thiết lập căn cứ hỏa lực mang tên ngụy thoại “A Lưới”. Vừa bước chân vào vị trí đóng quân, tôi ngại ngùng vì thấy điểm địa hình của địch. Trong nghề Pháo Binh nên không làm lẫn được, chính những điểm địa hình tương tự tôi cũng đã có thiết lập tại nội địa. Tôi vừa trình bày việc này với Đại Tá Lê Quang Lương, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù xong thì địch dàn chào đầy hào hứng. Những loạt pháo bằng dàn hỏa tiễn 122 ly và 107 ly bay ào ạt tới như biển lửa chụp trọn căn cứ mới chiếm đóng. Nếu anh em Mũ Đỏ không nhanh tay đào hố cá nhân thì cũng dễ bị tan hàng. Những trò đùa này chúng tôi đã quen ở các chiến trường Việt Nam, nhờ vậy chúng tôi vẫn đứng vững trên khắp các chiến trường Việt Nam mà không bị tan hàng vì pháo của địch quân. Dàn phóng hỏa tiễn này được gắn trên xe chạy bằng xích mỗi dàn phóng có từ 5 cho đến 7 nòng. Lần đầu tiên trong đời, chúng tôi các chiến binh Mũ Đỏ được thưởng thức pháo bằng Hỏa Tiễn TOT (time on target) từng chùm như vậy. Mỗi lần tới trên 100 trái thật tung bùng. Đ/T Lương đứng ngay bên cạnh tôi để nghe trình bày về các điểm địa hình quân sự, ông bị thương ngay lần pháo này. Cũng may điểm nổ gần nhất của trái đạn hỏa tiễn cách chỗ chúng tôi đứng 20 thước. Đến 19:00G ngày N cộng 1, Lữ Đoàn nhận được báo cáo tổng quát, các tin tức này cũng là để minh xác là Hạ Lào có kho tàng của địch hay không.

TĐ8BBND do Trung Tá Văn Bá Ninh, Tiểu đoàn Trưởng, Thiếu Tá Trần hữu Phú Tiểu đoàn Phó (*T/T Phú thay thế T/T Đào thiện Tuyển ngày N trừ 1 bị thương vì máy bay Mỹ đánh lầm vào Bộ chỉ huy của TĐ8BBND tại Lao Bảo do một phi vụ skypot, trong lúc đơn vị đang chuẩn bị tại vùng tập trung để xuất quân vào Hạ Lào*) báo cáo khám phá một kho chứa chừng 2000 xe đạp mới tinh, một cơ xưởng sửa chữa xe đạp và vào khoảng 1000 xe đạp cũ còn sử dụng được, một kho nhiên liệu khoảng 50 thùng phuy nhớt và 100 thùng phuy dầu cặn (*khác dầu cặn của ta*) và xác nhận đã đụng độ với một trung đoàn thuộc Sư Đoàn 320 Bắc Việt Nam, sau khi đã khai thác các tử thi của địch và tù binh.

TĐ1BBND do Thiếu Tá Nguyễn Văn Phan, Tiểu đoàn Trưởng, Thiếu Tá Nguyễn Quang Sáng, Tiểu đoàn Phó, khám phá một kho quân trang và xác nhận đụng độ với một Trung Đoàn của Sư Đoàn 306 Bắc Việt Nam, sau khi đã khai thác các tử thi và tù binh cũng như quân dụng của địch.

TĐ9BBND do Trung Tá Nguyễn Văn Trí, Tiểu đoàn Trưởng, Thiếu Tá Võ thanh Đồng, Tiểu đoàn Phó báo cáo gặp một trung tâm huấn luyện rất quy mô trong khu rừng già nhưng không rõ danh tính.

Thưa quý vị, đó chỉ là ngày N cộng 1 mà các biến cố dồn dập như vậy. Còn các ngày sau liên tiếp khám phá ra rất nhiều kho tàng, đủ các loại quân dụng và đạn dược, các kho quân trang quân dụng đều mới toanh, các kho y dược nhãn hiệu sản xuất từ các nước trong khối Cộng Sản. Cũng như TĐ1BBND sau đó khám phá thấy một kho thực phẩm các loại đồ hộp và lương khô của Nga và Trung Cộng. Phòng 2 BTL/HQ xác nhận chưa gặp các loại lương khô và đồ hộp này tại khắp các chiến trường miền Nam Việt Nam bao giờ.

Những ngày mới vào vùng hành quân, các trận đụng độ ác liệt của ta và địch chưa diễn ra cho nên các pass B52 được đánh hàng ngày theo không ảnh, hay theo tiên liệu vào những vùng nghi ngờ có kho tàng hay nơi đồn trú quân của địch, thường là những đường thông thủy. Vậy mà không ngày nào là không trúng kho đạn hay kho nhiên liệu, xác định được rõ ràng do quan sát được những đám nổ phụ, hay những cột khói cháy liên tục ngày đêm. Đặc biệt kho xăng dưới chân núi 500m cháy liên tục 2 ngày 2 đêm. Xin kể một chuyện vui cười tại Hạ Lào là: Căn cứ A Lưới (Ban Dong) lúc Đại Tá Lê Quang Lương và tôi đang đứng quan sát trên nóc TOC (tactical operation center) của Lữ Đoàn, trong lúc các dàn phóng hỏa tiễn của địch đang pháo vào căn cứ, chúng tôi quan sát và nhận diện được một

vị trí dàn phóng hỏa tiễn năm nòng 122 ly, ĐT/LĐT cho lệnh tôi xin phi cơ oanh tạc vào điểm này (lúc này chúng tôi sử dụng hỏa lực của Hoa Kỳ rất dễ dàng, luôn luôn họ ưu tiên hỏa lực cho trung tâm phối hợp hỏa lực của LĐ1ND. Tại sao như vậy, chúng tôi xin nói ở bài khác. Trung Tâm Phối Hợp Hỏa Lực là thành phần ban 3 và đài trung ương tác xạ của bộ chỉ huy các Tiểu Đoàn Pháo Binh). Vì ngoài tầm pháo binh nên trung tâm phối hợp hỏa lực xin phản pháo bằng không quân, qua sĩ quan không trợ, tọa độ như sau: từ điểm Alpha về phải .5 xuống 5.(-) nhưng sĩ quan không trợ lại chuyển lầm là từ điểm Alpha về phải .5 lên 5.(+) như vậy tọa độ chuyển đi sai 10 cây số, vì là vùng không có quân bạn, cho nên không ai chú ý để clear kỹ càng. Khi máy bay lên vùng oanh tạc vào mục tiêu, ĐT/LĐT và tôi thấy sai nhưng cùng lúc đó một đám cháy lớn của kho nhiên liệu phát ra, ngay tại mục tiêu xin sai. Đám cháy này cháy lâu một ngày một đêm. Tôi muốn dẫn chứng là kho tàng của chúng đây dấy trong vùng. Thay vì xin phản pháo nhưng chuyển tọa độ sai, lại thành xin tiêu hủy kho tàng địch quân. Việc tiêu diệt các kho tàng của địch, cũng chính là một mục tiêu của cuộc hành quân. Cùng lúc đó, hỏa tiễn lại pháo dồn dập vào căn cứ tại điểm mà trung tâm phối hợp hỏa lực đã xin. Vì chính ĐT/LĐT đã nghe đơn xin phản pháo của trung tâm phối hợp hỏa lực nên ông đích thân kiểm soát lại mới biết sĩ quan không trợ lầm lẫn như trên. Ngoài ra, chúng còn có hệ thống dẫn đầu bằng ống dẫn đường kính khoảng 40cm. Tất cả hệ thống này đều bị bộ binh phá hủy và các pass B52 phá vỡ đã bốc cháy hằng ngày. Về nhân mạng, địch tổn thất vì giao tranh với ta chỉ một phần nhỏ, phần nhiều là do B52 tiêu diệt. Có phi vụ B52 đã giết cả Trung Đoàn địch quân, những thiệt hại của địch quân do B52 oanh tạc đa phần đều có kiểm chứng bằng bộ binh hay bằng quan sát thấp.

Sau này trận chiến càng ngày càng khốc liệt, chúng tung quân đông để dùng biển người đè bẹp chúng ta. Chẳng hạn như cánh quân TĐ8BBND và hai Trung Đoàn Thiết giáp, chúng cho đối đầu bằng SĐ320 và các Trung Đoàn chiến xa của chúng mà theo tin tức tình báo thì có chiến xa T54, cánh quân TĐ1BBND sau này tăng cường thêm TĐ7BBND do Thiếu Tá Lê Minh Ngọc Tiểu đoàn Trưởng, Thiếu Tá Trần Đăng Khôi Tiểu đoàn Phó và một Trung Đoàn Thiết Giáp, chúng cho đối đầu bằng SĐ 306 và các đơn vị thuộc các trung tâm dưỡng quân tại Hạ Lào (theo như tin tức tình báo sau khi chúng tôi rút ra khỏi Hạ Lào, thì mới biết mỗi trung tâm dưỡng quân tại vùng hành quân Hạ Lào có quân số bằng một trung đoàn. Quân số đầy đủ hơn và mạnh khỏe hơn, vì đây là quân số sẵn sàng để bổ sung cho các đơn vị đang tham chiến trên khắp chiến trường miền Nam). Tại cánh quân này, ĐT/LĐT/LĐ1ND đã phải sử dụng B52 yểm trợ gần như máy bay chiến thuật, loạt bom của B52 có khi chỉ cách lính gác gác của các đơn vị ta dưới 500m. Đây là việc làm hết sức táo bạo, nhưng phải rất khôn ngoan khi vẽ hướng thả cho các phi vụ B52 yểm trợ trực tiếp như vậy. Những pass B52 sanh tử này rất hữu hiệu, nhưng cũng rất tai hại nếu bất cẩn. Vì cẩn trọng cho nên trong suốt cuộc hành quân chúng tôi không bị một tai nạn nào về lỗi sử dụng thần sầu này. Có rất nhiều lần các pass B52 đánh, làm lính gác gác của ta, hay các toán tiền đồn của ta bị hất văng ngược trở lại.

Căn cứ 31 thất thủ, trong căn cứ gồm BCH/LĐ3ND, BCH/TĐ3BBND, BCH/TĐ3PBND, Pháo Đội B3 ND, tổng cộng quân số không trên 300 quân nhân. Đây là một tin buồn nhất cho chúng tôi từ trước đến nay. Ngay ngày hôm sau, Thiếu Tá Trần Hữu Phú dẫn 2ĐĐ/TĐ8BBND tòng thiết hai Chi Đoàn Thiết Giáp tiến về căn cứ 31. Nhiều tác giả "tưởng tượng" cho rằng đây là 2ĐĐ thuộc TĐ9ND nhưng thật sự là của TĐ8ND. Không có một cánh quân nào của TĐ9ND tiến về hướng căn cứ 31 trong suốt trận đánh này (Hiện T/T Trần Hữu Phú đang ở Orange County, và sĩ quan Tiền Sát Viên là Trung Úy Lê Ngọc Chương (Chương còm) hiện đang ở Wisconsin). Khi còn cách căn cứ khoảng trên 2 Km, đơn vị bị phục kích bởi một trung đoàn địch có chiến xa yểm trợ. Vì thuyết trình viên của Phòng 2 BTL/QĐI/HQ cho biết là địch có chiến xa T54, nên thiết giáp của ta tránh đụng độ với địch. Thực ra, địch chỉ có PT76 trong trận này, vì vậy đơn vị này tưởng chừng như sắp sửa bị tràn ngập. Pháo Binh của ta can thiệp cấp thời dưới cơn mưa pháo của địch tại vị trí Pháo Đội. Các pháo đội của ta nhất là PĐA44PB do Đại Uy Trần Văn Vẹn chỉ huy và PĐA1ND do Đại Uy Đinh Thành Tấn chỉ huy tỏ ra rất can trường. Các loạt đạn nổ mạnh chính xác, chỉ cách quân bạn khoảng 50m, nhờ vậy địch

quân nhà dân ra. Trong lúc Pháo Binh đang yểm trợ thì hai pass B52 kẹp sát hai bên đường, sau đó chiến trường hoàn toàn im lặng. Hai ĐĐ/TĐ8BBND bung ra lục soát thấy xác giặc chết không toàn thây, xương thịt bầy nhầy, vương vãi khắp nơi. Ước lượng khoảng chừng 800 địch quân chết hai bên đường do B52 làm thịt. Lấy kinh nghiệm này, Đại Tá Lê Quang Lương đã áp dụng cho chiến trường An Lộc khi ông chỉ huy LĐ1ND vào giải tỏa An Lộc.

MỤC ĐÍCH CHÚNG TA VÀO HẠ LÀO

Chúng ta vào Hạ Lào không phải để chiếm đất, càng không phải là để đuổi địch ra khỏi vùng này, cũng như không phải là để tiêu diệt địch quân trong vùng mục tiêu. Mục đích của chúng ta mình định rõ ràng trong lệnh hành quân là ***PHÁ VỠ CÁC KHO TÀNG CỦA ĐỊCH, TRIỆT HẠ CÁC CƠ SỞ TIẾP VẬN CỦA ĐỊCH***. Chúng ta, QLVNCH đã hoàn thành sứ mệnh. Báo chí Sài Gòn lúc đó đưa tin chúng ta không chiếm được mục tiêu này, vùng đất kia chính là họ đã làm lẩn như những chiến trường nội địa mà chúng ta thường gặp. Vậy QLVNCH đã đạt được mục tiêu mà cấp trên mong muốn, vì chúng ta đã phá vỡ hầu hết các kho tàng của địch, các cơ sở tiếp vận của địch hầu như không còn hoạt động được, mục tiêu đề ra QLVNCH đã hoàn tất. Vậy quý vị còn muốn QLVNCH, chúng tôi phải làm gì để cho quý vị vừa lòng nữa đây? Như trên, tôi đã trình bày đây là cuộc hành quân bất bình thường, mà ngay những người tham dự trận chiến này cũng thuộc loại bất bình thường, nên mới anh dũng trở về trong bình thường.

PHẢN ỨNG CỦA ĐỊCH

Phản ứng của địch thật vô cùng mãnh liệt, nhưng là một chiến binh của QLVNCH, chúng tôi luôn luôn chấp nhận phản ứng này ở bất cứ một trạng huống nào. Nói chung, chúng tôi chấp nhận mọi tổn thất miễn sao đạt được mục tiêu của các Bộ Tư Lệnh Chiến Trường đã đề ra. Khi địch quân nhận ra rằng cơ sở tiếp vận của chúng bị phá tan tành, chúng hoảng hốt, nhưng chúng muốn cho thế giới thấy rằng chúng vẫn mạnh. Và để chứng minh rằng cuộc chiến Hạ Lào không ảnh hưởng đến lực lượng của chúng, chúng dùng một Sư Đoàn chính qui đã được ém sẵn tại Kontum tấn công một tiền đồn của ta tại Tân Cảnh. Chúng điều động một Trung Đoàn cộng để dứt điểm căn cứ hỏa lực số 6 nơi đóng quân của một BCH Tiểu đoàn Bộ Binh và một Đại Đội tác chiến. Một Trung Đoàn chúng chặn đường tiếp viện, một Trung Đoàn trừ bị. Quả nhiên kế hoạch của chúng thành công ngay vì các đài phát thanh chuyên đâm sau lưng chúng ta, lại rầm rộ loan tin "*Cộng Sản Việt Nam vẫn còn đầy đủ khả năng tiếp vận để tấn công QLVNCH vì trận Hạ Lào không gây khó khăn cho chúng về tiếp vận, nên Cộng Sản Việt Nam đã mở ngay mặt trận mới tại Tây Nguyên Việt Nam*". Nếu Hạ Lào thật sự không làm chúng tổn thương thì chúng đã đánh ngay nhiều nơi, nhất là Huế và Đà Nẵng hoàn toàn bỏ ngõ khi các đơn vị của SĐ1BB tấn công sang Nam Lào. Tướng lãnh của chúng chỉ cần khôn khéo một chút khi biết trước chúng ta sẽ tấn công qua Hạ Lào. Theo tôi thì có lẽ chúng biết trước hàng tháng vì mốc địa hình tại Hạ Lào đã cho chúng tôi biết thời gian thiết lập. Cho nên, phải nói rằng chiến trường chúng đã chuẩn bị sẵn sàng từ trước để chờ chúng ta vào rọ. Tù binh của đơn vị đặc công SĐ320 quê tại Nam Điền, huyện Xuân Thủy, Hà Nam Ninh khai rằng chúng đã đóng quân tại Hạ Lào để chờ ta trước đó hai tuần. Vậy mà chúng không khôn ngoan điều động một đơn vị cấp Trung Đoàn đóng chốt dọc theo quốc lộ từ Cam Lộ - Phương Lâm cho đến Khe Sanh, nếu cần kéo dài cho đến Lao Bảo, giạt sập cầu Đá Bạc, thì một đơn vị tinh nhuệ có kinh nghiệm diệt chốt, có phi pháo yểm trợ dồi dào may ra một hai tuần lễ mới làm xong công việc khai thông trục lộ. Nếu làm như vậy thì trận Hạ Lào còn khó khăn lắm mới khai diễn đúng như dự liệu, còn nếu không làm như vậy, thì cho đoàn quân vào xong khóa đường, đơn vị hành quân sẽ vất vả, khi tái tiếp tế cũng như lúc rút ra Đông Hà. Cũng may

nếu chúng khôn ngoan làm như vậy thì máu xương của chúng ta còn đổ ra thế thảm hơn biết chừng nào. Có người cho rằng chúng không làm như vậy vì chúng muốn đánh lừa chúng ta, để chúng ta yên trí rằng chúng không biết trước kế hoạch của ta. Lập luận này không đứng vững, chúng ta ai cũng hiểu rằng kế hoạch hành quân chúng ta đã nhận được thì dù cho chông gai cách trở cũng phải thi hành cho bằng được, hoặc không thì như trên chúng tôi đã trình bày cứ đề đại quân vào êm ả, xong xuôi khóa đường. Chúng không biết trước sao được khi mà chúng tôi ra tới Đông Hà thì cả quận này đều biết chúng tôi sẽ sang Hạ Lào, trong khi đơn vị tham chiến, các cấp từ Tiểu Đoàn Phó trở xuống đều không biết mình sẽ hành quân nơi nào.

HỆ THỐNG BẢO MẬT CHO HẠ LÀO

Coi như không có, vì các đài phát thanh bạn tìm mọi cách giết (chúng ta) QLVNCH bằng cách loan tin nóng hổi là chúng ta sẽ tấn công qua Hạ Lào trong lúc đó đơn vị tham chiến còn đang ở Sài Gòn. Riêng đơn vị chúng tôi, ban 2 chưa được lãnh bản đồ, từ Tiểu đoàn Phó trở xuống tại phi trường Tân Sơn Nhất khi bước chân lên máy bay đều chỉ biết là đi Vùng I mà thôi. Có người tán ra là đi hành quân tại DMZ, nhưng khi đến Đông Hà thì dân chúng đã biết là chúng tôi sẽ qua Hạ Lào từ ngày hôm trước. Hỏi ra, họ cho biết là anh em trong BTL hành quân cho biết như vậy. Khi nghe được tin này tôi thật buồn, chân tay như muốn tê dại. Các cuộc hành quân phối hợp chúng tôi đều giữ kín, nhưng vẫn tiết lộ bằng nhiều ngã khác. Không những vậy, theo tin đồn thì khi kế hoạch hành quân trình lên Tổng Thống, thì Vũ Ngọc Nhạ đã lên chụp hình gửi ra Hà Nội trước khi Tổng Thống đọc kế hoạch này.

MỨC ĐỘ TIẾP LIỆU CHO HẠ LÀO

Mọi thứ tạm coi là chu đáo, nhưng một thứ quan trọng sanh tử thì lại lơ là . Buổi họp ngày N trừ 2 tức là ngày chúng tôi vừa đặt chân xuống phi trường Đông Hà, nhận lệnh họp hành quân, các Tiểu đoàn Trưởng Pháo Binh, các Lữ đoàn Trưởng, các Trưởng Phòng của BTL/SĐND, Tham Mưu Trưởng, Tư Lệnh Phó, Tư Lệnh SĐND được mời vào ngay phòng họp. Chúng tôi được BTL/HQ Lam Sơn 719 cho biết có nhiều đơn vị Thiết Giáp địch hiện diện trong vùng hành quân và nhất là chiến xa T54 được chế tạo tại Liên Xô có khả năng tác chiến mạnh hơn chiến xa của chúng ta đang có. Nhìn sang các vị Trung Đoàn Trưởng Thiết Giáp, tôi thấy sự lo ngại hiện rõ ràng trên mặt. Vì tình hình như vậy cho nên vị anh cả của chúng tôi xin được cấp phát mìn chống chiến xa (*cho đến lúc đó QLVNCH chưa đụng độ với chiến xa địch bao giờ, kể cả chúng tôi đơn vị tổng trừ bị, trận Làng Vei giữa đường từ Khe Sanh cho tới Lao Bảo năm 1967, có chiến xa địch xuất hiện nhưng không đụng độ với chúng ta mà đụng độ với quân đội Hoa Kỳ mà thôi*). BTL/HQ trả lời có mìn chống chiến xa, nhưng còn ở kho đạn Đà Nẵng. Chúng tôi thở dài thất ruột. Sau đó, vị anh cả của chúng tôi xin được cấp phát mìn chống chiến xa trước khi vào vùng hành quân. Được hứa thuận, nhưng than ôi mãi tới khi căn cứ 31 bị pháo dữ dội, còn khoảng 1 tuần nữa là thất thủ mới được thả xuống căn cứ hai lới mìn chống chiến xa. Lúc đó không ai còn có thể ra đặt mìn được nữa vì pháo liên tục, cũng như các loạt đạn của súng đại bác không giết làm cho ĐĐ3CBND đành bó tay. Căn cứ A Lưới vừa thả xuống một lới mìn chống chiến xa thì bị phát hỏa và phát nổ do các chùm hỏa tiễn 122ly của địch. Vì chúng pháo quá nhiều nên không may có trái trúng ngay lới mìn vừa thả xuống. Cho nên khi căn cứ 31 bị thất thủ, chiến xa của địch không gặp một chướng ngại vật nào ngoại trừ sức người và hỏa lực cơ hữu của đơn vị phòng thủ. Nếu có mìn chống chiến xa sớm, ngay từ lúc mới vào Hạ Lào thì căn cứ 31 chưa chắc đã phải chịu số phận hẩm hiu như vậy, hoặc có thể vẫn bị thất thủ nhưng địch phải trả giá cao hơn.

TINH THẦN CHIẾN ĐẤU CỦA TA

Xin dẫn chứng để quý vị thấy từng khung cảnh một, tôi chỉ viết lại những gì thấy tường tận, còn những khung cảnh khác như nghe kể lại, hoặc nghe báo cáo trên hệ thống hành quân tôi không viết lại ở đoạn này.

TĐ2BBND: Sau khi căn cứ 31 thất thủ, căn cứ 30 cứ điểm của TĐ2BBND do Trung Tá Trần Kim Thạch, Tiểu đoàn Trưởng và Thiếu Tá Lê Văn Mạnh, Tiểu đoàn Phó, cứ điểm này vào hệ thống chỉ huy của LĐ1ND. Trong căn cứ 30 có pháo đội 105 ly là PĐC3ND Pháo Đội Trưởng Đại Uy Bành Minh Trí. Pháo đội 155 ly là PĐC44PB, Pháo Đội Trưởng Đại Uy Trương Duy Hy. Hai Pháo đội này đương nhiên vào hệ thống chỉ huy của tôi. Việc này cũng dễ hiểu vì tôi là CHT Trung tâm phối hợp hỏa lực của LĐ1ND. Hơn nữa, lúc đó tại chiến trường Hạ Lào, tôi là sĩ quan cấp Tá duy nhất của PBND. Mặc dầu trong căn cứ không quá 300 người, vậy mà đã chống trả với 2 trung đoàn địch quân thuộc SĐ304, một trung đoàn chiến xa được yểm trợ bởi ít nhất là 3 tiểu đoàn pháo binh +, hỏa tiễn với mức độ tiếp tế đạn dược dư thừa. Vậy mà sau hai tuần lễ tấn công ngày đêm bằng mọi phương kế, có lúc dùng biên người và biên lửa, chúng vào tới hàng rào phòng thủ thứ hai nhưng vẫn bị đẩy lui.

TĐ1BBND cánh quân B Béta (sao chẳng gọi là Bravo, hay Bắc Bình mà lại gọi là Béta, tôi chẳng hiểu sao T/T Nguyễn quang Sáng lại muốn như vậy), sau khi tôi xử dụng Pháo Binh của Hoa Kỳ từ biên giới Lào - Việt Nam, phối hợp cả 8 inches và 175 ly, T/T Sáng đã dẫn quân tấn công cứ điểm của BTL/SĐ306CS Bắc Việt Nam. Trận đánh tuyệt vời này đã giết tên Tư Lệnh SĐ306 là Thượng Tá Nguyễn xuân Rục, lấy được đầy đủ gậy chỉ huy, bản đồ chỉ huy, đặc lệnh truyền tin, máy chỉ huy liên lạc trong đó có một máy mà các đơn vị hành quân đều không rõ danh hiệu còn mới cấu cạnh đang liên lạc trực tiếp với BTTM tại Hà Nội . Chính nhờ đặc lệnh truyền tin này mà chúng tôi đã biết trước được các cuộc điều quân của địch. Mặc dầu địch biết chúng ta lấy được đặc lệnh truyền tin nhưng chúng vẫn không thay đổi vì chúng không có phương tiện để phổ biến thay thế đặc lệnh truyền tin mới đến các đơn vị đang hành quân.

TĐ8BBND mặc dầu không tiến đến Tchépon như ý, nhưng đã làm cho SĐ320 CS Việt Nam phải trả một giá quá đắt. Cuối trận đánh, SĐ320 CS Việt Nam muốn có một tiểu đoàn để chặn đường rút quân của chúng tôi nhưng đành bó tay. Lúc đó, chính Tư Lệnh SĐ320 xin một tiểu đoàn chặn đường rút quân ra khỏi Hạ Lào của chúng tôi (vì có đặc lệnh truyền tin do cánh quân Béta của TĐ1BBND tịch thu được trên xác chết của tư lệnh sư đoàn 306 CS bắc Việt Nam nên chúng tôi biết được tin này) nhưng không có kịp vì quân số không còn. Cuộc rút lui của chúng ta bị địch quân biết trước ít nhất là 2 ngày trước do đài BBC và VOA truyền đi. Dù cho hai đài này không truyền đi thì chúng cũng phải biết, trong lệnh hành quân của ta, địch đã lấy được trong đó có nói rõ là chúng ta sẽ rút ra, chỉ không ấn định rõ ngày giờ mà thôi.

TĐ7BBND vào tham chiến trước khi cuộc hành quân chấm dứt 3 tuần lễ vì lúc đó TĐ1BBND quá mệt mỏi. Trong cánh quân này chúng ta chỉ có hai TĐBBND và một Trung Đoàn Thiết Giáp, nhưng chúng đã dàn chào bằng nguyên một sư đoàn chính quy SĐ306 Cộng Sản Bắc Việt, một trung tâm dưỡng quân. Chính vì chúng bu đông như vậy cho nên chúng đã làm mệt cho B52 và các loại phi pháo khác. Tiểu đoàn trưởng TĐ1BBND phải hy sinh, tiểu đoàn trưởng TĐ7BBND phải tàn thương khả năng, vậy mà 2 TĐ này đã làm cho địch quân không còn khả năng chặn khi TĐ1BBND rút bằng đường bộ, và TĐ7BBND rút bằng Trục Thăng Vận. Tiểu Đoàn Trưởng TĐ7BBND lúc đó là Thiếu Tá Trần đăng Khôi đã lên chiếc trục thăng cuối cùng với 3 quân nhân và một người mang máy.

CHIẾN TRANH TÂM LÝ YỂM TRỢ CHO HẠ LÀO

Không có một chương trình kích động tinh thần anh em quân nhân tham dự trận chiến thư hùng này trên đài phát thanh của ta dù chỉ một lời ghi ơn vô nghĩa. Tôi mở sang đài Việt Cộng, chúng ca ngợi tinh thần chiến đấu của hai sư đoàn 320 và 306 “*đã tiêu diệt các cánh quân hung hãn của bọn*

Ngụy Dù Sài Gòn con đẻ của Mỹ Ngụy” trong lúc mỗi sư đoàn của chúng không còn đủ một tiểu đoàn nguyên vẹn. Còn chúng ta, sau trận Hạ Lào, Sư Đoàn Nhảy Dù Việt Nam vẫn còn cử một Lữ Đoàn tham chiến với một sư đoàn chính quy Cộng Sản Việt Nam tại chiến trường Tây Nguyên. Đến đây tôi xin được mở một dấu ngoặc dài để quý vị suy nghiệm về tâm lý chiến của ta:

Nói đến Binh Chung Nhảy Dù, ai cũng hình dung ra ngay Binh Chung với những quân nhân mặc áo hoa đội nón đỏ, có khi còn đệm theo câu cải lương của Hùng Cường:

Hiên ngang ngoài chiến trường.

Thanh lịch trong thành phố.

Nhưng ít ai hiểu rằng, những năm sau 1968 chúng tôi hành quân trung bình mỗi năm là 360 ngày tại những vùng mà các đơn vị khác đã chạm địch nặng nề. Chúng tôi đến để thanh toán chiến trường tại những vùng oi ả chê bai như Chiến khu D, chiến khu C, Tam giác sắt, mật khu Dương minh Châu, vùng hỏa tuyến, Đồng Tháp - Cà Mau.. Những nơi này, sau lại trở thành những vùng quen thuộc mát mẻ với chúng tôi. Khi thượng cấp cho chúng tôi về Sài Gòn cho dân gân cốt là chúng tôi mừng vô hạn. Thú tiêu khiển Sài Gòn khác với núi rừng là được nghe nhạc sống như ở Đêm màu Hồng và nhảy theo điệu nhạc như ở Thanh Thanh v.v. .Vì vậy, cho nên bất cứ một bản nhạc nào mới phát hành trong giai đoạn này, chúng tôi đều được thưởng thức.

Trong thời kỳ này (tết nguyên đán), bản nhạc “Kỷ Vật Cho Em” chưa được ra đời. Đợi cho thời điểm chín mùi nhất là thời gian chúng tôi đang ở Hạ Lào mới cho phát thanh nhạc phẩm này trên đài Mẹ Việt Nam. Chỉ vào khoảng chúng tôi rời Sài Gòn 10 ngày tức là vào Hạ Lào khoảng 1 tuần lễ, cường độ đụng trận với địch cũng như cường độ pháo kích của địch quân bắt đầu xung mãnh thì sáng tác mới nhất của Phạm Duy với tiếng ca vượt thời gian muôn thuở của Thái Thanh bắt đầu rót vào tai chúng tôi nhẹ nhàng ngọt lịm với nhạc phẩm *Kỷ Vật Cho Em*. Tiếng ca rót vào hồn chúng tôi với những lời trần trối tàn nhẫn. Thưa Quý Vị, nếu quý vị hay chúng tôi đã được nghe nhạc phẩm này rồi thì tác động tâm lý cũng nhẹ đi một phần. Nhưng đảng này Đài Phát Thanh của ta, tiếng nói tâm lý chiến của ta lại cho phát thanh lần đầu tiên để chúng tôi được đón nhận nó tại vùng lửa đạn mạnh mẽ nhất, thử hỏi tinh thần anh em quân nhân sẽ sa sút biết chừng nào? Họ cảm nhận tâm lý chiến của ta, đài phát thanh của ta đã trần trối lời cuối hộ họ.

Tôi đi một vòng dưới cơn mưa pháo của địch, chỗ nào anh em cũng mở radio nhỏ đủ nghe. Ai cũng buông tiếng nguyên rửa tục tũ. Đây đó những anh em khác không nguyên rửa thì đang khóc cho những người có tài tâm lý chiến siêu việt này. Tôi vội gọi điện thoại Hotline về BTL/SĐND/HQ xin phản đối về bài ca này, tuy vậy cũng vẫn phải nghe thêm một đêm nữa. Trong giai đoạn này không có cánh quân nào đụng độ cấp Tiểu Đoàn nữa, và cũng không có căn cứ nào bị pháo dưới một ngàn đạn cho một ngày nữa, kèm theo đài phát thanh cho nghe nhạc phản chiến nữa. Quý vị thấy quả là một siêu tâm lý chiến, anh em chúng tôi căm gan mà chịu những cực hình đầy đọa tinh thần. Khi thấy chính những người anh em của mình đang đâm những nhát dao lút cán vào sau lưng, cay đắng quá, tàn nhẫn thật như thế này hay sao? Một trăm, một ngàn lần lời ca tụng cũng văt đi. Tinh thần anh em đang ở mức độ cao 90% nhưng khi nghe xong bản nhạc này, xuống chỉ còn 10% đủ mức độ để tự vệ. Các vị làm nhạc và các vị cho phát thanh vừa lòng chưa? Ngày xưa trong trận chiến Hán Sở tranh hùng bên Trung Hoa, trong lúc khí thế quân của Sở Vương Hạng Vũ còn đang hùng mạnh, Hán Vương Lưu Bang đã dùng tâm lý chiến khai thác điểm chính yếu là quân Sở vì chinh chiến phải xa nhà lâu ngày mà cho soạn bài Bi Ca Tán Sở, dùng loa cho người ca bài này khi xuôi gió hướng về phía quân Sở cũng chỉ có những câu như sau:

Vợ con mong nhớ chừ, cha mẹ đau buồn

Đồng ruộng bỏ hoang chừ, ai người trông nom,

.....

Chậm tình, uống đời thân chiến binh

Những câu ca nhẹ nhàng như vậy hàng ngày réo rắt làm cho một quân đội đang hùng mạnh phải tiêu tan, rồi Sở Quốc bị tiêu diệt luôn.

Làm sao có được những câu tân kỳ và sắc bén như:

Anh trở về viên đạn đồng đen

Em sang sông cho làm kỷ vật

.....

Anh trở về trên chiếc băng ca

.....

Anh trở về dang dở đời em

Vậy mà chúng tôi chẳng tan hàng, còn đầy đủ tinh thần để tiếp tục chiến đấu quả là một chuyện lạ, một phép lạ, mà hồn thiêng sông núi của dân tộc **Việt** ban cho chúng tôi.

Cùng thời điểm đó, cánh quân Béta của TĐ1BBND do Thiếu Tá Nguyễn quang Sáng chỉ huy (hiện đang cư ngụ tại Milpitas, California) đã tiêu diệt trọn Bộ Tư Lệnh SĐ306, tịch thu chiến lợi phẩm như: Gậy chỉ huy, máy liên lạc tối tân có thể liên lạc thẳng về Hà Nội và đầy đủ tài liệu chứng minh trọn Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn của chúng bị tiêu diệt. Khi rút quân ra tới Khe Sanh, tôi còn trông thấy những chiến lợi phẩm này trưng bày tại phòng chiến lợi phẩm của BTL/SĐND hành quân, tuy nhiên, không một giọng báo nào của ta nói tới chiến thắng này, nhưng căn cứ 31 bị thất thủ thì báo nào cũng nói tới (*địch quân bị tiêu diệt Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn thì không bị chệch bại, cũng như vậy, ta chỉ bị tiêu diệt Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn, cấp thấp hơn Sư Đoàn, thì lại bị lôi ra vùi dập, hỏi làm sao chúng ta không thua cho được*). Thôi cũng đành an ủi là báo chí của chúng ta chỉ đăng những tin cơ quan thông tấn ngoại quốc có loan đi mà thôi, đây là điểm rõ ràng nhất tài viết phóng sự chiến trường của phe ta.

KHẢ NĂNG TÌNH BÁO CỦA TA

Khả năng tình báo của ta lệ thuộc vào Hoa Kỳ điều đó không ai chối cãi. Không ai trách cứ, nhưng ít ra chúng ta cũng phải có khả năng thu tin hạn hẹp mới đúng, không lẽ nhân viên an ninh tình báo của ta chỉ ngồi chơi đi bắt bạc hay sao? Vùng hành quân của chúng ta vào Hạ Lào chỗ xa nhất cũng là chỉ cách xa ranh giới là 50km, tức là khoảng 30 miles, vậy mà địch quân cho làm địa hình tất cả những điểm quân sự (*toán địa hình bắt buộc phải làm ban ngày, từ điểm khởi hành phải làm lộ thiên trên vùng trống trải, chẳng hạn trên trục lộ, hay từ trên các đỉnh núi cao, trống trải, không thể làm băng qua rừng rậm được*), tức là những điểm chúng ta có thể đóng quân, hoặc có thể đặt Pháo Bình, địch quân đều đã có tọa độ địa hình (*tức là tọa độ của chúng chính xác đến hàng cm hoặc m/m, trong khi chúng ta các đơn vị hành quân chắm tọa độ sai hằng 100 m*) nhìn thấy các mốc địa hình mới làm trong tháng, chúng tôi lạnh người và ngao ngán cho tình báo của ta, khi thuyết trình hành quân BTL/HQ đều không nhắc nhở gì về vấn đề này.

Thiết Giáp của địch, theo như Bộ tư lệnh chiến trường, địch có nhiều chiến xa T54 trong Hạ Lào vẫn tất là thiết giáp của địch mạnh hơn của ta. Đây chính là yếu tố làm cho anh em Thiết Giáp của

ta xuống tinh thần không phải là ít, nhưng trên thực tế địch chỉ sử dụng PT76. Loại chiến xa này đại loại còn yếu hơn M41 của ta, có thể trong vùng trận địa địch có đơn vị thiết giáp T54, nhưng chúng ít ỏi như vậy, nói ra làm chi để hù dọa quân ta. Quân số của địch đông gấp bốn lần của ta hoặc hơn nữa, các trung tâm huấn luyện các trại dưỡng quân có quá nhiều, không ai nói tới. Các dàn phóng hỏa tiễn 122ly, 107ly bắn như mưa bay cũng chỉ nói tới thông thường như các chiến trường nội địa, thực tế hàng ngày chúng tôi phải đón nhận hàng 500 trái hỏa tiễn. Những giàn phóng hỏa tiễn này, mỗi giàn từ 5 cho đến 7 nòng, gắn trên xe xích trong chiến trường nội địa không có, và ngay cả chiến trường Campuchia chúng tôi đã tấn công ngay vào trung ương cục Miền Nam cũng chưa có loại hỏa tiễn này gắn trên xe xích với 5 hoặc 7 dàn phóng như vậy.

TINH THẦN CHIẾN ĐẤU CỦA ĐỊCH

Mỗi lần chúng tôi bắt được tù binh, dù bị thương hay không bị thương những tù binh này rất hung hãn. Những lúc ngoài chiến trận, họ đứng là đoàn quân cảm tử, coi nhẹ tính mạng, sự sống chết (của quân Cộng Sản bắc Việt Nam) nhẹ tựa lông gà tre. Nhưng sau đó chúng tôi biết ngay và thật tình đau lòng, xót thương cho tuổi trẻ miền bắc. Những anh chàng thiêu thân này đã chích thuốc “Hùng Anh” trước khi xung trận. Đây là loại thuốc kích thích do xưởng sản xuất của Quân Đội Nhân Dân chế tạo, đại để như các loại thuốc sike của dân bụi đời Sài Gòn. Khi chích thuốc này rồi thì coi trời bằng vung, tính mạng coi như không, nhưng khi đã thuốc rồi thì họ lại lấm lét sợ sệt như con gái mới biết yêu lần đầu. Loại thuốc Hùng Anh này chúng tôi tịch thu được rất nhiều, một số tiêu hủy tại chỗ, một số gửi về BTL/chiến trường.

Các đơn vị của ta kể cả những đơn vị phải nhảy ra Bắc Việt Nam, những đơn vị nhảy vùng biên giới, hay những toán Viễn Thám có bao giờ lại hèn kém như vậy. Khi chích thuốc này quả thật có liều lĩnh nhưng không còn sáng suốt, nên các toán đặc công cảm tử của chúng hoàn toàn thất bại khi phải đương đầu với các đơn vị được huấn luyện thuần thục.

KỸ THUẬT TÁC CHIẾN CỦA ĐỊCH

Nếu kỹ thuật tác chiến của những Sư Đoàn chính quy Bắc Việt Nam ở mức độ trung bình thì chắc chắn tôi không còn ngồi để viết những giòng chữ này hầu quý vị. Chúng chỉ có khả năng và quen những trận đánh thư hùng với quân đội Pháp. Chúng chưa được chuẩn bị kỹ càng để đương đầu với đơn vị có trình độ kỹ thuật tác chiến cao. Bởi vậy, cho nên trên trận địa, nếu là tao ngộ chiến, thì 2 tiểu đoàn chính quy của Cộng Sản bắc Việt Nam gặp 1 tiểu đoàn bộ binh Nhảy Dù Việt Nam thì kể như ngày đó là ngày giỗ của cả hai tiểu đoàn địch. Trận Hạ Lào chúng dùng biện người và biện lừa để tàn sát quân ta nhưng chúng đã thất vọng. Bằng có là khi chúng tôi rút ra khỏi Hạ Lào, địch quân không còn lực lượng nào khả dĩ có thể làm tổn thất cho đơn vị rút lui bằng đường bộ. Trong lúc đó đơn vị lui binh, tinh thần cũng xuống mức độ kém, một điểm vô cùng quan trọng là các đài quan sát gần, các toán tiền sát viên Pháo Binh đã bị các đơn vị trinh sát của ta làm sạch sẽ trước khi rút lui, lúc đó chúng chỉ còn khả năng tiêu diệt các đơn vị rút lui bằng trực thăng do các đài quan sát của chúng ở xa xác định được vị trí. Nhờ chúng đã làm địa hình, biết trước nên chiến trường đã được chuẩn bị kỹ càng, chúng đã bố trí các vị trí súng Pháo Binh, Phòng Không, Hỏa Tiễn cũng như các điểm địa hình và các đài quan sát từ khi chúng ta còn ở Sài Gòn, cho nên bất cứ điểm bốt quân nào cũng nằm sẵn trên xạ bản tác xạ pháo binh của chúng. Bởi vậy, nếu không đánh lừa được chúng thì khó mà bốt quân ra an toàn. Hơn nữa, đạn dược của chúng cất dấu sẵn, dư thừa để dùng trong suốt trận đánh không cần phải tiếp tế. Vì có thời gian nên các điểm này được ngụy trang chu đáo, ta rất khó phát hiện được chúng. Đó chính là yếu điểm quan trọng của ta.

KỸ THUẬT PHÁO BINH CỦA ĐỊCH

Nếu trình độ kỹ thuật Pháo Binh của chúng ở mức độ dưới trung bình thì cũng đủ làm cho cánh quân sang Hạ Lào vất vả, nói khác đi chỉ cần một Hạ Sĩ Quan Pháo Binh của ta chỉ huy Pháo Binh của địch tại trận Hạ Lào thì tất cả các Bộ Chỉ Huy, các Pháo Đội, các Căn Cứ Hỏa Lực của ta đều bị tiêu diệt 100% mà chỉ cần tiêu thụ đạn dược bằng 1/10 số đạn chúng đã tiêu thụ. Tôi không đề cao khả năng Kỹ Thuật Tác Xạ Pháo Binh của QLVNCH quá đáng vì tại hải ngoại hiện nay binh chủng Pháo Binh rất đông và chắc chắn có anh em Pháo Binh đọc những giòng chữ này, tôi xin đưa một thí dụ: *Nếu như một ngọn đồi “mục tiêu” đã được làm địa hình, hay chưa làm cũng chỉ chậm hơn mười phút là cùng, vị trí pháo đội làm địa hình, đài quan sát thấy mục tiêu rất tốt, mục tiêu là một pháo đội địch mới thả xuống, chỉ cần một pháo đội 105ly với 1000 đạn đủ loại thì pháo đội địch bị xóa tên ngay trong vòng một vài giờ là tối đa.* Tôi xin dẫn chứng một trường hợp tại Hạ Lào, Pháo Đội A1 Nhảy Dù do Đại Uy Đinh Thành Tấn chỉ huy. Pháo đội vừa được trực thăng vận từ Lao Bảo vào vị trí hành quân, vừa gióng hướng súng xong, bị pháo địch pháo phủ đầu ngay. Không may cho chúng, toán quan sát tại vị trí thấy được một điểm khởi hành vị trí súng của địch, đúng 3 phút sau, PĐA1ND phản pháo trả lời, tiêu thụ khoảng 50 đạn nổ, súng địch im lặng ngay và hai ngày sau, ĐĐ1TSND cho một trung đội tới lục soát, tìm thấy một súng đại bác của địch tiêu hủy 100% và kho đạn nổ văng vãi, cùng những vết máu chan hòa tại chỗ. Ngược lại tất cả vị trí pháo của ta đều đặt lộ thiên, không nguy trang gì cả, mà có muốn nguy trang cũng vô ích, địch có thể quan sát thấy rõ ràng từng khẩu đội. Chẳng hạn PĐA1ND là chúng đã có tọa độ địa hình “mục tiêu”. Chắc hẳn tọa độ vị trí cũng được làm địa hình, vậy mà chúng không làm tê liệt PĐA1ND trong suốt thời gian dài gần hai tháng trời tại Hạ Lào. Không những vậy, không có một vị trí pháo của ta bị tê liệt bởi pháo của địch (*xin trả lời một số bạn đọc hỏi năm 1991 về hai chữ tê liệt dùng trong bài này: Xin thưa nó có nghĩa là không còn hoạt động được nữa. Trường hợp địch pháo làm cho pháo của ta không hoạt động được trong lúc đang bị pháo, được gọi là bị pháo cầm chân, tôi dùng hai chữ này ý như vậy*). Pháo Đội B3 Nhảy Dù tại đồi 31 bị tê liệt là do thiết giáp và bộ binh địch tràn ngập vị trí. PĐC3ND và PĐC44PB, hai pháo đội này vì phải rút bằng đường rừng (đường bộ), cho nên ta tự phá hủy tại chỗ. TĐ1PBND vẫn kéo đủ 18 khẩu đại bác về Sài Gòn. TĐ2PBND, súng đại bác vẫn trong tình trạng tốt. Khi tôi sang nhận chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng tiểu đoàn này tại Đông Hà, Tiểu đoàn đã sẵn sàng 18 súng đại bác 105 ly M102 trong tình trạng tốt để tham chiến giải tỏa áp lực địch tại căn cứ hỏa lực số 6 thuộc Tân Cảnh, Kontum. Cuộc hành quân này khai diễn ngay sau khi chấm dứt cuộc hành quân Lam Sơn 719 Hạ Lào khoảng không đầy 1 tuần lễ sau.

Tôi xác quyết rằng, nếu một Hạ sĩ Quan Pháo Binh của ta làm Tiên sát Viên cho địch, một Hạ Sĩ Quan khác chỉ huy Pháo Đội của địch, bất cứ một Pháo Đội nào của ta, mà địch quan sát được thì chỉ cần 1000 đạn đủ loại, tôi chắc chắn Pháo đội của ta sẽ tê liệt sau một giờ (*thực tế thì pháo đội nào của ta cũng bị địch quan sát từng vị trí một rất rõ ràng và chi tiết vì vị trí pháo nào của ta đều được đóng trên vùng trống trải, cao ráo không có nguy trang gì cả*). Thực tế, sau hơn 1 tháng trời đạn dược phủ lên đầu mỗi Pháo Đội của ta trên 50000 đạn đại bác đủ loại, cộng thêm các loại hỏa tiễn tối tân hiện đại, vậy mà pháo đội vẫn đứng vững vàng và làm tròn nhiệm vụ yểm trợ chiến thuật tại Hạ Lào rất đắc lực.

KỸ THUẬT PHỐI HỢP CỦA ĐỊCH

Tại Hạ Lào, máy liên lạc hữu tuyến cũng như vô tuyến của địch đều nhiều và tinh xảo hơn của ta (nói chung thì tất cả đồ trang bị của địch đều dồi dào hơn ta), vậy mà Bộ Binh, Thiết Giáp, Pháo

Binh của địch không phối hợp được với nhau. Tôi xin dẫn chứng:

Sau khi căn cứ 31 thất thủ, địch quân dồn mọi nỗ lực vào để dứt điểm căn cứ 30. Lúc đó, chúng tôi đang trên máy bay CNC cùng với Đại Tá Lê Quang Lương (tất cả máy bay vào vùng hành quân bị bắn rơi rất nhiều. Sau một tuần lễ thì ít ai dám bay trên trời Hạ Lào. Chúng tôi bay hàng ngày lại cảm thấy sung sướng hơn khi đang ở dưới căn cứ). Sự thực thì chúng đã khởi công đánh căn cứ này từ lâu rồi, nhưng chính lúc này là lúc địch quân muốn dứt điểm ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Chúng dùng 2 trung đoàn bộ binh, 1 trung đoàn thiết giáp, hỏa lực pháo binh dôi dào gấp 10 lần chúng tôi hoặc hơn nữa. Chúng tôi vừa vào vùng trời của căn cứ hỏa lực 30 thì cường độ pháo bắt đầu mãnh liệt, phòng không giăng đầy trời. Hai người xạ thủ đại liên, tay lăm le sẵn sàng thả hỏa châu để chống hỏa tiễn phòng không của địch. Pilot chính đầy kinh nghiệm tránh phòng của địch nên máy bay luôn bị chao đảo thật khó chịu. Nếu bay cao tránh phòng không thì quá dễ dàng, nhưng hành động như vậy không khác nằm ngửa trùm chăn. Hậu quả là ta không vô sự mà địch thì chắc chắn vô sự. Vì khổ nỗi chúng tôi cần quan sát tình hình tại trận địa, nên chấp nhận đùa dờn cho vui. Chúng tôi nhận được vị trí pháo của địch, tôi vội vàng ghi chú ngay để xin oanh tạc. Những vị trí này hoàn toàn ngoài tầm pháo của ta kể cả Pháo 175 ly của Hoa Kỳ đặt tại ranh giới Lào Việt. Lúc này, không quân Hoa Kỳ có yểm trợ nhưng không đâu vào đâu cả, nhìn xuống căn cứ 30 bụi bay mù mịt, đám bụi ngà ngà che lấp hẳn căn cứ 30. Pháo của địch ngưng thì 10 phút sau bộ binh địch khởi sự tấn công. Trên máy bay trông xuống như một đàn kiến bu quanh căn cứ. Các pháo đội của ta hoạt động rất hữu hiệu. Tôi im lặng dành cho các TSV và SQ/LL làm việc. Những loạt đạn nổ cao của ta hiệu quả vô cùng. Chỉ sau chừng 10 loạt đạn CVT của mỗi pháo đội thì đàn kiến không còn nữa. Nhưng cứ hết đàn kiến này đến đợt đàn kiến khác, chúng chỉ làm mồi cho đạn pháo và các chiến sĩ phòng thủ căn cứ 30. Sau nhiều đợt xung phong bằng Bộ Binh thất bại, chúng khởi sự tấn công bằng Thiết Giáp. Chúng tôi đếm được 15 chiến xa PT76 tiến vào căn cứ bằng hai ngã đông-bắc và đông-nam. Các ngã khác dốc nên chúng chỉ có thể tấn công bằng bộ binh mà thôi. Tôi phải hướng dẫn hai pháo đội của ta xử dụng đạn no, để chống chiến xa rất hữu hiệu. Pháo đội C44PB 155ly không có đạn chống chiến xa nên phải dùng đạn nổ mạnh để chống chiến xa. Tôi quan sát thấy những viên đạn pháo 155 ly của ta cứ bay lên trời rồi mới nổ, tôi hiểu ngay là pháo đội đã vặn đầu nổ về (delay) nổ chậm, vì thế cho nên khi đạn trúng chiến xa bị chạm nảy bay lên trời mới nổ không làm hư hại chiến xa địch (lúc đó thiết giáp địch còn ngoài tầm M72 của ta). Vì địa thế chỉ có PĐC44PB 155ly là trực xạ được, còn PĐC3ND 105 ly không trực xạ được, *(tôi bay xuống thấp hơn và hướng dẫn Pháo Đội Trưởng C44 trực xạ tiêu diệt chiến xa địch, bằng cách vặn đầu nổ trả lại vị thế (squick) nổ nhanh, nhờ vậy chiến xa địch đều bị tiêu diệt trước khi lại gần. Tại Hạ Lào hay trong bất cứ cuộc hành quân nào, chỉ danh của tôi đều là 11 “Mười Một”, trong cuốn tử thủ đồi 30 tác giả Trương duy Hy có nhắc đến đoạn này)*. Khi địch quân xử dụng Pháo Binh và bộ binh phối hợp với nhau vào ngày hôm sau thì bộ binh của chúng lại bị thiệt hại bằng chính pháo binh của chúng. Trận này có dịp tôi sẽ nói tường tận sau. Chúng ta thấy, nếu chúng biết phối hợp nhịp nhàng thiết giáp + bộ binh + pháo binh thì căn cứ 30 không thể chống cự dai dẳng hơn tuần lễ. Rồi sau đó, đơn vị đồn trú phải tự ý rút lui khỏi căn cứ khi tiếp tế đạn dược và tản thương vô cùng khó khăn. Nói cho đúng là trực thăng không còn hoạt động tiếp tế hay tản thương được nữa vì pháo và phòng không của địch quá dồi dào.

Cũng như ngày tất cả các đơn vị của ta rút ra khỏi Hạ Lào, các đơn vị địch mạnh ai nấy đánh, các đơn vị pháo binh của chúng dùng các hỏa tập không quan sát, pháo vu vơ dôi lúc trở thành yểm trợ cho quân ta trên đường rút quân. Nếu địch quân phối hợp nhịp nhàng thì trong chiến trận cũng như lúc rút quân ra khỏi Hạ Lào tai hại cho ta không thể lường được.

KẾT LUẬN

Chúng ta vào Hạ Lào vì nhiệm vụ phá hủy kho tàng, tiềm năng tiếp vận của địch. Chúng ta ra khỏi Hạ Lào vì nhiệm vụ của chúng ta đã hoàn tất. Ngày rút quân ra khỏi Hạ Lào, hai đài VOA và BBC đã thông báo trước cho địch quân. Khi cần hai đài phản bội loan tin thì địch quân cũng phải biết như vậy. Chúng đã lấy được toàn bộ lệnh hành quân của ta. Khi trực thăng của vị sĩ quan Tham mưu BTL/Hành Quân bị bắn rơi khi cuộc hành quân vừa bắt đầu, không lẽ chúng ta còn ở lại khi nhiệm vụ của chúng ta đã hoàn tất?

Hành quân tấn công địch tương đối dễ hơn, hành quân rút lui, trong lúc khó khăn đó mà thành công được là điều chắc chắn tinh thần kỷ luật phải cao. Các Sĩ Quan chỉ huy trực tiếp phải tinh khôn và gan dạ. Hơn nữa, địch quân phải hoàn toàn mất tinh thần, hoặc địch quân phải tổn thất quá nặng nề, nếu không đoàn quân rút lui sẽ bị tiêu diệt hoặc ít ra tinh thần cũng sa sút trầm trọng, muốn tham chiến lại được cũng phải một thời gian sau khi đã được tái huấn luyện kỹ càng.

Xin các Đấng Linh Thiêng của dân tộc Việt, xin Hồn Thiêng sông núi, xin linh hồn của các chiến sĩ vô danh, xin vong hồn của bạn bè, xin Trời Phật, xin Ông Trên hãy phù hộ cho đàn con yêu của đất nước được vững mạnh tinh thần, xin các vị chuyên viết phóng sự chiến trường bằng tài liệu hãy nương tay, để ngày rất gần **Hoa Dù** lại nở trên quê hương ta.

CVA Mũ Đỏ Bùi Đức Lạc

Hoàn chỉnh lại ngày 19 tháng 6 năm 2003 để gửi đăng vào Đặc San Chu Văn An 2004.

* * *

VỊNH CHU VĂN AN

Một số dâng lên đòi chém bảy nịnh thần

Chu Văn An rền vang thiên cổ

Lời chính khí vượt bốn ngàn năm lịch sử

Nội, ngoại, chất, chiu đoàn tụ dưới chân thầy

Đỗ Bưởi, CVA 1960

TRƯỜNG BƯỞI: KỶ NIỆM XA XƯA

CVA Trương Đăng Đệ

Thế là tôi đã thi đậu vào trường Bưởi: Đó là vào năm 1939, khi tôi 13 tuổi. Đành rằng sự đào tạo một người kéo dài suốt từ lúc bắt đầu đi học cho đến khi rời ghế nhà trường, nhưng đối với tôi có

lễ trường Bưởi đã có ảnh hưởng sâu đậm nhất, giúp cho tôi có một số vốn kiến thức phổ thông gọi là khá vững vàng. Nhờ đó sau này, sau khi bỏ học 9 năm vì tham gia kháng chiến chống Pháp, tôi đã có thể vừa làm (ở Nha Trang) vừa học hoàn tất bậc đại học không khó khăn lắm mà chẳng có mặt ở trường bữa nào, chỉ nhờ người mua cours ở Saigon gửi ra và những sách tôi mượn ở các Thư viện. Có nhiều người tự hào đã là học sinh trường Bưởi, kể cũng đúng, như tôi còn nhớ hôm đầu tiên họp thành lập Hội Cựu Học Sinh Bưởi - Chu văn An ở Montreal, có bạn đã lên tiếng nhất định phải thêm chữ Bưởi chứ không chịu chỉ dùng tên Chu văn An.

Năm tôi thi vào, nếu tôi nhớ không sai thì đề thi luận Việt văn là bình luận câu " Giấy rách phải giữ lấy lề ". Lúc đầu, tôi hơi sợ vì chẳng biết lề là gì. May sau nhớ lúc nhỏ, ông nội tôi có dạy tôi một ít chữ nho, khi đóng những cuốn vở tập viết bằng giấy bản phải dùng giấy xe lại làm lề giữ các tờ giấy lại với nhau, tôi mới giải nghĩa được rồi tán rộng thêm mà làm bài. Tôi nghĩ bài có lẽ khá, cộng thêm những môn khác làm cũng được và oral cũng trôi chảy nên tôi đậu khá cao, thứ 13 trên 160 học sinh được tuyển. Tôi chỉ học 4 năm ở trường Bưởi: tôi thi vào seconde hồng, phần vì thời cuộc từ năm 43 bắt đầu lộn xộn, phần lớn vì lười, không có ai kiểm soát (ông thân tôi đi làm ở tỉnh khác) nên rút kinh nghiệm sau này, đối với con dù lớn tôi vẫn phải đốc thúc sự học hành của cháu. Trong 4 năm đó, biết bao kỷ niệm, tôi bắt đầu bằng khi đi tới trường.

Nhà tôi ở đường trước nhà Rượu, tên lúc đó là Sergent Larrivé, sau đổi là Yersin, cách nhà cụ Trần trọng Kim và cụ Bùi Kỷ lối 100m. Tôi hằng ước ao có xe đạp để đi học, song ông thân tôi sợ nguy hiểm - tuy lúc đó Hà nội chỉ có khoảng 300000 người, xe cộ thưa thớt - nên tôi phải đi bằng tàu điện. Ông cứ tưởng rằng đi tàu điện thì an toàn, nhưng có biết đâu có khi còn nguy hiểm hơn là bằng xe đạp. Ở đầu đường nhà tôi ra gặp phố Huế là một chỗ tàu điện ngưng, nhưng chỉ là một arrêt facultatif, thành thử gần tới ngã tư mà nghe tiếng leng keng từ xa là tôi phải chạy tới cho kịp để tàu thấy mà dừng lại. Nhưng nhiều khi không kịp thì phải chạy theo bám vào thanh cửa tàu để nhảy lên, rồi khi về lại phải nhảy xuống. Được cái thường thường tới gần ngã tư đó thì tàu chạy chậm lại và nhảy riết rồi cũng quen. Tuy nhiên, lắm lúc hơi quá ngã tư một chút, tàu tăng tốc độ, mình vẫn cố chạy theo, khi nhảy lên tàu rồi mà hú vía, đến nay còn lạnh lặn là có phúc lắm, chứ biết bao tai nạn đã xảy ra cho người khác.

Tàu điện chạy từ phố Huế qua chợ Hôm, rạp chiếu bóng Majestic, đằng trước là trại lính khố xanh, nhà Gò đa, dọc theo hồ Gươm thỉnh thoảng thấy rùa to gần bằng cái nong lên phơi mình ở Tháp Rùa, rồi qua Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường, chợ Đông Xuân. Trước chợ có hiệu thuốc Lào Đông Mỹ nổi tiếng không phải vì thuốc Lào ngon, vì chúng tôi có ai biết hút đâu, mà vì có cô bán hàng xinh đẹp. Sau này nghe nói hiệu tản cư và cô lấy một bác sĩ thì phải; rồi tàu qua Hàng Than, vòng qua nhà Máy nước đến đường Quan Thánh, thẳng tới Hồ Tây rồi đến trường Bưởi với tấm bảng lớn " Lycée du Protectorat " trên cửa chính, cái tên gọi trong đầu óc tuy còn non dại của tôi một cảm tưởng bất bình và nhục nhã, cũng giống như bức tượng Paul Bert trông ra Hồ Gươm vậy. Tàu đậu trước một chỗ đợi có mái nhỏ che mưa nắng, các bạn đi xe đạp đứng đầy trước cổng phụ. Khi cổng mở, chúng tôi đi vào, ai đi xe đạp thì dắt tới hangar để xe, treo lên những móc, một đặc điểm của trường Bưởi mà tôi không thấy ở một nơi nào khác.

Trước khi vào học nếu giờ còn sớm và trong giờ ra chơi, một số chúng tôi thường đá cầu, quả cầu làm bằng hai đồng chĩnh, một đồng bọc vào một mảnh giấy, nếu là giấy kính thì tốt nhất, và mảnh giấy này được túm lại xuyên vào lỗ của đồng thứ hai kẹp xuống ; hai đồng chĩnh là vừa chứ một đồng thì quá nhẹ và một đồng xu lại quá nặng. Đá cầu chơi tựa như bóng chuyền: một sợi dây được căng giữa hai cây, ngang tầm mắt, hai bên, mỗi bên từ 4 đến 6 người tùy số người tham gia, có thể đưa cầu qua 2 hay 3 người theo quy định trước rồi đá sang bên kia. Đá cầu phải dùng giày bata mới sướng vì đỡ bị kẹp quai như dùng sandales. Có những bạn đá cầu thi, hoặc một chân, hoặc hai chân, ai đá được nhiều lần thì thắng. Lúc đó tôi có thể đá cả trăm lần một lúc. Chơi mệt khát nước thì luôn luôn có một

thùng nước trà nóng đặt trong một kiosque nhỏ gần đó. Một hồi trống đánh báo giờ học bắt đầu. Lớp nào lớp nấy xếp hàng rồi theo lệnh giám thị đi vào phòng học. Mỗi lớp có 40 trò, có khi thêm một hay hai người. Hai người ngồi một bàn nhỏ, lớp học rộng rãi, thoáng và yên tĩnh, kỷ luật nghiêm minh. Các thầy đều được lựa chọn, đó là những nhân tố giúp việc học hành của chúng tôi nói chung đều được kết quả tốt.

Nói đến các thầy, tôi chỉ kể lại một số thầy có những đặc điểm nổi bật, từ lớp nhỏ lên. Trước hết là thầy Thẩm Quỳnh dạy Hán văn, môn này chỉ có ở hai lớp đầu. Cụ Quỳnh luôn luôn khăn đóng, áo dài chỉnh tề. Có lẽ cụ cũng biết môn Hán văn là môn sắp hết thời nên cụ dễ dãi với tụi tôi lắm, đó là môn học duy nhất mà tôi quay phim, hay nói đúng hơn là khi làm bài tập hay bài thi thì ai nấy đều để vở dưới học nhìn mà làm bài, cụ biết nhưng làm lơ. Nếu cụ cũng khó như các thầy khác, có lẽ bây giờ tôi đã có một số vốn chữ Hán. Câu cụ thường nói tôi còn nhớ là " Lão ô bách tuê bất như phượng hoàng sơ sinh ", và " Hậu sinh khả úy". Sau này, có lần vào Saigon chắm thi Tú tài ở trường Gia Long, nghe cụ hiện đang ở một phòng trong trường, tôi tới thăm. Tôi chào cụ, tự giới thiệu trước là học sinh của cụ, cụ hỏi " Ngày bây giờ làm gì? " làm tôi hơi sững và ngượng. Có thể do tác phong nhà nho hoặc như cụ nói là hậu sinh khả úy, cụ nghĩ là học trò cụ đều làm lớn nên ai cụ cũng gọi bằng ngài cả. Kể đến là thầy Sáu " lợ ". Chính thầy là giám khảo hỏi tôi oral về môn toán khi thi vào trường Bưởi. Khi dạy chúng tôi ở hai lớp đầu, thầy lại dạy về Ecriture và Comptabilité, bây giờ ở đây gọi là Tenue des livres. Tôi không hiểu tại sao học trò lại thêm tĩnh từ "lợ" vào tên thầy, tĩnh từ này có ý nghĩa xấu. Khi dạy thầy hút thuốc liên miên, có vẻ bất cần đời. Nhờ thầy mà tôi biết viết thêm chữ ronde và gothique không dạy ở tiểu học. Rồi đến thầy Phúc dạy Pháp văn mà học trò gọi là Phúc "sa đi ", vì thầy mặc quần tây hơi chật nên " bìu " xệ xuống một đồng lộ lộ lệch sang một bên khi ngồi, học trò ở dưới thấy rõ lắm. May mà thầy không dạy ở trường nữ. Cũng như các thầy khác dạy môn Pháp văn, chúng tôi phải soạn bài lecture thật kỹ: trước hết là phần vocabulaire, tất cả những chữ nào mình cho là khó phải tra tự điển định nghĩa để có thể trả lời khi thầy hỏi, sau đó là idée générale, rồi plan, cuối cùng là trả lời một số câu hỏi về văn phạm và ý nghĩa in trong sách.

Thầy Nguyễn gia Tường dạy Vạn vật thì thật là đặc biệt. Khi thầy vào lớp, học trò đứng dậy chào, thầy luôn luôn nói "Assoyez-vous" chứ không "Asseyez-vous" như những thầy khác. Thầy đặc biệt ở chỗ thầy giảng bài thật khúc triết, rõ ràng: Giảng đến đâu, thầy vẽ và viết trên bảng đen đó, thường theo thứ tự I La mã, A lớn, 1 thường, a nhỏ. Khi thầy giảng xong, chúng tôi đã có một dàn bài tỉ mỉ, đầy đủ, kèm hình vẽ rõ ràng (thầy vẽ rất đẹp): nào các bộ phận của hoa hay hạt bắp, nào các loại lá hay rễ cây...giúp chúng tôi dễ học và dễ nhớ. Thầy Nguyễn văn Chính thì trái hẳn: Thầy dạy chúng tôi theo kiểu cho sinh viên đại học về môn địa lý cho cả 4 năm. Khi đến bài mới, thầy bảo chúng tôi về soạn bài gì đó, trang mấy. Chúng tôi phải soạn dàn bài rất tỉ mỉ với bản đồ đầy đủ vì thầy kiểm soát bài soạn rất kỹ và truy bài thì không thầy nào sánh nổi nên chúng tôi gọi thầy là Ông Ba mươi. Thầy bỏ hầu như gần hết cả giờ để kiểm soát bài soạn và nhất là hỏi bài, và chúng tôi phục thầy có trí nhớ đặc biệt vì không có chi tiết nào mà thầy quên, không những về địa lý Việt nam hay của Pháp mà của cả thế giới, từ Nhật bản, Trung hoa đến Canada, Brésil, từ Na uy, Đan mạch đến Ấn độ, Congo...Theo tôi, lối của thầy Chính rất hay, bài địa lý thường rất dài, nhưng nếu tự mình làm xong dàn bài chi tiết thì hầu như đã thuộc được nửa bài rồi. Đó cũng là phương pháp mà tôi đã áp dụng khi tôi tự học chương trình đại học sau này.

Ngoài các thầy vừa kể trên, còn nhiều thầy khác như thầy Bằng, giáo sư chính của lớp tôi năm đệ tứ, người cao ráo, ăn mặc âu phục có gout lắm, thầy Khang mà học trò gọi là "ba" Khang dạy tôi sử năm đệ tứ, được học trò mến vì tính dễ dãi, một năm nhân dịp trường tổ chức hội thường niên có chỗ đến cho mỗi chúng tôi một gói xôi Saigon (lần đầu tiên tôi được ăn xôi này), thầy Đào Hùng dạy toán, về sau tôi thấy có tên trong nhóm soạn Tự điển Bách khoa Việt nam ở ngoài Bắc, thầy Vũ lai Chương dạy lý hóa trong cái amphithéâtre đặc biệt của trường, thầy Tô ngọc Vân rồi cô Lê thị Lựu dạy vẽ mà mỗi lần đến giờ phải mang theo cái carton to lớn kèn càng. Thật là thiếu sót nếu không nhắc đến các

môn thủ công do thầy Khánh tốt nghiệp trường Kỹ nghệ thực hành phụ trách dạy cách cưa, đục, dũa gỗ và sắt trong cái atelier phía sau, giờ Jardinage do thầy Vouillon dạy cách đào đất, làm luống, ủ rơm làm phân bón..., và giờ âm nhạc do một thầy người Pháp tôi không nhớ tên dạy lý thuyết về âm nhạc. Các môn sau này tôi nghĩ chỉ ở trường Bưởi mới có, và một phần cũng nhờ các môn đó mà bây giờ ngoài cái thú đọc sách và thỉnh thoảng viết lách đôi chút để bắt trí óc làm việc, tôi còn thích làm vườn, sửa chữa các đồ lặt vặt trong nhà, chơi nhạc, rất có ích trong lúc tuổi già vì chẳng bao giờ thấy thất nghiệp cả.

Tôi tiếc không được học với thầy Nguyễn Mạnh Tường vì lúc đó thầy dạy những lớp trên, nhưng tôi biết tiếng thầy và kỷ niệm duy nhất là tôi nhớ một lần nhìn vào xe ô tô của thầy (thầy là giáo sư đọc nhất lái xe đi dạy) thấy cái bảng đồng trong xe ghi " Nguyễn mạnh Tường, Docteur en Lettres, Docteur en Droit" mà tôi phục quá, nhất là thầy còn rất trẻ. Sau này tôi còn phục hơn nữa khi được nghe kể là, có lần thầy dạy thì có một viên thanh tra người Pháp tới lớp, thầy hỏi " Ông tới thanh tra hay tới nghe?". Viên thanh tra nói là tới thanh tra, thầy liền bỏ dạy vì viên thanh tra này chỉ có bằng cử nhân, và thầy xin thôi dạy, ra làm nghề luật sư. Không rõ chuyện có đúng không, để các bạn nào biết rõ xin thuật lại cho đúng. Thật là đáng tiếc một người tài giỏi, đầy lòng yêu nước như thầy mà về sau bị cộng sản đày đọa sống trong nghèo khổ, bệnh hoạn trong cuối cuộc đời chỉ vì thầy đã viết một bài nổi danh để vạch những sai trái của chúng trong cái cách ruộng đất.

Tôi tưởng cũng cần phải nhắc đến một kỷ niệm khác: đó là sân vận động của trường, sân mà tôi thường ở lại tập sau mỗi giờ học buổi chiều, ngoài một giờ tập thể dục mỗi tuần vào buổi sáng sớm do một viên đội người Pháp tới huấn luyện. Ở sân trường đi ra sân vận động, bên phải dọc theo đường tàu điện là một cái barre fixe, lúc đó tôi có thể kéo người lên tới cầm cả 50 cái, rồi một cái portique có treo anneaux, dây thừng để tập leo, rồi đến barres parallèles, tiếp theo là chỗ tập nhảy cao, nhảy dài, không hiểu bây giờ có còn như xưa không. Phía bên kia là hồ Tây thỉnh thoảng có chiếc thủy phi cơ của Pháp tới đậu. Cũng tại sân vận động này mỗi năm chúng tôi tập mouvements d'ensemble trong nhiều ngày để chuẩn bị cho ngày hội của trường. Nhớ tới ngày hội, tôi liên tưởng tới bài bài hát của trường mà tôi chỉ còn nhớ vài câu như:

Nous, les jeunes, les grands, les forts,

Nous allons, joyeux par le monde

Épris d'azur, de soleil d'or,

Entrez, entrez dans notre ronde...

.....

Au bord de ton Grand Lac, LyPro.

Tu as formé notre jeunesse, Ly Pro...

Vive Ly Pro!

Bây giờ nói về các bạn, ở Montreal tôi chỉ có hai người đồng khóa: đó là các anh Đặng ngọc Ái và Phạm tất Tiến, vì lứa tuổi chúng tôi vào các năm 45, 46 là lứa tuổi 19, 20 nên phần lớn đã tham gia kháng chiến chống Pháp chỉ vì yêu nước, muốn nước nhà được độc lập. Sau 1954, vì lý do này hay lý do khác, hầu hết đều ở lại ngoài Bắc. Phần tôi, tôi nghĩ đất nước đã độc lập rồi, mình đã làm tròn nhiệm vụ một người công dân đối với tổ quốc, và vì không đồng ý với nhiều chính sách của cộng sản nên tôi đã đi vào Nam để tránh một chế độ độc tài, tàn ác, dối trá, và để được sống tự do cùng mở rộng tầm con mắt của mình hơn. Trong các bạn thân cùng lớp, tôi còn nhớ anh Nguyễn gia Phúc rất

giỏi toán, anh sau làm bác sĩ và tôi có gặp anh một lần tại phòng mạch của anh ở Bến Chương Dương, Saigon, chắc anh còn ở lại Việt nam; anh Bùi Hồng, dược sĩ có nhà thuốc lớn ở Khánh hội, nay anh ở Pháp; anh Từ bộ Lãng, nghe nói đã làm lớn (tình trạng gì đó?) trong chính phủ miền Nam (1). Về phía bên kia thì có anh Hà vinh Thăng, con ông tuần phủ Ninh Bình, anh đã nhập ngũ vào trường Võ bị Trần quốc Tuấn khóa 1 ở Sơn tây năm 46 (trường này có 1 học viên mà nhiều người ở Miền Nam biết tiếng: anh Phạm ngọc Thảo, nguyên đại tá Tỉnh trưởng Bến tre và cũng là gián điệp CS). Nhóm nhập hội Chuối ở trường Bưởi như các anh Phùng văn Phúc, Cầu, Tiết. Anh Phúc thân nhất, có ý thăm dò. Nếu như lúc đó anh rủ tôi vào hội, có lẽ tôi cũng đã gia nhập. Anh Cầu thì có lần tôi đã tới nhà anh, tôi còn nhớ ở số 13, phố Hàng Bè , gần phố Cầu Gỗ. Sau tôi nghi Hội Chuối do thầy Ngụy như Kontum đứng đầu thì phải, là một tổ chức của Cộng sản, và các anh trong hội chắc sau này có chức vụ cao trong chính quyền cộng sản vì riêng anh Cầu, tôi biết anh vào năm 1946 đã là trung đoàn phó trong Tiểu khu (?) Sơn Tây đóng ở Tong. Tôi biết điều này vì năm ấy tôi đang theo học lớp Võ bị Trần quốc Tuấn khóa 1 ở Sơn Tây cùng với anh Hà vinh Thăng, một hôm tiểu đội tôi trực, nhà trường cử tôi tới Tiểu khu mượn một súng mortier 60 về để dạy. Người tiếp tôi ở tiểu khu chính là anh Cầu. Tôi không ngờ lúc đó anh đã làm lớn vậy. Sau nghe nói trong những năm 60, anh đã lên tướng dưới tên là Lê Quân và đã bị tử thương ở miền Trung (2).

Vì khóa chúng tôi ở đây ít quá nên tôi có nhờ anh Đỗ phan Hạnh, chủ tịch Hội Bưởi-Chu văn An ở Montreal, liên lạc với các hội bạn ở Mỹ, Pháp...và ở trong nước để biết tin của các bạn khác, nhưng nghe chừng khó quá, nhất là đối với trong nước, chắc phải đợi nước nhà có tự do, dân chủ về mới may có thể liên lạc và có cơ hội gặp lại. Tôi không chủ trương về lúc này tuy rất nhớ trường, nhớ bạn, nhớ những nơi đã ở, đã đi qua, biết bao nhiêu kỷ niệm, vì tôi không thể làm đơn xin phép một ngụy quyền mà tôi không thừa nhận.

Tôi viết bài này ghi lại những kỷ niệm xa xôi của tuổi niên thiếu để tri ân các thầy cũ đã có công đào tạo nên tôi, giúp tôi có một số vốn kiến thức và kinh nghiệm hầu tiếp tục cái nghề cao quý của các thầy, đào tạo các lớp hậu sinh; và cũng để nhớ lại các bạn cũ đã từng một thời cùng tôi mài dũa quần trên ghế một nhà trường thân yêu có tên là trường Bưởi.

Bổ túc tháng 6/ 2003.

CVA Trương đăng Đệ.

Phụ chú:

(1) Anh Từ Uyên, bác sĩ ở Montreal lần đầu gặp gọi tôi là đại ca; thấy tôi hơi sừng, anh giải thích ngay là vì anh cũng học ở trường Bưởi nhưng sau tôi một, hai năm. Anh có họ với anh Từ bộ Lãng và cho tôi biết anh Lãng chỉ là một viên chức trung cấp chứ không phải là tỉnh trưởng.

(2) Sau này, cuốn " Kỷ niệm 100 năm thành lập trường Bưởi " in ở Hà Nội cho biết các anh Phùng văn Phúc, Tiết và Cầu đều đã hy sinh. Nếu tôi gia nhập hội Chuối thời đó thì chưa chắc có dịp viết bài này. Riêng anh Cầu, trung đoàn trưởng Trung đoàn 42 thì đã tử trận ở Liên khu 3. Trung đoàn này được anh Trần Thu đề cập tới trong cuốn " Tử tù tự xử lí ". Anh Thu là một chính trị viên tiểu đoàn của trung đoàn, và trong sách anh cho biết anh cũng là cựu học sinh trường Bưởi.

* * *

Dạ ầm

Phạm Hữu Thuật

*Rót đi anh uống cùng em
Rượu vào càng bốc hơi men càng tình
Rót đi, ta cạn chén quỳnh
Bỗng dưng anh thấy em xinh hơn người
Rót đi, rót nữa đi thôi
Để anh quên lãng cái đời gió sương
Rót đi thêm chút tình thương
Đời anh đã hết can trường vì em
Rót đi, rót nữa anh xem
Rượu bầu còn đó, nỗi niềm còn đây
Rót cho, anh uống thật say
Lũng lờ rượu chảy, tháng ngày trôi theo
Rót cho thêm chút tình yêu
Cuộc vui đầy sáng, hết chiều qua đêm
Rót cho anh uống say mê
Để anh quên hết đảo điên trên đời
Rót đi, rót mãi cho vui
Nhìn tay em rót, cảm người tri âm*

** * **

**TƯỞNG NIỆM
ĐẶNG CHÍ HIẾU**

Nghiêm

Tháng 10-1951, lệnh động viên của Chính phủ Quốc Gia Việt nam do Quốc Trưởng Bảo Đại ban hành bắt đầu có hiệu lực. Hầu hết các bạn cùng lớp Đệ Nhất C (sau này được đổi tên là lớp 12C) trường Chu văn An, chúng tôi lên đường nhập ngũ. Đến trường Sĩ quan Trừ bị, tạm thời sử dụng cơ sở Trường Võ bị Địa phương Nam định tại trại Carreau gần nhà Máy Dệt Nam định. Chúng tôi được phân phối về các Đại đội và Trung đội, sau đó là chương trình huấn luyện trong 8 tháng. Tháng 6-1952, tôi ra trường với cấp bậc Thiếu úy Trừ bị, chuyển về Tiểu đoàn 26, Đại đội 4, đóng đồn tại Trung Lãng thuộc quận Tiên Lãng, cách Bến đò Khuê, Kiến an chừng 2km đường chim bay.

Cuộc đời lính chiến của tôi bắt đầu khi tôi trình diện Đại đội trưởng Đại đội 4. Chiếc xe Dodge 4 ngừng ở cổng đồn, tôi cùng Sĩ quan Tế Mục Vụ (phụ trách phát lương), đến Văn Phòng Đại đội 4. Một sĩ quan cao hơn gây mang cấp bậc Thiếu úy bước ra, dáng dấp chững chạc với đôi mắt sáng ngời. Tôi đứng nghiêm, gõ gót giày đánh cốp và giơ tay chào, rất trang trọng, tự giới thiệu: "Sous-Lieutenant Vũ Đức Nghiêm, à vos ordres, mon Lieutenant.!" (tiếng Việt là: Thiếu úy Vũ Đức Nghiêm, chờ lệnh Đại đội Trưởng. Thời đó các Sĩ quan Việt nam khi gặp nhau thường chào nhau bằng tiếng Pháp). Vị sĩ quan Đại đội Trưởng chào lại, bắt tay tôi, và nói: "Sous -Lieutenant Hoàng Ngọc Tiêu!" Rồi anh mỉm cười, nói dõn: "Thiếu úy mới ra trường có khác!" Tôi được xếp đặt ở chung phòng với Thiếu úy Tiêu và chúng tôi thân nhau rất nhanh. Anh xuất thân khoá 4 Trường sĩ quan Đà Lạt tháng 12-1951, và đã phục vụ ở Tiểu đoàn 26 từ khi ra trường. Công việc hằng ngày của Đại Đội tương đối nhàn nhã. Việc cắt cử Trung đội trực nhật lo canh gác và tuần tiễu đã có Thượng sĩ Thường vụ Đại đội trách nhiệm. Ông Thượng sĩ già này báo cáo trực tiếp lên Đại đội Trưởng. Tôi được đề cử làm Trung đội trưởng Trung đội 1. Tiếng là Trung đội trưởng nhưng tôi rất ít khi ra khỏi đồn, hầu như suốt ngày chỉ học đánh tổ tôm hoặc đánh cờ giải trí. Do đó, tôi đã trở nên lười biếng và nhút nhát và không học hỏi được một chút kinh nghiệm chiến trường nào cả. Sau này nghĩ lại, tôi mới thấy rằng mình là một người vô dụng, phần lớn cũng là do anh Tiêu quá cưng chiều tôi không muốn tôi vất vả đi hành quân.

Ít tháng sau, anh Tiêu được thăng cấp Trung úy và được đề cử làm Tiểu đoàn phó TĐ 26. Trung úy Nguyễn đình Trương về thay anh Tiêu, tính tình rất hoà nhã nhưng cứng rắn hơn. Cùng thời gian ấy, Trung sĩ nhất Đặng Chí Hiếu được bổ nhiệm về làm Trung đội phó của tôi. Tôi được biết Trung sĩ nhất Hiếu xuất thân từ hàng binh sĩ, tức là anh nhập ngũ với cấp bậc binh nhì. Qua nhiều năm tác chiến, anh đã lên cấp Trung sĩ nhất. Anh Hiếu lớn hơn tôi chừng một hai tuổi, người nhỏ nhắn, dáng dấp như một thư sinh, nhưng rất có uy đối với binh sĩ dưới quyền.

Một ngày cuối tháng đến kỳ phát lương, Đại đội được lệnh hành quân ra Bến đò Khuê, cách đồn Trung Lãng chừng 2 km chim bay đón Sĩ quan Tế Mục vụ đến phát lương. Trung đội 2 trực hành quân được lệnh mở đường đi theo trục lộ chính đến Bến đò Khuê. Trung đội 1 do tôi chỉ huy có nhiệm vụ tiền quân chiếm các điểm cao bên phải con lộ yểm trợ cho Trung đội 1 vì phía bên phải con đường có một ít thôn xóm xa xa, nơi Việt Minh có thể ẩn nấp bắn về phía quân bạn.

Trung đội 1 cử toán tiền sát với một tổ súng máy tiến chiếm các gò cao. Trung sĩ nhất Hiếu đi đầu, hiên ngang tiến về phía trước quan sát kỹ rồi thổi một tiếng còi ngắn phát tay ra hiệu cho khinh binh tiến chiếm gò cao, rồi một tiếng còi tiếp theo, anh phát tay ra lệnh cho tổ súng máy rời vị trí tiến chiếm một gò cao khác trước mặt. Có tiếng súng địch nổ ròn về phía quân ta, những viên đạn cày lên trước mặt chừng 20 mét. Như một phản xạ tự nhiên, tôi phóng mình ẩn núp sau một ngôi mộ xây. Nhưng khi nhìn lại Trung sĩ nhất Hiếu, thấy anh vẫn thản nhiên đứng ở gò cao, giơ tay chỉ về hướng địch ra lệnh cho tổ hỏa lực: "Súng máy biểu xích 800 mét, mục tiêu: lũy tre trước mặt. Bắn!". Từng tràng đạn trung liên BAR nổ ròn rã, làm súng địch câm họng. Anh Hiếu cho lệnh thôi bắn, và tiếp tục cho lệnh khinh binh tiến về phía trước. Tôi thầm phục anh Hiếu và cảm thấy xấu hổ vô cùng vì đã

không có được cái dũng khí và thần nhiên như anh trước họng súng thù. Buổi chiều khi rút quân về đồn, tôi nói chuyện với anh với một niềm cảm mến và thăm phục anh đã nêu gương sáng cho tôi. Anh thần nhiên trả lời:” Thiếu úy không nên nghĩ thế, tại vì Thiếu úy chưa quen đó thôi. Đụng trận đôi ba lần, rồi đầu cũng vào đấy cả. Và lại đạn nó tránh mình. Sống chết có số cả...”

Ngày tháng qua dần, dường như không có gì quan trọng xảy ra, trừ một vài lần địch quân lợi dụng trời tối, đã dùng loa tuyên truyền kêu gọi anh em trong đồn hãy quay về với Tổ quốc! Để đáp lại, binh sĩ ở các lô cốt được lệnh nổ súng về phía địch, tiếng loa im bật rồi lại di chuyển chỗ khác để phát thanh tiếp tục. Trong đồn không ai phản ứng, chúng kêu gọi chán rồi thôi.

Một ngày tháng 5-1953, Trung úy Đại đội Trưởng (Thiếu úy Nguyễn đình Trương đã thăng cấp Trung úy) cho lệnh đại đội hành quân ra phía đầu làng gần đồn chừng 2 km để họp cùng dân làng, khai quang những gò cao với những bụi cây um tùm mà địch có thể sử dụng để phục kích quân ta. Hành quân từ sớm, chiếm xong mục tiêu, các trung đội bố trí hướng về chung quanh. Tình hình yên tĩnh cho đến buổi trưa. Sau khi giao nhiệm vụ cho Trung sĩ Hiếu, Trung úy Trương và tôi đi kiểm soát lại các vị trí, dặn anh em canh gác cẩn thận, rồi đi bộ về đồn. Vừa về tới đồn thì tiếng súng nổ rân. Tôi chạy bay ra hầm truyền tin, đâm sầm vào anh Trương đang chạy ra tổ súng cối. Sức đụng mạnh làm tôi tối tăm mặt mũi, còn anh Trương văng mất kính. Trong máy truyền tin, tiếng Trung sĩ I Hiếu gọi cấp cứu:” Alô, Non Nước, đây Hồng Hà. Tôi bị địch tràn ngập. Xin tiếp viện gấp!”. Trong lúc đó Trung úy Trương ra lệnh cho súng cối 81 ly nã đạn tới tập về phía đầu làng, nơi có những bóng đen đang rút chạy. Tôi tập hợp Trung đội ứng chiến, kéo quân thật nhanh đến đầu làng, tập hợp anh em binh sĩ và khiêng trung sĩ Hiếu về đồn. Anh Hiếu bị thương nặng, mất nhiều máu vì bị trúng nhiều viên đạn ở bụng. Anh tắt thở khi về tới đồn không một lời trăng trối.

Sau khi báo cáo lên Tiểu Đoàn, Đại đội cho đào huyệt ở ngay trong đồn và lễ an táng được cử hành ngay buổi chiều hôm đó. Tôi đứng lặng bên mộ anh Hiếu và khóc suốt mướt; tôi khóc thương anh, người chiến sĩ đồng đội quả cảm đã sớm từ biệt cuộc sống ở lớp tuổi ngoài 20. Anh còn quá trẻ và chưa lập gia đình. Trời đã gần tối mà tôi vẫn còn đứng bên mộ anh, nước mắt tuôn rơi lã chã; một chú lính trẻ đến nói nhẹ nhàng với tôi: “Tôi rồi, mời Thiếu úy về nghỉ. Đàng nào Trung sĩ cũng đã chết rồi!” Tôi cảm thấy rất ân hận và luôn bị ám ảnh với ý nghĩ là anh đã chết thế mạng tôi vì nếu tôi không bỏ trung đội ra về với anh Trương, có lẽ tôi cũng đã bị chết rồi!

Chừng nửa tháng sau, bà cụ thân sinh ra anh được tin dữ, đến đồn thăm mộ con. Tôi hướng dẫn bà cụ ra mộ, định ninh là cụ sẽ vật vã khóc than, kể lể, và đã chuẩn bị những lời an ủi cụ, nhưng cụ thật là can đảm, bình tĩnh nhìn mộ anh Hiếu và nói nhỏ nhẹ với tôi khi thấy tôi nước mắt đầm dề: “Anh cũng không nên buồn. Hãy trả thù cho em Hiếu!” Tôi lặng người nhìn bà cụ. Người mẹ dũng cảm thế nào thì con cũng can trường như thế!

Tháng 6-1953, tôi được lệnh đi Đà Lạt học lớp Huấn Luyện Đại đội Trưởng. Từ biệt đồn Trung Lãng, tôi đứng lặng bên mộ anh Hiếu, giơ tay chào từ biệt anh lần cuối cùng. Đến nay gần nửa thế kỷ đã trôi đi. Qua bao nhiêu hưng phế, đồn Trung Lãng ngày xưa có thể không còn hoặc đã bị san thành bình địa và mộ của anh Hiếu liệu có còn không hay cũng bị san phẳng rồi? Nhưng dù sao, ĐẶNG CHÍ HIẾU!, chẳng bao giờ tôi sẽ quên anh!

San Jose tháng 12-2002

CVA Vũ Đức Nghiêm

Giới Trẻ Dân thân

Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh (Cựu GS Chu Văn An)

LTS. Ngày Chủ nhật 23 tháng 3, năm 2003, vào 1:30 giờ chiều ở Thánh Đường Tự Do ở Đường Quimby, thành phố San Jose, California, trước một số đông đảo vào khoảng 300 người tham dự, ba vị dân cử tuổi trẻ Việt Nam là Luật sư Nguyễn Quốc Lân, Ủy viên Hội đồng Giáo dục Học khu Garden Grove, California, Cử nhân Andy Quách, Nghị viên thành phố Westminster, California và Luật sư Trần Thái Vân, Nghị viên kiêm Phó thị trưởng thành phố Garden Grove, California, đã ra mắt Cộng đồng và các Cơ quan Truyền thông Bắc California để tường trình những hoạt động và thành quả chính trị mà họ đã đạt được trong những ngày vừa qua. Nhân dịp này hai nghị viên Andy Quách và Trần Thái Vân đã chính thức trao Nghị Quyết của những Hội đồng Thành phố Westminster và Thành phố Garden Grove công nhận lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là lá cờ chính thức đại diện cho Cộng đồng người Mỹ gốc Việt. Một nhân sĩ địa phương là giáo sư Nguyễn Xuân Vinh đã được ban tổ chức mời ra nhận những nghị quyết lịch sử này. Dưới đây chúng tôi đăng nguyên văn lời ngỏ của giáo sư trong buổi lễ.

Tôi rất hân hạnh được Ban tổ chức mời nói đôi lời trong buổi ra mắt Cộng đồng và các cơ quan Truyền thông Bắc Cali của ba vị dân cử tuổi trẻ Việt Nam đã đến với chúng ta ngày hôm nay.

Chúng ta thường nghĩ đến một khoảng đời hai mươi lăm năm như là thời gian cho một thế hệ trẻ lớn lên và bước vào cuộc đời hoạt động. Khi chúng ta vào ngưỡng cửa thiên niên kỷ 2000 thì một phần tư thế kỷ cũng đã trôi qua kể từ ngày người Việt ào ạt rời nước ra đi. Một phần tư thế kỷ này cũng đã đưa lại cho cộng đồng người Việt ở hải ngoại một thế hệ mới. Trong hai năm vừa qua đã có nhiều bài viết về sự hội nhập vào xã hội mới của khối người Việt di cư, ở mọi quốc gia trên thế giới, và đặc biệt ở Hoa Kỳ, và nhờ đó mà chúng ta biết được là giới trẻ Việt đã đạt được những thành tích xuất sắc trong mọi ngành. Nhưng có điều đáng tiếc là những tin thành công của người mình thường đến với chúng ta rất thưa thớt, và chỉ qua những bài báo tiếng Việt, phổ biến trong cộng đồng. Một đôi khi ta đọc được những tin tức này trên báo Mỹ hay được nhìn thấy trên những đài truyền hình. Cho đến nay những trường hợp như thế này cũng còn hiếm hoi và tôi nghĩ những người làm trong ngành truyền thông, nếu gặp dịp thì nên phổ biến nhanh chóng những tin tức thành công của thế hệ trẻ để gây phấn khởi trong lòng mọi người. Tôi lấy một thí dụ là một tin quan trọng trong năm 2002 là một bài viết của ký giả Robert Little của báo The Baltimore Sun về nữ khoa học gia Dương Nguyệt Ánh đã giúp cho Naval Surface Warfare Center ở Indian Head, Maryland chế tạo thành công bom nổ “nhiệt áp” (thermobaric) rất công hiệu để diệt trừ địch quân ẩn sâu trong lòng núi. Bài báo đã được dịch ra tiếng Việt và phổ biến rộng rãi trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Cùng một lúc hai bản tiếng Anh và tiếng Việt cũng được tung ra trên mạng lưới điện toán toàn cầu.

Từ mười năm nay, thế hệ thứ hai của những người Việt di cư đã bắt đầu đóng góp hữu hiệu vào đất nước này và những thành quả của các bạn phải được giới thiệu với mọi người, trước hết trên báo chí tiếng Việt, và nếu có những trường hợp thật xuất sắc như với khoa học gia Dương Nguyệt Ánh thì chính người mình phải chuyển tin tới giới truyền thông Anh ngữ mới phải. Những cộng đồng Á châu khác như cộng đồng Trung Hoa họ thường làm như thế để giới thiệu sự thành công của sắc dân họ trên toàn quốc. Cũng vì vậy mà tiếng nói của họ được chính quyền lắng nghe nhiều hơn so với các cộng đồng gốc Á châu khác. Tôi đã có dịp đi nhiều nơi và tiếp xúc với các bạn trẻ Việt, và tin tức thành công của các bạn ở đủ mọi ngành thật đã làm cho chúng ta thấy tự hào. Tháng 7 năm 2000, nhân dịp Đại Hội Võ Bì Hải Ngoại kỳ thứ 12 ở Orange County, California, đoàn Thanh Thiếu Niên

Đa Hiệu gồm có các con và cháu của những Cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam được chính thức giới thiệu ở đại hội và trên toàn cầu. Tôi có vinh dự được mời nói chuyện với các bạn và đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với một thế hệ đồng nhất mang dòng máu kiên cường và anh dũng của ông cha, những sinh viên đã theo tiếng gọi của non sông nhập ngũ để được huấn luyện thành những sĩ quan tài danh của đất nước. Gặp các bạn trẻ ở đại hội, các cháu trẻ thì còn đang theo học ở các đại học, các anh chị lớn hơn nay đã là những công dân lỗi lạc ở mọi ngành, là các bác sĩ, kỹ sư, luật gia hay ở trong thương trường, những cháu ở trong quân đội cả ba ngành hải, lục và không quân nếu mặc quân phục tới dự tôi đã nhìn thấy thắp thoáng những cấp hiệu thiếu tá hay đôi khi là trung tá, lòng tôi thấy rộn ràng một niềm vui khôn tả. Nhưng khi trở về, nói chuyện với những người bạn Hoa Kỳ, thì tôi lại thấy họ không biết nhiều về những đóng góp của người mình, không biết là con em mình đã lái những phi cơ phản lực siêu thanh, tham chiến ở vùng Vịnh cách đây hơn mười năm, và bây giờ chắc đại chúng Hoa Kỳ cũng không biết rằng hiện nay nhiều thanh niên Mỹ gốc Việt đang có mặt trong trận chiến ở Trung Đông với Iraq.

Cùng chung sống trên đất nước này, mà các người thuộc các sắc dân khác, và đặc biệt là khối đa số là những người da trắng, không biết nhiều về tầm quan trọng của sự đóng góp của chúng ta là những người Mỹ gốc Việt vào xã hội Hoa Kỳ, chính là vì chúng ta chưa thực sự dần thân hoạt động trong những lãnh vực và trong những địa bàn có liên hệ tới người bản xứ. Khi mà những hoạt động của chúng ta, những đóng góp của chúng ta, những quyết định của chúng ta không thực sự có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của những người Hoa Kỳ nói chung, thì dù rằng cộng đồng Việt Nam có được coi như là một cộng đồng thịnh vượng chẳng nữa, chúng ta vẫn chỉ được nhìn như là những người di cư mới tới mà thôi.

Nhưng với lớp người trẻ dần dần đi vào những ngành luật pháp, chính trị và xã hội, nhiều người gốc Việt, cả phái nam lẫn phái nữ, đã được bổ nhiệm vào chức vụ thẩm phán, phụ tá pháp lý cho những dân biểu tiểu bang và liên bang, đã có những luật gia người Việt được tuyển làm việc ở văn phòng thẩm phán Tối Cao Pháp Viện. Người lỗi lạc nhất phải là tiến sĩ Đinh Phụng Việt, là giáo sư ở trường luật khoa danh tiếng của đại học Georgetown, và cách đây hai năm, khi mới ba mươi hai tuổi mà ông đã được Tổng Thống George W. Bush đề nghị với Quốc Hội Hoa Kỳ để được bổ nhiệm giữ chức vụ thứ trưởng Bộ Tư Pháp. Vào ngày 18 tháng 9, năm 2002, độc giả tiếng Anh có thể đọc được trên nhật báo Los Angeles Times bài viết của ký giả Eric Lichtblau nhiệt liệt ca tụng ông Đinh Việt là người đã dựa vào hiến pháp Hoa Kỳ để viết tài liệu cho Bộ Tư Pháp có thể chứng quyết và cho phép những cơ quan công quyền được những quyền hạn rộng rãi để lưu giữ và thẩm vấn những người tình nghi làm lung đoạn nền an ninh quốc gia. Trong bài báo, tác giả đưa ra ý kiến là ông Đinh Việt có thể là người gốc Á châu đầu tiên sau này có thể được đề nghị vào trong Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ. Chúng ta có thể nói là giờ đây nếu người Mỹ khi đi phi cơ, có bớt lo âu hơn về nạn không tặc, khủng bố, chính là nhờ ở những bằng phân tách hiến pháp của thứ trưởng Đinh Việt đã giúp cho cơ quan FBI quyền hạn rộng rãi hơn để khám phá những tổ chức khủng bố đang hoạt động trên nội địa Hoa Kỳ. Trường hợp ông Đinh Việt chỉ là một thí dụ nổi bật nhất để quần chúng Hoa Kỳ biết đến chúng ta, nhưng nếu chỉ có một con én mà thôi thì đã không mang được lại cả một mùa xuân. Hoạt động của giới trẻ Việt, đóng góp vào xã hội này, khi xưa chủ yếu ở trong y khoa, hay ở trong ngành kỹ thuật cao, nay đã lan ra ở đủ mọi ngành và đã được những người bản xứ biết tới. Giờ đây nếu người dân theo dõi tin tức trận chiến với Iraq qua những màn ảnh truyền hình ở vùng Vịnh, thì chắc sẽ nhìn thấy khi đài loan tin địa phương, có những phóng viên trẻ, nam và nữ, mang tên là họ Vũ, họ Trần, họ Nguyễn ... nghe thật xa lạ, nhưng rồi đây sau khi quen thuộc, khán thính giả sẽ biết rằng đó là những tên họ Việt Nam, và những phóng viên truyền hình đó là những người khi cách đây ít lâu đã theo cha mẹ tới giải đất này trong lúc còn tuổi ấu thơ.

Chính vì nay chúng ta có thể tự hào mà nói rằng, cả hai thế hệ, những người Việt Nam đi tiên phong trong cuộc di cư sang nước người, và thế hệ thứ hai, con em của chúng ta, đều đã có những

đóng góp xứng đáng vào đất nước trú ngụ và được quần chúng Hoa Kỳ lưu ý tới và tỏ lòng tín nhiệm, mà cùng với thiên niên kỷ mới, cộng đồng người Việt đã bước sang giai đoạn mới, và chuyển hướng hành động. Người Việt di cư, nay đã là công dân Hoa Kỳ, chúng ta sẽ hoạt động để trở thành những người đại diện, không phải chỉ cho riêng cộng đồng người Việt mà thôi, mà là đại diện của chung mọi người khi được dân chúng tín nhiệm qua các cuộc bầu phiếu. Trong những người trẻ đi tiên phong trong giai đoạn này, hôm nay chúng ta có hạnh ngộ được tiếp đón ba bạn trẻ Việt Nam, những người đã gây được sự tín nhiệm của dân chúng Hoa Kỳ ở địa phương các anh cư ngụ, để được đắc cử vào những chức vụ đại diện. Tôi xin được khen ngợi và chúc mừng ba vị khách quý là:

Luật sư Nguyễn Quốc Lân, Ủy viên Hội đồng Giáo dục Học khu Garden Grove, California. Cử nhân Andy Quách, Nghị viên Thành phố Westminster, California. Luật sư Trần Thái Vân, Nghị viên Thành phố Garden Grove, California, và là ứng cử viên Dân biểu Tiểu bang California trong năm 2004.

Từ thuở còn xanh mái đầu, tôi đã nặng tình dân tộc. Tuy nửa cuộc đời sống xa quê hương mà lúc nào tôi cũng thấy như gắn bó liền với đất nước. Cũng vì vậy mà ngày nào đất nước còn lầm than, chưa được thanh bình, tự do, thì lòng tôi vẫn chưa toại nguyện. Như toàn thể quý vị, như mọi người quốc gia, tôi mong mỗi thế hệ mình có ngày được thấy đất nước thoát được ách cộng sản, quê hương mở hội, tiếng sáo diều lại nghe êm dịu trên thôn xóm như độ nào. Nhưng nếu mộng không thành thì ý nguyện quang phục quê hương phải được thế hệ trẻ tiếp nối. Khối người Việt ở hải ngoại, và đặc biệt là các bạn trẻ, đời thứ hai của chúng ta, hiện nay sống ở khắp mọi nơi trên mặt địa cầu, và là công dân của những nước cư ngụ. Nhưng các bạn vẫn có thể trung thành với xứ sở trú quán của mình và cùng một lúc làm được điều hữu ích cho quê hương của ông cha khi xưa bằng cách dùng mọi cách để tranh đấu cho sự thực hiện một nền dân chủ thực sự cho Việt Nam. Những người bạn trẻ đến với chúng ta ngày hôm nay, các anh đã theo lý tưởng đó. Các anh đã là những đại diện xứng đáng cho những người dân đã bầu mình. Hai anh Andy Quách và Trần Thái Vân đã bày tỏ nhiệt tình công dân khi cách đây hai tuần, vào ngày thứ Hai, 10 tháng 3, 2003, các anh hướng dẫn một phái đoàn người Mỹ gốc Việt tới Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ở Hoa Thịnh Đốn để trao kiến nghị yểm trợ Tổng Thống Bush trong các vấn đề chống khủng bố, cụ thể là tấn công quân sự vào Iraq. Và để đạt được nguyện vọng của khối người Việt di cư trên giải đất này muốn cho chính nghĩa quốc gia được mãi mãi tồn tại, hai vị dân biểu ở hai tỉnh miền Nam California đã vận động để cho hai thành phố Westminster và Garden Grove chấp thuận những Nghị Quyết công nhận lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là lá cờ chính thức đại diện cho cộng đồng người Mỹ gốc Việt. Hôm nay tôi rất xung sướng và hãnh diện được nhận từ tay hai nghị viên trẻ tuổi này những Nghị Quyết lịch sử của hai tỉnh miền Nam California. Nghị quyết số 3750 đã được Hội Đồng Thành Phố Westminster thông qua, thuận và phê chuẩn ngày 19 tháng Hai năm 2003, và bản chính thức tôi có trong tay có chữ ký của bà Thị trưởng Margie L. Rice. Nghị Quyết số 8486-03 đã được Hội Đồng Thành Phố Garden Grove thông qua, thuận và phê chuẩn ngày 11 tháng Ba năm 2003, và bản tôi có trong tay có chữ ký của ông Thị trưởng Bruce A. Broadwater. Đây chỉ là những kết quả hoạt động sơ khởi của những người trẻ Việt Nam dần thân vào địa bàn chính trị trên quê hương mới. Cùng một lúc những tin vui này được loan ra bằng mọi phương tiện thông tin trong tập thể người Việt tỵ nạn trên toàn cầu, tin tức cũng đã gây chấn động cho nhà cầm quyền Việt cộng. Chỉ nội chưa đầy một tuần lễ sau khi Nghị Quyết của thành phố Westminster công nhận lá cờ Quốc gia Việt Nam là lá cờ biểu tượng của người Việt ở Hải Ngoại thì Đại sứ Việt cộng ở Hoa Thịnh Đốn là Nguyễn Tâm Chiến đã viết thư phản kháng với Thống đốc Gray Davis của Tiểu bang California và gửi bản sao tới Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ để nhờ can thiệp. Và sau khi nhận được chỉ thị từ Tòa Đại sứ thì Tổng lãnh sự Việt cộng ở San Francisco là Nguyễn Mạnh Hùng cũng đã viết thư cho Bà Thị trưởng Margie L. Rice để xin phế bỏ Quyết Nghị. Việc làm hết sức hồ đồ này chứng tỏ rằng những viên chức Việt cộng không biết một chút gì thể thức điều hành theo lẽ lối dân chủ trên nước này.

Tôi tin rằng quý vị cũng như tôi, chúng ta nhiệt tình hỗ trợ công việc làm của các anh, thuộc vào lớp trẻ Việt đang mang lại vinh dự cho cộng đồng Việt Nam.

GS Nguyễn Xuân Vinh.

* * *

GẶP NHAU CHIẾN TRẬN TUYẾN ĐẦU

CVA Phạm Quân Khanh

(Nhớ thời lính)

*Gặp nhau chiến trận địa đầu
Chẳng là liêu di cũng là hư hoang
gian lao trận mạc bàng hoàng
mồ hôi nhễ nhại vội vàng cho nhau
tàn cây bụi cỏ bờ lau
những gì mong muốn vì nhau thỏa lòng
Sông Cầu Bến Nghé long đong
đôi cao buồn lạ trắng trong mây vờn
tỏ mờ hoan lạc chợ chồn
chợ đây rồi nhé xa vời chuyện xưa
muôn hình muôn vẻ như mơ
những vụn vặt ấy gom thơ thành đời*

* * *

Người em gái miền Nam

CVA Đặng Tường Ngữ

Ngày rời bỏ miền Bắc dzô Nam, ngay từ lúc con tàu chở dân di cư cập bến Nhà Rồng, bỏ neo trước khách sạn Majestic Saigon, tôi đã được nghe và trông thấy nhiều điều lạ tai lạ mắt, khiến cho tôi nhớ mãi đến ngày hôm nay.

Đầu tiên là những em bé bán ‘ hột vịt lộn’, một đồng một chục trái, kèm theo mấy gói hạt tiêu trộn muối. Lần đầu nghe thấy tiếng rao lanh lảnh: ‘Ai hột vịt lộn..nóng đây..i.Ể tôi quả tình không hiểu ai rao bán thức ăn gì. Hỏi, thì được người rành hơn, nói rằng đó là người ta rao bán ‘trứng vịt ấp mè’ theo tiếng Bắc chúng ta thường gọi.

Nghĩ mãi tôi nhớ rằng: ngày chạy quân Pháp về quê ngoại, thỉnh thoảng hoặc vì con gà mái đang nằm ổ bị chó cắn chết, hoặc vì cái ổ trứng gà bị nước mưa dột, e rằng trứng sẽ không nở nữa nên bà ngoại tôi lấy trứng gà đang ấp luộc cho chúng tôi ăn: gọi là ‘trứng gà ấp mè’. Tôi chưa từng được ăn trứng vịt ấp mè. Ngày ở quê tôi, thỉnh thoảng nếu may mắn nhặt được quả trứng vịt để rơi, bà ngoại tôi bèn bỏ lặn vào ổ trứng gà đang ấp. Khi gà con nở, tôi thấy con vịt con sống lẫn với đàn gà, theo mẹ gà đi kiếm ăn thật ngộ nghĩnh.

Sau hột vịt lộn là cái bánh mì Saigon. Thuở ấy, bánh mì bán một đồng một cái. Bánh mì Saigon dài như cái đòn gánh. Vỏ bánh mì giòn, ruột bánh mì mềm, ăn thơm ngon mãi không chán. Đang sống ở Hà Nội, hàng ngày tôi được ăn bánh tây rắc muối tiêu, hai mươi lăm xu một cái, nay vào Saigon, với năm mươi xu, tôi mua được khúc bánh mì lớn gấp hai cái bánh tây ở Hà Nội, lại còn kèm thêm chút ba tê hoặc mấy lát thịt lợn luộc nhuộm màu đỏ, mấy miếng củ cải trắng, cà rốt đỏ ngâm dấm chua. Thật là vừa rẻ vừa ngon tuyệt vời.

Một chuyện thích thú nữa là, khi trả năm mươi xu cho bà bán bánh mì, tôi bắt chước người ta, xé đôi tờ giấy một đồng ra trả. Lạ thật! Nhiều khi trong túi đã có sẵn hai nửa tờ giấy một đồng, nhưng tôi vẫn lấy ra tờ giấy một đồng khác, xé làm hai để trả. Không ai phiền hà gì cả. Khi muốn trả một đồng, ta cứ đưa hai nửa mảnh giấy một đồng, thế là người ta vui vẻ nhận liền. Chẳng bù cho những ngày ở ngoài Bắc, đôi khi vì tờ tiền giấy cũ nên bị chê ỷ chê eo. Thường thì khi có tờ giấy bạc rách, người ta phải lấy giấy bóng dán lại cho thơm tât rồi mới dùng được.

Là học trò dinh tê muôn, ngày dzô Nam, tôi đã 20 tuổi. Ở cái tuổi con trai đã biết chiêm ngưỡng vẻ đẹp của các thiếu nữ cùng tuổi. Ngày đó, các thiếu nữ miền Nam thường mặc đồ bà ba ra đường. Con nhà bình dân thì mặc áo bà ba bằng lụa nhân tạo nhiều màu sắc, quần rộng ống màu đen, trên đầu quấn cái khăn sọc ca-rô màu đỏ hay màu xanh. Con nhà khá giả hơn thì mặc áo bà ba bằng lụa tơ tằm trắng màu mỡ gà hoặc vải phin mỏng với quần lãnh Mỹ A đen nhánh. Lần đầu trông thấy cái quần rộng ống, tôi thấy lạ lạ, tức cười. Nhưng chẳng mấy lúc sau, tôi thấy cái quần rộng ống ấy, sao gọi cảm hơn những cái quần vải trắng, ống hẹp, mà các cô gái miền Bắc thường mặc, nhất là khi người mặc đi trong cơn gió lộng.

Chợt nhớ lại một kỷ niệm khó quên, xảy ra trong một buổi chiều hè đã xa xôi lắm. Chuyện xảy ra gần nửa thế kỷ rồi, nhưng tôi vẫn tưởng như mới xảy chiều hôm qua vậy. Một cảm giác đê mê rạo rức, toàn thân như tê dại vì sung sướng chợt nổi dậy trong tôi. Đó là hình ảnh một buổi chiều vào mùa thi, lúc trời sắp tối. Hình ảnh ấy như đã khắc sâu vào trong tâm khảm nên chẳng bao giờ tôi quên được.

Tôi còn nhớ rằng, buổi chiều hôm ấy, có gió lộng từng cơn, sau ngày thi Tú Tài kỳ thứ hai. Chẳng là tôi bị hỏng thi vấn đáp kỳ thứ nhất. Mà kỳ thứ hai này, sau khi thi vấn đáp, tôi tự cảm thấy chẳng hy vọng nhiều. Khi đạp xe qua cổng trường Pétrus Ký, nơi dán bảng những học sinh trúng tuyển kỳ thi năm nay, tôi ngại ngần chưa muốn ghé vào. Phần vì sợ rằng vô ích, phần vì sợ sẽ làm trò cười cho Quý, một cô gái miền Nam, bạn học cùng lớp đệ ngũ với em gái tôi.

Quý nhất định ép tôi vô xem bảng. Chúng tôi dựa xe đạp vào hàng rào, khoá xe kỹ lưỡng rồi chen lán với những học sinh khác đang hi vọng tìm thấy tên mình trên bản danh sách đánh máy lem nhem của Hội Đồng Giám Khảo. Trong khi tôi đang cố ý tìm nhưng chưa thấy, thì Quý chợt reo lên sung sướng: anh Ngử trúng rồi! mừng cho anh! Quý chợt nhảy lên ôm chặt lấy tôi, hai tay ôm cứng cổ tôi, ngực áp sát vào ngực tôi. Tôi tưởng chừng nghẹt thở. Quý ríu rít: Ênh trúng rồi, mừng quá xá! Ờ. Tôi chợt nhìn xuống hai cánh tay ngà của Quý đang ôm ghì lấy người tôi, nàng đang có rướn người lên, cặp đùi thon thon nhưng chắc nịch cọ vào tôi, cặp môi xinh xắn màu hồng nhạt chạm vào da mặt tôi. Tôi sững sờ, ngây ngất vì sung sướng. Một niềm vui không sao tả được cho hết. Tôi quả thật không ngờ! Không ngờ rằng Quý, người con gái đẹp, bạn em gái tôi, đã bộc lộ niềm vui sướng một cách tây phương đến thế.

Tôi chưa hề bao giờ nghĩ tới cái cảnh tượng được một trinh nữ ôm ấp và vuốt ve như thế. Bởi vì Quý là bạn của em tôi, tôi phải nghiêm chỉnh cho đáng mặt người anh. Ngoài ra tôi biết thân phận mình: con một công chức di cư nghèo. Tôi đâu dám mơ ước đến người con gái đẹp con nhà giàu ở miền Nam..như thế! Trong lúc bàng hoàng sung sướng, tâm hồn như lâng lâng trên đỉnh núi cao, một cảm giác đê mê, tê dại vì thân hình người con gái đẹp bất ngờ ôm chặt, ríu rít, hôn tới tấp. Tôi chợt bình tĩnh như đang ở trong một giấc mơ tiên. Tôi cố tình khẽ xiết chặt hơn thân hình người con gái đáng yêu ấy trong vòng tay. Tôi cố tình kéo dài cảnh ôm ấp ấy thêm một vài giây phút nữa. Thời gian hầu như ngừng lại trong giờ phút thiêng liêng ấy. Hai chân tôi vô tình chạm vào cặp đùi thon thon nhưng rắn chắc của Quý. Một cảm giác rợn người, mê ly khó tả, cái diễm phúc của một chàng trai lần đầu tiên trong đời được đụng chạm vào một người con gái. Quý mặc cái quần lãnh Mỹ A đen nhánh, rộng ống, ngọn gió chiều làm hai ống quần tung bay lên cao hơn chút nữa. Tôi thoáng nhìn thấy hai gót chân son và một mảng đùi non, nõn nà trắng bóc. Một hình ảnh tuyệt vời chỉ thoáng hiện trong một giây phút nhưng đã tồn tại suốt chiều dài của một cuộc đời.

Quý chợt rời tay trên cổ tôi ra. Tôi cũng vội vàng làm theo. Bốn cánh tay vụng dại chợt rời xa nhau. Quý không nói gì trong giây lát. Tôi cảm thấy ở đâu đây, một cảm giác của hai kẻ đã vô tình phạm tội. Hai đũa nhẹ nhàng bước ra mở khoá xe, rồi ra về trong yên lặng.

Từ hôm đó, mỗi khi gặp nhau, Quý và tôi đều ngượng ngùng. Mặc dù Quý vẫn ríu rít, thân mật chuyện trò với anh em tôi, nhưng chúng tôi vẫn không dấu nổi cô em tôi một chút then thùng. Một hôm, nhân có việc xuống chợ Bến Thành, anh em tôi rủ nhau ghé thăm Quý. Nhà cha mẹ Quý là một cửa hàng buôn vải rất lớn trông ra chợ Bến Thành. Khi chúng tôi bước vào, mẹ Quý đang bận tít tít khâu tiền bán hàng. Cha Quý ngồi bên cạnh phì phèo điếu thuốc lá. Anh em tôi lễ phép chào ba má

Quý, rồi xin phép lên lầu gặp Quý. Má Quý đơn đã nói với anh em tôi, cho phép cứ tự nhiên lên lầu vì Quý đang một mình học bài trên ấy. Khi bước lên cầu thang tôi có ý nhìn về phía sau, xem phản ứng của ba má Quý. Má nàng tươi cười vui vẻ với anh em tôi, nhưng cha Quý có vẻ không vừa ý. Ông nhìn với theo anh em chúng tôi với một ánh mắt ít thiện cảm.

Sau một hồi chuyện vãn, anh em tôi từ biệt Quý ra về. Quý tiễn chân anh em tôi đến tận hè đường. Khi đi ngang qua cửa hàng, ba Quý đã không còn ngồi đó, má của Quý vẫn tíu tít bận rộn bán hàng. Khi chúng tôi chào, bà tươi cười nói với chúng tôi Ếthỉnh thoảng rảnh bay nhớ ghé thăm em Quý nhé!Ế

Năm ấy Quý và em gái tôi lên đệ tứ, còn tôi lên lớp đệ nhất. Tất cả đều bận học vì lo lắng cho kỳ thi cuối năm. Anh em tôi ít có dịp gặp lại Quý. Thực ra, tôi vẫn e ngại cái nhìn ít thiện cảm của ba Quý. Tôi không dám rủ em tôi đến thăm Quý nữa. Năm sau, tôi bị gọi động viên vào trường sĩ quan Thủ Đức. Khi tốt nghiệp, tôi bị chuyển chuyên ra phục vụ ở miền Trung. Cuộc đời quân ngũ bận rộn khiến tôi tạm quên Sài Gòn. Đơn vị của tôi đóng ở Đà-Nẵng. Trong những dịp nghỉ phép, tôi thường cùng vài bạn đồng ngũ, vượt đèo Hải Vân ra viếng đất Thần Kinh. Tôi có dịp gặp gỡ các o gái Huế, các cô nàng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi ... Cuộc đời trong quân ngũ, cho tôi nhiều dịp đụng chạm với các thiếu nữ miền Trung cũng như miền Nam. Tôi nhìn quen dần những chiếc quần rộng ống. Tôi không còn cảm thấy khác biệt của những ống quần rộng hẹp. Cho đến một ngày, tôi thấy chiếc quần ống rộng của những cô gái miền Nam mang nhiều vẻ đẹp khiêu gợi hơn chiếc quần ống hẹp.

Tết năm ấy sau khi đã ở miền Trung nhiều năm, tôi được phép về thăm gia đình một tuần ở Sài Gòn. Hỏi thăm về Quý, tôi được biết nàng đã lấy chồng. Vợ chồng Quý dọn về ở miệt Hậu Giang, nơi cả hai bên cha mẹ có ruộng thẳng cánh cò bay. Một nỗi buồn man mác, tiếc nuối chợt đến trong tôi. Tuy nhiên, tôi trân trọng gìn giữ cái hình ảnh đẹp của mùa thi ngày nào.

Gần nửa thế kỷ trôi qua, hình ảnh Quý, người con gái đẹp miền Nam mặc quần lãnh Mỹ A đen nhánh rướn người lên, bá lấy cổ tôi, reo lên mừng rỡ..., chợt hiện ra trong trí nhớrõ ràng như mới xảyra buổi chiều hôm trước. Tôi nhắm mắt lại, hồi tưởng những giây phút thần tiên ấy. Mở mắt ra, tôi nhìn vào khoảng không gian không chớp mắt.

CVA Đặng Tường Ngừ

** * **

TÌNH YÊU NHƯ LỬA ẤM

CVA Minh Viên

Em ạ, tình yêu như lửa ấm

Làm sao giữ lại mãi trong tim?

Trước sau đời vẫn mùa đông xám

Nhịp sóng băng dương sóng nổi chìm

Em ạ, tình ta đèn leo lét

*Làm sao tỏa sáng cõi trời đen?
Còn yêu, xin hãy yêu tha thiết
Thấp sáng vàng trăng đẹp nghĩa tình
Em ạ, niềm vui hay nỗi khổ
Đều mang vẻ đẹp của tình yêu
Khi yêu, đóa hoa tình thắm nở
Ngát hương, nắng sớm với mưa chiều
Em ạ, đời dài dài thế kỷ
Vẫn dài chưa đủ với tình yêu
Tình yêu thực sự tình không tuổi
Cạn sức, mòn hơi vẫn diễm kiều
Em ạ, tình yêu như lửa ấm
Làm sao rực sáng mãi trong tim?
Tình yêu vốn dưỡng nuôi sự sống
Làm thắm tươi thêm giấc mộng đời*

* * *

ĐẠI-BÀNG GÃY CÁNH

CVA Kim Vũ

Lời tòa soạn: Truyện ngắn “Đại Bàng gãy cánh” của tác giả Kim Vũ (tên thật Vũ Mạnh Phát, CVA 1959), là một truyện trong tuyển tập truyện ngắn “Hạnh Ngộ Mong Manh” mà tác giả sẽ cho ra mắt sách trong tháng ba năm nay 2004. Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả:

* * *

Lộc đã chết!

Tích ngỡ-ngàng khi nghe tin đó. Chàng không tin ở tai mình. Làm sao Lộc có thể chết được? Mình mới gặp anh ấy có tuần trước thôi mà! Trông anh còn khỏe mạnh, tự-tin, tràn đầy sức sống. Vậy mà bây giờ anh đã không còn nữa. Cái chết của anh có cái gì không thật. Và có lẽ đó là lần đầu tiên Tích đứng trước nhận-thức trực-tiếp và thâm sâu về tính-chất phi-lý của một sự-kiện quá bình thường trên đất nước chiến-tranh này.

Lộc là đại-úy phi-công trực-thăng. Tích đã quen anh rất tình cò, qua một người bạn, và cũng chưa biết gì nhiều về anh. Chỉ biết rằng ngay từ lần đầu tiên, chàng đã có thiện-cảm đặc-biệt đối với anh. Lộc cùng tuổi với Tích, cao lớn, đẹp trai, đúng là một mẫu sĩ-quan không-quân lý-tướng. Và anh cũng rất hiền, sống một cuộc đời rất nguyên-tắc. Anh lập gia-đình khoảng ba năm nay, mới có đứa con trai đầu lòng chưa đầy một tuổi, và sắp sửa có đứa thứ hai. Anh không ham vui như những sĩ-quan khác trong cái binh-chủng nổi tiếng là hào-hoa này. Anh rất biết lo cho gia-đình, không nhảy đầm, không rượu chè cờ bạc. Không ai có thể nghĩ một con người có cái bề ngoài rất là bảnh bao bay bướm đó lại hiền hòa như vậy. Khi Tích gặp anh tại nhà người bạn, anh vừa thoát khỏi cái chết trong đường tơ kẽ tóc. Trong một phi-vụ, kính trực-thăng trước mặt anh đã trúng đạn vỡ toang, miếng vỡ bắn vào mặt anh, gây ra một vết thương ngang trán. Cũng may mà nó không trúng vào mắt, và tuy vết sẹo vẫn còn chưa lành hẳn, trông anh hoàn toàn đầy đủ phong-độ. Làm như tai nạn chỉ là một vết xước trên da. Tích đã nghĩ một con người như thế không dễ dàng gặp thêm tai nạn lần thứ hai. Vậy mà bây giờ anh đã ra đi vĩnh-viễn. Tích thấy như có một khoảng trống trong tâm-trí chàng, khoảng trống của sự sừng-sốt, vô-cảm-xúc, tê dại trước một sự kiện quá đột-ngột, khiến chàng chưa kịp phản-ứng ra sao.

Dù không quen thân lắm vì chỉ mới biết Lộc gần đây, Tích vẫn đi dự đám tang anh. Trực-thăng của anh đã rớt trong một vùng không an-ninh, và phải ba bốn ngày sau khi anh mất tích, người ta mới đem được xác anh về để khâm-liệm. Tích được biết lúc đó thi-thể anh không còn nguyên vẹn như cũ mà đã bị trương lên rồi. Con người khi mất đi sự sống thì chỉ trong vài ngày là đã không thể nhận dạng được nữa. Và những tình-cảm yêu thương của những người thân lúc đó có lẽ phải mất đi khi chứng-kiến sự phân-hoá của cơ-thể, và thay vào đó là cái cảm xúc rùng rợn ghê sợ thấy một cái gì thân thiết đã biến dạng hoàn toàn, đã mục nát băng hoại, đã mất hẳn chất người.

Dĩ nhiên là Tích không nhìn thấy Lộc trong cái hình thể xấu xí ghê rợn đó. Vì vậy, trong tâm-tưởng chàng, Lộc vẫn còn nguyên những nét đẹp cũ. Chàng chỉ thấy linh-cữu anh với những ngọn nến cháy lung linh, và tấm di-ảnh của một sĩ-quan trong bộ quân-phục đại-lễ, nom oai nghiêm hùng dũng, với cặp mắt tinh anh và gương mặt cương nghị.

Lộc được chôn tại nghĩa-trang Mạc-đĩnh-Chi. Đám tang tiến hành giản dị, chỉ có họ hàng thân thích và vài ba người bạn cố-tri. Tích đến nơi khi linh- cữu sắp được hạ huyệt. Đó là một buổi sáng âm u. Nghĩa-trang hoang vắng đìu hiu. Không một tiếng chim hót. Những tán cây ủ rũ co ro trong cái rét của một ngày trở gió. Những tiếng cuốc đào huyệt vang lên đanh lạnh. Người vợ trẻ mang bầu đang ngồi bên bờ huyệt, khăn xô trắng che kín mặt, nhưng vẫn có thể nhìn thấy mắt nàng sưng húp. Có lẽ nàng đã kiệt sức vì lo buồn trong cả mấy ngày qua, những ngày chắc hẳn phải kinh khủng trong đời nàng. Đứa con trai đứng cạnh nàng, còn nhỏ chút xíu, hình như không hiểu gì cả. Nó mới chập chững biết đi, trông gầy gò tội nghiệp chứ không đẹp trai như bố.

Khi huyệt được đào xong và linh-cữu bắt đầu được hạ xuống, thì người góa-phụ không còn ở trạng-thái rũ liệt nữa. Hình như nàng cảm thấy rõ sự chia ly đang đến hồi chung quyết. Nàng vụt đứng dậy, khóc nức lên, rồi toan lao xuống huyệt. Mấy người thân phải cố gắng lắm mới giữ được nàng lại trên bờ hố sâu, và nàng đã lại xum xuông như một khối thịt trong tay người chị gái. Cả người nàng chỉ còn là một chấn-động thồn thức đờn đau. Đứa con vẫn đứng cạnh, nắm lấy tay mẹ, đôi mắt ngây thơ ngơ ngác tội nghiệp.

Và ngay vào giây phút đó, Tích cũng thấy hai tròng mắt mình mọng nước, sống mũi nồng cay. Chàng thương Lộc, thương người góa phụ trẻ, thương đứa con ngây-thơ bây giờ đã trở nên cô cút mà vẫn chưa hiểu được chút gì về nỗi chia lìa, thương cái bào thai trong bụng mẹ chưa kịp nhìn thấy cha trước lúc chào đời. Cuộc chiến-tranh này mỗi ngày đã lấy đi bao nhiêu người như thế? Đã có biết bao nhiêu cảnh vĩnh-quyết như Tích đang chứng-kiến hôm nay mà trước kia chàng chưa bao giờ chứng-kiến và nhận-thức đầy đủ? Tại sao đất nước này mà chàng vô cùng yêu mến lại phải khốn khó lâu dài

đến thế? Người ta giết nhau vì cái gì? Vì tranh nhau hơn thua về một đường lối đưa con người đến hạnh-phúc? Chưa xót làm sao!

Linh-cữu đã nằm yên dưới hồ sâu, và bây giờ những nhát cuộc lại vang lên, những xúc đất được quăng xuống lấp mặt quan-tài. Tích cầm một nắm đất quăng xuống hồ đang được lấp đầy, như gửi một lời chào từ-biệt tiễn người ra đi. Rồi mặt đất bằng trở lại. Không còn nhìn thấy bóng hình anh đâu nữa. Anh đã nằm sâu trong lòng đất bao dung. Mọi người cúi đầu nghe vị cao tăng đọc bài chú. Tích cũng cúi đầu, và trong tiếng mõ vang lên đều đều cùng tiếng tụng kinh chậm rãi của vị hòa-thượng, chàng thấy tâm-trí xao động lên lời độc-thoại của mình với người vừa nằm xuống.

“Anh Lộc, chắc anh không thể hiểu được rằng tôi quý mến anh và xúc-động về cái chết của anh đến như thế nào. Chúng ta cùng chung một thế-hệ, thế-hệ sinh ra trong chiến-tranh, lớn lên trong chiến-tranh. Thực tế chiến-tranh đã là một phần của cuộc đời chúng ta, như cơm ăn áo mặc. Khi chúng ta đến tuổi ý-thức, thì chiến-tranh đã ngày càng mở rộng. Những người cùng chung một dòng máu đã lao vào cuộc chiến đấu mà không có thời giờ để suy nghĩ, nhận định. Tôi được may mắn hơn anh, vẫn còn ít nhiều đứng ngoài lễ bom đạn. Còn anh thì sống với bom đạn hàng ngày, sống với những tàn bạo của lửa thù từng giây từng phút. Tôi chắc chắn một con người như anh không bao giờ có cái thú độc ác nhìn người khác khổ đau, chứ đừng nói đến tiêu diệt sự sống của họ. Vậy mà anh cũng chẳng làm gì khác được. Anh vẫn phải khoác vào người bộ quân-phục, xông pha trong chốn lửa đạn, ở đó tàn sát đơn-thuần là một bản-năng tự-vệ. Chắc chắn anh cũng đã có những giờ phút khẩn thiết mắc về một thực tế tàn độc như thế. Chúng ta không hiểu tại sao cuộc chinh chiến này đã phải diễn ra trong cái tàn khốc như ở mức độ hiện nay. Chúng ta như người vào giữa bộ phim mà phần đầu không được coi nên không thể hiểu nguyên-ủy câu chuyện. Điều độc địa là chúng ta không chỉ xem phim. Chúng ta đồng thời phải là những diễn-viên bất-đắc-dĩ, nhưng vẫn phải gắng hết sức mình mà làm tròn nhiệm-vụ để được tồn-tại.

Hình như những người ở phía đối-diện chúng ta không nghĩ như chúng ta. Họ suy nghĩ giản-dị hơn nhiều, và có thể thấy họ tin-tưởng tuyệt-đối, gần như mù quáng, vào lý-tưởng của họ. Họ đã có thể tiến hành và duy-trì một cuộc chiến đấu dai dẳng và đầy gian khổ trong cả mấy chục năm trời, và tôi không nghi ngờ là họ còn có thể kéo dài thêm hai ba chục năm nữa, cho đến khi chúng ta phải chịu đầu hàng mới thôi. Với những con người như thế, và với những con người phía bên này như chúng ta, liệu chúng ta có thể kéo dài được trong bao lâu? Tôi có cảm tưởng chúng ta đang ở trong một cuộc đọ sức không cân xứng. Trong khi họ say sưa lý-tưởng, thì chúng ta hoàn toàn bị động. Có lẽ chúng ta chiến đấu vì một ý-thức mơ hồ nào đó về quyền tự-do căn-bản mà mỗi con người phải được hưởng để hoàn thành cuộc sống của mình cho có ý nghĩa. Nhưng đồng thời cái ý thức tự-do đó của chúng ta đã bị trăm ngàn vạn triệu người lạm dụng, đã bị bao nhiêu nhà chính-trị hoạt đầu mặc tình khuynh-loát cho những mục-tiêu vị-kỳ của họ. Và rồi mặc ai nấy sống, con người cứ bị cuốn trôi theo dòng thác lũ, và hình như chúng ta mất đi phần nào tin tưởng vào cái mục-đích cuối cùng mà chúng ta trân-trọng. Chúng ta đành phó mặc cho những sự-khiến của dòng đời mà chúng ta cảm thấy bất-lực không kiểm soát nổi. Và chúng ta tạm quên đi những khắc khoải buồn phiền trong hạnh-phúc nhỏ bé nơi tổ ấm gia đình. Rồi một ngày, cái chết ập đến với anh, và anh không hề được sửa soạn cho một sự thế như thế. Anh chết đi trong lúc lòng còn đầy ham muốn sống, trong khi người vợ trẻ với cái bào thai trong bụng và đứa con thơ còn cần anh như cần ánh sáng mặt trời. Như con đại-bàng một sớm mai gầy cánh trên vùng trời mịt mù khói súng và ngùn ngụt hận-thù của quê hương chúng ta, anh đã ngã xuống cho cơn trùng rĩa rức, và cái còn lại của anh là hình con đại-bàng trên chóp mũ đại-lễ và hai bên cầu vai của bức di-ảnh. Và cái còn lại của anh trước mắt tôi ngay lúc này là dòng lệ chảy dài trên đôi má người góa-phụ mang thai, là cái nhìn thất-thần của đứa bé mới chập chững biết đi. Và cái còn lại vang vang bên tai tôi là khúc hát buồn não nuột mà tôi đã được nghe hoài hồi gần đây:

Ngày mai đi nhận xác chồng

Say đi để thấy mình không là mình

Ngày mai đi nhận xác anh

Cuồng-si thuở ấy hiển-linh bây giờ...()*

Xin chào anh, một người chiến-sĩ. Và xin bày tỏ lòng ngưỡng-mộ. Có lẽ đối với những người thân của anh, sự ra đi của anh là một sự mất mát phi-lý và đau thương. Nhưng riêng đối với tôi, cái chết của anh mang đầy đủ ý-nghĩa của một sự hy-sinh cao đẹp cho những gì mà chúng ta hằng ấp ủ nâng niu. Anh đã nằm xuống để những người còn sống sót như tôi có dịp suy-ngẫm và chiêm-nghiệm về cuộc sống, và nhắn nhủ chúng tôi về một sự tồn-tại xứng-đáng hơn trên cõi thế, về những nhiệm-vụ phải cố gắng hoàn-thành đối với những thế-hệ đi sau chúng ta.”

(*) Thơ Lê Thị Ý, nhạc Phạm Duy.

* * *

Sống với cười

CVA Tú Hát Đình Bá Hoàn

Đường đời muôn ngã ngược xuôi

Với tôi chỉ có cái cười làm duyên

Chạy đua, bay nhảy, bon chen

Với thời gian, cũng như huyền thoại

Vui buồn lẫn lộn chơi vơi

Hợp tan, tan hợp phím đàn triền miên

Tỉnh say, vay trả kiếp truyền

Có không, không có đảo điên lòng người

Cổ kim, trần thế thế thôi

Cứ cười thanh thản cho đời thắm tươi

Góp cười từ thuở đôi mươi

Tuổi trời, tám, chín, sắp sửa mười mươi... vẫn cười.

* * *

THỬ TÌM HIỂU VỀ

TÂM THỨC VÀ THIÊN

CVA Trần Ngọc

Trong muôn loài muôn vật trên thế gian, loài người được coi như thượng đẳng hơn cả. Muôn loài muôn vật sống nhờ ở thể xác và bản năng, nhưng con người vượt cao hơn hết thảy, nhờ có thêm phần tâm hồn, hay còn gọi là phần Tâm Thức. Nhờ tâm thức, con người có phần suy nghĩ, phần đạo đức và phần trí tuệ. Hai chữ Tâm thức, tiếng Anh gọi là Mind và tiếng Pháp gọi là Esprit.

Nói theo thuyết Duy Vật, thì khi chúng ta chết đi, nghĩa là khi phần xác bị hủy diệt, thì phần hồn không còn nữa và chết là hết. Nhưng nói theo thuyết Duy Tâm, thì phần hồn vẫn còn tồn tại dù phần thân xác đã bị tiêu diệt. Chẳng thế mà người ta vẫn nói tới “*Thế Giới Bên Kia*” ý muốn nói cuộc sống của phần hồn.

Chuyện về Thế Giới Bên Kia với những hình ma bóng quế, với thiên đàng địa ngục cùng với Thuyết Tái Sinh hay Thuyết Luân Hồi (Reincarnation) đều không thuộc phạm vi của bài này bởi vì tính cách siêu linh của nó mà người viết không đủ kiến thức để lạm bàn. Chúng tôi chỉ muốn nói tới Phần Tâm Thức là phần hồn (Mind) còn đang hiện diện cùng với phần xác thân (Body) của chúng ta.

Chúng ta sống là có sự vận hành song song của cả phần xác lẫn phần hồn, hay nói một cách khác, hai phần cơ thể và tư tưởng con người tuy hoàn toàn khác biệt về thể chất và bản chất, nhưng cùng chung sống với nhau và liên hệ mật thiết đến nhau, giúp con người được tồn tại. Những người bị bệnh Coma, tuy thể xác vẫn còn và trái tim vẫn đập, nhưng phần hồn hay phần tâm thức không hoạt động, nên người đó được coi như nửa sống nửa chết, vì họ không còn tri giác.

Trở lại với cuộc sống, khi tâm hồn chúng ta thoải mái, không âu lo ưu phiền thì cơ thể khỏe mạnh an nhiên. Nhưng nếu chúng ta sống mà tâm hồn đầy rẫy những hi vọng, những dục vọng, những mưu toan, những thù hận, thì tâm hồn chúng ta bị quá nhiều áp lực (stress) khiến cơ thể bị suy yếu và dễ sinh bệnh hoạn, chẳng hạn như chứng đau tim, loét bao tử, bệnh thoái hóa khớp xương, bệnh ung thư hay những bệnh về tâm thần, nhẹ thì chẳng hạn như bệnh trầm cảm, nặng thì như bệnh điên cuồng...v.v.

Ngày trước, hồi thế kỷ thứ 17, nhà toán học và triết gia người Pháp, René Descartes (1596- 1650), đã đề ra thuyết Nhị Nguyên (dualisme/dualism), trong đó ông nói rõ tương phản và đối chọi của hai bản thể (entity) hoàn toàn khác biệt nhau như Âm với Dương, như phần thể xác (body) và tâm hồn (mind) của con người... Ngày nay thuyết Nhị Nguyên đã không còn được khẳng định như trước, bằng chứng là chính khoa học Tây Phương đã khám phá ra rằng những tình cảm con người như yêu thương giận ghét, như vui sướng khổ đau, như lo lắng ưu phiền ... đều ảnh hưởng đến thân xác, khiến con người có thể được mạnh khỏe hay bệnh tật ... Sự công nhận này đã đi gần đến triết thuyết của Đông Phương, chủ trương âm với dương, thể xác với tâm hồn là hai bản thể tuy khác nhau, nhưng có liên hệ mật thiết với nhau và phối hợp cùng nhau để tạo nên một tổng thể duy nhất như sự hiện diện của vũ trụ hay sự sinh tồn của con người (thuyết Nhất Nguyên- monisme/monism).

Lão Tử (*) hơn 2000 năm trước, đã khuyên con người không nên nhìn sự vật bằng cặp mắt nhị nguyên, chia phân “Nhĩ Ngã”, mà phải nhìn thấy tất cả đều chỉ là Một.

Theo lý thuyết của Đạo Gia (**), thì Tâm Thức hay Tâm Thần của con người đều ở vào ba nơi. Một ở Óc (đầu), hai ở Tim (ngực) và ba ở Dạ Dày (bụng). Ba nơi ấy Đạo Gia gọi là TAM THI gồm

Thượng Thi, Trung Thi và Hạ Thi. Cả ba Tam Thi được chủ đạo bởi ba ông thần họ Bành: Thượng Thi do Bành Cứ (có sách viết là Bành Sư), Trung Thi do Bành Chất và Hạ Thi do Bành Kiêu.

Ba ông thần ấy gọi là TAM BÀNH, chuyên xúi dục người ta nóng nảy giận dữ, làm điều sai trái xằng bậy, để những ngày Canh Thân (***), lên tâu với Ngọc Hoàng Thượng Đế để Ngọc Hoàng phạt người này mau chết hầu ba ông thần được tự do, khỏi phải theo dõi để tâu báo nữa. Việc tâu trình này đại khái cũng giống như chuyện Táo Quân hàng năm đến ngày 23 tháng Chạp lên châu Thượng Đế để báo cáo về tình hình của gia chủ căn nhà.

Do sự tích trên, mỗi khi người ta nóng nảy giận dữ làm điều trái lẽ mất khôn thì gọi là nổi cơn Tam Bành. Trong Truyện Kiều, thi hào Nguyễn Du có viết về Tú Bà, khi được Thúy Kiều cho biết là đã thất thân và sắp lấy Mã Giám Sinh, thì Tú Bà đã nổi cơn thịnh nộ vì nghĩ rằng sẽ mất Kiều, nghĩa là sẽ mất mối lợi thu hút khách làng chơi mỗi ngày:

Mụ nghe nàng nói hay tình

Bấy giờ mới nổi Tam Bành mụ lên

Tâm Thức theo người Anh, tọa lạc ở trong óc (Đầu = Thượng thi), theo người Pháp ở trong Tim (Ngực = Trung thi), còn theo người Trung Hoa và nhất là người Việt Nam thì Tâm thức ở trong lòng (Bụng hay Dạ dày = Hạ thi). Dĩ nhiên chữ “bụng” hay “dạ dày” không phải là chỉ ruột già, ruột non hay bao tử, mà nó mang một nghĩa bóng ám chỉ phần hồn. Chẳng hạn như khi ta nói “*lòng tốt*”, thì đó không phải là ruột non ruột già tốt mà là thiện tâm hay hảo tâm. Hai chữ “*lòng mẹ*” cũng thế, ý nói tình mẹ thương con. Ngoài ra còn có những câu như “*bụng bảo dạ*”, “*lòng dạ xót xa*”, “*lòng dạ nao nao*”. Trong ngôn ngữ Việt nam có cả hàng trăm chữ “lòng” mang ý nghĩa của Tâm Thức chẳng hạn như “*lòng thành, lòng quê, lòng vàng, lòng tham, lòng son, lòng tà, lòng nhân, lòng trinh, lòng muông dạ thú, lòng ngay dạ thẳng* .v.v.. hay khi trai gái yêu nhau người ta cũng dùng hai chữ *phải lòng*.

Ca dao đã có câu:

“ Sông sâu còn có kẻ dò

Lòng người nham hiểm biết mô mà lường

Và trong Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du:

Lối mòn cỏ nhạt màu sương

Lòng quê đi một bước đường một đau

Hay:

Lòng thơ lai láng bồi hồi

Góc cây lại vạch một bài cổ thi.

Bên cạnh hai chữ **Tam Bành** của Đạo gia, bên nhà Phật cũng có hai chữ **Lục Tặc**. Theo đạo Phật, trên thế gian có sáu điều có thể làm con người bị mê hoặc để đi đến chỗ mù quáng sa ngã mà làm những điều lỗi lầm tệ hại. Sáu điều đó là: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp.

Sắc là sắc đẹp. Thanh là âm thanh, tiếng nói. Hương là mùi thơm. Vị là vị nếm. Xúc là sự đụng chạm nói về xác thịt. Pháp là mọi sự mọi việc. Bởi vậy người tu hành, nếu mắt không bị mê hoặc bởi sắc đẹp, tai không nghe lời đường mật, mũi không kể mùi thơm quyến rũ, lưỡi không thèm vị ngọt của sơn hào hải vị, xác không ham sự đụng chạm nhục thể, lòng không tưởng điều tà, thì chắc chắn tu sĩ đó sẽ tu thành chánh quả để trở nên bậc chân tu. Do đó đã có câu:

Muốn tu theo đạo di đà

Tam Bành Lục tặc lánh xa cho rồi

Nhưng trong phạm vi bài này, chúng ta chưa dám nói đến chân tu, chúng ta chỉ xin bàn đến sự vận dụng Tâm Thức sao cho tâm hồn được thanh tịnh và có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe: Đây là việc tu tâm dưỡng tính hay tu dưỡng tâm linh. Vẫn biết rằng sống trên đời va chạm với thực tế, chúng ta không thể nào tránh khỏi những phiền toái muộn phiền bởi đó là bản chất của cuộc sống. Thế gian chúng ta đang sống không phải là thiên đường, không phải là cõi tiên và ngàn lần cũng chẳng phải là thế giới Cộng Sản ảo tưởng chỉ có trong lý thuyết. Nói một cách chung, cuộc đời là bể khổ, chả thế mà Nguyễn Công Trứ đã viết:

Thoát sinh ra thời đà khóc chóc

Trần có vui sao chẳng cười khi?

Dĩ nhiên hai câu thơ này chúng ta nên hiểu theo nghĩa triết lý chứ đừng hiểu theo nghĩa khoa học. Đã đành khoa học giải thích là đứa trẻ lọt lòng mẹ phải khóc để tổng chất nhót còn trong phôi và để trực tiếp hít thở dưỡng khí oxygen, thoát khỏi sự nô lệ dinh dưỡng qua cuống nhau (placenta). Nhưng chúng ta sẽ giải thích ra sao nếu các động vật máu nóng khác như trâu bò, chó mèo.... lúc sanh ra sao chẳng hề phát một tiếng âm thanh nào từ lá phổi của chúng, mặc dù chúng cũng lần đầu tiên tiếp xúc với không khí bên ngoài sau khi lọt lòng mẹ? Vậy thì chúng ta cứ nên hiểu theo khía cạnh triết lý, cuộc đời là bể khổ, nên lúc sinh ra chúng ta đã phải khóc tiếng khóc đầu tiên, thay vì là tiếng cười hay sự im lặng. Đức Jesus Christ cũng đã chẳng chịu đóng đinh trên Thập Tự Giá để chuộc lỗi cho nhân loại hai ngàn năm trước đó sao? Và Đức Phật Thích Ca cũng thế, đã rũ bỏ những vàng son phú quý mà Ngài đang có, để đi ngồi thiền dưới gốc cây Bồ Đề, tìm hiểu nguồn gốc sự khổ đau của loài người, rồi giác ngộ, tìm thấy đường giải thoát cho chúng sanh về nơi siêu linh tịnh độ. Ngài đã đi thuyết pháp suốt gần nửa thế kỷ mà đời sau đã ghi chép thành kinh kệ.

Vậy chúng ta nên đành chấp nhận cuộc đời là bể khổ, mà chấp nhận thì chúng ta phải đương đầu với những phiền toái, những ràng buộc và những đau đớn ê chề đó. Nhưng dĩ nhiên không phải là bất cứ giây phút nào chúng ta cũng khổ đau. Bởi vì một ngày chúng ta có những 24 giờ đồng hồ kia mà, chúng ta vẫn có thể, trước và sau giây phút khổ đau, có những giây phút khác an nhàn thoải mái. Vấn đề là chúng ta phải biết tìm kiếm những giờ phút thanh thản đó. Và điều cần biết là những giờ phút thanh thản ấy, chúng ta không nên kể những thú vui giải trí tầm thường có tính cách tạm bợ. Chúng ta hãy tìm đến những thanh thản có tính cách cao quý hơn, chúng tôi muốn nói tới sự tu dưỡng tâm hồn có mang tính cách triết lý và đạo lý. Đó là **Thiền**.

Thiền (meditation) có thể hiểu là đem tâm hồn tìm đến tĩnh lặng để suy tưởng về đạo qua **phương pháp hít thở** thật sâu và chậm. Chữ đạo ở đây không nhất thiết phải là một tôn giáo nào, mà nên hiểu có khi chỉ là một khai lối đi đến sự vô vi thanh tịnh, đem tâm hồn thoát ra khỏi mọi phiền não và tham sân si của cuộc đời... Thời gian hành Thiền có thể nhiều ít tùy theo hoàn cảnh cá nhân của mỗi người, nhưng cần nhất là phải có sự kiên nhẫn, sự chú tâm và phải đều đặn hàng ngày.

Và nói đến Thiền là phải nói đến sự điều hòa hơi thở vì điều hòa hơi thở là phương pháp hữu hiệu nhất chống lại sự âu lo (anxiety) và chống lại những áp lực về tinh thần (stress). Khi ta hoàn toàn chú tâm đến hơi thở, đến luồng khí vận hành trong cơ thể sao cho đúng cách, nghĩa là thở sâu, thở chậm và thở đều hòa trong tĩnh lặng thì chúng ta sẽ đương nhiên thoát ra khỏi những âu lo, những stress hay gọi chung là tạp niệm đang làm khổ chúng ta. Đương nhiên thoát khỏi tạp niệm? Chắc có người sẽ hỏi làm sao đương nhiên được? Xin trả lời: được lắm chứ. Bởi vì một lẽ rất giản dị là *tâm thức chúng ta chỉ có thể làm được “một việc” trong “một lúc”*. *Tâm thức không thể làm được hai việc khác nhau trong cùng một lúc*. Hãy nhớ lại những khi chúng ta lo lắng về nhiều chuyện chẳng hạn như công ăn

việc làm, nhà cửa, xe cộ, thuê má, con cái..v.v, tâm hồn chúng ta chỉ nghĩ được một chuyện trong một lúc. Xong chuyện này rồi mới tới chuyện khác. Bởi vậy mới có câu “*suy nghĩ miên man*”. Trong Thiền cũng thế, nếu chúng ta hoàn toàn chỉ chú mục vào phương pháp thở và hoàn toàn theo dõi hơi thở trong lúc thiền, thì tâm thức sẽ không còn chỗ để bị xao động bởi những tạp niệm. Tâm thức lúc đó chỉ còn biết về hơi thở mà thôi. Điều cần nhấn mạnh là khi thở thì phải thở phải thở như thế nào? Chúng tôi xin mạn phép được đề cập đến phương pháp thở của **Thái Cực Thiền** mà tiêu biểu là **Thái Cực Thiền Hội SharpsTown** ở Houston TX, do **Giáo Sư Nguyễn Cao Thanh** sáng lập và giảng dạy với **Quán Niệm hơi thở** như sau:

- Đứng với hai bàn chân song song, rộng ngang vai, hai đầu gối chùng xuống, miệng ngậm, đầu lưỡi khẽ chạm vào hàm ếch trên, mắt nhắm lại.

- Giữ lưng thẳng, hai tay xuôi theo hai bắp vế với đầu ngón cái chạm đầu ngón tay giữa, lòng bàn tay hướng ra sau.

- Thở bằng bụng, khi hít vào thì thóp bụng vô và nhón hậu môn lên, khi thở ra thì phình bụng và nhả hậu môn.

Giải thích:

- Đầu lưỡi đụng hàm ếch trên là tim phổi liên hệ đến hung tuyến (hung tuyến ở phía trên ngực, sau xương mỏ ác), cũng như đầu ngón tay cái chạm đầu ngón tay giữa là phổi liên hệ đến tâm bào.

- Thở bằng bụng là bắt chước theo Thai tức, bắt chước theo tiên thiên hô hấp của thai nhi trong bụng mẹ. Khi thở ra, phình bụng và nhả hậu môn là cho khí hậu-thiên ra ngoài, còn khí tiên-thiên thì giữ lại, cho chạy từ hoành cách mô xuống đến đan điền (huyết nằm chùng một inch dưới rốn), rồi tới vĩ lư là đốt xương cuối cùng của cột sống. Khi hít vào, thót bụng lại và khép hậu môn, là cho khí tiên-thiên đi trở lên hoành cách mô để hợp với khí hậu-thiên, thành **khí Thái cực**. Thai tức lâu năm thuần thục sẽ chuyển thành Qui tức, thở như rùa sống tới 150 tuổi.

Thở đúng phương pháp sẽ làm luân chuyển hai mạch Nhâm Đốc. (Trong những truyện võ hiệp của Kim Dung như Cô Gái Đồ long, Anh Hùng Xạ Điêu, Tiểu Ngạo Giang Hồ hay Lục Mạch Thần Kiếm v.v., người học võ muốn đạt đến trình độ nội công và võ công đến mức thượng thừa thì phải được đã thông hai mạch Nhâm Đốc, chẳng hạn như Vô Kỵ, Quách Tĩnh, Lệnh Hồ Xung, Đoàn Dự...).

Ngoài ra Thiền theo phương pháp Thái Cực gồm có 13 yếu quyết, trong đó yếu quyết đầu tiên và quan trọng nhất là “ **An Thư Điện Mục**” tức là nét mặt lúc nào cũng an vui thư thái, vì an vui thư thái biểu lộ:

a) một thân tâm an lạc giúp cho hung tuyến hoạt động hữu hiệu để cơ thể chống bệnh, b) một đức tin mãnh liệt khiến tuyến tùng quả ở sâu trong não tiết ra kích thích tố, tăng cường hệ thống miễn nhiễm, giảm mức nhũ toan trong máu.

c) một đức tính từ bi với trung tâm là hung tuyến, tiết ra chất thymosin, tạo nên bạch huyết cầu có thể phục hồi hệ thống miễn dịch nơi người mắc bệnh Aids.

d) một tinh thần vô úy, không sợ hãi, vì giải thoát khỏi lòng sợ hãi là sống vô bệnh, là sống khỏe, sống hạnh phúc và sống có trí tuệ. (Còn vấn đề sinh tử là luật của tạo hóa, con người không thay đổi được).

Tóm lại, khi chúng ta hành Thiền, chúng ta sẽ rũ sạch hết mọi xao động của cuộc sống ra khỏi tâm hồn, rũ sạch mọi tạp niệm để tâm hồn được thanh tịnh trong sáng. Phương pháp thở của Thái Cực Thiền sẽ làm an tĩnh hệ thần kinh, làm nhịp tim chậm lại và làm giảm huyết áp. Do đó một sự hành

thiền lâu dài và thường xuyên sẽ giúp trị được rất nhiều bệnh, có thể kể như bệnh phong thấp, bệnh tiểu đường, bệnh đau bao tử, bệnh viêm khớp, viêm cuống phổi, bệnh hen suyễn, bệnh cao máu, cao cholesterol... và có thể ngay cả những bệnh về tâm thần như bệnh mất ngủ, mất trí nhớ, bệnh trầm cảm(depression)... .

Theo cuộc khảo cứu năm 1967 của Bác Sĩ Herbert Benson thuộc Đại Học Harvard trên 36 bệnh nhân có hành Thiền, thì Điện Não Đồ cho thấy cơ thể con người khi ngồi Thiền, não bộ sẽ phát ra những làn sóng Theta có tần số thật thấp với chu kỳ từ 4 hertz đến 8 hertz trong mỗi giây đồng hồ, đó chính là làn sóng thư giãn và an nghỉ của chúng ta nửa thức nửa ngủ. Người hành Thiền dùng 17 % khí Oxygene ít hơn lúc bình thường và nhịp tim giảm 3 nhịp mỗi phút. Do đó chúng ta sẽ không lấy làm lạ khi người đã hành thiền thường ban đêm không cần ngủ nhiều, lý do vì tâm hồn đã được nghỉ ngơi và thư giãn rồi. Tóm lại tất cả mọi hoạt động của cơ thể sẽ đều chậm lại, do đó các Stress hormones sẽ không tiết ra quá mức bình thường để trở thành độc tố có hại cho cơ thể khiến ta được khỏe mạnh và mau bình phục nếu có bệnh.

Vì vậy có thể nói Thiền đã hướng dẫn Tâm thức đến nơi vô vi thanh tịnh và an dung tự tại. Lợi ích quan trọng của Thiền có thể coi như hiển nhiên là Thiền sẽ giúp chúng ta tránh được Stress, mà tránh được Stress là tránh được nhiều bệnh tật để được sống vui sống khỏe, sống thanh tịnh và an nhiên. Sự tu tập Thiền Quán rất bao dung và rộng mở, không phân biệt tín ngưỡng của mỗi người chúng ta. Cho nên dù là người Công Giáo, người Phật Giáo hay người Hồi Giáo..v.v, nếu muốn an dưỡng tâm hồn, xin chúng ta hãy cứ đứng hay ngồi, rửa sạch tạp niệm, tập trung tư tưởng vào hơi thở , hàng ngày đều đặn như thế , rồi chúng ta sẽ sống yên vui, có sức khỏe, có hạnh phúc và có trí tuệ.

Thiền căn ở tại lòng ta

*Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài (****)*

Hai câu thơ của Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh đáng được để cho chúng ta suy ngẫm. Một lần nữa xin thưa là sau khi chúng ta đã có một ý niệm về Tâm Thức, và khi chúng ta thực sự muốn làm sao để sống vui, sống khỏe, sống có đạo đức và sống có trí tuệ, xin chúng ta hãy bỏ ra mỗi ngày ít nhất nửa giờ hay một tiếng đồng hồ để hành thiền với phương pháp hít thở của **Thái Cực Thiền**. Dĩ nhiên sự hành Thiền đúng nghĩa còn đòi hỏi nhiều điều sâu xa hơn, nhưng ở vào một mức độ bình thường, chúng ta chỉ cần cho tâm hồn lắng đọng, rửa sạch tạp niệm để rồi chú tâm điều hòa hơi thở và theo dõi hơi thở là tạm đủ rồi. Nếu chúng ta vì lý do nào đó mà ngại đứng hoặc không đứng được để thở như đã nói ở trên, chúng ta có thể tạm biến cải (xin được nhân mạnh chữ “tạm”) bằng cách ngồi xuống theo thể kiết già Yoga, với hai bàn tay để ngửa trên hai đầu gối, và cần nhất, đầu ngón tay cái chạm phải đầu ngón tay giữa. Phương pháp hít thở này nếu được phối hợp với 108 thế Thái Cực Quyền, sẽ có những kết quả lớn lao và nhanh chóng hơn, có thể trị được rất nhiều bệnh kể cả những bệnh tâm thần như đã kể ở trên. Cần nhất là chúng ta phải tập đều đặn và tập kiên trì. Đức khiêm tốn và kiên nhẫn sẽ giúp chúng ta thành công.

Ghi chú:

*(*) Lão Tử sinh cùng thời với Khổng Tử ở bên Trung Hoa, vào khoảng thế kỷ thứ sáu trước công nguyên. Một cách tổng quát, trong khi Đạo Khổng dạy con người trở thành Chính nhân và Thánh nhân thì Đạo Lão với thuyết Vô Vi Thanh Tịnh, dạy con người trở thành Chân nhân. (Nhĩ Ngã là “ anh và tôi”, ý nói hai bản thể khác nhau.)*

*(**) Sách “Thái Thượng Tam Thi trung kinh” của Đạo Gia tức Đạo Giáo, vào khoảng thế kỷ thứ hai trước công nguyên, thờ Nguyên Thủy Thiên Tôn (hay Nguơn Thi Thiên Tôn)*

(***) *Canh Thân*: là các năm âm lịch ngang với các năm dương lịch 60, 120, 240 và cứ tiếp tục như thế cho đến1920,1980,2040.

(****) Chữ “*Tâm*” trong hai câu thơ của Nguyễn Du mang ý nghĩa đạo đức như “*lòng tốt*” hay “*hào tâm*”.

CVA Trần Ngọc,

Ngày cuối hạ Houston TX 2003

* **

Độc tài: Yếu tính của lãnh đạo

CVA Mạc Trần

Ở lãnh vực văn thơ có người cho rằng, xét một bài thơ phải xét bốn khía cạnh: ý, tình, lời, điệu. Có người lại cho rằng, phải xét tới năm khía cạnh mới đủ: ý, tứ, tình, lời, điệu. Theo lối nói của Tây phương thì tứ chính là cái nghĩa ở giữa các dòng chữ. Còn theo ta thì tứ là nghĩa ẩn tàng trong ý, là điều tác giả muốn nói nhưng không nói thẳng mà ẩn dấu trong chữ, trong lời. Vậy tứ là sự chuyên hóa suy tư thành tình cảm... Tứ chính là tình tự đặc thù. Trong dân gian thường nôm na gọi người khéo ứng xử là người ý tứ. Nếu thế, tứ là điều cần yếu chẳng riêng gì của thơ, mà phải là của toàn bộ phạm trù văn.

Ngôn ngữ, nói năng, chữ nghĩa là biểu trưng của nhân văn, và là qui ước tối quan trọng của tương giao con người. Vấn đề quá lớn nên cũng không thể tránh được những trục trặc trong tương quan giữa cá thể với toàn bộ mệnh mông ấy. Trục trặc dễ thấy nhất là sự không hiểu nhau, dù trong cùng một ngôn ngữ. Sự mất cảm thông này, gây ra bởi nhiều duyên cớ. Có thể do chênh lệch trình độ kiến thức, khác biệt thành kiến, thói quen, và do ảnh hưởng môi sinh dị biệt...

Thử lấy một thí dụ khá quảng bá trong xã hội là tiếng *độc tài*. Không hiểu tiếng *độc tài* phổ quát trong xã hội từ lúc nào; có lẽ từ thập niên 40 của thế kỷ trước (TK 20). Nói vậy, nhưng cũng không hoàn toàn xác định được thời gian. Tiếng *độc tài* đã bị người đời ghê sợ, và là chiêu bài hạ bệ nhau, cùng là mũ độc “kim cô” chụp đầu là nguy đấng của những người hoạt động chính trị, và là đề tài nghiên cứu cùng mạt sát nhau của giới học hỏi. Cứ có ai đứng ra hô hào quần chúng để tranh đua với đối thủ thì đều gọi đối thủ của mình là *độc tài*, và như vậy là có sự hưởng ứng. Muốn hạ bệ người nào, hay tập đoàn cai trị nào, thì cứ gọi họ là *độc tài* là thấy việc tranh dành của mình có chính nghĩa ngay.

Tiếng *độc tài* cho tới nay đã trở thành tiếng khủng khiếp, ai nghe thấy cũng lạnh người. Xỏ xiên ai, hận thù ai, muốn hạ bệ ai, muốn đả phá ai bất kể vì thứ gì, thì cứ chum lên họ cái áo *độc tài* là mình dễ bề hành động. Thế rồi đảng phái, tổ chức thường lớn tiếng quả quyết là mình thực thi *dân chủ* và chống *độc tài* để kêu gọi ủng hộ. Theo như kiểu vận động đó, thì đã ngụ ý rằng *độc tài* và *dân chủ* là hai tác hành xung khắc, đối chọi. Thế nhưng, thực tế *độc tài* với *dân chủ* chẳng những không xung khắc, đối chọi mà còn bổ túc cho nhau. Tuy vậy, khẩu hiệu “chống *độc tài*”, “không *độc tài*” lại được mọi người thuận tai hơn. Sự kiện thuận tai này, một phần cũng gây ra bởi sự quen tai từ những vận động chính trị ngay lúc đầu của giới hoạt động. Những người này sai lạc vì sự hiểu lầm, và cũng có thể vì dụng ý. Thế nhưng thành kiến đó đã thành nếp của suy nghĩ trong đám đông.

Tiếng *độc tài* là tiếng dễ gây ấn tượng khủng khiếp như áp bức, đè nén, bạo tàn... Nói chung là mọi ý niệm xấu đều được gọi ra để phủ lên tiếng *độc tài*. Nói tới *dân chủ*, dễ gây ấn tượng quyền hành cho lũ đông, êm ái và công bằng, làm mọi người dễ được thoải mái cảm quyền năng. Khi nói tới các hình thái điều hành xã hội, mà lòng vào đảng trước các hình thái đó (một lối gọi thông thường khác về các hình thái điều hành xã hội là: thể chế) bằng tiếng *độc tài* thì dễ gây cho mọi người sự căm ghét. Chẳng hạn nói: *độc Tài Phong Kiến, độc Tài Quân Chủ, độc Tài đảng Tri, độc Tài Pháp Tri, độc Tài Quân Phiệt ...* thì các thể chế đó trở thành cực kì đáng ghét ngay. Thực ra, tự những thể chế này đã có những điều hay, điều dở, điều tệ hại, điều bạo tàn của nó, nhưng gắn tiếng *độc tài* vào thì nó chỉ dở, chỉ tệ chứ không thể có gì đáng thông cảm.

Hình thái điều hành xã hội (thể chế), có vùng điều hành to hoặc nhỏ tùy thuộc vào tài năng lãnh đạo, và năng lực của thể chế. Cũng có ý kiến khác thêm vào khía cạnh năng lực, tài năng của lãnh đạo thể chế là *số mệnh*. Lối lí luận này cho rằng tài năng và năng lực chưa đủ để bành trướng chế độ mà cần phải có số mệnh. Và nói chung sự thịnh suy của một chế độ tùy thuộc vào vận số của nhân sự ở toàn vùng quản chế, và một phần cũng do vận số của chính chế độ, cùng vận số của người sáng lập, hoặc người điều lí thể chế. Tất nhiên, ý kiến này chưa nghiệm chứng bằng khoa học, mà mới chỉ thuần túy căn cứ vào các ràng buộc của những diễn biến lịch sử. Qua kinh nghiệm lịch sử, mỗi khi khởi nghiệp hay chung cuộc một thể chế, thì đều tắm nhuộm bằng máu và nước mắt. Có lẽ cái giá trao đổi của mọi biến chuyển lịch sử chỉ là xương máu. Máu xương là bản vị độc nhất để trả giá cho mỗi thể chế, mỗi biến chuyển lịch sử. Nếu cười là biểu trưng của nhân tính thì “cười ra nước mắt” phải chăng là biểu hiệu của trường tồn.

Với luận cứ của hầu hết giới hoạt động, và giới học hỏi ở vài thập niên vừa qua tới nay, thì khái niệm *độc tài* là khái niệm mang ấn tượng khủng bố, và đã trở nên tiếng đầu môi chót lưỡi của người đời dùng để chửi rủa thóa mạ nhau. Hay nói cho có vẻ thời thượng một cách khéo léo là “chụp mũ” *độc tài* cho nhau. Trong ngôn ngữ chanh chua ngoa ngoét của thể tục thì *độc tài* được cụ thể bằng tiếng “đồ”, “thằng”, “quân”... như “đồ *độc tài*”, “thằng *độc tài*”, “quân *độc tài*”... một cách rất khinh bỉ. Thế nhưng trên *quan điểm sử, quan điểm như thị, quan điểm ngữ nghĩa* thì vấn đề *độc tài* như thế nào?

Trên khía cạnh ngữ nghĩa, *độc tài* là tiếng Việt mượn hai tiếng Hán Việt “độc” và “tài” ghép lại. Trong nghĩa Việt của tiếng “độc” (lưu ý, tiếng này dù là tiếng Hán Việt cũng chỉ viết bằng chữ quốc ngữ, và không phải tìm cách viết bằng chữ Tàu theo một số quan niệm nô lệ. Thực tế, có rất nhiều tiếng Hán Việt chỉ dùng trong câu tiếng Việt, mà không có trong tiếng Tàu. Tất nhiên, những tiếng này không thể tìm thấy trong tự điển Tàu như, Từ Hải, Khang Hi, Thiệu Chửu ... đây là trường hợp nêu viết những tiếng đó bằng chữ Tàu. Bởi vì, tiếng Hán Việt sử dụng trong câu văn Việt được hiểu theo nghĩa Việt) (lại cần mở ngoặc thêm một lần nữa, vì rất nhiều người Việt Nam, chính mình đã tự đồng hóa với văn minh Trung Quốc, chính mình đã tự tiếp tục gây ra sự lầm tưởng rằng văn hóa Việt Nam chỉ là hệ luận của văn hóa Trung Quốc để cho Trung Quốc cứ coi Việt Nam như là một nước phụ dung, và khiến các nước khác ngộ nhận Việt Nam chỉ là một nước thần phục Trung Quốc. Thật đáng nhục nhã) được hiểu theo hai cách; “độc” là nguy hiểm, có hại, ác, như các tiếng: độc ác, độc hại ... Và “độc” chỉ là một, là duy nhất, là chuyên nhất, như các tiếng: độc nhất, độc hành... Trong tiếng *độc tài*, độc được hiểu theo nghĩa độc nhất, chuyên nhất. Tuy nhiên cũng có người dùng với nghĩa “độc ác” để tỏ ra mình khéo chơi chữ, mà chửi xéo cái “tài” của tiếng này. Nhưng đó không phải là cách dùng nghĩa chữ chánh đáng.

Nếu hiểu *độc tài* là sử dụng, thực thi “tài” một cách chuyên nhất, hay cũng có thể hiểu là chỉ có một cách thực hiện “tài”. Muốn chuyên nhất được tài, thì điều quan trọng là phải có tài. Vậy “tài” được hiểu như thế nào. Tài là khả năng thực hiện, hay khả năng tác động, hoặc khả năng hoàn tất sự việc ... Trong cuộc sống, khả năng thực hiện bất cứ tác động gì đều gọi là tài; Như trong các tiếng kép

tài năng, tài bồi, tài làm việc gì, hay tài thực hiện sự việc gì đó, như tài làm nhà, tài làm bếp... Trong tiếng *độc tài*, thì điều cần thiết để *độc tài* là phải có tài. Những tài cần thiết đó là những tài gì ?. để có thể *độc tài*, thì phải có đầy đủ ba tài (tam tài): *Tài đức* (Tài Năng và đức Hạnh), *Tài Lực*, *Tài Chánh*.

Tài đức là Tài Năng và đức Hạnh. Tài Năng được hiểu là khả năng đặc biệt của cá nhân trong lãnh đạo. Tài năng cũng là khả năng điều hành, thuyết phục và lôi cuốn của lãnh tụ và của chánh sách. đức Hạnh: đức là đạo lí làm người, là điều thiện; Hạnh là phẩm hạnh, là nét na, là làm việc thiện, việc tốt.

Tài Lực, quyền uy của lãnh tụ và tập thể lãnh đạo. Tài lực cũng là sự tuân phục quyền uy lãnh đạo, hoặc giá là uy lực phụ giúp của tập thể, hay lực lượng hỗ trợ. Cũng là khả năng gây dựng uy thế lãnh đạo trong tập thể quần chúng.

Tài Chánh; Tài chánh là bản vị phát triển kinh tế để bồi dưỡng chế độ, và cũng là khả năng tạo lực bồi đắp kinh tài phát triển chế độ.

Nôm na để gọi ba tài này trong yếu tố điều hành là Tài, Lực, Tiền. Vừa có như nền tảng phát động, và vừa là yếu tố gây dựng để bảo tồn sự chuyên nhất. Xem thế, như tiêu đề nêu ra, *độc tài* là yếu tính của lãnh đạo, thì hãy thử nhìn qua khía cạnh lãnh đạo xem *độc tài* được ý thức như thế nào?

Nếu lãnh đạo được hiểu là *điều lí, hướng dẫn, tiên liệu* để đưa *toàn bộ* tiến tới, thì *độc tài* là yếu tố quan trọng để hoàn tất việc điều lí *toàn bộ* mà đạt mục đích tiến tới. Trong nghệ thuật lãnh đạo cũng đọan quyết rằng, không thể đa tạp lãnh đạo mà phải chuyên nhất. Vì điều trọng yếu là sự điều lí phải như một. Thử nhìn qua tiếng Anh, Pháp, thì *độc tài* là dictator, dictateur, với chữ của tác động là dictate, dicter, và chữ chỉ việc là dictation, dictée. Dictation, dictée ta chuyển ngữ là chính tả, hay ám tả. Với trường hợp này, viết chính tả chỉ có thể viết được với điều kiện có một lời đọc, chứ cả chục, cả trăm lời đọc khác nhau thì làm sao viết nổi. Người viết thì bao nhiêu cũng được, nhưng người đọc, câu đọc, bài đọc, lần đọc trước, lần đọc sau phải “*duy nhất*”(chuyên nhất, y như), không thể bát nháo, loạn nhào được. Từ ý nhỏ đó mà suy ra, *độc tài* chính là *yếu tính* của *lãnh đạo* vì nó mang *độc nhất tính*.

Tuy vậy, cứ theo ngữ ý của tiếng Việt, thì lãnh đạo là sự hướng dẫn theo chiều tiến tới, cũng đã ngụ ý tính “*độc nhất*” trong lãnh đạo. Nếu hướng dẫn bằng đầu đa tạp, hướng theo muôn ngả, thì có khác gì xé nát tập thể. để ví von cho rõ ý toàn cảnh nhiều đầu giằng kéo này, thì hình ảnh khủng khiếp “*tứ mã phanh thây*”(một hình phạt trong tội tử đời xưa) mà ví thì có khác chi. Cứ mà nhiều đầu hướng dẫn, tất sự thể sẽ hư nát. Dân ta đã kinh nghiệm bao ngàn năm cái tình huống nát bét này, đã xảy ra ở mọi nơi, từ gia đình tới quốc gia xã hội. Mà đó cũng là lí do làm hư nát mọi sự việc của cuộc đời, nên đã tóm tắt vào lời dạy

Lắm thầy thối ma

Lắm cha con khó lấy chồng

Ma chay là sự tỏ bày lòng hiếu đễ, nhân nghĩa của người sống với người “*ra đi*”, và cũng là để đối với người sống (thân nhân người của ra đi). Theo vũ trụ quan của người Việt, sống là “*sinh thời*”, còn chết đi là “*sinh thì*” vào cõi vĩnh cửu (thời=thì=lúc) (là lúc vượt cõi không để vào cõi vĩnh hằng). Ma chay là sự việc trang nghiêm và bi thương, thế mà có “*lắm thầy*”(lãnh đạo) cùng điều lí sự việc thì “*thây ma*” chỉ đến sinh thối chứ nào mà được tiến đưa “*trang nghiêm, bi thiết*”.

Đến việc thành thân, nên vợ nên chồng, là tác động nhân văn vĩ đại để gây dựng sự trường tồn vĩnh cửu của nhân loại, thế mà “*lắm cha*”(lãnh đạo) chỉ trở, hô hoán bắt phải theo thế này thế kia, thì

việc dựng vợ gả chồng thành ảo tưởng, tất hẳn viễn tượng “tuyệt chủng” kề ngay đó.

Chuyện nhân quần cục bộ thì như thế, tới lãnh vực xã hội, quốc gia, cái mà đời nay mấy người tranh giành lãnh đạo, và những người học hỏi lãnh vực này, cũng thường làm thầy dùi, vẫn hô hào vận động cho cái gọi là “nhiều thầy” “lắm cha” (chống độc tài). Có nghĩa là đề cao “đa tài”. Nhưng rồi, các “tài” này khi được “đa tài” thì chẳng “tài” nào nhận “tài” kia là “tài”, mà chỉ mình là “tài”. Tới lúc đó không hiểu hồn ma “độc tài” mà quý vị “đa tài” đã ra sức giết, có lại hiển hiện để “điều lí” không?

Trong cuộc đời có những chuyện trớ trêu, mới đầu cứ tưởng nói vậy cho xong, thế mà thành “thói”, đến nỗi cái sai quấy lại thành lệ. Rồi khi nói cho đúng với ý “thực” lại bị “thói quen” của người đời bác bỏ. Có học giả Tàu viết về các tệ trạng của chế độ quân chủ ở Trung Hoa với ý trách các “thánh” triết (các học giả Tàu đời xưa) của họ là đã không phản đối những “tệ trạng” đó mà còn a tòng ca ngợi, đến mức thần thánh hoá những hành động “dâm ác” của các tên “dâm tặc” bằng kinh điển (sách Lễ Kí) (các vua Tàu, theo kinh điển, mỗi vua có 120 vợ. Đời Chu và Đường, mỗi vua có 3000 vợ).

Các dân tộc khác thì không rành, vả lại cũng là chuyện của người ta, nhưng ở người Việt mới là điều phải nói. Cái tệ đó là trong học giới, nhiều người đã tốn công, mòn quần nơi trường ốc, tốn phần, mòn bảng nơi học viện để rồi lại về phe với các người vì tranh giành bả vinh hoa mà tạo ra nguy ngữ, nguy ngôn khiến người đời sinh ra phân vân mỗi khi dùng tiếng nào đó. ở đây, nói gằn thì như tiếng “độc tài”.

Điều con người phải chống không phải là *độc tài*, vì đây là yếu tính của lãnh đạo. Còn nhân quần, còn đoàn thể, còn xã hội, còn quốc gia, còn thế giới thì phải còn “lãnh đạo”. Như vậy chống “độc tài” có khác chi chống “lãnh đạo”. Có khác chi cổ động cho “hồn mang”. Cái điều con người phải chống, phải tiêu diệt là lãnh đạo “**bạo tàn**” “**bạo ngược**” “**bạo quyền**” “**bạo chính**” “**bạo lực**” “**độc đoán**”.. Ví dụ, cụ thể như nhân loại chống Cộng Sản vì chúng là bạo quyền, hành động chuyên chính bạo tàn. Chúng là mục tiêu phải diệt trừ để giải cứu con người.

Đời xưa, ở thời phong kiến, quân chủ mà sách vở còn để lại thì không thấy việc chống các thể chế đó, mà chỉ chống các tên hôn quân, bạo chúa. Chẳng hạn như ở Tàu, Mạnh Tử khuyên bảo mọi người rằng “Quân hữu đại quá tắc gián, phản phục chi nhi bất chính tài dịch vị” có nghĩa là “vua sai lầm thì can gián, nếu tiếp tục sai lầm (hôn quân) thì truất ngôi đi”.

Thời nào cũng vậy, thể chế chỉ là hình thái phô diễn mối tương quan giữa lãnh đạo và quần chúng. Vậy thể chế là cái vỏ của tác động chính trị, ví như y phục của người ta. Y phục thay đổi tùy thời. Y phục thay đổi kiểu này, kiểu khác chỉ là tùy ý, tùy thích, tùy hoàn cảnh... của con người. Còn nền tảng là thân thể người ta vẫn phải như nhất, liền lặn “đầu, mình và chân tay”, bộ phận nào, trách vụ đó. Dân gian ta vẫn thường nói “y phục xứng kì đức” là vậy.

Về chuyện “dân chủ và lãnh đạo”, thì có câu chuyện nhỏ hay hay. Tại phòng ăn trưa của một cơ sở vùng Bắc Mĩ có yết một câu chuyện phiếm. “Một ngày kia, các bộ phận trong cơ thể vì ghen tức với vai trò lãnh đạo của cái đầu, bèn cùng nhau kéo lên thiên đình khiếu nại với trời. Các bộ phận lần lượt trình bày về phần vụ của mình. Bộ phận nào cũng cho rằng chỉ mình mới đáng ở vai lãnh đạo. Thế là tranh cãi ồm tỏi, trời thì phân vân không biết quyết định ra sao. Sau cùng hậu môn đưa ra điều kiện cuối để tranh vai lãnh đạo, là nếu không cho hậu môn vai lãnh đạo thì sẽ đình công, không làm việc nữa. Sau khi bàn cãi suy tính gằn xà, các bộ phận thấy quả là tối nguy hiểm, nên đồng ý để hậu môn làm lãnh tụ”

Câu chuyện có ngụ ý rất gần là đa số cấp lãnh đạo đều “thối” lắm, thế nhưng lại rất cần. Vì hậu môn “đình công” vài ngày thì chỉ có chết. Lãnh đạo, dù “thối tha”, mà thiếu vài ngày là tập thể nát ngay. Câu chuyện lại muốn nói, thứ lãnh đạo chỉ giỏi hành người, chứ mình thì đã ở “thấp” lại “nặng mùi” mà thích làm “le”. Suy rộng hơn, đó chính là thứ lãnh đạo bạo tàn, hôn quân, bạo chúa ...chắc chắn phải tẩy bỏ cho sạch, loại trừ cho dứt để trả trách vụ lãnh đạo cho cái “đầu” trong sáng, minh mẫn. Lãnh đạo mà hôn mê, bạo ngược thì có khác gì “lãnh tụ” trong câu chuyện nhỏ này. Cái điều oái oăm đáng nói nữa là, vận động tranh giành thì ngoa ngôn xằng bậy cũng là thường, nhưng người nghiên cứu tình huống mà phụ theo cái sự ngoa ngoét làm lẫn để tranh giành quyền vị, mà lớn tiếng cho rằng *độc tài* và *dân chủ* xung khắc nhau mới là lạ lùng.

Độc tài là thực thi nghiêm chỉnh những gì “dân chủ” quyết định. Như vậy “độc tài” và “dân chủ” là thuận, là hỗ tương mật thiết chứ đâu là xung khắc. “Dân chủ” với ý là quyền của thiên hạ, quyền của tập thể, là công thể. Cụ thể là thắng thế của *đa số*. Nghĩa này đưa đến hệ luận đại biểu, đại nghị. Như thế có nghĩa là, ai được sự thỏa thuận của thiên hạ (đa số) sẽ là lãnh tụ để điều lí sự việc chung. Sự thỏa thuận của tập thể có nhiều hình thức. Các hình thức này thay đổi theo tiến trình lịch sử của con người. Nói một cách khác, các hình thái lãnh đạo tùy thuộc vào tiến trình thăng hoa trí năng của loài người. Tuy vậy, sự thỏa thuận của tập thể để lập lãnh tụ là tác động có từ muôn thủa.

Nước Tàu, láng giềng phương bắc của nước ta, hai nước giao thiệp từ khá lâu đời. Trong mỗi giao thiệp này có lúc hay lúc dở, nhưng ảnh hưởng của nhau thì khá phong phú, nên lấy lời của Khổng Tử, bậc thầy của nước Tàu từ thời Xuân Thu làm ý dẫn. Khổng Tử nói “thiên hạ vi công” có nghĩa thiên hạ là của chung mọi người.ở bên ta thì có câu:

Ở đời muôn sự của chung

Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi

Chung, nghĩa là công, là thiên hạ. Hơn nhau chính là sự anh hùng, là việc được thiên hạ.

Như vậy, lãnh tụ là người có thiên hạ. Vai lãnh tụ chính là do thiên hạ (quần chúng) đề bạt. Không có thiên hạ thì “lãnh tụ” chỉ là lãnh đạo “trông” (trông không). Xem thế, nếu không có thiên hạ thuận với mình thì chẳng là anh hùng, chẳng là lãnh tụ gì cả. Thế rồi, ở ngôi lãnh tụ mà điều lí sự việc không nghiêm, lãnh đạo không chính, tiên liệu không sáng suốt thì rơi vào cảnh ngộ mê muội, hôn áp, bạo tàn, thời phải truất đi, phải diệt bỏ mới đúng lẽ thăng tiến của nhân văn. để hiểu cho tận lí, thì công thể, quần chúng, thiên hạ chỉ quyết diệt bỏ sự bạo tàn, hôn áp, độc đoán chứ không diệt bỏ lãnh đạo.

Độc tài là thi hành nghiêm chỉnh luật tắc thăng tiến nhân văn cho nhân quần. Thế nhưng cứ thường bị hiểu sang nghĩa độc đoán, ngoan cố, vị kỉ cực đoan... với toàn ý xấu. Mà đúng thế, các tính đó thì chẳng tốt tí nào, nhưng không thể gắn chúng vào làm nghĩa cho tiếng *độc tài* được.

Độc tài là chuyên giữ tài năng, bành trướng tài lực, và phát triển tài chánh thì hay lắm chứ, xấu xa gì mà phải căm ghét, chống đối, hủy diệt. Hình thái điều lí nào cũng cần tuyên thủ *độc tài*, nếu không thì nát nát. Hình thái điều lí thì tùy thời, tùy lúc, nhưng cứ cố giữ “tài” cho nghiêm minh thì mới ổn định được xã hội. Thí dụ, trong thể chế pháp trị (nội dung của dân chủ), pháp luật là quy ước của tập thể. Nếu quy ước mà không tuyên thủ *độc tài*, thì pháp luật còn gì là quy ước nghiêm minh nữa, thế tất xã hội nháo loạn bất ổn ngay.

Cũng có câu chuyện nhỏ về dân chủ, mang ý nghĩa là “quyết định” của tập thể rất quan trọng. Chuyện kể rằng, một thành phố kia sau nhiều đời Thị Trưởng, nhưng nguyện vọng của dân vẫn chẳng được thi hành thỏa đáng. Vì lẽ đó, dân trong thị xã đồng ý chỉ bầu cho người nào vào chức Thị Trưởng

với điều kiện người này phải có tài làm mưa làm nắng theo ý dân. Khó như vậy mà cũng có một vị đắc cử, vì vị này đã quyết hứa sẽ làm mưa, làm nắng theo đúng đòi hỏi của tập thể. Dân trong thị xã có nhiều nhóm, nhiều ngành nghề khác nhau. Tùy ngành nghề và tùy giai tầng sinh hoạt, nên nhu cầu cũng khác nhau, mặc dù chỉ đơn giản mưa, hay nắng. Nên mỗi lần họp bàn để quyết định đòi viên Thị Trưởng phải làm mưa hay nắng, là tranh cãi ỏm tỏi vô cùng gay go. Có nhóm muốn làm mưa để việc nông tang, cây cối thuận lợi. Có nhóm lại muốn có nắng để di chuyển làm lụng được khô ráo. Có nhóm muốn mưa ngày nắng đêm để việc làm trong nhà được mát mẻ tiện lợi. Có nhóm muốn nắng ngày mưa đêm để tổ chức đi chơi ngoài trời cho quy mô sáng khoái. Có nhóm chỉ muốn mưa vài phút lúc đêm tàn còn nắng chang chang suốt ngày để việc cắm trại được vui trọn vẹn,... Cứ thế các nhóm tranh cãi ỏm tỏi, lợi ích của nhóm nào cũng trên hết, nên hết ngày này qua ngày khác không đưa đến biểu quyết nào cả. Vì thế trong suốt nhiệm kỳ, vị Thị Trưởng không có cơ hội để làm mưa hay nắng. Thế là, trời đất cứ mưa nắng theo tự nhiên.

Ý nghĩa câu chuyện, để tùy quý vị.

Như đã nói ở trên, *độc tài* và *dân chủ* (cụ thể là ý nguyện của toàn dân, của tập thể căn cứ theo đa số) không những chằng xung khắc mà còn hỗ trợ cho nhau. Điều này cần phải được minh chứng. Trước khi lấy các sự kiện kịch sử để minh chứng điều đó, cũng thử bàn qua về khái niệm *dân chủ*.

Sách vở cũng đã viết rất nhiều về vấn đề này. Qua sách vở quảng bá và hướng dẫn, khiến quần chúng nghĩ rằng khái niệm *dân chủ* chỉ mới có từ cuối thế kỷ 18 ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Còn chớm nở của khái niệm này thì từ Anh Cát Lợi (England) với cách mạng 1679. Rồi ấn tích loé rạng khác của *dân chủ* là cách mạng 1787 ở Mỹ vào thế kỷ 19, và lừng lẫy là cách mạng 1789 ở Pháp (cách mạng này đặc biệt lừng lẫy đối với hầu hết trí thức Việt Nam - vì đất Việt đã có lúc bị giặc Pháp xâm chiếm hơn 80 năm, 1884-1945). Rồi ngày nay, khái niệm dân chủ đã vô cùng phổ quát, và đã trở nên lí tưởng đấu tranh ở khắp mọi nơi. Thế nhưng sự đời thường là thiên hình vạn trạng, “dân chủ” cũng vậy. Tiếng gọi là thế, nhưng hành xử lại “trăm khoan, nghìn khóe” khác nhau. Sự khác biệt có thể vì lòng người điều lí khác nhau, có thể vì tình huống dân gian khác biệt... Mà nói cho cùng, ở lãnh vực nhân văn thì làm gì có tuyệt đối, hoặc bất biến. Vì sự việc mà tuyệt đối cả, thì mọi sự chết cứng, chứ làm sao mà dịch biến, thăng hoa cho được. *Dân chủ* ở khắp nơi đều khác biệt. Có nơi tạm tốt, có nơi chưa tốt, nhưng tựu trung đều cố tiến trên đại lộ *dân chủ* cả. Tuy vậy, thói thường tự cao tự đại, nên chỉ thấy kiểu *dân chủ* của mình là nhất. Cũng với tâm lí đó, và sự vượt trội kĩ thuật của Tây phương, mà mọi người phải nghĩ là *dân chủ* phát xuất ở phương Tây. Từ thế kỷ 19, Tây phương phát triển mạnh, và bành trướng thế lực khắp nơi trên thế giới, do đó mọi người tuyên dương là thể chế *dân chủ* khởi phát từ Tây phương. Thế nhưng, trầm ngâm một chút, rồi lục xem các cổ thư thì nhận định ấy phải xét lại.

Chẳng cần xa xôi cho lắm, mới chỉ đọc vài cuốn sách xưa của người láng giềng phương bắc, cũng đã thấy khái niệm *dân chủ* được đề cao từ lâu lắm. Từ những năm tháng trước Dương Lịch, ở thời Xuân Thu Chiến Quốc của Tàu, các thánh triết của Trung Hoa đã tuyên dương vai trò và quyền hành của người dân lớn lao vô cùng. Lớn tới độ có thể truất bỏ ngôi lãnh đạo. Mạnh Kha đã có lần lớn tiếng cảnh cáo giới lãnh đạo rằng: “Dân vi quý, xã tắc tứ chi, quân vi khinh” (Dân là quý nhất, đất nước thứ yếu, lãnh đạo - vua - là thứ thường). Tuy nhiên những điều này chỉ có trong sách vở mà thôi. Rồi ở nước Việt, ý niệm dân chủ còn tích cực hơn thế nhiều. Ngay từ xa xưa ngôi lãnh tụ được tôn trọng và đề cao tới tột cùng nên được gọi là con trời (thiên tử). Ngôi trời là ngôi điều lí vũ trụ, còn con trời điều lí trái đất này. Thế nhưng trong quan niệm của dân Việt, cái vai vị cực kì lớn lao làm chủ cái địa diện này, ngang vai với cả trời chính là người dân. Chẳng thế mà vẫn được tuyên bố là: Ý dân là ý trời. Rõ ràng dân ngang với trời. Ý dân phát biểu ra thì quan trọng lắm như lời thần thánh phán vậy. Dân nói như thần nói. Lãnh tụ mới chỉ là con trời, chứ dân mới là trời. Ý này đã cực tả được vai vị làm chủ của người dân.

Ở nhiều cảnh ngộ, nhiều tình huống của nhiều chế độ (hình thái lãnh đạo xã hội) người dân phải chịu trăm cay nghìn đắng thật là tội nghiệp. Tuy vậy cũng chỉ là đoản kì. Hoàn cảnh đó là những thử thách về ý thức quyền hành của người dân. Nếu người dân ý thức kịp thời và tích cực sử dụng quyền của mình thì mới sớm thay đổi được vận mạng. Trầm luân lâu hay mau, khóc than nhiều hay ít chính là do tình huống đó.

Trở lại với ý niệm *độc tài* của khía cạnh lãnh đạo, thì lãnh đạo mà không độc tài, tập thể tất sẽ bị lâm nguy. Nhưng lãnh đạo biết sáng suốt tích cực độc tài thì tập thể hưng thịnh. Gương xưa còn đây trong sách vở. Nếu vua Trần Nhân Tông (1287) không độc tài tuân hành ý nguyện “Quyết chiến” của hội nghị Diên Hồng thì biên vực tung hoành của Mông Cổ chẳng chịu ngừng tại ải Bắc của nước ta, để chịu luân quản trong lãnh địa nước Tàu mà thôi. Nếu đức Lê Lợi (1427) không cương quyết độc tài thực hiện ý chí độc lập của toàn dân, thì giặc Minh nào chịu chui lủi trốn về Tàu. Nếu Hoàng Đế Quang Trung (1789) không độc tài thể hiện ý chí đấu tranh của dân Việt, thì lẽ nào giặc Thanh, quân-tướng không kịp giáp trụ, ngựa chẳng kịp yên cương đã vội đạp lên nhau mà chạy về Trung Nguyên [đất của những người (Trung Hoa) sống trên thảo nguyên (cũng gọi là Trung Quốc)]...

Nhắc tới những oai phong lẫm liệt đó của tiền nhân, lại chợt nghĩ tới chuyện hậu thế. Có những kẻ mang tính xấu, vốn đã bất tài, nhưng nặng lòng thèm khát tiếng tăm, nên đã dám hạ bút viết càn về những sự kiện, và những nhân vật kiệt liệt trong lịch sử, hay những tác phẩm của những người có tài, khiến người ta phân vân mỗi khi giờ những trang sử của đất nước, hoặc đọc những tác phẩm lừng danh của dân tộc. Không hiểu, chúng bói bác mạ lị tiền nhân thì ích lợi gì cho đất nước, nhưng chắc chắn chúng được tiếng là đồ vô lại bất hiếu. Sự ti tiện vô liêm sỉ ở đời là không biết tự “đám ngực” mình, mà lại đòi “đám ngực” tổ tiên. Thật là bất tường, đúng là lũ trùng kí sinh vô trách nhiệm. Mà cũng thực bực mình, vì vẫn có kẻ vỗ tay cổ vũ chúng.

Trở lại phần trên, thì tóm tắt như thế này: *dân chủ* là quyền năng của người dân. Còn dùng tới hay không, hoặc biết dùng hay không biết dùng lại là chuyện tùy thuộc vào trí năng, tình huống suy tưởng, và ý thức quyền hành của người dân. “Nhân quyền, dân quyền” là đương nhiên của con người, của nhân quần, không phải là quyền được trao bởi lãnh đạo, hay bất cứ năng lực nào cả. Mà đúng ra, nhân quần trao quyền cho lãnh đạo. Phương cách trao quyền thì vô cùng linh động, thiên hình vạn trạng, bằng một thể cách nào đó.

Như tiêu đề đã đặt “Độc Tài Là Yếu Tố Của Lãnh Đạo”, mà cũng đã đề quyết như thế, để lãnh đạo thực thi ý nguyện của tập thể, và hướng dẫn tập thể thăng tiến. Tương quan giữa *độc tài* và *dân chủ* là tương quan hỗ tương. Đối thủ của *dân chủ* là *bạo ngược*, là *lãnh tụ bạo tàn*, là “*hôn quân, bạo chúa*”. Đó mới thực là mục tiêu mà *dân chủ* phải tiêu diệt.

Tiêu diệt tham tàn, trừ bỏ lãnh đạo bạo ngược là tiền trình thăng hoa của nhân văn, là tiền trình tính người thắng tính thú. Vì sự *bạo ngược chính là thú tính*. Ở khía cạnh này, vị kỉ là trọng tâm của tác động làm mù tối mọi hình ảnh bình đẳng xung quanh. *Bạo tàn* là chỉ vì mình, bất kể thiệt hại, buồn thảm, chết chóc của tương quan xung quanh. Đặc tính đó là bản năng thú vật. Hay một cách rõ hơn, *bạo ngược chính là thể cách thú vật hiện hữu trong thế giới loài người*.

Kẻ cầm quyền, chỉ cốt thỏa mãn cho mình mà tìm mọi mảnh khóc dù lưu manh, bất nhân, tàn ác tới đâu cũng dám thực hiện như cung cách một ác thú, thì đây là bạo quyền. Đó chính là đối tượng người dân phải tiêu diệt, loại trừ. Còn thực thi đường lối thỏa ý nguyện thăng tiến tốt lành của dân, của tập thể một cách nghiêm chỉnh ngay ngắn thì đáng quý lắm. Có nghĩa là phải độc tài chấp hành ý nguyện của dân chúng. Xét ra, kịch liệt lên án độc tài mà độc tài vẫn đây là vì cái ý nghĩa của hành động đã kích không ổn, và đối tượng bị kết án không chuẩn đích. Lẽ ra, đối tượng phải tiêu diệt chính là lũ *ác thú cầm quyền bạo tàn, bạo lực*. Thế nhưng, thật oái oăm tiếng độc tài vẫn bị các người tranh

giành quyền vị, và người đời vẫn cứ nhập nhằng khoác vào nghĩa xấu. Sự việc xảy ra như vậy bởi vì nhiều lí do, nhưng thử đơn giản vài nét lớn của các nguyên nhân ấy.

Gọi người cầm quyền hay người khác là độc tài vì do tự lòng ganh ghét mà nên. Những việc người cầm quyền hay người khác nghiêm chỉnh rắn thực hiện điều ước chung đều bị coi là đáng ghét và phải bôi xấu. Điều xấu xa dễ gán nhất là độc tài. Bởi chung, nghĩa của độc tài thật vu vơ, nhưng vốn bị gắn với ấn tượng không tốt.

Chỉ vì muốn tranh giành quyền vị, mà lại bắt tài, bắt lực nhưng lòng vị kỉ thật cao, nên phải tạo cho đối thủ một hình ảnh tồi tệ; Dễ dàng nhất và dễ gây ảnh hưởng đời đời quần chúng, nhất là những người vốn có mặc cảm tự ti nhược tiểu, một ý niệm xấu về người có quyền vị bằng cách gán tiếng độc tài cho họ.

Như trên đã đề cập tới, giới lãnh đạo vốn chẳng có người toàn hảo, không những thế, thành phần tệ hại lại quá nhiều. Mà theo lẽ tự nhiên của qui trình thăng hoa, thì quần chúng phải hủy bỏ, diệt trừ những xấu xa đó để kiến tạo toàn xã hội. Nhưng công tác đó không thể hàm hồ vu vơ bôi nhọ tất cả bằng tiếng “độc tài”. Những tội lớn của lãnh đạo như: bạo ngược, bất nhân, tham nhũng, độc đoán, dâm loạn bị ối, cung cách “dâm tặc” vua chúa như sách sử đã ghi. Chẳng hạn như ở bên Tàu, mỗi vua, theo kinh điển của các thánh triết Trung Hoa quy lập, có tới 120 vợ. Có thời, nhiều tên “dâm tặc” (tiếng của nhà bình bút Bá Dương-Đài Loan- gọi bọn loạn dâm này) có tới 3000 vợ. Hay như những tên cầm quyền bạo ngược của nhiều thể chế, ngay ở thời này, trong cả hình thái mới nhất là dân chủ, bọn tệ hại này khi thì lộ liễu, khi thì ngụy trang bằng kiểu “đơn hôn liên tục” (serial monogami) để thoả mãn dâm dục. Tệ hơn nữa, là ở thời buổi này, có những tập thể “mê tín dị đoan” đã lập qui thành “đạo” cho lũ đàn ông dâm dục được quyền có 4 vợ, và coi đàn bà chỉ là đối tượng tình dục một cách độc ác. Chúng độc ác vì quá ích kỉ, và bị ối tới mức hủy bỏ các cơ phận cảm khoái của phụ nữ, để họ phải chịu mất khoái cảm thiên chức. Có những nơi, lũ tàn ngược đã thoả mãn trên sự khốn cực của người khác. Chông đời đi, lớn tiếng kết án đi nếu đủ dũng khí. Trừng trị đi, hủy diệt đi nếu đủ can đảm. Nhưng không hiểu trí năng của con người đời nay đã tới trình độ đủ can đảm, đủ dũng lực vượt thắng thú tính chưa? Những thứ khốn kiếp tàn độc đó không phải là *độc tài* đâu. Những thứ đó là tội phạm của nhân loại, là tính thú vật cản đường thăng tiến của nhân văn.

Lại thêm duyên do nữa là “thị dục huyền ngã”. Vì thêm có tiếng tăm, thêm được đời biết tới, mà mình thì ngu dốt, bất tài, bất lực, nên tìm cách này, cách nọ để phá đám, gây rối cho thỏa lòng đố kị bằng cách chụp mũ độc tài cho đối tượng. Mũ độc tài là cái hình ảnh dễ được mọi người thỏa thuận. Còn nêu lên những tội ác tày đình như đã kể trên, thì phải có bằng cứ phân minh, thứ này khó kiếm lắm, mà lại chẳng dễ gì có đồng minh, mà còn dễ bị lũ bạo ngược đầy đọa, giết chóc. Ở thế giới tự do thì việc loạn ngôn chỉ bị người đời khinh bỉ quay đi, chứ ngày xưa ở vào đời nhà Tần 221-207 của Tàu thì lời thô to, vì Thương Ưởng đặt luật “vu cáo phản toạ” nghĩa là vu cho ai tội gì thì sẽ bị xử phạt tội đó. Điều luật này cốt răn đe bọn loạn ngôn... Không hiểu đời nay, loạn ngôn có là một quyền trong “tự do ngôn luận” không? Chứ dân gian ta cho là đáng khinh lắm, nên đã khuyên rằng:

Không cho nói thì mếu, cho nói thì khóc

Có thể “nói” đây, ngụ ý là loạn ngôn, vu khống, mà văn hoá ta coi là tội, phải trừng phạt, nên mới khóc chứ. Lời nói bừa bãi, loạn ngôn của lũ tham quan bạo quyền gây hại cho người đời thì thật là tệ hại thối tha lắm, nên dân ta mới nói: *Miệng quan tròn trể*.

Tới đây, có lẽ cũng tạm đủ để tóm lại rằng, kẻ thù của *dân chủ* là **bọn lãnh đạo bạo ngược, bất nhân, tham tàn, dâm loạn, độc đoán**, lũ này phải hủy diệt cho bằng tuyệt. Còn *độc tài* là yếu tính của lãnh đạo để thực thi ý nguyện dân chúng một cách nghiêm chỉnh mà tạo thăng tiến cho nhân

quần xã hội. Cho nên, mong rằng người đời nhận diện được “**kẻ thù của nhân văn**” và tránh được nhầm lẫn giữa sự “**nghiêm chỉnh thẳng tiến**” với “**kìm kẹp bất nhân**”.

Thật mong thay.

MẠC TRẦN(CVA Phạm Quân Khanh,Ottawa, Canada)

* * *

Ông bình vôi, đáng thương hay đáng trách?

CVA Vị Chung

Vào chuyện: Tại miền Bắc Việt nam, trước đây đa số đàn bà và kể cả đàn ông đều ăn trầu nên nhà nào cũng có 1 bình đựng vôi. Bình vôi chứa vôi ăn trầu, khi vôi đã được quét vào lá trầu mà còn dư, người ta thường quét trả lại miệng bình. Vì vậy miệng bình vôi càng ngày càng nhỏ lại trong khi trong bình lại càng ngày càng rộng. Người dân quê đã thân thánh hóa bình vôi nên gọi là Ông Bình Vôi và người ta còn đặt ông bình vôi vào nơi thờ tự

Như đã nói ở trên, miệng bình vôi càng ngày càng bị bít lại, cho tới ngày nào đó, miệng bị bít hoàn toàn và bình vôi trở nên vô tích sự. Vì thế mà nhà văn Phan Khôi trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ở miền Bắc đã có lần ví các nhà lãnh đạo miền Bắc như các ông bình vôi” Càng sống lâu lại càng tòi. Vì sự châm biếm nặng nề này mà cụ Phan đã bị giới cầm quyền ở miền Bắc vùi dập cho tới khi cụ qua đời.

Câu chuyện dưới đây xảy ra vào khoảng năm 1984, 1985

Cứ vào những ngày năm cùng tháng tận, Thu hay ngồi một mình hồi tưởng lại những diễn biến trong quá khứ mà chính nàng đã trải qua hay chứng kiến từ những người xung quanh. Năm nay nàng đã mất khá nhiều thời gian để suy nghĩ về ông Đô, cha nàng mà nàng chỉ được biết mặt sau năm 1975, lúc nàng đã trưởng thành và đã có 2 con.

Ông Đô năm 1954 là một giáo sư dạy Trung học ở Hà nội, cũng như một số các thanh niên thời bấy giờ, ông đã thoát ly gia đình, lao mình vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Rất nhiều thanh niên cũng hành động như ông nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, họ đã nhìn thấy bộ mặt thực của Việt Minh, nhất là sau vụ Cải Cách Ruộng Đất ở miền Bắc nên họ đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến và trở về Hà nội và sau cùng đã di cư vào Nam tránh cuộc sống tồi tệ của chính phủ Hồ chí Minh. Riêng ông Đô lúc bấy giờ vẫn chưa nhìn ra bộ mặt thật của nhóm lãnh đạo miền Bắc, từ vùng kháng chiến, ông ra Hà nội và có ý định bắt vợ và 2 con ở lại, không cho gia đình cùng một số bà con theo vào Nam thở hít không khí tự do, dưới sự che chở của chính phủ Quốc gia. Lúc bấy giờ, Thu mới 4 tuổi và em nàng thì mới lên 2, chị em nàng chỉ ngơ ngác nhìn cha mẹ tranh luận, bà thì nhất định ra đi, dù phải bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, mồ mả tổ tiên vì bà đã có kinh nghiệm sau mấy năm sống trong vùng Việt Minh, còn ông thì vẫn còn hăng say với những hoa ngữ độc lập, tự do, quê hương, xứ sở và bài bác miền Nam, nơi xứ lạ quê người.

Mẹ Thư nhất quyết ra đi cùng 2 con nhỏ sau khi đã hết lời năn nỉ, khóc lóc để mong chồng cùng vợ con tìm tự do nhưng thất bại trước sự cố chấp của chồng. Cuối cùng ông Đô đã ôm 2 chị em Thư từ biệt và răn đe bà Đô: “Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được để giúp vợ con tìm “con đường sáng”, nhưng bà đã “u mê” như thế thì bà phải gánh chịu lấy trách nhiệm sau này, nhất là đối với tương lai của 2 đứa nhỏ”.

Mẹ Thư quyết liệt hơn: “Hai bàn tay tôi còn khỏe mạnh, nhất là cái đầu tôi còn sáng suốt thì tôi sẽ nuôi nôi 2 đứa con tôi như từ trước đến giờ ông yên tâm, ông cứ thoải mái với cái lý tưởng hào huyền của ông.” Và bà đã dứt khoát với người chồng đang bị lú lẫn với mớ lý thuyết cuồng vọng ngoại lai.

Hơn 20 năm sau, sau biến cố 1975, ông Đô từ miền Bắc vào Sài Gòn tìm gặp lại vợ con, bà Đô rất ngạc nhiên khi không thấy ông đã động gì tới luận điệu năm xưa, ông tỏ ra mừng rỡ khi được gặp lại gia đình. Ông ca ngợi và hãnh diện về người vợ đã nuôi 2 đứa con thành tài trong khi ông không giúp gì được cho người thân, ông không nói ra nhưng thầm nghĩ, nếu năm 1954 mà ông giữ vợ và 2 đứa con ở lại ngoài Bắc thì không biết tương lai của chúng sẽ đen tối như thế nào. Giờ đây nhờ sống với mẹ dưới chính thể tự do nên chúng đã được học hành ít nhất cũng qua hết bậc trung học, đủ khả năng lập thân mà ông không phải lo lắng nếu ông phải sống xa chúng. Ông sống ở Sài Gòn rất lâu và hàng ngày quán quýt bên vợ con, nhất là với 2 đứa cháu ngoại.

Vợ chồng, bố con tuy sống trong cùng một mái nhà nhưng hình như 2 bên còn gồm nhau, không muốn đề cập tới thái độ chính trị khác nhau từ trước năm 1954. Hai đứa nhỏ hàng ngày đi học do ông ngoại chở bằng chiếc xe đạp của bà ngoại vẫn xử dụng từ lâu. Buổi tối 2 đứa trẻ học bài, chúng hay nhai đi nhai lại các bài vở tuyên truyền ca ngợi Hồ chí Minh, nào là bài bác Hồ yêu nước, nào là bài “Ao cá bác Hồ” khiến bà Đô khó chịu, bà khế cần nhân 2 thằng cháu, nhưng cũng đủ cho ông Đô nghe thấy: “ Cái gì cũng bác Hồ, bác Hồ mà bác Hồ của chúng mày có ra làm sao đâu cơ chứ”

Hai đứa trẻ ngỡ ngác chẳng biết phản ứng thế nào, hết nhìn bà ngoại lại nhìn mẹ và liếc ra xa nhìn ông ngoại đang chú tâm vào tờ báo của nhà nước. Nghe vợ bầy tỏ lập trường, ông Đô khế nén một tiếng thở dài quay mình vào phía tường để vợ con không đọc được tư tưởng của ông.

Tình trạng “dòm chùng” nhau trong gia đình ông Đô cứ dai dẳng không dứt cho tới một ngày kia. Vừa đi bán mấy món hàng do chồng gửi từ Mỹ về, Thư đang tính toán với số tiền trong tay, nàng sẽ mua thêm 1 chiếc xe đạp nữa để ông Đô có phương tiện chạy đi chỗ nọ chỗ kia mà không phải chờ bà Đô đi làm về thì Ông Đô bước ra ngoài cửa, đón Thư và ôn tồn bảo con gái :

- Con đi làm về đây à.

Thư không muốn bố biết chồng mình vẫn tiếp tế cho mẹ con nàng nên chỉ đáp khế “Vâng ạ” rồi đi nhanh xuống bếp lo cơm nước buổi chiều nhưng ông Đô đã đi theo nàng rồi ngồi trên chiếc ghế đầu và gọi chuyện.

Bố thằng Tính, thằng Toán có viết thư về thường xuyên không.?

....

Từ tháng 5/1975, chồng Thư đã cùng hàng trăm ngàn người di tản qua Mỹ và chàng vừa đi học vừa đi làm để có tiền gửi về nuôi vợ con và giúp đỡ gia đình 2 bên, lúc đầu chàng phải gửi qua Pháp để nhờ đứa cháu chuyển về giùm. Sau này chàng gửi trực tiếp từ Mỹ, sau khi chàng đã tốt nghiệp và có việc làm thích hợp thì hàng hóa tiếp tế cho gia đình khá thường xuyên. Nhờ vậy mà gia đình Thư và gia đình chồng bớt khó khăn như những gia đình khác. Nhưng Thư không muốn cho bố biết sự thực nên chỉ đáp lấy lệ

- Nhà con thỉnh thoảng cũng gửi thư về cho con và các cháu.

- Thế bố nó có tính chuyện đón 3 mẹ con sang Mỹ hay không ? ông Đô hỏi con gái một cách thành khẩn trong khi cô con gái vẫn cố tình giữ khoảng cách giữa 2 bố con

- Dạ, anh ấy cũng chưa biết tính sao

Và Thư giải thích để ông Đô khỏi nghi ngờ:

- Và lại còn mẹ con ở nhà, con không nỡ để mẹ con lủi thủi tuổi già một mình, mặc dù đã có bố bên cạnh.

Ông Đô nắm lấy ngay cơ hội:

- Sao bố chúng nó không bảo trợ cho cả mẹ vợ cùng đi, người ta làm như vậy nhiều lắm.

Thư đã chuẩn bị sẵn nên nàng mau mắn đáp lời bố:

- Nhưng còn bố thì sao? Sau mấy chục năm bố mẹ xa cách, nay bố mẹ mới đoàn tụ thì mẹ con nỡ nào để bố sống lẻ loi lúc tuổi già.

Nói tới đây Thư quan sát bố để xem thái độ của ông ra sao. Nàng thấy bố có vẻ ngại ngùng điều gì. Một nửa ông muốn nói ra, một nửa ông lại muốn che giấu. Ông lảng lảng bỏ ngang câu chuyện và bước lên nhà trên để mặc con gái với những thắc mắc trong lòng.

Quả thật Thư đang băn khoăn tự hỏi mà không biết giải quyết ra sao về hoàn cảnh của gia đình nàng lúc bấy giờ. Thư đã làm thủ tục để mẹ nàng cùng nàng và 2 con qua Mỹ đoàn tụ với chồng, nhưng còn ông cụ. Để ông ở lại thì ông biết nhờ cậy vào ai lúc tuổi già mà đón ông đi thì không biết ông có chịu đi không, có khi ông còn cản trở việc mẹ nàng theo gia đình con rể “Mỹ Ngụy”. Mặt khác, Thư cũng tự hỏi, một đảng viên Cộng sản như cha nàng, mấy chục năm theo Bác, theo Đảng, đã từng dứt khoát với vợ con để quyết tâm ở lại miền Bắc năm 1954, thân nhiên nhìn vợ con ra đi tới một nơi hoàn toàn xa lạ thì nay chắc gì ông thay đổi được lối suy nghĩ như xưa, nhất là bây giờ phe nhóm của ông đã chiến thắng. Mẹ nàng cũng có lối suy tư và lo lắng như vậy, 2 mẹ con đã nhiều đêm tâm sự mà chưa biết giải quyết ra sao. Do đó, Thư tạm quyết định là cứ tiến hành thủ tục để mẹ ra đi với mình và 2 con, vào phút chót sẽ tùy cơ ứng biến

Ông Đô ra nhà ngoài một lúc bỗng ông mạnh dạn bước xuống bếp, nơi con gái ông đang làm cơm, ông dơ tay gãi đầu, một thói quen mỗi khi ông có điều gì khó nói:

Thư à, hay là con nói với chồng con lo cả cho mẹ mày với bố qua Mỹ, có được không ?

....

Thư thực sự bối rối, nàng không thể tưởng tượng được một con người Cộng sản như cha nàng, đã bị mê hoặc bởi chủ thuyết này, đã từng thẳng thắn từ bỏ gia đình để theo Đảng, đứng vững trước cảnh chia ly với vợ dại, con thơ khi ông dứt khoát chọn con đường do ông Hồ chí Minh ép đặt lên đất nước mà nay lại suy nghĩ như vậy. Nàng sững sốt đến nỗi buột miệng thốt ra những lời mà đáng lẽ nàng không nên nói vì nó xúc phạm nặng nề tới cha nàng

- Bộ Ba cũng muốn đi Mỹ sao ? Con tưởng rằng...

Ông Đô có lẽ đã hiểu được con gái mình sắp nói gì nên ông tự nói trước:

-Hãy thông cảm cho bố, trước đây bố đã không nhìn ra trắng đen nên đã phải cay đắng mấy chục năm rồi. Nay bằng mọi giá, bố quyết không muốn sống xa vợ con như trước nữa, mặc dù bố biết thân bố ngày nay chẳng khác gì ông bình vôi như cụ Phan Khôi đã nói. Thay vì cuu mang, đùm bọc

gia đình thì bố chỉ là kẻ ăn bám vợ con trong quá khứ, trong hiện tại và ngay cả trong tương lai. Bố rất xấu hổ khi phải nói chuyện này với mẹ của con. Con thay bố nói với mẹ con và nhất là với chồng của con nhé.

Nói xong, ông Đô không đợi Thư trả lời, ông bước thẳng lên nhà trên, vì nói được xong những lời này, ông cảm thấy như đã làm được một việc quá khó khăn mà trước đó ông nghĩ ông không có thể làm nổi.

Thư đã chuẩn bị xong bữa ăn tối cho gia đình. Nàng làm việc như 1 cái máy không biết mình đang làm gì nhưng trong lòng nàng thì đang nghĩ nhiều tới tâm trạng của những người mà nhà văn Phan Khôi gọi là các ông bình vôi. Họ đáng thương hay đáng trách? Thư bỗng mỉm cười một mình khi nghĩ tới tối nay nàng phải viết thư để chồng biết thái độ của cha.

Vị Chung

* * *

Bạn cũ

Phan Chừng Thanh, CVA 1946

Ta về thăm bạn cũ

Xa tít nơi triền sông

Bạn ta tóc đã bạc

Vẫn lãng đãng phiêu bồng

Xuân sang đón gió lộng

Thu về ngắm trăng trong

Chõng tre bình rượu cúc

Ta và bạn tương phùng

Mấy chục năm gặp lại

Cùng dòn tan tiếng cười

Mừng vẫn nhiều tri kỷ

Thanh bần nhưng rất vui

* * *

Một đám cưới ngày ấy

Lời tòa soạn: Truyện ngắn “Một đám cưới ngày ấy” của tác giả Trần Trị Chi, CVA 1962, là truyện đầu tiên trong 10 truyện ngắn trong tập truyện “Gia Phả” mà tác giả đã cho ra mắt sách vào ngày 12 tháng 10 vừa qua tại San Jose, California. Nhận thấy truyện này thích hợp với chủ đề “Một Thời Chinh Chiến” của Đặc San CVA kỳ này, do đó, Ban Biên Tập quyết định cho in lại để cho quý độc giả thưởng thức.

Tôi gặp lại Viễn ngay những ngày đầu trong trại tù cải tạo. Từ đó hầu như ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau. Hoặc chỉ ít thì trong tuần cũng vài lần trò chuyện. Cũng chẳng hiểu tại sao chúng tôi trở nên thân thiết với nhau như vậy. Vì so với nhiều bạn bè cũ hiện cũng ở trong này thì Viễn là người tôi biết ít nhất. Anh không phải là bạn của tôi ngày trước. Một, là chúng tôi không cùng trang lứa với nhau. Hai, là thời gian quen biết nhau quá ngắn. Tất cả chỉ gồm chín tuần ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung và vào khoảng ba tuần nữa ở Trường Bộ Binh Thủ Đức. Sau đó Viễn được bốc về Không quân, chờ học khoá sĩ quan phi công trực thăng. Rồi mỗi người một ngả, cho đến nay cùng nhau gặp lại trong tù.

Vậy là tình bạn cũng như sự tin cậy giữa anh với tôi mới được gắn bó từ trong này. Rồi từng ngày, dần dần tôi biết thêm về đời anh.

Cuối tháng tư năm 75, trước sự tiến công cương quyết của quân đội miền Bắc, không khí chính trị tại Sài Gòn sôi lên sùng sục, quay như con thò lò. Tất cả rối tinh lên. Nhiều lúc lại ì ạch, lẫn lộn, nhiều khi hình thức nào là hợp hiến với hợp pháp. Trong lúc giới chóp bu miền Nam đang ra sức diễu tuồng trên sân khấu; thì các mũi tiến công của Bắc quân vẫn ráo riết siết chặt Thủ đô lại từng giờ. Rồi nhiều chuyên di tản người Việt được chính giới chức Mỹ thực hiện, đẩy bùng lên làn sóng dao động. Người ta hoảng hốt tìm đường ra đi. Người người ngược xuôi nghe ngóng tin tức, tìm bắt mối lái. Giữa cơn lốc xoáy, Viễn chẳng lường lự gì và trở thành người bình thân trước đám bạn đồng ngũ tất bật, lo âu.

Trưa 30 tháng tư, Viễn từ đơn vị trở về nhà cha mẹ. Không còn ai. Nhìn đồ vật khắp nhà. Anh hiểu. Anh đôn đáo tìm kiếm khắp nơi. Không tìm thấy. Anh chạy tới những nơi quen biết. Không tin tức. Chẳng ai dư thì giờ để bận tâm tới nỗi hẫng của anh. Nhà nào cũng có quá đủ những âu lo riêng tư của họ. Lẽ loi, anh lang thang khắp nơi trong thành phố.

Trên đường Trương Minh Ký, từ hướng Lăng Cha Cả, một đoàn xe vận tải chở đầy lính miền Bắc có kéo theo nhiều khẩu trọng pháo đổ về trung tâm thành phố. Dân chúng hai bên đường lộ vẻ e ngại, ngơ ngác nhìn. Một vài tên cò mồi thúc dục:

“Hoan hô đi! Hoan hô ... Hoan hô chiến sĩ Giải Phóng Miền Nam!”

Đáp lại chúng, lác đác vài người sợ hãi, ngại ngần vỗ tay theo.

Có đường vắng ngắt, xác một người lính miền Nam co quắp sát chân tường. Nhiều đường lại đầy người. Lẫn vào với thường dân, những binh sĩ miền Nam đã trút bỏ khí giới và quân phục, chỉ độc có bộ đồ lót trên người. Lề đường ngổn ngang mũ sắt, đạn dược, quần áo rằn ri và giấy lính. Từ cửa sổ dăm căn nhà, không biết ai đã sửa soạn từ bao giờ, thò ra lá cờ Mặt Trận Giải Phóng màu xanh đỏ với ngôi sao vàng.

Bọn theo đám ăn tàn “30 tháng 4” lẹ tay chóp thời cơ. Chúng quần vội miêng vài đò, lỏn nhón trên nhiều chiếc xe hơi đủ mọi loại. Tên lái xe xả tốc lực chạy vòng quanh khắp phố. Bọn có súng ngồi đằng sau thỉnh thoảng lại quạt một băng đạn lên trời.

Nhiều cửa tiệm vắng chủ bị đập phá. Từng đoàn nhào vào, ìn ìn khiêng đồ mang ra. Một cô gái thất sắc, nhìn vọng sang bên kia đường. Một tiệm bán đồ ngoại quốc lớn, cửa kéo bằng sắt bị phá cong. Bọn hôi của ngang nhiên bồng bế, khiêng vác nào là tủ lạnh, ti vi, máy hát ... chất lên xe. Cô gái vẫn đứng rìt bên này đường, mếu máo.

Có nhẽ nhận ra được nét quen quen nơi cô gái, Viễn e dè lên tiếng gọi:

“Hoàng Cung!”

Tiếng gọi không thoát ra khỏi miệng. Viễn nhú mày, cố nhớ lại bóng dáng cô bạn học năm xưa. Hơi lộ vẻ ngờ ngợ lẫn một chút bàng hoàng, Viễn thì thầm trong miệng đủ cho mình nghe:

“Đúng rồi...”

Hình như Viễn có hơi rùng mình. Hình như thể xác có chao đi. Có một luồng điện chạy suốt khắp cơ thể. Máu dồn lên ứ lại trong tim. Miệng há hốc. Mắt lạc thần. Đầu tê tê. Đây rồi... Đây rồi! Viễn thì thầm cái gì trong miệng. Mà không phải. Miệng Viễn vẫn há hốc, cứng đờ. Anh lịm dần trước người con gái đang chập chờn, chao đảo.

Hoàng Cung không nghe thấy tiếng gọi. Làm sao cô nghe thấy được. Nó nhỏ quá. Nó hình như không có. Nhưng cô cảm thấy có cái gì gai gai ngay bên gáy. Cô quay lại. Sững sờ giây lát. Cô gọi to, giọng có hơi uất ức vì cảnh ngộ lẻ loi trước sự ngang nhiên của bọn cướp:

“Anh Viễn phải không?...”

Nghe tiếng gọi. Viễn chợt tỉnh lại, vừa kịp để đứng vững, đón ôm toàn thân người con gái nhào tới, gục trên ngực mình. Cô khóc. Không phải vì xúc động được gặp lại người bạn xưa. Cô khóc cho chính cô. Khóc giữa cơn hoảng loạn lúc bấy giờ. Hai người cứ đứng trơ ra như vậy mãi. Giữa phố. Như xung quanh chẳng có ai...

*

* *

Viễn và Hoàng Cung, ngày xưa, cùng học một trường. Trung học tư thực Ngô Đình Khôi ở Phan Thiết, một trường tư thực bề thế, ngang ngửa với Trung học công lập của thị xã. Học sinh của nhà trường cũng phải mặc đồng phục như trường công. Hai đứa lại còn học chung lớp đệ nhị trong năm chót.

Hoàng Cung, Bích Khuê và Phương Lan cùng học một lớp và ngồi riêng hẳn một bàn. Các cô họp thành một bộ ba luôn luôn dính chùm, trong trường cũng như ở ngoài phố. Ông trời, nếu có, thì cũng không phải là một đáng công tâm như người ta vẫn cô tin. Ông cho ba cô bạn học này được hưởng nhiều về phần sắc. Ông lại còn thiên vị, đặt để cuộc đời của cả ba vào những gia đình giàu sang ở Phan Thiết thời bấy giờ. Đã đẹp lại dư tiền để vỗ đáp, nhan sắc ba cô nữ sinh trường Ngô đình Khôi trong những năm đó chẳng ai còn sánh kịp. Tiếng tăm lan tới cả các trường khác trong tỉnh lỵ.

Dĩ nhiên quý bạn đọc cũng như tôi, khi được nghe Viễn kể đến đây, chúng ta đều đã thoáng thấy phảng phất một chút hương vị ngọt ngào của tuổi mới lớn. Thì hẳn cậu học trò Nông Chí Viễn đã si tình cô bạn cùng lớp đệ nhị là Lê thị Hoàng Cung. Viễn không phủ nhận điều đó. Nhưng để xác định dấu vết khởi đầu của mối tình thì anh không rõ tự hồi nào.

Có nhẽ bắt đầu từ đôi mắt. Có một lần đôi mắt tình cờ gặp nhau. Rồi cả hai cùng luống cuống cố tránh ánh mắt của nhau. Từ đó lòng anh rạo rục cho dù bóng dáng Hoàng Cung còn mãi tít từ đằng

xa. Ở trường anh không còn đùa giỡn ồn ào và mạnh bạo với chúng bạn như trước nữa. Anh ăn mặc gọn ghẽ hơn, có một chút chải chuốt hơn. Và anh chú ý tới một điều chưa bao giờ anh bận tâm: hoàn cảnh túng thiếu của gia đình anh bấy giờ.

Rồi lại một lần cũng bắt đầu từ đôi mắt. Anh đứng một mình dưới bóng mát của một tàng cây lớn trong sân trường, đôi mắt tìm kiếm bóng dáng quen thuộc. Hoàng Cung và hai cô bạn từ cuối sân đi tới. Hoàng Cung tươi tắn, nói cười. Hoàng Cung tung tăng trong nắng vàng. Họ đi lẫn cùng với nhiều nữ sinh khác... Tà áo trắng của các nữ sinh trở thành một nền trắng xóa. Hai cô bạn của Hoàng Cung chìm trong cái mảng trắng đó. Rồi cái nền trắng xóa nhòa hẳn đi. Chỉ còn một Hoàng Cung tung tăng. Tà áo nàng bay lượn trong nắng. Áo nàng là nắng. Hoàng Cung tan trong nắng. Anh lóa mắt chẳng?... Nhưng rồi, sao từ nắng vàng lại có một tà áo trắng đang bay? Tà áo quần quít cùng đôi chân. Hoàng Cung lại từ trong nắng vàng đi tới. Nàng vẫn tung tăng, tươi tắn, nói cười.

Giây phút lãng đãng, xuất thần ấy chỉ đến với anh một lần trong đời. Nhưng ánh mắt gặp nhau của lần đầu vô tình trước đó, vẫn mãi mãi theo anh suốt đời. Đêm đêm sao sáng trên trời như ngàn vạn con mắt đong đưa, đong đưa, xen kẽ trong những giấc mơ của anh...

Phải đến năm đệ nhị, hai đứa chung lớp, Hoàng Cung mới cảm nhận được mối tình của anh. Trong lớp tâm trí Viễn chia làm ba. Một phần nghe lời thầy giảng. Hai phần kia để cả vào Hoàng Cung. Bù lại, về nhà anh chăm chỉ hơn trước. Vì thế anh vẫn là người trả lời được hầu hết những câu hỏi khó của các giáo sư. Anh cố học không phải cho anh. Cũng chẳng phải vì thương xót bố mẹ nghèo túng. Anh chăm vì anh sợ. Anh sợ Hoàng Cung nghĩ anh là một học sinh tầm thường, không sáng trí.

Sung sướng nhất là những lần được gọi lên bảng, để giải một bài toán mà Hoàng Cung vẫn còn đang loay hoay mãi ở trên ấy. Những lúc ấy anh cố phớt tỉnh, tạo cho bằng được cái dáng dấp của những nhà thông thái bẩm sinh, chẳng màng chi tới nhan sắc cô em đứng bên cạnh. Một nhan sắc mọi người đều ngưỡng mộ là hoa khôi trong trường từ nhiều năm nay.

Là một học sinh giỏi, Viễn có nhiều vinh dự. Anh được bạn bè nể và quý mến. Đó cũng là một chút vỗ về, an ủi cho cậu học trò con nhà nghèo. Và đốm sáng hy vọng nơi anh vẫn long lanh như mắt ai trên nền trời sao sáng.

Trong số những người mến anh, có Hoàng Cung. Nhưng tình cảm của Hoàng Cung với Viễn khác những người khác. Hoàng Cung đẹp và biết là mình đẹp nhất trường. Chính từ địa vị hoa khôi trong trường, nàng có được rất nhiều bài học nho nhỏ. Dĩ nhiên các bài học này đều nằm ngoài khung cửa của lớp học. Và những bài học dễ thương đó đã giúp nàng hiểu đời hơn. Nàng phán đoán chính xác hơn. Nàng biết tổng là đã có nhiều tay chết mê chết mệt vì nàng. Không phải chỉ có trong lớp này, mà còn từ những lớp khác. Lại còn nhiều cậu bé lớp dưới nữa, cũng cố làm con kiến mà leo cành soan. Mà không phải chỉ có bạn học mà thôi đâu... Hoàng Cung vẫn giấu kỹ những ý nghĩ thâm kín này cho riêng mình, với nụ cười mãn nguyện, khi bắt gặp ánh mắt của vài ông thầy chỉ hơn nàng không bao nhiêu tuổi.

Cái anh chàng Viễn chỉ là một con nai tơ. Hoàng Cung một lần mỉm cười nghĩ thế. Nhận định đó có được bằng cả trực giác lẫn kinh nghiệm của nàng. Thì cái lần nàng đưa cục phấn cho anh chàng đó. Nguyên cái mặt nạ phớt tỉnh to tổ bố rớt huych xuống. Bộ mặt với vài mụn trứng cá đỏ ké lên. Còn luống cuống đụng vào tay nàng nữa chứ. Đã luống cuống lại càng luống cuống thêm. Không nhận được, nàng đã cười mồm mím. Trông hẳn thật tội nghiệp!

“Lúc đó tớ chỉ muốn độn thổ thôi.” Khi kể đến chỗ này, Viễn ngượng ngùng nói với tôi. “Lại còn cười nữa! Thật là giết người ta.”

Hồi đó Viễn cũng biết Hoàng Cung có cảm tình với anh. Nhưng bằng những tín hiệu khác. Cái ý nghĩ của Hoàng Cung về anh hồi đó, anh mới biết đây thôi.

“Chết thật!” Viễn tiếp tục. “Không biết hồi đó nàng có cười mình cho mấy cô bạn Bích Khuê với Phương Lan biết không. Để khi nào về, tớ phải hỏi lại mới được.”

Rồi như vẫn còn ngượng, Viễn đổi hướng:

“Hồi xưa tớ học giỏi lắm!”

Để làm giảm bớt ý nghĩa câu vừa nói, anh nhũn nhặn hơn:

“Giỏi là nói vậy thôi. Nếu giỏi thật, tớ đã đổ vào đệ thất trường công! Mà thua nhỏ tớ có nhiều ý tưởng lạ lắm. Đến bây giờ nghĩ lại vẫn thấy không sai. Hồi đệ nhất cấp tớ bị ông thầy Quốc văn quật cho một trận mê toi. Tội hử; vì đã muốn sửa một chút trong câu chuyện Trương Chi-Mỵ Nương.

Hồi ấy anh muốn sửa như thế này. Cái câu:

Ngày xưa có anh Trương Chi.

Người thì thật xấu hát thì thật hay.

Viễn muốn sửa lại là:

Ngày xưa có anh Trương Chi.

Nhà thì thật khó, hát thì thật hay.

Viễn đã muốn sửa và bây giờ vẫn muốn sửa như vậy. Văn chương, dù là văn chương truyền khẩu, vẫn bị quyền lực eo ép. Chính cái xã hội đẳng cấp nặng nề đó đã đẩy lệch câu thơ. Chữ xấu được dùng chỉ cốt để đánh lộn lòng người. Mâu chốt của truyện tình đầm nước mắt này chỉ vì chàng Trương có tài nhưng thuộc giai cấp thấp rệp.

Như vẫn còn cay cú về trận đòn năm xưa, Viễn giảng tiếp:

“Thường các trường tư thục không coi đệ nhất cấp là quan trọng. Các môn Sử Địa, Công dân, Quốc văn lại còn nhẹ hơn nữa. Thầy giáo các môn đó toàn là những tay quen biết hay người nhà của chủ trường. Ông thầy Quốc văn dạy lớp đệ tứ mới đổ Tú tài một đó đã nện tớ một trận mê toi. Vì thế nhiều ông to bây giờ, cũng có tí học hành đấy, mà mỗi khi xài xể, lên lớp thuộc cấp vẫn cứ như mán rùng nói tiếng Việt, ngây nga ngây ngô.”

Tôi đã đi quá xa. Nguyên do lạc đề có sự góp phần của anh Viễn. Xin trở lại với quý bạn đọc.

Nhiều người vẫn thường nói:

“Mối tình thời học trò sẽ kết thành những kỷ niệm êm đềm vẫn vỗ về lòng người mỗi khi hồi tưởng.”

Và cũng có nhiều người đồng ý như thế.

Viễn thì không cho là thế. Anh có một lối nhìn chua chát, xuyên suốt hơn trong phân tích. Mối tình đẹp nhất của anh với Hoàng Cung đã bị ước lệ của xã hội ngăn lại. Một lần ranh vô hình chia rẽ đôi trẻ. Làn ranh này chẳng ai vẽ ra. Nhưng mọi người đều mờ mờ thấy. Và Hoàng Cung cũng hiểu, nên vẫn chờ. Rồi ra, sẽ có một mối tình khác đến với nàng. Cũng rất chân thật, mà lại hợp với khuôn

đúc của xã hội hơn. Người ấy có nhẽ sẽ hơn nàng năm, ba tuổi. Thời gian vừa đủ để anh ấy tạo được một địa vị vững vàng.

Chính những trói buộc của xã hội đã cột My Nương trong phòng loan. Chính những ước lệ của đời sống đã xô ngã chàng Trương xuống đáy nước. Và chuyện tình Trương Chi - My nương đã làm tổn biết bao nước mắt của dân gian, trải qua nhiều thế hệ. Không phải chỉ có một cổ tích Trương Chi - My nương đâu. Đã có nhiều cổ tích như vậy vẫn được tiếp tục viết ra.

May cho Viễn. Anh không phải là một nghệ sĩ si tình như chàng Trương, để đến nỗi phải dìm thân, hóa thành khối ngọc, dưới đáy nước. Anh chỉ là một cậu học trò ngây ngất men tình, đêm đêm đạp xe lên nhà nàng. Cậu học trò với mối tình si đầu đời ấy, từ bên kia đường, dõi mắt lên khung cửa sổ, mong chộp được bóng dáng yêu kiều. Cũng có đôi lần Viễn được hưởng cái giây phút mơ ước ấy. Nhưng niềm lo lắng, chột dạ thì đêm nào cũng canh cánh. Mỗi khi ánh đèn được bật lên. Bên khung cửa, chắc hẳn Hoàng Cung vừa ngồi vào bàn học. Tưởng tượng ấy của Viễn đẩy chính anh về với thực tại. Anh vội vàng phóng xe về nhà, lao vào bài vở. Không thể nào để cái chuyện em thì đậu, còn anh lại rớt đài xảy ra được.

Rớt Tú Tài anh đi Trung sĩ.

Em ở nhà ...

Khúc rẽ này là nỗi ám ảnh của tất cả các cậu học trò lớp đệ nhị trung học đương thời. Nếu tình cảnh đó xảy ra, và nếu nàng lại đậu? Còn mặt mũi nào mà gặp lại nhau!

Ấy đấy. Thì cũng chính cái quy luật xã hội vô hình đó đã đẩy Viễn lên cao.

Cũng như các nữ sinh đôn hậu khác, Hoàng Cung rất chăm chỉ. Đó là sợi xích đã khóa cậu si tình vào với đèn sách. Niềm học chót của Viễn tại Phan Thiết quả là vất vả. Anh xanh sao vì bài vở. Anh mất ăn mất ngủ vì cuộc tình. Nhưng hè năm đó là mùa hè sung sướng nhất trong đời Viễn. Công lao đèn sách được đền bù. Anh khỏi phải đi Trung sĩ. Thêm vào đó, Hoàng Cung thi rớt, tạo một khoảng cách cần thiết để mối tình có hơi thở. Trong quan hệ trai gái, một mô hình thứ bậc vẫn mờ mờ có trong đầu anh và trong đầu mọi người. Người ta vẫn thường để lộ niềm vui thích khi mình thành công. Và người ta cũng có âm thầm mỉm cười khi thấy người khác thất bại. Nhất là khi người ấy lại là bạn bè thân thiết của họ. Không phải chỉ có Hoàng Cung rớt không thôi. Lớp anh có nhiều người rớt lắm. Trong số đó có cả Bích Khuê và Phương Lan. Điều này càng làm anh hãnh diện và yên tâm. Hãnh diện vì thỏa mãn tính hẹp hòi vị kỷ của anh. Yên tâm vì anh có lòng bao dung khi anh nghĩ tới Hoàng Cung. Như vậy nàng cũng đỡ cô đơn.

Ở tỉnh lẻ, một cậu học sinh đỗ Tú tài một đã là to lắm. Cậu được nhìn lớn hẳn lên, đáng tin cậy hơn, vì đàng hoàng lắm. Viễn tự tin hơn, dựng nên một giấc mộng con con. “Để rồi hôm nào mình sẽ tới nhà Hoàng Cung, an ủi nàng”. Cũng là cho thỏa nỗi lòng. Chuyện bốc đồng đó không bao giờ xảy ra. Chưa bao giờ anh dám bước chân vào tiệm bán ti vi, máy hát, tủ lạnh và đồ điện của gia đình Hoàng Cung.

Thế nhưng một sự tình cờ đã cho anh cơ hội ngàn năm. Ông trời hình như cũng có ý muốn giúp người thành tâm.

Mùa hè của một học sinh thi đậu thật là dài và nhàn nhã. Viễn rộng rãi nên chiều chiều thường vờ ra biển...

Bãi biển Phan Thiết thừa đó vừa để học trò ra tắm, vừa để bạn chài lưới thuyền lên bãi. Đó cũng là nơi các bà buôn cá và các đứa trẻ đi “hâu cá” kiếm sống. Sinh hoạt này ở đây vẫn có từ bao giờ

nhưng chưa một lần Viễn chú ý. Anh đã từng nhiều lần cùng bạn bè ra đây tắm biển, vui đùa. Thế mà đến bây giờ anh mới nhìn sâu vào cuộc sống. Đầu tiên là giá mua của các bà buôn cá. Rẻ đến độ cứ như cho không. Mà không phải ai cũng có thể ra đây buôn cá hay mua cá được. Họ đã thành băng với nhau rồi. Tiền trao lúc nào không biết. Nhưng khi thuyền vừa cập bến, cá không còn thuộc về bạn chài nữa. Tất cả đều là của các bà đi buôn. Đó là luật buôn.

Rồi lại tới luật sống cho các cậu đi “hâu cá” nữa. Khi sọt cá được đổ xuống bãi - mà tại sao phải đổ xuống bãi thì Viễn không hiểu - con nào văng ra khỏi đồng cá lớn ở giữa, con đó sẽ thuộc về kẻ nào nhanh tay. Cũng không phải ai cũng có thể mò ra đây để nhào vào, cùng nhanh tay với đám trẻ. Chúng cũng thành băng cả rồi.

Thành thử mỗi khi một sọt cá đổ xuống bãi là một cuộc tranh sống trời dậy. Một phe, các bạn hàng làm thành vòng rào bảo vệ đồng cá ở giữa, nhanh chân đá trở lại những con văng ra. Phe kia, bọn trẻ cũng làm thành vòng tròn, nhanh tay vồ để chút nữa sẽ chia nhau. Nhưng cuộc tranh sống không đơn giản thế. Sẽ có vài đứa trẻ nhanh nhẹn chớp thời cơ, lọt qua được vòng đai phòng thủ, nhẩy vào đồng cá, đá văng vài con ra ngoài cho các đứa khác vồ. Những lúc đó thật là náo loạn, ồn ào, và vô cùng hào hứng.

Trận chiến chỉ xảy ra vài phút cho một sọt cá. Nhưng có nhiều sọt trong một buổi chiều. Thành ra mùa hè năm ấy, chiều nào Viễn cũng mò ra biển. Để sống với hoạt cảnh đó. Để được phóng tầm nhìn ra khơi với những cánh buồm xa xa. Để ngắm hải âu bay lượn. Thỉnh thoảng lại có con nhào xuống mặt nước, quặp được con cá. Để được nghĩ tới nhiều chuyện. Để được mơ mộng. Tất nhiên trong những câu chuyện, những mộng mơ của Viễn bao giờ cũng có Hoàng Cung...

Một chiều Viễn cũng đứng gần đồng cá mới đổ xuống. Nhưng anh phóng tầm mắt hơi xa một chút, quan sát đám bạn chài. Họ chạc tuổi bố anh và cũng đang là khán giả của cuộc tranh sống. Họ vẫn thuốc hút, nghỉ ngơi, và lơ đãng nhìn cái đám đang chí chóc trước mặt. Gương mặt phẳng lì, giáng một mẻ, đám bạn chài ngồi yên, không lộ một ý kiến hỗ trợ cho phe nào. Những con cá đó giờ đây bị giành giật, mua bán, nấu nướng, ăn uống ra sao không còn là chuyện họ phải lo lắng nữa...

Bỗng trời như muốn mưa. Gió đổi hướng và mạnh hơn. Sóng lớn, biển đục ngầu. Mây đen kéo xuống thấp rất nhanh. Viễn đã dám đi lấy xe đạp để ra về thì chợt thấy một cô gái đang đi xuống bãi, hướng về phía anh.

Ừa! Hoàng Cung. Viễn thót người khi nhận ra Hoàng Cung. Nhưng anh bình tĩnh lại được ngay. Vì lúc đó Ông Trời đã giúp anh. Ngay lúc đó, mưa ào xuống. Một cơn mưa rào, to hạt. Thế là cả hai cùng chạy lúp xúp tới trú dưới một gốc cây lớn. Bãi biển ít phút trước náo nhiệt như thế, bây giờ vắng hoe. Họ chạy đâu hết cả? Viễn đảo mắt tìm kiếm. Cả dấu tích cũng chẳng còn. Mưa đã xô đi và xóa sạch dấu vết của nhóm người chí chóc, tranh dành lúc nãy. Bãi biển giờ đây chỉ còn dăm chiếc thuyền nghiêng mình trên bãi cát. Và chỉ có mình anh với Hoàng Cung bên gốc cây. Viễn có một chút thích thú, một chút ấm áp trong lòng. Nhưng những chút ít đó đang quay lộn, đảo điên bởi lòng anh đang bối rối. Một lớp sóng ngược ngừng dấy lên khiến Viễn đâm ra dờ dãn tâm lạng. Hoàng Cung cũng chẳng hơn gì. Nàng như chim non mắc bẫy, lạng lẽ run run.

Giây lát Viễn mới lên tiếng, giọng không được trôi chảy:

“Học tài thi phận...”

Những ngày vừa đây, trong một lúc bốc đồng, Viễn đã nhủ lòng, để rồi hôm nào sẽ tới nhà Hoàng Cung, an ủi nàng. Cái ý định đó giờ đây buột miệng thành lời. Chưa hết câu, anh đã tự thấy

mình ngớ ngẩn, rồi đâm ra ngập ngọng và tịt luôn. Hoàng Cung không trả lời, vẻ như không nghe thấy gì. Thái độ giữ yên lặng của Hoàng Cung càng làm Viễn đốn người ra...

May thay! Lúc này trời lại giúp Viễn thêm lần nữa. Trong bãi, trời vẫn mưa nặng hạt. Nhưng ngoài khơi, lại tạnh mưa. Bầu trời rất trong, ánh sáng ửng hồng chiếu xuống mặt biển phẳng lặng. Cảnh sắc thật thanh bình!

“Coi kìa, Hoàng Cung. Viễn vừa nói vừa chỉ tay ra sau lưng nàng.”

Hoàng Cung xoay người lại, nhìn ra khơi. Quá đẹp! Trời vẫn mưa trên bãi cát. Mây đen vẫn còn che một lớp trên lùm cây chõ hai người trú. Từ khoảng tối đó nhìn ra khơi, sắc trời màu hồng rực rỡ phủ xuống sóng nước dội trở lên. Đại dương bùng lên sức sống mãnh liệt.

Hứng khởi trước cảnh sắc, Viễn lẩm bẩm:

“Đẹp quá! Đẹp quá!”

Rồi như miên man bởi chính lời nói của mình, Viễn lạc hồn vào cõi xa xăm:

“Đẹp quá! Đẹp quá! Em...”

Giật mình, Hoàng Cung quay trở lại. Viễn không nhìn ra khơi. Ánh mắt Viễn mê man và rớt trên mặt nàng. Bẽn lẽn. Thích thú. Mãn nguyện. Tự ái được môn trốn bởi mọi cảm giác trộn lẫn kể trên, vẫn không làm nàng mất cảnh giác. Đúng là ăn gian. Thông minh. Mập mờ mà khôn ghê.

Hãnh diện với nhan sắc của mình, Hoàng Cung nhẹ nhàng đưa tay vuốt lại mái tóc ướt. Có lẽ bị phân kích bởi động tác của Hoàng Cung, bất giác Viễn nắm lấy bàn tay người yêu.

Như thỏ con bị bắt, Hoàng Cung muốn rút tay về nhưng chỉ thờ hồn hển, rồi áp ứng:

“Tuần tới gia đình em dọn về Sài Gòn!...”

Đã nói được, nàng định lại được thần. Hoàng Cung thu vội tay về, rồi xoay người chạy vội lên đường.

Lúc ấy trời đã tạnh mưa.

Viễn vẫn đứng yên như trời trồng. Anh không hiểu mình đã làm gì? Anh mơ màng cố nhớ lại xem anh đã làm gì Hoàng Cung? Rồi anh lo. Anh sợ Hoàng Cung giận...

Đó là lần chót Viễn gặp Hoàng Cung. Đúng như lời nàng nói, ít ngày sau nàng cùng mẹ và các em dọn đi Sài Gòn trước, bằng máy bay. Ông bố nàng ở lại thu vén cửa hàng, rồi đi sau.

Viễn nhớ thương, đau khổ nhưng vẫn nuôi hy vọng. Anh da diết luyến thương chiều mưa hôm ấy. Tại sao Hoàng Cung lại báo cho anh biết là sẽ đi Sài Gòn? Có lẽ nàng ra biển tìm ta? Rõ ràng nàng xung em với mình. Nàng không rút tay về ngay. Hình như nàng có khóc.

Viễn nhớ nhưng.

Viễn đau khổ.

Nhưng Viễn vẫn mơ...

Rồi Viễn tình nguyện đi sĩ quan Thủ Đức. Chỉ có cách đó anh mới vào được Sài Gòn.

Sau đó là chuyện của những năm tháng đày biên mò kim.

Thực ra chuyện hai người gặp nhau ở biên hôm ấy chỉ là tình cờ. Được biết sẽ dọn vào Sài Gòn, Hoàng Cung muốn đi khắp nơi trong thành phố một lần chót. Ra biên, tình cờ nàng gặp Viễn. Rồi hoảng hốt, nàng đã buột miệng nói ra cái chuyện đi Sài Gòn, lúc đó luôn luôn nằm trong đầu nàng. Nàng còn cho Viễn biết thêm, gia đình bạn của bố mẹ nàng đã giúp đỡ để cả nhà nàng chuyển vào trong đó. Họ có người con lớn đang học y khoa và muốn cậu ta có cơ hội được gặp Hoàng Cung. Những chuyện đó sau này Viễn mới biết

“Đề khi nào ra tù.” Viễn nói với tôi. “Tớ phải hỏi xem anh ta tên là gì mới được.”

*
* *

Chiều nay Viễn gặp lại người xưa. Khác với Viễn, gia đình Hoàng Cung có kế hoạch ra đi rõ ràng. Mọi việc được âm thầm chuẩn bị và diễn tiến gọn gàng. Nhưng giờ chót, số mệnh đã tách Hoàng Cung ra và đẩy nàng ở lại, một mình.

Trong cơn hoảng loạn, lẻ loi, Viễn trở thành điếm tựa của Hoàng Cung. Sự tin cậy được bắt rễ tự lâu lắm. Từ cái hồi xa xưa, khi hai người đã cùng chung một lớp. Mỗi tình si đầu đời, từ bao năm, giờ sống trở lại. Viễn vẫn còn cái rạo rức ngây ngất thời xa xưa. Viễn có thêm cái ngất ngây nóng bỏng ngay hiện thời.

Hai cuộc đời bị quẳng lại, tưởng là đơn cô, mà lại không. Bởi vì những trói buộc, ước lệ của xã hội lúc này không còn nữa. Ngày 30 tháng 4 năm 75 đã tạo nên một khoảng trống. Quyền lực cũ đổ nhào; luật pháp cũ bị gỡ bỏ; quy luật xã hội cũ tan vỡ. Trong khi đó quyền lực mới chưa kịp ngồi vào ghế; luật pháp mới chưa được ban bố; và xã hội mới chưa bắt rễ. Trong cái khoảng trống ngắn ngủi này, tội ác loài người được tháo cũi phơi bày, và cái tâm tính tốt lành của người ta cũng được tự do bồi đắp.

Khoảng trống ấy cũng là miếng đất màu mỡ cho cây tình tự do quán quít, đơm hoa. Cái chuẩn định lệch lạc xưa không thể mượn đôi mắt của cha mẹ hai bên, để phán xét mối tình Viễn và Hoàng Cung nữa. Hai mảnh đời lẻ loi kết hợp. Đôi lứa bù đắp và sưởi ấm cho nhau. Viễn biến căn phòng của Hoàng Cung thành cảnh lầu ngọc bên sông nước với Trương Chi và My nương. Và lứa đôi hôm nay viết lại chuyện tình ngày xưa. Chuyện tình của hai đứa thời xa lắc, hồi cùng chung một mái trường. Và Chuyện Tình Của Dân Gian với bao hồn thức từ ngàn năm vẫn vọng về. Không. Không còn cảnh ướt át và đắm nước mắt của nàng My nữa. Mà là ướt át vì ngây ngất, nóng bỏng ân tình bây giờ. Không còn chuyện chén ngọc vỡ tan vì giọt lệ năm xưa. Mà giờ đây chính là một khối tình nóng bỏng, sưởi ấm cho đôi thân. Đôi lứa đã xây dựng lại những đồ vỡ cũ, bù đắp thêm những dở dang xưa. Thiên Đàng Hạ Giới là có thật. Hoàng Cung lặng yên tận hưởng mật ngọt hạnh phúc. Viễn hớn hở với nỗi niềm lứa đôi.

Như đứa trẻ được cưng chiều vẫn vòi vĩnh đòi thêm quà, anh thủ thi bên tai Hoàng Cung những khắc khoải của đời anh. Đã có lúc anh như cánh diều đứt dây, lao mình xuống đất, lăn lóc nơi cống rãnh. Mệt mỏi. Chán chường. Buông xuôi.

Là một phi công thời chiến, anh đi khắp mọi chốn. Đâu thì cũng thế thôi. Đâu rồi cũng buông xuôi. Cũng chán chường. Và cũng mệt mỏi. Anh vẫn chỉ là cánh diều không dây, nằm bên cống rãnh. Bởi anh chỉ có nơi đi mà không có chốn về. Anh không có người để nhớ tới. Và cũng chẳng có ai mong đợi anh về.

Rồi một chiều anh lạc qua thành phố cũ của thời thơ ấu. Ngôi trường xưa dọc bờ sông ngày nào trở nên xa lạ. Mà anh cũng chẳng còn là cậu học trò nhỏ dại nữa. Anh đang chệnh choáng hơi men của nhiều ly rượu hồi chiều. Phan Thiết không có bãi biển chào đón du khách. Nhưng tiếng sóng vỗ rì rào bao giờ cũng vẫn vậy. Sự quen thuộc đã vỗ về anh vào giấc ngủ, cùng với men say.

Quá khuya anh thức giấc. Vẫn nằm dài trên cát biển. Anh khóc. Anh vẫn thường hay khóc sau khi tỉnh cơn say vào những lúc đơn côi như thế.

“Đời ta rồi vẫn mãi như thế này sao?”

Anh thêm một đời sống khác. Anh thêm có được người yêu. Được nằm với người yêu, bên nhau, dưới bầu trời đầy sao như đêm nay...

Dưới bầu trời đầy sao như ngàn vạn con mắt đong đưa, đong đưa... Có đôi mắt của ai như đang vẫy gọi anh trở về. Về với... Ừ nhỉ! Trong một khoảnh khắc thật ngắn. Không đầu óc nào có thể tưởng tượng là ngắn đến như vậy. Tiếng nhà Phật có lẽ gọi là một sát-na. Anh bùng tỉnh. Hình như là một đổi thay toàn diện. Một hoàn hồn. Một lột xác.

Có.

Có đến từ cái không có.

Viễn chợt có người yêu. Anh đã có người yêu. Rõ ràng là có.

Viễn dứt khoát một niềm tin.

Người yêu của anh có thể là một cô gái nào đó, quanh đây, tại đất nước này. Nàng cũng có thể từ nơi nào rất xa, tận một quốc gia nào đó bên kia bờ biển. Nàng cũng có thể đã sống từ xa xưa, hàng nghìn năm về trước. Nàng cũng có thể sẽ sinh ra sau này, mãi tận về sau. Anh có nàng. Bầu trời đầy sao sáng trên kia là một gạch nối. Rồi một đêm nào đó. Dưới bầu trời sáng sao, nàng sẽ tự vấn. Và ánh sáng của những ngôi sao tầng trên sẽ đưa nàng về với anh. Ôi! Bầu trời đầy sao. Ngàn vạn con mắt lung linh, đong đưa trên nền trời thăm thẳm.

Nước mắt vẫn trào ra, nhưng Viễn khóc bởi hạnh phúc. Anh đã có người yêu. Anh sẽ có một chốn để về. Anh đổi thay. Lột xác. Một cuộc đời mới sẽ đến với anh. Và anh thoát khỏi cồng rãnh từ đây...

Những ngón tay gầy của Hoàng Cung vẫn lùa sâu trong tóc anh. Nàng ve vuốt Viễn. Như vỗ về đứa con trai. Của riêng nàng.

Vẫn nằm yên đón nhận mọi vỗ về, vuốt ve của Hoàng Cung, Viễn không che dấu, dom đóm nước mắt thì thầm:

“Anh có em. Hoàng Cung! Anh có em...”

Rồi một buổi sáng, chẳng rõ ai là người đã lên tiếng trước đề nghị:

“Mình làm đám cưới chứ?”

“Ừ. Thì làm đám cưới.”

Khi yêu nhau, người ta trẻ lại. Giờ đây đôi trẻ bắt chước người lớn. Cho vui. Bắt chước nhưng theo cách riêng của chúng. Và chúng làm đám cưới với nhau.

Đám cưới ấy quả là có một không hai. Chẳng có ai tưởng tượng ra nổi trên đời lại có một đám cưới như vậy. Thế mà đám cưới ấy có thật. Chính miệng chú rể, anh Nồng Chí Viễn, kể lại cho tôi nghe. Tôi còn gặp lại cả cô dâu, Lê thị Hoàng Cung, tức chị Viễn và cháu bé trai của hai người.

Hôm ấy, những ngày đầu tháng 5 năm 75. Chính xác ngày nào Viễn cũng chẳng quan tâm. Viễn và Hoàng Cung đã vùng dậy, tổ chức đám cưới cho chính mình.

Cũng phải có đôi nhẫn cưới chứ?

Tìm được tiệm kim hoàn lúc này không phải là dễ. Họ đã ra đi từ lâu. Nếu có ai còn ở lại, họ cũng đóng cửa im im vì e ngại. Nhưng với số tiền quá lớn, do Bố mẹ của Hoàng Cung để lại, đôi trẻ cũng có được đôi nhẫn cưới, mua từ một tiệm kim hoàn trong ngõ hẻm. Đám cưới được tổ chức ngay khi tấm cửa sắt của tiệm kim hoàn vừa khép lại. Đôi trẻ trao nhẫn cưới cho nhau. Rất tự nhiên và trịnh trọng, đưa này nâng tay đưa kia lên. Rồi cũng rất trịnh trọng và tự nhiên chúng lồng nhẫn cưới cho nhau. Không phải dòm chừng ông thợ ảnh. Cũng không phải đóng trò để cho có được những tấm hình đẹp. Sau khi trao nhẫn cưới cho nhau xong, chúng ôm nhau, cười khúc khích. Thế là thành vợ, thành chồng. Thật là giản dị.

Đám cưới đã không diễn ra tại nhà thờ, hay trong chùa hoặc trước bàn thờ gia tiên. Đám cưới diễn ra ngay khi chúng có được đôi nhẫn cưới, trong con hẻm trước cửa tiệm kim hoàn. Chẳng có sự chứng kiến của cha mẹ đôi bên. Cũng không ai là bà con hai họ. Không phù dâu, chẳng phù rể. Cần chi tới xe hoa với y phục rườm rà. Chỉ có cô dâu và chú rể. Hai đứa cùng chung một lòng. Thế mà hóa ra vui. Lại còn tiệc mừng đám cưới nữa chứ.

Cũng chẳng biết ai lên tiếng trước đề ra cái mục này. Nhưng cô dâu là người lên tiếng chọn nhà hàng:

“Đi ăn hủ tiếu bò viên há?”

Thế là cũng chỉ có cô dâu và chú rể. Không một thực khách nào được mời. Nhà hàng là xe bò viên ngay lề đường Cao Thắng gần rạp ciné Đại Đồng. Và thực đơn chỉ có hai tô hủ tiếu bò viên. Viễn còn nhớ thêm. Cô dâu có một chai nước ngọt và chú rể, một chai bia lớn.

Cô dâu đã chọn bò viên cho ngày cưới. Món ăn này, không có trong thực đơn của gia đình nàng, một gia đình giàu có và khép kín. Hoàng Cung chỉ được thưởng thức món bò viên trong những lần đi chơi với chúng bạn.

Viễn cho rằng đám cưới diễn ra rất đầy đủ. Lễ nghi chân thành. Nhất là lại vui và tự nhiên nữa. Cô dâu, chú rể không phải lo lắng sửa soạn chi cho nhọc nhằn. Cũng không có cảm giác mình đang làm hề vì phải đóng tuồng.

“Vai hề.” Viễn nói. “Hề không bao giờ có trong cảnh chân thành. Hề chỉ lên sân khấu chọc cười thiên hạ. Bản thân hề có bao giờ vui?”

Câu chuyện này nếu chấm dứt được ở đây thì còn gì bằng.

Được vậy thì ngày 30 tháng 4 năm 75 cũng được con dân miền Nam Việt Nam chào đón. Và vong linh những người nằm xuống từ cả hai miền chắc cũng siêu thoát. Chí ít thì sự hy sinh của họ cũng tạo nên được miếng đất màu mỡ cho câu chuyện tình này đơm hoa kết trái. Chuyện tình Viễn - Hoàng Cung. Và ngày 30 tháng 4 năm 75 chính là ngày đã lật được mặt trái câu chuyện tình Trương Chi - Mỵ Nương mà người xưa muốn gói gắm. Nghèo khổ. Chàng nghệ sĩ họ Trương ơi. Tất cả chỉ vì chàng nghèo mà thôi. Đồng thời bằng hạnh phúc của đời mình, Viễn - Hoàng Cung đã lấp bằng hố sâu

ngăn cách giữa giàu và nghèo. Và ngày 30 tháng 4 năm 75 phải là ngày nêu cao lá cờ Bình Đẳng. Con người nên được đối xử bình đẳng như nhau.

Nhưng câu chuyện không được phép chấm dứt. Vẫn phải đi tiếp.

Tất cả cũng bắt đầu từ sự giả trá của chữ nghĩa.

Cái thuật dùng chữ để đánh lừa lòng người đã được sử dụng như một võ vè ngày xưa. Nay cái thuật đó cũng được dùng lại; nhưng là cái bẫy. Mười ngày thực phẩm mờ mờ ảo ảo mười ngày tập trung. Tất cả đã bị đánh lừa và toàn thể chui vào rọ. Xã hội mới vẫn mang bộ mặt ma quỷ. Lần này nghiệt ngã hơn. Tuyệt đại đa số con dân miền Nam không có quyền sống.

Họ bị đẩy ra biển.

Họ bị quăng vào tù.

Hoặc đời sống của họ bị hạ xuống tận cùng; nhiều khi phải đổi nhân phẩm lấy miếng ăn.

Và ngày 30 tháng 4 năm 75 chỉ là một ngày đổi đời mà thôi.

Ăn phải dưa của anh Viễn, tôi lại đã đi lan man. Hãy trở về với cuộc đời của Viễn. Bây giờ là cuộc đời Viễn - Hoàng Cung qua lời anh tâm sự. Tôi nhắc lại. Qua lời anh tâm sự. Bởi anh đã kể hết rồi. Và cuộc đời Viễn lúc này, cũng là cuộc đời tôi lúc này, cũng là cuộc đời biết bao người khác nữa. Cái cuộc đời đó đang lẫn. Uể oải lẫn. Trong vòng rào. Chỉ khác ở chỗ mỗi người lẫn riêng một tâm sự mà thôi.

Viễn - Hoàng Cung đón nhận lệnh tập trung cải tạo các sĩ quan cấp úy rất thản nhiên.

“Thì cũng phải vậy thôi.” Viễn an ủi vợ. “Cũng phải mười ngày để biết đời sống mới thay đổi ra sao chứ. Chúng mình còn cả đời để sống cơ mà. Với dây tơ hồng em cầm, con điều này sẽ bay cao. Cứ tin anh đi. Rồi anh em mình sẽ có một đời sống tuyệt vời em ạ.”

Viễn chẳng cần an ủi. Hoàng Cung cũng vẫn yên tâm. Viễn chẳng cần hứa hẹn, động viên. Hoàng Cung cũng rất tin tưởng. Chị còn khuyến khích ngược lại chồng:

“Trình diện ngay ngày đầu anh ạ. Thêm một ngày ở nhà cũng chẳng là bao. Mình chấp hành nghiêm chỉnh bao giờ cũng tốt hơn. Để em sửa soạn đồ ăn cho anh mang đi.”

“Cũng chẳng cần lắm đâu. Muối đậu phộng thôi. Người ta kham khổ bao lâu nay. Mình ăn uống ngon. Dị lắm!”

Hoàng Cung đã chở Viễn đi trình diện cải tạo ngay hôm đầu tiên, theo lệnh gọi. Lúc chia tay vợ chồng cũng có bịn rịn đôi chút. Nhưng họ vẫn tin tưởng và cố làm vui lòng nhau. Trước khi đi vào cổng, Viễn còn khêu vợ một cái, rồi ghé tai thì thầm:

“Nợ anh một ngày đấy nhé!”

Mười ngày trôi qua. Chẳng thấy học tập gì. Nhiều ngày trôi qua. Vẫn chẳng thấy động tĩnh gì. Viễn bắt đầu thấy tiêng tiếc. Anh tiếc vì đã lỡ mất một ngày thần tiên. Anh đã đem một ngày sống bên vợ để đánh cuộc lấy một điều vớ vẩn: “*chấp hành nghiêm chỉnh bao giờ cũng tốt hơn*”.

Đúng là đánh bạc với một tên đái bọm!

Rồi nhiều tháng trôi qua kéo theo nhiều anh em tù nằm liệt giường. Số thực phẩm chúng tôi đem theo đã sạch boong. Số thực phẩm tích lũy trong cơ thể chúng tôi cũng đã teo tóp. Thời gian càng kéo dài, số người liệt càng lên cao.

Nhiều người thường bảo Cộng sản rất giỏi trong chiến tranh. Khi hòa bình, loay hoay chẳng biết làm ra sao.

Thực ra, nếu không sai thì cũng thiếu.

Bởi vì còn cái món cầm tù nữa. Bọn “*chủ nhân ông mới*” này đáng là bậc thầy thiên hạ trong cách bỏ tù đồng loại, nhất là bỏ tù người cùng một nước. Chúng chả mất quái gì, mà vẫn tận dụng được xương cốt của tù nhân. Này nhá. Hàng rào nhốt chúng tôi; chúng tôi làm. Nhà giam chúng tôi; chúng tôi xây. Thực phẩm nuôi chúng tôi; chúng tôi sản xuất. Và khi thiếu thốn, kiệt lực; chúng tôi viết thư ăn xin vợ con, thân nhân của chúng tôi.

Thế là ân huệ được ban ra: mọi cải tạo viên được viết thư về nhà. Kết quả các thùng quà được tới tấp gửi vào. Những người liệt đã ngồi dậy được. Những người còn khoẻ thì thêm da, thêm thịt.

Và chúng tôi lại đi lao động!

Nhớ ngày nào mới vào tù. Sau mười ngày vẫn chưa thấy đả động gì tới việc học tập. Có người lên tiếng hỏi. Lão quản giáo cười cười, vênh vênh cái mặt lên, ra giáng chúng tôi ngô nghê chẳng hiểu gì hết về cái lệnh rất rõ ràng của Ủy ban Quân quản. Nay lão phải làm phúc giảng giải cho rõ:

“Chúng tôi có bảo các anh đi tập trung cải tạo mười ngày đâu? Bảo các anh mang theo mười ngày ăn. Bởi vì gấp quá. Sau mười ngày Cách mạng mới đủ thì giờ lo thực phẩm cho các anh được.”

Khi ấy một anh bạn tù đã nói:

“Bài học thứ nhất trong trường cải tạo đấy nhé: Đãi bọm!”

Nay nhận được các thùng thực phẩm của gia đình gửi vào. Chúng tôi học được bài học thứ hai: Trấn lột!

Thư từ liên lạc được viết đúng theo tiêu chuẩn quy định. Toàn là những lời lẽ động viên nhau. Có sao chúng tôi lại lo lắng? Nay thì ngoài lo cho trong và trong lại lo cho ngoài. Cả trong lẫn ngoài, con dân miền Nam đều khốn đốn.

Một hôm anh Viễn cho tôi biết:

“Vợ tớ có bầu.”

“Chúc mừng anh có con đầu lòng.”

Tôi chân thành mong cho anh. Anh cảm ơn lời chúc của tôi bằng nụ cười méo mào. Rồi nhảm tính, anh bảo:

“Vậy là ăn Tết xong. Ra giêng sẽ đẻ.”

Từ đó anh băng khuâng, ít nói. Anh hỏi nhiều hơn. Anh lắng tai nghe mọi người, nhất là những người đã có con. Anh hỏi tôi đủ thứ. Con tôi như thế nào? Sinh đẻ ra làm sao? Ăn uống cái gì tốt nhất? Rồi anh lẩm bẫm:

“Không biết mua những thứ đó ở đâu bây giờ?”

Tôi cũng kể cho Viễn nghe cái ngày tôi đi trình diện học tập. Thì cũng y chang như anh và rất nhiều người khác. Nghĩa là ngay từ ngày đầu tiên của lệnh gọi. Nhưng may cho tôi. Hôm đó tôi còn làm được một việc nhỏ cho vợ con. Tôi nấu được một nồi nước đủ mọi loại rau, dùng để pha sữa cho con gái tôi.

Viễn yên lặng ngồi nghe, chẳng nói hay hỏi thêm gì.

Dĩ nhiên chúng tôi đều hiểu vì sao dạo này Viễn u sầu và lặng câm. Nhưng chẳng ai giúp được gì cho anh. Trong đây mọi người ai cũng đành vậy. Chẳng còn làm sao khác hơn được.

Chúng tôi ăn xong cái Tết đầu tiên trong tù. Ra giêng chúng tôi có cái tang đầu tiên. Anh Nồng Chí Viễn bị bắn chết. Anh Viễn cùng hai người bạn tù cùng muốn vượt trại đêm qua. Viễn bị bắn chết trong vòng rào trại. Hai người bạn kia đang bị nhốt trong hai thùng sắt phơi nắng giữa sân.

Xác Viễn nằm cong queo trên con đường vòng quanh khu nhà ngục của anh em tù. Con đường này còn quá xa mới tới hàng rào kẽm gai. Giữa con đường với hàng rào còn mấy luống rau của tù nhân canh tác. Những người tù trong dãy nhà gần chỗ Viễn nằm chết, có nghe tiếng anh la:

“Tôi trúng đạn rồi. Đừng bắn nữa!”

... Súng vẫn nổ tiếp.

Xác Viễn nằm đấy suốt ngày hôm ấy. Cái ba lô căng phồng vẫn vắt sau lưng. Thỉnh thoảng một tên quản giáo tới. Hắn dùng chân đá vào xác Viễn, mắt liếc về phía chúng tôi. Hắn xía xói chửi cái xác bằng những lời lẽ tục tĩu. Hắn muốn dẫn mặt chúng tôi.

Có hai bài học liên tiếp.

Bài thứ ba: Dã man!

Bài thứ tư: Mất dậy!

Ít lâu sau, hai người cùng vượt trại với Viễn hôm đó được ra khỏi thùng sắt. Hai anh cho chúng tôi biết. Viễn mang theo quá nhiều đồ. Toàn vật dụng do Viễn chế ra để làm kỷ niệm sau này: ca uống nước, lược, vòng đeo tay. Khi di chuyển, những thứ đó va vào nhau trong ba lô, gây tiếng động, tên vệ binh mới biết. Hai anh phải nằm bẹp dưới luống rau, cho khuất, mới thoát chết.

Sau khi Viễn bị bắn chết. Nhiều thùng quà của Hoàng Cung vẫn được gửi vào. Không có ai nhận. Tất cả đều rơi vào tay quản giáo.

Bài học thứ năm: Lờ tịt!

...

Ba năm sau, tôi được thả về.

Tôi đã chán ngấy từ lâu cái việc ghi lại những bài học trong tù. Đó là việc làm vô ích. Bài học thì đầy rẫy ra đấy. Tất cả đều được phô bày ngay trước mặt. Lạ là ngày xưa dùng để trang điểm cho con người. Miếng vải bây giờ còn khó kiếm, nói chi đến làm đẹp. Thôi thì cứ việc phơi bày thân xác, phơi bày mọi xấu xa. Có gì lạ đâu mà phải đắp điểm. Thế là xã hội mới mang bộ mặt nhô của những người lặng câm...

Chị Hoàng Cung yên lặng ngồi nghe tôi kể chuyện anh Viễn bị bắn chết ra sao. Tôi có được địa chỉ của chị từ một thùng quà chị gửi cho anh.

Tôi cũng nhắc lại cái câu Viễn vẫn thường tâm sự với tôi hỏi anh còn sống:

“Nghe hoài mình không để ý, nên cứ tưởng là thường. Ái ân. Hay thật! Ngẫm nghĩ kỹ mới thấy hay. Ái ân. Mình phải biết ơn người trao thân cùng mình.”

Một quan điểm về tình yêu rất cao thượng mà vẫn giữ được tính người.

Chị Viễn vẫn ngồi lặng câm.

Lòng chị đã lạnh băng, khô cứng thành viên đá cuội. Trái tim chàng Trương kết tinh thành khối ngọc. Giọt nước mắt nàng My thấm mát lòng chàng, đồng thời cũng làm trôi đi những xót thương của người đời. Xác anh Viễn phơi khô trên con đường bao quanh trại tù. Giọt máu nào cho viên đá cuội kia?

Đứa con trai của hai người vẫn nín lấy áo mẹ. Bé trai thừa hưởng được từ bố nó, anh Viễn, cái dáng hình cao lớn. Nhưng người nó khảnh nên trông hơi lòng khòng. Tôi chợt nhớ và kể lại cho chị nghe về những băng khuâng và lo lắng của anh Viễn từ khi được tin chị có bầu thằng nhỏ.

Nghe chuyện này, chị khóc. Nước mắt người mẹ hiền, chảy xuôi thành hai hàng trên khuôn mặt hơi trắng xanh. Nhiều nét xa xưa, như lời anh Viễn từng hãnh diện về vợ, vẫn còn đâu đó trong dáng dấp và khuôn mặt này. Bằng lời nói nhẹ vừa đủ cho tôi nghe, giọng chị có hơi da diết luyến thương:

“Thì ra chính cái tin vui ấy đã giết bố nó chết!”

Ngừng một chút, chị ngao ngán tiếp:

“Vợ chồng chúng tôi không có giấy hôn thú anh ạ. Cháu nó phải lấy họ mẹ, tên là Lê Chí Viễn. Không biết có xóa được cái lý lịch con của sĩ quan ngục hay không?”

Chúng tôi giữ im lặng. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Tôi nghĩ tới con gái tôi. Nó trông đẹp gái và cũng sắp tới tuổi đến trường. Vợ chồng tôi sẽ phải cố thêm ít tiền để sắm cho nó bộ quần áo lành lặn.

Không biết chị Viễn đang nghĩ gì?

Cháu Lê Chí Viễn vẫn nín lấy áo mẹ, nhều nhẹo khóc. Có vẻ nó muốn đòi cái gì.

Tôi chợt nhớ đã tới giờ phải về. Bảy giờ đã quá trưa.

CVA Trần Trị Chi

* * *

THÊM LẦN NỮA YÊU EM

bây giờ là buổi sáng

vuột tỉnh giấc mơ hiền

trời ban mai sương nhẹ

mờ màu – trắng hôn nhiên
đã qua thêm một tối
chìm thơ em một miền
ngày đêm thương trông vắng
mối tình – một ngã nghiêng
có bao giờ ta lại
buổi sáng lẫn buổi chiều
cùng yêu thương và nhớ
trần giờ ngập tình nhau
thương yêu trong khóe mắt
ngày lẫn đêm một màu
tình ta yêu chan chứa
rộn ràng lại – Nhớ nhau
bây giờ – thêm lần nữa
những ngày tháng – thêm em
thêm tình – rơi gió thoảng
lần nữa thêm!... – Yêu em
trânhanhlinh

Chùm hoa Cosmos

CVA Vũ Ngọc Ruần

Lời tòa soạn: Sau đây là một đoạn văn trong truyện dài “Chùm hoa Cosmos (Hoa Cúc Bướm)” của CVA Vũ Ngọc Ruần. Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

Cùng với tin may mắn đó, Đoàn đã ngỡ ngàng khi Mai cho biết vừa nhận được điện thoại từ gia đình. Báo tin Lĩnh bị tử trận trong một phi vụ ở vùng 4, anh để lại người vợ mới cưới được gần 2 năm và đứa con trai chưa tròn một tuổi!

Mặc dầu với Lĩnh, Đoàn đã có một dấu vết không vui trong bữa tiệc kỷ niệm 5 năm ngày hợp hôn của vợ chồng Khoa. Nhưng tin buồn đó đã làm Đoàn lịm người, thương cảm cho một người mà anh chỉ quen biết thoáng qua trong một trạng huống thiếu vui vẻ. Dù sao, Lĩnh trong con mắt của Đoàn vẫn là một người đàn ông có nhiều nét oai hùng, cao ngạo của người thanh niên thời chiến. Đoàn cũng ngầm

ngồi đau xót cho cả một thế hệ không may trong lứa tuổi của anh và Lĩnh. Lứa tuổi được sinh ra, lớn lên trong thời điểm tối tăm, máu lửa, chiến tranh của đất nước. Đã nhiều năm qua, từ ngày Đoàn trưởng thành, bước vào tuổi của chiến tranh. Gần như cứ vài tháng anh lại nhận được tin một vài người bạn phải trả giá cho cuộc chiến kéo dài quá lâu!

Đoàn nhớ lại những câu nhục mạ của Lĩnh dành cho mình trong bữa tiệc hơn hai năm về trước. Mặc dầu có vài điều đụng chạm vào tự ái, làm cho Đoàn buồn lòng, tức giận. Nhưng sau thời gian thụ huấn khóa sĩ quan, anh nhìn rõ hơn, hiểu rõ hơn tâm trạng và nỗi cực nhọc, hiểm nguy của người lính chiến. Anh cảm thấy những lời nhục mạ của Lĩnh có điều gì hợp lý và đúng sự thật!

Thật vậy trong cuộc chiến tranh tương tàn đầy tang thương này. Những người may mắn còn sống sót, dù với bất cứ lý lẽ trực tiếp hay gián tiếp nào. Không ai có thể phủ nhận được, những thiếu may mắn, bất hạnh của những người như Lĩnh là một thiệt thòi to lớn của họ. Cái chết, cái mất mát của họ, chính vì họ đã dành sự sống và may mắn cho những người còn lại.

Ngày an táng Lĩnh, Đoàn đã đề nghị với Mai lấy vài ngày nghỉ về Sài Gòn tham dự, chia buồn với vợ con của Lĩnh. Lần đầu tiên anh đến nhà và biết mặt tất cả những người thân trong gia đình Lĩnh. Nhìn bức ảnh chân dung, đặt trên chiếc bàn nhỏ trước chiếc quan tài phủ lá quốc kỳ, Lĩnh ngạo nghễ, oai hùng với cặp lon Đại úy gắn trên hai cổ áo của bộ đồ bay màu xanh lá mạ. Đôi mắt anh sáng ngời đầy vẻ anh linh, thu hút sự kính ngưỡng của Đoàn và Mai khi hai người đứng trước chiếc bàn thờ nghi ngút khói hương.

Đoàn trầm mặc, nhìn vào đôi mắt Lĩnh như muốn xác nhận trước linh hồn anh. Những câu trách cứ của anh dành cho Đoàn trong bữa tiệc không vui ngày trước là sự thật. Đoàn mong anh tha thứ cho những câu đối chất, thiếu cảm thông của mình đối với anh.

Đứng bên cạnh Đoàn, Mai ướm dẫm nước mắt. Nàng khóc thương cho người đàn ông đã một lần có ý định đến với nàng, dành cho nàng những cảm tình đặc biệt. Nhưng chỉ vì thời gian không đúng lúc, duyên tình không hoà hợp để rồi gây ra một vài ngăn cách không vui! Ngày nay, anh đã phải bỏ tất cả để ra đi miên viễn. Nhưng âm thanh tiếng nói nhiệt tình, vững mạnh, cũng như bóng dáng cao ngạo tự tin của anh, người đàn ông có quá nhiều ưu ái trong xã hội, vẫn còn lưu lại trong trí nhớ nàng với rất nhiều cảm giác kính trọng.

CVA Vũ Ngọc Ruần

QUY NHƠN, MỘT KỶ NIỆM BUỒN

CVA PHẠM-VĂN-NHUỆ

Tối tháng 8 năm 1960, “Thượng cấp” đã đày ải chúng tôi gần được một năm. Lũ chúng tôi 33 “mạng cùi”, gồm 3 Sĩ quan cấp bậc Trung úy và Chuẩn úy, 5 Hạ sĩ quan và 25 Binh sĩ ốm đau bệnh hoạn, được lệnh từ Nha Trang ra Qui Nhơn, thi hành một công tác “Đội đá vá Trời”: Thành lập một

kho đạn khổng lồ, Đại Đội 524 Kho Đạn được Tiên Tuyến tại Đèo Sơn, bên ngoài Thị Xã Qui Nhơn nghèo nàn, chỉ với vòn vẹn 33 khẩu súng Carbine M-1, ngoài ra chẳng có gì khác, kể cả thực phẩm và nơi che mưa nắng.

Các quan lớn thượng cấp của chúng tôi ngày đó, chắc đã có những bộ óc siêu việt hơn người, các vị chỉ ngồi trong văn phòng sang trọng, đầy đủ tiện nghi tối đa, máy lạnh chạy êm ru suốt mùa hè, nên tưởng tượng việc thành lập và quản trị một kho đạn to lớn như Kho 524 Đạn được tại Quy Nhơn, dễ dàng như việc xuống Câu lạc bộ Đơn vị uống bia, tán dóc những chuyện Trời, Trăng, Mây, nước . . . như quý vị vẫn thường “tự cho phép” trong giờ làm việc. Có thể quý Quan còn nghĩ rằng 33 mạng quân nhân yếu đuối và bệnh hoạn chúng tôi toàn là Thiên Sứ, đều có sức khỏe Hercule, dư sức thay cho khoảng 300 quân dân chính, cùng cả hàng trăm quân xa cùng cơ giới, là quân số và quân dụng căn bản không thể thiếu của một Kho đạn được tiên tuyến, có nhiệm vụ cung ứng bom đạn cho toàn thể các Đơn vị Hải, Lục và Không quân, đồn trú trong Quân Khu 2 lúc bấy giờ.

Cá nhân tôi ngày đó, một Trung Úy xuất thân từ Trường Võ Bị Đà Lạt. Tôi đã có nhiều kinh nghiệm lúc điều hành kho đạn Nha Trang, nên biết trước trách nhiệm của kho đạn tân lập Quy-Nhơn sẽ cực kỳ khó khăn, chưa kể tới quân số của kho đạn mới thành lập này chỉ là các quân nhân bất khiển dụng của các kho đạn Nha-Trang, Ban-mê-Thuột và Pleiku muốn thải ra. Nhưng đã mang nghiệp lính, đã được dạy câu “Thi hành trước, khiếu nại sau” ghi rõ ràng trong Quân kỷ, nên dù không muốn cũng phải tuân hành, cho dù nhiều khi đến lúc được khiếu nại thì mạng sống của mình cũng không còn. Tôi cay đắng lãnh chức vụ Đại-Đội-Trưởng và đứng ra thành lập Kho đạn Quy-Nhơn, bằng số quân nhân quá “khiêm tốn” nói trên.

Nhiệm vụ chính của một kho đạn nơi cửa biển như Quy Nhơn là tiếp nhận bom đạn viện trợ, chở từ ngoại quốc đến hải cảng Quy-Nhơn bằng những tàu buôn to lớn như những trái núi nổi, đậu tốt ngoài khơi, mỗi “núi nổi” chứa cả 2, 3 chục ngàn tấn đạn. Các “sà-lan” chuyên dần bom đạn từ tàu vào bến, mỗi chuyến khoảng 2, 3 trăm tấn. Ngoài các chuyến tàu buôn dân sự này, kho đạn còn phải vài tuần một lần, tiếp nhận những chuyến tàu Hải Quân cũng chở bom đạn, nhưng từ kho trung ương Thành-Tuy-Hạ đến bến cảng Qui Nhơn, trong chương trình “điều hòa nội địa”. Tính chung, rồi chia trung bình thì mỗi tháng kho đạn Quy nhơn chúng tôi phải nhận không dưới 10 ngàn tấn đạn từ các tàu biển Dân sự và Quân sự nói trên.

Bom đạn sau khi nhập kho, một phần nhỏ để lại dùng yểm trợ cho các Đơn vị chiến đấu đồn trú tại 2 tỉnh Bình-định và Phú-yên, phần lớn hơn được xếp lên các quân-xa chuyên tiếp tới 2 kho đạn khác nằm sâu trên cao nguyên Pleiku và ra miền bắc Quảng-Ngãi. Như vậy dù không muốn, mỗi tháng chúng tôi cũng bắt buộc phải khuân vác một trong lượng không dưới 20 ngàn tấn bom đạn, bằng những đôi vai gầy cùng hai cánh tay yếu đuối.

Việc khuân vác bom đạn bằng sức người làm chúng tôi điêu đứng. Với nhiều chục ngàn tấn bom đạn đè nặng trên 33 đôi vai gầy, một chuyện tưởng như “nói chơi”, nhưng chúng tôi vẫn phải làm, vì đó là “sự thật”, là “nhiệm vụ”, là “ý muốn” của Thượng cấp đầy quyền uy của chúng tôi. Vậy mà không rõ vì lý do huyền bí nào, chúng tôi không ai chết vì vác đạn, chúng tôi vẫn sống dù lay lắt để có công biến Đại Đội 524 Kho Đạn được Tiên tuyến thành một Đơn vị nổi danh nơi đất Quy Nhơn đầy sỏi đá cùng nắng lửa.

Ngoài công tác khuân vác là chính, chúng tôi còn có cả trăm việc phải làm như: kế toán, tồn trữ, kiểm tra, phá hủy bom đạn hư hỏng v.v. . , rồi mỗi tháng vài lần chuyên tiếp hàng ngàn tấn bom đạn tới hai kho đạn khác tại Quảng Ngãi và Pleiku. Mỗi lần gửi hàng đi xa như vậy, Kho Đạn chúng tôi phải cung cấp quân nhân cơ hữu đi áp tải đạn được, chính việc “áp tải” vô duyên này là câu chuyện tôi muốn viết hôm nay.

Công tác “áp tải đạn dược” mà kho đạn chúng tôi phải làm ngày đó, không có nghĩa thông thường như mọi người nghĩ, là dùng một lực lượng quân số hùng hậu để bảo vệ đoàn xe trên đường di chuyển, chống trả các cuộc phục kích cùng tấn công của đối phương. Nó giản dị hơn nhiều: chỉ định một quân nhân cấp bậc Binh Nhất hoặc Binh Nhì, mang một bản ghi số lượng đạn dược di chuyển, theo đoàn xe từ kho gửi tới kho nhận hàng. Sau khi kiểm nhận, người này mang bản “Phiếu gửi hàng” có chữ ký nhận về kho gửi là xong nhiệm vụ. Việc “áp tải” này thực sự không cần thiết, vì chỉ là công việc của Quân Bưu, nhưng vì đã áp dụng từ lâu, nên không ai giám tự ý bỏ. Mỗi đoàn quân xa chở đạn gồm khoảng 4, 5 chục xe vận tải GMC, thường có hàng trăm quân nhân Đơn vị Bộ binh theo hộ tống, bảo vệ an ninh cho đoàn xe trên đường di chuyển. Về phía kho đạn chỉ có một “áp tải viên”.

Với số quân nhân ít ỏi của Kho đạn chúng tôi ngày đó, việc cử một quân nhân làm “áp tải viên” là một phạm vi không cần thiết, chưa kể tới tính mạng anh ta có thể hiểm nguy do thiếu kinh nghiệm chiến đấu, vả lại anh ta theo đoàn xe không phải để chiến đấu. Thêm vào đó, một chi tiết nhỏ khác ít ai biết tới là ngân quỹ gia đình anh ta vốn đã thiếu thốn, sẽ càng thêm trầm trọng vì phải tiêu pha những khoản tiền không dự liệu. Quân nhân cấp nhỏ như anh, đều phải tự túc mỗi khi đi công tác xa, họ không bao giờ được bồi hoàn “công tác phí” như các cấp Hạ sĩ quan và Sĩ Quan cao hơn họ.

Quân nhân cấp nhỏ của Kho Đạn chúng tôi ngày đó lại không nhiều, một số có gia đình, tạm thời tá túc trong những căn nhà lợp tole dột nát gần đơn vị. Mỗi lần phải đi công tác như vậy là một biến cố lớn lao cho toàn trại gia binh nghèo nàn này, họ có lệ tuần tự chia nhau, ai tới phiên là phải lên đường, không ngập ngừng hoặc tìm cách tránh né.

Lần đó tới phiên Binh nhì Nguyễn văn Mùi, nhận công tác làm áp tải viên, theo đoàn xe Quân vận, từ Qui Nhơn tới Kho Đạn Pleiku. Đoàn quân xa gồm khoảng 50 xe vận tải GMC đã “lên hàng” xong từ buổi chiều, đậu nối đuôi thành một hàng dài trong kho đạn, sẵn sàng lên đường vào sáng sớm hôm sau. Mọi quân nhân của kho đạn đã về nhà tắm rửa nghỉ ngơi, mọi tài xế của Đơn vị Quân vận cũng phải ra khỏi kho đạn, cắm trại ngoài bãi đất trống phía Đèo Sơn, nấu lửa nấu cơm và nghỉ qua đêm. Vì lý do an ninh, không một ai được ở lại trong vòng rào kho đạn ban đêm, ngoại trừ nhân viên an ninh được chỉ định.

Tôi một mình lái xe jeep thăm một vòng kho đạn rộng mênh mông, nhìn ngó sơ qua các dãy nhà kho chứa đạn kiểu Igloo kiên cố nằm chìm một nửa trong lòng đất, kế tới thăm đoàn xe Quân vận trên đây đạn, nằm nối đuôi nhau thành một hàng dài trên “Đại lộ Bắc Bình” dọc “hồ Than Thở, khu A”. Chúng tôi đặt những tên như vậy để dễ phân biệt vị trí, trong một kho đạn rộng lớn nhiều cây số vuông, cùng nhiều đường chằng chịt. Tôi chợt chú ý tới một bóng người thấp thoáng bên một xe chở đạn, nên lái xe vòng lại.

Binh nhì Nguyễn-văn-Mùi giơ tay kính cẩn chào tôi, anh giải thích lý do còn ở lại một mình trong kho đạn lúc này: “Em tìm chiếc xe nào còn mới, chạy êm và chở nhẹ nhất, để gửi ít quân trang cá nhân, sáng mai em chỉ lên xe là xong”. Rồi anh ngập ngừng nói với tôi, như có ý phân trần: “Em kẹt quá, Trung úy! Em đòi vợ em ít tiền để đi công tác ngày mai, nhưng rui quá nó chẳng còn đồng nào, thành ra kỳ này em đi công tác “tay không”, đành phải nhờ tụi bạn em ở kho Pleiku cho ăn rình vậy”.

Tôi ra Qui Nhơn dù đã gần năm, nhưng gia đình tôi chỉ mới đoàn tụ với nhau chừng hơn một tháng, vợ tôi dậy học tại Nha Trang nên không thể mỗi lúc đi theo, phải qua nhiều thủ tục phiền phức và rắc rối để xin chuyển chuyên theo chồng, nên thực tình chính chúng tôi cũng đang xính vính về tiền bạc. Tôi chợt nhớ sáng nay vợ tôi có bỏ vào túi cho tôi khoảng 200 đồng, để phòng những việc phải tiêu bất ngờ. Tôi rút tiền ra đếm, rồi trao cả cho Mùi, và nói: “Tôi chỉ còn có bấy nhiêu thôi, cho cậu để ăn đường, khỏi phải trả lại tôi, chúc cậu đi công tác bình an, rồi sớm về với vợ con”. Mùi há hốc miệng nhìn tôi, không tin là sự thực, anh cầm tiền mà quên cả cảm ơn.

Sáng hôm sau tôi có cuộc họp hàng tuần tại Bộ chỉ huy 2 Tiếp vận, nên về tới kho đạn hơi trễ. Anh Đại đội phó đón tôi ngay trước cổng trại và nói với tôi: "Đoàn xe chở đạn đi Pleiku dự định khởi hành vào lúc 8 giờ, nhưng thằng Mùi nhất định không lên xe, nó nói còn phải chờ để chào Trung úy, nó đang đợi ở trong phòng". Tôi hơi ngạc nhiên cho câu chuyện bất thường này, vì đã cả hàng trăm chuyến xe chở đạn lên Cao nguyên và ra miền Trung, chưa có người áp tải viên nào cầu kỳ chào hỏi như vậy.

Mùi chờ tôi tại văn phòng chắc đã lâu, anh rụt rè phân trần việc cản trở đoàn xe không cho đi chuyển, anh nói: "Ông Đại úy chỉ huy đoàn xe la em quá trời, nhưng em năn nỉ ông ta, em có việc riêng phải chờ Trung úy: Vợ em cần dặn trước khi đi phải vào cám ơn Trung úy đã cho tiền, em chia lại cho mẹ con nó một nửa để đóng gạo, bây giờ xin chào Trung úy em đi công tác". Nói xong Mùi chạy vội ra cổng trại, leo lên xe. Tôi tuy hơi bực mình vì chuyện vợ vẫn này đã làm chậm trễ giờ xuất hành của đoàn quân xa, nhưng cũng linh cảm thấy một chuyện gì có vẻ bất thường, chưa bao giờ xảy ra ở bất cứ nơi nào, dù trước đây tôi đã có nhiều năm làm việc tại nhiều kho đạn khác, cũng như đã gửi nhiều đoàn xe chở đạn như vậy.

Nhiều công việc phải thanh toán trong ngày đã làm tôi quên bằng đoàn xe chuyển vận đạn được lên Pleiku, cho tới . . .

Khoảng xế trưa hôm đó, Thiếu tá tiểu khu phó Tiểu khu Bình Định điện thoại khẩn cấp tới kho đạn cho tôi: "Anh Nh. phải không? Tôi có tin quan trọng cho anh đây, tôi vừa được Phòng Hành quân / Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn điện thoại cho biết, đoàn xe chở đạn của anh bị Việt cộng phục kích trên quốc lộ 19, quãng đèo Mang Giang, mình "bị" rất nặng, Quân Đoàn đã gửi quân tiếp viện, nhưng chưa rõ chi tiết ra sao, có tin gì khác tôi sẽ cho biết sau . . ." Tôi chưa kịp hỏi thêm thì ông gác máy.

Tôi có cảm tưởng như đầu mình bị vật gì đập mạnh, mắt hoa lên, tim đập loạn xạ trong lồng ngực. Tôi nghĩ ngay tới Mùi, người bình nhì mới tới chào tôi sáng nay để đi công tác áp tải đạn được lên cao nguyên, Mùi đang ở trong đoàn xe bị phục kích, lại "bị rất nặng". . . , tôi bối rối và hốt hoảng như chính tôi đang trong đoàn xe bị phục kích vậy. Mãi lúc khá lâu tôi mới dần bình tĩnh lại để quyết định mình phải làm gì, tôi gọi anh Đại đội phó dặn coi Đơn vị, rồi lái xe sang Tiểu khu Bình Định tìm hiểu thêm tin tức.

Tiểu khu đông nghẹt những quân xa và lính, họ sửa soạn đi tiếp viện, cấp cứu và tải thương. Ông Trung tá Tiểu khu Trưởng căn dặn ông Đại úy chỉ huy đoàn xe: "Sau khi cấp cứu thương binh, anh cho gửi những toán nhỏ khoảng 2, 3 người vào sâu trong rừng, để tìm kiếm những người còn sống sót hiện đang ẩn trốn nơi lùm cây, hốc đá nào đó. Phải gọi thực lớn, làm sao cho các người này biết là "quân mình" tới cứu họ, nếu không họ không giám ra đâu, họ sợ tụi VC cũng sẽ giả quân mình làm vậy, ai không biết mò ra là "bị" liền với chúng".

Tôi vì quan tâm mạng sống của Mùi, nên ngỏ ý muốn theo đoàn quân tiếp viện này lên đèo Mang Giang, nhưng ông Trung tá Tiểu khu trưởng gạt ngang: "Các anh là lính Tiếp vận, biết gì về trận mạc, các anh lên đó không ích lợi gì, chỉ làm cản chân người khác, chưa kể tới việc người ta phải bận tâm bảo vệ các anh. Anh về kho kiểm điểm lại số lượng đạn, xem thiệt hại bao nhiêu".

Tuy không được đi theo đoàn xe tiếp cứu, nhưng cũng từ lúc đó tôi ngồi đứng không yên, tôi không quan tâm nhiều tới số đạn bị mất, mà chỉ bồn chồn lo lắng cho số phận của Mùi. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi gặp chuyện này, chuyện một người lính, một người chiến hữu thân thương của tôi hiện trong hoàn cảnh không biết sống chết ra sao. Tôi chỉ thị cho anh Đại đội phó, cử người túc trực tại Quân y viện Quy Nhơn để báo cho tôi biết lúc nào đoàn xe tản thương về tới. Tôi thăm cầu nguyện cả Chúa lẫn Phật cứu cho người bạn tôi thoát hiểm trở về. Tôi lý luận theo ý riêng để tự trấn an: "Đoàn xe bị phục kích gồm cả trên trăm nhân mạng, trong khi lính kho đạn chỉ có một người, nếu

chẳng may có thiệt hại 100% thì mới tới người lính của tôi được”. Dù tự trấn an như vậy, tôi vẫn lo lắng không yên.

Mãi tới chiều gần tối, anh quân nhân túc trực tại Quân y viện Quy Nhơn điện thoại về cho tôi: ”Đoàn xe di tản thương binh đã về tới Quy Nhơn, nhiều người bị thương lắm nên tôi chưa biết có anh chàng Mùi của mình không, Trung úy xuống bệnh viện ngay nhé”. Nói xong anh gác máy, dù tôi còn muốn hỏi thêm. Chỉ ít phút sau, anh tài xế đã đưa tôi tới Quân y viện Quy Nhơn. Tôi chạy lao vào nơi nào có đông người, mà không cần biết phòng lỵ thương hay điều trị. Một cô y tá bảo tôi: ”Bệnh viện mới nhận được bấy nhiêu, số người chết đã được chõ xuống nhà xác, ở đây chỉ là thương binh mà thôi, nhiều vậy mà vẫn chưa chõ hết, ngày mai sẽ còn thêm nữa”.

Số thương binh thực nhiều, ước lượng không dưới 3 chục người, tôi tả trên các “Băng ca” bê bê máu, la liệt khắp nhiều phòng, nằm ra cả ngoài hành lang bệnh viện, chờ được lỵ theo thương tích nặng nhẹ để điều trị. Người nằm bất động không rõ còn sống hay đã chết, người khác rên la nho nhỏ, tay chân quờ quạng dẫy dựa trong vô thức. Các bác sĩ và y tá đi lại tấp nập, làm việc luôn tay không ngưng nghỉ. Tôi khó khăn len lỏi giữa hai hàng băng ca, tới từng giường bệnh để tìm kiếm người bạn mà tôi thực tình cầu mong không có mặt tại đây. Tôi nghiêng người, ngheo cổ cố tìm tư thế thuận tiện nhất để nhận diện người bệnh, mà không dám đụng vào thân thể, sợ gây thêm đau đớn cho họ. Sau cả giờ cố công tìm kiếm, tôi tuy thất vọng nhưng cũng thấy đôi chút nhẹ nhõm vì không thấy anh Mùi trong số thương binh bất hạnh này.

Còn một nơi nữa phải tìm là nhà xác, một nơi mà chắc chắn không một người nào muốn tới, dù giữa ban ngày. Tôi cũng chẳng gan dạ hơn ai, nhưng không thể né tránh, nên bảo anh tài xế đưa tôi tới nhà xác, nằm phía sau bệnh viện và rất xa các phòng điều trị. Lúc này trời đã tối mịt, khu nhà xác lại tối thui không một bóng đèn. Anh tài xế dường như bắt đầu sợ hãi, run run đề nghị với tôi: ”Hay để sáng mai hãy tới, Trung úy! đêm nay “họ” vẫn còn nằm đây mà, đi đâu được!” Thấy tôi tỏ vẻ không chịu, anh nói thêm : ”Em để máy xe chạy, bật đèn pha soi qua cửa kính, rồi em đi bộ ra cổng nhà thương đứng chờ Trung úy. Khi nào xong, Trung úy lái xe ra cổng sẽ có em chờ ở đó”. Nói xong, không chờ tôi trả lời chấp thuận hay không, anh “pha” đèn cực sáng, rồi bỏ xe chạy bộ trở lại đường cũ, phía cổng ra vào.

Còn lại một mình, tôi cũng thấy nao núng ở nơi ghê rợn này. Nhà xác mới xây, hay mới tân trang lại không rõ, gồm 2 phòng không mấy rộng, tường quét vôi một màu trắng lạnh lẽo, nền nhà tráng xi măng nhưng trống hộc, không có bất cứ một vật dụng gì. Nhà xác còn có các khuôn cửa kính rất rộng, nhờ đó phía trong phòng có được một ít ánh sáng của chiếc đèn xe jeep chiếu qua. Phòng cũng chưa có lấy một ngọn điện, nên tạm thời soi sáng bằng một vài ngọn nến leo lét, không biết do ai thắp, cắm trên một thùng đạn đặt giữa mỗi phòng. Không hiểu khi những ngọn nến này cháy hết, có còn được ai thắp thêm nữa hay không ?

Xác chết thực nhiều, ước lượng không dưới 20 tử sĩ, được đặt nằm la liệt ngay trên mặt sàn xi măng lạnh. Tử thi tuy được sắp xếp ngay ngắn nhưng không theo một thứ tự nào, đầu người này quay mặt vào chân người nằm cạnh. Xác nào cũng bê bê máu, quân phục rách bươm, nhàu nát và ướt sũng. Nét mặt mọi xác đều lộ vẻ kinh hoàng, dúm dỏ tới mức ghê rợn, không dễ nhận diện. Rất nhiều bộ mặt bị nát bầy, tím ngắt, từ hai lỗ mũi chảy ra hai vệt nước xám đen, đặc sệt, không rõ là máu hay bùn đất.

Phòng quá tối, ánh đèn xe jeep chỉ chiếu sáng lên tường vôi trắng, rồi phản chiếu một ánh sáng mờ mờ xuống những khuôn mặt méo mó vì thương tích, nên dù cố gắng cũng không cách nào nhận diện. Cuối cùng tôi dùng ngọn nến trên thùng đạn soi sát vào mặt từng người. Mặt tôi ngó nghiêng rồi

ngó thẳng, quay tới rồi quay lui, cố tưởng tượng một nét bình thường của người chết, để liên hệ tới nét mặt của Mùi, nhưng cố gắng mấy cũng không thành công, tôi chẳng nhận diện được ai cả.

Nhà xác chưa có mùi hôi thường lệ, nhưng mùi máu tanh thì thực nồng, đặc biệt không khí trong phòng hình như lạnh xuống, làm tôi phát run, hai hàm răng dù nghiến chặt mà vẫn va vào nhau lộp cộp. Tôi cố gắng tự trấn an, nhưng vẫn có cảm giác rờn rợn, tóc gáy đứng dựng vì như thấy Tử thần đang lẩn khuất đâu đây. Một vài tiếng động nhỏ bất thường có lẽ do chuột hoặc tiếng côn trùng khiến tôi quay vội nhìn về phía sau lưng, tôi có cảm tưởng một xác nào đó đang từ từ đứng dậy, lừng lững đi về phía tôi. Mùi máu tanh làm tôi hoa mắt, lợm giọng, ói khan. Mãi cả giờ sau tôi mới cố gắng làm xong công việc cực kỳ khó khăn, mà chắc chắn không bất cứ ai có can đảm, hoặc điên khùng mất trí mới làm như mình. Hai ống quần trận đang mặc, từ đầu gối xuống bàn chân ướt sũng máu, hoặc chất lỏng gì tương tự, tay tôi cũng ướt máu vì phải lật mặt tử thi để nhìn cho rõ. Dù tự trấn an là các tử sĩ nằm đây đều là đồng đội của mình, là bạn với mình, lúc sáng nay còn tay bắt mặt mừng . . ., nhưng tôi vẫn không sua đuổi được nỗi sợ hãi tuy vô hình, nhưng đang “hiện diện” tại ngay đây. Tôi run run cầm lại ngọn nến trên thùng đạn, rồi vội vã ra khỏi nhà xác như trốn chạy, lái xe ra công nhà thương tìm được người tài xế, mà tay vẫn còn run.

Trời tối đã lâu, tôi lại chưa ăn một chút gì từ sáng, nhưng vẫn không thấy đói. Tôi bảo anh tài xế đưa tôi về Kho đạn trước khi về nhà. Vào văn phòng, tôi tháo bỏ đôi giày cao cổ và bộ quân phục nhor nhóp máu, rồi mang mọi thứ ra bờ hồ nước mặn rộng mênh mông cạnh kho đạn, cuộn bộ quân phục và đôi vớ nhét vào một ống cống gần đó, còn đôi giày trận tôi rửa thực sạch cả trong lẫn ngoài, với ý định sẽ dùng lại nó khi khô hết nước. Rồi chỉ với quần đùi cùng áo lót, tôi bảo anh tài xế đưa tôi về nhà.

Vì chờ tôi từ sáng tới khuya trong tình trạng bất an, vợ tôi đón ngay từ cửa, nàng không hỏi gì thêm vì anh Đại đội phó đã điện thoại báo cho nàng việc tôi về trễ, nàng lấy quần áo pyjama cho tôi thay, rồi lui cui hâm lại đồ ăn đã nguội lạnh vì chờ tôi đã quá lâu. Các con tôi vẫn còn thức, đang học bài, chúng thấy bố về nhà với độc quần áo lót, bộ mặt thiếu ngủ bất thường, nên chẳng đưa nào giám đến gần nhõng nhẽo líu lo như thông lệ. Biết tôi nhọc mệt lại đói vì từ sáng không ăn một chút gì, vợ tôi cặm cụi làm cho tôi một món đặc biệt mà tôi thường ưa thích : Một miếng beefsteak lớn bằng cả bàn tay, cùng với cà chua chín thái mỏng và khoai tây chiên vàng, lại thêm một ly rượu chát đỏ, chúng tôi để dành từ lâu, chỉ dùng khi có “đại tiệc”.

Tôi ngồi vào bàn, vì mệt nhọc nên cũng chẳng muốn ăn, mắt lơ đãng nhìn miếng beefsteak mà vợ tôi đã trân trọng và khổ công sửa soạn từ chiều. Miếng thịt dày dặn, chiên thực khéo nên vừa đủ chín mà không cháy, trên mặt miếng thịt màu nâu đậm còn rịn ra một chất nước hồng hồng. Đột nhiên tôi nghĩ tới cảnh nhà xác, tới các bộ mặt nát bậy của các tử sĩ, rồi nhìn lại miếng beefsteak sắp ăn, thế là tôi vội buông dao nĩa, chạy vội vào nhà vệ sinh để ói tới mặt xanh mặt vàng. Tôi ói tới lúc không còn gì trong bao tử để ói, mà cổ họng vẫn cuộn cuộn đưa lên, ruột tôi đau quặn như thắt lại, nước mắt nước mũi tèm nhem không lau kịp. Mãi lâu lắm tôi mới lết được vào giường nằm nghỉ, tôi nằm im lặng nhìn lên trần nhà, nhưng ruột tôi vẫn còn cào, đau quặn và cổ họng ói khan vẫn muốn đưa ra. Nằm im một lúc rất lâu, nước mắt đã khô, nhưng mắt vẫn còn rát như xát ớt . . .Đột nhiên có tiếng đập cửa, vợ tôi vội chạy ra, rồi một lúc lâu sau trở vào nói với tôi: ” Có một ông Trung úy trên Liên Đoàn Quân Cụ tới muốn gặp anh. Em đã mời anh ấy vào trong phòng khách, anh có thể cố gắng dậy ra gặp anh ấy được không”. Tôi cố gắng gượng ra tiếp khách, đó là anh Minh, cũng là bạn và cùng cấp bậc như tôi, anh làm việc trên Liên Đoàn 82 Quân Cụ, coi về quân xa cùng vũ khí, khác với tôi chuyên về bom đạn, chúng tôi cùng trong ngành Quân cụ nên rất thân nhau.

Anh Minh nói với tôi : ”Thiếu tá Liên Đoàn trưởng cho gọi anh đến trình diện gặp tại tư thất. Anh làm gì để ông giận dữ mà la hét ầm ầm? Tiện có xe jeep tôi đưa anh đi, rồi trả anh về nhà, đêm

nay tôi trực”.

Tôi xin tạm dừng một phút nơi đây, để nói sơ qua về tổ chức và nhiệm vụ của ngành Quân Cụ ngày đó. Quân cụ là tiếng gọi tắt của các từ “Dụng cụ dùng trong Quân Đội”, là số quân dụng không lồ và đắt khủng khiếp như quân xa, chiến xa, các loại súng ống cùng đại bác, các loại đạn dược, bom, mìn, hỏa tiễn cùng chất nổ. Số quân dụng lớn lao trên còn được phân chia thành “Loại”: “Loại 2 và 4” chỉ quân xa và vũ khí, “Loại 5” cho bom đạn. Mỗi “Loại” như vậy đều có các Đơn vị chuyên môn và riêng biệt chịu trách nhiệm, không ai xen vào lãnh vực của ai. Tại Quy-Nhon ngày đó có Liên đoàn 82 Quân Cụ, coi về “Loại 2 & 4” do một Thiếu tá chỉ huy. Liên đoàn này chỉ trợ giúp Kho đạn “Loại 5” chúng tôi trong công tác hành chánh cùng quản trị Quân số. Tôi kính trọng ông Thiếu tá này vì cấp bậc trong Quân Đội, mà không thống thuộc ông trong hệ thống chỉ huy.

Tôi mặc vội bộ thường phục, vì nghĩ đêm đã khuya và cũng vì đôi giày trận tôi còn phơi trong trại, theo anh Minh đến gặp ông Liên Đoàn trưởng 82 tại tư thất sang trọng của ông. Ông Thiếu tá trong bộ kymono màu bordeaux rất đẹp, ngồi tại salon cạnh bà vợ trẻ. Có lẽ chờ tôi đã lâu nên vừa thấy tôi vào, ông lớn tiếng “chửi” liền: ”Đ. m. !!! Tại sao tôi cho gọi anh từ chiều, mà bây giờ mới tới ? Anh bỏ đi chơi đâu từ sáng nay? Ai cho phép anh mặc thường phục tới trình diện tôi? Anh có biết Quân phong, Quân kỷ là gì không? Lính của anh chết trên đèo Mang Giang mà anh không hề hay biết, cứ trốn đi chơi, đi ăn nhậu. Tôi sẽ bỏ tù anh, sẽ lột lon anh, vì tội vô trách nhiệm này”.

Tôi không dám viết ra thêm những ngôn từ hạ cấp của ông Thiếu tá hách dịch và thiếu tư cách này. Tôi cũng không phân trần một câu, vì dư biết lúc này bên bà vợ trẻ, ông chỉ muốn nói, muốn thị oai mà không muốn nghe ai. Và lại ông có tật nói cà lăm, chữ nọ vấp chữ kia lú lú, nghe rất . . . mệt, và không thể nào hiểu được. Mãi sau, có lẽ vì mỗi miệng nên ông im tiếng, tôi mới có dịp xen vào: ”Thưa Thiếu tá, tôi biết tin này ngay từ trưa nay, rồi cả buổi chiều và buổi tối hôm nay, tôi tìm anh Mùi tại Quân y viện cùng nhà xác, nhưng không thấy, có lẽ anh ấy còn kẹt trên đèo Mang Giang, ngày mai tôi sẽ lên đó tìm tiếp”.

Nói xong, tôi đứng dậy ra khỏi nhà ông, không chào cũng không để ông kịp có phản ứng gì tiếp. Tôi sợ nếu ngồi nán lại, dù với bản tính cực kỳ trầm tĩnh của mình, nhưng bị liên tiếp “chọc giận”, tôi sẽ khó giữ được những hành động nóng nảy, ngôn ngữ sỗ sàng, sẽ nói năng bậy bạ y như ông Thiếu tá này. Tôi nghĩ “tránh hùi, không xấu mặt”.

Hôm sau tôi vào trại thực sớm, với ý định dù phải đi một mình, tôi cũng lên đèo Mang Giang tìm tin tức của Mùi. Nhưng khoảng 9 giờ sáng, nhân viên tôi gửi lên túc trực tại Quân y viện gọi về :”Thưa Trung úy, có nhiều xe GMC tải thương vừa về tới nơi, mời Trung úy lên ngay”. Chỉ vài phút sau tôi đã tới Quân y viện Quy Nhon. Trong lúc chứng kiến việc di chuyển thi hài từ xe xuống, tôi nhận ra ngay người chiến hữu của tôi: anh Mùi, nằm chung trong những tử sĩ xấu số này.

Mùi nằm trên băng-ca, đang được chuyển từ xe GMC xuống thềm nhà xác. Mặt anh xám ngoẹt nhưng cực kỳ bình thản, đôi mắt khép hờ như trong giấc ngủ say. Quần áo anh ướt nhẹp và đẫm máu, vết thương dù đã qua một ngày mà vẫn không cầm, máu vẫn rỉ ra nhiều nhất ở phần bụng. Tôi sờ má rồi cầm lấy tay anh, da anh lạnh ngắt nhưng còn mềm mại, chứng tỏ anh mới qua đời không lâu.

Ông Thượng sĩ già đi theo đoàn xe tải thương nói với tôi: ”Tôi kiếm được anh này sáng sớm nay, anh nằm phía trước một bụi cây thực rậm, chỗ này chúng tôi qua lại rất nhiều lần chiều qua mà sao không nhìn thấy”. Rồi sau một hơi thuốc Quân tiếp vụ nòng nòng, ngai ngái để lấy lại bình tĩnh, ông tiếp: ”Chúng tôi đoán có lẽ mới đầu anh ta chỉ bị thương thôi, nên trốn sâu trong bụi rậm để tụi VC không tìm thấy. Hôm qua chúng tôi đã gọi nhiều lần nhưng anh tưởng là “chúng nó” gọi, nên không dám mò ra. Rồi tới gần sáng, biết không sống nổi, lại nghĩ nếu cứ ở sâu trong đó thì mất xác, nên cố bò ra để chết ở phía ngoài, chúng tôi tới là nhìn thấy ngay”.

Đứng trước thi hài Mùi nằm bất động trên “băng ca”, tôi tự cảm thấy mình có phần nào trách nhiệm trong cái chết này, nên bịn rịn không nỡ bỏ mặc anh trong căn nhà xác âm u ghê rợn. Tôi xin nhà thương tắm rửa cho anh, nhưng việc tắm liệm sẽ chỉ cử hành theo lời yêu cầu của chúng tôi vào chiều nay, sau khi thông báo cùng chờ ý kiến của thân nhân người quá cố.

Có lẽ công việc khó khăn nhất trong đời, không ai muốn nhận là báo tin tử trận, nhưng hôm nay tôi vẫn phải làm cái việc tế nhị này. Tôi muốn tới gặp gia đình Mùi để đại diện cho Đơn vị nhỏ bé nhưng thân thương của chúng tôi, chân thành chia sẻ sự đau buồn với thân nhân người quá cố. Tôi bảo anh tài xế đưa tới nhà Mùi trong trại gia binh.

Vừa nhìn thấy chúng tôi, chị Mùi một tay bế đứa con nhỏ khoảng chừng vài tháng, tay kia dắt đứa lớn hơn ra đón trước cửa, chị nghẹn ngào trong tiếng khóc: ”Em biết rồi, em biết tin từ sáng nay rồi. Hôm qua khi được tin đoàn xe bị phục kích, em đã đoán ngay tới việc chẳng lành này, rồi sáng nay Chuẩn úy Tu đến báo tin đã tìm thấy xác nhà em trên đèo Mang Giang, em như chết ngay từ lúc đó. Từ nay mẹ con em không biết sống sao đây”. Dù đã tiên liệu những việc sẽ xảy ra, cùng những lời sẽ nói, nhưng lúc này trong hoàn cảnh quá thương tâm, tôi quên hết những lời dự tính sẽ nói để an ủi người góa phụ. Mọi lời nói của tôi lúc này chỉ là thừa.

Chị Mùi nhờ chúng tôi toàn quyền quyết định trong việc khâm liệm và chôn cất người chồng ngắn số ngay tại Quy-Nhon. Chị nói trong nước mắt: ”Em chẳng biết làm gì trong hoàn cảnh đau đớn này, em một nách 2 con mọn, lại không còn một đồng xu nhỏ, quê chúng em ở quá xa, mãi tận Sóc Trăng lại trong vùng “tụi nó” kiểm soát, nên mọi việc em nhờ Trung úy và các anh em trong kho đạn định đoạt, thế nào cũng được”.

Anh em chúng tôi ngày đó, từ Binh lính tới Sĩ quan, đều túng thiếu như nhau, chúng tôi phục vụ tại Kho đạn là một trong những đơn vị hoàn toàn không hề có lấy một xu “quỹ đỏ, quỹ đen” như các Đơn vị lớn khác, mỗi khi cần một số tiền dù rất nhỏ, dùng trong công tác Xã hội, chúng tôi đều phải chia nhau đóng góp kẻ ít người nhiều. Hôm nay cũng vẫn theo “thông lệ” tội tình đó, chúng tôi lại đóng góp, vì biết rằng chẳng ai thương xót cứu trợ chúng tôi bằng chính chúng tôi tự cứu trợ lẫn nhau.

Chúng tôi khâm liệm và chôn cất Mùi bằng tất cả những gì có được. Anh được an táng trong một nghĩa trang tư nhân ngay cạnh kho đạn, tiền mua đất do toàn thể anh em chúng tôi chung góp, ngoài ra chính người chủ nghĩa trang thấy hoàn cảnh thương tâm cũng giảm giá rất nhiều. Lễ an táng diễn ra trong không khí cực kỳ trang nghiêm và cảm động. Toàn thể Quân-nhân, Công-chức và Lao-công phụ-động cơ hữu kho đạn, lại thêm Tiểu-đoàn Địa phương quân, Phòng Vệ kho đạn gồm nhiều trăm người, tất cả tề tựu trước mộ huyệt để tiễn đưa Anh, trong không khí cực kỳ trang nghiêm hiem thấy. Liên đoàn 82 Quân cụ của ông Thiếu tá hách dịch nói trên, không giúp đỡ cũng không hề gửi đại diện tới chia buồn với gia đình người quá cố.

Sau biến cố trên, tôi tưởng việc đề cử quân nhân áp tải đạn dược sau này sẽ gặp khó khăn, vì không ai muốn nhận công tác nguy hiểm đó. Nhưng thực bất ngờ ngoài dự đoán, các quân nhân đến phiên công tác đều háng hái lên đường, họ coi việc làm đó như nhiệm vụ bình thường của một quân nhân có kỷ luật. Họ háng hái như vậy có thể một phần do đã chứng kiến các việc làm của Đơn Vị chúng tôi “đền ơn” người bạn quá cố : Chiến hữu Nguyễn văn Mùi. Anh Tu, người Đại đội phó của đơn vị, bằng cách nào đó đã vận động để gần một tháng sau chị Mùi được lãnh 12 tháng lương tử tuất của chồng. Chúng tôi tuy tạm thời an tâm, nhưng cũng biết số tiền này chỉ giúp chị và hai con nhỏ sống tạm trong thời gian ngắn, cần phải có giải pháp lâu dài và vẹn toàn hơn giúp họ.

Một hôm chúng tôi cho mời chị Mùi tới Đơn vị, đề nghị chị vào làm cho kho đạn với quy chế “Phụ động”, như chúng tôi đã có ngân khoản thuê mướn dài hạn cả trăm người như vậy. Đặc biệt trường hợp của chị vì sức yếu lại còn con nhỏ nên sẽ chỉ làm các việc vặt trong Đơn vị, mà không

phải khuôn vác đạn dược như mọi người phụ động khác. Nhưng chị từ chối, chị nói với chúng tôi: "Em cảm ơn Trung úy cùng tất cả các anh chị em trong kho đạn, đã thương mến giúp đỡ mẹ con em trong hoàn cảnh ngặt nghèo này. Nhưng em muốn đưa các cháu nhỏ về bên ngoài chúng tại Sóc Trăng, để mẹ con, bà cháu đùm bọc sống qua ngày. Ở Quy-Nhơn này không còn nhà em, chúng em sống sao nổi".

Khoảng một tuần, sau khi nói chuyện với chị Mùi, ông Thiếu tá Liên đoàn trưởng 82 Quân cụ điện thoại gọi tôi lên Bộ chỉ huy Liên đoàn cũng để nói về việc này, nhưng dưới một hình thức khác. Vẫn bộ mặt đen đui và nhăn nhó bầm sinh, giọng nói cà lăm khiến người nghe phát mệt, ông gay gắt hỏi tôi: "Đ. M., việc giúp đỡ cho vợ con thằng Mùi anh có ý định gì không, tới đâu rồi? Các anh thực vô tích sự, lính trong Đơn vị chết mà không ai nghĩ đến việc giúp đỡ vợ con họ, như vậy còn thằng lính nào muốn làm việc cho các anh".

Dù rất bất bình với "nghệ thuật chỉ huy" đặc biệt cố hữu của ông Liên đoàn trưởng, mỗi khi mở miệng với thuộc cấp là chửi thề tục tĩu như một thói quen khó bỏ, nhưng tôi cố dằn vì biết nếu làm ông cụt hứng sẽ có kết quả rất tai hại cho mình, tôi ôn tồn nói với ông: "Thưa Thiếu tá, quân nhân phục vụ cho Quân Đội, chứ không "làm cho" bất cứ riêng ai. Việc giúp đỡ cho gia đình binh sĩ chúng tôi xếp ngang hàng với các công tác khác, riêng đối với hoàn cảnh của chị Mùi, chúng tôi đã nghĩ tới từ lâu, và đang tìm cách nào tốt nhất giúp chị ấy. Hiện giờ chị Mùi vẫn còn bàng hoàng về cái chết của chồng, đang cần một thời gian tĩnh dưỡng nghỉ ngơi, chúng tôi đã đề nghị chị Mùi vào làm tại Kho đạn, nhưng chị ấy không nhận".

Ông Thiếu tá có lẽ cũng thấy mắc cỡ vì giọng cộc cằn của mình, nên ôn tồn hơn: "Thôi cũng được, anh bảo chị ấy làm đơn xin việc đưa lên tôi, rồi cho thuê nhận vào làm việc trong kho đạn với tính cách lao công phụ động".

Tôi xen vào khi ông Thiếu tá chưa nói hết câu: "Thưa Thiếu tá, như vừa trình Thiếu tá, chúng tôi đã cho mời chị ấy tới Kho đạn, đề nghị giúp việc trong kho, nhưng chị Mùi không muốn đi làm, nhất là làm công việc của kho đạn, vì công việc đã quá nặng nhọc trong khi chị ta rất yếu đuối".

Ông Thiếu tá ngắt lời tôi: "Tôi đã nói hết đâu, tôi đâu muốn chị ấy phải vác đạn, sức đó làm gì nổi! Theo ý tôi muốn nói là chỉ ghi tên chị ta vào danh sách lao công phụ động của kho đạn, nhưng vẫn ở nhà rồi hàng tháng tới lĩnh lương, tức là chỉ có tên trong sổ lĩnh lương thôi, chứ không phải đi làm".

Tôi thực sự bàng hoàng về "ý kiến mới mẻ" của ông Liên đoàn trưởng, Liên đoàn 82 Quân cụ hôm đó, mới mẻ vì "không làm mà vẫn lĩnh lương". Mãi một lúc sau tôi mới nói lên lời: "Thưa Thiếu tá, chỉ thị của Thiếu tá quá mới mẻ làm tôi lãnh hội không kịp. Trong kho đạn chúng tôi có cả hàng trăm lao công làm việc, nếu đặc biệt cho một người, các người khác sẽ suy bì, đưa đến nhiều hậu quả phiền phức vì một việc làm không đáng gì. Tôi kính đề nghị xin Thiếu tá cho chị Mùi làm việc tại Liên đoàn, Liên đoàn vừa làm lương, vừa phát lương sẽ tiện hơn chẳng. Riêng kho đạn thì không dám làm như vậy".

Có lẽ ông Thiếu tá cho tôi là thằng ngu ngốc nhất đời, sáng kiến "dùng của người, làm phúc ta" thân diệu như vậy mà không biết nhận, nên nạt ngay: "Anh ngu bỏ mẹ! Công việc của Liên đoàn là làm kế toán, là viết văn thư, đâu phải vác đạn khổ sở như các anh mà thuê nhận lao công. Tôi có ý muốn giúp cho chị ta có tiền chi dụng, cũng như giúp kho đạn các anh có dịp trả công cho thân quyền người đã hy sinh, riêng tôi có lợi lộc gì, nếu anh không muốn thì thôi". Nói xong, ông khoát tay lia lịa, muốn đuổi tôi ra khỏi văn phòng.

Trên đường về, và cho tới mãi hôm nay đã qua nhiều chục năm dài, mỗi khi nhớ lại chuyện này, tôi vẫn phân vân nghĩ mãi không ra, việc tôi “khôn” hay “ngu” trong khi từ chối “hảo ý” của ông Thiếu tá liên đoàn trưởng muốn người quả phụ tử sĩ hàng tháng được lãnh lương, mà không phải làm việc? Dù tự nhận mình ngu, đã không giúp đỡ gì cho chị Mùi cùng hai cháu nhỏ, nhưng lại tự bào chữa có thể vì “ngu” như vậy nên đã không bị vướng mắc vào bất cứ trở ngại gì về tiền bạc sau này. Đành để ông Thiếu tá Liên đoàn trưởng 82 Quân cụ “khôn” một mình ông.

Hơn một tháng sau, chị Mùi vào kho đạn chào từ biệt chúng tôi để về Sóc Trăng, chị nói trong ngậm ngùi: ”Em về đó sống tựa vào má em, quê bà cụ lại ở vùng không mấy an ninh, ban ngày quân mình nhưng ban đêm là mấy ông”. Im lặng hồi lâu, chị tiếp: ”Vì ở nơi mất an ninh như vậy, nên dù rất mang ơn Trung úy nhưng lại không dám mời Trung úy có dịp ghé thăm Sóc Trăng quê mùa của mẹ, con, bà, cháu chúng em. Dù khó có ngày gặp lại, nhưng suốt đời em sẽ không bao giờ quên ơn Trung úy và các anh chị em trong kho đạn”.

Tôi dặn anh Tu lấy xe jeep kho đạn, tới nhà đón mẹ con chị Mùi ra bến xe vào sáng sớm hôm sau. Khoảng 9 giờ sáng, anh Tu lên báo với tôi: ”Vợ chồng tôi cùng ra bến xe tiễn chị Mùi. Lúc xe sắp chạy, chị ấy khóc quá cứ nắm cứng lấy tay nhà tôi không rời, làm “bà xã” tôi cũng khóc theo. Chị Mùi gửi lời chào và cảm ơn Trung úy cùng tất cả các anh chị em trong kho đạn của mình”.

Hơn một năm sau tôi bị chuyển từ Quy Nhơn về Cần Thơ, nguyên do xích mích với ông Thiếu Tá Liên đoàn trưởng 82 Quân cụ, trong việc ông muốn chiếm đoạt một số gỗ ván của trại gia binh kho đạn, nhưng tôi không cho. Thị xã Cần Thơ không xa Sóc Trăng bao nhiêu, tôi lại có nhiều dịp đi công tác tới nơi này, tôi vẫn có ý định muốn tìm gặp gia đình chị Mùi cùng 2 cháu nhỏ nhưng không được, vì nơi này đã hoàn toàn mất an ninh. Tôi vĩnh viễn mất liên lạc với gia đình Mùi, người bạn thân thương đã một lần cùng chúng tôi đồng lao, cộng khổ tại một nơi mà ngày nay thực tình tôi không còn muốn trở lại: **Qui-Nhơn** ./.

CVA Phạm Văn Nhuệ

THÓI QUEN

CVA Nguyễn Thạch Lục

Ai cũng có thói quen. Có thói quen tốt và cũng có thói quen xấu. Thói quen là hành động liên tục được thực hiện mà chính người chủ động cũng không biết là mình làm. Những hành động này được lặp đi lặp lại nhiều lần tới một lúc không thể bỏ được nữa. Có người nói một hành động lặp đi lặp lại trong vòng một tháng sẽ trở thành thói quen. Người Việt chúng ta ăn nước mắm suốt đời. Nếu mà bị ép ăn hamburger thì ta sẽ bị đau khổ lắm. Cái thói quen này do cha mẹ chúng ta cho ăn từ khi biết ăn cơm nên đã thành thói quen lâu đời khó bỏ. Hồi năm 75 chạy qua Guam, lính Mỹ cung cấp nước mắm Phi cho dân tỵ nạn chúng ta ăn, chỉ cần một thời gian ngắn cái bàn bày nước mắm trông trơn vì nhiều người có bàn tay dính (sticky fingers).

Thói quen tốt: Các em nhỏ đang lớn nếu được cha mẹ tập cho có thói quen tốt như đi ngủ đúng giờ, làm home work sau khi tan trường về. Các em sẽ không làm chuyện khác, như coi TV hay chạy qua chơi với trẻ em hàng xóm. Con cái sang đây có thói quen nói tiếng Mỹ vì chung quanh ai cũng sử dụng tiếng Mỹ cả. Nhưng nếu ta ngăn chặn kịp thời bắt chúng nói tiếng Việt thì chúng sẽ nói và hiểu được rất nhiều. Lớn lên khó học, lưỡi cứng khó nói. Nếu không con cái sẽ nói tiếng Việt lai căng. Tôi có anh bạn lên tôi chơi, bà vợ gọi về nhà hỏi con: con đang làm gì đó? Cô con gái trả lời: Con đang

hút bụi-ing. Mỹ-Việt đề huề. Thói quen tốt nữa là sáng dậy các cháu phải làm giường trước, xếp quần áo gọn ghẽ trước khi đi học. Đồ chơi phải được xếp vào ngăn nắp như trước khi chơi. Thói quen tốt này sẽ theo các em suốt đời. Có nhiều người ra ngoài đường là ăn mặc chải chuốt, gọn ghẽ. Thói quen thắt dây seat belt rất tốt khi lái xe vì có thể sẽ save mạng sống của mình. Nhiều người có vẻ khó chịu khi bắt đầu nhưng sau một thời gian chúng ta sẽ quen và nếu quên thì giống như ta thiếu một cái gì.

1. **Thói quen xấu:** Một người bạn đầu được bạn bè mời hút thuốc chơi, không để ý tạt hút thuốc sẽ đem đến nhiều hậu quả tai hại cho mình. Lúc đầu có thể anh nghĩ là hút chơi đâu có sao! Hít khói thuốc vào rồi thổi ra có hại chi mà lại còn có vẻ oai là khác, giống như các tài tử đóng phim vào những năm 50,60. Nhưng sau đó một thời gian thì anh có thể bị ghiền khó bỏ. Rồi anh ta trôinên chain smoking và có thể bị bệnh cancer phổi có khi cả chục năm sau. Có nhiều người được bác sĩ khuyên nên bỏ hút thuốc nhưng chỉ dạ vâng cho qua chuyện về nhà vẫn tiếp tục. Khó bỏ một thói quen lâu ngày. Có nhiều người hể bắt đầu nói là chửi thề hai tiếng Đ.M. Mỹ cũng vậy. Có anh hay la và gất gồng vợ, con nhưng nếu hỏi anh sao cứ la lối hoài vậy thì anh trả lời anh có la hét gì đâu?

Hồi tôi ở trong quân đội, tôi biết có một anh bạn có một thói quen mà giờ này sau mấy chục năm xa anh tôi vẫn nhớ. Anh hay dùng ngón tay trở phải cạy mũi (pick his nose) rồi lấy tay búng cho cứt mũi rời khỏi ngón tay, có khi chẳng có gì anh đem ra được theo ngón tay nhưng anh cứ cho tay vào mũi. Và đôi khi anh rút ngón tay ra khỏi mũi xong anh chào bằng cách bắt tay. Thú thực là tôi không đưa tay tôi ra một cách mạnh dạn. Có cái may là anh bắt tay không chặt lắm và rất lỏng lẻo làm cảm thấy đỡ hơn.

Có người lên nói trước đám đông cứ à, ừ thì chỉ sau vài chục phút là khán thính giả chỉ chú ý đến à, ừ chứ không cần nghe diễn giả muốn nói gì.

Về vấn đề ăn uống, các cụ dạy ăn trông nòi, ngồi trông hương, hay liệu cơm gấp mồm. Ví dụ có người khi ăn cơm vì theo thói quen là bới đĩa đồ ăn lên chọn, bắt kê người chung quanh làm như gà bới tìm mồi. Nhiều lần tôi thấy có người gấp đồ ăn mà đĩa còn dính cơm, miếng thịt được gấp lên nhưng hạt cơm lại rơi xuống đĩa thịt. Ai sẽ gấp những miếng thịt còn dính cơm đó. Có người gấp đồ ăn lên rồi lại bỏ xuống. Tôi biết có một anh gần thành phố tôi ô. Anh ta nói ngày xưa học tại một trường Tây tại Dalat. Anh hay dùng đĩa để gấp đồ ăn dù đồ ăn bày trên đĩa hay là trong tô ví dụ như canh măng chẳng hạn. Anh không dùng cái muỗng lớn mà chủ nhà để sẵn trong tô để múc canh mà dùng đĩa để gấp và đôi khi anh còn lựa miếng này bỏ miếng kia. Trông không có vẻ đẹp chút nào cả. Một thói quen tai hại. Cách hay nhất là trôidầu đĩa khi gấp đồ ăn.

Có người sau khi đi tiêu cũng chẳng bao giờ rửa tay, rồi ra bắt tay người khác tình bơ. Có nhiều anh butcher không theo luật khi đi tiêu, đi cầu không rửa tay, ra thái thịt tiếp cho khách. Cách đây nhiều năm có tiệm Taco Bell, VA Beach, VA, người làm không rửa tay kỹ serve đồ ăn làm cho cả chục khách ăn bị Hepatitis.

Có một anh bạn trẻ mới đây về Vietnam thăm nhà. Từ ngày anh bạn qua Mỹ anh có được thói quen tốt là xếp hàng. Tới phi trường Tân sơn Nhất, anh ta cố gắng xếp hàng theo kiểu Mỹ. Nhưng anh bạn cứ đứng sau miết và không lên tới bàn tên cán bộ check out được và cuối cùng anh lên bàn tên cán bộ và hỏi sao các hành khách không chịu xếp hàng. Tên cán bộ phi trường bèn đáp: đây là Việt Nam rồi anh ơi không phải Mỹ nữa đâu. Anh bạn trẻ chào thua và cũng làm theo các hành khách khác là kẹp \$5.00 vào passport và cũng chen lẩn kiểu Vietnamese để ra khỏi phi trường càng sớm càng tốt.

Nhiều người VN qua Mỹ sống lâu năm nhưng về tới VN thì thói quen cũ lại sống lại để thành Việt nam hơn. Có cái thói quen rất xấu là giờ giấc mà nhiều người cho là tự nhiên. Mời ăn chẳng hạn.

Có thể ta mời khách đến ăn lúc 18:00 giờ chiều, thì có nhiều người đến lúc 19:00 giờ. Có người còn đến muộn hơn. Giờ này gọi là giờ cao-su. Thói quen này đã ăn sâu vào con người chúng ta.

Một thói quen xấu khác là lái xe tại Việt Nam. Những người Mỹ qua du lịch Việt nam thường nói: Lái xe ở Sài Gòn là nightmare. Xe đạp, xe gắn máy, cyclo tranh nhau chạy không có kỷ luật gì cả. Người Mỹ không hiểu là mỗi người Việt có một chức Thủ Tướng trong người khó bỏ, ai muốn làm gì cứ làm. Chia rẽ cũng là thói quen xấu và có ảnh hưởng xấu đối với tập thể và quốc gia.

Trên đây là vài thói quen thường thấy. Thói quen có thể bỏ được. Thói quen tốt thì mình giữ, thói quen xấu thì cố gắng bỏ. Muốn sửa lại thói xấu thì lại làm ngược lại nhiều lần những gì mình cho là xấu, một thời gian sau mình sẽ thấy kết quả.

CVA Nguyễn Thạch Lục

* * *

Bên Đồi Hiu-Quạnh

Tự truyện của CVA Nguyễn Gia Bình

Mên tặng Hai

Phần I

1. Thấm-thoát đã đến giỗ đầu người cô mà tôi hằng yêu thương như mẹ vào một ngày cuối tháng ba. Mùa xuân sang kém vui tươi vì phải ngay mấy hôm trở trời nóng hừng-hực, đến nỗi thoát chui vào xe người ta chỉ muốn cởi tuốt cả áo trong áo ngoài ra thôi. Chúng tôi cần chạy một mạch ba giờ đường để đến với các con cô cho kịp giờ cầu-nguyện. Con gấu của tôi vẫn mãi say-sưa làm ăn nên ít khi nhàn-tản bên tôi vào những dịp như vậy. Chuyến đi thiếu năng, tôi bèn nhân tiện kéo theo mấy tay anh em cho đám họp mặt thêm long-trọng vì họ-hàng gần cũng chẳng có mấy ai.

Tôi những tưởng như vẫn còn lấp-bấp nghẹn lời vĩnh-biệt hương-hồn cô tôi, bên tiếng gâm-gù của chiếc xe ủi lăm-lem đang quờ-quạng múa-may các động-tác cuối cùng. Đồi dài gánh-vác giang-san quên cả phần sơn đã đến lúc thông-dong trở về nơi thiên-cổ. Từng mảng, từng mảng đất lạnh thì nhau đổ xuống huyết sâu vùi nốt những bông hoa tiễn-đưa buồn... Suốt dọc đường tôi cố chống mắt tự nhắc-nhở rằng hiện đang có vài tính-mạng trong tay mình, để hết sức bình-sinh giữ cho xe khỏi chệch ra ngoài lane. Giọng trầm-ngâm của người lăng-tử Trần-Tiến từ đĩa CD cũ, chập-chờn hoà cùng tiếng xe êm êm và âm-thanh của gió quyen tôi chơi-vơi vào điệp-khúc mơ-mộng, “Đường nào diu tôi đi đến con say? Một lần nằm mơ tôi thấy tôi qua đồi ...” Tôi đã thả hồn phiêu-diêu về chốn nào rất xa-xăm cô-quạnh.

Hân-hoan tay bắt mặt mừng, mấy người em họ lôi thẳng chúng tôi vào phòng gia-đình dùng làm nơi thờ-phượng. Trông cô vẫn tươi-tinh như hôm xưa sau khung kính trang-nghiêm dựng đứng ở góc bàn thờ. Khách cùng chủ đăm-chiêu chia sẻ niềm vắn-vương man-mác, cảnh đấy nhưng người còn đâu nữa mà về! Tiếng khê thờ dài quanh-quất đầu đây như hoạ vào hợp-âm lăm-râm cầu cho bà an-lạc đời đời trên nước Chúa. Dưới hào-quang lung-linh của đôi nền trắng gô-ghê, thoáng lấp-lánh

một ánh mắt băng-khuàng ngược lên cao như mãi dờ theo điều gì ngoài cõi thật. Thêm giọt lệ nhoè vừa được kín-đáo thắm khô giữa vùng khói hương tan loãng...

2. Giây phút tưởng-niệm chóng qua, mọi người chậm-chạp rời chỗ ra ngoài hiên nhập tiệc. Nhạc trông những mâm cỗ thịnh-soạn bày-biện quá công-phu, tôi cảm-khái thấu hiểu lòng các em đã hướng về cô như thế nào. Đối-diện làn nắng xé vàng ươm của nửa ngày còn lại, lòng tôi bừng ấm sau vài ngậm bia khai-vị đậm-đà. Những giò lan diêm-dứa vây quanh thỉnh-thoảng đong-đưa theo cơn gió lay nhẹ-nhẹ.

Món cù-lao ngòn-ngộn như khêu như gợi tiết-tâm-linh đã đập ngay vào mắt thực-khách giữa ê-hề đồ ăn thức uống trên mỗi bàn. Đó là chiếc song inox có miệng loe rộng như cái khay hình vành khăn, trên đó bày la-liệt đủ thứ sống-sít thành một vòng không hở chỗ nào. Những con trai mũm-mĩm nằm gọn-lỏn trong nửa vỏ óng-ánh xà-cừ, xen lẫn lô mực tươi cắt khía ca-rô trắng ngần bon-chen choán hẳn một bề mặt cong cong. Vài thứ gì đó trông rất bắt mắt được lên vào cạnh bao nhiêu là viên thịt, viên cá bóng nhẫy. Rút cục bọn tôm bóc nõn đành lồm-còm đê nhau sát-rạt, ý chừng để nhường bót chỗ cho những nhát phi-lê xấu số còn rơm-rướm tiết hồng. Chưa kể đến đầy ắp các nụ nấm ngà ngà kèm mớ cải cúc non tơ xoắn-xuyt, cả lũ con mồi tội-nghiệp này dường như chỉ chực nhảy tồm vào giữa lòng song; hồng lặn-ngụp đến chết thì thoi trong bể nước súp thơm lừng đang sôi lên sùng-sục từng cơn. Sau khoảnh-khắc ân-cần mời-mọc, mọi đôi đũa lập-tức khai-triển đội-hình theo điệu luân-vũ tất-tưởi trong bóng hơi nước mờ mờ. Dáng người nhấp-nhôm, tiếng xì-xụp suýt-soa, những chai bia xô-xát lộc-cộc trên mặt bàn pha loãng tiếng cười nói lao-xao. Tất cả đang nhịp-nhàng hoà điệu. Và tất cả được chiếu-cổ hết sức tận-tinh ở bàn tiệc. Vào một lúc nào đó chợt có tiếng nhắc, “Hay chữa, từ đầu bữa đến giờ chả thấy ông anh động-đậy gì, sao bát đũa còn sạch như lau như ly thế này?” “Vâng”, tôi muốn đáp, “Thôi, xin đề cho khi khác. Mấy thứ nước nôi đưa cay với rượu sec có lẽ thú-vị hơn. Chứ bây giờ chơi bia cho đã, rồi lại húp đầy nước vào thì chỉ tổ óc-ách bụng, mất cả sương đi.”

3. Điều hay nhất trần-đời là đừng bị ép theo những gì thực lòng mình không tha-thiết, giống như đừng bắt nhau ăn một khi người ta không thấy thích. Nhiều năm về trước chúng tôi thí mạng xả-láng cuộc sống quèn của cả gia-đình chỉ vì khát-khao mỗi tiếng *tự-do* đang nung-nấu trong lòng. Song-le, quả đúng lời thầy bảo từ tám bé mà lâu ngày tôi quên khuấy đi mất, “*Quyền tự-do của mỗi con người bị giới-hạn bởi tự-do của kẻ khác.*” Kể từ khi hoà-nhập vào nền văn-hoá hờ một tí đậm đơn kiện như giờ đây, tôi đã thực-sự sáng mắt thêm về lẽ *công-bằng* cũ-kỹ nằm sờ-sờ bên hai chữ *tự-do* kia. Thế là tôi vẫn không đủ *tự-do* ung-dung bước ra khỏi đời của kẻ đang chung sống trừ một bản án toà, hoặc-giả vai chính như bà cô nhà mình vừa đóng xong năm ngoái.

Vì không dư-dả nhiều buồng tim dành cho tình yêu, hay là do bản-năng nặn sẵn từ mười ba *bà Mụ* mà phái yếu muôn thuở vị-kỷ trong tình-trường? Kể cũng khó trả lời. Nhưng tôi dễ-dàng nhận ra một nghịch-lý bất lợi cho đời trai qua cái biết nôm-na về *công-bằng*. Có điều gì hình như là độc-đoán. Phụ-nữ nghiêm-nhiên lấy làm *tự-do* như chỗ không người trong việc quặt chặt lấy kẻ phối-ngẫu làm sở-hữu riêng-tây. Máu *Hoạn-Thư* là kho vũ-khí vô-tận được hạ quyết-tâm đổ ra bất-kỳ lúc nào cần nắm quyền làm chủ... Thế thì quyền *tự-do yêu* trong lòng-dạ đối-tượng của họ để đi đâu?

“Lộn tiết không cơ chứ! Đâu phải bạ lúc nào cũng lấy nê quyền này, quyền kia để muốn hỏi gì thì hỏi vậy. Định dờ trở *tự-do* láo-toét ra trêu-người *chúng ông* ư?” Lời phân-bua lạnh như nước đá tiếp-tục vang vang, “...Tội gì để toi com nhà còn thêm bị chúng cười mũi hả? Cứ ù-ù-cạc-cạc, đực mặt ra nhìn cái thứ đàn ông luông-tuồng chờn-vờn với của lạ, là thế nào cũng có ngày trở mặt éch mà trừ. Đại lắm chỉ có chết. Rồi thì giấy đành-đạch ra đầy cũng đừng hòng người ta thí cho lấy nửa giọt nước mắt!”

4. “Hỡi người trong khung cửa, người có thấu cho chăng cái thể thượng-phong không-thể-nghĩ-bàn của kẻ ngoài chân mây?” Hỡi, tức là đương-nhiên được ngay cái lắc đầu rồi vậy... Ngày xưa ngày xưa, để trọng-thưởng cho công duy-trì sự có mặt của loài người dưới gầm trời, Hoá-công đã rộng-lòng nói-nang cho phía nam-tử thêm nhiều ngăn trong tim. Từ đó bậc mây-râu được thể một công đôi việc, thừa chỗ trải rộng tình cảm dạt-dào đồng-thời mặc-sức thực-hiện thiên-chức truyền giống. Kết-quả của sự thiên-vị phái-tính ấy đã được văn-minh nhân-loại trả lời một cách hiển-nhiên, qua hình ảnh bay-bướm của những kẻ đào-hoa sông lia-chia khắp mặt đất. Xuyên suốt chiều dài lịch-sử, thành-phần đùm-đề thê-thiếp hoặc ngát-ngư về khoản nhân-tình mọn kia có mặt nhan-nhãn trong bất-kỳ tầng-lớp nào của mọi xứ-sở.

Bài thuốc *Nhất-Dạ-Lục-Giao-Sinh-Ngũ-Tử* từ nước Nam ta, chỉ nghe suông đã có người muốn lòng ngay đến hiệu thuốc Bắc rồi. Bởi vì sao? -Nó phải kinh-hồn thể nào mới được tay chơi tôn lên ngôi thần-tượng chứ! Cầm lăm-lăm thang thuốc xa-xi vừa mới cắt về, người hiền-nội lật-đật nhét ngay tất cả vào bình rượu nhất để đem chôn âm-dương, sau đó đếm ngày đếm đêm, mong sớm lấy lên chuốc chén hầu tướng-công khuây-khoả vào các buổi nhọ mặt người. Toa thuốc xuất-xứ từ đời Minh-Mạng do mệnh quan thái-y dày công đặc-chế, qua bao thử-nghiệm bão-táp-mưa-sa thành-công trong chốn phòng the. Đức vua thân hình khô-vĩ, lại thêm rượu vào, tất-nhiên chỉ sợ chi-chít những nữ-nhân trong tam cung-lục viện còn chưa kịp hồi lại sức để qua ngày đội ơn mưa-móc của ngài. Đời vua cộng lại có hàng trăm hoàng-tử và công-chúa xinh-xắn chen vai chào đời. Kể gì đến người bạn ngày bé của tôi, là con một gia-đình buôn gạo xoàng mà số anh em cậu ấy cũng còn đếm không xuể nữa là. Bạn tôi có nhiều anh chị em sàn-sàn tuổi, đến nỗi lăm lúc tôi hết biết ai là anh chị và ai là em. Chẳng qua họ có cùng cha khác mẹ ở chung nhà. Các bác gái thì đông, lại mấn để nên bác nào bác nấy to ngang. Riêng bác trai không chừng dám bị đau gan do rượu thuốc hành, nên thấy người lầy ba-lầy bấy như thể hết hơi, chả ra làm sao với làm sao! Nếu không kể quân ba-que-xỏ-lá vát đi lẩn vào, thì hầu hết lớp người đa-tình kể trên được số đông trầm-lặng nơi nơi thâm-thì thán-phục hơn là lên mặt phê-phán dài-dòng.

Trong khi ấy dưới con mắt bảo-thủ, tình-duyên khác phái ở nữ-giới lại được coi là phải đạo một khi từ đầu đến đuôi, hoặc-giả vào mỗi lúc nào đó trong đời, người đàn bà chỉ kết với độc một người đàn ông mà thôi. Những mối duyên lẽ-tê trám vào các chỗ trống theo thứ-tự các cú ly-dị, hoặc lần-lượt cạp vào giữa những mảnh tình tan-nát như đời đào xi-nê-ma, được xem là hợp-hiến theo quan-niệm phổ-thông. Ngược lại, thường thời chỉ nghe nói ở những bộ-lạc bán-khai hoặc tuyệt-chủng mới có đông gái nhiều chồng đứng làm chủ gia-đình. Ngoài ra con số thực những vị vương-nữ điển-hình, khéo đa-đoan võ béo cả đàn con trai làm chất tươi sống cho lợn lòng trong chốn thâm-cung, cùng lăm cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay khi ta lần ngược trang ngoại-sử. Lại nữa, thân thuyền-quyên khát tình vương lụy với lăm *bạn trai* cùng một lúc, có chăng là hi-hữu nếu không phải là chuyện tào-lao.

Tôi vừa nghĩ vừa đoán rằng, chắc chỉ trừ có giới gái làng chơi, vì nghiệp-dĩ đáng thương đã làm chai-lỳ mọi thứ cảm-giác cho nên họ mới tồn-tại được đời này sang đời nọ. Còn như chút phận tình-si vừa lược qua, cơ-khổ, bị đào-thải khỏi giòng thời-gian cũng là đúng thôi mà! Giá-thử kẻ trong cuộc có thể phân-tâm say-mê không tha một tình-quân nào về mặt tình-cảm đi nữa, thì về chuyện giải-quyết sinh-lý hàng loạt, sức chịu-đựng của nàng hỏi chứ có qua mặt được giới-hạn của ông bà hay không? Người có là voi đâu. Khoái-lạc ban đầu cho là đạt được từ giao-hoan tập-thể, sớm muộn cũng dễ tàn-lụi thành cảm-giác đau-đớn bộ-phận trên thân-thể toi-bời-hoa-lá của người đàn bà đam-mê. Hậu-quả ấy có nhiều điểm tương-tự khi ướm vào thảm-trạng bẽ-hội-đồng. Thử xem, cứ dòn-dập tiếp-diễn cái điệu thoả-mãn xác thịt lòng trong khổ-hình chết người như thế, làm sao không khiến cho mầu đàn bà nặng phần nhục-dục trở nên hiếm-hoi truyền đời. Kịp đến khi nghe một anh bạn nghiêm sắc mặt nói như sách rằng, “Số lớn phụ-nữ đặt ba phần tư tình yêu trong tâm-hồn thuần-tuý; và số-dĩ họ

không quá-thể trong sinh-hoạt riêng-tư là bởi vì bẩm-sinh trong giòng máu không dòi-dào chất kích-thích dương như ở đàn ông,” tôi muốn tin ngay là thật.

Phần II

1. Có điều gì không hay-ho đây-đọa cả đời tôi. Sao tôi khổ thân vậy nhi! Rùng mình nhìn lại, tôi không may sinh ra đời dưới một vòm trời vô-cùng ảm-đạm. Cha mẹ vì nghèo-nàn kém học nên gia-đình bị thiên-hạ, thậm-chí ngay cả họ-mạc coi thường xa lánh. Những đứa con trở nên thiếu hẳn hiên-ngang giữa cõi người ta vì tự-ti mặc-cảm mọi bề. Suốt tuổi học-trò phải è cổ đỡ-đần việc nhà để người lớn rảnh tay kiếm sống, tôi chỉ còn biết thôi thì mỗi ngày cố-gắng được đến đâu hay đến đây với chút thì-giờ dành-dựm còn lại. May mà không đến nỗi đội sổ hoặc đùng bị cô giáo cốc túi-bụi lên đầu là đủ mừng rơn rồi. Cho đến ngày trưởng-thành tôi mới chợt linh-cảm được điều không ổn, nỗi đau-khổ thấp-hèn nẩy-nở tự bản-năng nhu-nhược không khéo có ngày làm thui-chột luôn đời mình.

Nhưng có sao xa xưa lại có cô con gái ngây-thơ vô-tội, dám to gan trao ngay cả phần hồn kèm nguyên tấm hình-hài cha sinh mẹ đẻ cho tên cả-quỳnh này dễ như không vậy? Trước nàng, tôi sống vui-sống khỏe, chả tội gì bận tâm tư-lự về những chuyện yêu-đương dí-dỏm mất thì-giờ. Tình yêu với tôi lúc ấy tóm gọn chỉ là những gì lôi-thôi không thực-tế. Thế rồi chúng tôi nên bề gia-thất, tự-nhiên như giòng nước đổ về xuôi...

Cô kia yếm trắng loà loà,

Lại đây đập đất trồng cà với anh.

Bao giờ chín cả cà xanh,

Anh cho một quả để dành mớm con.

(Ca-dao Việt)

Chẳng mấy chốc cuộc sống gia-đình bình-dị của chúng tôi thoảng qua quá nửa đời. Những đứa con yêu dần-dà lớn khôn, cháu lớn ra trường đã có chút công ăn-việc làm tạm gọi là mở mày-mở mặt. Vợ tôi biết thân chịu thương chịu khó, lại tảo-tần tập-tành làm ăn với người ta. Chút vốn-liếng chắt-chiu từ nàng thêm-thắt vào đôi tay *quẩy nước lã nên hồ* của tôi, đã sắm-sinh được tí-đỉnh cho mái ấm gia-đình gồm căn nhà tiện-nghi để ở, và cửa hiệu đủ to khả-dĩ một nàng đảm-đương lấy kế sinh-nhai.

2. Âm-nhạc luôn luôn tựa keo sơn thánh-thót nhỏ vào phần khác trong đời người. Đêm thâu ca hát cùng chúng bạn bên ánh lửa hướng-đạo bập-bùng đối với tôi là thời-gian quá-đổi thần tiên. Tôi làm-lũi lớn lên bên những tình-ca không rõ nghĩa của Trịnh-Công-Son. Phút chốc những lời lẽ nhẹ như thơ ấy nhập-tâm tôi thành nỗi trống-vắng mông-lung chả biết giải-thích sao cho vừa. Đôi lúc dường như tôi tìm được chút hạnh-phúc thoảng qua khi ôm cây guitar vào lòng nghêu-ngao cất tiếng một mình mình nghe. Nhạc-sĩ Phạm-Duy đã ngẫu-nhiên dắt tôi xích lại gần với Nguyễn-Tất-Nhiên hơn bao giờ, “*Năm xưa anh khờ-khờ. Em như con mèo khờ, đi ngang qua nhà thờ...*”

Năm xưa. Tôi không may-may vát-vả đã có liền tay người con gái hồn-nhiên sau buổi lễ về... Hỡi ơi, chân-dung đầu đời nay còn đâu! Thời-gian dần trôi, *Mèo khờ* của tôi đã biến-dạng thành *con gấu* từ lúc nào. Hạnh-phúc là rộng-tuếch. Khi sự chung đờng-chung hướng trong tâm-hồn kẻ thân-thiết bên mình chẳng bao giờ có thật, thì lẽ sống con người nào hơn bản-năng của loài sinh-vật ngu-ngơ? Buồn tênh. Trong tận cùng cảm-giác, tôi nay không còn gì để có.

Có ai nước cũng bằng bờ,

Không ai nước cũng cầm cơ mực này.

Năm năm, tháng tháng, ngày ngày,

Lần lần, lứa lứa, rày rày, mai mai.

Có ai ta cũng thế này,

Không ai ta cũng như ngày có ai

(Ca-đạo)

Nguyễn Gia-Bình - Xuân 2003

(Còn-tiếp. Xin đón coi trong Đặc San số tới)

* * *

* * *

VỀ NHỮNG ĐỔI THAY

CVA Đặng Gia Thoại

Hôm vừa qua trong một cuộc điện đàm với một người bạn định cư đã nhiều năm ở một nước Âu Châu, chưa từng có dịp đến Úc cũng như về Việt Nam hay sang Mỹ. Anh bạn này sau những câu thăm hỏi và trao đổi thường lệ với tôi đã đặt cho tôi một câu hỏi khiến cho tôi phải suy nghĩ mà không dám trả lời thẳng trên điện thoại cho anh, vì câu hỏi tuy ngắn ngủi nhưng nó bao quát và liên hệ đến nhiều lãnh vực mà tôi cho rằng khó có thể chỉ trong vài mươi phút ngắn ngủi có thể tìm ra câu giải đáp thỏa đáng cho bạn tôi.

Câu hỏi của bạn tôi như sau : "Anh cư ngụ đã ngoài hai thập kỷ ở Úc, anh thấy những thay đổi gì về xứ Úc và người Úc? So sánh với Mỹ và Việt Nam thì sao?"

Nước Úc một quốc gia "non trẻ" với lịch sử chỉ mới hơn 200 năm so sánh với các quốc gia khác tại Âu Châu và Á Châu thì quả thật là non trẻ, nhưng có một điều đáng nói là nước Úc thì non trẻ nhưng lục địa Úc thì lại quá già. Theo những phát hiện mới đây của các nhà khảo cổ thì lục địa Úc vốn từ vài triệu năm về trước là một phần của lục địa Á Châu tách ra đã có sự sống của loài người từ ít nhất là trên 40,000 năm, một khoảng thời gian dài gấp 200 lần tuổi của cái quốc gia "may mắn" nằm ở Nam bán cầu này.

Ngay từ khi mới lập quốc, tức là từ sau khi vùng đất này được tuyên bố là lãnh thổ thuộc địa của đế quốc Anh thì từ đó người Anh là sắc dân đầu tiên từ Âu Châu đến định cư và lập nghiệp ở lãnh thổ này. Dần dà với thời gian nhiều sắc dân khác đến và lập nghiệp ở vùng đất này. Từ nửa sau của thế kỷ chót của thiên kỷ vừa qua với sự suy thoái và dần dần chấm dứt của chính sách một nước Úc da trắng khiến bộ mặt của dân cư tại Úc đã thay đổi mạnh mẽ.

Chính sách nước Úc da trắng chính thức được ban hành năm 1947 với đòi hỏi bất cứ di dân nào đến từ Âu Châu phải viết và đọc được một đoạn văn bằng một ngôn ngữ ở Âu Châu. Chính sách này trên giấy tờ bị hủy bỏ vào năm 1959 nhưng trong thực tế nó vẫn tiềm tàng trong mọi hoạt động trên khắp nước Úc và chỉ thực sự chấm dứt vào năm 1973.

Từ một tỷ lệ đa số áp đảo trên 70% dân số gốc Anh tại Úc vào cuối thế kỷ thứ 19, nay chỉ còn dưới 38% và dân số gốc Âu Châu nói chung chỉ còn dưới 50%. Các sắc dân khác như da đen xuất xứ từ Phi Châu, Ấn Độ, da vàng xuất xứ từ Á Châu vốn là thành phần rất thiểu số trước kia nay đã tiến đến giai đoạn trở thành những cộng đồng sắc tộc có tiếng nói và ảnh hưởng mạnh mẽ tới chính tình ở Úc.

Một thống kê được phổ biến gần đây cho thấy tỷ lệ dân mới nhập cư trong vài năm gần đây có gốc Anh và Tân Tây Lan chỉ chiếm có 9%, trong khi đó những người có gốc Việt Nam chiếm đến 7.5% và gốc Ấn Độ chiếm 4.5%.

Về mặt nghề nghiệp thì một tỷ lệ đáng cho thấy rõ nét về những thay đổi trên đất Úc là 11.4% các di dân mới đến thuộc thành phần từng là Giám Đốc hay Quản trị Viên. 34% là những chuyên viên các ngành nghề khác, trong đó thành phần chuyên viên ngành điện toán chiếm con số cao nhất. Số còn lại thuộc rất nhiều ngành nghề khác.

Trước đây, ngoài quan điểm chỉ chấp nhận người di dân da trắng, nạn kỳ thị cũng rất phổ biến, ngay trong thành phần dân da trắng cũng có sự kỳ thị. Những nạn nhân đầu tiên của sự kỳ thị này là các di dân gốc Do Thái được giải thoát khỏi các trại tập trung của Đức Quốc Xã sau thế chiến thứ hai. Họ đến xứ Úc chỉ với bộ đồ tù sọc xanh và đen, trên cánh tay xăm những con số tù khi họ bị quân Đức lừa vào trại tập trung. Nhóm người này bị gọi là "bọn yếm" hay lịch sự hơn đôi chút gọi là "bọn Jew". Cuối thập niên 1950, khi công trình thủy điện lớn nhất của Úc được xây dựng ở Snowy River chính là lúc đợt di dân gốc Nam Âu như Ý và Hy Lạp đến Úc, tiếp đó là đợt các di dân gốc Đông Âu tỵ nạn Cộng Sản. Các nhóm di dân trên chịu chung sự kỳ thị khắc nghiệt của những người có quan niệm bảo thủ. Họ bị gọi là "bọn nông dân nhà quê"(chỉ các di dân gốc Hy Lạp và Ý) hay "bọn đỏ" (chỉ các di dân tỵ nạn công sản gốc Đông Âu). Một điều trớ trêu là chính bọn "nông dân nhà quê" và "bọn đỏ" đã là nguồn nhân lực chủ yếu để hoàn tất các công trình vĩ đại của Úc như đập thủy điện ở Snowy River và nhiều công trình khác. Người viết bài này vốn có một số khá nhiều bạn cùng làm một sở trước kia là gốc Hy Lạp và Ý; họ đã kể lại cho nghe kinh nghiệm đắng cay của họ khi cha mẹ họ và chính bản thân họ phải chịu đựng vào những ngày mới đến Úc như khi di chuyển trên xe Bus hay xe lửa là các phương tiện chuyên chở công cộng tại Úc, họ không bao giờ dám nói chuyện lớn tiếng, chỉ dám thầm thì với nhau để tránh cảnh bị các người Úc đã sống ở đây từ lâu "nguyt háy" thậm chí có thể bị nạt lớn vào mặt "shut up !" hay bị yêu cầu tài xế xe bus ngừng xe giữa đường và bị đuổi xuống ngang xương kèm theo lời mắng "ném mấy tên nhà quê ra khỏi xe cho khuất mắt !" Cuối thập niên 1970 khi có đợt nhận các người tỵ nạn Cộng Sản từ Đông Nam Á Châu thì những người mới đến này bị gọi là "bọn người kỳ quái" (weird mob) chỉ các người gốc Việt hay Lào hoặc Cambodia và "bọn chinh choong" chỉ những người gốc Hoa.

Những cảnh kỳ thị nói trên ngày càng dần dần biến mất, chưa kể là Chính Phủ Úc đã ban hành hẳn một đạo luật chống kỳ thị bao gồm cả các sự kỳ thị vì nguồn gốc sắc tộc, phái tính hay tín ngưỡng và ngôn ngữ.

Những thay đổi nói trên đã và đang ngày càng gia tăng, thậm chí trong một lần trả lời trong một cuộc phỏng vấn cho một tờ báo lớn ở Úc là tờ The Weekend Australian đương kim Thủ Tướng Úc, ông John Howard, đã cho rằng với đà tiến triển hiện nay thì trong một tương lai nào đó Thủ Tướng Úc có thể là một người Úc gốc Việt Nam. Nước Úc ngày nay là một tập hợp gồm 147 sắc dân đến từ khắp các châu Lục trên thế giới sống hài hòa trong tinh thần đa nguyên và đa văn hóa.

Đây là nhìn vào sự thay đổi về mặt kết cấu của các sắc dân hiện định cư trên đất Úc. Nếu nhìn vào lối sống ta cũng thấy khá nhiều sự đổi thay. Gần sáu thập kỷ trước đây, tức là sau đệ nhị thế chiến, khi nền kinh tế thế giới phát triển mạnh mẽ trở lại sau cuộc đại suy thoái của thập kỷ 1930, nhà nước

Úc khuyến khích dân chúng sinh con cái và đã tạo nên một thế hệ mà sau này người ta gọi là thế hệ "baby boom". Người dân Úc thời đó đa số muốn có từ 2 đứa con trở lên, do đó các ngôi nhà xây dựng vào thời đó bắt đầu vượt qua số hai phòng ngủ như trước đó. Cũng vào thời đó vì nhu cầu phát triển kỹ nghệ nặng khắp nơi trên thế giới người ta đua nhau đi tìm và khai thác quặng mỏ, nước Úc vào giai đoạn này đã tìm và khai thác được khá nhiều loại quặng mỏ cần thiết cho sự phát triển kỹ nghệ của Úc cũng như các nước khác trên thế giới. Sự kiện này dẫn đến cán cân thương mại của Úc trong đó phần xuất vượt trội phần nhập. Chính giai đoạn này vì nhu cầu phát triển đất nước và nhất là sau cuộc thế chiến thứ hai nhiều sắc dân ở Âu Châu bị ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh khiến trở nên khánh tận tài sản, đã đua nhau tìm đến định cư ở vùng Nam bán cầu này. Giai đoạn này chính là giai đoạn mà có người đã nói đùa là xứ này là xứ chỉ cần "đào đất" lên đem bán cũng có ăn.

Từ khi các nước Nhật, Đức, Ý phục hồi mạnh mẽ và dần dần trở nên các cường quốc về kinh tế thì ở Úc sự thay đổi về cách làm ăn cũng ngày càng rõ nét. Người ta đã từ bỏ quan niệm "cứ đào lên đem bán" là có ăn. Thái độ làm ăn cần cù, kỹ thuật quản lý cải tiến cùng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật đã khiến người ta có cái nhìn nặng về kỹ năng hơn sắc tộc. Người dân bất kể nguồn gốc đến từ đâu nếu có kỹ năng cao thì lập tức được chấp nhận. Hiện nay mặc dù theo luật lao động Úc số giờ bắt buộc của công nhân trong các công cũng như tư sở là 40 giờ/tuần, nhưng trong thực tế rất nhiều công ty đòi hỏi công nhân làm việc nhiều khi đến mức 60 giờ/tuần tuy có thể được lãnh lương cao hơn để bù vào sự "hy sinh" đó. Nhưng động lực khiến người công nhân Úc ngày nay chấp nhận làm việc cực nhọc hơn trước kia như thế không phải chỉ là đồng lương mà là vì bị ảnh hưởng chung bởi quan niệm đặt "hiệu năng" của công việc lên trên hết, hiện là quan niệm phổ quát trên toàn thế giới, khiến người công nhân Úc cũng không thể vượt ra ngoài cái khuôn khổ của cơ chế hiện áp đảo trong hoạt động kinh tế toàn cầu đó.

Cũng chính vì những đổi thay trong quan niệm làm việc nói trên khiến thái độ kỳ thị dân da màu của người Úc da trắng cũng ngày càng giảm đi mạnh mẽ theo thời gian. Hơn hai thập kỷ trước đây khi chính phủ Úc được lãnh đạo bởi một lãnh tụ có cái nhìn viễn kiến đầy thông minh và sáng suốt là ông Malcom Fraser Thủ lĩnh của đảng Tự Do thời đó, ông cũng là người chỉ trong gần một thập niên cầm quyền đã mở rộng cửa để đón nhận hơn 100,000 người dân gốc Đông Nam Á, trong đó đa số là dân Việt Nam đến định cư ở Úc sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975 ở Việt Nam. Người Á Châu và nhất là người Việt Nam rất nổi tiếng là sắc dân cần cù chăm chỉ, học sinh Việt là loại đặc biệt thường được cha mẹ vừa khuyến khích, động viên mạnh mẽ và cả hy sinh mọi hưởng thụ riêng tư để đầu tư cho con cái trong tương lai đã có lúc khiến vài giới chức gốc da trắng la lớn lên là nếu cứ cái đà hiện nay tiếp tục thì chả mấy chốc các đại học Úc sẽ là các đại học của những người "đầu đen". Một phong trào chính do người Việt mở ra và phát triển trong cộng đồng Việt Nam tại Úc là phong trào mở "lớp dạy kèm" cho học sinh bậc trung học đã lan rộng thành phổ thông ở mọi sắc tộc. Thoạt kỳ thủy do suy nghĩ rằng trẻ em Việt Nam vốn không có tiếng nói mẹ đẻ là tiếng Anh, nên sẽ học chậm hơn trẻ em có nguồn gốc tiếng mẹ đẻ là tiếng Anh khiến các bậc cha mẹ Việt Nam đi tìm thầy dạy kèm cho con mình. Dần dà để tranh thắng với trẻ em da trắng khi nghĩ rằng con em mình vốn bị kỳ thị vì màu da nên nếu cùng đi xin một công việc mà khả năng chỉ tương đương với trẻ em da trắng thì sẽ không bao giờ cạnh tranh được với trẻ da trắng nên đã khuyến khích con em mình không những học thêm Anh ngữ mà còn cả về các môn học khác nhất là Toán, Lý, Hóa để có thể đạt thành tích vượt trội hơn trẻ em da trắng. Kết quả là nhờ được học thêm nhiều môn học và cộng thêm bản chất vốn chăm chỉ, học sinh Việt Nam nói riêng và Á Châu nói chung trở nên thành phần áp đảo ở khắp các Đại Học Úc. Bất cứ ai đến Úc chỉ cần mở bất cứ tờ báo Việt ngữ nào ra cũng có thể tìm thấy ngay hàng chục quảng cáo của các trung tâm dạy kèm dành cho các học sinh trung, tiểu học ở khắp mọi nơi trên đất Úc, những nơi có nhiều người Việt cư ngụ. Hiện tượng học thêm ở các lớp dạy kèm này ngày xưa ở Miền Nam Việt Nam gọi là học các "cua pác" (do chữ cours particuliaire của tiếng Pháp) trở nên rất quen thuộc ở Úc ngày nay. Hiện tượng này lan dần sang cộng đồng gốc Hoa rồi các sắc dân khác. Hiện nay ngay cả các dân da trắng cũng bắt đầu khuyến khích con em mình tham dự các lớp dạy kèm của người Việt và Úc.

Nhắc đến chuyện học kèm một khuôn mặt và tên tuổi khá nổi bật trên toàn nước Úc phải nhắc đến là David Phú An Chiêm, anh này là người Úc gốc Việt, quê quán ở Rạch Giá, tốt nghiệp về ngành đạo diễn điện ảnh, từng làm phụ tá đạo diễn cho phim Ba mùa (three season) và có tác phẩm văn

chương viết bằng Anh ngữ xuất bản tại Úc (cuốn "Only the Heart", viết chung với Brian Caswell) , anh chỉ mới nhẩy vào hoạt động dạy kèm chừng dăm năm trở lại đây, nhưng tên tuổi anh trở nên khá quen thuộc trong cộng đồng Việt Nam trên toàn nước Úc, lý do là anh đã cùng một số bạn Úc "phát minh" ra một phương pháp học đặt tên là ALW (Accelerated Learning Worldwide) khiến học sinh nào học theo lối của anh sẽ tăng cường trí nhớ lên đến mức 100%, rút ngắn thời gian phải học và nhớ bài giảng ở nhà trường lên đến mức 40%. Học sinh muốn theo học một khóa với nhóm của anh thường phải trả một lệ phí lên đến vài ngàn Dollars cho một khóa học kéo dài trong gần 20 tuần lễ. Thế mà các bậc phụ huynh của học sinh Việt Nam vẫn vui vẻ đài thọ cho con cái của mình. Chỉ trong một thời gian chưa đầy 5 năm số học sinh theo học các khóa học do anh mở ra đã vượt qua con số 60,000 trên khắp lãnh thổ Úc. Thoạt kỳ thủy chỉ có học sinh gốc Á Châu tìm đến học với anh nhưng nay thì đủ mọi sắc dân đều thấy hiện diện trong các khóa học do nhóm của anh mở ra. Phải chăng đây cũng là một thay đổi khá nổi bật trong sinh hoạt của nước Úc ?

Nghề làm thầy giáo ở Úc trước đây vốn là nghề không hấp dẫn nổi các cô cậu "Tú" đậu cao chọn theo học, nay bắt đầu trở thành "có giá" vì ngoài hoạt động chính thức trong trường, họ còn có cơ hội dễ dàng kiếm "second income" do việc mở các lớp dạy kèm cho học sinh mà các bậc cha mẹ hiện đang khuyến khích con cái mình theo đuổi. Các sinh viên Việt Nam hiện học tại các đại học Úc có một nghề tay trái để giúp họ dễ dàng trang trải phí tổn học hành hiện ngày càng gia tăng là nghề dạy kèm học sinh tại gia hoặc mở lớp dạy kèm loại "mini" (tức là lớp chỉ dạy chừng dưới 10 học sinh mà thôi).

Giới trẻ Việt Nam ngày nay hiện diện trong hầu hết mọi ngành nghề của nước Úc, nhiều khuôn mặt trẻ còn thấy xuất hiện cả trên chính trường Úc như những bộ mặt sáng giá của các đảng phái chính trị của Úc. Chính điều này đã khiến vị đương kim Thủ Tướng nghĩ rằng trong một tương lai nào đó Thủ Tướng Úc có thể là một người Úc gốc Việt.

Nhìn vào các lãnh vực khác như thể thao chẳng hạn, người Úc vốn nổi tiếng là "khùng" vì thể thao. Thật vậy dân Úc mê thể thao đến độ "điên cuồng" như "khùng", họ có thể bỏ qua bất cứ hoạt động thường ngày nào nhưng thường khó bỏ qua dịp được dự khán một cuộc tranh tài giữa hai đội banh bộ dục đại diện hai Tiểu bang vào chung kết hoặc các trận chung kết các giải vô địch Úc hoặc liên quốc. Vào dịp có các trận chung kết loại này người dân Úc có người đã phải mang "nóp" đến ngủ ngay ở gần phòng bán vé vào cửa từ đêm hôm trước để "chắc ăn" là sẽ mua được vé vào cửa ngày hôm sau khi phòng vé vừa mở cửa bán vé cho công chúng. Một thí dụ khác khá nổi bật mà ai đến Úc cũng có thể nhận thấy là hàng năm vào tháng mười dương lịch có cuộc đua ngựa tại thành phố Melbourne, Thủ phủ của Bang Victoria, ngày đó là một ngày nghỉ lễ chính thức của Tiểu bang, đồng thời vào giờ mà cuộc đua của giải Melbourne Cup thì từ Thủ Tướng tới bất cứ người dân thường nào cũng ngưng công việc của mình để nhìn vào màn ảnh nhỏ của máy truyền hình mà theo dõi cuộc đua ngựa này, hầu như trên 50% dân Úc có tham gia đánh "cá" độ đua ngựa này trên khắp nước Úc. Vào giờ đó tất cả các hệ thống truyền hình Úc đều có trực tiếp truyền hình về độ đua ngựa đó. Ngày xưa khoảng hơn nửa thế kỷ trước khi giải Melbourne Cup mới mở ra thì máy truyền hình chưa phổ biến như ngày nay, cuộc đua chỉ được tường thuật trên báo chí và trên đài phát thanh. Nay với sự phát triển của ngành truyền thông giải đua ngựa này không những là giải mang tính cách "quốc gia" mà hiện nay nó còn trở thành giải quốc tế vì sự tham dự của ngựa đua của nhiều nước trên thế giới như Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, Tân Tây Lan v.v..

Về mặt bang giao quốc tế từ khi khối Cộng Sản sụp đổ quan điểm toàn cầu hóa trở nên phổ biến thì nước Úc càng ngày càng tham dự nhiều hơn vào các sinh hoạt chung với các nước khác, như vụ Đông Timor, vụ đánh "khùng bó" ở Afghanistan, trận chiến vùng vịnh (Ba Tư) đánh Saddam Hussein v.v..Úc cũng là một sáng lập viên của cơ chế hợp tác kinh tế vùng Thái Bình Dương. Liên hệ kinh tế của Úc ngày càng nhiều với Á Châu thay vì trước kia gần như chỉ biết đến Âu Châu và Mỹ Châu.

Nhìn sang Mỹ quốc, một đại cường từ Thế chiến thứ Nhất, chưa từng "bại trận" bao giờ đã có khá nhiều thay đổi sau trận "thua" nhục nhã ở Việt Nam. Ngày nay nước Mỹ trong thế đơn cực đã không những phải lo cho chính bản thân mà còn mặc nhiên phải gánh vai trò lãnh đạo toàn thế giới

nhất là từ khi khôi Cộng Sản sụp đổ và cuộc chiến tranh lạnh giữa Nga Mỹ chấm dứt. Người Mỹ và nhất là nước Mỹ trở thành mẫu mực nhưng cũng là mục tiêu cho các cuộc chống đối và đả kích từ khắp nơi trên thế giới. Vấn đề tự do của con người tuy vốn được ghi rõ trong Hiến Pháp nhưng trong thực tế ảnh hưởng của tôn giáo nhất là Ca Tô giáo (nói đúng hơn là các tôn giáo thờ Chúa Trời) gần như bao trùm toàn thể mọi hoạt động trong nước. Ngày nay tuy Tổng Thống Mỹ vẫn để tay lên cuốn thánh kinh thế khi nhậm chức nhưng thực tế cho thấy chính sách của nước Mỹ chẳng "ăn nhậu" gì đến các giáo hội thờ Chúa trời như xưa nữa mà rõ ràng là người ta chỉ nhắm tới việc kiếm tìm hạnh phúc cho chính người dân của nước Mỹ chứ không để ý đến khía cạnh hạnh phúc đó có phù hợp với quan điểm của "hội thánh" hay "giáo hội" hay không.

Nhìn về Việt Nam sự thay đổi rõ nét nhất trước đây chừng ba thập kỷ là sự xây dựng "con người xã hội chủ nghĩa" một kiểu mẫu mà nhà cầm quyền ở Việt Nam và các nước Cộng sản đề cao và theo đuổi. Dù họ định nghĩa con người xã hội chủ nghĩa của họ như thế nào trong thực tế người ta đã thấy tư tưởng chủ yếu luôn chi phối và hướng dẫn con người "xã hội chủ nghĩa" đó, là chỉ cần đạt mục đích, bất kể đến phương tiện theo đuổi. Chính vì chủ trương như vậy người công sản Việt Nam không bao giờ cảm thấy xấu hổ khi phải lừa bịp người khác hay dùng những biện pháp thực hành dã man để đạt mục đích mong muốn. Từ người lãnh đạo cho đến anh quét đường tình nghĩa gia đình, tình yêu tổ quốc, cái căn bản cốt lõi mà tổ tiên người Việt xưa kia đã đề cao và dùng làm nền tảng xây dựng cho sự bền vững của xứ sở trên 4,000 năm, đã bị coi rẻ và không để ý đến nữa, bị gạt hẳn sang bên lề. Họ cho là cản trở cho công cuộc xây dựng xã hội kiểu "xã hội chủ nghĩa" của họ. Thực tế đã chứng minh cho họ thấy là họ sai lầm, đã đưa đẩy dân tộc chìm đắm trong nghèo nàn và lạc hậu. Hai thập kỷ trước đây miệng tuy vẫn nói là duy trì đường lối cũ nhưng "đổi mới" theo cơ chế thị trường. Họ đã phải thay đổi! Nước Việt Nam ngày nay phải gọi là một quốc gia cộng sản nhưng không giống cộng sản một chút nào hết. Một thứ cộng không ra cộng mà trừ cũng không ra trừ. Nhưng từ ngày "đổi mới", rõ ràng là người dân dễ thở và có cuộc sống ra vẻ đáng "sống" hơn trước thấy rõ. Những thay đổi này chắc chắn chưa thể ngừng, nó sẽ còn nhiều nữa nhất là với hành vi nhà cầm quyền Việt Nam vừa cắt đất, cắt biển dâng cho kẻ thù truyền kiếp của dân tộc là Trung Hoa. Sự thay đổi ở Việt Nam thế tất sẽ chuyển biến theo một đà mạnh mẽ và đôi hướng nhiều hơn nữa mà chúng ta có thể sẽ thấy xuất hiện trong nay mai, nhất là nếu Việt Nam được gia nhập WTO (tổ chức thương mại thế giới) vào vài năm tới đây thì dù muốn dù không hệ thống luật pháp phải thay đổi cho thích hợp, quan niệm tự do kinh doanh sẽ dẫn đến tự do tư tưởng và chính trị cùng với các quyền tự do căn bản khác. Sự cáo chung của phong trào cộng sản thế giới tuy tan rã gần hết trước đây hai thập niên có thể sẽ thực sự chấm dứt trong những năm sắp tới. Có lẽ chúng ta cần chờ xem sự việc sẽ diễn ra như thế nào trong những ngày tới để có thể thấy một bộ mặt mới cho Việt Nam trong thiên kỷ thứ ba này.

Như trên tôi đã trình bày những thay đổi chính yếu ở Úc nhưng chỉ phác qua những thay đổi rõ nét nhất ở Mỹ và Việt Nam vì tôi nghĩ rằng làm một cuộc so sánh e rằng vượt quá khả năng tầm thường của một cá nhân do thế tôi chỉ dám lướt qua như vậy và xin dành sự so sánh cho người đọc và tùy theo quan điểm của mỗi người có thể có cái nhìn khác biệt trong từng lãnh vực.

CVA Đặng Gia Thoại

* * *

SAU CUỘC CHIẾN

Cao My Nhân

Anh về rũ áo từ quan

Ao đầu mà rũ, quan quần trái tim

Chín năm còn lại tia nhìn

Không trăn trối, chẳng ân đền oán mang.

*Thương em tung vạt cờ vàng
Phủ vai anh nổi bành hoàng ngấn ngọc
Hai mươi năm vẫn mộng mơ
Em ơi quan quách, áo chờ người may.
Này đây: ngang dọc thế này
Sắc màu vô ngã, hồn bay lạc loài
Nhưng y đã ủ thân dài
Đôi tà võ phục cứ hoài so le.
Ao anh sứt chỉ đăm mê
Tua vai túi ngực, ê chề buồn tênh
Đồi hoang, gió hú biên đình
Giờ đây bó gối lặng thinh quê người.
Đang khi tham chiến bên trời
Kiếm cung chưa mỗi một người sắt son
Sầu ai lấp biển san non
Cũng không vui được sầu chôn anh hùng
Thôi em bỏ lại sau lưng
Quan xưa, áo cũ đã từng dọc ngang
Nhưng, xin duy vạt cờ vàng
Liệt hồn chiến sĩ dờ dang cho người.*

* * *

Đời quân ngũ

CVA Phạm Nguyên Khôi

Thật ra, đời quân ngũ của tôi chẳng có gì đáng nói nếu so sánh với các chiến sĩ anh hùng thuộc các binh chủng Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, v.v. Tuy nhiên, vì chủ đề của Đặc San CVA năm nay là “Một thời chinh chiến”, do đó, tôi xin đóng góp một bài viết về đời quân ngũ của tôi.

Câu chuyện về đời quân ngũ của tôi, tính ra cũng đã hơn ba thập niên. Vì thời gian đã quá lâu nên có thể có những chi tiết không được chính xác. Những gì còn nhớ được, tôi xin ghi lại sau đây:

Năm 20 tuổi, tôi bị động viên vào khóa 5/69 Thủ Đức. Khi trình diện ở Trung Tâm 3 Tuyển Mộ và Nhập Ngũ, thấy Hải Quân có thông cáo cần tuyển Sĩ Quan có văn bằng Tú tài 2 nên tôi xin ghi danh.

Sau khi thụ huấn 3 tháng ở Trung Tâm huấn luyện Quang Trung, tôi được chuyển qua thụ huấn tiếp 6 tháng ở trường Bộ Binh Thủ Đức. Ra trường ngày 11/4/1970 với cấp bậc Chuẩn Úy, tôi và hai sĩ quan nữa là Chuẩn úy Tuất và Chuẩn Úy Tường được chuyển về Giang Đoàn 70 Thủy Bộ, lúc đó đang đóng ở căn cứ Hải Quân Đồng Tâm, Định Tường.

Chỉ huy trưởng Giang Đoàn lúc đó là Hải Quân Thiếu tá Nguyễn Như Phú, xuất thân khóa 16 Đà Lạt và là khóa 13 Hải Quân Nha Trang. Chỉ Huy Phó là Đại úy Trần Đình Liệu, khóa 11 Hải Quân Nha Trang. Sĩ Quan Cơ Khí là Trung úy Ngãi, khóa 17 Nha Trang. Sĩ Quan Hậu Cú là Thiếu úy Đàm khóa 18 Nha Trang. Chỉ Huy Trưởng Liên Giang Đoàn là Trung Tá Học và Chỉ Huy Phó là Đại úy Nguyễn An Cường, khóa 14 Nha Trang.

Tháng 5/1970, Giang Đoàn 70 Thủy Bộ được lệnh hành quân qua Cam Bốt và tạm đóng tại Neak Luong. Giang Đoàn có nhiệm vụ yểm trợ các đơn vị Bộ Binh trên bờ, bảo vệ an ninh, và tuần tiễu trên sông từ Banam đến biên giới Việt Miên. Thịnh thoảng, chúng tôi có những công tác lên Nam Vang, hoặc xuống Tân Châu, Hồng Ngự, Châu Đốc, v.v.

Trong thời gian đầu tiên qua Cam Bốt, mỗi ngày, tôi thấy khoảng vài xác người trôi sông. Phần lớn là những nạn nhân người Việt bị cáp duồn quăng xác xuống sông. Có nạn nhân bị chặt mất đầu, cũng có nạn nhân chỉ còn thân mình mà thôi, mất đầu, hai tay và hai chân. Có nhiều nạn nhân trôi trên sông mà bụng vẫn còn có một khúc cây xuyên qua, có khi xuyên ngang, có khi xuyên dọc. Rõ ràng, hung thủ là những kẻ sát nhân cực kỳ hung ác, đã hành quyết những nạn nhân vô tội người Việt này một cách thảm khốc.

Bỏ qua hình ảnh dã man về những nạn nhân người Việt bị cáp duồn giết thả trôi sông, tôi thấy cảnh vật và đời sống những cư dân sinh sống dọc theo bên bờ sông Cửu Long thật hiền hòa. Có rất nhiều người Việt sinh sống dọc theo hai bên bờ sông hoặc trên những cồn, những cù lao trên sông. Nhiều lần, tôi đã lên bờ tiếp xúc nói chuyện bằng tiếng Việt với dân chúng địa phương. Họ thật thà, chất phác, tiếp đón nói chuyện với chúng tôi một cách vui vẻ và niềm nở. Khung cảnh thật thanh bình và không có dấu hiệu gì là chiến tranh ở những nơi thôn quê, làng mạc hẻo lánh này.

Thật là làm to khi nhìn thấy khung cảnh êm đềm đó mà nghĩ rằng nơi đây đang có thanh bình. Nhiều lần, có những tàu buôn và tàu hộ tống Việt Nam bị đại bác 57 hoặc 75 ly trong bờ bắn ra. Điều này chứng tỏ tình trạng mất an ninh trên thủy trình đi Nam Vang. May mắn thay, Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam đã tấn công, đột nhập sào huyệt VC, tịch thu một số súng nặng nên tình trạng an ninh thủy lộ đã được cải thiện. Vì sông Cửu Long rộng mênh mông, cho nên bị mất súng lớn, những súng nhỏ của du kích VC chẳng làm được gì được với những tàu đi giữa sông.

Mấy tháng sau, Giang Đoàn 70 được lệnh tham dự hành quân lớn, hợp cùng với 3 giang đoàn bạn chở một số binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Động Quân đánh vào Takeo. Bên phía Hải Quân không có đụng độ trực tiếp với Việt Cộng vì Giang đoàn nằm án ngữ mặt sông, tuy nhiên trên bộ, Thủy Quân Lục Chiến đụng lớn, thắng trận vẻ vang.

Trong khoảng thời gian 6 tháng hành quân bên Cam Bốt, Giang Đoàn bị thiệt hại mất hai quân nhân: Một Thủy Thủ bị Việt Cộng bắt mất tích và một thủy thủ khác tên là Hùng bị thiệt mạng vì bị Đạc Công Việt Cộng gài mìn làm tàu chìm. Chỉ Huy Trưởng chỉ thị cho tôi đưa xác anh Hùng từ bên Cam Bốt về nhà cha mẹ anh ta ở xã Ngọc Hội, ngoại ô thị xã Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hòa. Qua bao khó khăn và trở ngại, cuối cùng tôi cũng đã đưa được xác anh Hùng về nơi quê quán. Tôi đã đau lòng nhìn cảnh cha mẹ và thân nhân anh Hùng khóc thương cho người thân đã vĩnh viễn ra đi. Tôi đã ở lại thêm mấy ngày, tham dự lễ cầu hồn và đám táng anh ta theo nghi lễ Công Giáo, sau đó tôi mới trở về đơn vị.

Khoảng cuối năm 1970, Giang Đoàn 70 được lệnh rút về nước. Trở về Việt Nam, Giang đoàn 70 cùng với 71 đóng ở hậu cứ mới tại căn cứ Hải Quân Kiên An ở Xẻo Rô, thuộc quận Kiên An. Căn cứ được một Đại Đội Địa Phương Quân nằm vòng ngoài bảo vệ.

Tôi cũng xin nói thêm về địa hình, địa vật ở đây: Căn cứ Hải Quân Kiên An nằm trên ngã ba sông Cái Lớn và kinh Cán Gáo. Từ căn cứ Hải Quân tới biển khoảng một chục cây số. Bên kia sông Cái Lớn là Tắc Cậu. Đi thêm vài cây số là Minh Lương. Tiếp tục đi thêm nữa là ra quận Rạch Sỏi. Tiếp tục đi thêm khoảng 6, 7 cây số nữa là tới thị xã Rạch Giá, thuộc tỉnh Kiên Giang. Từ căn cứ Hải Quân Kiên An đi sâu vào trong, đầu tiên bên trái là quận Kiên An ở kinh 3, sau đó là quận Hiếu Lễ ở kinh 12 (Quận Hiếu Lễ đã bị Việt Cộng chiếm từ lâu). Đi sâu vào trong nữa là Thới Bình, sau đó là Cà Mau. Từ Cà Mau, theo kinh Bảy Hạp đi về phía nam sẽ tới Căn Cứ Hải Quân Năm Căn.

Hồi Giang Đoàn mới di chuyển về Kiên An, căn cứ thường bị Việt Cộng pháo kích bằng súng cối. Nhờ Địa Phương Quân bung ra hoạt động nên Việt Cộng mới im họng súng. Căn cứ cũng rất gần U Minh Thượng, nơi đây nổi tiếng có nhiều muỗi và nhiều Việt Cộng hoạt động.

Có một lần, căn cứ Hải Quân Kiên An bị Việt Cộng tấn công. Vài cán binh Cộng sản bị bắn hạ khi đã lọt vào tới cột cờ trong căn cứ. Tuy nhiên, Việt Cộng đã bị đẩy lui vì sự kháng cự mãnh liệt của các quân nhân đồn trú ở đây. Trước khi tháo lui, Việt Cộng đã xử tử một số viên chức xã ấp cư ngụ ngoài căn cứ. Vài thường dân cũng bị giết chết chỉ vì tội giao dịch cộng tác với Hải Quân.

Giang Đoàn thường ngày vẫn tuần tiễu trên các sông, kinh, rạch trong vùng và thỉnh thoảng nhận được lệnh chở Địa Phương Quân đi tảo thanh Việt Cộng. Thông thường chỉ có đặng độ lẻ tẻ. Vì quận Hiếu Lễ vẫn còn nằm trong vùng kiểm soát của Việt Cộng nên 2 Giang Đoàn 70 và 71 đã được lệnh hành quân phối hợp với 1 trung đoàn của Sư Đoàn 21 để hành quân giải tỏa, tái chiếm lại quận lỵ hẻo lánh này. Trên danh nghĩa, Hiếu Lễ là một quận lỵ nhưng trên thực tế, quận lỵ Hiếu Lễ nghèo nàn, dân cư thưa thớt, nhỏ chỉ bằng một xã. Lúc hai Giang Đoàn chở bộ binh của sư đoàn 21 vào vùng hành quân, dân chúng sợ hãi giao tranh nên ồ ạt chèo xuồng di tản về phía phe Quốc Gia lánh nạn.

Khi gần vào tới quận Hiếu Lễ, tôi thấy cờ Mặt Trận Giải Phóng treo đầy dọc theo bờ kinh. Nằm về phía tay phải, tôi thấy có một nghĩa trang Việt Cộng, trông rất sơ sài, trong đó những ngôi mộ, cỏ đã mọc um tùm, xanh rì. Bên trái nghĩa trang có một tấm biển “Sống Vinh Quang”, bên phải có một tấm biển “Chết Vĩ Đại”.

Vì VC đã rút lui nên Trung Đoàn bộ binh của Sư Đoàn 21 đã tái chiếm quận lỵ Hiếu Lễ một cách dễ dàng. Bộ Binh đóng trên bờ, còn trên mặt kinh Cán Gáo là hai Giang Đoàn Hải Quân nằm án ngữ. Trong những ngày đầu tiên, tình hình có vẻ yên tĩnh vì Việt Cộng cố tình tránh né giao tranh với chúng tôi. Tuy nhiên, đến tối ngày thứ năm, Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn cho biết là Việt Cộng đã tập trung được một lực lượng đông đảo và có thể VC sẽ tấn công chúng tôi trong đêm. Chúng tôi được lệnh đề cao, cảnh giác. Nhiều tiếng đại bác của phe ta từ nơi đóng quân bắn đi, có lẽ để bắn quấy rối địch quân.

Vào khoảng nửa khuya, địch bắt đầu khởi sự tấn công. Bất thành linh, chiến đình mà tôi đang chỉ huy bị trúng một trái B40 nhưng không hề gì. Lý do là chung quanh tàu có một lớp foam cùng với hàng rào sắt chống B40 bao bọc. Cùng lúc đó, tôi nghe thấy địch bắn đủ loại súng lớn nhỏ vào đoàn tàu của Giang Đoàn đang nằm án ngữ trên kinh. Tôi vội vàng cầm máy truyền tin liên lạc với Chỉ Huy Trưởng và liên lạc với mấy chiếc tàu trách nhiệm của tôi. Chỉ Huy Trưởng ra lệnh phản công. Trong đêm tối không nhìn rõ địch quân nên thấy chỗ nào nháng lửa lên bắn về phía chúng tôi là chúng tôi dùng đại liên 50 và đại bác 20 ly quạt trả lại. Trận chiến tiếp tục đến khoảng 4 giờ sáng, lúc đó có máy bay của không quân Việt Nam tới yểm trợ và tới gần sáng, địch rút lui.

Trong lúc giao tranh, tàu của tôi bị trúng thêm vài trái B40 nữa. Tôi bị thương nhẹ nơi cánh tay và đùi vì bị miếng B40 tạt vào. Trục thẳng tải thương đưa tôi về Bệnh viện Cà Mau. Trong trận này, tôi được ân thưởng Chiến thương bội tinh và Anh Dũng Bội Tinh ngôi sao đồng.

Việt Cộng hoàn toàn thất bại trong âm mưu tái chiếm lại quận lỵ Hiếu Lễ, để lại 56 xác chết không kịp mang đi. Bên phía ta, có 19 quân nhân thuộc Sư Đoàn 21 tử thương. Phía Hải Quân chết 1 người, bị thương khoảng hơn chục người. Trong trận này, tôi rất cảm phục Đại Úy Nguyễn An Cường đã chiến đấu rất gan lỳ, hăng say đến nỗi người lính tiếp đạn bị tử thương mà hồi lâu sau, Đại úy Cường mới hay biết.

Sau đó, Thiếu tá Phú được chuyển về tàu biển, Đại Úy Dương Duy Thuần khóa 13 Hải Quân Nha Trang lên thay. Trong một trận đụng độ với VC, Đại Úy Thuần bị một mảnh đạn B40 xuyên qua má làm hư hại hàm răng.

Trong những trận đụng độ kế tiếp, Giang Đoàn có thêm vài người nữa bị tử thương, trong đó có Chuẩn Úy Thắng. Chuẩn Úy Thắng là con trai độc nhất của ông bà Chủ Nhiệm một tờ báo lớn ở Sài Gòn lúc bấy giờ, hình như là Thời Báo (?). Tuy nhiên, Chuẩn úy Thắng vẫn phải nhập ngũ vì cha mẹ chưa trên 60 tuổi. Tôi được lệnh đưa xác Chuẩn Úy Thắng về Sài Gòn, quàng tại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa. Do sự tình cờ, trong lúc đó, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và phái đoàn ghé thăm Nghĩa Trang, Tổng Thống có tặng cho gia đình mỗi tử sĩ đang quàng xác tại đây 5 ngàn đồng Việt Nam.

Có anh Trần Ngọc Diệp, xuất thân khóa 1 OCS được chuyển về Giang Đoàn. Anh là một người bạn rất thân của tôi. Khoảng vài tháng sau khi đổi về Giang Đoàn, anh Diệp bị thất tình. Chán đời, anh ta xin tình nguyện đi hành quân liên tục. Vì số chưa chết nên suốt trong thời gian phục vụ ở Giang Đoàn, anh Diệp không bị thương tích gì cả. Trong một chuyến công tác, chiến đĩnh anh Diệp móc được một trái thủy lôi của VC gài nhưng rất may trái thủy lôi này không phát nổ. Tiếc thay, sau này khi được chuyển về tàu biển, đáng lẽ là chỗ rất an toàn hơn ở Giang Đoàn thì anh ta lại tử thương vào khoảng hạ tuần tháng tư năm 75 khi chiếc dương vận hạm HQ503 mà anh Diệp đang phục vụ trên đó bị trúng đạn đại bác VC từ trong bờ bắn ra trúng đài Chỉ Huy

Sau Đại Úy Thuần là Đại Úy Lờ và sau đó là Đại Úy Bảnh bên Biệt Hải về làm Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn. Mới nhận đơn vị được khoảng một tháng, trên chuyến đi từ Rạch Giá trở về đơn vị, Đại Úy Bảnh bị tử nạn vì xe Jeep nhà binh bị lật khi vừa qua cầu Quay. Một số Sĩ Quan, trong đó có tôi được phép về Sài Gòn tham dự đám táng.

Đại Úy Lê Đức Thụ, khóa 12 Sĩ Quan Nha Trang được chuyển về làm Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 70. Vài tuần sau, trong một chuyến hành quân, chiến đĩnh Tango 1258 bị VC giựt thủy lôi làm tắt cả thủy thủ đoàn trên đó thiệt mạng. Tổng cộng có 12 người chết gồm có 10 Việt Nam và 2 cố vấn Hải Quân Mỹ. Phía Mỹ có một Trung tá và một Thượng Sĩ. Phía Việt Nam có Đại Úy Thụ, Chỉ Huy Trưởng, Chuẩn Úy Luật và thêm 8 quân nhân nữa. Vì thời gian quá ngắn ngủi, tôi không biết nhiều về Đại Úy Thụ nhưng qua cách làm việc, tôi thấy Đại Úy Thụ là một Sĩ Quan tham mưu tài ba, đàng hoàng, và đứng đắn.

Nói về chuẩn úy Luật, anh cũng là một người bạn thân của tôi. Bình thường anh Luật không đi trên chiếc Tango 1258. Lúc có lệnh hành quân, chuẩn úy Luật đang ở Rạch Sỏi. Nghe được lệnh hành quân qua máy truyền tin PRC25 mang theo, vì tinh thần trách nhiệm, chuẩn úy Luật vội vàng trở về Tắc Cậu, mướn ghe đuổi theo đoàn tàu. Khi đã lên chiến đĩnh mà bình thường chuẩn úy Luật vẫn đi trên đó, Đại Úy Chỉ Huy Trưởng gọi máy kêu chuẩn úy Luật qua chiếc 1258 trình diện. Âu cũng là định mệnh vì nửa tiếng sau, chiến đĩnh này bị thủy lôi, tắt cả mọi người trên chiến đĩnh chết hết. Chiếc 1258 là một tàu chở quân. Tàu mái bằng, trục thẳng có thể đáp lên được. Vì hình thù đặc biệt khác

với mấy chiếc tàu khác, có lẽ vì vậy mà VC nhắm giết thủy lôi vào tàu này chăng? Sức nổ mạnh đến nỗi sàn đáp trực thăng trên tàu văng lên bờ.

Sau khoảng 20 tháng phục vụ ở Giang Đoàn 70 Thủy Bộ, tôi được chuyển qua đơn vị khác. Lúc đó, Đại Úy Lưu Chơn khóa 15 Nha Trang được chuyển về làm Chỉ Huy Trưởng. Về sau, tôi có nghe nói là Đại Úy Chơn bị thương nặng ở Cà Mau trong một trận đụng độ với VC. Cuộc đời Đại Úy Lưu Chơn rất hẩm hiu: Khi miền Nam sụp đổ, Thiếu Tá Lưu Chơn phải đi học tập cải tạo. Ra tù, Thiếu Tá Lưu Chơn vượt biên rồi bị mất tích trên biển cả.

Sau này, tôi về học Hải Nghiệp tại Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang. Ra trường, tôi chọn về HQ802. Đây là một Cơ Xưởng Hạm, cùng kích thước với loại Dương Vận Hạm 500. Cửa đổ bộ trước tàu đã được hàn kín. Đặc biệt nước sơn của tàu màu xanh lá mạ (olive), không cùng màu với các tàu Hải Quân khác. Hạm Trưởng là HQ Trung tá Phạm Cừ, sau đó là HQ Trung tá Lê Văn Quế. Vài tháng sau, HQ Trung Tá Vũ Quốc Công được đổi về làm Hạm Trưởng cho đến ngày miền Nam đổi chủ.

Thông thường, HQ802 neo ở ngoài bờ biển Vũng Tàu. Tuy nhiên, khoảng tết đầu năm 75, HQ802 được lệnh di chuyển tới Hà Tiên, neo giữa bắc đảo Phú Quốc với Hà Tiên để làm Bộ Chỉ Huy bài trừ buôn lậu. Sau khi Ban Mê Thuật thất thủ, HQ802 được lệnh ra Huế nhưng cuối cùng lệnh trên thay đổi nên tàu chỉ ra tới Đà Nẵng. Lúc qua căn cứ Chu Lai, tàu đã đón được rất nhiều quân nhân đủ mọi binh chủng, trong đó có Y Sĩ Trung tá Nguyễn Hoàng Hải, sau này có thời làm Hội Trưởng Hội Cựu An Bắc California.

Ra tới Đà Nẵng, HQ802 cũng đã tiếp đón rất nhiều thường dân và quân nhân của các đơn vị bạn. Khi Đà Nẵng thất thủ, tàu xuôi nam, đón được thiếu tướng Hình ở ngoài bờ biển phía nam Đà Nẵng.

Tàu được lệnh ghé vào cảng Cam Ranh. Tất cả thường dân và quân nhân không phải nhân viên cơ hữu được lệnh rời tàu để lấy chỗ đón một lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến trong đó có Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến. Trong số người phải lên bờ, tôi thấy thương cảm nhất có một cô gái tuổi khoảng đôi mươi mà tôi mới quen. Cô này lên tàu HQ802 một mình, đến khi phải rời tàu HQ802 ở Cam Ranh cũng một mình. Thân gái dậm trường, không biết số phận cô ra sao?

Lúc tàu cập bến Cam Ranh, tôi thấy có mấy chục xác chết trên mấy cái xà lan. Xác chết đã trở nên hôi thối nhưng lúc đó cũng chẳng còn ai lo việc di chuyển xác chết đi chỗ khác. Những xác chết này là những thường dân chạy loạn từ ngoài Đà Nẵng. Thấy những tàu dòng kéo theo những chiếc xà lan, họ nhảy lên để tìm đường sống. Xà lan chỉ là hộp sắt kín, nổi trên mặt nước. Trên xà lan không có gì cả nên những người chạy loạn đáng thương này đã chết vì khát.

Sau khi Thủy Quân Lục Chiến đã lên tàu, HQ802 rời Cam Ranh để trở về Vũng Tàu. Tới Vũng Tàu, Thủy Quân Lục Chiến đã lần lượt lên bờ bằng những chiếc tàu nhỏ.

Tình hình chiến sự càng ngày càng trở nên nghiêm trọng. Vào khoảng ngày 23/4/75, Hạm Trưởng cho phép thủy thủ đoàn luân phiên về phép để đưa gia đình ra nằm chờ ở thị xã Vũng Tàu. Khi có lệnh, thân nhân của thủy thủ đoàn sẽ được đưa lên tàu. Hạm Trưởng Vũ Quốc Công rất tốt bụng, cho tôi về Saigon một ngày 21/4 để đưa đám táng anh Trần Ngọc Diệp, hai ngày sau lại cho phép tôi về nhà một ngày để đưa gia đình ra Vũng Tàu. Tuy nhiên, cha mẹ tôi lại chần chừ, chưa muốn đi ngay. Tôi cũng có liên lạc với một số người thân nhưng chẳng mấy ai tin tưởng một sĩ quan cấp bậc Trung Úy như tôi. Do đó, tôi chỉ mang được hai đứa em theo tôi ra Vũng Tàu.

Ngày 26/4/75, xa lộ 4 từ Sài Gòn đi Vũng Tàu bị cắt đứt tại Cỏ May. Ngày 27 tháng 4, 1975, Hạm Trưởng cho phép quân nhân các đơn vị bạn và thủy thủ đoàn được mang thân nhân lên tàu. Có 8 Sĩ

Quan cấp Tướng có mặt trên HQ802 ngày hôm đó.

Ba ngày 27, 28, 29 tháng 4, tôi lên bờ, ra ngoài Vũng Tàu với mục đích tìm gặp một số người thân, quen để mời lên tàu di tản. Người đầu tiên tôi tới gặp là bác họ của tôi, Thiếu Tá Lê Công Ngoạn làm ở trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu. Sau đó, tôi tìm gặp một số người quen biết khác để mời lên tàu di tản nhưng tất cả đều từ chối không muốn đi.

Tối ngày 28 tháng tư năm 1975, có một chiếc tàu nhỏ trở về Sài Gòn. Hạm Trưởng cho phép nhân viên Thủy thủ đoàn, nếu ai không muốn theo tàu di tản thì được phép theo tàu nhỏ LCU trở về Sài Gòn. Một số Sĩ Quan và một số lớn đoàn viên trên HQ802 đã qua chiếc tàu nhỏ đó để về Sài Gòn.

Đêm 29 tháng tư, HQ802 nhỏ neo, rời Vũng Tàu để trực chỉ qua Subic Bay, Phi Luật Tân. Bình thường, trên tàu có khoảng 300 nhân viên nhưng đến lúc ra đi chưa được một nửa. Tàu đã từng chở hàng ngàn Thủy Quân Lục Chiến với đầy đủ trang bị vũ khí từ Cam Ranh về Vũng Tàu, lúc này trên tàu chỉ có bốn trăm hành khách.

HQ802 lặng lẽ ra đi vào đêm tối. Ánh đèn trên thị xã từ từ mờ dần rồi chung quanh tàu chỉ còn lại khoảng không gian tối đen. Tôi tê tái nghĩ thầm, thôi thế là hết, tôi đã bỏ lại sau lưng đất nước Việt Nam, nơi đó tôi đã có biết bao nhiêu kỷ niệm. Hình ảnh những người thân yêu hiện ra trong trí óc của tôi, biết bao giờ mới được gặp lại? Rồi hình ảnh những chiến hữu, những người dân khốn khổ, họ sẽ phải đương đầu với cuộc sống ra sao?

HQ802 vẫn lăm lăm lướt sóng ra đi giữa đại dương bao la bát ngát. Sáng ngày hôm sau, trên tàu nghe được lệnh đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh. Một số người ôm nhau khóc. Miền Bắc đã chiến thắng trận đánh cuối cùng!

Khoảng sáng ngày 3 tháng 5, HQ802 tiến vào Subic Bay, một căn cứ lớn của Hải Quân Hoa Kỳ ở Phi Luật Tân thời bấy giờ. Tàu cập bến, tất cả mọi người lên bờ ngoại trừ một số nhỏ thủ thủ đoàn ở lại, trong đó có tôi, để bàn giao HQ802 cho Hải Quân Mỹ. Trong lúc mọi người rời tàu, tôi thấy có một hình ảnh đáng thương là có một cô gái khoảng 20 tuổi đang đứng bơ vơ, lạc lõng một mình trên cầu tàu với thân xác người cha vừa mới chết. Mọi người bận lo cho chính bản thân và gia đình của họ nên chẳng có ai ngó ngang đến cô. Bản thân tôi phải ở lại trên tàu nên tôi cũng chẳng làm gì giúp ích được cho cô. Tuy nhiên, chắc chắn sẽ có nhân viên Hải Quân Mỹ tới giúp đỡ. Chỉ tiếc rằng, thân phụ cô gái lại chết trong thời điểm oái oăm này.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, một toán quân nhân Hải Quân Mỹ đã lên tàu để nhận HQ802. Hạm Trưởng ra lệnh làm lễ hạ kỳ. Đồi quân ngũ của tôi coi như đã chấm dứt từ đây.

Sau sáu năm trong Quân Đội, tôi cảm thấy rất may mắn là vẫn còn sống sót và vẫn còn sức khỏe để ngồi đây đánh máy những dòng chữ này trong khi vô số các chiến hữu khác đã vĩnh viễn ra đi. Một anh bạn cùng phục vụ trên HQ802 là anh Huỳnh Ngọc Trung, khóa 26 Đà Lạt, đã qua đời cách nay khoảng hơn một thập niên vì bị viêm gan. Mới đây, cựu Đại Tá Ngô Văn Định viết một bài tựa đề “Trận Cổ Thành 72” cho biết 3500 Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam đã tử trận tại Quảng Trị. Đọc xong tôi bàng hoàng thương xót, không ngờ số người chết lại nhiều đến như vậy. Đó chỉ mới nói tới có một trận chiến Quảng Trị mà thôi, và con số thương vong chưa kể tới Nhảy Dù, Biệt Động Quân, và các đơn vị Bộ Binh khác. Đã có biết bao nhiêu nước mắt đã tuôn rơi và đau đớn thay, đã có không biết bao nhiêu tài hoa của đất nước đã bị mất một cách uổng phí!

Tôi xin chấm dứt bài viết nơi đây và không khỏi bồi ngùi tưởng nhớ đến các bạn đồng ngũ và các chiến sĩ đã vị quốc vong thân.

Ngày 15 tháng 12 năm 2003.

CVA Phạm Nguyên Khôi

NHỮNG BỨC HÌNH CŨ

CVA Nguyễn Đức Nguyên

Tập Nội-san Trường Bưởi số 9/1968 (xuất-bản tại Saigon), có đăng một bài nhan đề *Bức hình cũ* của cụ Nguyễn Công Kiên, và ở ngoài bìa sau là một hình khoảng 13x18cm, trong đó có 42 người ghi số thứ tự từ 1 đến 42: ngồi ở hàng đầu là 8 người Âu (6 nam, và 2 nữ), và đứng ở phía sau (ghi số từ 9 đến 42) là học-sinh mặc quần áo ta, đa số đầu chít khăn, vài người đầu trần, và một người đội mũ trắng.

Theo cụ Nguyễn Công Kiên, tác-giả bài viết, bức hình này chụp hồi tháng 6, năm 1937, "do một bạn học cũ ..., niên-khoá 1935-1939" khi tới thăm tác-giả đã mang theo để "nhờ ban biên-tập Nội-san Trường Bưởi cho in vào Nội-san." Tác-giả đã nhận diện được một số bạn cùng lớp, nhưng "cũng có bạn tôi không nhớ được rõ tên, họ... Hơn 50 năm rồi còn gì!"

Trường Bưởi có thông-lệ cho học-sinh chụp một hình chung để lưu niệm. Trong bài "Bức hình cũ", cụ Nguyễn Công Kiên đã nói là trong số 34 học sinh đứng trong hình, tác giả không nhận ra được tất cả các bạn cùng lớp, nên đã đính kèm bức hình "với ước mong các bạn Trường Bưởi/ Chu-văn-An, khi coi tập-san này, nếu có ai quen biết, hoặc là quyến thuộc, xin vui lòng cho biết tin-tức, nếu có, của các bạn ấy, thì thật là vạn hạnh."

Tác-giả cũng gửi đăng đoạn "Tái bút" thuật lại tin một bạn đồng khoá vừa qua đời: Bác-sĩ Nguyễn Xuân Chữ, có mặt trong bức hình, đã được tác-giả đưa xem bức hình khi đến thăm tại Viện Ung-thư. Cụ Nguyễn Công Kiên viết:

"Trông thấy bức ảnh, anh tỏ ý vui mừng, ngồi nhóm dậy, bảo tôi lấy cho anh cái kính hiển vi trên bàn giấy, anh coi từng người, rồi dặn tôi nên viết mấy giòng giới thiệu, và khi in xong, dành cho anh 2 bản. Không ngờ, Tập Nội-san sắp ấn hành thì anh đã mất!"

Đọc bài viết về Bức hình cũ, tôi mới biết đây là thông-lệ của nhà trường, mỗi năm, khi học xong năm thứ hai và lên năm thứ 3 thì học-sinh mỗi lớp đều được chụp chung một hình lưu-niệm. Lớp đệ tam có giáo-sư Vũ-Lai-Chương phụ-trách môn vật lý (*Sciences physiques*) thường chụp cho học trò mỗi lớp một tấm. Niên khoá 1938-39, lớp tôi (3-C) có khoảng 50 học-sinh, trong ảnh chụp ngày hôm đó đếm được đúng 40 người. Tôi nhớ cả thứ-tự tên của học-sinh cùng lớp, vì mỗi sáng, khi giám-thị vào lớp điễm-danh (gọi "áp-pen"), bắt đầu là vần "B" có Nguyễn Văn Bản, Ngô Trần Bảo, Bùi Công Bật, . . . , đến vần "N" có Ngọc, Ngô Văn Ngụ, Nguyễn Đức Nguyên, Nguyễn Đức Ninh. . . ". Sau một thời gian cách khoảng 5, 10 năm, khi kiểm lại thấy có nhiều người đã mất. Đặc-biệt là sau ngày 30 tháng 4, năm 1975, có mấy bạn học cùng lớp ở Hà-nội vào Nam, tìm đến thăm các bạn cũ còn ở lại Saigon, trong đó có tôi. Lúc bấy giờ mới ngồi lại, giở tấm ảnh cũ và điễm danh lại xem còn ai, ai mất. Bạn có tên trước tôi trong số "áp-pen" là Ngô Văn Ngụ được bạn Nguyễn Văn Huyền đưa đến thăm tôi: trông thấy anh, tôi nhận ra anh và gọi đúng họ, tên ngay, dù là năm 1938 anh đã thôi học, vì không thấy đứng chụp chung hình với chúng tôi năm ấy nữa. Anh Ngụ còn cho biết tin tức và sức khoẻ của mấy bạn ngoài Bắc và khuyên tôi gửi thư hỏi thăm ngay đi, kéo ai nấy đều già yếu rồi, không chắc có dịp gặp nhau nữa. Một người mà Ngụ nhắc tôi gửi thư thăm là bạn Vũ Long Chuẩn,

hồi đi học khá thân với tôi, vì là bạn trong nhóm thường đi *pique-nique* với nhau về Chùa Trầm, chùa Thầy. Tôi còn giữ được một ảnh chụp chùa Thầy, trong đó còn có một bạn nữa, trước học ở trường tiểu-học Yên-thành (phố Đỗ-Hữu-Vị), và học tú-tài với tôi ở Trường Louis Pasteur. Hai bạn này chắc chắn đã là đảng-viên, nhưng tôi vẫn coi là bạn học cũ. Bạn Vũ Long Chuẩn, đã đổi tên thành Vũ Kỳ, là bí-thư của Chủ-tịch họ Hồ; tôi được thấy hình chụp ngồi bên giường của cố Chủ-tịch, so với ảnh chụp ở Trường Bưởi và ở chùa Thầy thì Vũ-Kỳ trông đầy-đà, và để bộ râu mép trông giống Souvana Phouma (ông này là bạn của Chuẩn). Tôi nghe lời bạn Ngụ, viết thư thăm Vũ Long Chuẩn, và đề phong bì đích danh như vậy, gửi về địa-chỉ của bạn này tại căn-cứ thủy-phi-cơ của Pháp ngày trước ở Hồ Tây, ngay cạnh Trường Bưởi. Thư không có hồi âm; tôi đoán là bạn Chuẩn không muốn ai nhắc đến tên cũ, và nhất là chuyện cũ, và có lẽ cũng không muốn liên-lạc với một bạn học đã đi theo "phía bên kia" từ bao nhiêu năm rồi! Một bạn khác tên là Trần Đình Huấn, tôi nhớ ở gần phố Hàng Quạt, hồi đi học viết chữ nghiêng rất đẹp và đều, bạn Ngụ nói là bị cận-thị nặng, và không mua được kính (một món hàng có vẻ hiếm ở ngoài Bắc), nên tôi cũng theo lời bạn Ngụ, gửi một thư hỏi thăm, kèm một thư giới-thiệu với một đồng-nghiệp ở Hà-nội, chuyên khoa mắt (bạn này ra trường cùng với tôi năm 1952, nhưng đến năm 1954 thì ở lại, không di cư vào Saigon); bạn Huấn cũng không trả lời thư tôi. Còn mấy bạn nữa tôi đều có dịp gặp lại, khi vào Nam công-tác, hoặc tham quan (hai bạn Nguyễn Đức Bẩy và Nguyễn Đức Liêm cũng như tôi không có liên-hệ họ hàng với nhau, tuy tên có chữ đệm giống nhau); riêng bạn Phan Hữu Chi đến nhà thăm tôi nhưng không gặp, nên để danh-thiếp lại.

Nói tới Trường Bưởi hồi ở Saigon, thì các cựu học-sinh đều nhớ đến những buổi họp Tất niên tổ chức mỗi năm tại Đền Đức Thánh Trần, ở đường Hiền-Vương. Tập-san Trường Bưởi được phát-hành đều đặn trong nhiều năm, và thường mỗi số đều có đăng một hình cũ, do các hội-viên còn giữ cho mượn để in lại. Mỗi năm học có ít nhất là 4 lớp (A, B, C, D, không kể Ban Thương-mại (*Cours Commercial*) nên tính tổng cộng không biết từ khi có lệ học-sinh chụp hình lưu-niệm đã có tới bao nhiêu bức.

Nhưng có một bức hình lưu-niệm mà tôi cho là độc-đáo (có thể nói là "độc nhất, vô nhị" là bức hình của toàn trường, cả thầy lẫn trò, chụp năm 1937 ở sân vận-động của trường: năm ấy, tôi học năm thứ nhất (lớp 1-C). Khi xem lại bức hình này, tôi nhớ lại những gì đã xảy ra trong thời-gian tôi mới được đến học ở Trường Bưởi, niên-khoá 1936-37. Tôi nhớ đã có lần trông thấy ở phòng các giáo-sư (*Salle des professeurs*), một gian phòng rộng lớn ở toà nhà 3 tầng: hồi đó, tôi chỉ có một lần duy nhất đặt chân đến gian phòng này, không biết vì việc gì: tấm hình dài được đặt ở trên mặt lò sưởi.

Tôi lại được thấy bức hình này tại nhà cụ Nguyễn Đình Phú, thầy dạy toán suốt mấy năm khi tôi học để thi *Diplôme*. Tôi không gặp cụ Phú trong mấy buổi họp tất-niên, nhưng khi cụ làm Tổng Thư-ký Bộ Quốc-gia Giáo-dục, cụ dọn đến ở Chung-cư 57 Duy-Tân (dành cho giáo-chức và chuyên-viên thuộc Bộ) thì tôi được gặp đôi ba lần và nói chuyện về trường cũ. Sau khi thôi không giữ chức Tổng Thư-ký nữa, thì cụ giong về nhà riêng ở đường Trần-Khánh-Dur (Tân-định).

Sau ngày 30 tháng 4, năm 1975, có mấy bạn học Bưởi rủ tôi đến thăm cụ: cụ ở một nhà 2 tầng, với con gái (chị Dung)-- có chồng là sĩ-quan, đi học-tập cải-tạo, vắng mặt-- và con trai chị. Cụ môi lớp dạy tư Toán và Pháp văn. Dáng dấp cụ trông không khác gì hồi dạy ở Trường Bưởi; có lần tôi thấy cụ đạp chiếc xe đạp sơn đen, *guidon carré*, trông rất cổ-điển. Một hôm tôi tới thăm thì cụ mới ở Hà-nội vào, và cụ chỉ cho xem một bức hình đóng khung, lồng kính, dài chừng hơn 1 thước tây, treo bên tường ngoài hành-lang, trước khi vào phòng khách. Cụ nói là khi di-cư vào Nam năm 1954, cụ để lại căn nhà ở phố Hàng Buồm cho bà con gái trông nom. Đến sau tháng 4, năm 1975, khi hai miền "thống-nhất" cụ đi xe lửa mang tên tàu "Thống Nhất" ra Hà-nội thăm lại căn nhà cũ, và mang tấm ảnh Trường Bưởi cùng với một ít đồ thờ sơn son, thếp vàng vào Saigon. Cụ nói phải cẩn-thận lấy chiếu bọc bức ảnh dài, còn cả khung để mang đi cho khỏi vỡ kính. Theo lời cụ Phú, hiệu ảnh Hợp-Dung ở phố Hồ

chụp bức hình này đã phải đặt mua ở Hồng-Kông một máy chụp đặc-biệt (loại *panoramique*) có thể tự-động quay để chụp một đám đông người. Hồi đó, các giáo-sư muốn mua ảnh, phải trả 5 đồng một tấm.

Nhìn bức hình treo trên tường, thấy một đám đông học-sinh đủ các lứa tuổi, đứng, ngồi thành 5, 6 hàng, quanh các giáo-sư, giám-thị, và nhân-viên nhà trường. Phía trước là học-sinh lớp 1, ngồi xếp trên bãi cỏ. Tôi nhận ngay ra tôi ngồi cạnh mấy bạn cùng lớp ở bên phải bức hình dài. Thấy đây là một tài-liệu rất quý nên tôi đã nghĩ đến việc chụp lại bức hình này, và tôi sẵn có dụng cụ để làm việc ấy.

Sau đây, tôi thuật lại công việc chụp lại tấm hình, và cho tới nay, tôi vẫn không hiểu tại sao tôi đã có thể làm được một việc như vậy: vừa mất công, sức, bao nhiêu thì giờ... tôi đã bỏ vào công việc này!

Hồi đó tôi có nhiều thì giờ rảnh, nên có nói với cụ Phú cho tôi chụp lại bức hình đó. Cụ ưng thuận, và tôi mang dụng-cụ hành nghề đến ngay. Tôi có một máy ảnh cỡ 35mm *Pentax Spotmatic* với ống kính *macro*, kính lúp để xem cho rõ nét, bộ đèn để chụp trong nhà. Tôi hạ khung ảnh xuống, để lên chiếc sập trong phòng khách, dùng nước *Windex* xịt lên tấm kính cho sạch bụi và mờ-hóng, nhưng thấy khi rọi 2 ngọn đèn 100W thì bị kính phản chiếu ánh sáng vào máy ảnh, nên phải nói với cụ cho gỡ tấm hình ra ngoài khung kính để chụp. Cụ cũng đồng ý, và lúc này là lúc tôi phải cẩn-thận, sợ ảnh để trong khung lâu ngày có thể bị giòn, dễ rách, hoặc dính vào kính, gỡ không khéo là bị rách. May là có cụ giúp một tay nên tôi lấy được tấm ảnh ra khỏi khung một cách dễ dàng; sau đó đặt ảnh lên trên sập, và lấy đồ vật nặng chặn mấy góc cho khỏi cong. Vì tấm ảnh dài nên tôi phải căn từng khúc để ngắm và chụp cho thật ngay-ngắn: nhìn trong máy thấy rõ mặt từng người một, căn cho ảnh vừa đúng vào khung trong máy, rồi mới chụp. Chụp đi, chụp lại mấy lần vẫn chưa vừa ý, nên cuối cùng, tôi lại phải nói với cụ Phú cho tôi mang tấm ảnh về nhà để thông-thả chụp thì mới được, vì mỗi lần tôi đến nhà cụ để chụp hình cũng phải mất vài ba giờ để lấy khung ảnh xuống, gỡ ảnh ra khỏi khung, và đặt máy chụp như vừa nói trên. Cụ cũng lại bằng lòng: thế là tôi cuộn khéo tấm hình lại, vừa đủ để máng vào giỏ ở cái *porte-bagage* trên chiếc xe *PC Honda* của tôi. Về nhà, tôi phải kê gối bàn sát cạnh cửa sổ để dùng ánh sáng mặt trời (thay vì dùng đèn, dễ bị lóa), và lại theo từng giai-đoạn tôi đã làm mấy lần trước ở nhà cụ Phú. Lần này, tôi chụp cả buổi sáng cho chóng xong và mang trả lại cụ bức hình quý ấy. Tôi kiểm soát lại cùng với cụ xem tấm hình không có vết rách, vuốt cho thật phẳng-phiu và để lại vào khung kính, rồi mới bắc ghế đứng lên móc sợi dây thép phía sau khung vào chiếc đinh chữ L đóng chắc trên tường.

Kết quả của công việc: Vì bức hình dài quá khổ, nên tôi đã phải chụp lại làm 10 tấm nhỏ, ghi bắt đầu từ trái sang phải theo số thứ tự từ 1 đến 10): Tổng số người đếm được trên cả tấm hình dài là 742 người. Tôi làm được việc này cũng vì óc tò mò, muốn biết tên tuổi các học-sinh Trường Bưởi đồng thời với tôi. Cũng nhờ có thì giờ nhàn rỗi, tôi lấy giấy *papier calque* tô nét ngoài mỗi đầu người và đánh số thứ tự từng người một. Vì vậy con số 742 có thể tin là đúng. Trên tấm số 10, phía phải có 1 người đứng ở hàng sau cùng chỉ thấy nửa mặt .

Từ tấm số 2 đến tấm số 6, đứng ở cùng một hàng thứ ba (sau hàng đầu, học-sinh ngồi trên bãi cỏ và hàng sau là học-sinh ngồi trên ghế) là các giám-thị rồi đến các giáo-sư; trên tấm ảnh số 4, tôi nhận ra ngay ông chú dượng tôi (G.S. Nguyễn Xiển, cử-nhân Toán, dạy ban Tú-tài) vì nhờ ông mà tôi mới được vào học Trường Bưởi, không phải thi; đứng bên phải ông là ông Nguyễn Mạnh Tường, một ông có lẽ là một nhân-viên hành-chính, rồi đến các giáo-sư Nguyễn Đình Phú, Đào Hùng, Phúc; từ bên trái ông Xiển là ông Lenain (*Économe*), ông Charpin (*Censeur*), bà *lingère*, và ông *Provisieur* Autigeon; tấm số 5, từ trái sang phải là bà Lê Thị Lựu, ông Phục, các ông Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Cơ Nghị, Nguyễn Quý Hùng, Lê Phổ, Mục-sư Gockler, Vũ Lai Chương, Nguyễn Văn Luận, Trần Văn Khang, 3 nhân-viên hành-chính, rồi đến các ông Nguyễn Thụy Hùng, Đỗ Văn Hoán, Nguyễn Văn Chính, Bao, Nguyễn Đình Phong,, Dương Quảng Hàm, Nguyễn Gia Tường, và Lê Thuốc.

Cụ Phú chỉ cho tôi và nói tên từng người cụ nhận diện được. Có người tôi nhớ tên và cụ lại không nhớ. Tôi còn lấy kính "lúp" để nhìn cho rõ mặt từng người: Khi nhận được một người mà tôi biết tên, tôi lại mừng rỡ, reo lên: "Cụ ơi! Cụ có nhớ anh này không?" Có người thì cụ nhớ, và còn đọc cả tên "cúng com" nữa. Đặc biệt là có mấy nữ học-sinh Ban Tú-tài, cụ nhớ tên và chỉ cho tôi một cô vẫn khăn trắng, và nói là "chúng tôi vẫn thường gọi cô này là 'mợ phán!'" Mỗi lần tôi tới thăm cụ là tôi đều bắc ghế lên để xem những học-sinh trong bức hình Trường Bưởi này. Và mỗi lần, hoặc cụ, hoặc tôi, lại nhớ thêm được tên của một vài học-sinh (phần nhiều là các lớp trên, hoặc Ban Tú-Tài).

Sau này, tôi lại theo bản Danh-sách Hội-viên đăng trong mỗi số Nội-san Trường Bưởi, và chú trọng đến các vị có tên trong khoảng thời-gian 1933-1937; ví dụ vị nào ghi là học năm 1933-37, 1934-38, 1935-39, và 1936-40 thì chắc-chắn phải có mặt trong tấm hình này, nếu hôm chụp hình có đến trường.

Chụp xong được bức hình tuy có phần vát-vả, nhưng đã làm cho tôi mãn nguyện vì tôi tin vào bộ đồ nghề của tôi, và nhất là tôi dùng một loại phim ảnh đặc-biệt *Kodak High contrast*, một loại phim đen trắng thấy bây bán đầy dãy bờ hè Thương-xá TAX đường Nguyễn-Huệ. Phim chưa quá "đát" nhưng không ai mua vì không dùng để chụp cảnh vật được; đây là phim dùng để chụp *reproduction* tranh, ảnh đen trắng, có độ "*contrast*" rất cao (đen ra đen, trắng ra trắng), và rất mịn (*grain fin*), muốn phóng to bao nhiêu cũng không bị "vỡ". Tôi tráng cuộn phim này trong phòng tối, trang bị sẵn từ những năm trước 75, khi tôi cần phải chụp lại các bản chữ nhỏ, hoặc những ảnh gia-đình cũ đã bị nhiều chỗ hoen-ố.

Sau 1975, tuy thuốc tráng phim đen trắng còn dùng được, nhưng giấy để lâu, in ảnh ra màu "nước dưa" không dùng được. Tôi phải nhờ một anh bạn trẻ, hồi đó làm việc ở Sở Thông-tin, Văn-hoá Thành-phố, giới-thiệu đến một nhóm thợ chụp hình của sôû để nhờ (tức là thuê làm và trả tiền) phóng những ảnh vừa chụp lại được.

Kết quả là cả tấm hình dài của cụ Nguyễn Đình Phú cho phép chụp lại đã in ra thành 10 tấm ảnh 11 x 16,5 cm. Tuy đã cố gắng căn khi chụp cho các ảnh ăn khớp với nhau, và ngay ngắn, nhưng tôi chưa vừa ý lắm, tuy hình ảnh từng người không thiếu một ai, và không bị mờ, hoặc lóa nhòa. Hai ảnh cuối bên trái và bên phải đều rõ. Tất cả 10 tấm ảnh có thể ráp mỗi với nhau thành một bức dài, như bức hình của cụ Phú. Việc này, tôi đã hỏi các cửa tiệm hình bên Mỹ này, họ nói có thể sử-dụng máy điện-toán để ghép liền các ảnh với nhau, nhưng giá khá đắt. 10 tấm hình nhỏ, đem ghép lại thành một, phải có 9 chỗ nối với nhau. Với những kỹ-thuật tân-tiến ngày nay, việc này cũng dễ làm.

Sau khi có trong tay 10 tấm hình thì tôi giới-thiệu ngay với mấy bạn Trường Bưởi như anh Đỗ Văn Phúc (học Trường *Normale*); em anh là Đỗ Đắc Văn là bạn học cùng lớp với tôi từ 1-C đến 4-C, một trong những học-sinh giỏi nhất lớp. Bạn Văn mất rất sớm vì bệnh phổi, có lẽ vì học quá sức. Anh Phúc lại giới thiệu một bạn anh, và cũng là có họ với tôi, để nhờ đặt in một bộ ảnh, nói là để gửi tặng các bạn xa. Riêng phần tôi, nhờ trí nhớ "Trời cho" khi nhận được ra mấy bạn các lớp trên --mới gặp sau này--đã gửi tặng các bạn ấy tấm ảnh nào có hình bạn ấy. Ông anh họ tôi là anh Nguyễn Hữu Quý, sang Pháp từ lâu, cũng có mặt, đứng ở hàng cuối, cùng với người đứng bên trái anh là anh Nguyễn Tuyên (anh rể anh Quý), nên tôi cũng mới gửi tặng anh một tấm phóng lớn 18x24 khi biết được địa-chỉ của anh ở vùng *Roquefort*. Có bạn (đàn anh) tôi nhận diện được trong ảnh, nhưng đến khi tôi gửi tặng ảnh thì trả lời rằng "Tôi không nhận được ra tôi nữa!"

Vậy gọi là có đôi lời giới-thiệu các tấm ảnh nhỏ mà nhiều bạn Trường Bưởi có được, là do chính tay tôi chụp lại từ tấm hình đóng khung kính của cụ Nguyễn Đình Phú đích thân mang từ Hà-nội vào Saigon sau ngày 30 tháng 4, năm 1975.

Điều tôi mong muốn là được biết danh-tính của tất cả những người có mặt trong tấm hình này, ai còn, ai mất, và nếu có thể --mất trong trường hợp nào, ở đâu. Chỉ có các anh em cùng khóa, hoặc có liên-hệ gia-đình, hoặc một vài bạn có trí nhớ như anh Đỗ Văn Phúc, nhớ rõ từng chi-tiết một--một điều khiến tôi rất thán phục, vì anh đã nhiều lần cung cấp cho tôi những chi-tiết tôi cần biết để viết cuốn sách về lịch-sử Trường Y-khoa Hà-nội và Saigon. Những bạn có biệt tài như vậy mà không khai-thác cũng uổng!

Xin các bạn gắng giúp tôi để điểm danh số trên 700 nhân-vật, vừa học trò, vừa thầy dạy đứng chụp chung với Hiệu trưởng Autigeon, trước khi ông mãn nhiệm kỳ, năm 1937.

Sở dĩ tôi nhớ là tấm ảnh chụp năm 1937, vì đó là năm cuối cùng ông Autigeon làm *Proviseur* Trường Bưởi: Trước đó, không nhớ rõ tháng nào, nhân dịp ông Justin-Godart (đảng xã-hội Pháp) sang Đông-Pháp, và ra Hà-nội, nên có phong-trào đón ông ở Ga Hàng Cỏ, và học-sinh các trường được hô-hào tham-dự. Ông Autigeon ra chỉ thị cấm học-sinh tham dự biểu tình. Bạn cùng lớp Ngô Văn Ngụ là người rủ tôi bỏ học và đèo xe đạp tôi đến ga để nhập toán người đón ông Godart. Hôm sau, ông Autigeon cho tập họp tất cả học-sinh ở *préau*, và ông đứng nói một hồi--tôi không nhớ ông đã nói những gì--chỉ thấy ông vừa nói, vừa khóc, khiến nhiều học-sinh cũng khóc theo. Và chiều hôm ấy, về nhà, tôi bị một trận đòn "nên thân," vì ông thân-sinh tôi hồi đó làm thư-ký sở Toàn-quyền, không muốn con mình dính líu vào những cuộc biểu-tình như vậy.

Sau khi ông Autigeon về Pháp thì ông Houlié được cử làm *Proviseur* thay. Thêm vào số người có liên-hệ gia-đình với người trong tấm hình Trường Bưởi này là con trai ông *Censeur* Charpin: Max Charpin là sinh-viên y-khoa, học năm thứ tư Hà-nội thì xảy ra cuộc đảo-chính Nhật 9 tháng 3, 1945. Max cũng là bạn hướng-đạo cùng với tôi ở đoàn *Saint-Georges*, có trụ sở ở Nhà thờ Hàm-Long, Hà-nội. Trước khi học y-khoa, thì Max học ở *Lycée Albert Sarraut*. Tôi thấy tên và địa-chỉ của Bác-sĩ Max Charpin ---Y-sĩ cấp Tướng--- trong Niên-giám cựu học-sinh *Lycée Albert Sarraut* nên gửi tặng một phần tấm hình có ông Charpin, nhờ Hội chuyển giao; nhưng tiếc là Bác sĩ Charpin đã qua đời một vài năm trước rồi, nên tấm ảnh được trao cho cháu nội ông Charpin.

Từ ngày tấm hình Trường Bưởi được chụp tới nay đã trên 65 năm rồi. Còn một số bạn học cùng lớp ở lại ngoài Bắc năm 1954, và gặp lại năm 1975 đã cho tôi tin tức của nhiều bạn đã đi theo kháng-chiến từ những năm còn ở Việt-Nam Học-xá, năm 1945.

Dưới đây là một hình (số 10) để giới thiệu cùng bạn đọc. Rất mong bức hình nguyên thủy sẽ được in lại để các cựu học sinh Trường Bưởi và gia-đình có thể giữ làm kỷ niệm.

Trong bức ảnh số 10 đếm được 73 học-sinh: có một người, đứng ở góc trên bên phải, thiếu nửa mặt nên khó nhận diện. Những người ngồi trên sân cỏ là học-sinh lớp 1; hàng sau (ngồi ghé dài) là học-sinh lớp 2; những người đứng trên bục ở hàng sau đều học-sinh các lớp trên, và ở hàng sau cùng là học-sinh ban Tú-tài.

Nguyễn Đức Nguyên, Cựu học-sinh Trường Bưởi (Lớp 1-C đến 4-C) Khóa 1936-1940

11389 Columbia Pike, Apt. B-6,

Silver Spring, MD 20904.

Phone: (301) 592-0153

Địa-chỉ e-mail: bsnguyen@juno.com

Nỗi buồn chiến tranh

Đây là chuyện có thật, viết theo lời kể của CVA Nguyễn Thượng Dục. Tên của các nhân vật trong truyện đã được sửa đổi.

Chuyện I:

Hung là một giáo sư của một trường trung học tư thục. Anh yêu một cô học trò và hai người đã kết hôn, sinh được một bé gái tên Hồng. Năm 1968, lệnh Tổng Động Viên ban hành, Hung bị gọi trình diện nhập ngũ. Ra trường Thủ Đức với cấp bậc Chuẩn Úy, Hung được chuyển về làm Trung Đội Trưởng, trưởng đồn Nghĩa Quân Đông Sơn thuộc Kim Sơn, Kim Phát, Ban Mê Thuật.

Với đồng lương chết đói, không đủ nuôi cho cả gia đình, do đó, vợ Hung đã nài nỉ Hung cho phép nàng đi làm thêm, công việc là bán hàng PX trong sở Mỹ. Không muốn cho vợ đi làm nhưng vì hoàn cảnh túng thiếu nên cuối cùng Hung cũng phải đồng ý.

Mặc dù bận rộn vì vừa phải nuôi con, vừa phải đi làm nhưng một vài lần, vợ Hung cũng tìm cách lên Ban Mê Thuật thăm chàng. Hai vợ chồng vẫn thư từ đều đặn với những lời yêu thương nồng cháy. Tưởng rằng tình yêu bất diệt, nào có ngờ đâu hai năm sau, Hung nhận được một lá thư của vợ chàng gửi ra. Trong thư, nàng thành thật xin lỗi Hung vì nàng đã phụ chàng. Nàng đã bị sa ngã, yêu ông xếp người Mỹ, và nàng quyết định theo ông ta về nước. Bé Hồng năm đó khoảng 4 tuổi, đã được gửi cho cha mẹ chàng tạm thời nuôi giùm.

Nhận được thư, Hùng sững sốt ngỡ ngàng vì chuyện xảy ra như vậy mà chàng chẳng hề hay biết gì cả. Vợ chàng đã cố tình dấu diếm chàng, để rồi giờ phút chót mới báo tin cho chàng biết. Hung đau khổ thần thờ. Người vợ mà chàng đã hằng ấp ủ, thương yêu, nay đã phản bội chàng, nở nhả tâm bỏ chồng con, ôm cầm qua thuyền khác!

Chàng xin phép đơn vị trưởng về Sài Gòn, đón bé Hồng lên chơi, dự tính ở với chàng khoảng vài tuần rồi chàng sẽ đưa bé Hồng trở về lại Sài Gòn với ông bà Nội. Xa mẹ, bé Hồng buồn lắm nên khi được cha đón về, bé rất vui mừng.

Buổi sáng đầu tiên ở trong đồn, bé Hồng thức dậy lúc trời vừa sáng. Trong lúc cảnh vật vẫn còn trong tĩnh mịch, nhìn ra ngoài hàng rào, thấy những con cào cào, châu chấu, và nhất là những con bướm bay lượn trông đẹp mắt quá, bé Hồng rón rén bước ra ngoài. Trong lúc bé đang mãi vui chơi, bất chợt Thượng Sĩ Sang phát giác ra bé Hồng đang giỡn chơi ở ngoài hàng rào phòng thủ, ông hoảng sợ vội la lên. Nghe tiếng la, bé Hồng hoảng sợ, ù té chạy vào bên trong, không may vướng phải mìn claymore của quân trú phòng gài ngoài hàng rào để ngăn chặn Việt Cộng xâm nhập. Một tiếng nổ chát chúa vang lên, bé Hồng chết banh xác tại chỗ.

Thượng Sĩ Sang ân hận vì trong lúc bất ngờ đã la lên làm cho bé Hồng hoảng sợ. Giá mà ông ta bình tĩnh, hướng dẫn bé Hồng vào bên trong thì có lẽ bé Hồng cũng chẳng sao. Người đau khổ nhất là Hung. Anh đã mất vợ, nay lại thêm mất con. Mất Hung nhạt nhòa, đầu óc quay cuồng, tê dại. Anh tự nghĩ tại sao anh lại bị đau khổ, bất hạnh như vậy?

Trong cơn đau đớn tột cùng đó, thế rồi Hung hóa điên và chàng đã được đưa vào nhà thương điên. Ở đây, chàng làm bạn với một bà Đầm già. Bà này bị chồng là một ông Tây viễn chinh bỏ vào nhà thương điên rồi biến mất bất tăm. Sau năm 75, người ta thấy Hung và bà Đầm già vẫn còn trong nhà thương điên và nghe nói hiện nay, tình trạng điên của chàng vẫn không thuyên giảm.

Chuyện II:

An là vợ của Trung úy Thành thuộc trung đoàn 11, sư đoàn 7 Bộ Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Trong một trận đánh dữ dội vào khoảng năm 1967, Trung Úy Thành bị ghi nhận chết mất tích, không tìm được xác. An đau khổ để tang chồng. Để kiếm kế sinh nhai nuôi bé Hùng hãy còn thơ dại, An xoay qua nghề nấu cơm tháng trong khu gia binh của Trung Đoàn ở Bình Đức.

Trong số người tới ăn cơm tháng, có Chuẩn Úy Chinh mới được đổi về đơn vị. Dân gian truyền khẩu có câu “Gái một con, trông mòn con mắt”, thấy nhan sắc An vẫn còn mặn mà, hấp dẫn nên chuẩn úy Chinh đâm ra si tình. Chinh tìm cách làm quen. Tình cảm hai bên càng ngày càng thêm nảy nở và trong một ngày đẹp trời, chuẩn úy Chinh ngỏ ý muốn cưới An.

Lúc mới đầu, An vẫn còn do dự vì chồng cũ mới mất tích được hơn một năm. Tuy nhiên, vì thấy Chinh yêu thương mình một cách thật tình nên An đã nhận lời cầu hôn. Đám cưới nhà binh đã được tổ chức một cách đơn giản, có sự hiện diện của các bạn đồng ngũ của Chinh trong đơn vị và các bạn bè của An trong khu gia binh.

Chinh và An yêu nhau tha thiết. Chinh coi bé Hùng như con ruột của mình làm An rất hài lòng. Một năm sau, An hạ sinh cho Chinh một bé gái, đặt tên là Nga. Từ ngày có thêm bé Nga, Chinh càng cưng vợ hơn trước. Thế nhưng, Trời chẳng chiều lòng người, trong một cuộc hành quân năm 1969, Chinh bị báo cáo chết mất xác.

An ngậm ngùi, cay đắng cho cuộc đời hẩm hiu của mình. Còn gì đau khổ hơn, mới hai năm mà An phải để tang hai lần! An chọn ngày mất tích của người chồng trước và chồng sau làm hai ngày giỗ hàng năm cho hai người chồng.

Trong khu gia binh đồn ằm lên là An có tướng sát phu! Thời gian cứ lặng lẽ trôi qua. Sắc đẹp của An vẫn còn mặn mà nhưng chẳng có ai dám làm quen với nàng nữa. Tuy nhiên, An vui vẻ chấp nhận vì nàng không muốn bước thêm một bước nữa, và lại, nàng không muốn có thêm người nào chết vì nàng.

Năm 1973, thâm thoát Chinh mất tích đã được bốn năm. Nhân đúng ngày giỗ của Chinh, An bày biện một mâm cỗ đơn giản cho Chinh và cho người chồng trước là Thành. Trong lúc đang làm giỗ cúng cho hai người chồng, An chợt nghe thông báo qua đài phát thanh về việc trao trả tù binh tại Rừng Lá. An bật khóc vì sung sướng khi nghe thấy có Chinh là người chồng sau của nàng trong danh sách trao trả tù binh. Niềm vui chưa được trọn vẹn thì nàng lại nghe Thành, người chồng đầu tiên của An cũng có trong danh sách trở về.

An thần thờ suy nghĩ: Mình phải làm gì, phải giải quyết ra sao khi cả hai người chồng mà nàng rất thương yêu trở về cùng một lúc? Càng suy nghĩ để cố tìm một giải pháp êm đẹp, đầu óc nàng càng thêm quay cuồng vì nàng chẳng thấy giải pháp nào là ổn thỏa cả.

Ngày trở về của Thành và Chinh gần kề, An càng thêm bối rối, không biết phải xử trí ra sao. Trong lúc quẫn trí, An nghĩ chỉ còn cái chết của nàng mới giải quyết được vấn đề rắc rối hiện nay. An vội vàng viết một lá thư tuyệt mạng gửi cho cả Thành và Chinh. Trong thư nàng thổ lộ tình yêu tha thiết đến cả hai người và cầu mong cả hai yêu thương, nuôi nấng bé Hùng và Nga cho khôn lớn nên người. Trong lúc chờ đợi hai người chồng trở về, An nhờ hàng xóm tạm thời nuôi nấng giùm cho đứa con hãy còn bé bỏng của nàng và sau đó nhờ hàng xóm trao lại mỗi đứa trẻ cho từng ông chồng.

Khi Thành và Chinh vui mừng vội vã trở về khu gia binh để gặp lại người vợ yêu quý, linh tính cho hai chàng biết có sự chẳng lành. Vừa bước vào nhà, hai chàng hoa mắt nhìn thấy di ảnh của An trên chiếc bàn nhỏ đặt trước quan tài đặt ở giữa nhà. Kế bên đó là bé Hùng và Nga đang rung rung đứng khóc cùng với một số bạn bè trong khu gia binh.

Tưởng rằng ngày trở về là một ngày vui, ai ngờ lại là ngày tang tóc, buồn thảm. Hai chàng thâm trách An sao lại quá nông nổi. Thành và Chinh cùng để tang vợ và cùng đứng ra làm lễ chôn cất vợ đến nơi an nghỉ cuối cùng. Hai chàng đau xót nghĩ tới An, người vợ thương yêu không còn trên cõi đời này nữa. Cũng may còn bé Hùng và Nga là những gì còn sót lại nơi An.

(CVA Phạm Nguyên Khôi viết theo lời kể của CVA Nguyễn Thượng Dục)

ĐÊM XUÂN NHỚ MẸ

CVA Nguyễn Văn Tài

Từ khi xa cách quê nhà

Xuân về chạnh nhớ mẹ già xa vắng

Đêm buồn nhớ mẹ cuối năm

Con ra hiên đứng âm thầm lệ rơi

Bao giờ đoàn tụ mẹ ơi

Quê hương khôn khổ toi bởi niềm đau

Đêm xuân gió lạnh mưa rào

Tim con đau nhói lòng nao núng buồn

Nhớ mẹ nhớ cả con xuống

Lênh đênh sóng nước đêm buồn thả câu

Bao giờ nổi được nhịp cầu

Con về với mẹ nổi sầu mới nguôi.

NHÂN MỘT CHUYẾN ĐI

CVA Sầu Đông (Nguyễn Thọ Chấn)

Ngoài niềm vui khi dự đám cưới một đứa cháu ruột trong vùng San Jose, chuyến đi Cali. từ 14-24/11/2002 vừa qua đã đem đến cho tôi nhiều niềm vui khác. Những nỗi vui bất ngờ mà những người bạn hoặc đã cùng chung lớp, chung trường ở Sài Gòn xưa, hoặc đã cùng trú đóng tại một tỉnh trong giai đoạn chiến tranh khốc liệt của cuộc chiến VN tặng cho mình.

Bất ngờ đầu tiên là nhóm các anh thuộc hội ái hữu cựu CVA-Bắc Cali.: các anh Vũ Mạnh Phát, Phạm Nguyên Khôi, Phạm Huy Thịnh, Nguyễn Đình Phương, và Nguyễn Trọng Dzũng đã tiếp và đãi một châu phở ngon và thân tình ở Phở Bình, San Jose. Tôi vẫn tự hào vào được CVA ngay từ năm đệ

thất (lại là đệ thất B1). Tôi ra khỏi CVA vào năm đệ nhất (1960). Trên thực tế tôi chỉ học tại ngôi trường này có hơn một năm (vài tháng đệ thất, rồi chuyển qua trường Trần Lục ở Tân Định, Sài Gòn). Với một số cựu CVA vùng Bắc Cali., tôi có duyên may đặc biệt. Phải nói ngay là trong nhiều năm từ khi cùng gia đình đặt chân lên Bắc Mỹ, với những chấn thương tinh thần nặng nề phải chịu đựng lâu dài trước và sau 75 tại quê nhà, cùng với những khó khăn chập chùng nhiều mặt trong những năm đầu ở Canada, tôi đã hầu như muốn tránh hẳn những sinh hoạt hội đoàn vì mỗi lần tiếp xúc với bên ngoài tôi đều thấy rõ mình bị hụt hẫng, bối rối, vụng về, nhất là vào những ngày gặp nhiều căng thẳng, phiền muộn. Vậy mà loanh quanh một chặp (tôi không thật nhớ rõ trong dịp nào nữa?!) tôi đã điện thoại nói chuyện với anh Nguyễn Đình Phương-San Jose. Tôi đã nghĩ anh Phương-San Jose này là Nguyễn Đình Phương đã có lúc cùng tham dự một khoá đào tạo đặc biệt với tôi tại Trung Tâm Khuếch Trương Xuất Cảng Sài Gòn vào đầu năm 1974, và hiện nay đang cư ngụ trong vùng Toronto, Canada. Sau đó, tôi lại đã có dịp giao lưu với anh Phạm Huy Thịnh và anh Nguyễn Trọng Dzũng trong một diễn đàn nặng phần vui đùa, nghịch ngợm (E-Circle) trên mạng lưới điện tử cách nay vài năm. Các cựu CVA lứa chúng tôi tình đồng môn rất đậm đà, mà óc hài hước chẳng thiếu, ngay trong những tình thế tưởng chừng chỉ có nước mắt mà thôi. Tôi có cảm tưởng chúng tôi gần nhau về cách đùa: có quây đôi chút nhưng không quá xàm xỡ, và không tọc mạch đến đời tư của nhau, chưa kể là anh Thịnh có người em là võ sư Phạm Huy Khuê nổi tiếng với võ đường Hùng Vương là nơi đã rèn luyện và đào tạo được nhiều môn sinh rất mực tự cách trong cuộc sống xã hội khiến tôi tự nhiên có nhiều thiện cảm với anh. Lần trước gặp các anh Phát, Khôi tôi còn đôi phần ngại ngùng vì hề nghe đến các vị chức sắc trong các hội đoàn, dù là các hội đoàn thuần túy ái hữu, tôi thường vẫn không mấy thoải mái. Nhưng lần này gặp lại hai anh Phát và Khôi những ngại ngùng tan biến ngay trong những cái bắt tay ấm và chặt. Anh Phát lần này đỏ da, thắm thịt hẳn ra, và khi nhận được tập thơ “ Tình Anh Như Thế Đây” từ tay anh (nhà thơ Kim Vũ), tôi thoáng thấy trên khuôn mặt của anh nụ cười hài lòng rất trẻ thơ của...một kẻ đang được yêu (lần trước, cách đây hơn hai năm, khi gặp anh tại văn phòng của anh Thịnh, anh có cái nhìn nghiêm, và nụ cười còn nhuốm chút ngạo đời?!) Tôi chưa được biết mặt “người yêu” của anh nhưng một phụ nữ có khả năng biến một lão nhân giữa khoảng sáu, bảy bó thành một nhà thơ tình tứ, còn rất nhiều hững hờ (như ta có thể thấy ngay nơi hình bià) thì có nhiều phần là một phụ nữ có đời sống nội tâm phong phú, và cũng còn rất hoạt động về nhiều mặt khác nữa (viết đến đây tôi nhớ đến cú điện thoại của một người bạn ở Nam Cali. cho biết là trong buổi hội ngộ của một số anh em bạn học cùng một cấp lớp với tôi ngày xưa những năm đầu trung học vào cuối tháng 11/2002 vừa qua, một anh bạn là bác sĩ đã ưu ái tặng cho các tham dự viên mỗi người một ít viên Viagra gọi là...chút quà gọi hứng dành cho các trang nam nhi từ sáu bó xấp lên, để quý vị này có thể tiếp tục cuộc vui tại nhà, sau khi đã vui với anh em trong một tiệm ăn trong vùng). Các cựu CVA Bắc-Cali. tôi gặp đều là những người từng trải việc đời, lại rất mực yêu thích văn nghệ, sinh hoạt xã hội, và một số còn cả những hoài bão về những lãnh vực sinh hoạt này.

Ở Cali. tôi có một người bạn thân là cựu sĩ quan hải quân (cựu hải quân trung tá Vũ Hữu San, một cựu CVA) cùng học đệ nhất CVA vào cuối thập niên 1950, người bạn mà tôi cảm phục về tư cách và tâm tình, nên khi gặp anh Phạm Nguyên Khôi, được biết cũng là cựu sĩ quan hải quân, là cựu học sinh CVA lớp sau, tôi thấy giữa chúng tôi có một mối thiện cảm thật tự nhiên; nhưng mỗi lần gặp lại các bạn cũ hoặc thân hữu ở vào thế hệ chúng tôi, nhất là những người đã từng ở trong quân ngũ, tôi bỗng thấy những ghen ngạo, và trong phút giây những phần hận như ở những góc ngách tối tăm nào đó trong tâm hồn vốn rất đơn sơ của mình bỗng ùn ùn kéo về. Những người bạn như San, như Khôi và biết bao thanh niên ở vào lứa tuổi chúng tôi đã phải thực sự gánh trên vai sức nặng quá tầm của cuộc chiến phức tạp và ô nhục tại VN, khi chúng tôi còn non trẻ nhiều mặt. Tôi đã nhiều ngày đêm thức mắc về phát đạn đại bác không ra khỏi nòng súng trên một chiến hạm trong trận hải chiến không cân sức giữa lực lượng hải quân Trung cộng và hải quân QLVNCH vào đầu năm 1974, và nay tôi đã hiểu rõ ràng nỗi đau dai dẳng của những người lính ở vào tình thế phải chống lại cường địch bằng những phương tiện ẻo uột, khập khiễng nhất.

Viết đến đây tôi bỗng thấy thương cảm Nguyễn Quang Minh vô cùng (Minh Dzê là hõn danh. Minh là cựu trung tá thuộc binh chủng thiết giáp hồi trước 75). Tôi đã gọi điện thoại cho Minh báo trước ngày đến và Minh đã hẹn trước với một số bạn cùng học ở Trần Lục, Tân Định ngày xưa lại nhà chơi với vợ chồng Minh ở Fremont vào chiều ngày chủ nhật 17/11/2002, sau ngày đám cưới của đứa cháu ruột của tôi một ngày. Nhưng ngay từ chiều tối hôm thứ sáu 15/11/2002 chúng tôi đã gặp nhau ở nhà của Nguyễn văn Kiện, cũng là một cựu học sinh Trần Lục, Tân Định (Kiện cũng từ CVA chuyển qua TL). Ngồi nhâm nhi rượu lễ ở nhà Kiện, nhìn Minh nói chuyện sôi nổi như những ngày còn ở Trần Lục xưa, và nhìn nét mặt còn hằn những khắc khổ của đời lính chiến trước 75, đời tù sau 75, và đời cơm áo trên đất Mỹ của Minh, cùng với những biến đổi vô thường trong đời sống tình cảm, gia đình, trong thoáng giây tôi hình dung ra nhiều kiếp người nhọc nhằn trên vùng đất quê hương không mấy thanh bình của chúng tôi. Minh vẫn còn khoẻ mạnh, và cùng với những vui, buồn khi gặp lại bạn cũ, Minh vừa uống rượu mạnh vừa kể lại chuyện giang hồ thời học trò, chuyện gian truân đời lính trong những lần làm chốt thí đảo chính, chỉnh lý, đưng đầu với những sĩ quan cấp bậc vào lúc đó cao hơn anh sĩ quan thiết giáp mới ra trường vài năm rất nhiều, bị an ninh quân đội hỏi thăm sức khoẻ, bị hành xác nhiều lần; và rồi là những trận đưng độ ác liệt với quân chính qui cộng sản, những trừng phạt có phần tàn bạo phải có đối với đám tù từ quân lao ra trong mùa hè đỏ lửa 1972!!! Tàn cuộc vui, Kiện giao mạng tôi cho Minh trên đường đưa tôi về nhà. Lý do: nhà của Minh ở Fremont, tiện đường đưa tôi về lại nhà bà chị ruột của tôi ở Sunnyvale. Ngồi trong xe với Minh, tôi bắt đầu thót ruột khi thỉnh thoảng xe hơi chạy trên đường phố mà như xe tăng chạy lên đồi, tìm cách tránh hoả tiễn địch. Tôi hỏi Minh: “ Tỉnh chứ? ” Đáp: “ Yên chí lớn đi. Moa chạy xe bọn Mỹ phải nể. Sĩ quan thiết giáp coi mấy cái xe hơi này là đồ bỏ!” Về đến nhà tôi thấy mót tiêu, mồ hôi rịn ra ở trán dù lúc đó đã nửa khuya. Trời khuya San Jose lúc đó khá lạnh. Sau đó hai ngày vợ chồng Vương Ngọc Quỳnh chở tôi lại chơi nhà Minh. Chiều tối hôm đó thật vui vì được gặp lại Phạm Ngọc Bàng đi cùng bà xã từ Santa Cruz xuống. Tôi với Bàng cũng đã có với nhau khá nhiều kỷ niệm những năm trung học, và đã gặp lại nhau sau này trước ngày Bàng phải đi tù, rồi lại gặp lại sau ngày Bàng đi tù về. Cho đến bây giờ tôi vẫn ngỡ ngàng về những người bạn hiền lành của thời trung học như Bàng (như Dương văn Chiến, Nguyễn văn Tuấn,...) mà qua bao nhiêu đoạn đường chông gai, lăn lộn trong chốn binh lửa, cuối cùng vẫn giữ được nụ cười đằm thắm, khoan hoà trong cuộc sống. Bàng cũng đã gặp nhiều hoạn nạn sau 75: kẹt trong tù nhiều năm không người tiếp tế, thăm nuôi! Và bây giờ, tôi đã thấy cảnh chị Bàng (hiện nay) đem chiếc áo len ra ngoài sân sau nhà Minh choàng áo qua cổ, âu yếm mặc vào cho Bàng. Bàng quả là người hạnh phúc đã gặp được một phụ nữ đằm đàng, ân cần. Bàng đã được bù đắp trong phần hậu vận.

Gặp lại Minh tại nhà, vui vẻ, khoẻ khoắn. Minh vẫn nhớ là còn ‘rất tỉnh’ khi lái xe trên đường về đêm thứ sáu (một số bạn đã nhắc là uống rượu chớ nên lái xe trên đất Mỹ; vì cảnh sát Mỹ là thứ cảnh sát rất “khôn lịn” với dân uống rượu, lái xe). Lần này, Minh quay qua bà xã nhỏ nhắn, xinh xắn của Minh, âu yếm: “ Hôm nào anh dzui nhiều thì cung chở anh về nha” (Có bạn đùa bảo là nhìn bà xã của Minh thấy ít ra thì ‘cô ấy’ cũng phải thua Minh đến...ba giáp). Nhắc đến bà xã của Minh, tôi không sao quên được những bông đùa giữa một bạn học cùng trường với Minh: “Thằng này hõn, đáng lẽ ông đã không gả cháu của ông cho mày. Vợ mày là cháu gọi tao bằng bác, mà mày gặp tao ở đâu, mày cứ ông ông mày, tao; thằng này quả là hõn quá lắm!” Cả bàn tiệc ai cũng cười. Bữa tiệc tại nhà Minh vừa vui, vừa âm tình bạn, chẳng màu mè, riêu cua khách sáo, khệnh khạng gì. Chị Bàng cho thấy tài làm món ăn Nhật của chị, và món bún ốc của ‘cô-Minh’ chắc chắn là món bún ngon nhất tôi được ăn kể từ mười mấy năm nay. Nước dùng ngọt, bún vừa mềm và ốc thật dòn. Trong buổi tiệc, tôi đã được nghe ông bạn họ Đào của Minh kể những chuyện phiêu lưu của một thuyền nhân cả gan đi lạc giữa mùa đông băng giá Bắc Mỹ kiếm việc khiến tôi liên tưởng đến những gã họ ‘Liều’ tìm cách vượt biển trong những chuyến vượt biên hải hùng. Vợ chồng người bạn của Minh tới trễ. Cả hai vợ chồng chuyện vui như pháo tét, và thỉnh thoảng chị bạn cũng cho ‘nổ’ một trái ‘tạc đạn’ phụ họa với đúc ông chồng rất quậy của chị.

Anh chị Vương Ngọc Quỳnh vẫn là những người ít nói, nhưng chan hoà với các bạn đủ dạng, đủ tính, đủ nét như những ngày xa xưa. Nghĩ đến Quỳnh tôi lại nhớ đến Kiện ăn nói nhẹ nhàng như một nhà tu hành đã thấu hiểu lẽ Trời, chừng mực, khôn ngoan. Anh là một người ngoan đạo và cuộc sống gương mẫu của anh chắc chắn đã ảnh hưởng tích cực đến toàn thể gia đình. Hôm ngồi ‘vui vẻ’ ở nhà anh, hai cháu cao, gọn, (một trai, một gái đều nhanh nhẹn, học hành giỏi giang) trước khi ra khỏi nhà để tới tập ở một võ đường trong vùng đã lễ phép chào các chú, bác bạn quen của bố mẹ. Tôi thật hài lòng thấy là phần lớn gia đình các bạn học cũ đã có những cháu đáng yêu và đáng quý như vậy. Tại nhà Kiện tôi còn gặp anh Trần Trị Chi, được biết có lúc đã học ở Trần Lục và là bạn thân của một vài bạn cùng lớp với tôi những năm thất, lục, ngũ. Anh bắt đầu viết truyện ngắn dựa trên những tài liệu có lẽ đã được ghi chép trong một số luận án về sử.

Tôi cũng đã may mắn gặp lại chị Đinh Quang Vọng trong tiệc cưới của đứa cháu ở San Jose. Chị đi với một cháu trai đã lớn. Nhìn cháu tôi lại nhớ đến Vọng. Mới ngày nào tôi cùng Vọng, Ng.G. Kiên, Nguyễn Đức Thuần cùng ngồi trong một con hẻm nhỏ trên đường Hùng Vương bên những đĩa ốc gạo và xì đế Gò Đen, khi Kiên mới ở tù về, hàn huyên và trần trở về quê hương dưới ngọn triều đỏ, mà nay thì Vọng đã vắng mặt trên cõi nhân gian này!!! Điều thật mừng là cuộc sống của chị và cách cháu đều thật ổn định. Chỉ tiếc là tôi đã không gặp được các bạn Đỗ Mộng Chương, Nguyễn Đức Thịnh, Ông Ngọc Bảo, Đào Văn Bình trong chuyến đi này vì những lý do ngoài ý muốn của mình.

Hôm sau, tôi lấy xe đò Hoàng xuống Nam Cali.. Đào Ngọc Phong đã tới đón ở bên xe trước khu chợ ABC trên đường Bolsa. Gặp lại Phong tôi rất đổi vui mừng. Không ngờ là mình còn gặp lại được bạn thân này trên đất Mỹ. Tôi có đôi phần ái ngại khi thấy nhân dáng của Phong hết như một pháp sư Ấn Độ (sau tôi được biết là Phong tập Yoga rất đều). Tuy thế, Phong đi đứng có phần nhanh nhẹn hơn xưa. Hơn thế nữa, gia đình Phong đến đất Mỹ khá trễ, theo diện H.O., nhưng anh chị đã ổn định trong sinh hoạt nghề nghiệp, và các cháu đều đã trưởng thành, thành đạt. Voyages Saigon là nơi mà anh chị làm việc được nhiều đồng bào trong vùng khen tặng. Phong với tôi đã từng dạy học chung với nhau ở trung học Kiến Hòa (Bến Tre) vào giữa những năm 60. Thời kỳ đi dạy chúng tôi vẫn gặp nhau hàng tuần hoặc hai tuần tại Sài Gòn. Chúng tôi đều thân với Nguyễn Tử Lộc, và Nguyễn Nhật Duật (dạy Triết; nay cả hai người bạn này đã ra người thiên cổ!) và thường cà kê, dê ngỗng với nhau. Tôi không phải là dân dạy Triết, nghe các ‘triết gia’ bàn hàng giờ về “hữu thể và hư vô”, “hiện tượng luận”, “triết học hiện sinh”,... tôi đã gọi đùa các bạn là những *philosophe d' état*. Có lần tôi gọi đùa Duật là “ người đi trên mây” và Lộc là “ nhà cách mạng lãng mạn của thế kỷ thứ hai mươi một”. Cả hai bạn chỉ cười mà không giận. Tất cả những ‘triết gia’ này đều mê sách và đều là những khách hàng thường trực của những nhà sách Xuân Thu (trên đường Tự Do) và nhà sách Việt Bằng (Lê Lợi). Tất cả đều đã thường trực thắc mắc về phận người, về thân phận con người Việt Nam trong một cuộc chiến có lúc tưởng chừng không có lối thoát!!! Nay cả hai bạn này đều đã cười hạc qui thiên: Lộc một ít năm sau khi CS chiếm trọn Miền Nam vì ung thư cổ, và Duật mới mất cách nay khoảng một năm tại VN do ung thư phổi.

Nay gặp lại Phong tại Little Saigon quả là hi hữu. Hai tôi ở lại với gia đình Phong đủ để cùng nhau ôn lại những năm tháng thăng trầm đã qua. Mừng là gia đình Phong đã thật ổn định. Trong số những gia đình các bạn đến Mỹ khá trễ (trong thập niên 1990) có lẽ gia đình Phong là một trong những gia đình đã gặp nhiều hanh thông hơn cả, tuy là làm việc trên đất Mỹ, trong ngành du lịch, áp lực của công việc trên con người không mấy nhẹ nhàng.

Chiều tối hôm sau tôi lại đã có dịp được dự một bữa tối rất vui với các anh Vũ Xuân Hoài, Trần Văn Lương, và Phạm Văn Bân mà tôi đã được biết trong đôi lần trao đổi trên một diễn đàn trên mạng lưới thông tin điện tử do một nhóm các bạn cựu CVA-TL-NT như Lê Quốc Đạt, Võ Tuấn Chấn, Đàm Trung Phán và một số thân hữu lập ra làm chỗ vui đùa cũng như trao đổi một số thông tin về một số vấn đề có tính chất thời sự. Hoài đứng ra khoản đãi tại một nhà hàng đồ biển trong vùng Little Saigon.

Chúng tôi đã tán chuyện thật vui với nhau. Trong câu chuyện chúng tôi đã nhắc đến một nhân vật nữ mà nhiều anh em ưa thích. Tôi còn nhớ loáng thoáng (không rõ có phải là vì chất bia làm trí nhớ loãng đi chăng?!) có ai đó trong chúng tôi đã nói : “ Nếu được dặt tay nàng đi trong chiều GIÓ lộng ở Pasadena chỉ để nghe giọng êm nhẹ như nhung của nàng thì cũng đã đủ lắm rồi!...” Hoài là một cựu CVA trung niên, hoạt động trong lãnh vực khoa học nhưng là một tay ‘thờ’ ra văn chương, thi phú, nhất là loại văn chương, thi phú ‘rùng mình’. Anh Trần văn Lương cũng hoạt động nghề nghiệp trong lãnh vực nghiên cứu khoa học như Hoài, và còn là một tay hết sức văn nghệ: anh làm thơ tiếng Hán, viết lời và phổ nhạc . Những bài thơ tiếng Hán của anh được nhiều bạn trong nhóm bạn giao lưu trên mạng lưới điện tử ưa thích. Anh Lương cũng xuất thân con nhà võ như Hoài, mà nhân dáng lại là của một tài tử màn bạc, khác hẳn chất bi trong thơ anh làm. Phạm văn Bân là người đã dành nhiều công sức nghiên cứu về tiếng Hán, nhưng anh sinh sống chủ yếu bằng nghề kế toán và là một nhà kế toán hàng ‘lão’(senior) cho một đại tổ hợp của Nhật ở Mỹ. Bân cũng là một võ sư. Thành thử, trong bốn người có duyên gặp nhau vào bữa tối mà Vũ Xuân Hoài khoản đãi thì cả bốn đều có võ nghệ trong người (riêng võ của kẻ này ở vào mức độ đủ để “ tẩu vi thượng sách”). Tôi cũng đã có nhiều duyên lành với Vũ Trung Hiền và đã gặp anh tại nhà ở Pasadena. Anh có lúc là một thành viên khá xông xáo của mạng lưới điện tử tôi vừa đề cập ở trên. Tuy chỉ là một thành viên gần như đã qui ẩn của mạng lưới điện tử này, tôi rất cảm kích các bạn trong mạng đã dành cho tôi cơ hội và niềm vui gặp gỡ, tâm tình với một số bạn. Trước hôm về lại Toronto, tại nhà anh chị Hiền tôi gặp lại đầy đủ các anh Hoài, Lương, Bân , cùng một vài người bạn của gia đình. Đúng là “ Hữu duyên thiên lý ắt...trùng ngộ”. Tôi đã nằm trên võng trong vườn nhà Hiền (chẳng mấy khác một mảnh vườn ở quê nhà vùng Suối Lò khi xưa), vừa nhâm nhi “ bồ đào mỹ tửu” do chính Vũ Trung Hiền chế biến (rượu nho khai vị, mà vị giống như rượu nếp cẩm - vị ngon rất lạ) vừa nhìn cá vàng lội trong hồ, bên “thảo am” góc vườn nơi Duyên Anh đã lưu lại nhiều ngày với gia đình Hiền. Tôi thấy Hiền là một người hạnh phúc. Chỉ tiếc là chiều tối 23/11/2002 hôm ấy tôi đã không ở lâu được để cùng chung vui với anh chị Hiền và các bạn Lương, Bân, Hoài, cùng các anh, chị mới gặp lần đầu như anh Kiều Vĩnh Phúc, ... Tôi cũng đã có may mắn bất ngờ gặp lại anh Vũ Đức Chang là người anh cả của Hiền, khi xưa có lúc là giám đốc nha tu thực của bộ quốc gia giáo dục VNCH. Tôi đã được gặp anh Chang vào khoảng giữa những năm 1960, khi từ Quảng Ngãi nghỉ phép về lại Sài Gòn, lại thăm anh Vũ Ngọc Châu, cũng là một người anh ruột của Vũ Trung Hiền. Hai anh Chang và Châu đều là những người có niềm tin tôn giáo mãnh liệt. Gặp lại anh Vũ Đức Chang lần này tại nhà anh cũng ở Pasadena, không quá xa nhà của Vũ Trung Hiền, tuy anh đã lớn tuổi (có lẽ đã quá bát tuần), nhưng vẫn sinh hoạt tôn giáo tích cực. Ngồi gần anh tôi cảm thấy cái an toàn ngồi cạnh một người chẵn dặt chiêm lành.

Cũng chiều hôm ấy, Đỗ Đình Di đã tới nhà anh chị Hiền đón để gặp một số các bạn cùng một cấp lớp với tôi những năm đầu trung học ở Sài Gòn trước đây. Nhà của anh chị Di thuộc thành phố Burbank kế cận thành phố Pasadena của Vũ Trung Hiền. Nhìn Di tóc bạc phơ phới, nước da hồng hào, xuề xoà, vui vẻ, hiếu khách với các bạn làm tôi liên tưởng đến nhạc sĩ Văn Phụng. Chị Di trông không mấy khác những hình mà tôi đã được Di gởi cho những năm về trước. Tôi nhìn chị và thấy nếu có kẻ nào đó tưởng lầm chị (bà Đỗ Đình Di thứ thiệt) là bà bé của Di thật cũng chẳng quá đáng!... Những buổi sáng hôm trước tôi đã gặp một số bạn trong nhóm này ở khu Phước Lộc Thọ, ngồi cà phê với nhau, truyện trò như bắp rang, mây tào và cả chửi thề hết như trong sân trường đạo nào. Nhưng phải nói là tối hôm ở nhà Đỗ Đình Di tôi đã hưởng những niềm vui trọn vẹn, nhất là khi gặp lại Nguyễn Đức Thuần với bà xã của Thuần là chị Phương vui, nhộn; với vợ chồng Trần văn Thám mà lúc nào tôi vẫn luôn nhớ, cùng với anh chị Bùi Vĩnh Hưng, anh chị Thiện-Thu, và một số các anh chị bạn khác. Nhìn vợ chồng Thám vui, hoạt tôi rất mừng. Cặp này đã trải qua nhiều sóng gió trong đời nhưng cuối cùng vẫn can đảm, vẫn vui sống, vẫn ‘thỏ tả’ tung bưng. Bà xã Thám là cô bé Hoàng, em ruột của Trần Khắc Am- bạn thân của gia đình chúng tôi những năm còn thơ. Thám đã ‘dám’ cô bé này khi cô bé còn mặc quần thụng đít. Với những bạn thân thuở thiếu thời mà tôi đã từng gặp mặt, chúng tôi ít phải đề phòng những bất trắc như khi ‘chơi’ với những người [anh em] giàu thủ đoạn

trường đời (kể cả một số những người [anh em] đã từng học chung dưới mái những ngôi trường trung học). Tôi cũng đã gặp Lê Hữu Nghĩa, Vũ Kim Chi, Nguyễn Ngọc Thường, Nguyễn Hữu Thường, Vũ Khang, Trần Tiến Phúc, Trương Minh Triết, Võ Hùng Anh (từ Pháp qua dự đám tang của ông cụ thân sinh ra Anh), và nhiều bạn khác nữa...

Thời còn học trung học, và sau này khi đã ra đời, khi còn tại VN, tôi có lý do để tin tưởng là nhiều bạn học cũ sẽ nắm những trọng trách trong nhiều ngành hoạt động khác nhau, và chắc chắn không anh nào phải đập xích lô (cụ tổng giám thị Phan Trọng Kiên, thân phụ của tướng Phan Trọng Chinh đã có lần run giọng với chúng tôi: “ Những đứa này đứa nào không chịu học thì ...đập xích lô tuốt!!!”). Sau 30 tháng tư năm 1975, tôi đã thấy một vài bạn học cũ phải đập xích lô trên đường phố Sài Gòn sau khi đi tù về; một đôi người bạn đã từng giữ những chức vụ lớn trong chánh quyền VNCH trước khi VNCH bị khai tử). Đúng là “ Thuở trời đất nổi cơn gió bụi” chẳng phải khách má hồng mà cũng lắm truân chuyên!

Buổi sáng ngồi cà phê, tán gẫu rôm rả ở Phước Lộc Thọ xong, các bạn đã kéo đi ăn sáng. Cũng lần đầu tiên sau nhiều năm đến Bắc Mỹ tôi được thưởng thức trở lại hương vị của Phở Tàu Bay- Ngã Bảy Sài Gòn (cũng thoáng thấy hương vị Phở Tàu Bay ngày xưa) Trong số các bạn có những bạn có lẽ đến gần nửa thế kỷ mới gặp lại nhau như Nguyễn Hữu Khang, và người gặp lại trong thời gian ngắn nhất là Lê Hữu Nghĩa thì cũng đã 14 năm (từ 1988 khi còn ở VN). Với Lê Hữu Nghĩa tôi cũng đã có rất nhiều kỷ niệm, từ lần gặp Lê Hữu Nghĩa ở Quảng Ngãi sau trận Bình Giả (lúc ấy Nghĩa mới là thiếu úy thuộc binh chủng Thủy Quân Lục Chiến), và đặc biệt là những kỷ niệm khi Nghĩa còn là trưởng ty quan thuế Gò Dầu, Tây Ninh. Hiện nay tôi vẫn còn giữ trong nhà một chiếc chén ăn cơm của Nhật mà Nghĩa đã tặng khi tôi có dịp lên Gò Dầu với Nghĩa (Nghĩa đã tặng nguyên một ló) vào năm 1971. Đêm trước ngày xuống nhà Đỗ Đình Di ở Burbank, tôi đã gặp mặt một số bạn cựu CVA-TL khác ở nhà Vũ Khang. Đêm Khang đãi tiệc các bạn cũng là ngày giỗ của Đào Giang Hải, một bạn rất thân của tôi những năm đầu trung học. Hải đã mất trong một phi vụ hành quân. Tôi đã thật may mắn gặp lại chị Hải (chị Ninh - cũng là chị ruột của Vũ Khang) và cháu Hoàng - con của Hải và Ninh, cùng các cháu con của cháu Hoàng. Trước bàn thờ, vái lễ Hải, và nắm tay cháu Hoàng cùng các con của cháu, tôi cảm nhận được giọng sống âm áp của một trong những bạn thân nhất của mình đang tiếp tục trên Bắc Mỹ này. Khi viết những giọng này tôi vừa biết ơn vừa thấy nỗi thương cảm chất ngất những phụ nữ VN đã gặp quá nhiều thử thách trong đời, trong đó có những người đã là vợ những người bạn hết sức tốt lành của chúng tôi.

Xuống Nam Cali., tôi cũng đã gặp lại cụ bà thân mẫu ông anh rể của tôi nay đã 98 tuổi, và thầy dạy cũ tại trường Trần Lục xưa là thầy Vũ văn Toàn. Hai vị này cùng với hai bạn thân khi tôi ở trong quân đội Trần văn Phương, cựu cảnh sát trưởng Pleiku (1968-?); và cựu trung tá Phạm Bá Mạo, sĩ quan không quân phụ trách an ninh tại phi trường Pleiku (196?-1975) là những người tôi cần gặp trong chuyến đi này. Cụ thân mẫu của anh rể tôi là một bậc đạo hạnh. Niềm tin tôn giáo đã giúp cụ sống tuổi già êm đềm bên con, cháu hiếu, hạnh. Thầy Toàn đã ngoại bát tuần nhưng vẫn còn rất minh mẫn. Thầy là tấm gương về đời sống mẫu mực, và cũng là hình ảnh điển hình của một tín đồ Công Giáo luôn tin tưởng ở mọi sự diu dắt, hướng dẫn, an bài của Đấng Toàn Năng. Thầy am tường nhiều về văn hoá cổ, kim, Đông, Tây, nhưng Thầy luôn đứng về phía những giá trị tinh thần truyền thống. Đứng trong sân nhà của Thầy Cô vùng Fountain Valley, trên thảm cỏ xanh, bên bức tường hoa giấy rực nắng, cạnh cây cam sai trái bên Hang Đá, và chụp những bức hình lưu niệm với Thầy Cô cùng với Lê Hữu Nghĩa và Bùi Vĩnh Hưng bên những non bộ của gia đình, tôi thấy Thầy Cô thật hạnh phúc. Vào những phút giây yếu lòng, tâm hồn chùng xuống, tôi thường gọi điện thoại thăm Thầy. Thật ra là nhờ được nói chuyện với Thầy, tôi cảm thấy được an ủi, cảm thấy mạnh hơn để có thể tiếp tục những ngày chưa thật an bình của riêng mình.

Với hai người bạn tôi thật sự cần gặp trong chuyến đi này, Phương là một cựu học sinh CVA. Trong nhiều lần liên lạc trước đây tôi biết Phương bị đau và đã chịu nhiều lần giải phẫu, nay không ngờ bạn tôi vẫn còn khả năng lái xe trên xa lộ vào ban ngày, và mừng nhất là gia đình êm ấm, các cháu đều học hành đến nơi đến chốn. Như anh cho biết: sau vài năm đến Mỹ (từ 75) anh đã bị đau, phải giải phẫu nhiều lần, và chị là người duy nhất trong gia đình phải gồng gánh, lo toan mọi chuyện. Sống trong khung cảnh gia đình của anh chị, tôi thấy chị Phương là một phụ nữ Miền Nam thật giỏi, thật đảm và chị đã chịu đựng mọi vất vả hy sinh cho gia đình đến giờ phút này, luôn sống như lời kết ước trong thánh lễ hôn phối nhiều năm trước đây. Tôi thành thật cảm phục chị. Thật không dễ dàng gì đối với một phụ nữ còn khá trẻ, còn nhan sắc, còn nhiều cơ hội bay nhảy, lại là người có quyền điều hành trong một tổ hợp quản trị tương đối lớn ở Mỹ mà vẫn toàn tâm, toàn ý với gia đình, nhất là khi người chồng bị đau yếu, suy sụp trong nhiều năm. Phạm Bá Mạo cũng đã phải thay khớp đầu gối và lúc này đi lại còn đôi phần khó khăn. Anh đã bị kẹt lại VN sau 75, bị tù hàng chục năm, và cũng chỉ mới đến Mỹ theo diện H.O. một vài năm gần đây. Nhưng anh cũng là một trong số những H.O. đã gặp nhiều may mắn: con cái tất cả đều thành đạt.

Tôi cũng gặp lại giáo sư kiêm võ sư Phan Quỳnh, một cựu CVA- khi anh từ San Diego lái xe lên nhà Trần Văn Phương hội ngộ. Gặp nhau lần này vừa mừng, vừa bồi hồi. Tôi quen anh khi đến võ đường Hoa Lư của môn phái Vovinam-Việt Võ Đạo trước 75 thăm Trần Huy Phong, bạn cùng lớp ở CVA, là võ sư trụ trì tại võ đường này. Sau 75 tôi thường gặp Quỳnh nhiều lần, bên một quán cà phê cái-nồi-ngôi-trên-cái-cốc dưới một gốc me trên đường Gia Long, gần thư viện Gia Long cũ. Tôi cũng đã có may mắn liên lạc lại được với Phan Quỳnh từ ngày mới đặt chân tới Canada, và được biết anh vẫn sinh hoạt tích cực với môn phái. Trong bốn anh em chúng tôi gặp nhau tại nhà Trần Văn Phương trong vùng Corona (anh Vũ Hữu San kẹt xe trên xa lộ và lạc đường không đến được) vào chiều tối 22/11/2002 thì Phan Quỳnh là vị đẹp lão, phong độ hơn cả. Da mặt anh tươi nhuận không một nếp nhăn, tóc bạc mịn, đi đứng khoan thai, vững vàng, và nói năng ôn tồn, chậm rãi. Khi đùa nắn vai và lưng anh tôi ngạc nhiên đến ngỡ ngàng thấy các bắp thịt săn chắc như ở những thanh niên cường tráng, mới ngoài đôi mươi, đang vẫn ôn, võ luyện; cái săn chắc ở Phan Quỳnh là cái săn chắc của người có luyện nội công. Ngày hôm sau hai anh Trần Văn Phương và Phạm Bá Mạo chở tôi đến những bãi biển nổi tiếng trong vùng: Dana Point Beach, Laguna Beach, New Port Beach. Phương bảo: “Đề ông nhớ đến bờ Thái Bình Dương mù tắp nơi quê nhà.” Tôi đi dọc những bãi biển thật đẹp, nhìn những khách sạn sang trọng nằm chót vót sau lưng, nhìn hàng ngàn du thuyền san sát nhau trong vịnh, vào thăm một hội quán tư trong vùng, dõi theo những người chơi *surfing* phía dưới mà lòng bỗng quặn đau. Tôi nhớ đến chuyến vượt biên bất thành năm 1982, và nhớ lúc về lại Sài Gòn gặp Trần Văn Thám trên đường Nguyễn Huệ, ngỡ ngàng như vừa mới từ trại giam ra. Tôi bỗng liên tưởng đến những bài thơ của nhiều người làm thơ và dễ dàng nhận ra ‘chất sống’ và cả ‘chất giả’ trong nhiều bài thơ khác nhau ấy. Những kẻ không sống thật không thể nào gây được những xúc động mãnh liệt trong lòng người!

Viết đến đây, nhớ lại tất cả những người tôi đã gặp trong chuyến đi vừa qua, tôi chỉ biết thầm cảm ơn Đấng Toàn Năng đã ban cho tôi ân huệ được chiêm ngưỡng những kỳ quan của Người: những người thân cùng những bạn bè, bằng hữu, cả những người mà chúng ta ít nhất đã một lần gặp mặt trong đời, những người đã đem đến hạnh phúc cũng như những đau khổ, những người đã an ủi mình và cả những người đã đặt cho mình những thử thách gặt gao. Tôi bỗng như nhìn thấy tất cả những người mà mình quen biết ở thành phố Sài Gòn nhộn nhịp xưa, và xa xôi hơn nữa: ở Huế, ở Hà-Nội, ở những thành phố nhỏ như Nam Định, Quảng Ngãi, Vĩnh Long,...trên quê hương mù tắp của tôi. Tôi thấy một mối tình chung nối tất cả chúng tôi lại với nhau. Tôi nguyện mong tất cả chúng ta, nhất là những người bạn cũ, cách riêng là những người bạn của một thời trung học luôn tìm đến nhau, hỗ trợ nhau, an ủi nhau trong những sóng gió, bấn loạn của thời đại nhất là đối với nhiều bạn trong chúng ta từ khi ra đời đã gặp nhiều cảnh ngộ bất thường, đã phải đương đầu với biết bao toan tính, hành vi hiểm ác của không hiếm kẻ dữ trong đời. Nhân mùa Giáng Sinh và Năm Mới này xin gửi đến toàn thể

quí bậc trưởng thượng, quí thân hữu, cùng toàn thể các bạn xa gần lời nguyện chúc “ Bình An Dưới Thế Cho Kẻ Thiệt Tâm”.CVA Nguyễn Thọ Chấn

* * *

BẠN CÓ BIẾT?

Y Nhi (CVA thế hệ thứ hai)

Kính thưa quí vị: Cô, dì, chú, bác, ông,.....cháu là con cháu của CVA. Hôm nay, cháu xin được phép của Bố cháu, cho cháu được vào đây múa rối. Trước hết cháu xin phép được tự giới thiệu cháu là con của Bố Mẹ cháu. Sang tới Hiệp Chúng Quốc, cháu vừa tròn tám năm mầm non. Ấy vậy mà mười năm sau, cháu vẫn nhớ tiếng Việt. Không những vậy, cháu còn dạy Việt Ngữ ở trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang, rồi dùng bút hiệu Ý Nhi đi quây trên các báo Việt Ngữ. Hôm nay, cháu được phép vào đây ra mắt các bác. Đúng ra, cháu phải viết các “Cụ có Biết” nó mới đúng phép tắc, nhưng như vậy nó không được chính cho lắm. Cháu xin quí vị xá xòa cho, để được dùng tựa đề “Bạn có Biết” cho nó vui vẻ. Không chừng có trón, cháu lại vào đây làm phiên nữa. Cháu xin được tiếp rằng:

Từ thời thượng cổ, nước nào có quân đội không cần đông nhưng biết xử dụng kỹ mã cừ khôi, chiến đấu dũng mãnh, ác liệt, tàn bạo, đánh một vài trận thư hùng thắng vẻ vang, nghe tiếng tăm mọi quốc gia đều khiếp vía, thấy quân đội dữ dằn xuất hiện thì đầu hàng trước hoặc là tránh né hơn là kháng cự để rồi bị tàn sát, tiêu diệt thê thảm. Nhờ vậy, đôi quân này có thể tiến tới đâu thắng tới đó và trở thành quân đội hùng mạnh nhất. Dựa vào đó, họ lấn áp các quốc gia khác, bắt Vua Chúa của nước đó phải triều cống hay bắt dân nước đó làm nô lệ cho mình, như quân đội Mông Cổ chẳng hạn. Đó chính là thời gian mà Bộ Binh là Nữ Hoàng của chiến trường, sau đó thì không phải như vậy nữa. Hầu như nước nào có Hải Quân mạnh là nước đó mạnh, có thể xưng hùng xưng bá khắp năm Châu bốn biển. Từ bách niên kỷ thứ 18, nước có Hải Quân mạnh nhất phải kể là nước Anh, thứ đến là Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức, Nga, v.v. Những nước này thay phiên nhau đi chiếm cứ các quốc gia nhược tiểu, bắt làm thuộc địa với một chính sách cai trị bóc lột, khai thác thật hà khắc. Những quốc gia Phi Châu, Á Châu là nạn nhân, trong đó có Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Năm nay, chúng ta đã bước vào bách niên kỷ thứ 21, bách niên kỷ lấy khoa học kỹ thuật để đo lường sức mạnh của một quốc gia. Bách niên kỷ thứ 19, Hải Quân của Hoa Kỳ đã anh dũng hạ hạm đội Tây Ban Nha tại Cuba, Nam Mỹ xong đến Guam và Phi Luật Tân, sau đó kể như làm bá chủ Thái Bình Dương. Bách niên kỷ thứ 20, các hạm đội của Hoa Kỳ làm bá chủ, mạnh nhất trên khắp các Đại Dương, từ Bắc Cực cho đến Nam Cực, từ Đông sang Tây đâu đâu cũng có sự hiện diện của Hải Quân Hoa Kỳ. Hiện nay, kể như Hải Quân Anh Quốc đứng hàng thứ hai trên thế giới, nhưng Hoa Kỳ bỏ xa hàng vài ba chục năm. Hải quân của Nga thì đã toi bởi hoa lá, khó có thể cự mình lại được. Chúng ta không nên coi thường hải quân của Trung Hoa lục địa. Nhờ Hoa Kỳ hàng năm cho hưởng tối huệ quốc, nên họ mua được những phát minh khoa học, kỹ thuật tân kỳ của các nước tiên tiến, do đó các hạm đội của Trung Cộng mỗi ngày một mạnh vượt mức, sẽ vượt qua Hải Quân Anh Quốc nay mai. Nhưng nếu muốn chiếm ngôi vị bá chủ Thái Bình Dương thì Hải Quân Trung Cộng cũng còn cần phải có một thời gian dài nữa, đó cũng chính là mối họa chung cho các dân tộc Á Châu và cả toàn cầu nữa. Nhật là quốc gia nhìn thấy sự nguy hại đó cho nên đã bắt đầu xây dựng lại quân đội của họ. Họ sợ vi phạm hiến pháp của họ được soạn thảo sau khi bại trận đệ nhị thế chiến, nhưng đó là việc phải làm và họ đang xúc tiến.

“Những bài học trông nhờ vào các cường quốc” đã cho Việt Nam chúng ta, bài học đau đớn ê chề. Bài học số 1 vào năm 1946, người Việt Quốc Gia dựa vào quân đội của Trung Hoa Quốc Dân Đảng khi quân đội này vào bắc Việt Nam tước khí giới quân đội Nhật. Bài học số 2 vào năm 1975, người Việt Quốc Gia dựa vào viện trợ của Hoa Kỳ. Cho nên, người Nhật bắt đầu nghĩ tới việc phải tự lực hơn là trông chờ vào lực lượng ngoại quốc. Họ cũng sợ, chờ được vạ thì má đã sưng.

Hoa Kỳ tuy hiện nay Hải Quân đang dẫn đầu thế giới nhưng họ vẫn chú ý đến việc canh tân quân lực của họ. Những hàng không mẫu hạm là chủ lực trong đệ nhị thế chiến, nay đã lần lượt vào bảo tàng viện để nhường chỗ cho những hàng không mẫu hạm đàn em tối tân hơn, tân kỳ hơn ra đời. Hẳn chúng ta ai có lưu tâm đến sự hiện đại hóa, canh tân hóa Quân Đội của các nước trên thế giới đều phải nhớ đến một biến cố vô cùng vĩ đại vào ngày 24 tháng 7 năm 1998: Hàng không mẫu hạm nguyên tử USS Harry Truman hạ thủy. Đó là ngày mà tại thành phố Norfolk thuộc tiểu bang Virginia, Hải Quân Hoa Kỳ đã bước vào một kỷ nguyên mới, vô tiền khoáng hậu. Phải ít nhất là 20 năm sau, may ra mới có nước thứ hai theo kịp. Còn những nước như Việt Nam, may ra Bách Niên Kỷ sau mới dám nghĩ tới. Hàng không mẫu hạm này lấy tên của vị Tổng Thống thứ 33rd của Hoa Kỳ Harry S. Truman. Có thể hàng không mẫu hạm lấy tên của vị Tổng Thống này vì chính ông đã ký sắc lệnh đầu tiên cho phép Quân Lực Hoa Kỳ được trang bị vũ khí Nguyên Tử. Cũng chính ông là vị tư lệnh tối cao của Quân Đội Hoa Kỳ cho lệnh thả hai trái bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản cuối năm 1945.

Khi dự án được chấp thuận, sau gần 6 năm, cơ xưởng Hải Quân Hoa Kỳ mới làm xong Hàng Không Mẫu Hạm Nguyên Tử USS Harry Truman (HKMH) với giá thành là 7 tỷ 290 triệu Mỹ Kim. HKMH có thể chuyên chở thường trực 6.000 thủy thủ đoàn để làm việc trên HKMH, có hai nhà máy điện nguyên tử cung cấp điện lực cho HKMH, dùng đường giây điện dài 2.000 cây số để cung cấp điện cho 3 nhà bếp, 2 nhà máy giặt ủi, máy điều hòa không khí cho 20 tầng lầu, máy giải trí và có vào khoảng 30.000 bóng đèn điện. HKMH có thể chạy ngoài khơi liên tục 20 năm mà không cần vào bờ. Đến năm 2018, HKMH mới cần tiếp liệu và tu bổ. Ngoài ra, HKMH có thể hoạt động chung quanh địa cầu liên tục 50 năm, tức là tới năm 2048 mới phải tu bổ đại kỳ hay cho về hưu nằm tại các bảo tàng viện Hải Quân. Mỗi nhà bếp có kho hàng có khả năng chứa đủ mặt hàng bằng 7 siêu thị cỡ lớn như Safeway hoặc Lion. Một hệ thống điện thoại gồm tổng đài và 2,000 máy điện thoại. Một hệ thống lọc nước, biến chế nước biển thành nước ngọt, đủ nước cung cấp cho khoảng 2,000 gia đình mỗi ngày. Một Đại Đội Quân Cảnh và một nhà tù, để mời những chàng vi phạm quân kỷ vào nằm áp. HKMH có một phi trường và một hệ thống điều khiển không lưu vô cùng tối tân bằng “computer”, với dàn phóng phi cơ, đủ sức cho phi cơ cất cánh nhẹ nhàng không cần phi đạo dài. Dàn phóng này tên là “catapult”, kèm theo một giàn ghìm phi cơ giúp phi cơ hạ cánh xuống phi đạo của HKMH bằng một hệ thống thắng gồm bốn sợi giây cáp để cản lúc phi cơ hạ cánh. Phi cơ đang tốc lực khoảng 200 MPH được nhẹ nhàng giữ lại trên phi đạo dài khoảng 100 thước. Hai chiếc neo để giữ HKMH đậu lại, mỗi chiếc nặng khoảng 50 tấn. Không lực trên chiến hạm thì vô địch. Khi HKMH đang hoạt động tại vịnh Bắc Việt Nam, chỉ cần tiến tới eo biển Đài Loan là có thể san bằng tất cả các trung tâm kỹ nghệ, thương mại, quân sự của Trung Hoa Lục Địa bằng cách phóng hỏa tiễn Tomahawk, cho lên không các loại máy bay oanh tạc và không chiến F14, Tomcat. Các loại máy bay này có thể bắn trúng mục tiêu ở khoảng cách 6 miles, tức là ở khoảng cách mà phi công chưa thấy mục tiêu, vì phi công chỉ tấn kick theo lệnh của radar và hệ thống computer tinh vi. Máy bay siêu âm F18 Hornet mà các loại radar hiện nay không thể phát hiện được. Các loại máy bay đã được trác nghiệm tại chiến trường Trung Đông rất hiệu nghiệm. Khi oanh tạc thủ đô Bát Đạt không một máy bay nào bị bắn rơi, mặc dù Thủ Đô này được phòng thủ bằng những dàn Radar và hỏa tiễn địa không tối tân nhất hiện nay. Đồng thời phụ họa với các dàn radar phòng thủ, các máy bay S3A có khả năng tìm và diệt tàu ngầm địch.

Khả năng phòng thủ của HKMH cũng rất tinh vi. Ngoài những dàn Radar, những kính nhìn điều khiển bằng điện toán vận chuyển những tia laser khám phá ra địch ngoài tầm bắn trúng đích của địch quân, những dàn phóng hỏa tiễn chống hỏa tiễn điều khiển bằng điện toán. Ngoài ra, để phòng thủ chống người nhái của địch, HKMH có những đàn cá heo “NHÁI” có khả năng tiêu diệt bất cứ loại “NHÁI” nào của địch quân, bằng kiếm và bằng hỏa tiễn, đàn cá heo nhái này hoạt động ngày đêm không mệt mỏi, ấy vậy mà cũng có thượng phiên, hạ phiên sau mỗi 4 giờ hoạt động.

Mặc dù hung hãn như vậy nhưng cấp bậc Hạm Trưởng HKMH chỉ là một vị Đại Tá Hải Quân (Captain). Tóm tắt lại, HKMH USS Harry Truman có khả năng tấn công bất cứ Quốc Gia nào trên địa cầu này, và có khả năng tự phòng thủ hơn bất cứ Quốc Gia nào trên trái đất này . .

* * *

Tiệc thay mùa hè

CVA Trần Khánh Hồng

Mùa hè ra ra tiếng ve ngâm

Cây cỏ xanh tươi, rợp bóng râm

Chim chóc hót ca trên bụi rậm

Nóng bức cho bù lúc lạnh căm

Mùa hè tới, tiết trời oi ả

Nóng như thiêu đốt cả cây xanh

Bãi biển đông người bơi lội tắm

Dòng sông lăm kẻ thả thuyền trôi

Hè về hoa phượng nở đỏ đường

Màu đỏ như son bao phủ cây

Học sinh nghỉ học, trường đóng cửa

Từ già bạn lòng, dạ vấn vương

Nóng bức! Nhưng tôi thích mùa hè

Bầu trời tươi sáng, lăm người ưa

Còn đâu hè ấy..Giờ xa tấp

Còn mãi trong tôi, nỗi tiếc hè!

* * *

ĐIỂM SÁCH: Một vài cảm nghĩ khi đọc Dầu Hỏa Việt Nam 1970-1975 Những Ngày Còn Nhớ . . của Trần Văn Khởi (CVA 1957-1960.)

CVA Lê Văn Ninh

Dầu Hỏa Việt Nam 1970-1975/ Những Ngày Còn Nhớ . . (DHVN-NNCN) là bút ký của Kỹ sư Trần Văn Khởi, nguyên Tổng Cục Trưởng Dầu Hỏa Và Khoáng Sản thời Đệ Nhị Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.

Bút ký kể lại công cuộc tìm kiếm dầu hỏa trên thềm lục địa Việt Nam của chính quyền Miền Nam và những đóng góp của chính tác giả và những người khác vào thành quả của công cuộc dò tìm đó. Sách dày 402 trang, được phân đoạn theo thứ tự thời gian:

1) ‘Những Ngày Trước 1970-1975’- Tác giả liệt kê những công cuộc tìm kiếm dầu hỏa khắp Đông Dương từ thời Pháp thuộc cho tới năm 1954 bởi Sở Hàm Mỏ trụ sở tại Hà Nội , nhưng không có kết quả cụ thể nào. Từ sau 1954, dưới sự bảo trợ của Viễn Á Kinh Ủy Hội (ECAFE), Ủy Ban Liên Kết Thăm Dò Tài Nguyên Khoáng Sản Ngoài Khơi Á Châu (CCOP) mà trong đó Việt Nam đã là hội viên từ năm 1967, đã phức trình là ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam có nhiều triển vọng có dầu hỏa. Vì thế, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã mạnh mẽ xúc tiến công cuộc tìm kiếm dầu hỏa trong các năm 1968-1969 và thúc đẩy Thượng Viện VNCH chung quyết Luật Dầu Hỏa vào cuối năm 1970.

2) Những Ngày Còn Nhớ . . . , Trong hơn 146 trang giấy kế tiếp , tác giả kể lại chi tiết cơ duyên nào đã giúp tác giả đóng vai chính trong việc tìm kiếm dầu hỏa của VNCH, từ ngày đầu tiên học bài vỡ lòng về dầu hỏa, về tiến trình cấp quyền đặc nhượng tìm kiếm dầu hỏa, về đấu thầu quốc tế và làm thế nào để bảo vệ quyền lợi quốc gia trước những thế lực tài phiệt của những đại công ty quốc tế . . .

Trong những tiểu đoạn ‘ 655 Ngày Mỏi Mòn Chờ Lệnh, Ngày Chờ Dài Người, Ngày Điền Đầu Rối Sáng Mắt, Ngày Suyt Bị Đá, Ngày Tim Thấy Dầu Mà Vắng Mặt, Ngày Học Làm Ngoại Giao và Luật Biển, Ngày Được Làm Ông, Ngày Cáo Chung , tác giả đã cho người đọc biết những khúc mắc, những quanh co trong cơ quan công quyền VNCH lúc bấy giờ, những ưu tư, những nỗi vui mừng khi tìm thấy dầu hỏa và nỗi chua xót nhìn những công trình của Tổng Cục Dầu Hỏa bị đứt ngang vì sự sụp đổ của Miền Nam Việt Nam ngày 30 tháng 4 năm 1975 . . .

3) Tên Giếng Dầu Ở Thềm Lục Địa Việt Nam và Hợp Đồng Tìm Dầu Đầu Tiên. Tác giả đã đặc biệt dành 32 trang để trình bày diễn tiến việc đặt tên các giếng dầu và phân tích một hợp đồng mẫu. Nhờ đó chúng ta mới hiểu tại sao những giếng dầu đầu tiên của Việt Nam lại có tên Bạch Hồ, Đại Hùng, Thanh Long v.v. . .

4) Những Ngày Sau Năm 1975: Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, tác giả đã định cư ở Houston, và khởi đầu làm việc cho công ty Superior Oil, trông coi về khoan dầu ngoài khơi Louisiana. Nhờ kinh nghiệm thương thảo từ khi còn là Tổng Cục Trưởng Dầu Hỏa VNCH, tác giả đã được hãng Pennzoil cử đi công tác tại các nước Cộng Sản thuộc Liên Bang Xô Viết cũ và Việt Nam. Tác giả đã ghi lại những nhận xét và những rung động của mình qua những tiểu đoạn: Ngày Ở Baku, Ngày Đi Hà Nội, Ngày Về Saigon Thăm Sở Cũ. Mới đọc qua tiêu đề cuốn bút ký, tôi có cảm tưởng sẽ không mấy

hứng thú vì đề tài quá chuyên môn và còn quá xa lạ với người Việt; nhưng quả thật tôi đã làm, tôi đã say mê đọc hết hơn 400 trang giấy một mạch và tôi xin nêu ra dưới đây một vài nhận xét:

a) Với lời văn giản dị, dễ hiểu, tác giả đã mạch lạc hướng dẫn người đọc thông qua những danh từ chuyên môn để có thể tìm hiểu căn kẽ một sinh hoạt kinh tế quan trọng hàng đầu của thế giới và Việt Nam hiện nay. Với tinh thần chức nghiệp cao, ham học hỏi, tính thanh liêm, và sự trầm tĩnh trong hành xử, tác giả đã chu toàn trách nhiệm được giao phó một cách thật xuất sắc, chức vụ Tổng Cuộc Trưởng Dầu Hỏa Và Khoáng Sản VNCH. Một điểm son khác cần nêu lên ở đây là tác giả cũng đã luôn luôn công bằng chia sẻ những thành quả đó với các cơ quan liên hệ cùng các cộng sự viên khác.

b) Trái với các chính sách khác về quân sự, chính trị và văn hóa. . . chính quyền Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không những đã không chối bỏ, mà vẫn còn công nhận những thành quả dò tìm dầu đó của chính quyền Miền Nam và vẫn giữ nguyên tên các giếng dầu như trước, như tác giả đã trích trong cuốn ‘Dầu Khí Và Dầu Khí Ở Việt Nam’ của Giáo sư Tiến Sĩ Trần Mạnh Trí như sau: ‘ Ở miền Nam, công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí của chính quyền Saigon đã bắt đầu vào khoảng cuối thập niên 1960 . . . Trong khi đó tổ hợp Mobil dùng tàu khoan Glomar đã khoan giếng Bạch Hổ và Đại Hùng, trong đó đã tìm thấy dầu khí thử vỉa ở mỏ Bạch Hổ 2400 thùng/ ngày.’ (DhVN-NNCN trang 8). Tác giả cũng cho biết, ‘Mới đây đọc báo thấy CS Việt Nam trong năm 2000 xuất cảng được 3 tỷ rưỡi Mỹ kim dầu thô, tôi không khỏi trạnh lòng nhớ lại’ (DhVN-NNCN trang 76) .

c) Chính quyền Hoa Kỳ luôn luôn quảng bá là họ đã viện trợ các nước nhược tiểu như Việt Nam trong việc huấn luyện nhân viên một cách hoàn toàn vô vụ lợi . Thế nhưng, thực tế đã chứng tỏ ngược lại, như tại Việt Nam, nước Mỹ đã đầu tư vào việc huấn luyện các chuyên viên Việt Nam như kỹ sư Khởi và hàng ngàn các chuyên viên khác từ thập niên 1960, thì từ cuối thập niên 1970, những người đó đã trở thành những công dân gương mẫu của Hoa Kỳ và đã đóng góp đặc lực vào công cuộc phát triển nền kinh tế nước Mỹ. Nước Mỹ đã thu hoạch lại nhiều lần hơn những gì họ đã bỏ vốn đầu tư lúc ban đầu. Thật đáng buồn cho đất nước Việt Nam, đã không xử dụng được nguồn tài năng phong phú đó.

Trên đây mới chỉ là một vài cảm nghĩ và nhận xét sơ khởi, tôi xin nhường lại đề đọc giả tự mình khám phá ra rất nhiều điều thích thú khác nữa khi đọc bút ký Dầu Hỏa Việt Nam 1970-1975/ Những Ngày Còn Nhớ của Kỹ sư Trần Văn Khởi.

CVA Lê Văn Ninh

* * *

ĐƯỜNG TRƯỜNG XA... CON CHÓ NÓ THA CON MÈO...

Có thể nói thế hệ của tôi từ lúc mới sinh ra là đã nhìn thấy chiến tranh: Nhật đem quân vào Đông Dương nên máy bay Đồng Minh dội bom quân đội Nhật. Khi Nhật đầu hàng thì Toàn quốc khởi nghĩa và Pháp trở lại Đông Dương nên xảy ra cuộc Toàn quốc kháng chiến. Cái hào khí mà lúc còn tuổi thơ tôi đã nhìn thấy tỏa ra nơi thế hệ cha anh trong cuộc chiến tranh giành độc lập bắt đầu phai

nhật dần theo với đà khôn lớn của tôi, khi mà cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp biến thể thành cuộc chiến tranh ý thức hệ. Rồi đất nước bị phân chia và cuộc chiến tranh Quốc Cộng lại tái diễn. Những phân hóa trong nội bộ Miền Nam đã khiến cho tình hình càng ngày càng xấu nên chiến tranh cứ kéo dài triền miên khiến cho ai cũng đâm ra chán nản và mỏi mệt. Cũng vì thế mà bây giờ đến lượt thể hệ của tôi trưởng thành, phải nối tiếp thể hệ cha anh tiếp tục cuộc chiến thì cái hào khí hào như không còn mà hình như chỉ vì cái thế bất buột thôi.

Từ cái nhìn cuộc chiến như thế đó tất nhiên những người thuộc thể hệ tôi hầu như anh nào đến tuổi động viên cũng đều sống trong tình trạng bấp bênh chờ đợi đến lượt mình bị gọi nhập ngũ, và lúc phải cầm tờ lệnh gọi trong tay rồi thì anh nào cũng có vẻ thuộc nằm lòng câu “An cổ đi trước, lợi nước đi sau”. Tôi cũng nằm trong số những anh chàng mà giòng máu kiêu hùng vẫn còn ngủ yên trong trái tim chứ chưa sôi sục trong huyết quản, nên khi bị gọi nhập ngũ trong đợt bổ túc cho khóa 23 Thủ Đức này, đợi tới ngày chót mới chịu chường mặt ra trình diện, do đó mà khi được đưa vào tới quân trường Bộ Binh thì khóa này cũng đã tới ngày khai giảng và các đơn vị đều đã đầy đủ quân số, duy chỉ có Đại đội chót còn thiếu một trung đội cho nên tất cả cùng được sắp chung vào cái trung đội cuối cùng này cho tròn cấp số.

Vừa được phân bổ về tới đơn vị là bọn tôi tức tốc được sĩ quan cán bộ dẫn tới kho quân nhu để lãnh đồ trang bị cho một tân binh hầu chạy theo cho kịp với lịch trình chung cả khóa. Từ thừa còn làm học sinh nội trú cho tới thời sinh viên lang thang ở trọ, cái vali hành trang của tôi chưa bao giờ đầy, thế mà bây giờ vào đây được phát cho một lúc không biết bao nhiêu thứ: Nào là mũm mề, quần áo, nón mũ, poncho... rồi còn bao nhiêu thứ linh tinh như cuốc xẻng, cà mèn, bi đông..... cho tới cái muổng ăn cơm, dòn vô đầy một cái sac marin, một cái ba lô đeo lưng, luôn cả cái túi dết đeo toong teng được phát cho mượn để đựng sách vở dùng cho những giờ đi học trong lớp. Để có thể tha hết ngàn ấy thứ một lúc, tôi phải đầu thì đội vừa nón lưỡi trai, beret, nón nhựa, nón sắt mà vẫn còn thừa cái cát két, còn chân thì xỏ ngay đôi giày bố vào mà vẫn còn phải lủng lẳng ngang hông nào là giày sô, giày thấp cổ... Lãnh xong quân trang rồi thì lưng đeo, vai vác, tay xách nách mang, ịch tha bằng ấy thứ về được đến phòng mình là gần muốn đứt thở.

Nhà ở của mỗi trung đội là một căn nhà dài được kê hai giầy giường sắt hai tầng xen kẽ với những cái tủ gỗ dành cho sinh viên sử dụng. Vừa buông đồng quân trang mới lãnh ra vào chỗ được ấn định cho mình thì đã thấy mấy anh lính cơ hữu trong quân trường tới gạ bán đủ thứ nẹp quần áo, khung giường... Thật ra đây cũng chỉ là những món mà khóa trước vừa ra trường bỏ lại được họ tháo ra rồi đem bán cho khóa sau mua để lại gắn vào giường cho tất cả đều thẳng góc vuông cạnh theo như quy cách chung, còn mấy ông lính thì kiếm được tí tiền còm phụ vào đồng lương của mình.

Trút bỏ bộ đồ dân sự để khoác bộ đồ nhà binh mới toanh và rộng thùng thình vào rồi là vừa loay hoay sắp xếp giường tủ của mình vừa lần lượt thay phiên nhau ra đưa đầu cho mấy ông lính thợ cạo xuống tóc theo đúng kiểu 3 phân và chụp hình làm hồ sơ. Sau đó là tập hợp đi đến kho súng để lĩnh vũ khí.

Ngày còn bé, thấy mấy anh thanh niên hăng say gia nhập Vệ quốc quân đi đánh Pháp, tôi tưởng như khi lớn lên được cầm khẩu súng thật trong tay chắc là sẽ hãnh diện lắm, nhưng bây giờ khi đưa tay ra nhận lấy khẩu garant nặng trình trịch, lại còn thêm cái lưỡi lê, một cấp số đạn để từ đây sẽ là bạn đồng hành của mình, tôi thấy mình như vừa đánh mất đi một chút hồn nhiên còn sót lại trong tâm hồn để tập chấp nhận làm cái công cụ người trong một cuộc chiến mà hận thù đang chi phối hành xử của con người.

Loay hoay móc chưa xong được cái dây đeo vào súng thì đã có lệnh tập hợp ra về. Cả trung đội tên nào cũng đang có vẻ lúng túng với khẩu súng và mớ phụ tùng, chưa biết làm sao nên thẳng thì vác,

thắng thì ôm, trông chẳng ra cái thể thống gì cả, lại còn quờ quạng cụng cả vào đầu nhau nên nhiều tên la chí choé. Thế là viên chuẩn úy cán bộ trung đội trưởng quát lên một tiếng rồi ra lệnh cho cả trung đội nằm sấp xuống làm hai mươi cái hít đất sơ khởi để cho tất cả hiểu thế nào là kỷ luật nhà binh và cái uy quyền của sĩ quan cán bộ. Thế mà nào có được nghỉ để thở. Liên sau đó là cả trung đội bị phạt phải chạy trở về doanh trại chứ không tà tà đi nữa. Cái màn mở đầu của tám tuần huấn nhục đã khởi sự. Kể từ giờ phút này, hình như bất cứ ông sĩ quan nào cũng sẵn sàng ban phát cho bọn tân khóa sinh chúng tôi những cái hít đất, những cú nhảy xôm để giúp cho tên nào còn lè mề cũng sẽ phải nhanh chóng gột cho hết những cái luộm thuộm để cho tất cả chỉ còn là một khối đều rậm rạp chỉ biết hành xử theo tiếng còi, tiếng hô khẩu lệnh.

Tám tuần huấn nhục là thời gian mà người tân khóa sinh bị quay cuồng như cái chong chóng. Sáng vừa nghe hiệu kèn báo thức là vội vàng vùng dậy chạy ra sân tập hợp, tập thể dục, xong về làm vệ sinh cá nhân, sắp xếp giường tủ cho thơm mát, cái gì cũng phải thẳng cạnh, vuông góc, xong là lãnh phần ăn sáng rồi chuẩn bị tập tành. Trưa tới giờ ăn cũng phải sắp hàng đi đều bước đến nhà bàn. Ăn vội ăn vàng cho kịp lệnh tập hợp sắp hàng đi đều về Đại đội. Cũng vì đầu óc không còn thì giờ để nghĩ ngợi nên lúc nào cũng chỉ biết hành động theo lệnh như cái máy cho nên mỗi khi nghe đến cái khẩu lệnh “Tan hàng” là tên nào cũng cảm thấy như mình vừa tỉnh dậy sau một cơn mộng du. Chạy ào vào phòng thót lên giường đặt lưng nằm mới chợp mắt thì đã tới giờ tập luyện buổi chiều. Sau buổi cơm chiều vừa được vài phút tự do thì đã có lệnh tập hợp sinh hoạt cho đến giờ có hiệu kèn tắt đèn đi ngủ.

Vì đại đội tôi là chốt nên phòng ở nằm gần dãy nhà ban Quân nhạc, nhờ thế được nghe kèn trống thường xuyên nhưng lại rất xa nhà bàn tức là nhà ăn tập thể của SVSQ cũng như xa câu lạc bộ và khu sinh hoạt tức là khu bán các thứ hàng linh tinh cần thiết. Chính vì thế mà mỗi lần ăn cơm thì thời gian đi và về lại chỗ ở của mình chiếm mất nhiều thì giờ hơn khiến cho thì giờ nghỉ ngơi bị ngắn đi đã đành, những giây phút tự do ngắn ngủi muốn đi câu lạc bộ ăn thêm cái gì đó hay đến khu sinh hoạt mua sắm vài thứ cần thiết thì cũng ngại vì phải đi ngang qua mấy khu văn phòng nên khi đi lẻ tẻ càng có nhiều cơ hội phải đụng đầu mấy ông sĩ quan, và chỉ cần một chút sơ hở như chào kính không đúng cách là cũng đủ để bị phạt hít đất hay nhảy xôm.

Tám tuần sơ khởi cũng là thời gian mà tân khóa sinh bị cấm cố trong trại cho nên anh nào cũng mong ngóng đến chiều thứ bảy và ngày chủ nhật vừa để được nghỉ ngơi vừa để được gặp người thân đến thăm. Khu Tiếp tân nằm gần cổng số 1 vào những ngày cuối tuần có khoá mới rất đông vui. Doanh trại Đại đội tôi được cái may mắn nằm gần khu tiếp tân nên mỗi lần tiếng loa phóng thanh phát ra từ bàn trực khu tiếp tân gọi tên khóa sinh có thân nhân đến thăm nghe rất rõ và khi nghe gọi thì đi ra gặp thân nhân cũng nhanh nhưng tôi lại chẳng bao giờ có cái diễm phúc nghe tên mình được gọi.

Ngày tháng ở quân trường thì nắng mưa gì cũng là ngày tháng của trời dành cho người cho nên ngay tuần lễ đầu tiên tên nào cũng được chích cho một mũi thuốc ngừa thương hàn cảm cúm sài uồn ván để rồi từ đó là tha hồ được cán bộ, huấn luyện viên cho dầm mưa dãi nắng. Mà kể cũng lạ, lúc còn ở nhà tôi thấy mình có nhiều lúc hay uể oải, nhức đầu khó ngủ, nhưng bây giờ vào đây thì lúc nào cũng có thể ngủ gà ngủ gật, kể cả những lúc đang ngồi dưới cơn mưa ngoài bãi huấn luyện.

Vì đại đội tôi có nhiều anh chàng vốn là công chức bị cấp trên thất sủng mới đẩy cho đi Thủ đức cho nên mấy anh chàng này chẳng lấy gì làm hứng thú với những trò bò lết, hoặc cơ bản thao diễn “một, hai, ba, bốn..., nghiêm! súng chào... bắt...” thành thử mỗi kỳ tuyên bố kết quả sắp hạng thi đua hàng tuần của các đơn vị thì hầu như tuần nào đại đội tôi cũng cầm cờ đỏ, nghĩa là sắp hạng bét. Cán bộ đại đội mà bị cấp trên dũa thì chúng tôi lại càng bị cán bộ dũa thê thảm hơn cho đúng với hệ thống quân giai.

Tuy thế, tám tuần huấn luyện rồi cũng qua đi và cho dù anh nào có lè phè đi nữa thì cuối cùng cũng phải nhuần nhuyễn những bài học cơ bản thao diễn để có thể đi đứng thẳng hàng, chào kính đúng cách. Rồi đêm gắn alpha đến và ngay sau khi buổi lễ kết thúc, toàn khóa mỗi tên được cầm một tờ giấy phép 24 tiếng đồng hồ để lần đầu tiên bước ra cổng số 1 để về thăm thành phố sau hai tháng liền bị cầm cố trong trại.

Từ khi được đi phép hàng tuần, mỗi lần có người thân hay bạn bè lần đầu tiên thấy tôi trong bộ quân phục SVSQ cũng bảo là lúc này tôi trông khoẻ ra. Tôi nghĩ có lẽ cái phù hiệu ngọn lửa hồng có hàng chữ “Cư An Tư Nguy” mà các sinh viên từ bao nhiêu khóa của quân trường này đã diễn nô ra thành “cứ ăn cứ ngủ” và bộ quân phục trên người tôi đã khiến họ nhìn tôi khác đi chứ với cái thân hình chưa bao giờ vượt quá 40 kí, lại thêm cái mặc cảm đã một lần bị nám phổi hồi còn theo học Tú Tài cho nên lâu nay tôi chỉ cảm thấy mình bị thua thiệt hơn người khác mỗi khi trung đội bị phạt, vì đã vào đây rồi thì thẳng khoẻ hay thẳng yếu gì cũng được coi như cá mè một lứa cả.

Sau khi được gắn alpha rồi thì ngày tháng ở quân trường có vẻ qua mau hơn và dễ chịu ra vì hàng ngày ngoài những giờ học tập vũ khí, chiến thuật, đi bãi và những đêm phải đi gác hay ứng chiến, thì giờ còn lại được thông thả sinh hoạt cá nhân như đi câu lạc bộ ăn uống, xem ti vi, một môn giải trí mới mẻ vừa mới có. Ngoài ra, cán bộ còn cho phép những sinh viên nào không thích ăn cơm nhà bàn có thể đi ăn câu lạc bộ hay qua khu Thiết giáp ăn cơm của đám gia binh nấu bán ngon miệng hơn. Đại đội tôi có nhiều anh chàng vốn là công chức nên được hưởng lương sai biệt thành thử bữa cơm nào cũng có một số bỏ cơm nhà bàn đi ăn riêng, nhờ thế mà những tên lãnh lương trung sĩ tron như tôi cứ việc chia nhau hai ba tên một ô vuông, tha hồ mà ăn cá mỗi với dưa leo hoặc thịt ba rọi kho với rau muống luộc bằng thích.

Các buổi đi bãi để học về chiến thuật bắt đầu lý thú hơn vì đi bãi nào thì cũng thấy có cả dăm ba gánh hàng sương sâm, đậu hũ, và cả la ve nước ngọt của mấy người vợ con binh sĩ gánh theo ra tận bãi chờ sẵn ở mấy góc cây hay bờ đất. Mấy chị hàng rong này đã từng bán hàng cho không biết bao nhiêu khóa SVSQ ngoài các bãi tập nên rành hết mọi ngõ ngách. Chính vì thế mà cũng có vài chuyện vui vui đã xảy ra như khi học môn địa hình, vài anh chàng ma lanh đã có thể khỏi phải dùng đến bản đồ với la bàn nhắm hướng rồi lợi ruộng làm chi cho vất vả, mà chỉ cần ghé chỗ gánh hàng rong mua dăm ba bịch sương sâm rồi hỏi nhỏ chị bán hàng một câu là cứ thông thả men bờ ruộng và đường mòn mà đi cũng tìm trúng phúc ngay mục tiêu tọa độ.

Thật ra đi học bãi hay đi gác và ứng chiến là phải đối đầu với nguy hiểm nhưng tôi lại không mấy sợ mà chỉ ngán vác đạn. Chẳng là vì mỗi lần đi học bãi hay đi ứng chiến thì mỗi trung đội được trang bị thêm một khẩu trung liên bar và giao cho tiểu đội trực hôm đó đảm nhiệm. Anh chàng nào khoẻ thường được cử làm xạ thủ thì chỉ vác mỗi khẩu trung liên thôi, nhưng hai tên phụ xạ thủ thì được cắt theo tua trực, ngoài việc phải mang vũ khí và trang bị cá nhân của mình còn phải xách thêm một thùng đạn trung liên nữa. Những tên khoẻ thì có vác thêm thùng đạn cũng không nhằm nhò gì, nhưng ốm yếu như tôi thì với khẩu garant, balô, nón sắt và cấp số đạn cá nhân đã thấy nặng rồi lại còn phải ề cổ vác thêm một thùng đạn nữa, đúng là của nợ.

Càng về cuối giai đoạn, những bài học về chiến thuật càng khó khăn vất vả hơn như là vượt sông, leo núi, tuột dây tử thần, nhưng lại có vẻ tạo cho tôi một cảm giác mới lạ và thích thú vì những bài học này làm tôi nhớ lại cái thời kỳ còn nhỏ đi sinh hoạt Hướng đạo. Tuy nhiên, bây giờ không phải là trò chơi mà là bài học chiến đấu để sống còn trong một cuộc chiến mà sự vong thân cho những ý tưởng thù nghịch đã làm cho những con người vốn một thời từng có chung những kỷ niệm cũng không còn có thể xem nhau là bạn nữa mà chỉ nhìn thấy nhau như địch với thù.

Cuộc chiến vẫn càng ngày càng leo thang và con người thì cứ như bị cơn lốc của chiến cuộc cuốn mình theo chứ không còn lối thoát. Những hy sinh tổn thất trên chiến trường ngày càng gia tăng khiến cho nhiều bậc làm cha mẹ lại càng tìm cách chạy chọt cho con em mình được phục vụ trong một ngành chuyên môn hay không chiến đấu. Tôi nhiều lúc cũng thấy mình thậm chí mong muốn không phải trực tiếp cầm súng. Ký ức về những hình ảnh ghê rợn của những người chết vì bom đạn và những nỗi đau khổ hay oán hận của người thân còn sống khi chứng kiến cảnh đau lòng ấy đã khiến cho người mang một bản chất hay suy tư như tôi dù không chấp nhận chế độ Cộng sản, vẫn thấy mình như có một chút gì bất nhẫn trong hành động cầm súng bắn vào con người, cho dù đó là kẻ địch thù.

Ngày lễ kết thúc giai đoạn một cũng là ngày tuyên bố kết quả đi ngành. Một số bạn đồng khoa đã mừng rỡ khi nghe tên mình được gọi và sau đó là vui vẻ sửa soạn rời trường để đến trình diện đơn vị mới hầu tiếp tục thụ huấn ngành chuyên môn. Tôi hơi buồn vì thấy mình không được hưởng sự may mắn đó nhưng cũng đành chấp nhận cho số mệnh đưa đẩy.

Rời khóa 22 ra trường và khóa 24 bắt đầu lục tục vào. Một số bạn cũ của tôi từ thời trung học hay ở Văn khoa cũng đã đến lượt vào đây. Khóa tôi bây giờ đã trở thành đàn anh và trên cầu vai mỗi SVSQ đã được gắn thêm một cái vạch. Vào thời gian khóa đàn em còn thụ huấn giai đoạn sơ khởi thì mọi công tác trực gác ứng chiến khóa đàn anh phải đảm nhiệm hết cho nên bọn đàn anh chúng tôi cứ ba đêm thì một đêm đi gác, một đêm ứng chiến, chỉ có một đêm được ngủ giường.

Nhìn những trung đội tân khóa sinh đàn em còn vụng về lúng túng trong bộ quân phục mới toanh và vẻ mặt thì rất ngổ nhưng vẫn cứ phải cất cao giọng vừa đi vừa đếm bước “*Một, hai, ba, bốn...*” hoặc đồng ca bài Lục Quân Việt Nam, bài hát mà bất cứ người SVSQ trường Bộ binh Thủ Đức nào trong thời gian đầu mới thụ huấn tại quân trường này cũng phải thuộc nằm lòng, tôi không khỏi buồn cười nhớ lại cái hình ảnh của chính mình vài tháng trước đây.

Một hôm, lúc đi ngang qua mấy đại đội tân khóa sinh đang vừa đi vừa hát:

*Đường trường xa muôn vó câu bay dập dờn
Đoàn hùng binh trong sương lướt gió reo vang...*

Chợt tôi nhìn thấy nhà thơ Nguyễn Sa, vị giáo sư mà năm tôi mới lên đệ nhị ở Chu Văn An, tôi đã suýt bị ông ta đi vì tội đem thơ của ông ta ra bình phẩm đùa với bạn, và rồi kia, còn có cả ông giáo sư trẻ từng dạy tôi môn Xã hội học ở Đại học Văn Khoa cũng đang đi trong hàng. Tôi bỗng liên tưởng tới lời của cái bài hát này từng được nhiều tên trong bọn tôi sau khi đã qua khỏi tám tuần sơ khởi thì cũng bắt đầu trở chút mòi ba gai để thỉnh thoảng ngẫu hứng hát đùa với nhau:

“Đường trường xa con chó nó tha con mèo

Thì nhiều tên còn ăn cá mồi dưa leo...”

Cuộc chiến tranh đã kéo dài hai mươi năm rồi và chẳng ai biết là sẽ còn dây dưa kéo dài đến bao giờ. Những băng khuâng nuôi tiếc về một quãng đời êm vui phải bỏ lại đằng sau để dấn mình vào những nỗi bất định của ngày mai, đã khiến cho mỗi chàng trai khi mang lấy nghiệp đao binh dù muốn dù không cũng có những lúc thấy tâm hồn như muốn đi hoang. Và chút đùa vui của tuổi học trò còn sót lại đó không hẳn là biểu hiện của một sự phản kháng hay bài xích mà chỉ là thoáng vui hồn nhiên của tuổi thơ từ tiềm thức chỗi dậy nhằm giúp họ quên đi những gian khổ của đời lính để cố gắng hy sinh cho cái lý tưởng Tự do mà họ đang phụng sự, dù đôi khi không ý thức rõ điều ấy, nhưng sự có mặt của họ trong hàng ngũ này có nghĩa là họ đã mặc nhiên chấp nhận chiến đấu cho lý tưởng Tự do chứ không chấp nhận buông xuôi cho cái chủ nghĩa Cộng sản sắt máu kia làm chủ đất nước này.

CVA ĐOÀN VĂN KHANH.

Trích Ký sự Tùy Bút NGHIỆP VĂN ÁO VÕ.

<http://aosauvuon.fortunecity.net>

RAY RÚT

CVA Nguyễn Đình Phương (Viết thay cho người bạn)

Tình yêu trong tôi thật kỳ lạ, như lung linh mờ ảo, như hiển hiện xa xôi. Có lúc yêu người âm thầm không dám ngỏ, có lúc tình yêu hiện thực trong vòng tay lại ray rứt băng khuâng. Thảo Vi đến với đời tôi trong một tiệc cưới của người bạn thân tên Tâm. Thảo Vi là bạn học cùng lớp của cô dâu, cả cô dâu và Thảo Vi đều còn rất trẻ, cô dâu 18 còn Thảo Vi mới 16. Ngày đó tôi 25 nhưng chưa có tình yêu dù đã từng quen biết với một số bạn gái ngay từ khi còn ở dưới trung học.

Như một dun dũi dung hợp nào đó, tôi đã được sắp xếp ngồi bên cạnh Thảo Vi trong bàn tiệc, nàng thật ngây thơ, hồn nhiên, lời nói êm nhẹ, dịu dàng, đôi lúc có hơi sửa giọng. Tôi không ưa lắm lời nói uốn nắn, như sửa giọng cho ngọt, cho tròn, cho quyến rũ, cho thu hút người đối diện, nhưng phải nói tôi đã rung động trước dáng người thanh nhã, khuôn mặt trái soan hơi bầu và ánh mắt luyến lưu của Thảo Vi. Tôi đã nói chuyện rất nhiều với nàng, tôi đã cho nàng biết tôi đang làm gì nơi tỉnh nhỏ xa, đang sống ra sao nơi hẻo lánh đó, tôi lớn lên thế nào, anh chi em tôi, cha mẹ tôi ... Tôi nói nhiều lắm và nhiều lắm mà cũng chẳng hiểu sao tôi lại nói nhiều như thế đối với nàng trong khi tôi chưa từng một lần tâm sự với người bạn gái nào dù đã quen biết từ rất lâu. Lúc đó tôi vô duyên tẻ, biết rằng nói nhiều về mình là một điều cấm kỵ và khó ưa, nhất là đối với người con gái vừa mới gặp, vậy mà tôi vẫn phạm phải. Song có điều lạ là dường như Thảo Vi lại chú tâm lắng nghe tôi nói và còn tỏ ra rất là thích thú. Tôi thao thao bất tuyệt, còn nàng thì yên lặng lắng nghe, phải chăng cuộc đời tôi có gì lạ đối với nàng. Có gì lạ đâu nhỉ, tôi chỉ là con trong một gia đình cha làm tiểu công chức, rồi tản cư khỏi Hà Nội về quê tránh chiến tranh xảy ra giữa Pháp và Việt Minh khi mới lên 6 tuổi, sau đó bị thất lạc cha hơn hai năm trời, một mẹ với 4 đứa con nhỏ sống nơi miền quê với đồng chua nước mặn, không một mảnh ruộng và cũng không biết cấy cấy ra sao. Mẹ tôi nai lưng làm hàng sáo nuôi con không đủ nên chúng tôi đã nhiều ngày chịu đói khát không đủ bát cơm ăn dù chỉ mơ ước được no bụng với hạt muối mà thôi. Ngày qua đi lại gặp được cha, rồi được ăn no đủ, được đi học như mọi đứa trẻ, tốt nghiệp đại học, rồi đi làm, có thể thôi.

Tôi thầm yêu, thầm mơ ước, nhưng tôi đã không hở môi, dù đã một lần tôi thật vui sướng khi được đi chung với Thảo Vi từ Saigon xuống Biên Hòa trên một chiếc xe Vespa Super 150 mượn của anh tôi, để thăm cha của nàng đang làm việc cho Ty Bưu Điện ở đây. Tuy nhiên sau lần đó trở về tỉnh làm việc, tôi đã cố ép mình để quên Thảo Vi. Hình bóng của Thảo Vi đang mờ nhạt dần dần trong trí óc tôi thì một hôm thật bất ngờ tôi nhận được lá thư nàng gửi cho tôi, Thảo Vi trách cứ tôi sao biệt vô âm tín, sao lại quên nàng. Lá thư bốn trang giấy màu xanh lơ mềm mại, với trang đầu là bức tranh một cô gái mái tóc ngang vai, một phần phất qua phía trước che đi một chút khuôn mặt bên phải, dáng e ấp, đứng dựa cửa trước nhà trông ra ngoài với đôi mắt vời vợi. Bức tranh thật là linh động như dáng người thật của nàng đang đứng trước mặt tôi. Người tôi như cơn sốt, tim tôi bâng hoàng vì tôi không ngờ Thảo Vi đã quý trọng tôi và yêu tôi với một tình yêu đậm đà như thế mà tôi lại hiểu lầm và tự ái

không đâu để cô quên đi hình bóng của nàng. Tôi đã hiểu lầm và tự ái vì Tâm nói với tôi Thảo Vi bản chất ủy mị, yêu hội họa, thích thi thơ, nàng đã vẽ nhiều bức tranh rất đẹp, Tâm đã giới thiệu đến Thảo Vi người bạn của Tâm là Hiếu, tốt nghiệp cử nhân văn khoa và đang làm giáo sư viết văn tại Saigon, hai người rất là tương đắc và xứng đôi. Tôi tin tưởng lời nói của Tâm mà không tìm hiểu thêm. Riêng Thảo Vi, nàng chỉ coi Hiếu như người anh để tham khảo văn thơ mà thôi, còn tình cảm nàng đã dành tất cả cho tôi từ sau buổi diện kiến đó. Tôi vội vã bay về Saigon để gặp Thảo Vi bày tỏ lòng mình với nàng và tình yêu rực rỡ đã nở rộ trong tôi giữa khung trời bao la thơm ngát. Tình yêu của chúng tôi thật nồng nàn, thật nên thơ, tung tăng như hai cánh én trong mùa xuân thắm. Tôi đưa nàng dạo cảnh khắp mọi nơi, Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu, Huế ...Tuy nhiên tình yêu của chúng tôi không vẫn đục, còn trong như suối, sáng như pha lê. Có những đêm dưới ánh trăng vàng vằng vặc, ngồi tựa gốc cây bên cạnh Thảo Vi, tôi nghe nàng nhẹ nhàng ngâm thơ và mơ màng vẽ tranh hai người, đất trời đối với tôi sao đẹp quá, mái tóc lòa xòa sương đêm của nàng vương vương qua làn má tôi khiến tôi thật ngây ngất, mùi thơm da thịt trinh nguyên thật yêu kiều cao quý. Thảo Vi nhẹ nhàng:

Hoa nằm e ấp trong lòng lá

Đợi gió xuân về để cợt vui

Có cô thiếu nữ môi cười hé

Đón trọn mùa xuân của đất trời

Tình yêu đậm thắm của chúng tôi theo ngày tháng êm đềm trôi và tôi dự định sẽ thành hôn với nàng sau khi nàng tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật, nhưng rồi một sự kiện cũng do tôi ngu muội đã xảy ra để rồi cuộc tình chúng tôi đứt đoạn đã cho tôi nuối tiếc và ân hận suốt cả cuộc đời.

Một hôm tôi nhận được thư của cha tôi gọi về Saigon có chuyện cần, cha mẹ tôi bảo tôi đi xem mặt vợ, người con gái đang học lớp đệ nhất trường Trưng Vương, tôi giật mình vội thưa chuyện với cha mẹ tôi về tình yêu của tôi và Thảo Vi, nhưng cha mẹ tôi đã nghiêm nghị bảo, cha mẹ tôi không được biết trước cuộc tình của tôi, nên đã đến xin cầu hôn người con gái của một gia đình mà cha mẹ của cô gái là bạn thân thiết của cha mẹ tôi từ ngày còn thơ dại trong làng. Cha mẹ cô gái này đã ưng thuận và đôi bên đã sắp xếp ngày cho tôi và cô gái kia gặp mặt nhau. Tôi thưa là chỉ mới có cha mẹ sắp xếp thôi, tôi và cô gái kia chưa từng gặp mặt nhau thì hủy bỏ việc này đâu có gì trở ngại, gia đình cô gái hẳn cũng không phiền trách gì, nhưng cha mẹ tôi nhất định không thuận, cha mẹ tôi không thể hủy bỏ lời hứa được, cha tôi thuyết phục tôi rằng thôi thì con cứ đi xem mặt, nếu như cô gái không ưng thuận thì cha mẹ cô ấy không trách cứ được cha mẹ. Tôi trầm nghĩ thời buổi này con gái rất ghét việc cha mẹ gả ép, cha mẹ không dễ gì buộc người con gái ưng thuận lấy làm chồng một người chưa từng biết mặt, và chưa có một chút tình yêu. Để thỏa mãn cha mẹ tôi và cũng tin là chuyện đi xem mặt vợ chẳng đi đến đâu, vì cô gái kia hẳn không bao giờ bằng lòng tôi cả nên tôi chấp nhận yêu cầu của cha mẹ tôi. Khi đi, tôi cố tình ăn mặc quần áo thật là xuyềnh xoàng, chỉ quần tây, áo sơ mi giản dị, không cà vạt, không đóng bộ. Nhưng oái oăm thay cô gái kia lại là em họ con dì con già của Thảo Vi và cô gái này dường như đã được cha mẹ thủ thi, tán dương về tôi thế nào đó nên đã ưng thuận cuộc hôn nhân sắp đặt này của cha mẹ, mặc dù chỉ một lần thoáng nhìn thấy mặt tôi. Phần tôi tin tưởng mình nghĩ không sai nên ngay ngày hôm sau buổi xem mặt vợ, tôi trở về tỉnh làm việc, chẳng để tâm gì đến cô gái tôi vừa xem mặt vì thực tâm tôi có chú ý gì đâu, tuy nhiên khi cha mẹ tôi hỏi tình ý của tôi đối với cô gái, tôi tin chắc cô gái này không ưng cuộc hôn nhân này nên tôi trả lời đại, cha mẹ cứ xem ý nhà gái đi, họ bằng lòng thì con nghe lời cha mẹ. Tôi cũng không hề cho Thảo Vi biết chuyện này vì không muốn nàng phải suy tư, nghĩ ngợi. Một tuần lễ sau, mọi việc hoàn toàn trái ngược với ý nghĩ của tôi. Gia đình cô gái và cô gái đã ưng thuận, cha mẹ tôi đã tự động sắm sửa trầu cau, trà rượu đưa đến nhà gái làm lễ chạm ngõ mà không cần có mặt của tôi. Tôi trở về Saigon phản đối sự việc này

thì cha mẹ tôi trả lời chính con đã đồng ý mà, việc chạm ngõ đâu cần thiết có mặt của con. Tôi đến tìm gặp Thảo Vi thì nàng đã đi dự trại hè với nhà trường ở ngoài Huế. Nga, cô gái kia dường như đã tâm sự với Thảo Vi mọi điều, nên Thảo Vi đã cố tình tránh mặt tôi. Tôi gửi cho Thảo Vi không biết bao nhiêu lá thư, song Thảo Vi hoàn toàn im lặng, tôi cố tìm gặp nàng để hỏi rõ cơ sự tại, nhưng tôi tìm cách nào cũng không được gặp. Hơn tám tháng sau vì sự thúc bách của nhà gái cũng như cha mẹ tôi, và sự lãnh đạm của Thảo Vi, tôi đã làm đính hôn với Nga. Nếu trong ngày đính hôn này mà Thảo Vi tham dự thì tôi đã rõ tự sự, nhưng Thảo Vi không có mặt. Sau ngày đính hôn tôi còn viết thư cho Thảo Vi nhưng cũng vẫn không có hồi âm. Trong suốt khoảng thời gian đó, tôi không hiểu gì hết và cũng thắc mắc không biết tại sao Thảo Vi lại xa lánh tôi, tôi đâu ngờ nội tình lại bi thảm như vậy đối với nàng. Thảo Vi đã bao đêm đau đớn, âm thầm lệ đổ chan hòa cho mối tình éo le. Nga, em họ của nàng, một cô gái hiền thực, nét na, chỉ biết ngoan ngoãn học hành, chăm chỉ nghe lời cha mẹ, chưa từng quen biết một người bạn trai, đã khoe với nàng về người chồng tương lai của mình với bao mộng ước đắp xây. Thảo Vi làm sao có thể hờ môi để dập tắt niềm hạnh phúc mộng mơ của em mình. Thảo Vi đành phải lặng lẽ chịu đau riêng mình, chịu hy sinh để nhường lại tình yêu cho cô em họ. Hơn sáu tháng sau nữa, tôi hoàn toàn tuyệt vọng về Thảo Vi nên đã làm lễ cưới với Nga. Đúng vào ngày này tôi gặp lại Thảo Vi mới biết được tất cả nỗi niềm chua xót của nàng và vì sao nàng đã im lặng xa lánh tôi. Tôi còn biết làm thế nào nữa, tay ôm bó hoa cưới trao cho cô dâu đứng bên cạnh Thảo Vi mà lòng bàng hoàng, mình như chết cứng, mắt tôi nhòa đi vì lệ đã úa trong khóe mắt, Thảo Vi nhìn được nỗi lòng của tôi và nàng cũng đã phải quay mặt đi dấu ngấn lệ tuôn trào trong chiếc khăn tay, người nàng rung lên xúc động gần như không còn đứng vững nữa. Tôi muốn bỏ đi tất cả để muốn ra sao thì ra mà chạy đến ôm Thảo Vi vào lòng, nhưng chân tôi như chôn tại chỗ, người cứng đờ. Đứng song đôi với cô dâu làm lễ gia tiên nhà gái mà lòng tôi đứt đoạn, đầu óc tôi quay cuồng, trời ơi sao tôi lại tạo đớn đau cho Thảo Vi thế này, tôi là tên điên, tên hèn nhất, rồi tôi ngã quỵ trước bàn thờ. Mọi người xúm lại xúc dầu đánh gió cho tôi vì cho là tôi bị trúng gió. Trong phút bàng hoàng mơ tỉnh đó dường như tôi thấy Thảo Vi có ôm tôi và giọt lệ thương vương rơi xuống trên má tôi. Suốt cuộc hôn lễ người tôi chao đảo, tim tôi bắn loạn, tôi nuối tiếc, tôi ân hận, và tôi cũng tội nghiệp thương cho người vợ của tôi, một cô gái ngây thơ, hoàn toàn vô tư, chẳng hề biết tự sự, chỉ biết lo lắng diu đỡ tôi với tất cả tấm lòng thương yêu xót xa của người vợ.

Tôi lập gia đình với Nga được hơn bốn năm sau thì Thảo Vi đi lấy chồng và theo chồng lên Pleiku. Trước khi đi theo chồng, Thảo Vi có đến tặng cho tôi và Nga một bức tranh trắng rằm vẽ một đôi trai gái dựa vai nhau bên gốc cây đang hân hoan hôn nhiên với tình yêu nở thắm, mái tóc người con gái gió nhẹ lòa xòa vương vít trên khuôn mặt người con trai thật là áp yêu và một tập thơ nhỏ do nàng sáng tác. Trong tập thơ tôi đã đọc được những giòng sau đây. Khi tình yêu đang dâng hương, nàng viết:

Có tình yêu như thế

Bắt chợt đến trong đời

Như chùm hoa hoang dã

Chợt ngọt ngào trên môi

Có tình yêu như thế

Chưa từng đến bao giờ

Và tình yêu như thế

Đẹp như một giấc mơ

Rồi sau đó tình yêu bay đi, nỗi buồn ray rứt.

Buồn nhiều chẳng biết làm sao

Buồn bao nhiêu tất bấy nhiêu nụ cười

Ô hay buồn gãy cánh rồi

Cho nên trù trù buồn ngòi trong tâm

Để vương niềm nhớ.

Buổi trưa em đi dạo

Công viên hoa cười tươi

Gió ôm làn tóc rối

Tay ôm, anh đâu rồi

Đêm về sầu nhớ tương tư

Tương tư tràn trên giấy

Lệ ướt tràn bờ môi

Hai tay ôm mặt khóc

Đến bao giờ... anh ơi!

Đón đau hơn, nàng ức uất

Anh gửi tình yêu đến với tôi

Tương như táo chín của vườn trời

Sao như mật vỡ từ đau đớn

Chua chát như môi thấm lệ đời

.....

Từ năm 1975, tôi và gia đình di tản sang Hoa Kỳ tìm tự do tránh nạn Cộng Sản, tôi không còn được biết tin tức gì về Thảo Vi. Ra đi mọi thứ tôi đều bỏ lại sau lưng, quên đi tất cả dĩ vãng của mình, nhưng hình ảnh của Thảo Vi và mỗi tình ngày đó không bao giờ phai nhạt trong tim óc tôi, suốt đời ám ảnh, ray rứt, tiếc nuối và ân hận.

CVA Nguyễn Đình Phương

NHỮNG NGÀY THÁNG GHI VỘI: Chinh chiến Phước Long

Phan Phi Liêu, CVA 1966

Tiêu Đoàn 51 Pháo Binh

27.12.74: Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng Cộng Sản tung ra một Quân Đoàn Trừ, ngoài các sư đoàn chính quy Bắc Việt còn có cả các đơn vị đặc công, các tiểu đoàn pháo 130 ly và xe tăng T54 quyết chiếm cho được tỉnh lỵ Phước Long, trước là để “nấn gân”, coi phản ứng của Hoa Kỳ ra sao, sau là làm thủ đô cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

1.1.75: Trận chiến càng ngày càng khốc liệt, tình hình xấu đi mau chóng, các quận lỵ Bó Lá, Bó Đức, rồi đến Phước Bình lần lượt bị tràn ngập, rơi vào tay địch quân.

2.1.75: Núi Bà Rá, một cao điểm chiến lược nằm sát tỉnh lỵ Phước Long, đã bị địch quân tấn công, tràn ngập sau một trận chiến quyết liệt đẫm máu. Tình hình thật sự nguy ngập, đơn vị 81 Biệt Cách Dù được đổ vào trận địa, nhưng đã quá trễ.

3.1.75: Vị trí hai khẩu pháo 105 duy nhất còn sót lại của đơn vị tôi bị tấn công dữ dội bằng đại pháo 130 ly và 57 ly không giật. Đài tác xạ bị sập, 2 khẩu 105 ly bị hư hại nặng, 5 chết, 5 bị thương. Tôi cho lệnh phá huỷ hai khẩu pháo, chôn vội xác chết của 5 đồng đội xuống giao thông hào, lấy bao cát phủ lên, sau đó rút quân qua Trung Tâm Hành Quân tiểu khu, bố trí tuyến phòng thủ tại đây.

4.1.75: Rất bất ngờ, hai chiến xa T54 địch xuất hiện, húc đổ hàng rào, xâm nhập vào khu vực tiểu khu, bắn phá loạn xạ. Trong Trung Tâm Hành Quân tình hình trở nên cực kỳ hoảng loạn. Tôi vội thoát ra ngoài để vừa kịp thấy một chiếc T54 địch bị trúng một trái đạn chống tăng M72, tiếng hò reo phấn khởi vang lên, nhưng ngạc nhiên, sau vài phút khựng lại, chiếc T54 lại tiếp tục di chuyển với đại bác 100 ly hạ nòng bắn trực xạ vào các công sự phòng thủ. Nhìn lên trời, thấy hai chiếc phản lực cơ A37 đang lượn vòng để chuẩn bị đánh bom tiêu diệt hai chiến xa địch, tôi bèn chạy ào xuống hầm. Bên ngoài bom đạn nổ khắp nơi và bỗng nhiên một tiếng nổ long trời ngay trên đầu. Hầm mà tôi đang trú ẩn bị một quả bom đánh trúng, sập tan tành, khói bụi mù mịt. Chết chóc, thương vong, máu me, thây người xấp lớp, riêng tôi sao may mắn bình yên vô sự một cách lạ kỳ.

Tiếng gầm rú của hai phản lực cơ không còn nghe thấy nữa, hai chiếc T54 địch cũng đã rút đi an toàn. Tiểu khu với Trung Tâm Hành Quân, bộ phận đầu não của tỉnh Phước Long đã bị một đòn chí tử. Lớp bị xe tăng địch bắn phá, lớp bị hai chiếc A37 thay nhau dội bom lên đầu. Tiểu khu giờ đây hoang tàn đổ nát, thịt rơi, máu đổ, xác người la liệt khắp nơi, thật là một cảnh tượng kinh hoàng, một địa ngục của trần gian.

6.1.75: Cứ điểm cuối cùng: khu vực dinh tỉnh trưởng. Lúc 8 giờ sáng, địch quân bắt đầu với những loạt pháo kích dữ dội. Sau đó, chiến xa địch có bộ binh tùng thiết tràn vào, trận chiến vô cùng ác liệt. Pháo binh không còn nữa, trong tình thế tuyệt vọng này, chỉ trông vào sự yểm trợ của không quân.

Trong khi băng qua đường, rút về phía sau với Đại úy Trảng, bác sĩ quân y, thì một chiếc A37 bay vụt qua thả xuống một trái bom 500 cân Anh. Trái bom định mệnh này đã rớt nhằm ngay vào

phòng tuyến của phe ta. Bom chạm đất đúng lúc tôi ngồi thụp xuống, buộc lại dây giày bị tuột. Cùng với tiếng nổ long trời lở đất, khói lửa mù mịt, người tôi bị hất tung về phía sau. Khói bụi tan dần, định thần nhìn kỹ lại, thấy bác sĩ Trảng chết không toàn thân nằm gần bên tôi, một cánh tay đứt lia của ông ở ngay dưới chân tôi. Người tôi dính đầy máu thịt, khúc đường mà trước đó có một nhóm người đang đứng bây giờ chỉ là một hố bom, không còn ai sống sót, họ đã tan biến hết, chỉ còn những chiếc giày “saut” nằm rải rác đây đó với chân người còn dính chặt bên trong.

Vị trí của tôi nằm trong tầm sát hại và rất gần với tâm điểm nổ của trái bom, đúng ra là đã tan xương nát thịt rồi, nhưng như được sự chở che của Trời Phật, một lần nữa, tôi đã thoát chết một cách kỳ diệu, không thể tin nổi.

6.1.75: Khu vực dinh tỉnh trưởng bị địch quân tràn ngập. Con đường thoát thân duy nhất là sườn đồi mặt sau của Toà Tỉnh. Địch quân từ trên cao bắn truy đuổi theo những người lính Cộng hoà tan tác, trốn chạy. Xác người nằm rải rác khắp nơi. Đại tá Tỉnh trưởng Nguyễn Thống Thành đã chết tại sườn đồi này. Con đường thoát duy nhất là phải vượt qua sông Bé chắn ngang, băng rừng, đến tỉnh lỵ gần nhất là Quảng Đức. Dòng sông nước chảy xiết, tình hình cấp bách, phải bơi qua. Tháo giày trần quàng qua cổ. Giây TAB với bình đông nước, cây súng Colt 45, tấm bản đồ. Toàn là những thứ cần thiết để băng rừng, không thể ném bỏ. Bơi được 1/3 dòng sông, đuối sức, muốn chìm, quyết định quay trở lại, còn cách bờ khoảng 2 mét thì kiệt sức, tôi không thể bơi được nữa, chìm lìm. Bỗng nhiên nắm được khúc cây và được kéo vào bờ. Thuyền, người lính truyền tin của tôi đã phát giác ra tôi đang chết đuối và cứu kịp thời.

Tôi hoàn toàn kiệt sức, nằm rũ rượi bên bờ sông chứng kiến những cảnh vượt sông bi thảm, đa số chết chìm trước khi qua được đến bờ bên kia, vì đuối sức, vì quần áo, trang bị trên người thấm nước trở nên nặng nề. Nếu tôi không quay lại và được cứu kịp thời thì chắc chắn tôi đã chết chìm như những người kia. Chiều tối, tiếp tục tìm cách vượt sông Bé, xé võng và giây dù nối nhau căng ngang dòng sông. Cho Thuyền qua sông trước, đến phiên tôi thì trời đã bắt đầu mờ sáng. Địch quân tràn tới với những tiếng súng nổ và hò hét “hàng sông, chống chết” vang rền. Thế là sa vào tay giặc với sau bao lần thoát chết bom đạn trong gang tấc.

TÙ TỘI:

7.1.75: Bị giải về trại tù binh 24, Phước Long, bắt đầu kiếp sống tù tội, thăm thẳm.

19.3.75: Chuyển trại. Cứ 4 người lại xiềng xích chung với nhau, lèn cứng trên xe ô tô, theo đường mòn Hồ Chí Minh đi về hướng bắc. Vượt Trường Sơn, qua Khe Sanh, Đông Hà, Quảng Trị. Dọc đường các binh đoàn bộ đội Bắc Việt, xe tăng đại bác rầm rập, ồ ạt vào Nam. Rất khí thế, làm như sắp chiếm miền Nam đến nơi.

3.4.75: Không ai ngờ là đoàn xe chở tù đang ở trên đất Bắc, quốc lộ số 1, hướng về Hà Nội. Qua khe hở nhìn Đồng Hới với mưa phùn, gió bắc căm căm, xa xa mờ mịt cánh đồng lúa. Trên đường vài người làm lũi trong những chiếc áo toại làm bằng lá, dăm ba con trâu lang thang gặm cỏ dưới chân đê, trời đất âm đạm làm nặng trĩu tâm hồn những người đang trên đường lưu đầy biệt xứ.

5.4.75: Tại thành phố Vinh, đoàn tù xiềng xích được chuyển qua xe lửa tiếp tục cuộc hành trình về hướng Bắc, đến ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Đoàn tù bị dồn vào một góc sân ga chờ đợi tàu đi tiếp. Rất nhiều người hiếu kỳ tìm cách tiếp cận, thăm hỏi những người tù binh miền Nam. Những viên kẹo, điều thuốc, miếng bánh, củ khoai được lén lút, dấm dúi vào tay những người tù.

Hà Nội thật khác xa với Sài Gòn. Nhà cửa tất cả cũ kỹ rêu phong, vật liệu xây dựng đơn giản như gạch, vôi, vữa.. đều được quản lý chặt chẽ, chỉ dành cho các cơ quan nhà nước. Nhà dân bị đổ

nát, hư hỏng thì chỉ có thể dùng những tấm ny lông hoặc tấm phen, liếp, tre, nứa che chắn đỡ mà thôi. Đường phố vắng vẻ, thưa thớt, không thấy xe gắn máy. Dân chúng di chuyển bằng xe đạp hay đi bộ. Xe hơi rất hiếm hoi và chỉ là xe quân đội hay của cơ quan ngoại giao nước ngoài. Trang phục dân Hà Nội đơn điệu, phổ biến nhất là quần áo bộ đội, nón cối, quần đen, áo trắng, dép nâu hoặc dép nhựa. Ngoài những cửa hàng hợp tác xã mua bán, bán hàng theo tiêu chuẩn nhà nước, rải rác đó đây trên đường phố Hà Nội là những chiếc bàn nhỏ với ấm nước chè, vài quả chuối, ít bánh, kẹo lạc và phải có thêm ít thuốc lào với chiếc điếu cày. Người bán hàng thường phải là người cao tuổi, không ở trong hạng tuổi lao động.

6.4.75: Dồn lên xe lửa, đi tiếp về hướng bắc, qua Hà Đông, Việt Trì, Phú Thọ và xuống tàu ở Yên Bái. Tiếp tục đi bộ hơn nửa ngày đường và nơi đến cuối cùng là: Trại Tù Binh 371.

1.5.75: Tin choáng váng “miền Nam hoàn toàn giải phóng”. Chiến tranh đã thật sự chấm dứt, hy vọng được sớm thả về đoàn tụ với gia đình.

29.1.76: An cái tết thứ hai trong tù ở Yên Bái. Rét, lạnh căm căm, nhớ nhà, nhớ vợ con da diết.

1.4.76: 50 người di chuyển về trại 2 tại xã Việt Hồng để chuyên nghiệp làm đá, đục đá, nổ mìn, vận chuyển đá. Dự tính 300 khối đá cho lâm nghiệp làm đường.

26.4.76: Khoán choòng đá, 75 cm sâu. Một người ngồi đứng thế, tay cầm cây choòng giống như xà beng, còn người kia đứng bên cạnh, dùng một cây búa lớn 10 kg cứ thế mà nện vào cây choòng cho đến khi đục được một lỗ sâu vào trong đá 75 cm là được. Những lỗ này sẽ được cho thuốc nổ vào, đánh mìn lấy đá.

23.5.76: Cả tháng qua, đục đá, vác đá liên tục, mức khoán cao, ngày làm chín mười tiếng đồng hồ, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, gãy tay, vỡ đầu như chơi. Trời lại vào hè, nắng gắt, mệt, đói, cảm thấy cuộc đời ê ẩm quá mức.

2.6.76: Đội cơ động chúng tôi di chuyển lên làng Vành. Từ đây đi sâu vào rừng, “khẩn trương” làm thêm trại mới cho tù miền nam đưa ra. Làm ngày 10 tiếng. Đi chặt nứa, tôi bị tai nạn: chặt ngay vào ngón cái, đứt sâu, máu chảy nhiều.

2.7.76: Làm “bá thổ”, không ngày nghỉ, không chủ nhật, thực hiện nhiều lán trại mới cho những người tù được đưa đến ào ạt từ miền nam:

Cấp tướng: 11 người tại nhà chè.

Đại tá khoảng gần 400 tại khu B, dãy nhà xây.

Trung tá và thiếu tá khoảng vài ngàn tại khu A và C.

18.7.75: Chủ nhật làm buổi sáng, nghỉ buổi chiều. Lãnh nhu yếu phẩm gồm 1 bao thuốc lá Đồ Sơn, 1 cục xà phòng đá, 5 cục kẹo, 1 ống kem đánh răng và 300 gram đường. Trộn đường vào chén cháo nóng ngon cứ như chè. Một buổi chiều với niềm vui hiếm hoi.

2.8.75: Vào đập khu B, chặt trôm, thừa dịp tìm gặp anh Nghiêm (Đại tá Nhảy Dù, đã chết tại San José năm 2002), già nua, tàn tạ, nhìn nhau trong cảnh tù tội mà ứa nước mắt.

18.9.75: Đi lao động, qua thị xã Yên Bái, lén mua được một ổ bánh mì 2 hào và cây kem 1 hào, ăn ngon tuyệt. Về trại, bất ngờ gặp lại Nguyễn Quốc Trụ (Đại Úy Dù, đã chết tại San José năm 1999) mới chuyển trại đến, vốn là bạn cùng xóm, cùng trường. Trụ bị bắt ở đường 9 Nam Lào năm 1972. Trụ trốn trại được 22 ngày thì bị bắt trở lại và bị đưa đi kỷ luật tại trại tù Cao Bằng.

Sẵn còn đường, xoay sở thêm ít củ sắn, nấu nồi chè khoai dĩa Trạ. Anh em gặp lại nhau trong hoàn cảnh này thật là một niềm vui lớn.

22.11.76: Yên Bái, ngày Chủ nhật được nghỉ buổi chiều. Thời tiết đã sang mùa đông, rét cóng. Tôi ngủ, phải mặc áo quần mấy lớp, đi vớ, đắp chăn, quần thêm màn ở ngoài kín mít như con nhộng mà vẫn thấy lạnh. Nhớ đến những người thân yêu nơi quê nhà, nghĩ đến mùa đông buốt giá nơi núi rừng hẻo lánh này. Nghĩ đến ngày về còn xa vời vợi, tâm tư trĩu nặng, buồn da diết.

2.2.77: Tiêu chuẩn lương thực giảm xuống còn 5,8 lạng mỗi ngày. Đói thê thảm. Bữa ăn trưa vừa xong là đầu óc đã vội tơ tưởng ngay đến bữa ăn chiều. An uông quá thiếu thốn đưa đến ốm yếu suy kiệt, sức đề kháng kém. Bệnh tiêu chảy, kiết lỵ đã giết khá nhiều tù ở đây. Hồi chiều, cuốc đất sườn đồi, bang nền nhà, lòi ra một củ khoai mì còn sót lại trong lòng đất, lột vỏ chia nhau ăn sống tại chỗ, ngon gì đâu!

12.2.75: 9 giờ tối. Cả trại xôn xao vì một vụ tù vượt rào bị cảnh vệ phát hiện vây bắt, kẻ đó là điếm danh, soát chân tìm dấu vết kẻ vi phạm cũng không ra. Lúc này, tù đói quá, đăm lì. Đêm đến, tìm cách vượt rào ra ngoài “cải thiện” khoai, sắn mang về trại, chôn giấu ăn dần. Mấy ngày trước, nửa đêm toàn trại bị dựng cổ dậy tập hợp: An và Tài bị bắt ngoài rào vớ tang vật cả ba lô sắn.

26.10.75: Bị bắt quả tang vi phạm nội quy liên hệ với dân, mua bán đổi chác linh tinh, phải viết kiểm điểm và bị phạt ăn cháo loãng 3 ngày.

Dân chúng ở đây thật thà chất phác, quanh năm ăn độn khoai sắn. Đời sống quanh quẩn bên lũy tre làng, quần áo vài bộ. Năm trước, tiêu chuẩn mua vải rất ít, chỉ đủ để vá những bộ quần áo cũ. Khi các trại tù mọc lên ở vùng này, đời sống vật chất của người dân đăm ra khá hơn trước nhờ vào những vụ mua bán đổi chác lén lút với những người tù cải tạo. Cục xà bông đá, cây kem đánh răng, chiếc nón cối, cái áo may ô... cái gì cũng quý cả. Áo sơ mi, quần tây, áo len hay một chiếc mền dù Poncholiner của những người tù mang từ miền nam ra rất được ưa chuộng. Dân chúng khi có dịp tiếp xúc với tù hay hỏi mua những món này.

5.11.77: Một ngày đặc biệt trong đời tù. Sáng nay đi lao động, lặn chiếc áo len trong người. Tới khu rừng nửa, cảnh vệ ngồi canh dưới chân đồi. Những người tù tủa lên đồi, lưng sục tìm nửa đọt chỉ tiêu, chặt cho đủ số lượng khoán. Tôi và Nghĩa nhanh chóng băng rừng, vượt đồi qua khu bên kia, tìm đến căn nhà trong khu lâm nghiệp. Nghĩa đứng canh chừng, còn tôi gõ cửa vào nói chuyện với chủ nhà. Xong, để chiếc áo len lại. Tôi và Nghĩa vội vàng đi tìm nửa chặt cho đủ số lượng ấn định. Hai tiếng sau, đúng hẹn, quay trở lại, chủ nhà đã làm xong một con vịt luộc còn bốc khói, gói trong lá chuối, có cả ít muối và quả ớt đỏ. Hai đứa vọt lên đồi, tìm chỗ rậm rạp, kín đáo thường thức món thịt vịt luộc đọt đào trong đời.

25.1.78: Trại 7, Yên Bái. Sáng dậy theo tiếng kèn, toàn đội tập hợp chuẩn bị đi lao động. Chợt thấy cán bộ trại xuất hiện, tôi và 5 người nữa được gọi tên phóng thích một cách bất ngờ. Đợt này, toàn liên trại được thả 18 người. Chúng tôi được ở một khu vực riêng, được phát bộ quần áo công nhân thay cho đồ tù.

30.1.78: Nhóm được về nam, di chuyển ra đồi cao, một vị trí của bộ đội nằm ngay ven thị xã Yên Bái, chờ đăng ký tàu hỏa Thống Nhất về nam. Ban ngày lao động nhẹ quanh doanh trại, chiều tự do thả bộ ra thị xã thăm dân cho biết sự tình.

Trừ một số hợp tác xã hay cơ quan nhà nước được xây dựng bằng gạch, xi măng, mái ngói, nhà dân ở ngay thị xã cũng thô sơ, đơn giản một cách đáng kinh ngạc. Nền nhà bằng đất, vách thì bằng phen nửa hay đất trộn với rơm, mái nhà thì bằng lá hay nứa. Người dân ở đây chỉ ước mong có được

chiếc ra đi ô xích tay, một chiếc xe đạp hay một chiếc đồng hồ đeo tay. Ti vi hay xe gắn máy vẫn còn rất xa lạ. Sở hữu một chiếc máy may là điều không thể được, phải gia nhập hợp tác xã, máy may phải thuộc về tập thể. Một điều đáng kinh ngạc nữa là từ các huyện, xã xa xôi cho đến ngay tại Yên Bái này hoàn toàn không có phương tiện di chuyển, vận tải công cộng.

Người dân đến mùa thu hoạch, muốn bán ít khoai sắn thì chỉ có một cách là quang gánh trên vai với đôi thùng nặng trĩu, vượt đồi vượt suối ra thị xã ngồi suốt buổi chợ bán được dăm ba đồng.

Tải thương, chuyển người bệnh lên bệnh viện thị xã cần phải có từ 4 đến 6 người khỏe mạnh thay phiên nhau cáng bằng vồng. Thật là xót xa, thật là đáng thương cho những người dân miền bắc của tôi. Ở miền nam, những chiếc máy cày, xe tải, xe lam đã từ lâu thay sức người trong công việc đồng áng, vận chuyển nông sản thu hoạch thì tại miền bắc này đôi chân và đôi vai vẫn chưa được giải phóng, đời sống người dân chật vật, khó khăn, làm than, ăn chưa được no, mặc chưa được ấm. Và người dân, sau ngày “miền nam được hoàn toàn giải phóng” đã từ từ hiểu ra rằng: họ đã bị dôi gạt về thiên đường xã hội chủ nghĩa, họ đã bị áp bức, họ đã bị buộc phải sống trong kìm kẹp, lạc hậu và đói nghèo trong suốt mấy chục năm qua.

Riêng tôi, nhiều lần thầm cảm ơn bố mẹ tôi đã sáng suốt quyết định di cư vào nam năm 1954. Nhờ đó, anh em chúng tôi đã được sống trong ấm no, hạnh phúc, đã có tuổi thanh xuân tự do, tươi đẹp tại miền nam.

Phan Phi Liêu, CVA 1966

* * *

BÀI THƠ KHÔNG TÊN

CVA Đàm Trung Phán

Ta về trong dĩ vãng

Người tìm đến tương lai

Còn gì nơi hiện tại

Nhấn chi cho ngày mai?

Giòng đời trôi mãi mãi

Kỷ niệm nào tàn phai!

KỶ VẬT

Chuẩn Nghị

Em hỏi anh bao giờ trở lại

*Xin trả lời mai một anh về
Anh trở về không bằng Mũ Đỏ Áo Hoa
Anh trở về không bằng huy chương chiến thắng
Anh trở về trong chiều hoang chiều nắng
Trong hòm gỗ hoặc trên chiếc băng ca
Anh trở về nằm giữa vòng hoa
Những vòng hoa tang chan hòa nước mắt
Anh gửi về cho em vài kỷ vật
Đây chiếc nón sắt xuyên mây lỗ đạn thù
Nó đã từng che nắng che mưa
Đã từng hứng cho anh giọt nước
Chiều dưng quân nơi địa đầu lạnh buốt
Nấu vôi vàng trong đó nắm cơm khô
Anh gửi cho em một tấm poncho
Đã rách nát theo hình hài năm tháng
Lều dã chiến trên đồi hoang cháy nắng
Che cơn mưa gió lạnh buổi giao mùa
Làm chiếc võng nằm, nhìn đời lính đong đưa
Và...khi anh chết cũng poncho tấm liệm
Nay anh gửi cho em làm kỷ niệm
Nhận không em chút tình lính này đây
Tình lính đơn sơ vì chinh chiến kéo dài
Nhưng tình lính chỉ nhạt phai
Khi hình hài và con tim biến thể.*

** * **

MEMORABILIA

Translated to English by Vũ Mạnh Phát

*You ask me when I'll be back
And I say I'll be home before long*

*I'll return not in my red beret and flowery uniform
Not with medals of victory on my shirt
I'll return in the desolate afternoon sunset
In a wooden casket or on stretchers
I'll return surrounded by wreaths of flowers
And mournful tears that my loved ones shed
I send you some memorabilia, sweetheart
My helmet with bullet holes from the enemy's guns
It has so often covered my head, darling
And given me something to put water in to cook
When my platoon stops by some chilly outpost
And I prepare my meal of dried rice ration
I also send you my poncho, my girl
That is all torn up by life's vicissitudes
That I use to set up my tent on a desolate hill in the burning heat
Or protect myself from the cold wind and rain at the seasons' change
Or build a hammock and see my soldier's life swing
And when I die... this same poncho will cover me up
I send you all these as memorabilia, sweetheart
Will you accept them as modest proofs of a soldier's love?
It's so humble 'cause the war goes on forever, you know
And my soldier's love will only fade
When my body and heart begin to disintegrate.*

* * *

**GIỚI THIỆU SÁCH “ VIỆT NAM NHỮNG
ÁNG THƠ TUYỆT TÁC” CỦA KIM VŨ**

CVA Đoàn Phan Trí

Một ngày, tôi ra nhà sách với ý định tìm mua một quyển sách tiếng Việt để tặng cho người bạn làm chung một chỗ sắp chia tay đi làm việc nơi khác. Sau hơn một tiếng đồng hồ tìm kiếm, chọn lọc, tôi thấy được quyển “**Việt Nam: Những Áng Thơ Tuyệt Tác - Vietnamese Poetry: A Sampler**” của Kim Vũ (tên thật Vũ Mạnh Phát), một đồng môn Chu Văn An, là quyển sách có ý nghĩa hơn cả để làm kỷ vật trao cho người cùng xứ sở.

Đây là một tuyển tập thơ gồm bốn phần: ca dao, trích đoạn một số truyện thơ Nôm cổ điển, thơ ngắn cổ điển bằng chữ Nôm (niên đại tính đến cuối thế kỷ 19) và thơ quốc ngữ (viết bằng mẫu tự la tinh) trong nửa đầu thế kỷ 20. Tuyển tập không dày lắm nhưng có thể gọi lên hình ảnh tiêu biểu cho thi ca Việt Nam. Điều đặc sắc hơn nữa là tuyển tập này có thêm phần dịch ra Anh ngữ, công trình của Kim Vũ mà thi sĩ Cung Trầm Tưởng nhận xét là “lột tả được những sắc thái tinh tế và điệu nghệ của linh hồn dân tộc Việt Nam” (xem bìa sau).

Xem sách, người đọc được sống với thi ca vàng vạc của bản dịch Chinh Phụ Ngâm (Đoàn Thị Điểm), Cung Oán Ngâm Khúc (Nguyễn Gia Thiều) và tất nhiên không thể thiếu Đoạn Trường Tân Thanh bát tử (Nguyễn Du). Văn điệu của Lê Thánh Tôn, Phạm Thái, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát nhắc lại những giờ Việt văn ngày xưa bên bạn bè, thầy cô giờ đã xa lãng lác. Những cảnh trong thơ chan chứa tình dân tộc của Nguyễn Khuyến:

*Tùng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo*

Hay của Trần Tế Xương:

*Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi ò*

Giọng dí dỏm của Hồ Xuân Hương:

*Quân tử dùng dằng đi chẳng được
Đi thì cũng dở, ở không xong*

Hay tâm tình trang nhã của Bà Huyện Thanh Quan:

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương*

Phần thơ hiện đại nhắc nhở cho tôi những tâm tình thiết tha say đắm thuở hoa niên, với ngôn từ chuyên chở ý tình dào dạt của Hàn Mặc Tử:

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở đặng về kịp tối nay*

Bích Khê:

Mây nhuộm pha màu thu trên trời

Sương lam phơi màu thu muôn nơi

Lẫn lộn nhất là cảm xúc lãng mạn của Thâm Tâm trong bài Tống Biệt Hành:

Đưa người, ta không đưa sang sông,

Sao có tiếng sóng ở trong lòng...

Bài Hai Sắc Hoa Ti Gôn của TTKH giúp tôi nhớ lại Thầy Trần Đình Ý, dạy Việt văn năm Đệ Nhị. Nhờ giọng ngâm của Thầy mà bài thơ này đã thấm sâu trong hồn tôi qua bao năm dài dàu bể:

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi

Một mùa thu trước rất xa xôi

Đến nay tôi hiểu thì tôi đã

Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi

Và còn rất nhiều tác giả khác nữa đã được Kim Vũ tuyển chọn với cảm thức tinh tế: Vũ Hoàng Chương, Huyền Kiêu, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Hữu Loan, Quang Dũng. Mỗi bài thơ tuyển dịch ở đây có thể mang lại một kỷ niệm sâu đậm cho chúng ta.

Có thể nói người Việt nào cũng dễ dàng đồng cảm với thi ca. Chúng ta không có nhiều nhà khoa học, nhưng mỗi người Việt Nam đều biết yêu thơ và yêu thi sĩ. Đó là nét riêng biệt của văn hoá Việt Nam. Tuyển tập Thơ Việt Nam của Kim Vũ là một chứng tích nhắc nhở điều đó. Tuyển tập này là món quà quý giá để người Việt Nam nơi hải ngoại trao tặng cho nhau, nhắc nhở đến cội nguồn chung, và điều đáng quý nhất là phần dịch sang Anh ngữ có thể là chiếc cầu nối liền tâm hồn những bạn trẻ sinh ra hoặc lớn lên tại hải ngoại, không có cơ may thông thạo tiếng Việt như thế hệ lớn tuổi.

Cảm ơn các nhà thơ, cảm ơn tác giả Kim Vũ đã giúp tôi sống lại với những dòng thơ ngây ngất đã hun đúc nên phần sâu kín nhất trong tâm hồn tôi, cho tôi biết sống, yêu thương, khổ đau và tranh đấu gắn bó với vận mệnh nổi trôi của dân tộc.

CVA Đoàn Phan Trí

* * *

Tâm sự một thằng hèn

CVA Châu Giang

Tôi biết rằng tôi là một thằng hèn. Càng lớn tuổi, càng có nhiều kinh nghiệm sống hơn, tôi lại càng thấy rõ ràng: tôi quả là một thằng hèn. Có thể là tôi hèn ngay từ khi bố mẹ sinh ra kia. Không

cần phải đợi tới lúc thăng Sinh ghê, bạn học cũ của tôi, mắng vào mặt tôi, tôi mới biết rằng tôi hèn.

Thuở còn thơ ấu, mỗi khi cùng với các bạn cùng phố chơi trò Phú Lít bắt kẻ buôn lậu, tôi thường nhận làm người buôn lậu. Chẳng là thằng Đình ở bên cạnh nhà tôi, nó cao lớn hơn tôi, đánh nhau khoẻ hơn tôi, nó thường nhận làm Chúa Đàng. Nếu tôi về phe nó, khi chạy trốn đánh nhau với Phú Lít, nó sẽ bênh tôi, che chở cho tôi. Nếu về phe làm Phú Lít đi bắt kẻ buôn lậu, nhiều khi tôi bị đòn đau hơn là về phe với thằng Đình.

Ngày chạy giặc Pháp, về sống ở quê ngoại những năm 1947, tôi thường la cà làm thân với thằng Cu Lớn con ông Lụa, ít hơn là làm thân với thằng Nguyên, con ông Hội Nhõn. Thằng Cu Lớn dạy tôi cách làm cần câu cá mại cờ. Cu Lớn chỉ cho tôi dùng một cành tre nhỏ, đầu buộc một sợi chỉ dài chừng một sải tay, cuối sợi chỉ buộc con giun đất còn sống. Ra bờ ao, mỗi đứa tìm một chỗ có bóng mát dưới gốc cây sung, gạt bèo tằm và bèo ta ra, để lộ ra một khoảng trống to bằng cái giá vo gạo. Thế rồi chúng tôi cứ việc thả con giun còn dẫy dựa ấy xuống ao. Chỉ cần bỏ xuống một vài giây, thế là cá mại cờ đến cắn con giun. Chỉ cần giật nhẹ tay, con cá mại cờ ngậm con giun trong miệng đã theo sợi chỉ lên bờ ao rồi. Nhanh tay, tôi bắt cá bỏ vào cái niêu đất có chút nước. Câu một buổi chiều, được gần trăm con cá mại cờ. Thế là hôm ấy về nhà, mẹ tôi có thể kho một niêu cá kho với lá gừng và hột tiêu sọ để ăn cơm. Đôi khi, tôi cũng theo thằng Nguyên con ông Hội Nhõn đi câu cá rô. Chúng tôi bắt chấu chấu làm mồi, ra bờ ao nhà thằng Nguyên ngồi câu cá. Lúc câu xong, trở về nhà, thằng Nguyên nói rằng vì câu ở ao nhà nó, con cá rô nào to, nó dành cho phần nó. Tôi chỉ còn những con cá rô bé mà thôi. Mặc dầu tôi sát cá hơn thằng Nguyên, câu được nhiều cá hơn nó, nhưng vì bản tính hèn tôi không dám tranh giành với nó. Cũng có thể vì tôi sợ mai này nó không thèm rủ tôi cùng đi câu. Hoặc tôi sợ rằng khi nó thấy tôi câu ở ao nhà nó, nó sẽ đuổi tôi đi chỗ khác, nếu không nghe lời, nó có thể xuyt chó ra cắn. Vốn hèn nên tôi biết nhịn và chịu thiệt ngay từ thuở ấy.

Ngày học lớp đệ thất, đệ lục trường trung học tỉnh, tôi là một đứa học trò chăm chỉ làm toán vào bậc nhất. Ngoài những bài toán làm cho tôi, tôi còn phải làm thêm những bài toán hắc búa và những bài luận văn cho thằng Phúc ở lớp đệ thất B bên cạnh. Chẳng là mỗi buổi sáng thằng Phúc nấu cho tôi một cái bánh tây ba tề, để tôi ăn cho đỡ đói vào giờ ra chơi. Tôi biết rằng làm như thế là không phải, nhưng vì bản tính hèn của tôi, tôi cứ âm thầm cho Phúc bóp pi, giải toán và viết luận văn hộ nó.

Ngày học trung học đệ nhị cấp ở Hà Nội, vốn là học sinh tỉnh nhỏ, đạp xe ra đường thấy gì cũng lạ mắt. Có một lần, vì tò mò nên tôi trông thấy mấy học sinh đạp xe theo đuôi mấy nữ sinh Trưng Vương. Mấy nàng giả bộ như không biết có người theo đuôi, cứ phớt tình như ăng lê, vẫn riu rít chuyện trò. Mấy dân càn Hàng Bạc đạp xe theo sau các nàng thấy vậy nóng mắt, gây sự đánh mấy học sinh kia. Chúng còn lớn tiếng ý như muốn nói với các người đẹp rằng chúng nó đã lo bảo vệ an ninh cho những nữ sinh ấy. Có một lần khác, tôi thấy bọn anh chị Hàng Chả Cá dùng xích xe đạp đánh vỡ đầu, sút trán mấy học sinh khác trên đường Cổ Ngư. Chẳng là mấy anh này mới lên Hà Nội, thấy bọn chúng đạp xe hàng đoàn nối đuôi nhau nghênh ngang giữa phố. Mấy anh này chăm chăm nhìn theo họ. Thế là các anh này bị kết tội dám "nghênh" chúng nó nên bị ăn đòn. Từ đó, tôi đâm ra sợ bóng, sợ vía lũ càn. Thấy chúng nó, tôi giả bộ ngoảnh mặt đi, không dám nhìn thẳng. Bởi vì hèn, tôi sợ bị ăn đòn hội chợ.

Ngày vợ tôi sinh đứa con trai đầu lòng, mặc dầu đi làm đêm về mệt nhọc, cần ngủ bù, nhưng tôi cứ cố thức bé con giúp vợ, để cho vợ ngủ thêm vài giờ. Tôi chỉ ước mong sao vợ tôi có nhiều sữa hơn, để

cho thẳng bé bú. Bố mẹ vợ tôi biết chuyện thì hết lời khen tôi. Ông bà bảo rằng tôi làm như thế là biết thương vợ, thương con. Nhưng khi bố mẹ đẻ tôi biết được rằng đêm đêm tôi thức ru con, để cho vợ ngủ thêm thì mắng rằng tôi là thẳng hèn vì làm như thế là tôi đã "đội vợ lên đầu mà không biết nhục". Thật sự tôi chẳng biết làm sao cho vừa lòng cả đôi bên bố mẹ.

Ngày cuối tháng 4 năm 1975, trong khi một số bạn đồng ngũ không hèn như tôi, đã cố ý ở lại đánh giặc cho đến cùng. Trong khi đó, tôi mang gia đình chạy theo mấy vị tướng tá đàn anh. Mấy vị này, sau khi ra lệnh cho thuộc cấp giữ nguyên vị trí phòng thủ, đã bí mật lên trực thăng của thủy quân lục chiến Mỹ, bay ra để thất hạm đội.

Khi đã thật sự an toàn ở trên Hàng Không Mẫu Hạm chở trực thăng Okinawa ngoài biển Đông, tôi nghe trên máy phóng thanh tiếng nói oang oang của trung tướng tư lệnh QĐ 3, chỉ thị cho các quân nhân các cấp có mặt trên tàu. Vì bản tính hèn, tôi không dám nghe hết nhật lệnh của trung tướng. Tôi sợ quá, bịt hai tai lại. Lúc đó, vì mặc quần áo dân sự như đa số những người khác trên tàu, tôi nghĩ rằng nếu tôi làm bộ như tôi là một người thường dân đi tị nạn, không nghe thấy nhật lệnh của thượng cấp, thì tôi sẽ không có bồn phận tuân hành.

Khi còn lệnh đên trên con tàu của Hàng Hải Thương thuyền Mỹ được biến cải cấp thời thành tàu chở dân tị nạn, tôi và một vài người bạn, một bọn hèn hạ như tôi, quây quần bên những hộp C rê xan (C-ration) do Thủy Quân Lục Chiến Mỹ phân phát, bàn tính chuyện khi sang đến đất Mỹ, sẽ đi hái cam ở các nông trại để có tiền nuôi vợ con. Chỉ có một số rất ít người trong thành phần dân tị nạn trên tàu là không lo chuyện đi làm cu li khi vào nước Mỹ. Trái lại, vợ chồng họ thay nhau ôm lấy cái vali nhỏ, suốt ngày chỉ lo chạy nắng và lo đi lĩnh phần ăn. Tôi nghĩ thầm: chắc là vali đó chứa toàn đô la hay vàng bạc quý giá nên người ta giữ khư khư như thế. Vì thế, họ cũng chẳng lo lắng gì cho ngày mai cả.

Một vài bạn tôi, vì không chạy cùng với gia đình nên không có quần áo thay đổi. Họ chỉ vồn vện có một bộ đồ trần mặc trên người. Đã nhiều tuần lễ rồi, mồ hôi và nước biển làm cho quần áo trần trở nên bạc phếch. Có người phải xé ngắn quần dài làm quần đùi vì quần đã rách và lỗ chỗ từ gấu quần lên ngang đầu gối. Có người chỉ vồn vện có một chiếc áo lót trắng trên người với cái quần gin tời tả. Chiếc áo bị mồ hôi và bụi bặm cũng như nước biển đã biến thành màu cháo lòng cáu bẩn. Tôi chỉ biết nhìn vào họ ái ngại, cái nhìn hướng xuống của một thằng hèn mà thôi, chẳng có gì để giúp đỡ họ.

Khi vào đến trại tị nạn trên đảo Guam, tôi gặp lại một số bạn bè cũ. Bạn đồng nghiệp cũng có, bạn đồng khóa Thủ Đức cũng có, bạn cùng binh chủng cũng có. Lũ chúng tôi hàng ngày ba lần đi xếp hàng lĩnh chẩn. Các quân nhân Mỹ phát cho chúng tôi cá hộp, thịt hộp, rau hộp, trái cây hộp. Thậm chí đến món trứng chiên để ăn với bánh mì mỗi sáng cũng làm từ trứng bột, xấy khô, đựng trong hộp. Nhiều người như tôi, sau khi ăn xong, mỗi ngày lên văn phòng đại diện để dò tìm người nhà. Nghe tiếng loa vang vang, chúng tôi hi vọng sẽ nghe được người thân may mắn chạy thoát như mình.

Trong số những người trong trại tị nạn, một số rất nhỏ, có thể vì bị kẹt lại sau khi gia đình đã được di tản trước, họ bình chân như vại. Suốt ngày, ngoài giờ đi lãnh cơm, họ chỉ lo nghe đài BBC nhắc đi nhắc lại những tin tức của kẻ thắng trận hay là nghe nhạc Mỹ oang oang. Những người này luôn luôn thông thạo tin tức. Tin tức của những người thắng trận và tin tức chua xót của những bạn tôi đã bị bỏ lại, không có đường tẩu thoát.

Tôi cứ tiếp tục sống một kiếp người hèn hạ như vậy trên đất khách quê người. Thấm thoát đã hơn hai mươi năm sau ngày bỏ nước ra đi. Thấy bạn bè thân thuộc lục tục rủ nhau về thăm họ hàng, thân nhân còn ở lại quê hương, tôi cũng đánh bạo theo bạn trở về Hà Nội. Lần đầu tiên trở lại đất Bắc, sau khi máy bay hạ cánh ở phi trường Nội Bài lúc nửa đêm 23 tháng chạp, lòng tôi sao thấy nao nao, hồi hộp. Lúc xếp hàng làm thủ tục hải quan, không biết tại sao hàm răng tôi cứ đánh vào nhau lập cập. Nhà ga lạnh vì gió lùa, nhưng đâu có thể lạnh hơn những ngày tuyết tan ở Virginia? Thì ra, chỉ vì trông thấy những người mặc quần áo kaki, vai đeo cầu vai đỏ, tụt ngực tôi cảm thấy sợ sệt mà thành ra có cử chỉ quá hèn hạ như thế.

Sau khi trở về Mỹ, tôi dẫu nhem chuyện về thăm Việt Nam. Bạn bè tôi, anh nào biết rõ chuyện hỏi tôi, tôi chỉ ừ hừ cho xong. Không dám nói ra vì ngại những thằng bạo miệng như thành Sinh, thằng Trại, chúng nó lại được dịp chửi tôi. Tôi mang về Mỹ thiếu gì trà móc câu, cà phê Trung Nguyên, bánh đậu xanh Bảo Hiên Rồng Vàng ..., vậy mà tôi chỉ lẳng lặng đem cho những người ruột thịt, không dám đem cho bạn bè vì sợ họ đồn đại lời thôi.

Ngẫm cho kỹ, ở cái tuổi cổ lai hi này, sao tôi vẫn cảm thấy tôi còn ngu dại lạ lùng. Bạn cùng lớp với tôi ngày xưa, bạn đồng nghiệp của tôi ngày trước, đa số đều có nhà cửa khang trang, lái xe ô tô đắt tiền, con cái họ toàn là kỹ sư, bác sĩ. Kể từ ngày ăn lương hưu trí, năm nào cũng vậy, họ đi du lịch hết nước này đến nước khác. Ngồi nghe chuyện họ trao đổi với nhau, tôi thấy đó là những nhà chính trị tài ba, những người có thật lòng yêu nước nhưng đã hết thời. Nghe chuyện họ, tôi chỉ nghe thấy họ chê nhà khoa bảng này dốt nát, chê anh này ngu xuẩn, anh kia kém tài, kém đức, trong khi chỉ có họ là có đầu có óc thông minh và tài kinh bang tế thế ...tuyệt vời.

Càng ngẫm nghĩ, tôi càng thấy tôi hèn vì không biết đối đáp làm sao mà chỉ biết cúi đầu im lặng. Tôi ngẫm nghĩ sở dĩ tôi vẫn còn sống sót đến ngày hôm nay cũng chỉ vì tôi là một thằng hèn!

CVA Châu Giang.

* * *

MỘT BUỔI ĐI THĂM GIÁO SƯ NGUYỄN-KHẮC-KHAM

CVA NGUYỄN-NHƯ-HÙNG

Trong giới cấp sách đi học tại Việt-Nam thập niên 40 đến suốt thập niên 60 chắc không mấy ai là không biết đến GS Nguyễn-Khắc-Kham, một nhà mô phạm gương mẫu, một bậc Thầy của bao thế hệ. Thầy là giáo sư trường Chu Văn An Hà-Nội từ 1944 và sau 1954 lại giảng dạy ở trường Chu Văn An Sài Gòn. Môn dạy chính của Thầy là Pháp văn vì

Thầy tốt nghiệp cử nhân văn chương và cử nhân luật khoa tại Paris năm 1934. Tuy nhiên ít ai được biết GS Nguyễn-Khắc-Kham là người đầu tiên dạy triết học bằng tiếng Việt tại trường CVA Hà Nội trong chương trình Việt ngữ Hoàng Xuân Hãn (niên khóa 1944-45 hiệu trưởng là GS Nguyễn-Gia-Tường và niên khóa 45-46 hiệu trưởng là GS Dương-Quảng-Hàm)

Trong buổi tiệc tân niên mừng xuân Quý Mùi tổ chức ngày 8 tháng 2 năm 2003 của hội cựu học sinh CVA Bắc Cali (CVABC) các GS hiện diện gồm có: GS Lê Văn Lâm, GS Nguyễn Xuân Vinh, GS Cung Nhật Tân, GS Nguyễn Hữu Hưng, GS Nguyễn Đức Hưng, GS Trần Quang Lãng. Vắng mặt GS Nguyễn Đức Hiếu, GS Lê Thành Việt và GS Nguyễn Khắc Kham. Theo bài tường trình buổi họp mặt này trong “Tin thư CVA/BC” ngày 17/05/03, GS Nguyễn Khắc Kham năm nay đã 94, tinh thần còn minh mẫn nhưng sức khỏe đã suy giảm khá nhiều nên không tham dự được.

Không phải chỉ buổi họp này mà cả mấy kỳ họp mặt CVA gần đây cũng không thấy Thầy đến tham dự. Vì thế tôi đề nghị hội CVA/BC tổ chức một buổi đến thăm Thầy. Thầy ở ngay San Jose, thật thuận tiện và may mắn cho đám cựu học sinh CVA/BC. Bao nhiêu môn đệ khác của Thầy ở rất xa muốn đến thăm Thầy đâu phải dễ, duy chỉ nhờ cuốn đặc san này mà biết được tin tức về Thầy.

NGÀY VIẾNG THĂM:

Anh hội trưởng CVA Bắc California Phạm Nguyên Khôi đã liên lạc với Thầy và được Thầy cho một buổi hẹn. Sáng ngày Chủ Nhật 7 tháng 9, 2003, chúng tôi 3 người, anh hội trưởng, anh cựu hội trưởng Vũ Mạnh Phát và tôi hẹn nhau 10 giờ sáng đến trước cửa nhà Thầy. Chưa kịp bấm chuông, đã thấy Thầy quần áo chỉnh tề ra mở cửa mời chúng tôi vào nhà. Thầy bắt tay từng người và từ tốn chỉ ghế mời ba chúng tôi ngồi. Cả 3 chúng tôi đã có dịp được hầu chuyện Thầy vài lần trước rồi. Lần nào cũng vậy, khi đã có hẹn, GS luôn luôn quần áo chỉnh tề ngồi sẵn trong nhà đợi khách. Dù người khách đó chỉ là những học trò hay thuộc thế hệ sau của học trò Thầy.

_ “Xin Cô mặc chúng con”._ Vừa nói, tôi đỡ khay trà từ tay Cô, phu nhân GS. Hôm nay trông Cô không được khỏe. Thầy bảo, mấy hôm nay Cô hơi bị mệt. Thế mà Cô vẫn loay hoay trong bếp và mang tiếp ra bánh Trung Thu. Lần nào tới thăm Thầy chúng tôi cũng được uống trà Tàu, ăn bánh ngọt và thường chỉ gặp Thầy Cô. Căn nhà hai tầng, sân sau trồng nhiều cây ăn trái. Nghe nói, Thầy Cô sống chung với gia đình một người con gái của Thầy. Trông thấy bánh nướng bánh dẻo bày trên bàn tôi chợt nhớ ra là sắp tới Tết Trung Thu. Thật đáng trách, hôm nay là ngày 11 tháng 8 âm lịch, còn 4 ngày nữa là Tết Trung Thu. Các chợ VN trưng bày đầy bánh trái, lồng đèn cho thiếu nhi. Thế mà cả 3 đứa chúng tôi chẳng ai nhớ hay để ý đến ngày Tết Nhi Đòng sắp tới. Nay được ăn bánh Trung Thu uống nước trà Tàu của Thầy Cô mà cảm thấy lỗi đạo đối với bậc Thầy khả kính. Đến thăm Thầy vào dịp

sắp Tết mà không có gì đem theo chúc Tết Thầy Cô. Thật sự thì hôm nay tôi có mang theo một tấm hình khổ lớn chụp Thầy tại nhà một người quen mà chưa có dịp kính tặng Thầy. Tôi được biết đã nhiều lần Thầy từ chối nhận quà. Nếu khách nói khéo quá hay cứ để quà lại, Thầy đành phải nhận vậy, nhưng Thầy Cô phải tìm quà khác biếu lại hay mua món khác đáp lễ dù rằng người khách đó chỉ là hạng con cháu hay môn đệ của Thầy. Xưng hô với môn đệ, Thầy thường gọi Ông với Tôi. Từ tốn, điềm đạm, thân mật. Ít lộ vẻ vui buồn trên nét mặt. Luôn luôn giữ phong cách nhà Nho xưa. Tinh thần minh mẫn, suy nghĩ bén nhạy, đối đáp mau chóng, ở tuổi 94 ít người được sức khỏe tốt như Thầy. Tuy nhiên thính lực bị hạn chế, phải ghé gần tai và nói lớn Thầy mới nghe được.

GS NGUYỄN KHẮC KHAM, THẦY CỦA CÁC BẬC THẦY.-

_ “Thưa Thầy, nhóm cựu HS CVA vùng bắc Cali dự định ra một số đặc san vào mùa xuân tới (Giáp Thân , 2004). Chúng con đến trước hết để thăm Thầy Cô sau là để xin vài lời chỉ giáo của Thầy”

Đây là một buổi nói chuyện thân mật, ăn bánh trung thu uống nước trà Tàu, giữa Thầy trò nên chúng tôi cố tránh tạo ra một không khí phỏng vấn có vẻ báo chí chuyên nghiệp. Cả 3 chúng tôi không ai cầm giấy bút ghi chép gì cả. Nhưng chúng tôi có đem theo một máy ảnh và một máy ghi âm nhỏ cầm tay cốt là để lưu giữ vài hình ảnh và lời nói của Thầy mà thôi.

Hình ảnh và lời giảng dạy trên bục của GS Nguyễn Khắc Kham, khởi từ năm 1937 đến năm 1974 (năm GS nghỉ hưu từ trường đại học ngoại ngữ Tokyo), chuyển từ Hà Nội vào Saigon rồi ra ngoại quốc, trải qua các trường trung học Gia Long, Hoài Đức, Thăng Long, Văn Lang, Bưởi, Chu Văn An, Minh Tân, Văn Hóa, Petrus Ký, đến các trường đại học Văn Khoa, Sư Phạm, Vạn Hạnh, đại học ngoại ngữ Đông Kinh (Nhật Bản). Rất nhiều môn sinh của GS hiện nay ở rải rác khắp nơi trên thế giới vẫn còn nhớ và rất mong muốn biết tin tức về vị Thầy khả kính của họ. Khi tin chúng tôi tới nhà vẫn an GS Nguyễn Khắc Kham được anh hội trưởng CVA Bắc California thông báo trên diễn đàn điện thư CVA, nhiều các bạn từ xa gọi đến mong muốn được liên lạc với Thầy, nhưng tiếc rằng vì tuổi già nên những ngày gần đây Thầy rất khó nghe được rõ qua điện thoại. Trong số đó, có nhóm CVA Úc Châu vùng Sydney, anh hội trưởng CVA Nguyễn Bát Tuấn ngỏ lời muốn có hình ảnh mới nhất của GS Kham để đăng trong đặc san của hội phát hành vào tháng 10/2003. Đặc san CVA của chúng tôi mãi tới đầu năm 2004 mới phát hành, chẳng lẽ tấm hình Thầy của chúng tôi chụp lại phải in sau đặc san của các bạn? Nói vui thế thôi, chứ CVA Nguyễn Bát Tuấn đã nhận được tấm hình GS Nguyễn Khắc Kham vừa kịp ngày lên khuôn báo.

Suốt 40 năm trong ngành giảng dạy, GS Nguyễn Khắc Kham đã đào tạo được biết bao nhân tài cho đất nước. Học trò nhỏ nhất của GS hiện giờ cũng phải trên 50, 60 tuổi. Còn tuổi của những học trò kỳ cựu phải trên tám chục hay chín chục. Ngay cổ GS Nguyễn

Đình Hòa cũng từng nhận là môn đệ của GS Nguyễn Khắc Kham. Trong “Lời nói đầu” của tập san Dòng Việt số 2 tập I đặc biệt phát hành nhân ngày Khánh Hạ GS Nguyễn Khắc Kham thượng thọ 85 tuổi, GS Nguyễn Đình Hòa đã viết : “ Riêng chúng tôi đã sớm có liên hệ của một học trò đối với thầy Nguyễn...” Thật đúng GS Nguyễn Khắc Kham là bậc Thầy của các Thầy chúng tôi.

GS NGUYỄN KHẮC KHAM, MỘT HỌC GIẢ UYÊN BÁC, MỘT CUỐN TỰ ĐIỂN SỐNG.-

Thời tiết chuyển mùa sắp sang thu làm người già cảm thấy mệt mỏi. Thầy cho biết mấy hôm nay Thầy không được khỏe, hàng ngày phải uống nhiều thứ thuốc. Tuy thế Thầy vẫn ưu ái vui vẻ tiếp chuyện chúng tôi suốt hơn 3 giờ đồng hồ. Bao nhiêu thắc mắc được dịp đưa ra hỏi Thầy. Từ truyện văn học lịch sử, đến truyện người truyện vật, truyện xưa truyện nay, GS đều giải đáp một cách thỏa đáng. Sau bao biến đổi của cuộc sống, với tuổi 94, nhiều cụ đã lú lẫn, nhưng GS vẫn giữ được trí nhớ thật tốt. Chúng tôi thường nói với nhau, GS là cuốn Bách Khoa tự điển sống. Rất vinh hạnh cho anh em CVABC chúng tôi được cư ngụ ở gần GS. Khi tra cứu điều gì không thấy lại tìm đến thỉnh ý Thầy.

Có lần tôi muốn tìm kiếm nguyên bản “Thất Trảm Sớ” của cụ Chu Văn An dâng lên vua Trần Dụ Tôn (1341-1369) để hài tội và xin chém 7 kẻ quyền thần. Chúng ta ai cũng biết CVA là một vị quan thanh liêm, cương trực. Vua Trần không nghe, CVA xin từ quan về quê nhà mở trường dạy học. Sử sách mà tôi được đọc chỉ ghi sơ sài như thế. Làm sao tìm ra nguyên bản thất trảm sớ. Làm sao tìm ra tên tuổi, chức tước của 7 kẻ gian thần đó. Tra cứu khắp nơi không thấy giải đáp, tôi đành phải cầu cứu GS Nguyễn Khắc Kham. Thầy nói: Thất trảm sớ của ông Chu An (theo GS, không có ai tên Chu Văn An cả, tên đúng là Chu An hay có thể gọi là Chu Văn Trinh) dâng lên vua nhà Trần nay không thấy lưu truyền, có thể bị thất lạc hoặc đã bị tiêu hủy. Tên tuổi của 7 người đó cũng trong tình trạng như vậy. Thế là tôi yên trí, không phải mất công tìm tòi ở đâu nữa. Tuy nhiên qua câu chuyện “Thất trảm sớ” của người xưa làm ngày nay tôi tự nghĩ, với chế độ dân chủ, tự do như ở Hoa Kỳ này thì những người như cụ CVA có phải dâng sớ tâu trình lên Tổng Thống không. Không. Cứ việc tố cáo qua báo chí, qua quốc hội. Ngay cả Tổng Thống có tội cũng bị pháp luật trừng trị, hưởng hồ chỉ là vài tên quan chức lộng quyền đàn áp dân lành. Rồi đến đây tôi lại thắc mắc, nếu như câu chuyện dâng sớ của cụ CVA mà xảy ra ở VN hiện nay thì cụ CVA có được yên ổn mà về quê mở trường dạy học không?

THƯ VIỆN CỦA GS NGUYỄN KHẮC KHAM.-

Tôi gọi là thư viện để nói lên số lượng sách hiếm quý trong tủ sách của GS. Phần lớn là sách báo về văn hóa VN, đủ mọi thứ tiếng Việt, Hán, Nôm, Nhật, Pháp, Anh, Đức, Nga, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha ... Một số báo chí rất xa xưa xuất bản tại VN bằng tiếng Việt hay tiếng Pháp còn được lưu giữ trong thư viện của GS. Tiếc rằng, theo GS, phần lớn các tài liệu đó còn nằm trong thùng, chưa được sắp xếp lại thứ tự, giấy biến màu vàng và chữ rất khó đọc.

TIỂU SỬ VÀ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA GS.

GS Nguyễn Khắc Kham, tuổi thật sinh năm Mậu Thân (1908) tại Hà Nội. Cụ tổ tam đại vốn gốc họ Nguyễn Doãn, sinh quán xã An Điền, huyện Thiện Lộc, phủ Đức Quang, Xứ Nghệ An. Thân phụ GS là nhà báo Lỗ Thư Nguyễn Văn Luận, cùng thời với hai nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh.

Đậu cử nhân văn khoa và cử nhân luật khoa tại Paris năm 1934. Về VN làm giáo sư hoặc kiêm nhiệm hiệu trưởng một số trường trung học tư thục tại Hà Nội. Hội viên ban văn học hội Khai Trí Tiến Đức. Viết báo với bút hiệu Lãng Hồ hay một vài bút hiệu khác cho các báo L'Annam Nouveau, La Patrie Annamite, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Trung Bắc Tân Văn, Trung Bắc Chủ Nhật. Chủ nhiệm Báo Mới, Hà Nội. Từ cuối năm 1946 tản cư về vùng quê Việt Bắc. Trở lại Hà Nội năm 1952, giảng viên đại học Văn Khoa và hiệu trưởng trung học tư thục Minh Tân và Văn Hóa ở Hà Nội. Di cư vào Nam năm 1954, giáo sư các trường trung học Petrus Ký, CVA, đại học Văn Khoa Saigon, Huế, Vạn Hạnh, Cao Đăng Sư Phạm, Đại Học Sư Phạm. Từ 1956, lần lượt giữ các chức vụ Xử lý Giám Đốc Viện Khảo Cổ, Chánh Sự Vụ Sở Tu Thư Bộ Giáo Dục, Giám Đốc Nha Văn Hóa kiêm tổng thư ký Ủy Hội Quốc Gia UNESCO, Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia VN. Ngoài ra GS còn giữ nhiều chức vụ trong các cơ quan văn hóa, trong các phái đoàn tham dự hội nghị quốc tế. Tháng 9/1967 Cụ được mời sang Nhật làm Giáo sư biệt thỉnh, sau được vinh thăng Giáo Sư thực thụ tại đại học Ngoại ngữ Tokyo. Cụ về hưu năm 1974. Đến cuối tháng 4/1975 miền Nam VN rơi nốt vào tay CS. Cụ nghỉ ở Nhật vì tình hình quốc tế lúc đó cũng không được an toàn cho lắm, Cụ quyết định cùng phu nhân người Nhật (người mà cùng với GS di cư từ Bắc vào Nam năm 1954) xin tị nạn sang Pháp với con trai (1975) rồi năm 1976 sang Mỹ đoàn tụ với các con gái. Tại Hoa Kỳ, Cụ được mời làm Research Associate cho Trung Tâm Nghiên Cứu Nam và Đông Nam Á Châu (1982-1991) và từ năm 1982 làm hội viên Independent Scholars of Asia tại Đại Học Berkeley, California. Từ năm 1999, Cụ làm Cố Vấn Thư Mục Viện Việt Học tại Nam California.

Công trình trước tác văn học của GS Nguyễn Khắc Kham rất nhiều được viết bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Nhật. (Chi tiết có thể tham khảo trong Tuyển Tập Ngôn Ngữ và Văn Học VN Tập I, Dòng Việt số 2 năm 1994).(1)

VÀI HÌNH ẢNH ĐÁNG GHI NHỚ.-

Hình ảnh hai cụ già Á Đông, cụ Ông đội mũ, chống gậy đi trước, cụ Bà xách túi theo sau. Hình ảnh quen thuộc nơi quy tụ đông đảo người Việt tị nạn. Dáng nghiêng nghiêng về phía trước, chậm chạp bước từng bước một. Từ đằng xa, tôi đã nhận ra GS Nguyễn Khắc Kham và Phu nhân. Lái xe vào lề đường, bước xuống chấp tay kính cẩn chào Thày Cô.

_ Kính Thày Cô, Thưa Thày Cô đi đâu đây ạ?

Thày Cô dừng lại, ngẩng đầu lên và nhận ra tôi:

_ Chúng tôi đi đến nhà GS Lưu Khôn.

_ Kính mời Thày Cô lên xe con đưa đến nhà GS Lưu Khôn.

Đến nơi, ông bà GS Lưu Khôn đã chờ sẵn trước cửa để chào đón Thày Cô và dẫn chúng tôi vào thang máy đưa lên nhà ở lầu ba. Chưa ngồi xuống ghế, Cô đã lấy từ trong túi xách ra cân bánh trung thu đưa biếu OB GS Lưu Khôn. Ông bà chủ nhà cảm động và không thể chối từ được, nghiêng người trang trọng đỡ lấy hộp bánh đầy tình sư đệ.

_ Thày Cô còn mất công mang đến cho chúng con. Chúng con xin cảm ơn Thày Cô.

GS Lưu Khôn từng là môn đệ của GS Nguyễn Khắc Kham. Thế là bữa đó tôi được hầu chuyện hai vị GS khả kính đã một thời cùng giảng dạy tại đại học Văn Khoa Saigon và lại có dịp thưởng thức bánh Trung Thu của Thày Cô Nguyễn Khắc Kham và trà Tàu của Ông Bà GS Lưu Khôn.

Hình ảnh thứ hai mà tôi sẽ nhớ mãi là lời chào theo kiểu Nhật Bản của giáo sư phu nhân. Mỗi khi tiễn đưa khách ra về, GS và phu nhân ra tận ngoài cửa, thân mật, chân tình từ giã khách. Hai tay chắp lại, lưng hơi khom về phía trước, Cô gật đầu chào khách. Đúng cung cách của người phụ nữ Nhật Bản thời xưa. Một hình ảnh rất đẹp, rất quý phái. Chúng tôi vào hàng con cháu, đáp lễ bằng cách cũng chắp tay, cúi đầu, khom lưng xuống thấp hơn một chút. Có lần Cô còn chạy ra sân sau hái mấy trái lê chín trao cho chúng tôi khi ra về. Lần nào cũng vậy, xe ra tới đầu khúc rẽ, chúng tôi ngoái lại vẫn thấy Thày Cô còn đứng trước cửa nhìn theo. Hình ảnh đáng yêu, đáng kính đó của hai thân hình bé nhỏ mang nặng trên lưng còng lóp lóp thời gian và khối dày kiến thức đã in đậm trong tâm trí tôi, làm sao có thể quên được. Cầu mong Thày Cô luôn luôn khỏe mạnh, vui sống bên con cháu và các môn đệ của Thày.

VÀI LỜI NHẮN NHỦ CỦA THÀY.-

1) Thu thập tiểu sử và các công trình trước tác của các cựu GS CVA._

Thày đề nghị, ưu tiên những vị quá cố. Chúng tôi xin ghi nhận. Hiện nay tôi thấy một vài website CVA đã in hình và tiểu sử một số giáo sư. Tuy chưa đầy đủ nhưng bước đầu cũng là điều đáng khích lệ.

2) Thư viện CVA._

Đây cũng là mong muốn của chúng tôi. Mấy lần trước Thày đều nhắc nhở như vậy. Thu thập các tác phẩm của các cựu GS, các cựu học sinh CVA. Từ ngày thành lập tới nay,

gần 100 năm, biết bao công trình nghiên cứu trước tác của các thành viên CVA. Bây giờ làm sao thu thập, lưu giữ, điều hành với thành phần nhân sự quá ít ỏi và phương tiện hầu như không có gì. Mong muốn như vậy nhưng thực hiện không phải là dễ. Cần sự tiếp tay của nhiều người. Hy vọng trong tương lai gần đây, các môn sinh của GS cùng với các cựu học sinh CVA cố gắng để có thể thực hiện phần nào những gì mà các bậc Thầy của chúng ta như GS Nguyễn Khắc Kham đã nhắc nhở. Và gần đây, nghe nói một thư viện của Trung Tâm Việt Học tại thủ đô người Việt tị nạn, vùng quận Cam, Nam California, đã đi vào hoạt động. Thật đáng mừng.

GHI CHÚ:

(1) *DÒNG VIỆT địa chỉ liên lạc:*

Southeast Asian Culture and Education Foundation

17212 Blue Fox Circle, Huntington Beach, CA 92627

(714) 842-7578. Fax (714)847-4009

Một ký sự về đồng bằng Cửu Long

CVA Đặng Khắc Khánh

Vào năm 1968 hai ký giả Peter T. White và W.E. Garrett đã thăm viếng các quốc gia Đông Nam Á bên dòng sông Mekong, họ đã ghi lại chuyến đi này trên số báo tháng 12 năm 1968 trên tờ báo *National Geographic* xuất bản tại Hoa Kỳ. Ở đây chúng tôi chỉ xin trích lược lại những phần của bài phóng sự liên quan đến Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Theo giáo sư Tôn Thất Thiện, Tổng trưởng Thông tin, dòng sông này mang tên Cửu Long vì ông bà chúng ta tin ở số 9 là số may mắn. Sông thực sự chỉ có 8 nhánh chính, nhánh thứ 9 rất nhỏ.

Bài phóng sự về chuyến thăm viếng vùng đồng bằng Cửu Long nêu ra ở đây rất xúc tích và trung thực. Tác giả đã thăm viếng khắp vùng, đã không ngại các hiểm nguy vất vả để ghi lại các hoạt động quân sự, dân sự vụ hay các sinh hoạt khác của quân dân Việt Nam Cộng hòa. Tại khu vực rừng U Minh tác giả đã đi theo bước chân của các người lính gan lỳ thuộc Tiểu đoàn 5 Thủy Quân Lục Chiến.

Rừng U Minh dày đặc, khó có thể nhìn xa được tới 2 thước. Bùn lầy đặc quánh như xi măng trộn hồ, thêm vào đó rần rít nhiều vô số. Từng bước, từng bước, dưới nắng bức oi ả và dưới các lần đạn chống trả của địch quân, các anh em Thủy Quân Lục Chiến phải cần hơn 3 tiếng đồng hồ trên một khoảng cách một nửa cây số mới dứt điểm được địch quân. Địch để lại một trăm xác cùng với nhiều tấn đạn dược, tài liệu quan trọng.

XXXXXX

Chuyến viếng thăm Cồn Phụng tại Mỹ Tho đưa chúng ta đến với tu sĩ Nguyễn Thành Nam tức ông Đạo Dừa. Theo tôi, đây là một điển hình của nền văn hóa phong phú, nhân bản khi chúng ta chấp

nhận nhiều tôn giáo trong tình tự dân tộc với sự thương yêu mở rộng vòng tay. Ngày đó ông Đạo Dừa có xin phép chính phủ được ra Bắc để thuyết phục ngưng bắn nhưng không được chấp thuận. Sau năm 1975 nghe nói ông bị tù và chết ở đó.

Các ký giả lại đưa chúng ta qua vùng 4 chiến thuật với 16 tỉnh và 92 quận. Vùng 4 có diện tích lớn hơn xứ Hòa Lan với hơn 6 triệu dân. Nơi đây có những kinh rạch chằng chịt. Những kinh lớn đưa ta tới Sóc Trăng, Long Xuyên, Cần Thơ. Trên các kinh lớn có rất nhiều cầu, một số cây cầu đã bị Việt Cộng giật xập. Các ký giả cũng đã mô tả sự thích thú khi còn nghe được tiếng chim sơn ca hót trên các đồng ruộng. Một chi tiết khá vui về các người đẹp Cần Thơ. Khi có dịp thăm viếng Cần Thơ, các ký giả đã tường thuật là có rất nhiều chàng trai mong muốn được làm rể nơi đây.

Cũng nhân dịp này, các ký giả đã có dịp thăm viếng Đại Học Cần Thơ. Tại đây, một tòa nhà 4 xinh đẹp tầng lầu, nay chỉ còn lại đồng gạch vụn. Nguyên do là năm 1968, địch quân nguy trang mang sắc phục Thủy Quân Lục Chiến xâm nhập viện Đại học. Lực lượng Việt Mỹ đã mở cuộc hành quân trực xuất địch, sau cùng phải dùng phi pháo để giải tỏa Việt Cộng ra khỏi trường.

Trong thời gian chiến tranh, các chương trình phát triển xây dựng nông thôn vẫn được thi hành đều đặn. Điển hình là tại quận Ba Tri, tỉnh Kiến Hòa, nơi đôi phương vẫn luôn tuyên truyền là vùng chúng có hậu thuẫn, chính quyền quốc gia đã thành công trong nỗ lực nâng cao đời sống dân chúng đem lại sự thịnh vượng cho mọi người. Các ký giả đã có dịp đi thăm các đường đất nay đã lát gạch. Thôn xã được điện hóa. Nhiều trường học với 4, 5 lớp được xây dựng. Các chợ có đặt máy truyền hình để dân theo dõi tin tức. Đó đây, các cán bộ Xây dựng Nông thôn với súng carbine trên tay, cùng với các binh sĩ Tiểu đoàn lo bảo vệ an ninh trật tự. Trung tá Trần Thanh Nhiên, vị chỉ huy tại địa phương đã hướng dẫn các ký giả thăm viếng quận không cần hộ tống.

Sau cùng các ký giả còn tham dự cuộc hành quân truy quét Tiểu đoàn 516 Cơ động của địch tại cù lao Dừa, nơi địch quân thường đặt súng pháo kích vào thị xã Mỹ Tho. Trong cuộc hành quân này, ngoài phía quân lực Việt Nam Cộng Hòa còn có sự tham dự của giang đoàn Hoa Kỳ. Trước khi hành quân, phi cơ phóng thanh yêu cầu dân chúng tại cù lao đừng chạy để khỏi bị nhận lầm là địch. Các ký giả cũng phải lội qua các con rạch, dưới hỏa lực địch để sau cùng khi lực lượng ta hoàn toàn kiểm soát cù lao, đi thăm viếng các hầm hố của địch quân để lại nhiều cờ quạt, bích chương.

XXXXXX

Bài phóng sự có ghi lại hình ảnh người vợ lính sau hàng rào kẽm gai nơi trại lính. Còn sự hy sinh nào cao cả cao quý hơn những người vợ lính, cùng chia sẻ gian lao hiểm nguy với chồng. Cần ghi nhận thêm là tình hình an ninh tại vùng đồng bằng Cửu Long được cải thiện rất nhiều. Tuy có những trận chiến lớn trong năm 1968 nhưng các chương trình bình định, xây dựng nông thôn vẫn tiến hành khả quan. Lý do chính là địch đã thiệt hại nặng nề vào năm 1968. Nhớ lại vào năm 1963, Dương Văn Minh và phe nhóm tài hèn đức mỏng bỏ ngỏ vùng quê cho địch mặc tình thao túng.

Vào khoảng năm 1969, lưu thông được dễ dàng khắp vùng 4. Dân chúng tập nập dùng đồ máy để theo kinh Thầy Phó tới quận Hiếu Liêm, Vĩnh Long, hoặc xa hơn nữa dùng kinh Ông Đốc để tới tận quận Thới Bình, Cà Mau. Quân dân miền Nam đã đổ bao công sức máu xương, những mong bảo vệ được mảnh đất tự do cuối cùng. Tiếc thay lãnh đạo yếu kém của ta, thiếu nhìn xa trông rộng, chẳng những không có cái nhìn có tầm vóc quốc tế, cũng không biết vận dụng được tiềm lực quốc gia cho sự tồn vong của đất nước.

Từ cái nhìn hẹp hòi của triều Nguyễn không kịp thời canh tân đất nước như Minh Trị Thiên Hoàng đã canh tân Nhật Bản, các yếu kém của lãnh đạo các đảng phái quốc gia vào năm 1945, đến các sự sai lầm của hai nền cộng hòa đã không vực dậy được một dân tộc lầy lừng. Bên ngoài này, chúng ta cũng có nhiều nhân vật hiện thích đóng các vai trò tù trưởng. Ước mong chúng ta có ít người lãnh đạo, nhưng những người này phải thực sự có đầy đủ khả năng.

Nói về đồng bằng Cửu Long là phải nói đến sự ân cần thân ái của dân chúng miền đất này. Những ai trong chúng ta, nếu có dịp sinh sống hay làm việc ở đây trước năm 1975 đều không thể quên được những tấm lòng chân thật của đồng bào vùng đồng bằng Cửu Long.

Cầu xin cho tự do no ấm sớm trở lại đất Việt mến yêu.

CVA Đặng Khắc Khánh

* * *

Mùa Xuân Không Về Qua Tiếng Pháo

CVA Việt Bằng

*Mùa Xuân không về
Qua tiếng pháo.
Mà về trong những phút
Khát khao yêu,
**

*Tình yêu,
Ngàn ô nhỏ bên vách ngăn tâm thất.
Em dành cho Anh,
Được mấy ngăn?
**

*Thời gian,
như màu áo trong ngăn tủ.
Nhìn đã quen, còn thoảng một mùi hương.
Anh biết mùa Xuân,
qua màu áo ấy,
Màu áo em bay trước Giàng Đường.
**

*Nơi hẹn mùa xưa,
Bên góc phố.
Em đã cùng anh,
Nghe gió hát thay lời...
Nhịp tim đập mạnh,
Tình em đẹp.
Em có còn ngoan như ánh mắt bờ môi?
**

*Đêm trừ tịch,
Anh về với em,
trong tiếng pháo giao thừa.
Với đam mê vô tận.
Để Hoa thụ phấn,
Hạt sẽ nảy mầm,
Xanh ngát một mùa Xuân...*

* * *

SEX VÀ CAO HUYẾT ÁP

CVA Nguyễn Thanh Giản

Lời tòa soạn: CVA Nguyễn Thanh Giản (tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa Saigon năm 1965) đã viết bài này vào khoảng giữa năm 2002 để đăng thêm vào Đặc San CVA phát hành vào mùa hè năm 2002. Tuy nhiên, vì lúc đó Đặc San 2002 đã quá đầy (400 trang), và lại anh đã viết một bài trong Đặc san CVA 2002 rồi, cho nên Ban Biên Tập đã quyết định để dành bài này cho kỳ tới. Trong Đặc San kỳ này, chúng tôi xin hân hạnh giới thiệu bài “Sex và Cao Huyết Áp” của CVA Nguyễn Thanh Giản. Không may, đến tháng 5 năm nay (2003), anh bị stroke (tai biến mạch máu não), và hiện đang dưỡng bệnh ở nhà.

Bài này viết để tặng các bạn nam sinh Chu Văn An đã trên 60 tuổi. Theo tiến trình sinh trụy hoại không thì trên 60 tuổi là đã tới giai đoạn thứ ba rồi (hoại), nghĩa là cơ thể chúng ta đang bị hủy hoại từng ngày từng tháng theo định luật vô thường của tạo hoá, không ai tránh khỏi. Tuy nhiên, tiến trình hủy hoại cơ thể chúng ta biến đổi rất đa dạng tùy theo mỗi cá nhân. Một số ít người có tuổi nhờ tập tành và theo kỹ các phương pháp dưỡng sinh vẫn giữ được một sức khỏe rất tốt, không kém gì một thanh niên tráng kiện. Một số khác ít hoạt động hơn thì làm mồi cho những bệnh của tuổi già xâm nhập hàng ngày. Cao huyết áp (viết tắt là CHA) là một bệnh thường thấy ở tuổi già và đã gây nên một số tử vong khá cao. Tệ hơn nữa là có lúc không gây chết người thì nó lại làm cho cơ thể chúng ta bị tàn tật như: bán thân bất toại, rối loạn các cơ năng sinh lý, tuần hoàn hoặc tác động lên thần kinh tim mạch, làm nặng thêm những bệnh khác lẽ ra chưa gây nguy hại cho người bệnh. Chính tôi cũng đã bị CHA và đã bị đứt mạch máu não hai lần, một lần khác thì mạch máu não bị co thắt, làm thiếu máu ở các vùng não mà các mạch này có nhiệm vụ mang máu tới nuôi sống. Có người chỉ bị một lần là chết. May là tôi không chết và các dư chứng cũng không đến nỗi nặng lắm nên chưa bị gọi là tàn tật hoàn toàn. Tôi lại bị thêm bệnh nhồi máu cơ tim phải mổ bypass. Toàn là những bệnh nặng cả, những bệnh chết người cả. Nhưng tôi may mắn vẫn hoạt động được bình thường dù có yếu hơn các bạn đồng lứa tuổi (63 tuổi ta). Bài này dựa vào sự quan sát một số bệnh nhân mà tôi có dịp săn sóc và kinh nghiệm của chính bản thân mình **ên mang nhiều tính chất chủ quan, không phải là những chân lý đúng với tất cả mọi người** và cần được các bậc cao minh nghiên cứu thêm trước khi đi đến những kết luận vững chắc.

CHA là một bệnh rất phức tạp. Ngoài một số nguyên do như suy thoái thận, đái đường, nhiễm trùng thận để có thể điều trị tận gốc, có tới 90% bệnh CHA của người lớn tuổi không biết lý do tại sao. Có lẽ Tây y chưa nghiên cứu được đầy đủ chức năng của thận nên mọi cách thử về chức năng thận vẫn bình thường. Đông y chia thận ra làm hai phần: thận Âm và thận Dương. Thường thì người ta cho rằng yếu thận Âm sẽ cao huyết áp (vì thận không lọc được nước tiểu đầy đủ), yếu thận Dương sẽ yếu sinh lý. Nhưng điều này tỏ ra không đúng, nhất là đối với những người già. Thường thì người bị CHA yếu cả thận Âm lẫn thận Dương. Tệ hơn nữa là nếu ta chú ý bồi bổ thận Âm (bằng Lục vị, thuốc Bắc chẳng hạn) thì thận Dương bị hại và huyết áp vẫn không xuống, có khi còn tăng cao là khác. Lục vị của các hiệu thuốc Bắc bán rất rẻ nhưng các bạn đừng thử. Nguy hiểm đấy! Yếu thận Dương thì yếu sinh lý. Chuyện này đúng rồi nhưng nếu bồi bổ thận Dương cho sinh lý mạnh lên thì huyết áp cũng lên theo với nhiều nguy hiểm. Người yếu thận Dương thường bị đau lưng ở vùng hai trái thận, thường hơn ở bên phải. Thường thì nghỉ ngơi vài ngày sẽ hết đau không cần uống thuốc. Ở Viện Y học Dân tộc, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có bán thuốc bổ thận hoàn khá tốt. Tôi đã thử. Đang đau lưng, uống một viên vào, chỉ mấy giờ sau là đỡ liền nhưng không được lâu. Điều cần là phải nghỉ

ngoi (nhất là nghỉ sex!), tập tành dưỡng sinh và hít thở đầy đủ cho cơ thể khoẻ mạnh mới hết hẳn. (Xem loạt bài Thở Sâu của cùng tác giả). Thuốc bổ thận Dương làm bằng: Hà thủ ô, cơ mực, ngải cứu, mật ong, sa nhân, trần bì, khá tốt và giá lại rất rẻ. Tuy nhiên, những chất này sẽ tốt hơn nếu ta kết hợp với chất Testosterone của Tây y. Testosterone loại ít phản ứng phụ (side effect) nhất được bán dưới dạng thức Halotestin của hãng Roche. Lớn tuổi chỉ nên dùng liều thật nhẹ (thí dụ 1mg/ 1 ngày là cùng). Dùng bao giờ dùng liều mạnh dù có cảm tưởng khoẻ hơn nhiều và sinh lý mạnh lên nhiều. Vì khoẻ như thế chỉ là giả tạo và các phản ứng phụ sẽ làm cho hết sức tai hại. Khi phản ứng phụ làm ta không thể dùng được thuốc này nữa, phải ngưng lại thì đau lưng và thận Dương suy lại còn dữ hơn lúc trước khi dùng thuốc nữa! Do đó chỉ nên dùng Testosterone rất nhẹ lúc thật cần thiết mà thôi. Rồi nghỉ sex ít ngày sẽ không cần thuốc nữa. Điều đó chứng tỏ: khi ta xuất tinh, ta bị mất một số lượng tinh dịch cần cho năng lượng để bồi dưỡng cho thận Dương. Ta nghỉ ít ngày, prostate (tuyến tiền liệt) sẽ sản xuất ra đầy đủ tinh dịch đã mất và thận trở lại bình thường, không cần uống thuốc. Do đó, trong người luôn luôn cần một lượng tinh dịch cần thiết. Nếu hoang phí dùng hết, đưa đến tình trạng khô cạn tinh dịch, rất tai hại cho thận. Tây y cho rằng thận không có ảnh hưởng gì về sinh lý. Điều đó có lẽ không được hoàn toàn đúng lắm.

Cao Huyết Áp (CHA) là một bệnh cần được theo dõi rất kỹ. Tôi có một máy đo huyết áp bằng điện tử (loại đắt tiền rất chính xác) và tôi đo HA của mình mỗi ngày nhiều lần. Các loại thuốc Đông y chữa CHA kể như không có. Có một vài thứ quảng cáo nhưng tôi đã dùng thử, không có hiệu quả gì cả. Đây là chưa kể họ làm bằng chất gì? Có thể nguy hiểm mà mình không biết! Mấy tháng trước có bạn Chu Văn An quảng cáo trà Long Tĩnh. Tôi cũng đã mất mấy trăm bạc mua trà uống đều như lời chỉ dẫn. Rút cục chẳng đi tới đâu!

Tây y có rất nhiều loại thuốc chống CHA, tác dụng bằng nhiều cách khác nhau, chia làm nhiều loại như sau:

1) Loại B-blocker: được bán dưới dạng thức: Atenolol, Sektal, Tenormin, Lopressor, Inderal. Loại này chống lại phản ứng thần kinh đối với ảnh hưởng của các chất Adrenaline và Nor-Adrenaline. Nhưng loại này làm cho bệnh nhân mệt, tim đập chậm, khó ngủ, uống lâu sẽ bị liệt dương. Tuy nhiên thuốc loại này vẫn được kể là loại chữa CHA tốt nhất hiện nay.

2) Loại Alpha-blocker như Cardura, Minipress, Hytrin. Loại này thường gây chóng mặt có khi té xỉu, buồn ngủ, nhức đầu, tim đập nhanh. Dùng lâu cơ thể bị hại ở các tế bào óc và các chứng bệnh tim.

3) Loại ACE inhibitors như Lotensin, Capotin, Vasotec, Atacand, Diovan, Zestrin. Loại này thường làm hại gan, da dễ xấu, tim đập nhanh. Dùng lâu hại tim và khó thở.

4) Loại Calcium blockers như Cardizem, Plendil, Procardia. Loại này thường làm nhức đầu, táo bón, mệt mỏi, chóng mặt, khó ngủ. Dùng lâu có thể bị bệnh tiêu hoá, hại óc và gây ung thư.

5) Loại thuốc lợi tiểu như: Lasix, Aldactone, Chlorothiazide. Loại này thường làm mất chất potassium là một chất rất quan trọng. Cơ thể có nhiều quá hoặc ít quá chất potassium đều có thể làm tim ngừng đập! Dùng lâu dài, dù có cho thêm potassium trong thực phẩm, vẫn có thể gây suy thận (có thuốc thì đá được, hết thuốc là không đá và liều thuốc cứ phải tăng lên mãi) hoặc ảnh hưởng tới xương và các khớp xương. Nên nhớ các tử tội bị kết án, người ta hành quyết bằng cách chích gân một mũi thuốc Pentotal cho ngủ đi, rồi sau đó chích gân một mũi Potassium Chloride cho tim ngừng đập!

6) Loại tác dụng trên thần kinh như: Catapres, Aldomet. Loại này thường gây buồn ngủ, chóng mặt, hành động chậm chạp, sưng phù cơ thể, táo bón. Dùng lâu có thể gây ung thư, suy thoái thần kinh, suy thoái thận và các bệnh tiêu hoá.

Tóm lại thuốc ta chống CHA kể như không có. Thuốc tây thì có rất nhiều nhưng thuốc nào cũng có mặt trái của nó và người bệnh dùng thuốc nào cũng chỉ được một thời gian rồi sau đó phải thay đổi thuốc khác trước khi suy sụp hoàn toàn. Tuy nhiên, điều đáng khích lệ là có rất nhiều người đã dùng loại B-blocker và ACE inhibitors nhiều năm mà không sao cả. Điều đó đáng cho ta hy vọng. Riêng cá nhân tôi huyết áp rất cao (190/100), tôi thường dùng hai loại Atenolol (B-blocker) và Atacand (ACE inhibitor) hoặc có khi Sactal và Diovan, thay đổi nhau luôn mới chịu nổi những phản ứng phụ của chúng. Sau đây, tôi có một số kinh nghiệm cá nhân như sau:

1) Mặc dầu thận giữ một nhiệm vụ quan trọng nhưng về các loại CHA khác, người ta không tìm được nguyên nhân. Có thể nguyên nhân chính CHA là do thần kinh sinh ra vì thử đủ các chức năng của thận vẫn bình thường. Nếu cho rằng vì ăn mặn mà bị CHA thì chỉ đúng với những người yếu thận. Những người trên 60 tuổi bị CHA không biết nguyên do thì dù có ăn nhạt hoàn toàn (không ăn mặn) huyết áp vẫn cao. Tuy vậy, nếu ăn nhạt được vẫn tốt hơn.

2) Vì ảnh hưởng ở thần kinh nên huyết áp lên xuống rất nhanh. Có khi chỉ trong 1 phút, ta có một vấn đề gì bất mãn, bực tức, hoặc nói chung là các loại stress, huyết áp sẽ lên cao rất nhiều so với 1 phút trước đó. Lý do là vì bị stress, cơ thể tiết ra Adrenaline và chất này tác dụng rất nhanh. Điều đó đưa đến kết luận là chống stress bằng Thiền lâu dài rất có kết quả. Điều đó cũng chứng nghiệm một điều là: nếu trong đầu ta nảy ra một ý niệm xấu xa (thí dụ giận dữ, tàn ác, hoặc quá dâm dăng) thì mặc dầu chỉ là ý nghiệp thôi, ta cũng đã bị trừng phạt ngay tức khắc (bằng cách lên huyết áp!)

3) Sex giữ một nhiệm vụ rất quan trọng trong bệnh này nhưng lại bị bỏ quên, ít người chịu nói đến. Trừ những người đã uống loại B-blocker quá lâu, súng ống đã hư cả rồi thì không kể, những người khác vẫn còn lai rai được thì phải để ý đến những vấn đề như sau:

Sex là một hành động rất nặng nhọc không thể coi thường, một cái stress rất lớn đối với những người lớn tuổi, nhất là nếu những người này lại dùng cả Viagra để tăng cường khả năng sinh lý. Vì tuổi già nên cần Viagra là điều không lạ. Có người cho rằng sex rất quan trọng và cần thiết để bồi bổ cho hệ thần kinh, sau khi sex, ngủ một giấc ngon lành, cảm thấy tươi mát khoẻ mạnh. Nếu lâu ngày không sex, thần kinh bí xị, khó ngủ, tính nết cáu kỉnh rất khó thương, kể cả đàn ông lẫn đàn bà. Điều đó tôi cho là chỉ đúng với những người trẻ mà thôi. Đã hơn 60 tuổi rồi còn ham như thời son trẻ, có khi chết không kịp hối! Bởi vậy, một bạn Chu Văn An hỏi tôi: “Anh chủ trương nghỉ bớt sex cho những người đứng tuổi, nhất là đã bị CHA, như vậy nghỉ sex bao lâu thì vừa?” Xin trả lời:

- Điều này biến đổi rất nhiều so với từng cá nhân (từ 1 tuần tới 2 tháng). Nhưng tôi có thể đề nghị một vài điểm để từng bạn có thể quán chiếu về chính mình để tìm ra câu trả lời. Đại khái nguyên tắc như sau: Chúng ta đã trên 60 tuổi cả rồi, nghĩa là cái prostate (tuyến tiền liệt) của chúng ta người nào cũng hơi lớn cả vì đã dùng nhiều suốt mấy chục năm nên lớn là dĩ nhiên! Do đó, nếu lâu không dùng đến, ta sẽ thấy có hiện tượng gọi là bình đầy. Bình đầy nhẹ thì không sao, người khoẻ là đấng khác. Nhưng nếu để lâu quá (thường trên 1 tháng) bình sẽ rất đầy. Lúc đó sẽ rất khó đi đái. Vì prostate có nhiệm vụ tiết ra tinh dịch mà lâu quá ta không dùng đến nên tinh dịch quá đầy, đè vào ống tiểu nên rất khó đi đái. Chỉ những lúc đái khó như vậy, ta mới nên sex một lần để giải phóng bộ tiết niệu (có thể dùng Viagra nếu cần, ngoại trừ những bạn mắc bệnh động mạch vành phải uống Nitroglycerine! **Nên tham khảo Bác Sĩ trước khi dùng Viagra**). Nhưng phải để ý vài điều quan yếu như sau:

- Thứ nhất là: sex có đưa ta đến khoái cảm tột độ (orgasm) như xưa hay không? Nếu không có khoái cảm tột độ thì là thần kinh của ta đã quá già rồi, không còn hứng thú như lúc tuổi trẻ nữa. Ta có sex chỉ vì ta muốn trả bài, làm tròn bổn phận công dân mà thôi. Ta không nên ham những vấn đề này nữa! Phần nhiều các bà vợ lớn tuổi họ cũng không cần chuyện sex nữa (trừ một số bà rất dâm dăng thì không kể!)

- Thứ hai là: sau khi sex, ta có ngủ một cách dễ dàng không? Phải ngủ một giấc dài 6, 7 tiếng đồng hồ mới là tốt và bồi dưỡng cho hệ thần kinh. Còn nếu sex chỉ làm cho thần kinh bị suy nhược thêm thì chỉ có hại. Triệu chứng suy nhược là: sex xong, khó ngủ hơn hoặc mệt quá chỉ ngủ được một giấc ngắn thôi (độ 1 hoặc 2 tiếng). Điều đó có nghĩa là hệ thần kinh của ta đã không còn chịu được những kích thích quá đáng cho nó nữa. Tình trạng này thường kéo dài có khi tới cả tuần sau thần kinh mới có thể ngủ lại bình thường. Trong thời gian này, hệ thần kinh luôn luôn ở trong tình trạng bị kích động mà chưa chịu dịu xuống. Và thời gian này rất nguy hiểm cho các bệnh nhân bị CHA. Huyết áp rất cao, uống thuốc cũng không xuống được mấy và có thể nhảy lên cao bất cứ lúc nào. Đa số những người bị stroke thường bị trong thời gian này.

- Thứ ba là: hiện tượng bình đây có thể tránh được để có thể nghỉ sex một cách lâu hơn và không bị khó đái, ít bị thôi thúc về tình dục nếu ta chịu khó tập thể dục một cách đều đặn. Bởi khi ta tập mệt, một ít tinh dịch tan vào trong máu, bồi dưỡng cơ thể, bồi dưỡng thần kinh đưa ta tới chỗ “cao cả” hơn cho tâm hồn, thay vì cứ bị thôi thúc về vấn đề sex. Các bạn kinh nghiệm 8 tuần huấn luyện ở các quân trường, không nghĩ đến sex gì cả, chắc biết rõ hơn tôi về vấn đề này. Các nhà tu hành cũng vậy. Họ phải ăn uống kham khổ, làm việc nhiều mới tránh được những thôi thúc về vấn đề sex. Chú nếu ngày nào cũng ăn uống quá sung sướng, uống rượu vang, lại được tâng bốc lên quá đáng, không phải làm việc nặng nhọc gì cả thì rất khó chống lại cơn quỷ dâm dục như ta đã thấy trên báo chí và các đài truyền hình đề cập đến trong những ngày gần đây!

Về ăn uống, tôi khuyên các bệnh nhân CHA chỉ nên ăn ngày một bữa mà thôi. Buổi chiều nếu có đói, chỉ nên ăn nửa trái chuối hoặc nửa trái cam là đủ. Vì thực phẩm cho vào người quá nhiều so với nhu cầu của nó cũng là một nguyên nhân của CHA. Và lại, ta ăn uống đạm bạc thì lâu lâu ăn thịnh soạn một bữa sẽ cảm thấy ngon hơn.

Cũng có bạn còn đề nghị chữa CHA bằng châm cứu và tập Dịch Cân Kinh. Tôi không dám lạm bàn về hiệu năng của hai phương pháp này, tuy nhiên nếu đi châm cứu hoặc tập Dịch Cân Kinh thì **vẫn phải tiếp tục dùng thuốc theo lời chỉ dẫn của Bác Sĩ, không được tự động bỏ.**

Châm cứu: tác dụng trên thần kinh nên làm xuống huyết áp rất nhanh. Nhưng thường tình trạng này không kéo dài được lâu. Nghỉ châm 1 ngày huyết áp lại tăng cao ngay. Do đó phải kiên nhẫn châm cứu hàng ngày trong một thời gian lâu. Không được nghỉ châm cứu bất thần vì có hiện tượng rebound giống như ta ngưng uống thuốc bất thần. Theo các nhà chuyên khoa châm cứu thì châm cứu trong bệnh này phải đạt 3 mục tiêu:

Thứ nhất là phải làm dịu thần kinh, ngủ được nhiều, ngủ tự nhiên bằng cách châm các huyệt: Tam âm giao, Âm lăng tuyền, An bạch, Thần môn, Bách hội, An đường.

Thứ hai là phải cho xuống huyết áp từ từ bằng cách châm các huyệt Túc tam lý, Khúc tri, Phong tri, Cứu vĩ, Nhân nghinh, Hiệp cốc.

Thứ ba là phải luôn luôn bổ thận bằng: Thận du, Chí thất, Phục lưu. Cứu Túc tam lý, Dũng tuyền.

Còn tập Dịch Cân Kinh thì phải rất kiên nhẫn và đều đặn. Phải tập theo đúng phương pháp. **Cho dù tập có kết quả khả quan thì cũng không được tự động ngưng hoặc giảm uống thuốc. Bệnh nhân cần phải được tái khám kỹ càng và phải có sự theo dõi và đồng ý của Bác Sĩ.**

Tóm lại CHA là một bệnh rất nguy hiểm. Thuốc men nhiều khi làm ta rất khó chịu. **Mặc dầu vậy, bác sĩ cho toa uống thuốc thì phải tuân lời bác sĩ, tuyệt đối không được bỏ uống thuốc.** Bệnh CHA đòi hỏi phải hiểu biết, kiên nhẫn và giữ một chút giới hạnh. Chúc các bạn thành công.

CVA Nguyễn Thanh Giản

(1) Theo sách Textbook of Psychiatry của Mỹ thì một người trẻ tuổi bình thường cứ 20 phút nghĩ tới sex một lần. Một người bị bệnh sex addict (nghiện tình dục) cứ 5 phút nghĩ tới sex 1 lần. Tôi cho là vì họ ăn uống quá béo béo, quá sung sướng. Việt Nam chưa có thống kê nào. Nhưng tôi cho rằng tiêu chuẩn bình thường của Mỹ hơi quá cao. Từ chuyện nghĩ đến tình dục tới việc thi hành tình dục không bao xa. Nếu bị CHA mà theo đúng tiêu chuẩn của Mỹ, chắc chắn chết sớm!

* * *

Giận Hờn

CVA Lư An

Lời tòa soạn: Truyện ngắn “Giận hờn” là một trong sáu truyện ngắn trong tập truyện “Sayonara” của CVA Lư An (tên thật Vũ Ngọc Ruẩn). Theo lời tác giả, truyện có thật, tuy nhiên, tên thật của một số nhân vật trong truyện đã được sửa đổi. Trân trọng mời quý độc giả thưởng thức:

* * *

Tình yêu, chẳng phải chỉ toàn là những lúc hoan lạc, vui ca, mà tình yêu phải có những lúc giận hờn, ướm mi vì một tí cay cay trong mắt, phải có mùi vị của ngộ nhận, nghi ngờ... Có như vậy người ta mới biết được bản chất thật của tình yêu, và tình yêu mới làm cho người ta thích thú, say mê... Trong truyện này, bên cạnh những giọt nước mắt giận hờn của Hạnh, cũng kèm theo hình ảnh ngạo nghễ, thánh thiện của Điềm, người sĩ quan Dù QLVNCH. Sự giận hờn trong tình yêu cũng được lồng vào một tình bạn bè thắm thiết, thân thương mà có lẽ nó chỉ được tìm thấy ở những con người đang sống giữa hiểm nguy trong cuộc chiến tranh vừa qua của đất nước, nơi đó hai chữ sống và chết luôn luôn nằm kề bên họ.

Tôi không thể ngờ được, từ ngày Vũ bị động viên vào trường sĩ quan Thủ Đức, đời sống và việc làm của tôi lại bị ảnh hưởng nhiều đến thế. Thời gian và bận rộn hình như đan vào nhau, bao phủ lấy tôi, làm thay đổi những sinh hoạt quen thuộc mà tôi đã kéo dài hơn một năm, kể từ ngày tôi xa gia đình xuống Vĩnh Long dạy học. Trong 4 tuần lễ huấn nhục đầu tiên, Vũ không được về phép cuối tuần. Mỗi chiều thứ bảy, tôi phải vội vã rời Vĩnh Long lấy xe đò lên Sài Gòn, rồi vội vàng nấu vài món ăn mặn để kịp sáng chủ nhật mang lên quân trường cho anh.

Chúng tôi gặp nhau ở vườn Tao Ngộ của quân trường chỉ được vài giờ ngắn ngủi, rồi tôi lại hấp tấp trở về Sài Gòn cho kịp chuyến xe đò cuối cùng trong ngày để trở lại Vĩnh Long vào buổi tối. Sau đó, còn phải chong đèn đến khuya, sửa soạn bài vở dạy học vào sáng thứ hai tuần lễ tiếp theo! Nhưng rồi, thời gian huấn nhục qua đi, Vũ đã được về phép cuối tuần, việc gặp gỡ của chúng tôi đã có phần nào dễ dàng, tiện lợi và dài lâu hơn. Tôi không còn phải vội vàng mua sắm, nấu nướng thức ăn mang lên Thủ Đức như trước nữa, trừ phi vì tình hình an ninh, Vũ bị cấm trại 100%, tôi mới phải lên quân trường thăm anh mà thôi. Trong tình trạng bình thường, mỗi tuần vào khoảng 9 giờ sáng chủ nhật, khi những chiếc xe nhà binh GMC từ Thủ Đức về, họ thả anh ở những địa điểm qui định trong thành phố, chúng tôi gặp lại nhau ngay sau đó.

Những ngày chủ nhật ngắn ngủi nhưng tuyệt vời đó, trở nên quý báu và mong đợi của hai đứa tôi. Dù trời mưa ướt lạnh, dù nắng rất cháy da, chẳng có gì để thay đổi những lần gặp nhau hạnh phúc đó. Vẫn là những lần đi bên nhau, la cà trong những quán cà phê. Vẫn là những buổi gặp gỡ lũ bạn bè nói khô, thân thiết của Vũ trong những cuộc ăn nhậu ồn ào đầy tiếng cười vui pha lẫn với những tiếng chửi thề tục tũ, đôi khi làm tôi phải khó chịu!...

Tình yêu của chúng tôi cũng lớn dần và bền chặt hơn theo những tháng ngày eo hẹp, cũng như theo những kỷ niệm của những lần hẹn hò, mộng mơ, đợi chờ đó. Việc dạy học của tôi đã có phần nào bị xao lãng, bài vở được sửa soạn kém kỹ lưỡng hơn xưa, sự kiểm soát và chăm sóc cho học trò cũng giảm đến mức tối thiểu... Tất cả cũng chỉ vì những lo lắng, xếp đặt cho những lần lên Saigon gặp nhau của tôi mà ra.

Tôi còn nhớ, trước đây khoảng hơn một năm, khi còn là một cô sinh viên đại học sư phạm Sài Gòn, cuộc sống của tôi được thu nhỏ trong cái tháp ngà vật chất cùng với sự săn sóc kỹ lưỡng của ba mẹ tôi. Bên cạnh việc ăn uống và học hành, gần như tôi không biết gì nhiều về xã hội bên ngoài. Tôi chưa bao giờ dám một mình hay ngay cả với vài người bạn gái vào một quán cà phê đèn màu, chật ních những khách nam giới để uống nước hay nghe nhạc. Tôi cũng chưa bao giờ biết đến cái cảm giác ngồi trên chiếc ghế gỗ thấp lè tè ở những quán ăn lụp xụp, nghèo nàn trên lề đường, hay trong những ngõ hẻm lao động tôi tắm, ăn nghèo luộc, cháo cá với những chiếc bát sứ mẻ, chiếc muỗng nhuộm méo mó. Tôi cũng chưa bao giờ ngửi được mùi khói thuốc cay nồng, cảm giác ngất ngây với những ly rượu, ly bia, trong những lần ăn nhậu ồn ào, đầy tiếng chửi thề của nhóm bè bạn Vũ... Những điều đó hoàn toàn xa lạ với tôi cho đến khi tôi xa gia đình xuống Vĩnh Long dạy học và tôi quen và yêu Vũ. Với anh tôi đã biết tất cả!

Cuối tháng 7, cùng với dịp nghỉ hè 3 tháng của tôi, tiểu đoàn Vũ được gán "Alfa", dấu hiệu sự trưởng thành của người sinh viên sĩ quan bộ binh đã gần đến. Cũng đúng lúc đó, thời điểm nóng bỏng sau biến cố Mậu thân, cuộc chiến tranh đang leo thang khốc liệt. Những đơn vị tác chiến lưu động, nhẩy dù, thủy quân lục chiến và các đơn vị khác bao quanh thủ đô Sài Gòn được điều động, cung ứng cho chiến trường, còn lại lực lượng cảnh sát, công an không đủ khả năng bảo vệ sự an ninh tối thiểu cho Sài Gòn. Vì vậy những tiểu đoàn khoá sinh của trường sĩ quan Thủ Đức đã gán Alfa được điều động về Sài Gòn ứng chiến, giữ an ninh và kiểm soát ở những ngã đường từ các vùng ngoại biên đổ vào thành phố.

Về Sài Gòn ứng chiến là một giấc mơ của tất cả các khóa sinh sĩ quan vì không phải cực nhọc với những lần đi bãi qua đêm, những đêm nằm tuyến gác dưới trời mưa lũ... Về Sài Gòn ngoài những lúc thay nhau canh gác, kiểm soát an ninh, lại còn được ăn uống phủ phê ở các nhà hàng, tiệm ăn trong thành phố. Thời gian còn lại là những lúc rảnh rỗi lang thang, ngắm nghĩa phố phường, thăm viếng thân nhân.

Có lẽ đây là thời gian đẹp đẽ nhất đối với tôi, những ngày nghỉ hè rảnh rỗi không phải dạy học lại đúng vào những tuần lễ Vũ được về Sài Gòn ứng chiến, gần như ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau. Tôi được anh dẫn đi mọi nơi trong thành phố Saigon, nơi tôi cũng như Vũ đã sống từ ngày còn ấu thơ cho đến trưởng thành. Sài Gòn đối với tôi quá nhỏ bé, hình như nó chỉ được thu gọn với vài con đường quen thuộc từ nhà cho đến trường học cùng với vài bữa ăn uống trong những dịp cưới hỏi mà thôi... Còn Vũ, những nơi bình dân nghèo khổ cho đến những chốn xa hoa, sang trọng, anh đều đã đi qua và biết rất kỹ. Cũng trong dịp này tôi cũng gặp gần như hầu hết bè bạn của anh, phần nhiều họ là những sĩ quan độc thân hay chỉ có những mối tình không mang nhiều lưu luyến với cuộc quen biết thoáng qua.

Trong khoảng thời gian hoan lạc, tràn trề hạnh phúc đó, tôi cũng như Vũ hình như quên đi tất cả những lo lắng trước đây cho đến khi anh nhận được tờ giấy chấm dứt sự hoãn dịch vì lý do công vụ từ Nha Động Viên gửi đến. Tôi còn nhớ lần đó, Vũ đến căn gác trọ của tôi ở trung tâm thị xã Vĩnh Long trong dáng điệu buồn lo hiện rõ trên mặt. Anh nói với tôi:

-Anh không biết cuộc tình của chúng mình sẽ ra sao Hạnh ạ. Từ nay, anh sẽ rời bỏ đời sống dân sự, tham dự trực tiếp vào cuộc chiến tranh của đất nước. Đời sống của anh sẽ được đưa vào một hướng khác. Anh cũng không biết nó sẽ dẫn anh về đâu. Có lẽ em đã gặp và nói chuyện nhiều với nhóm bè bạn thân thiết của anh đang trong quân ngũ rồi. Sự bất định, nghèo túng và nhất là chết chóc của đời người lính chiến không cho phép họ nghĩ đến những gì có tính cách miên viễn, dài lâu, ngay cả đến đời sống tình cảm cũng thế, toàn là tạm bợ, chóng quên. Dĩ nhiên, trường hợp của anh vẫn có một hy vọng được trở về với nghề giảng dạy dưới hình thức một sĩ quan biệt phái nếu sự can thiệp của viện

đại học Cần Thơ được chấp thuận. Nhưng có lẽ em cũng biết, ở thời điểm mà chiến tranh càng lúc càng khốc liệt như hiện nay, vấn đề biệt phái cũng chẳng có gì gọi là chắc chắn cả!

Đã gần 7 tháng qua, sự lo lắng của chúng tôi gần như đã bị đẩy vào quên lãng. Chúng tôi ngụp lặn với những ngọt ngào của ân ái, hò hẹn. Vài lần chợt nhớ đến ngày mãn khóa gần kề, tôi hỏi Vũ về vấn đề biệt phái. Anh chỉ hôn nhẹ lên trán tôi và nói:

-Có lẽ em nên quên nó đi Hạnh ạ. Nhớ và lo lắng để làm gì khi nó hoàn toàn ở ngoài vòng tay và tính toán của chúng mình! Ngoài sự chờ đợi và hy vọng vào cuối khoá, anh chẳng còn làm được gì hơn!

&

Một lần vào cuối mùa nghỉ hè, khi Vũ về ứng chiến Sài Gòn vào ngày thứ năm trong tuần, lúc đó tôi phải xuống Vĩnh Long để tham dự buổi họp chia giờ dạy cho niên khoá tới. Mãi đến chiều thứ bảy chúng tôi mới gặp được nhau, Vũ dẫn tôi đi dự lễ mừng đầy năm của đứa con trai đầu lòng của Kháng, người bạn thân của anh ở Bàn Cờ. Khi chúng tôi đến nhà Kháng, đã có khá đông bè bạn của anh cũng đã ở đó rồi, phần lớn là những người mà tôi đã có nhiều dịp gặp gỡ ở những lần ăn nhậu trước đây. Trong đó có Diễm, trung úy pháo binh nhảy dù, người bạn rất thân của anh từ thời còn là học sinh trung học.

Bữa tiệc ăn uống trong không khí hết sức vui vẻ với những câu chuyện vui nhộn của mọi người từ những kỷ niệm thời ấu thơ đến những mối tình lãng nhãng, vội vã, thoáng qua với một vài nhan sắc, trên bước đường phiêu bạt của người chiến binh... Trong cái không khí cởi mở, vui tươi đó, tôi đã bàng hoàng, giận dữ với Vũ và Diễm cũng như vài người bạn khác của anh khi nghe họ kể một câu chuyện vừa xảy ra vào buổi tối hôm trước.

&

Vào khoảng 4 giờ chiều, Vũ đang ở nơi đóng quân tại trường tiểu học Đa Kao, Tân Định, Diễm, Hưng và Phượng cũng là sĩ quan trong sư đoàn Dù cùng với vài người khác, cả nhóm đến mời Vũ đi ăn cơm tối. Vũ rất ngạc nhiên vì gần như chưa bao giờ Diễm và nhóm bạn nhảy dù của anh có tiền để mời anh, dù chỉ một ly cà phê! Với họ, chữ nghèo rỗng túi được coi là triền miên! Bất cứ một cuộc đi chơi, ăn uống nào với nhóm bè bạn này, việc trả tiền cho họ được coi như đương nhiên là công việc của Vũ. Tuy nhiên, Vũ rất thương mến, gần gũi Diễm và bè bạn vì họ đối với anh rất tận tình, thân thiết từ khi còn đi học với nhau ở trường trung học. Vũ cười, thật thà nói với cả nhóm:

- Thành thật hôm nay tao gần sạch túi rồi. Nếu dẫn chúng mày đi ăn uống sơ sài thì được, chứ ăn uống phủ phê ở nhà hàng thì không được rồi Diễm ạ.

Cả bọn nhìn Vũ cười vui, Diễm nói:

- Chúng tao có bảo mày trả tiền đâu mà mày lo! Hôm nay tao vừa bán được vài thùng vỏ đạn đại bác, đồ phế thải quân đội kiếm được vài ngàn, tao phải nhịn lắm mới giữ được để mời mày đi ăn nhậu một lần, trả nợ những món tiền mày cho tao lúc túng thiếu và cho những bữa nhậu mà mày đã chi trong suốt hơn mười năm qua, tao còn nhớ tất cả.

Vũ giương mắt tỏ vẻ không tin. Như đoán được ý nghĩ của Vũ, Diễm thò tay vào túi móc ra một xấp bạc rồi cười nói với anh:

- Tao biết mày không tin, bởi vì con người của tao, mày đã biết quá rõ rồi, có bao giờ biết ý nghĩa của hai chữ "có tiền" đâu! Còn làm thương mại, affair... với cái bản tánh không biết cười xã giao, nịnh bợ, không miệng loa mép giải thì làm sao có tài năng để chạy affair, kiếm tiền để đãi mày Vũ nhỉ? Có lẽ cái affair tốt nhất của tao là đi ăn cướp nhưng tao chưa bao giờ xử dụng đến nó! Nhưng hôm nay hoàn toàn khác Vũ à, tao mới có một thằng "tà lọt" nó hướng dẫn cho tao cách buôn bán. Không cần nói, không cần cười và cũng chẳng cần đưa giá cả! Chỉ gặt đầu là nó sẽ mang tiền về cho tao! Đơn giản quá với những đồng tiền bán đồ phế thải!

Vũ chưa kịp trả lời, Diễm cười nói tiếp:

- Hôm nay mày phải say khướt với chúng tao, không có chuyện uống sơ sơ " phá môi " như những lần trước nữa. Mày cũng như chúng tao đang trực diện với chiến tranh, sống kề bên với hai chữ sống và chết của đời lính chiến, theo tao mày chẳng nên quá gò bó, giới hạn như nhiều năm qua trong đời sống dân sự nữa.

Trong ngạc nhiên, cảm động với sự nhiệt tình của người bạn tâm giao, người bạn cùng học với nhau từ trường trung học Chu Văn An ngày xưa, mười năm về trước. Con người của Diễm hình như chưa bao giờ biết đến hai chữ mách lới, làm ăn, Diễm chơi với bạn cả tấm lòng thành thật, thẳng thắn và tận tình giúp đỡ dù có phải thiệt thòi. Mặc dù cảm động với những lời nói của Diễm, nhưng Vũ vẫn không quên được lúc tập họp điêm danh, phân chia công tác và nhận mật khẩu vào lúc 7 giờ 30 tối. Anh nói với Diễm và bè bạn:

- Dĩ nhiên tao sẽ đi với chúng mày, nhưng còn việc nhậu say quá lố, quên giờ điêm danh thì không thể được rồi! Hãy cho tao khát đến một lần khác, khi mà tao hoàn tất khoá học tại Thủ Đức đã. Hiện nay tao không thể xả láng, ba gai như chúng mày được. Tao vẫn còn ngán những đêm phạt dã chiến, xiêu lên, xiêu xuống lắm!

Diễm ngắt lời Vũ:

- Mày còn nhớ thằng Dũng, thằng Hà và vài thằng khác cùng học Chu Văn An chứ? Chúng nó đã vĩnh viễn ra đi, trả nợ cho đời của những thằng con trai buổi tao loạn. Bây giờ mày có muốn ngả nghiêng với chúng nó cũng không được nữa Vũ ạ. Với tao, ngày hôm nay có được một món tiền đầu tiên trong đời, kiếm được ngoài cái lương quân đội của mình, tao đã phải cố gắng không tiêu để trả nợ tình thân của mày đã dành cho tao quá nhiều trong quá khứ. Ai nói trước được những gì sẽ xảy ra cho tao, cho thằng Hưng, thằng Phụng và cả mày nữa? Chúng mình đang đùa dỡn với mạng sống trong một cuộc chiến tranh chưa có dấu hiệu chung cuộc!

Nghe Diễm nhắc đến Dũng, đến Hà, ký ức của Vũ chợt trở lại với 2 người bạn rất thân với anh ngày xưa, vài năm trước đây đã hy sinh trong cuộc chiến. Rồi với sự nhiệt lòng của Diễm và bè bạn, kèm với cảm giác xót xa của ký ức về những kỷ niệm, những mất mát, lỡ làng của những người bạn xa xưa đã ra đi. Vũ nhìn đồng hồ, vẫn còn quá sớm trước giờ tập họp, anh thu xếp sơ sài, rồi cùng với nhóm bạn đến một quán nhậu ở đường Hiền Vương, không xa lắm nơi đóng quân.

Cuộc nhậu được kéo dài trong không khí vui vẻ. Diễm cũng như mọi người đều săn sóc, mời rượu Vũ một cách đặc biệt. Đến một lúc, khi bầu trời đã nhá nhem tối, mặc dầu uống khá nhiều rượu hơn mọi lần nhưng Vũ cũng không quên được giờ tập họp vào lúc 7 giờ 30! Anh nhìn đồng hồ tay của mình, mới hơn 5 giờ, nghi ngờ sự chính xác của chiếc đồng hồ, Vũ hỏi Diễm, Hưng và vài người khác cũng như không quên nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường của tiệm ăn... Tất cả đều đúng như đồng hồ của mình! Thấy Vũ bồn chồn nhìn đồng hồ, Diễm cười nói với anh:

- Còn sớm chán Vũ ạ, mày cứ nhìn đồng hồ, lo lắng làm cuộc ăn mất vui đi, chờ đến 7 giờ mày đi đến chỗ tập họp vẫn còn đủ thời gian mà!

Yên tâm, Vũ tiếp tục ăn nhậu với bè bạn! Nhưng anh không thể ngờ được, Diễm và nhóm bạn đã kín đáo vặn đồng hồ của anh, của mọi người khác, cả chiếc đồng hồ treo tường của tiệm ăn chậm lại hơn 2 giờ đồng hồ!

Đúng 7 giờ, Vũ cảm thấy khá say nhưng anh vẫn còn đủ ý thức nói với bè bạn vài câu từ gĩa để kịp trở về nơi tập họp. Diễm và cả bọn nhìn Vũ ra khỏi tiệm ăn với những bước chân lâng lâng, xiêu vẹo, họ cười khoái trá, thoả mãn vì đã lừa dối được một người bạn từng tự hào có nếp sống rất khuôn thước, điều độ. Diễm còn nói với theo một câu:

- Cứ thủng thẳng mà đi mới có 7 giờ mà! Nhớ cho chúng tao gửi lời hỏi thăm đến trung úy đại đội trưởng của mày nhé!

Tiếp theo lời nói của Điềm là một tràng cười vui vẻ, nhiều ẩn ý của bè bạn, nhưng cũng chẳng gây cho Vũ sự nghi ngờ nào về cái trò chơi quái ác, tìm cảm giác của lũ bạn. Vũ ra khỏi tiệm ăn, vẫn đủ tri giác đi dọc trên lề con đường Hiền Vương, hướng về nơi đóng quân của mình. Khi đến một khúc quanh đã khá xa nơi ăn nhậu, anh chợt nghe thấy tiếng gọi tên mình rồi một khóa sinh sĩ quan Thủ Đức cười chiếc Honda rà rà đậu lại trước mặt Vũ:

- Vũ, mày điên hả? Tại sao mày không về tập hợp điếm danh, nhận công tác? Đã 9 giờ rồi, hôm nay lại vừa có ban thanh tra do chính đại tá chỉ huy phó quân trưởng đến chỗ đóng quân kiểm soát! Chỉ có một mình mày vắng mặt mà thôi, theo tao biết thì rất phiền phức cho mày rồi đó!

Vũ nhìn lên, anh nhận ra Giang, người cùng trung đội với anh đang đóng vai trò liên lạc viên trên đường công tác, chuyên đạt công văn đi các đại đội khác trong thành phố. Nghe Giang nói, Vũ đã đoán ra cái trò chơi quái ác của Điềm và lũ bạn!

Cảm giác lâng lâng của rượu, ngon ngọt của các món nhậu được biến mất tức thì và thay thế bằng lo sợ, hồi hận vì sự dễ tin bè bạn của mình. Thật vậy, với vài đêm phạt đã chiến mặc dầu làm anh khô sở thân xác cũng chẳng phải là điều anh sợ hãi lắm! Nhưng anh biết chắc chắn, vấn đề biệt phái của mình chỉ được cứu xét nếu anh tốt nghiệp vào cuối khóa mà thôi (dù chỉ tốt nghiệp với điếm số hạng bét!). Không tốt nghiệp thì sự biệt phái được coi là vô vọng! Anh cũng biết lỗi lầm này của anh không còn ở trong phạm vi đại đội nữa, đã được đưa vào phạm vi của cả quân trường. Ngay cả trung úy đại đội trưởng cũng bị khiển trách vì có sự kiểm soát của vị chỉ huy phó quân trưởng. Các vị chỉ huy sẽ chẳng ngại ngần loại trừ anh như là một hình phạt làm gương cho toàn thể khóa sinh!

Nhìn sự lo sợ trên nét mặt của Vũ, với lòng ái ngại Giang nói:

- Theo tao mày không nên về đại đội lúc này. Với hơi men nặng nề trong hơi thở của mày chẳng giải quyết được gì, chỉ gây ra rắc rối nhiều hơn mà thôi. Tao đề nghị mày nên tìm một nơi để giải rượu rồi tìm một giải pháp tốt đẹp, hợp lý cho sự vắng mặt của mày vừa qua có lẽ nó tốt hơn.

Nói xong Giang từ ghế rời rờ xe chạy đi, nhưng chạy được một quãng khá xa, trong lúc Vũ còn đang ngẩn ngơ tự trách sự đại khờ của mình và sự đùa nghịch vô ý thức của bè bạn, Giang vòng xe trở lại, nói với Vũ:

- Tao vừa tìm ra được một lý do tốt cho mày: Ông bác ruột tao đang là bác sĩ phó giám đốc bệnh viện Thanh Quan. Mày đi với tao đến một quán cà phê. Tao sẽ điện thoại cho bác tao nhờ ông cấp cho mày một tờ giấy chứng nhận mày thành lính bị một bệnh gì đó, có lẽ nó cũng giúp cho mày giải quyết được khá nhiều rắc rối.

Nghe Giang nói, Vũ như người sắp chết đuối vớ được phao, anh cảm ơn Giang rồi rít!

Nhờ sự giúp đỡ của Giang và nhất là sự thông cảm hoàn cảnh của Vũ, người bác của Giang đã lấy xe chở anh thẳng đến bệnh viện, rồi ông điện thoại trực tiếp đến vị tiểu đoàn trưởng của Vũ, báo tin anh bị áp suất máu xuống thành lính, ngất xỉu trên đường đi và đã được chở vào bệnh viện của ông điều trị lúc 6 giờ chiều ... Tất cả những lý do, thời gian hợp lý của người phó giám đốc một bệnh viện quốc gia đã hoá giải mọi khó khăn của Vũ một cách hết sức trôi chảy.

&

Ngồi nghe Vũ và bè bạn anh kể chuyện với sự bàng hoàng, tức giận, tôi nhìn Vũ, nhìn Điềm, nhìn Hưng và những người bạn của anh với ánh mắt đầy bức bối. Tôi không thể ngờ được anh có thể liên lạc với những người mà anh thường nói với tôi, họ là những người bạn rất thân, nỗi khổ của anh, nhưng với việc vừa qua, dưới mắt tôi, họ chỉ là lũ người đốn mạt, lừa dối, hãm hại bè bạn mà thôi.

Tôi cầu nài nói với Vũ nhiều câu khá nặng, tôi trách anh đại khờ, thiếu suy nghĩ, tin tưởng và đặt tương lai của đời mình vào những con người vô giáo dục, mất tư cách mà anh đã lầm tưởng họ là những con người tốt! Tôi vẽ ra cho anh thấy bóng tối, bi đát của đời anh nếu không may mắn gặp

được sự giúp đỡ quá tốt của Giang và sự thông cảm của vị bác sĩ phó bệnh viện Thanh Quan. Nếu anh bị đuổi khỏi khóa học vì kỷ luật, việc biệt phái cũng như tương lai của anh được coi là ảo vọng!

Vũ cũng như vài người bạn khác, mọi người nói nhỏ nhẹ, phân trần sự vô ý, thiếu suy xét trong sự đùa nghịch của Diễm và bè bạn, với hy vọng làm giảm được sự giận giữ của tôi! Nhưng dù họ cố gắng thế nào cũng không kìm chế được những lời phiến trách, càu nhàu của tôi.

Quay sang Diễm, Hưng và Phượng, tôi nói với họ toàn những câu rất nặng nề. Tôi kết án họ cố ý hủy hoại tương lai của Vũ, hành động của họ không xứng đáng với cấp bậc trung úy, thiếu úy mà họ đang đeo trên cổ áo. Hành động của họ là vô ý thức hay là thái độ của con người vô giáo dục, không ai có thể xét đoán được! Tình bạn thân thiết giữa họ và Vũ đã bị làm nhem nhuốc bằng sự lừa đảo, phản bội!

Với những lời lẽ quá nặng nề đó, Diễm, Hưng và Phượng chỉ im lặng. Họ mỉm cười rất nhẹ trong cay đắng nhìn Vũ với ánh mắt rất buồn đau như muốn nói với anh vì tình bạn, họ đã phải im lặng nhận chịu những lời sỉ nhục của tôi! Vũ nhìn tôi như năn nỉ, như cố chịu đựng sự đau khổ thay cho bè bạn, với những lời nói hết sức nhẹ nhàng, mong sự thông cảm nơi tôi để không làm sứt mẻ tình bạn của anh.

Một lúc sau, hình như Vũ cảm thấy những lời năn nỉ của mình vẫn không ngăn cản được sự bực bội đang trào dâng nơi tôi, anh nhìn tôi, cái nhìn rất sắc, buốt lạnh mà tôi chưa bao giờ thấy trong mắt anh từ ngày quen và yêu anh. Với giọng nhát gừng, từng tiếng một, anh nói với tôi:

- Hạnh! Có lẽ em đã đi quá xa vị trí của em rồi đó! Hãy thu xếp, anh chờ em về. Sự liên lạc của chúng ta từ nay được chấm dứt em ạ! Anh cũng phải về nơi đóng quân, chẳng còn ai vui vẻ ngồi đây ăn uống, nghe những lời nhục mạ, đay nghiến quá đáng của em nữa!

Đúng như thế, không khí bữa tiệc đã bị đổi khác, mọi người chẳng nói gì ngoài sự im lặng nhìn sự giận dữ của tôi! Tôi đứng dậy không một lời chào từ biệt và cũng chẳng nhìn ai rồi tôi theo Vũ ra khỏi căn nhà của Kháng. Cùng lúc đó, vài người khác cũng đứng dậy cảm ơn từ giã vợ chồng Kháng ra về. Tôi biết rằng bữa tiệc đã được chấm dứt bằng sự buồn bã của mọi người và bằng cả giận hờn, bực bội của tôi!

Đi theo Vũ ra chỗ đậu xe, hai chúng tôi không nói với nhau một lời. Viễn tượng xa nhau, vỡ đổ hình như đang ẩn hiện, bao quanh tôi và có lẽ cả Vũ nữa. Thỉnh thoảng, tôi kín đáo nhìn anh, người mà tôi yêu quý, người đã đến với tôi bằng tất cả những nhẹ nhàng, thân ái, ngọt bùi của mỗi tình đầu trong đời tôi, đã cùng tôi xây đắp biết bao nhiêu những kỷ niệm, giấc mơ đẹp đẽ của hơn một năm vừa qua. Trong sự đe dọa của cái bóng mờ đỏ vỡ đó, tôi chợt nghe thấy một âm vang xót đau đang cắt xé tâm hồn tôi bằng những ân hận vì sự nóng giận quá lộ của mình!

Vũ ơi, anh có biết em đang sợ hãi sự im lặng nặng nề của anh không? Tại sao lúc này chỉ có hai chúng ta, anh không phá vỡ im lặng bằng những lời nói vuốt ve, nhẹ nhàng? Tại sao anh không nắm lấy tay em, chỉ nhìn em với ánh mắt ấm cúng, nặng tình và nụ cười an ủi? Em sẽ quên tất cả những sự bực bội, em cũng sẽ chẳng ngại ngần nói với anh những câu xin lỗi, vì em biết em đã đi xa hơn vị trí một người tình! Tại sao anh mãi im lặng, lầm lỳ như thế Vũ? Anh vẫn không nhìn em, anh có nghe thấy âm thanh khô đau của em khi mắt anh không Vũ? Em biết rằng thái độ quá đáng của em đã đụng chạm quá mạnh vào tự ái của anh, nhưng biết làm sao khi em quá yêu anh? Vũ ơi, đừng im lặng như thế nữa! Chỉ vì em yêu anh, em lo sợ cho tương lai của anh và tình yêu của chúng mình, để rồi em đã nặng lời với anh, với những người bạn thân thương của anh!

Ngồi đằng sau Vũ trên chiếc xe Suzuki cũ kỹ trong cái im lặng ray rứt đó, tôi không biết Vũ đang nghĩ gì khi chỉ còn vài phút cuối cùng nữa chúng tôi xa nhau. Tình yêu của chúng tôi sẽ được xếp vào dĩ vãng của lần dở dang vì giận hờn này hay sao? Đơn giản đến thế sao?

Nhìn những con đường mà chiếc xe chúng tôi chạy qua, với những hàng cây cần cỗi, thân cây đen xạm vì bụi đường, khói xe. Nhìn những quán ăn xộc xệch, nơi đó vài lần tôi đã là cà với Vũ... Tất cả

mang cho tôi cảm giác buồn man mác và thâm thía nỗi xót đau của lần xa nhau đang gần đến. Những ngọn đèn giao thông hôm nay hình như màu xanh quá nhiều! Có lẽ chúng nó muốn chia rẽ chúng tôi nhanh hơn thì phải?

Tôi ao ước trời đổ mưa, một cơn mưa tầm tã để Sài Gòn ngập lụt, để anh phải ngừng lại không đi được nữa! Tôi mong chiếc xe Suzuki cũ kỹ của anh chết máy, hư dọc đường, không chạy được nữa! Tôi muốn được cùng anh thấm ướt trong cái lạnh lẽo dưới trời mưa, trận mưa lạnh cuối cùng trước khi tôi phải xa anh ... Dù tôi biết chắc chắn rằng, cái lạnh của gió mưa không thể hơn sự buốt giá trong tâm hồn tôi lúc này được!

Cho mãi đến lúc chiếc xe Suzuki của Vũ ngừng lại trước công cư xá, nơi gia đình ba mẹ tôi cư ngụ, lúc đó Vũ mới nhìn tôi một lần duy nhất, cái nhìn không có vẻ tức giận, nhưng nó lạnh lùng quá! Từ ánh mắt đó tôi nghe thấy âm vang rất nhẹ của sự quyết liệt chia ly! Anh nói với tôi:

- Em về nhé! Tình yêu nếu bỏ đi sự tự ái thì chẳng còn gì để nói nữa, Hạnh ạ.

Chỉ có thế! Ngẩn ngui, đơn giản và buồn bã như thế! Rồi Vũ quay đi, rồ máy chạy khuất sau khúc queo của con đường. Tôi đứng lại bên đường ngẩn ngơ nhìn theo vết bánh xe của anh còn vương lại dấu tích trên mặt đường nhựa! Lúc này tôi mới thật sự thâm thía cảm giác ăn năn, tiếc nuối to lớn đang phủ lấp hoàn toàn tâm hồn tôi. Nước mắt tôi trào ra chảy xuống đôi môi tôi, mùi vị mặn mặn của những giọt nước mắt, nhắc nhở tôi tưởng tượng đến một tương lai rất buồn khi đời tôi không bao giờ được gặp lại Vũ nữa!

Buổi chiều ngày chủ nhật hôm sau, tôi rời Saigon xuống Vĩnh Long để khởi đầu dạy niên khoá mới. Ngồi trên chiếc xe đồ chạt chội, với nỗi buồn khó tả, với cảm giác trống không. Tôi nhớ lại những kỷ niệm của những lần cùng ngồi với Vũ trên những chuyến xe đò miền Tây, những lần chúng tôi dừng lại ngã ba Trung Lương, tạt vào Mỹ Tho ăn hủ tiếu... Bây giờ chỉ còn là kỷ niệm của một lần lỡ dở hay sao? Đơn giản đến thế sao? Tôi tự hỏi đời sống của tôi sẽ ra sao nếu không có một đũa đũa để chúng tôi gần nhau, yêu nhau trở lại!

Trở lại Vĩnh Long, căn gác trọ xinh xắn, khang trang ngày nào bây giờ trở nên rộng lớn, lạnh lẽo với tôi. Tất cả những vật dụng trong căn phòng đều mang ít nhiều những dấu vết của Vũ, kỷ niệm của những lần anh đến thăm tôi, trước ngày anh chưa nhập ngũ. Chiếc ghế dài của bộ salon nơi phòng khách, anh thường ngồi nơi đó soạn bài giảng dạy, chiếc bàn nhỏ làm việc của tôi, gần cửa sổ, quanh năm với chiếc bình hoa xinh xắn, lúc nào cũng có những bông hoa cosmos màu trắng đục mà anh mang từ thửa vườn của đại học Cần Thơ dành riêng cho tôi.

Những buổi dạy học của tôi cũng mất đi khá nhiều thích thú, nặng nề, buồn chán hơn. Vài đứa học trò lớn tuổi khôn ngoan, chúng nhìn sự ẻo oải của tôi với ít nhiều ái ngại, chúng hỏi thăm sức khoẻ của tôi vì chúng nghĩ rằng tôi bị bệnh...

Hơn 3 tuần lễ kể từ ngày chúng tôi giận hờn nhau, xa nhau, tôi không về Sài Gòn một lần nào nữa, không biết tin tức gì của Vũ. Tôi cũng không biết anh còn về ứng chiến Sài Gòn hay còn gặp bạn bè anh sau lần giận dữ của tôi nữa không! Tôi không biết gì về anh cả, nhưng hình bóng và kỷ niệm của anh gần như không bao giờ biến mất trong trí nhớ của tôi, nó quanh quẩn ám ảnh đầy vò tôi trong lúc làm việc, khi rảnh rỗi và cả trong những giấc ngủ của tôi nữa.

Một buổi chiều thứ sáu, khi vừa bước ra khỏi cổng trường học, tôi lúi thúi đi bộ trên con đường quen thuộc hướng về căn gác trọ. Một chiếc xe "díp" chạy chậm chậm rồi dừng lại trước mặt tôi, Điềm nhìn tôi tươi cười rồi vội vã bước xuống xe, nói với tôi vài câu xã giao thông thường. Trong khi tôi im lặng nhìn Điềm với nhãn quang vẫn còn chứa nhiều bức bối, tôi không quên được, chính con người đó đã làm tôi và Vũ xa nhau! Chính con người đó đã một lần tôi khinh rẻ nhục mạ vì thiếu tư cách, tôi định im lặng bỏ đi. Điềm hình như nhìn rõ thái độ không vui của tôi, anh ta nhìn tôi với nét mặt ăn năn có đôi chút ngượng ngập rồi nói rất nhỏ nhẹ gần như câu khấn:

- Có lẽ em còn giận Vũ và anh lắm phải không? Anh đến gặp em, muốn nói với em một câu chuyện liên quan đến em và Vũ, đã làm anh ân hận khôn tâm suốt nhiều tuần qua.

Chúng tôi vào một quán cà phê ở góc đường, Diễm xin lỗi tôi về hành động vô ý thức, muốn tìm cảm giác của anh và lũ bạn vừa rồi, đã vô tình quên đi hoàn cảnh bấp bênh cũng như hậu quả khó lường đến với Vũ, người bạn thân nhất của anh. Diễm muốn tôi chấp nhận một đề nghị, lên Sài Gòn gặp lại Vũ, chấp nối lại sự liên lạc để Diễm khỏi bị mặc cảm là người đã gây ra sự đổ vỡ cuộc tình của Vũ và tôi. Diễm cũng cho biết, sau bữa tiệc không vui đó, tiểu đoàn của Vũ đã trở lại quân trường, nhưng ngày hôm qua Vũ lại vừa được hoán đổi trở lại Sài Gòn ứng chiến. Diễm cho biết, nhìn sự buồn bã, nét mặt hốc hác của Vũ, anh cũng đoán được Vũ rất buồn và không quên được sự đổ vỡ với tôi vừa qua.

Tôi im lặng suy nghĩ. Lời nói của Diễm rồi cho anh biết chiều ngày mai, tôi sẽ lên Saigon gặp lại Vũ vì buổi sáng tôi còn vướng vài giờ dạy học. Diễm tỏ ra rất vui mừng vì sự đồng ý của tôi, anh nói:

- Cảm ơn em rất nhiều Hạnh ạ, trưa mai anh sẽ đến đây chờ em về Saigon vì anh cũng có công tác ở trại Hoàng Hoa Thám vào chiều mai.

Gần trưa hôm sau Diễm đến chờ tôi cùng về Sài Gòn. Khoảng gần 2 giờ chiều, chúng tôi đã đến ngã ba Trung Lương, Diễm dừng xe vào một quán ăn bên đường, mời tôi ăn cơm trưa. Mỉm cười, Diễm nói với tôi:

- Anh mời em ăn cơm trưa nhưng trong bữa ăn, anh chỉ uống trà đá hay cà phê mà thôi. Đi với em, có lẽ anh muốn uống một chai bia cũng phải ngần ngại Hạnh à.

Tôi mỉm cười vì câu nói nửa đùa, nửa thật của Diễm, nhưng tôi cũng vừa cảm thấy một niềm vui nho nhỏ. Ít ra sự giận dữ của tôi vừa qua cũng có một tí kết quả dù rất bé để một người từng uống rượu không biết say như Diễm đã phải ép mình với ly trà đá nhạt nhẽo trong bữa ăn!

Chúng tôi ăn cơm vừa xong, khi đang uống trà, một người đàn ông trung niên cụt một chân, màu da tái mét, vài vết thương loang lổ trên thân thể chưa mất màu đỏ ửng, chứng tỏ các vết thương còn rất mới, xảy ra không lâu. Ông ta dắt theo hai đứa bé, thằng con trai khoảng 7 tuổi, đứa bé gái 4, 5 tuổi, cả hai đứa bé đều xanh xao, ốm yếu như có vẻ đói ăn! Người đàn ông cụt chân chống nạng khập khễnh đến trước bàn của chúng tôi, đưa bàn tay xanh xao, run run, yếu sức ra và nói với chúng tôi:

- Xin ông bà trung úy, bố thí cho cha con chúng tôi ít tiền để mua đồ ăn!

Tôi nhìn người ăn xin tàn tật và 2 đứa bé đói khổ với ánh mắt ái ngại. Tôi chưa kịp lấy tiền ra cho họ, Diễm đã móc trong túi ra tờ giấy 100 đồng, anh nhét vào tay người đàn ông rồi quay trở lại nói chuyện với tôi, không chú ý đến lời cảm ơn của người ăn xin. Tôi tưởng rằng mọi diễn tiến đã xong, nhưng khi người ăn xin vừa đi được vài bước, Diễm thành linh lên tiếng:

- Ê! Ông bị mìn hả?

Người ăn xin giật mình đứng lại, run rẩy trả lời Diễm:

- Dạ phải, tôi bị mìn ở Đức Hòa!

Rồi ông ta cho biết trước đây là binh sĩ thuộc sư đoàn 25 bộ binh. Khoảng 4 tháng trước, trong cuộc hành quân ở Đức Hoà, ông ta bị mìn mất một chân. Vài tuần trước, vợ của ông ta, ban đêm đi soi ếch bị rắn độc cắn chết để lại 2 đứa con! Với số tiền cấp dưỡng ít ỏi cho thương binh, không người thân thích, không ruộng vườn canh tác, đã đưa bố con ông ta vào con đường xin ăn kiếm sống qua ngày.

Tôi và Diễm nghe người ăn xin kể chuyện, nhìn hai đứa bé còm cõi, xanh xao, ngơ ngác bên người cha tàn phế, tật nguyên, tôi buông tiếng thở dài, ngán ngẩm cho tương lai và sự sống của ba bố con người phé binh bất hạnh! Đang lúc tôi còn ngán ngơ với sự cảm thương đang dâng trào trong lòng mình, Diễm vỗ nhẹ vào tay tôi, anh hỏi:

- Hạnh, em có đủ tiền trả cho anh bữa cơm này không?

Tôi gật đầu nhìn Diễm ngạc nhiên, không biết anh hỏi thế để làm gì! Diễm im lặng móc trong túi ra một xấp giấy bạc, anh nhét vào tay người phế binh ăn xin, rồi anh nói:

- Mười hai ngàn đồng, toàn vẹn số lương vừa lãnh chiều hôm qua đó! Cho ông để mua đồ ăn cho hai đứa bé, cấm không được lấy tiền đánh bạc, uống rượu nhe cha nội!

Người phế binh giương đôi mắt ngạc nhiên, ngơ ngàng nhìn Diễm và tôi. Ông ta không dám nắm lấy xấp giấy bạc trong tay Diễm. Hình như ông ta không tin đó là sự thật mà nghĩ rằng Diễm đang đùa dỡn với sự nghèo khổ, bất hạnh của ông ta.

Như hiểu ý của người ăn mày, Diễm nhún xấp bạc vào hảnh tay ông ta một lần nữa và nói:

- Cầm đi cha nội! Không đùa với ông đâu, nhưng nhớ mua đồ ăn cho hai đứa bé. Không cờ bạc và không nhậu nhẹt nhé!

Tôi sững sờ nhìn Diễm, người bạn thân của Vũ, người mà ba tuần lễ trước đây tôi đã dùng tất cả những ngôn từ xấu xa, khinh rẻ, thấp hèn nhất để mạt sát vì thái độ vô ý thức của anh. Tôi đã nói thẳng vào mặt anh, những hành động của anh, biểu lộ một con người vô giáo dục, lừa dối, cố ý hãm hại bè bạn! Tác phong của anh không xứng đáng với cái lon trung úy trên cổ áo của anh... Nhưng bây giờ với hành động tốt đẹp của anh đã làm cho tôi ngẩn ngơ!

Nhãn quang của tôi đảo khắp thân hình của Diễm, trong khi trí não cùng với cảm xúc của tôi hoạt động để cô tìm ra trong con người, mà một lần tôi đã khinh rẻ, mạt sát đó có mang dấu tích gì của thánh thiện, nhân từ không?

Đến lúc này tôi mới thấy được cái lý do mà Vũ đã khuyên răn, ngăn cản những lời xỉ mắng quá đáng của tôi, với người bạn thân của anh trong bữa tiệc vừa qua là một điều hợp lý! Tôi cảm thấy, tình bạn của Vũ có những điều mặn nồng, kín đáo kết tạo từ mười năm thân cận với nhau không thể là một sự dối trá, nhầm lẫn được!

Tôi cũng như Vũ, mang trong người cái thiên lương cao quý của nghề giáo dục. Đời sống vật chất của chúng tôi không đến nỗi túng thiếu, nếu không muốn nói là có chút dư dả, liệu chúng tôi có đủ can đảm hay lòng nhân từ để tặng một cách dễ dàng trọn vẹn tháng lương của mình cho một người nghèo khổ, đáng thương, không hề quen biết hay không? Tôi tự trách, tôi đã không có được cái nhìn sáng sủa như Vũ để thấy được nét thánh thiện, thương người ẩn sâu nơi con người của Diễm!

Trên khúc đường còn lại dẫn tôi và Diễm về Saigon, tôi ít nói chuyện với anh hơn. Tôi muốn để cho sự suy tư và cảm xúc của tôi được im lặng để kính phục người bạn của Vũ. Nhờ cuộc đồng hành này, tôi đã khám phá ra giá trị của một người có tâm hồn cao thượng, thương người, nhưng đôi khi họ lại có những hành động dễ làm cho người ta hiểu lầm! Tôi chợt nhớ đến một lời nói của Pautovski: "Trước khi xét đoán về tư cách của một người nào, bạn hãy nhắm mắt lại để tránh được những định kiến sai lầm về hình dáng, bề ngoài của họ, rồi hãy dùng trí khôn và kinh nghiệm của bạn để xét đoán những gì ẩn kín ở bên trong."

Khi gần đến Saigon, tôi hỏi Diễm:

- Anh cho hết tiền lương rồi làm sao anh sống?

Diễm nhìn tôi trả lời một cách hết sức bình thản:

- Có lẽ em chưa nghe Vũ nói về anh. Cả đời anh chưa bao giờ biết đến đúng nghĩa chữ "có tiền" chứ đừng nói đến chữ "giàu có" Hạnh à. Còn việc ăn uống để sống, thì quân đội sẽ nuôi anh bằng cơm xấy, cá hộp. Đối với anh chẳng có gì quan trọng cả. Em thấy không, anh vẫn sống, dù sống với cái túi rỗng không của đời người chiến binh.

Tôi nhìn thái độ bình thân của Diêm, ngại ngần tôi hỏi nhẹ anh:

- Nếu anh cảm thấy em không quá tò mò, anh có thể cho em biết về một vài người tình của anh được không?

Diêm cười to, láy mắt nhìn tôi với vẻ thích thú vì câu hỏi của tôi, anh nói:

- Em nhìn kỹ xem, anh có cái gì để bảo đảm cho một mối tình không? Nghèo túng triển miên, nay đây, mai đó! Ai? Người con gái nào có thể chịu được người như anh? Đời lính đưa anh vào lối sống vô định, nhưng chính bản thân anh mang đầy dấp dáp lang thang! Đã thế cái nghèo túng và tánh tình ầu tả như bạn cố tri, miên viễn của anh thì làm sao có một người phụ nữ nào đủ can đảm sống gần anh được?

Im lặng một chút như để suy tư về mình, rồi Diêm nói tiếp:

- Nhưng không có nghĩa anh lạnh lùng như gổ đá đâu em ạ. Anh cũng có những lúc rung động, hẹn hò, nhưng chỉ quen nhau rồi vội vã xa nhau! Đời người chiến binh lưu động như anh có được gần nhau dài lâu đâu mà nặng nghĩa ân tình?

Rồi Diêm nói thêm:

- Với Vũ, anh nghĩ rằng em đang may mắn đó. Vũ có tương lai tốt, có nhiều đức tính của một người tình, một người chồng và cả người cha nữa. Anh không muốn nói tốt quá nhiều cho người bạn mà anh thân ái nhất, nhưng khi em yêu thương, gần Vũ có lẽ em biết và hiểu nhiều hơn anh!

Vào Saigon, Diêm chở tôi đến chỗ đóng quân của Vũ. Anh bảo tôi ngồi đợi ngoài xe, rồi một mình vào tìm Vũ. Một lúc sau Diêm cùng ra với Vũ. Nhìn thấy Vũ, mắt tôi nhoà lệ, không biết vì mừng vui được nhìn lại anh sau 3 tuần lễ không gặp nhau hay vì tôi thấy thương Vũ khi thấy nét mặt của anh có phần hốc hác như Diêm đã nói với tôi.

Vũ rủ Diêm đi uống cà phê. Diêm cho biết anh chỉ đủ thời gian ngồi với chúng tôi một lúc mà thôi vì phải đến trại Hoàng Hoa Thám ngay buổi chiều trước giờ tan sở.

Trước khi chia tay ở quán cà phê, tôi nói sơ sài cho Vũ biết Diêm không còn một đồng nào trong túi. Tôi kín đáo đưa cho Vũ một ít tiền đề nhờ anh tặng cho Diêm. Vũ nhận tiền của tôi, anh cũng bỏ thêm vào vài ngàn nữa rồi đưa cả cho Diêm. Vũ nói:

-Hạnh vừa cho tao biết mày thương người cúng hết cả số lương vừa lãnh, nằng sợ mày không có tiền ăn cơm, uống rượu nên đưa cho tao một ít nhờ tặng mày. Tao cũng bỏ thêm vào vài ngàn, chẳng biết là bao nhiêu, nhưng nhờ mày chia đôi ra, một phần tặng mày còn phần khác đưa cho thằng Hưng hộ tao và Hạnh.

Diêm chẳng khách sáo, anh cầm lấy xấp tiền bỏ vào túi trước khi nói với Vũ:

-Mày và Hạnh tặng thì tao nhận, nói cảm ơn, tao thấy ngượng quá, vì đã được nói quá nhiều rồi! Còn chuyện đưa cho thằng Hưng, thành thật tao không bảo đảm Vũ ạ. Nếu gặp được nó và nếu còn, chưa tiêu hết thì đưa! Nếu không gặp hay đã hết thì đành chịu!

Thành thật, nếu trước đây vài giờ khi tôi chưa hiểu rõ Diêm, với câu trả lời đó chắc chắn sẽ mang đến cho tôi sự khinh rẻ nặng nề về tư cách của một sĩ quan như Diêm. Nhưng bây giờ tôi đã hiểu trong dáng điệu, ngôn ngữ khó cảm thông của Diêm, nó ẩn chứa một tấm lòng rộng rãi, bao dung của một người chân thật. Vũ cũng như tôi mỉm cười với cái lối quá tự nhiên của Diêm.

Trước khi rồ máy cho chiếc xe vọt đi, Diêm quay lại nhìn tôi mỉm cười anh nói:

- Có lẽ em vừa tìm thấy câu trả lời, tại sao anh không có một người tình rồi Hạnh nhỉ?

Tôi yên lặng nhìn chiếc xe của Diễm rời xa cho đến khi khuất bóng ở góc đường. Trong lòng tôi chợt nổi lên cảm giác thân cận, thương cảm người Sĩ quan cô đơn, tốt bụng đó. Có lẽ con người đó chẳng bao giờ biết đến chữ che dấu, giả dối bề ngoài. Tôi tự hỏi sự cô độc, tẻ nhạt bìa bãi của anh có phải là bản chất bẩm sinh, hay chỉ là những thói quen, tật xấu, mà nó là hậu quả từ sự mong manh, bất ổn của đời một người lính chiến trong hoàn cảnh chiến tranh của đất nước?

&

Tôi và Vũ lại gần bó nhau trở lại. Tôi lại bận rộn với những cuối tuần lên Saigon, Thủ Đức thăm Vũ. Lại hò hẹn, lang thang ngắm phố phường, thăm bè bạn, ngồi quán cóc bình dân ăn uống. Cho đến hơn một tháng sau, Vũ mãn khóa học. Vì chưa có sự trả lời của Bộ Quốc Phòng, Vũ được chuyển đến phục vụ cho đơn vị tiếp liệu của sư đoàn 25 Bộ Binh ở Long An. Nhưng chỉ được khoảng 2 tháng sau, Vũ sung sướng nhận được công điện biệt phái trở lại giảng dạy cho đại học Cần Thơ.

Cuộc tình của chúng tôi lại trở về với những diễn tiến của thời gian Vũ chưa nhập ngũ. Những ngày cuối tuần, những lúc rảnh rỗi, Vũ lại đến với tôi. Chiếc ghế dài của bộ salon ở phòng khách lại được quen thuộc với những lần anh đến thăm. Những xấp bài thi của sinh viên, tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy lại được Vũ mang đến căn gác trọ của tôi. Anh làm việc, tôi nấu nướng, vá khâu ... Tôi lại được ngồi bên anh, dựa đầu vào vai anh để cho cảm xúc của tôi hoà điệu với những bản nhạc êm ái mà tất cả những hợp âm đều diễn tả những âm vang hạnh phúc của mối tình đang thời hoan lạc nhất.

Một buổi chiều, khi tôi vừa từ trường học trở về căn gác trọ, Vũ thỉnh thoảng đến thăm tôi. Nhìn dáng điệu thảo nào, đôi mắt đỏ hoe buồn rầu của Vũ, tôi linh cảm thấy một điều gì đang gây xúc động nặng nề cho anh. Vũ bước vào căn gác, buồn bã nhìn tôi, nước mắt anh trào ra chảy xuống gò má. Vũ cho tôi biết vừa nhận được điện thoại của Hưng từ chiến trường gọi về báo tin chiều hôm qua, Diễm đã chết vì mìn bẫy ở Chương Thiện!

Nghe Vũ nói, tôi bàng hoàng đau xót. Tôi hình dung đến dáng người cao lớn, thái độ bất cần, cẩu thả của Diễm. Tôi nhớ lại hành động tốt lành, mã thượng của Diễm trong lần đi với tôi về Saigon mấy tháng trước. Tất cả bây giờ chỉ còn là kỷ niệm đầy thương xót. Con người đó đã vĩnh viễn xa rời bè bạn rồi. Kể từ đây, những bữa ăn nhậu, những lần la cà quán cóc lề đường, những lúc quây quần ở quán cà phê sẽ thiếu vắng âm thanh ồn ào, giọng nói, tiếng cười của một người có muôn ngàn khuyết điểm, nhưng lại ẩn chứa trong đáy sâu tâm hồn cái ngạo nghễ của tấm lòng thánh thiện!

Trong lúc tôi đang lịm người tưởng nhớ đến Diễm, Vũ gục đầu xuống chiếc ghế salon, anh mở chiếc cặp, lấy ra một tấm ảnh chụp anh và Diễm trong lần Vũ về ứng chiến Saigon. Diễm với chiếc lon trung úy trên cổ áo, miệng cười tươi vui, một cánh tay bá lên vai của Vũ, còn tay khác cầm một điều thuốc lá đang cháy dở dang, vài lọn khói thuốc trắng uồn ẻo như những giải tơ đang toả lên cao vì làn gió nhẹ. Vũ nhìn chăm chú vào chiếc ảnh, nước mắt anh dàn dụa, đôi vai anh hơi rùng động!

Tôi ngồi xuống bên Vũ, im lặng nhìn sự khổ đau của anh, tôi thương, tôi yêu Vũ, tôi cảm động với tình bạn thâm sâu của anh. Chính lúc này tôi mới biết được ngoài tình cốt nhục, tình yêu trai gái vợ chồng, người ta còn một mối tình nữa, đó là tình bạn tâm giao! Theo tôi, nó chỉ có được ở những con người sống trong túng thiếu và hiểm nguy mà thôi.

Ngoài khung cửa sổ, bầu trời đã xảm tối. Những bóng đèn đường đã thấp sáng, thỉnh thoảng vài cơn gió nhẹ làm rung động những lá cây cao su bên đường. Những tia sáng xuyên qua kẽ lá rung rinh làm người ta có cảm tưởng như những vì sao lấp lánh trên bầu trời tối đen trong một đêm thiếu ánh trăng! Trời lúc đó lấm tấm mưa rơi, tạt những giọt mưa bám vào tấm kính cửa sổ, lăn tăn chạy dài xuống phía dưới. Tôi chợt hình dung đến những giọt nước mắt buồn tẻ của những dang dở, tang thương, vĩnh biệt mà nó được đến từ một cuộc chiến tranh đã kéo dài quá lâu!

Trong sự im lặng buồn bã đó, ngẫu nhiên từ dưới căn gác trọ, giọng hát của cô bé, con gái con người chủ nhà vang lên:

" Anh không chết đâu anh, anh chỉ về với mẹ mong con. Trong tim cô sinh viên hay buồn, thường nhắc đến những chiến công, chuyện nước mắt, ướm sân trường đại học, chuyện riêng anh, riêng anh. ... Anh không chết đâu anh, anh chỉ vừa bỏ cuộc đêm qua! Đâu cánh dù ôm gió lộng, đây cánh dù ôm kín đời anh! Ôi tiếng súng sau cùng đó, anh còn nghe tầm đạn đi không anh? Anh không chết đâu anh, anh chỉ về với mẹ mong con !"

Bên ngoài trời vẫn mưa lất phất!

CVA Lưu An (Viết để tưởng nhớ các bạn bè đã ra đi)

Lá thư Paris

CVA Trương Bách

Bạn thân mến,

Tôi có được đọc meo bạn cách đây mấy ngày. Nhưng vì mới về Paris được 1 tuần, còn khá mệt nên giờ mới có can đảm:

Nhớ nhau "key--pads" thay lời,
Tơ tình bằng hữu ơn đời soi chung.

Thật vậy, sau 2 x 4, 5 giờ bay Charter giá hạ và đi 3000 km bằng xe car trong 5 ngày hè ở xứ Turquie, nóng có tiếng, tôi đã "thoát" cực điểm 41C ở Paris. Tưởng chừng như trái đất đang "nghiêng" về phía xích đạo hay trời xanh "lủng lỗ ", để những tia tử ngoại bắn phá xuống đất! Vì từ trên 1 thế kỷ đến nay mới có 1 vụ nóng kinh hoàng như vậy. Các lò điện nguyên tử, vốn sản xuất 45% điện xứ Pháp, đã không nguội như thường lệ, nên phải trút nước hạ nhiệt lò xuống sông để thay nước mới. Chưa kể với viễn tượng phải cúp điện từng vùng nữa ! Nhiều người không chuẩn bị, vì tưởng hè này có nóng lắm thì cũng lại 31-35C như mọi năm là cùng. Đến khi "nước đến chân" họ "nhảy" đi tìm mua quạt máy, máy lạnh,... thì đã quá trễ! Vì bất ngờ, các cửa hiệu đã bán hết nhẵn kho dự trữ; phải chờ tới tháng 5-2004 hàng mới được tiếp tế. Giữa tháng 8 đầu tôi đi, nghe nói có 3000 người nóng quá hóa chết . Phần vì thiếu giương, phần vì do luật lao động 35 giờ /tuần của đảng xã hội vừa mới áp dụng, nên ngoài dự tính, nhiều nhân viên y tế đã đi nghỉ hè! Tuần cuối tháng 8 tôi về, con số đã lên tới 11000 người; và còn một số chưa được thừa nhận. Thật ra con số này còn gia tăng vì còn nhiều người đang nằm điều trị, đa số đã già, không thể vẫn hồi sức khỏe. Con số chính thức tới hôm nay chưa rõ. Nhớ lại trong một chuyến viếng Trung Quốc, theo lời 1 người hướng dẫn, thì nhiệt độ nha khí tượng không bao giờ trên 35C, chính vì theo luật lao động xứ này, khi trên 35C thì công nhân đương nhiên được nghỉ!

Nhân giá du lịch hạ , tôi đã giữ chỗ đi Turquie cho hè. Vô tình, tôi đã được trốn nóng Paris. Và theo dấu vết lịch sử, khám phá phần Trung đông huyền bí này trước và sau Thiên Chúa (- hay + JC). Turquie (Thổ Nhĩ Kỳ) là địa đầu giữa Âu và Á Châu. Phần đất Turquie bên Âu Châu rất nhỏ, diện tích không đáng kể so với phần bên Á Châu. Thành phố Istanbul lan từ Âu qua Á. Hai phần này, phân cách bởi eo biển Bosphore, có cầu xa lộ bắc ngang. Eo này nối Hắc Hải vào biển Marmara; Marmara nối với biển Égée qua eo Dardanelles; Égée thì thông với địa Trung Hải đi tàu biển trên eo Bosphore, ta thấy phần Istanbul thuộc Âu Châu có nhiều xí nghiệp, ngân hàng,... Bờ phía Á Châu trông cũ kỹ. Istanbul có tên cũ là Constantinople, vốn từ tên Byzance sau được Constantin đổi thành. Vào cuối thế kỷ -4, khi xứ Turquie chưa hình thành, đất này đã có nhiều sắc dân du mục tới sống chung đưng. Constantin, đại đế La Mã, chinh phục nơi đây, lập nên Empire Romain d'Orient (đế quốc La-Mã Miền

đông), công nhận Thiên Chúa giáo khi 95% dân chúng theo đạo Hồi, chỉ có 5% theo Thiên Chúa và Do Thái. Nhờ chính sách cởi mở, chiêu nạp hiền tài không phân biệt sắc dân, thương nhân tới buôn bán dễ dàng, tạo nên một đô thị sầm uất. Ngay đến khi Empire Romain d'Occident (đế quốc La- Mã Miền Tây) sụp đổ (năm +476), Rome lu mờ đi; nhưng văn minh Constantinople rọi sáng cho tới thế kỷ +11. Sau đó, người Turc miền đông Á, người Bulgare, và các bộ lạc Balkans tới chiếm dần, lập thành các tiểu vương quốc. Năm +1453 người Ottoman chiếm "Constantinople" và đổi thành kinh đô Hồi "Istanbul". Đế quốc Ottoman trải qua nhiều phen thăng trầm và tan rã sau đại chiến. Tới năm 1923, Mustapha Kemal đánh đuổi người Arménie, Kurdes, Grecs,... lập xứ Turquie trong biên giới xác định được quốc tế công nhận, theo chính thể cộng hòa dân cử kiểu tây phương, bãi bỏ chế độ sultans Hồi phong kiến và...đa thế, cho tự do tín ngưỡng, và lấy thủ đô là Ankara. Istanbul nay vẫn là thương cảng quan trọng nhất xứ.

Người hướng dẫn nhấn mạnh xin đừng lẫn lộn giữa xứ Turquie ngày nay, trong biên giới rõ rệt, với đế quốc Ottoman thời các Sultans. Một đặc điểm nơi đây là ở chỗ nào cũng có các "mosquée", nhà thờ Hồi giáo. Mỗi nhà thờ hồi đều có 1 vòm bán cầu là chính điện, nơi làm lễ. Kèm theo có một chòi, hay hai chòi ở hai bên, hay nhiều chòi hơn nữa ở xung quanh. Đàng xa trông chòi cao lênh khênh như cái cột. Trước giờ đi lễ, người của mosquée leo lên đỉnh tháp dùng loa kêu gọi tín đồ thập phương đến. Ngày nay nhiều mosquées đã dùng máy phóng thanh, thay người leo cầu thang, nên tháp được gắn loa 4 phía. Tiếng gọi bao giờ cũng khởi đầu bằng câu: "A la Ấc ba" (Thượng đế vĩ đại). Tiếp theo ngâm nga mấy câu kinh hồi, Coran. Tiếng ngâm nghe não lòng người truyền đi rất xa như muốn lôi mình về cõi.. tâm linh khi bạn còn mơ màng trong giấc điệp, vì gà chưa gáy!

Du lịch bên Turquie, ta thấy hai bên đường có, hoặc đang xây, nhiều nhà cửa mới. Đặc điểm là nhiều nhà trang bị trên nóc 1 "bảng đen", và 1 "thùng rọu vang"? Không, đây là panneau solaire gắn với container nước. Hiện đại thay! Những panneaux này hứng năng lượng "miễn phí" của tia sáng mặt trời để biến thành điện đun nước, chạy quạt máy,..trong một xứ nắng có tới 360 ngày/năm. Nóng, nắng như ở miền nam VN. Năng lượng rất sạch này, không gây khí độc CO, CO2, không ô nhiễm như do than, củi, không ồn ào, lạch cạch tiếng cánh quạt quay hứng gió tạo điện ta nghe thấy khi xe đi qua vùng Livermore, Hoa Kỳ . Không cần nhà máy đồ sộ; mỗi cá nhân đều làm được năng lượng sạch và âm thầm. Và mặt trời chẳng của riêng ai mà phải "đám đá" như thời thượng, trung (và còn "hạ " ?) cổ. Chính vì panneaux solaires, tế bào quang điện, dùng tạo điện cho vệ tinh, nay đã được áp dụng và chế tạo hàng loạt bên Turquie. Không bị ai kiểm soát! Xứ Pháp tiết kiệm được 45% ngoại tệ bằng điện nguyên tử thay dầu. Xứ Turquie không có dầu hỏa nhưng người Turc có trí tuệ để tiết kiệm đô (la) mua dầu, với ánh sáng mặt trời. Phương pháp này, người người, nhà nhà mỗi cá nhân có thể áp dụng, đã góp phần cho họ tự giảm nghèo, bớt đói. Vì mỗi biên lai dầu nhập cảng tương ứng với một số giờ lao động? Và một xứ có anh hùng Atatürk (Mustapha Kemal), vĩ đại và quang vinh, tất nhiên không thể trông vào từ thiện bên ngoài, dù của Unesco, gia dĩ nhỏ nhoi.

Người hướng dẫn có tự phụ? - Họ đã từng chứng tỏ là người lính biên phòng của hiệp ước OTAN (NATO) trong thời chiến tranh lạnh. Nhưng nay họ còn độc lập với áp lực liên quân OTAN đánh Irak. Mặc dầu chỉ có một phần đất nhỏ nhoi bên Âu Châu, trong khi đa số bên Á Châu, họ nay còn chuẩn bị gia nhập EU năm 2012. Trước luận cứ Turquie là xứ Hồi giáo.., anh ta điều chỉnh ngay. Rằng 95% dân Turquie theo đạo Hồi, nhưng họ cũng áp dụng như các xứ Âu Mỹ "chính giáo phân ly" (laïque), cho tự do tín ngưỡng. Và nhấn mạnh không nên nhầm "musulman" với "islamique", vì từ ngữ sau đã bị gắn liền với khủng bố mà họ kết án. Gia dĩ vì chọn thể chế "chính giáo phân ly", Turquie phải luôn luôn cảnh giác bên cạnh các láng giềng hồi quá khích. Trong xe car có tiếng một cô gái thầm thì nói nhỏ "Midnight Express". Nghe thấy, anh ta thở dài: "Đây, quý vị thấy, trong khi Turquie giữ biên phòng OTAN thì "đồng minh" Mỹ bỏ hàng tỉ đồng làm những phim như vậy để quảng cáo cho Turquie". (Midnight Express, phim tả xã hội đen xứ này với cảnh trung cổ trong nhà tù "Thổ". Không biết sự thực ra sao, nhưng xem xong phim thì khán giả chắc không ai muốn viếng xứ này. Riêng tôi

cũng hơi "chột dạ " khi thấy nơi nhập cảnh người hải quan tay cầm hộ chiếu còn hỏi tôi tên gì; và tuy đã nghe trả lời còn hỏi đọc làm sao. Lấy vẻ ngơ ngác, tôi trả lời bằng câu hỏi lại:" Vậy chứ ông đọc tên người nhạc sĩ có tiếng trùng tên này ra sao?". Người viên chức cười xoa trả lại tôi hộ chiếu và quay lại nói lí nhí mấy câu tiếng Turc với người cộng sự rồi cả hai cùng phì cười. Tôi thấy vậy cũng cười to. Té ra cái "thủ tục đầu tiên" xứ này là... phải cười!). Ý nguyện anh ta là muốn Turquie gia nhập EU để có phương tiện cho xứ được phát triển như một thành viên, chứ không muốn bị lạc lõng trong khối Hội giáo cực đoan. Và luôn nhấn mạnh họ là người Turc, không phải Ả Rập.

Tất nhiên, cái "nôi" văn minh Âu - Á này đã là nơi phát sinh những mẩu truyện bạn chắc cũng đã biết. Như truyện "Ngựa thành Troie" hay "Hélène thành Troie", hay "gót chân Achille": Pâris dụ được Hélène về Troie làm vợ khiến Achille mang binh tới đánh, giết anh Pâris là Hector. Pâris cố thủ, nhưng đứng trên thành bắn trúng gót chân Achille. Achille giả chết, sai rút quân ra biển. Trước khi rút, Achille sai quân làm ngựa gỗ để lại, trong bụng ngựa rỗng chứa lính. Quân trong thành tưởng ngựa gỗ là "của "trời cho" nên kéo về, khao thưởng ăn uống no say đến đêm, quân địch trong bụng ngựa gỗ, thừa không ai gác, mở cửa thành cho quân bên ngoài vào chiếm.

Áy chính vì Pâris "hữu dũng vô mưu" mới thua. Nhớ truyện Khổng Minh mở toang cửa thành lại còn lên địch lâu gây đàn mà giặc tưởng có phục binh sợ hãi bỏ chạy mới hay. Âu Á không giống nhau. Vì nếu là Khổng Minh ắt đã bắt hết quân trong ngựa gỗ rồi "tương kế, tựu kế" mai phục đại phá quân địch. Nguyên nhân chiến tranh thành Troie đã được coi như do nàng Hélène quá yêu kiều, như Kiều bị giam hãm trong "đền Đờng Tước". Nhưng xét lại, ta cũng nên nhìn địa thế thành này trên địa đồ. Nó nằm trên cửa khẩu eo Dardanelles, thông biển địa Trung và Égée với biển Marmara trước khi vào Hắc Hải. Do đó lấy được thành này là có thể kiểm soát và thu thuế tàu bè qua lại. Vị trí chiến lược, như kênh Suez. Như Hòn ngọc Viễn đông, và nay như eo Malacca - Singapour, cho tàu bè từ tây phương ngừng chân trước khi đi HongKong và Nhật Bản.

Tất nhiên, xứ này cũng có nhiều kỳ quan thế giới. Vì cảnh thiên nhiên hùng vĩ vùng Cappadoce, với những rùng "ông khói tiên". Đây là những vú đá vôi ngoạn mục trên đó ai đã đặt một tảng đá, như cái núp. Có thể giải thích bằng nước mưa và gió lượn quanh đá cứng, đào mòn đá mềm, dung nham núi lửa, qua bao thế kỷ, tạo thành những hình thù quái dị và đẹp mắt. Trong thời cầm và giết đạo Thiên chúa, các con chiên trốn người La Mã nên đục đá mềm này, tạo thành những thành phố ngầm bí mật có thể chứa trên 10000 người với cả chục tầng. Nhiều chỗ nay vẫn có người ở. Và Cappadoce nay còn những trạm nghỉ trên "đường tơ lụa" khi xưa, thời người ta đi buôn bán với Trung quốc bằng lạc đà.

Về kỳ công do tay người xây dựng còn lại, phải kể Éphèse với đền Artémis. Đây là một trong 7 kỳ quan thế giới. Những di tích ngàn xưa dựng lại cho thấy nhiều kiến trúc nguy nga kiểu Hy Lạp - La Mã như ta thấy ở Âu cho đến Phi Châu, với những tên kiến trúc sư kiêm toán học gia quen thuộc như Thalès. Người La-Mã đã có thời vinh quang. Nhưng sau vì động đất, hoặc phù sa bồi, sông bị lấp đi, biển Égée lùi xa 10 km. Thương nhân không đi thuyền tới được nên người ta bỏ đi nơi khác dân. Nay chỉ thấy

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt,...

Nhưng tôi ngừng ở đây, vì không thấy "nước cau mặt". Chỉ thấy nước ngầm phun lên có vôi, rất nóng, 56C tại ngọn. Nước này chứa bùn. Thấy đờ nước trị được đau nhức, arthrites, psoriasis,..tóm lại bá bệnh! Đúng là "suối mơ ", đắp bùn và tắm vào rất sáng khoái!

Bạn thân mến,

Trên đây tôi đã kể lại cho bạn phần nào những điều mắt thấy, tai nghe bên Turquie. Tưởng đã đủ để bạn hiểu lý do tôi chưa trả lời Email bạn. Và đồng thời để bạn được du lịch chớp nhoáng xứ này...trên ghế!

Vài hàng thăm bạn và hẹn thư sau.

Thân mến,

Trương Bách

Kinh Nghiệm Luyện Tập

Đạt Ma Dịch Cân Kinh

Huỳnh Bửu Khương

Lời tòa soạn: Bài viết này đã được đăng trong Tin Thư Chu Văn An số 20, phát hành tháng 12 năm 2001. Tuy nhiên, thể theo lời yêu cầu của một số hội viên, chúng tôi cho đăng lại bài này vào trong Đặc San.

* * *

Gần đây tôi có đọc loạt bài Đạt Ma Dịch Cân Kinh của BS Lê Quốc Khánh trong nhật báo Người Việt ngày 17 và 18/11/2000 và thấy rất vui mừng khi biết tập Đạt Ma Dịch thấy rõ, người nào có bệnh thì Cân Kinh có thể chữa được nhiều bệnh nan y trong đó có cả bệnh ung thư. Do đó, tôi muốn góp thêm ý kiến bằng cách nói lên kinh nghiệm bản thân về việc tập Dịch Cân Kinh để giúp độc giả hiểu rõ hơn cách luyện tập và củng cố lòng tin vào phương pháp tập luyện này.

Vào năm 1974, chúng tôi được anh Nguyễn Kim Tri, Thiếu tá ở Võ Phòng Tổng Thống, cho chúng tôi phóng ảnh của quyển Đạt Ma Dịch Cân Kinh bằng chữ Tàu và khuyên chúng tôi nên tập luyện theo sách ấy, rất tốt cho sức khỏe, vì đây là cách luyện tập của Chùa Thiếu Lâm dành cho môn sinh luyện trước khi học võ. Sau đó, chúng tôi nhờ người dịch đại ý của quyển sách và tập luyện. Sau bốn tháng tập luyện, mọi người trong phòng tôi (Khôi Đặc Biệt, Trung Tâm Phối Hợp Thi Hành Hiệp Định Ba Lê, Phủ Tổng Thống) đều đạt kết quả tốt. Người nào không có bệnh thì đều lên cân, da dẻ hồng hào thấy rõ, người nào có bệnh thì bớt bệnh. Ông Long, thư ký đánh máy, bị huyết áp cao thì sau 4 tháng tập, huyết áp xuống bình thường, mặc dầu không có uống thuốc. Lúc ấy ngày nào tôi cũng tập 1200 cái đánh tay (Lúc mới khởi sự tập 200, về sau tăng dần).

Sau tháng 4/ 1975, suốt thời gian ở trong các trại cải tạo từ Miền Nam ra tới Miền Bắc, ngày nào tôi cũng tập Dịch Cân Kinh một lần, và vẫn giữ mức 1200 cái đánh tay. Nhờ vậy mà mặc dù ăn đói và rất ốm yếu tôi vẫn có thể chịu được và ít bị bệnh. Anh em nói vì tôi là "quan văn" trong ngành võ (luật sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, thiếu tá) nên không có sức chịu đựng bằng các anh em khác, phần đông

là tiểu đoàn trưởng tác chiến, quận trưởng hoặc hạm trưởng Hải quân, cấp chỉ huy Biệt kích Dù, An ninh quân đội, v.v...

Hồi mới ra Hoàng Liên Sơn ở huyện Văn Chấn, thuộc tỉnh Nghĩa Lộ cũ, vào tháng 7 năm 1976, mỗi lần đi lấy gạo, tôi cùng một anh nữa khiêng lối 20, 25 kí đi lô 7, 8 cây số đường rừng. Khi về gần tới trại có đèo 19 tháng 5 rất cao, thường tôi yêu cầu anh cùng khiêng với tôi phải ngồi nghỉ một chút rồi mới đi tiếp. Sau đó tôi nói với Thầy Thuần, một đại đức, thiếu tá tuyên úy Phật giáo, người ở cùng một lán và cùng tập Dịch Cân Kinh với tôi mỗi ngày về việc tôi qua không nổi đèo 19 tháng 5. Thầy nói: "Bác cứ tập lên 2000 cái cho tôi, bác sẽ qua nổi đèo ấy. Nghe lời Thầy Thuần, tôi tập lên đến 2200 cái đánh tay mỗi ngày. Và lối nửa tháng sau, khi đi lấy gạo, tôi được giao phải vác một mình 20 kí (vì họ cho là chúng tôi ra Bắc một thời gian rồi, phải vác nổi 20 kí đi xa), nặng gấp đôi lần trước, thế mà khi qua đèo 19 tháng 5 tôi qua luôn, không phải ngừng lại để nghỉ như trước. Tôi biết ngay là nhờ tập Dịch Cân Kinh theo lối Thầy Thuần chỉ nên mới đạt được kết quả ấy, chớ việc ăn uống thì chúng tôi vẫn bị đói dài dài (ở Miền Bắc trong ba năm đầu gia đình không được gởi thực phẩm cho chúng tôi). Hồi đó tôi tập nổi 2200 cái đánh tay cho mỗi lần là nhờ hằng ngày tôi phải leo núi, đòi, phải làm việc nặng nên chân mạnh hơn lúc ở Sài Gòn. Chân phải mạnh, rắn chắc thì tập mới lâu được vì suốt buổi tập mình phải đứng tẩn.

Tôi còn nhớ, có một hôm chúng tôi phải khiêng một khúc cây to. Anh bộ đội nói "Chỉ cần 10 người khiêng cây này, anh nào yếu cho khởi khiêng." Tôi đưa tay lên xin khởi khiêng, vì tôi biết là tôi yếu nhất trong anh em. Đồng thời có một anh nữa, anh Duyệt, cũng đưa tay. Anh bộ đội trở tôi và nói: "Anh không yếu bằng anh này" vừa chỉ anh Duyệt. Sau đó tôi nhìn lại thì thấy anh Duyệt mặt mày xanh xao mặc dù thực sự anh mạnh hơn tôi. Nhờ tập Dịch Cân Kinh mỗi ngày nên dù ăn đói nhưng da mặt tôi không xanh mét như một số anh khác.

Tập Dịch Cân Kinh giúp mình luôn luôn ngủ ngon và không bao giờ bị táo bón, máu huyết được lưu thông mạnh trong thời gian tập, nhờ đó da dẻ chúng ta luôn được hồng hào và bệnh tật tan biến đi. Sau đây tôi xin nói về cách tập thế nào cho đúng. Khi chúng tôi mới có cuốn Đạt Ma Dịch Cân Kinh, chúng tôi coi theo hình vẽ trong đó mà tập theo. Sau lối hai tuần tập luyện, chúng tôi thấy không có kết quả gì cả. Do đó chúng tôi phải nhờ người dịch cuốn sách ấy, và khi tập đúng cách rồi thì kết quả thấy rất rõ. Tôi xin diễn tả tư thế và việc phải làm của một người tập Dịch Cân Kinh":

1) Người tập Dịch Cân Kinh nên đi giày hay dép, không nên đi chân đất. Hai chân dang ra, khoảng cách giữa hai ngón chân cái bằng khoảng cách của hai vai. Hai bàn chân đứng song song với nhau. Mười ngón chân bám chặt xuống giày hay dép.

2) Gòong cứng (lên gân) bấp chuôi và bấp vé chân, hậu môn nhú lại và thót lên. Suốt buổi tập hai chân như trồng cây xuống đất, từ thắt lưng trở xuống luôn luôn cứng nhắc, không suy suyễn.

Tóm lại đó là thế đứng tẩn của người luyện võ. Nếu đã dang hai chân đứng tẩn, đã gòong (lên gân) hai chân thật chắc, bám mười ngón chân thật chặt xuống dép hoặc giày, nhú hậu môn lại và thót lên rồi thì ta thấy từ thắt lưng trở xuống chân thật là chắc nịch. Và trong suốt buổi tập ta phải luôn chú ý đến phần từ thắt lưng trở xuống và làm đúng như thế. Nếu ta không chú ý đến phần này thì công phu luyện tập sẽ mất gần hết, không mang lại kết quả mong muốn.

3) Đầu như dây treo (giống như có sợi dây treo mình lên vậy) để cổ được thẳng, mặt ngó về phía trước, nhìn một điểm cao hơn mình một tí để cổ không rùng xuống.

4) Ở miệng, hai môi chạm nhẹ vào nhau, không mím môi cũng không hở môi. Hai hàm răng chạm nhẹ vào nhau, (đầu chót lưỡi để trên nước răng trên (để luồng điện được lưu thông)

5) Ở mỗi bàn tay, các ngón luôn dính vào nhau (chớ không phải xòe ra, sách có vẽ hình rất rõ về điểm này). Khi đánh tay, lòng bàn tay hướng về phía sau (tức là mu bàn tay đưa ra phía trước). Động tác duy nhất là đánh hai tay từ phía trước ra phía sau. Khi đưa hai tay ra phía trước, hai cánh tay sẽ hợp với thân người thành một góc 30 độ khi đánh tay ra phía sau, một góc 60 độ. Tóm lại khi đánh tay ra phía sau, đánh hết tay. Khi đưa hai tay ra phía trước chỉ là một cái trón của việc đánh tay ra phía sau còn lại mà thôi, do đó chỉ có 30 độ. Mỗi lần đánh tay từ phía trước ra phía sau thì kể một cái đánh tay. Khi mới bắt đầu tập, nên khởi sự đánh tay 200 cái mỗi lần tập. Nếu muốn mau có kết quả thì tập mỗi ngày hai lần, sáng và chiều. Còn nếu có ý chí lớn hơn nữa thì tập ba lần mỗi ngày (sáng, trưa, chiều) càng tốt. Tập ở ngoài sân hay ở trong nhà đều được, miễn là ở nơi thoáng khí và yên tĩnh. Không nên tập sau khi ăn cơm no. Khi thấy mệt là nghỉ ngay, không nên tập quá sức, và khi còn có thể tập nữa mà không mệt thì nên tiếp tục tập cho đúng sức mình.

Khi mới tập, khởi sự bằng 200 cái đánh tay mỗi lần tập, về sau khi thấy còn có thể tập thêm thì tăng lên dần, thí dụ 250, 300, 350, v.v... Hồi tôi mới tập một thời gian ngắn sau là tôi lên đến 1200 cái đánh tay cho mỗi lần tập (trong 15 phút). Hồi đó còn trẻ nên tôi đánh rất nhanh, và mỗi ngày tôi chỉ tập một lần. Sau khi tập xong ta thấy khát nước (nên uống nước ngay), đó là tập vừa sức. Sau khi tập tôi thường đi chậm bằng cách giở chân lên cao, vừa co giãn hai cánh tay. Có người mới khởi sự đã tập trên 1000 cái thì mặt bị nổi mụn ngay. Nếu tập đúng cách tôi thấy không có bị phản ứng gì cả mà càng ngày ta càng thấy khỏe ra. Mình tập được nhiều hay ít là do mình có thể đứng tấn được bao lâu, chứ không phải ai muốn tập bao nhiêu lần cũng được. Còn nếu đánh tay để đếm số lần cho được nhiều mà không gồng (lên gân) hai chân cho thật cứng chắc và nhịu hậu môn lại, thót lên thì sẽ không đạt được kết quả mong muốn. Về tốc độ đánh tay thì sách nói đánh tay nhanh như người đi đánh đồng xa. Đánh tay càng nhanh thì máu quyết lưu thông càng mạnh trong thời gian ấy, và sẽ cuốn theo mọi bệnh tật. Sách nói muốn tập trị bệnh thì nên tập từ 2000 - 3000 cái mỗi ngày trong vòng lối 30 phút. Và sau đây là hai nguyên tắc quan trọng cần phải áp dụng trong lúc tập:

Thượng tam hạ thất: Nếu trong thời gian tập mình dùng 10 phần sức lực thì từ thất lưng trở xuống mình dùng đúng 7 phần và phải luôn luôn chú ý đến việc gồng cứng (lên gân) hai chân, nhịu hậu môn lại và thót lên. Từ thất lưng trở lên, mình dùng 3 phần sức lực. Đó gọi là thượng tam hạ thất, là thượng hư hạ thực, trên ba dưới bảy, hay trên hư dưới thực. Trong việc đánh tay cũng thế. Khi đưa tay ra phía sau dùng 7 phần sức lực, đưa ra trước thì chỉ dùng 3 phần. Trước ba sau bảy, hay trước hư sau thực, đánh tay ra phía sau mới là thực cần thiết, và phải đánh cho hết tay.

Tâm bình khí tịnh: Trong suốt thời gian tập ta không được suy nghĩ điều gì (điều này hơi khó) ngoại trừ việc nhằm đếm số lần đánh tay. Đó là tâm bình. Còn khí tịnh là trong thời gian tập ta thở bình thường, chứ không phải thở theo nhịp tay. Có một môn phái thở theo nhịp tay, nghe nói đó là phái Võ Đang. Nhưng phái Thiếu Lâm Tự thì không thở theo nhịp tay. Hồi tôi ở Hoàng Liên Sơn, tôi tập không thở theo nhịp tay, Thầy Thuần thở theo nhịp tay, cả hai chúng tôi đều đạt kết quả tốt.

Sau cùng tôi xin nói một vài kinh nghiệm trong khi tập: Nếu đánh tay nhanh mà ta thấy tê mừi đầu ngón tay thì đó là vì ta không nhịu hậu môn, và thót lên, hoặc là vì ta để hở mừi ngón tay (bàn tay nắm ngón phải để dính với nhau, không được hở. Điều này trong sách có vẽ hình rõ lắm). Nếu lúc tập mà ta thấy đầu hơi nặng là vì cổ ta không thẳng, đầu không như dây treo, luồng điện thay vì đi xuống lại đi ngược lên đầu.

Hồi ở Hoàng Liên Sơn, tôi nào tôi cũng ra sân tập và đeo bao tay vì trời lạnh. Khi đánh tay được lối 1500 cái trở lên là tôi thấy ấm người, khởi mang bao tay nữa, và mỗi cái đánh tay nghe như có hai luồng điện chạy xuống hai chân vậy. Bây giờ đã lớn tuổi, tôi chỉ tập nổi tối đa là trên dưới 800 cái đánh tay mỗi lần mà thôi. Thêm vào đó, ngày nào tôi cũng đi bộ ít nhất nửa giờ và tôi thấy rất tốt cho sức khỏe, rất tốt cho việc tập Dịch Cân Kinh. Trong tất cả các môn tôi đã tập (hồi ở VN tôi tập dưỡng

sinh trong vườn Tao Đàn), tôi nhận thấy môn Dịch Cân Kinh của Đạt Ma Tổ Sư là hữu hiệu hơn cả. Nhưng điều cần yếu là phải tin tưởng và kiên nhẫn tập đều đặn thì mới có kết quả.

Orange, 12/12/2000

Huỳnh Bửu Khương

* * *

* * *

TƯỜNG TRÌNH VỀ HỌP MẶT TÂN NIÊN

CVA Phạm Nguyên Khôi

Ngày 8 tháng 2, 2003, Hội CVA Bắc California đã tổ chức Họp Mặt Tân Niên Mừng Xuân Quý Mùi tại nhà hàng Thành Được, Milpitas, California.

Giáo sư hiện diện gồm có các GS Lê Văn Lâm, Nguyễn Xuân Vinh, Nguyễn Đức Hưng, Nguyễn Hữu Hưng, Cung Nhật Tân, và Thầy Giám Thị Trần Quang Lăng.

GS Nguyễn Đức Hiếu, nhà ở Sacramento, cách địa điểm tổ chức 2 1/2 giờ lái xe, muốn tới tham dự nhưng không có phương tiện nên đành vắng mặt. GS Lê Thành Việt mắc bận việc riêng, và GS Nguyễn Khắc Kham năm nay đã 95 mặc dầu tinh thần còn minh mẫn nhưng sức khoẻ cũng đã yếu kém nên cũng không tham dự được (GS Nguyễn Khắc Kham, tuổi thật sinh năm Mậu Thân 1908, tốt nghiệp Cử Nhân Văn Chương và Cử Nhân Luật bên Pháp, Cựu Giáo Sư trường Bưởi, Hà Nội)

Số quan khách tham dự chiếm hết 25 bàn trong tổng số 28 bàn của nhà hàng. Do đó, nhà hàng đã dành trọn nhà hàng cho CVA.

Năm nay, có sự tham dự của hầu hết các Hội trưởng tiền nhiệm như CVA Nguyễn Hoàng Hải, Lại Quốc Ân, Nguyễn Thanh Giản, Phạm Huy Thịnh, Vũ Mạnh Phát. Một số thành viên khác trong các Ban Chấp Hành tiền nhiệm cũng đã hiện diện như CVA Lê Duy San, Nguyễn Văn Hiền, Phạm Phúc Hưng, Nguyễn Huy Lăng, Bùi Công Thắng, Hoàng Duy Hiệu, Hoàng Ưông Lễ, v.v Cũng cần nói thêm về CVA Lê Duy San: Trước kia mặc dầu chỉ giữ chức vụ Tổng Thư Ký, tuy nhiên anh đã ôm đồm gánh vác công việc của cả Ban Chấp Hành. Anh là một trong những sáng lập viên của hội, đã sinh hoạt kỳ cựu với hội, đã hoạt động tích cực, giúp đỡ rất nhiều cho hội, và đã có mặt hầu hết trong các sinh hoạt của hội.

MC chính trong Họp Mặt Tân Niên kỳ này là anh Trần Trung Chính (CVA 1968), MC phụ là Diệu Hương, phu nhân Hội Trưởng. Ban Nhạc “Four Seasons” với trưởng ban nhạc là anh Nguyễn Văn Định phụ trách phần văn nghệ phụ diễn gồm 2 nhạc sĩ Keyboard, một người trumpete, một người saxophone, và 3 ca sĩ trong đó có Phương Anh là một ca sĩ có tiếng ở vùng Bay Area.

Họp Mặt Tân Niên bắt đầu đúng 7:00 PM. Sau phần chào Quốc kỳ Mỹ Việt và mặc niệm, Hội Trưởng Phạm Nguyên Khôi (CVA 1968) đã đọc diễn văn chào mừng quan khách và giới thiệu thành phần Ban

Chấp Hành mới, nhiệm kỳ 2002- 2004 gồm có:

Hội Phó: Đoàn Phan Trí (CVA 1968)

Tổng Thư Ký: Nguyễn Thanh Hà (CVA 1978)

Thủ Quỹ: Nguyễn Văn Hiến (CVA 1964)

Tiếp theo, MC Trần Trung Chính giới thiệu quý vị Giáo sư hiện diện và Thầy Lê Văn Lâm đã đọc diễn văn đáp từ. Sau đó chương trình văn nghệ phụ diễn bắt đầu lúc 7:15 PM. Ca sĩ Bích Ngọc đã mở đầu chương trình văn nghệ với 2 bài hát, thơ của CVA Đào Tiến Luyện, Phạm Duy phổ nhạc. Sau đó, CVA Tường Vi trình bày 2 nhạc phẩm, và tiếp theo thứ tự như sau: CVA Nguyễn Mạnh Hùng, CVA Nguyễn Văn Hiến, Nghệ Sĩ Thành Được, Ca sĩ Y Diệp, và Anh Cường trình tấu 2 bài Violin

Đến 9:15 PM là phần số số gồm có 10 phần quà, và sau đó là phần tặng quà cho quý vị Giáo Sư: Mỗi vị Giáo sư hiện diện đều được nhận 1 phần quà là 1 tấm hình 8x10 của chính Giáo sư và phu nhân lồng trong 1 khung hình thật đẹp (cám ơn CVA Nguyễn Thanh Hà đã chu đáo phụ trách phần chụp hình lưu niệm này).

Đúng 9:30 PM, chương trình dạ vũ bắt đầu. Chị Ngọc Lan, một thân hữu của CVA đã hát mở đầu chương trình dạ vũ, sau đó ca sĩ ban nhạc đã hát nhạc tour trong chương trình dạ vũ rất sôi động, và hào hứng. Rất nhiều người đã khen ban nhạc đã trình diễn rất hay và nhà nghề.

Đặc biệt năm nay, có sự tham dự rất đông CVA thuộc thế hệ trẻ, ra trường sau năm 75 như nhóm bạn hữu CVA 1978 của TTK Nguyễn Thanh Hà, nhóm CVA 1976 có các anh Quách Xuyên, Vương Quốc Tuấn, Phi Ngọc Anh, Ngô Quý Đạt, Hồ Trần Lâm, Nguyễn Tân Cường, v.v.

Khoảng chừng 1/3 quan khách lần đầu tiên tới tham dự với hội CVA hoặc trở lại sinh hoạt với hội sau một thời gian dài vắng bóng như các CVA Lê Khắc Chân, Phạm Hùng Thái, Hà Phương Đỉnh, Ngô Tiến Hưng, Nguyễn An Xuân, Nguyễn Vạn Bình, Nguyễn Anh Dũng, Dương Vũ, Triệu Trọng Khánh, Nguyễn Anh Dũng, Nguyễn Văn Mão, Dương Hiệp San, Nguyễn đình Phổ, Phạm Nguyên Hạnh, v.v. Khoảng 200 Đặc San CVA 2002 cũng đã được phân phối miễn phí trong dịp này.

Chương trình họp mặt Tân Niên đã chấm dứt lúc 11:00 PM cùng ngày.

CVA Phạm Nguyên Khôi tường trình.

** * **

PICNIC LIÊN TRƯỜNG

Đại hội picnic liên trường năm 2003 đã tiến hành ngày 24.8.2000 tại công viên Cunningham Park, tọa lạc trên góc đường White và Tully thuộc thành phố San Jose. Năm nay đại hội quy tụ cựu

học sinh của 14 trường gồm có Trung Vương, Võ Trường Toàn, Gia Long, Petrus Ký, Chu Văn An, Quốc Gia Nghĩa Tử, Phan Thanh Giản, Đoàn Thị Điểm, Hồ Ngọc Cẩn, Lê Văn Duyệt, Quốc Học, Đồng Khánh, Châu Văn Tiếp (Vũng Tàu), và Trần Quốc Tuấn (Quảng Ngãi). Hàng năm, Ban đại diện các hội cựu học sinh bốc thăm để chọn ra một trường làm trưởng ban tổ chức Picnic Liên Trường. Năm ngoái, trường Petrus Ký đã được trúng thăm làm trưởng ban tổ chức Picnic Liên Trường cho năm nay.

Tưởng cũng cần nhắc lại là trường Chu Văn An đã đầu tiên khởi xướng hô hào, và kêu gọi Picnic Liên Trường vào mùa hè năm 1999.

Năm thứ nhì 2000, trường Gia Long làm trưởng ban tổ chức.

Năm thứ ba 2001: Phan Thanh Giản – Đoàn Thị Điểm.

Năm thứ tư 2002: Quốc Học – Đồng Khánh.

Năm thứ năm 2003: Petrus Ky.

Năm thứ sáu 2004: Trung Vương.

Lúc khởi đầu, Picnic Liên trường được tổ chức tại Hellyer Park, chỉ có 6 trường tham dự. Sau đó, mỗi năm số trường tham dự càng nhiều và hiện nay lên tới 14 trường.

Theo lịch thì trời đã vào tiết thu, nhưng ngày đại hội năm nay diễn ra trong thời tiết sáng sủa mùa hè khiến ta nhớ lại giọng ca Thanh Tuyên “mỗi năm đến hè lòng man mác buồn”.

Đại hội khai mạc khoảng 10 giờ sáng, khi tiết trời ấm áp sáng sủa. Tất cả các trường quy tụ trong góc công viên nơi tiếp giáp với đường Cunningham, mỗi người lái xe vào cửa công viên phải mua vé bãi đậu xe giá 6 đô la một xe, nhiều anh chị em đậu xe phía ngoài đường Cunningham và đi bộ vào, tiết kiệm được tiền đậu xe.

Các trường được chia địa điểm trong bốn nhà rạp lớn làm sẵn trong góc công viên, mỗi trường mang theo banderole mang tên trường treo lên cột cao. Anh em hướng đạo dựng thêm một nhà rạp tiền chế giữa hai nhà rạp có sẵn, ngay trước mặt sân khấu.

Trường Chu Văn An được chia cho một góc nhà rạp, treo bảng tên trường. Đặc biệt năm nay, riêng trường Chu Văn An có một bàn bày bán nhiều sách của các đồng môn Kim Vũ, Vũ Ngọc Nhuận, Hoàng Chí Kiên, Vũ Đức Nghiêm, Trần Trị Chi, Nguyễn Thọ Chấn, và Lưu Văn Vịnh. Bàn sách được nhiều người chú ý và tạo cho đại hội picnic một nét văn hoá đặc sắc. Bàn sách cũng cho thấy tiềm lực văn hóa của Chu Văn An, không hồ danh là môn đồ tinh thần của bậc đại nho gồm đủ trí nhân dũng. Mỗi cuốn được định giá 10 đô la, tuy số tiền thu được không bao nhiêu vì là lần đầu tiên có bàn bày sách, nhưng hiệu quả tạo được sự chú ý của anh chị em các trường khác thật là đáng kể. Hy vọng rằng sáng kiến này sẽ gợi ý cho các bạn trường khác làm theo để đại hội picnic sẽ có kèm theo một “hội sách” tung bừng văn hiến.

Mở đầu chương trình picnic liên trường là phần chào quốc kỳ Việt Mỹ và một phú mặc niệm. Sau đó là phần văn nghệ phụ diễn và trò chơi cho con nít. Ban nhạc đã chơi say sưa mang đến sức sống hồn nhiên cho đại hội. Chị Phương Quỳnh là phu nhân của CVA Lưu Văn Phúc (CVA 1965) đã đại diện trường CVA lên sân khấu trình bày bản “Giấc Mơ Hồi Hương” của Nhạc Sĩ Vũ Thành. Khán giả đã sửng sốt vỗ tay nhiệt liệt khen ngợi vì chị hát hay quá, truyền cảm quá. Hai CVA cũng là nhạc sĩ Đặng Tường Ngữ và Nguyễn Đức Chung cũng đã đến gặp chị Phương Quỳnh để khen ngợi giọng hát của chị. Nhiều đồng môn đã đưa cả gia đình đến chung vui trong dịp này, và có nhiều bạn trẻ tuổi

con em của các cựu học sinh đã lên sân khấu trình diễn ca nhạc với tấm lòng hồn nhiên. Vui làm sao khi ngắm các em thanh niên thanh nữ tràn đầy sức sống hát bài hát Việt Nam. Các ca sĩ đều có giọng hát rất điêu luyện. Thật cảm động khi thấy các chị học sinh Trưng Vương, Gia Long hồi ba bốn mươi năm trước đã lên sân khấu, hôm nay hát tặng bạn bè, đồng bào, nhắc lại những kỷ niệm sâu thẳm. Có một đoàn sáu bảy cháu bé gái tám chín tuổi mặc trang phục hải đảo Hạ Uy Di múa điệu bản xứ.

Bữa cơm trưa ngon lành giá 8 đô la do nhà thầu Golden Harvest cung cấp với nhiều món ăn, tổ chức chu đáo. Người viết bài này đến lấy phần ăn vào phút cuối cùng mà vẫn còn đủ đồ ăn cho một bữa đầy đủ.

Gặp nhau là dịp hàn huyên nhắc lại bao kỷ niệm xưa, lúc ở trường, trong quân ngũ, trong trường sở những đau khổ khi mất nước, những năm tháng tù đày. Đến gần lúc ra về còn có một ông già đến làm đơn gia nhập hội Chu Văn An, ông nói: “Tôi đã già yếu rồi, vẫn cố vào hội với anh em để quá khứ không bị mai một. Tôi đã làm một tập thơ dài hơn năm trăm câu kể lại lịch sử nước Việt Nam từ năm 1945 đến nay để cho lớp trẻ sau này biết thế nào là nỗi cơ cực của dân tộc”.

Ba giờ chiều, mọi người đã ra về gần hết, ban nhạc vẫn tiếp tục chơi. Ban tổ chức cho mở lô xố số sau cùng, giải thưởng về tay trường Chu Văn An: thắng lợi giờ thứ 25 mở ra tia hy vọng: trong lịch sử chúng ta cũng sẽ thắng vào giờ thứ 25. Đến 3:15 chiều, anh em hướng đạo khởi sự tháo gỡ nhà rạp tiền chế xuống, tấm banderole cũng được cất đi, sách vở thu dọn lại. Điều cảm động là huynh trưởng Vũ Mạnh Phát đã tận tình hỗ trợ anh em trong ban đại diện tiến hành picnic cho đến phút cuối cùng mới ra về.

Nắng chiều vẫn gay gắt, mùa thu năm nay đến muộn. Những gia đình còn nán lại sau cùng lần lượt chia tay nhau. Những chiếc xe sau cùng đã nổ máy. Công viên vắng lặng im hơi, chim bay lác đác.

Mỗi năm một lần đại hội nuôi dưỡng quá khứ Việt, linh hồn Việt nơi đất khách để kéo dài tiềm lực, ý chí đấu tranh đòi dân chủ tự do và bồi đắp những tâm hồn hoa niên trong sáng nối tiếp truyền thống bốn ngàn năm.

CVA Đoàn Phan Trí – Phạm Nguyên Khôi tường trình.

Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC:

646 E. Santa Clara Street, San Jose, CA 95112

Trụ sở hội:

1573 Sawleaf Ct, San Jose, CA 95131

Email: cvaaccali@yahoo.com

Website: <http://www.fortunecity.com/victorian/durer/43/cva.htm>

Diễn Đàn CVA:

ttcva@yahoogroups.com

Chi phiếu yểm trợ xin đề:

Hội Ai Hữu Chu Văn An

Đặc San Chu Văn An 2004, phát hành ngày 7 tháng 2 năm 2004 nhân dịp Hội Chu Văn An Bắc California Hạp Mặt Tân Niên Mừng Xuân Giáp Thân tại nhà hàng Thành Được, Milpitas, California.

Tất cả những bài viết trong Đặc San này không nhất thiết phản ảnh đường lối và lập trường của Hội Ai Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California.

* * *

Diễn Đàn CVA

Hội CVA Bắc California có một diễn đàn thông tin là ttcva@yahoogroups.com Đây là một diễn đàn thông tin của Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California, mục đích chính dùng để thông tin các tin tức của Hội, và cũng để dành riêng cho mọi người có liên hệ đến Chu Văn An như quý vị Giáo sư, quý thầy giám thị, và các cựu học sinh Bưởi - Chu Văn An, không phân biệt tuổi tác, năm học để trao đổi các tin tức liên quan đến trường xưa, bạn cũ, các tin tức liên quan đến y tế, sức khỏe, đời sống, và các tin tức hữu ích khác nhằm thắt chặt tình thân ái giữa thầy trò và giữa các bạn đồng môn.

Vì những lý do kể trên, Hội CVA Bắc California trân trọng kính mời quý vị Giáo Sư và quý Đồng Môn ghi danh vào diễn đàn ttcva@yahoogroups.com Có 3 cách để ghi danh:

- 1) Cho chúng tôi biết email address.*
- 2) Vào Yahoogroups để ghi danh trên internet.*
- 3) Gửi blank email về: ttcva-subscribe@yahoogroups.com*

Khi đã gia nhập diễn đàn ttcva@yahoogroups.com rồi, nếu quý đồng môn không muốn nhận emails thì chỉ cần vào internet để setup "No Email". Trong trường hợp này, emails sẽ không vào hộp thư (inbox) của quý vị. Khi nào rảnh muốn đọc emails, quý đồng môn phải vào web để đọc. Quý đồng môn cũng có thể setup "digest", có nghĩa là nhiều emails sẽ được gửi chung vào một email tới hộp thư của quý vị.

* * *

Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California, nhiệm kỳ 2002 – 2004

Hội Trưởng

Phạm Nguyên Khôi

email: khoipham@comcast.net

Phó Hội Trưởng

Đoàn Phan Trí

email: *asl_ngvt@hotmail.com*

Tổng Thư Ký

Nguyễn Thanh Hà

email: *the_nguyen_family@yahoo.com*

Thủ Quỹ

Nguyễn Văn Hiến

email: *hien108@hotmail.com*

Ủy Viên Liên Lạc

Hồng Ưng Lễ – Nguyễn Huy Tiên

* * *

ĐẶC SAN CHU VĂN AN 2004 của Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California, Hoa Kỳ

Với các bài viết của:

Lưu An – Trương Bách – Việt Bằng - Nguyễn Gia Bình - Đỗ Bưởi – Nguyễn Thọ Chấn - Trần Trị Chi – Vĩ Chung - Nguyễn Đức Chung - Nguyễn Thượng Dực - Trương Đăng Đệ - Hoàng Cơ Định – Nguyễn Thanh Giản - Châu Giang - Lê Hoàng Giang - Đinh Bá Hoàn - Trần Khánh Hồng – Nguyễn Như Hùng - Đoàn Văn Khanh – Đặng Khắc Khánh - Phạm Quân Khanh – Phạm Nguyên Khôi – Huỳnh Bửu Khương - Bùi Đức Lạc - Phan Phi Liêu – Trần Anh Linh – Nguyễn Thạch Lục - Đặng Lương Mô – Chuẩn Nghị - Vũ Đức Nghiêm - Trần Ngọc - Nguyễn Đức Nguyên – Đặng Tường Ngữ – Cao Mỹ Nhân – Ý Nhi - Phạm Văn Nhuệ – Lê Văn Ninh - Đàm Trung Phán - Vũ Mạnh Phát - Nguyễn Đình Phương - Vũ Ngọc Ruần - Nguyễn Văn Tài – Lê Quốc Tấn - Hoàng Hà Thanh – Phan Chùng Thanh - Đinh Nhật Thịnh – Đặng Gia Thoại - Phạm Hữu Thuật – Mạc Trần - Đoàn Phan Trí – Cung Trầm Tường – Minh Viên - Nguyễn Xuân Vinh - Kim Vũ.

Trình bày & layout:

Phạm Nguyên Khôi

Hình bìa Tượng “Tiếc Thương” ở Nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa & Tượng đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ ở Westminster, California.

* * *

-
- [1] Từ Điển Điện Tử & Tin Học Anh-Việt (Phạm Văn Bảy), Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 1995.
- [2] Đại Từ Điển Tiếng Việt (Nguyễn Như Ý, chủ biên), Nhà Xuất Bản Văn Hóa-Thông Tin, trang 1434.
- [3] Sách đã dẫn ở Chú thích số 2, trang 1846, 1847.
- [4] Hán-Việt Từ Điển (Đào Duy Anh), Nhà Xuất Bản Trường Thi, trang 432.
- [5] Từ MOCKBA đọc là Mátxcova cũng nằm trong phạm trù này.
- [6] Sách đã dẫn ở Chú thích 7, trang 809.
- [7] Sách đã dẫn ở Chú thích 7, trang 133.
- [8] Sách đã dẫn ở Chú thích số 2, trang 1242
- [9] Sách đã dẫn ở Chú thích số 2, trang 1874.
- [10] Với những người quen tiếng Pháp hơn tiếng Anh-Mỹ, thì xin xem Petit Larousse Illustré (ed.1976), tr. 530: IMPORTER v.t. (de l'angl. *to import*). Introduire dans un pays des marchandises, de la main-d'oeuvre, etc., prenant de pays étrangers. Nghĩa là người Pháp đã mượn từ Anh ngữ *to import*. Họ đã nguyên xi như tiếng Anh-Mỹ, và chỉ thêm tiếp vĩ ngữ ER để biến từ gốc thành động từ, theo quy luật của tiếng Pháp; tr. 411: EXPORTER v.t. (lat. *exportare*). Transporter et vendre a l'étranger les produits du sol ou de l'industrie, ou bien des capitaux. Nghĩa là, từ này là do từ La-tinh *exportare*, y hệt như trường hợp tiếng Anh-Mỹ
- [11] Xem An English-Chinese Dictionary of Science and Technology 清華大學外語系《英漢科學技術詞彙》編， trang 1722.
- [12] Ví dụ, coi Martin, A.V.J. "Introduction à la Théorie du Tectron," Le Journal de Physique et Le Radium - Physique Appliquée, vol. 21, No. Supp.N.3, pp. 24A-36A, tháng 3, 1960.
- [13] Việc làm này tiếng Anh-Mỹ gọi là "coining."
- [14] Hoàng Xuân Hãn, "Danh từ Khoa học" (1943).
- [15] Tên nhà truyền giáo người Hi Lạp, 827-869, người sáng chế ra mẫu tự này.
- [16] Thái Lan cũng là nước không hề bị thuộc địa hóa nhưng cho tới thời điểm này (năm 2003), chưa ai dám cả quyết rằng Thái Lan đã làm xong sự nghiệp công nghiệp hóa như Nhật Bản 100 năm trước đây.

Read **94** times
